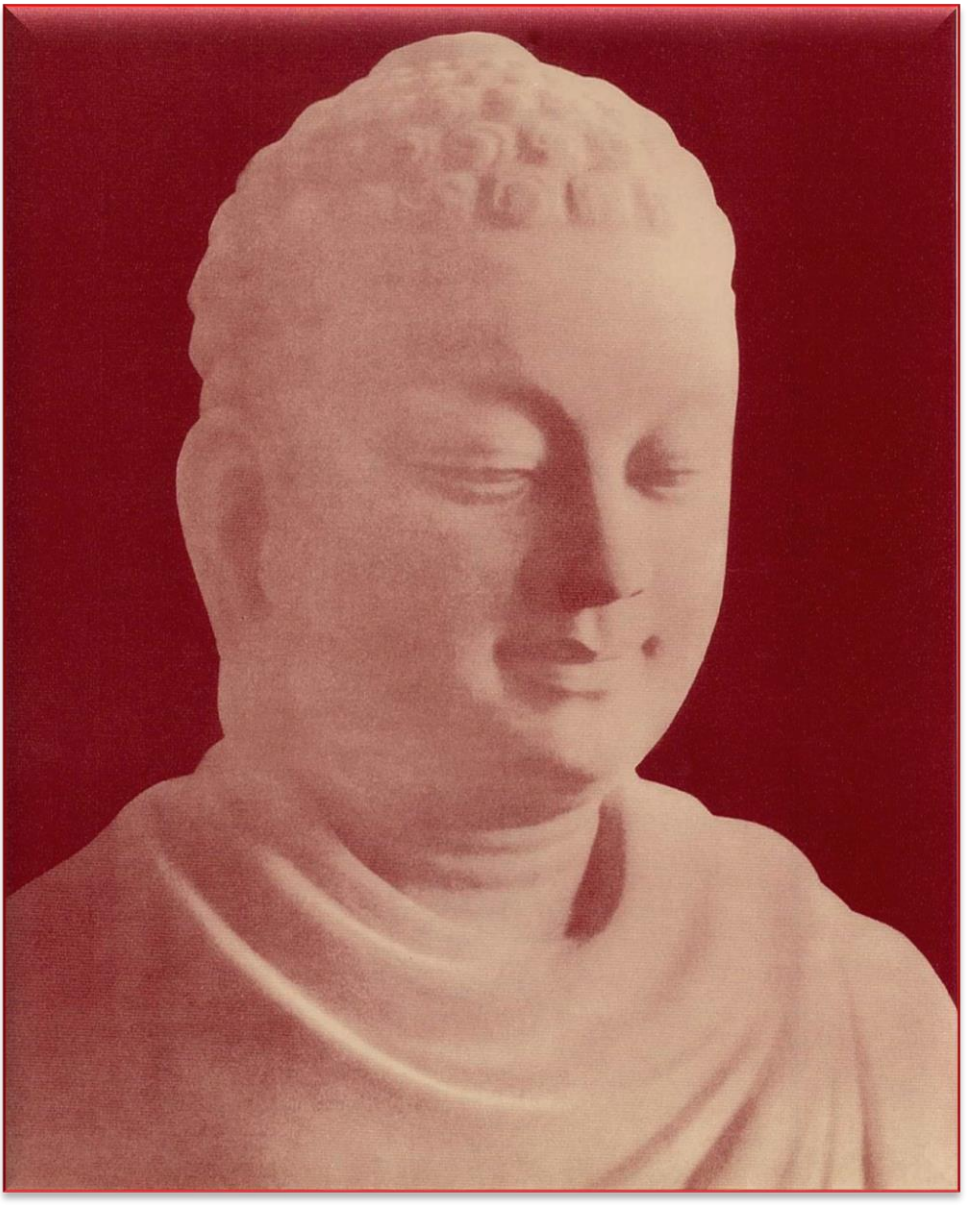

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 35

BỘ PHÁP HOA

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 35

BỘ PHÁP HOA
II

SỐ 265 → 273

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ PHÁP HOA 2 – T035

SỐ 265 3
KINH TÁT-ĐÀM PHÂN-ĐÀ-LỢI 3
SỐ 266 9
KINH PHẬT THUYẾT A-DUY-VIỆT TRÍ GIÀ 9
QUYỂN THƯỢNG 9
Phẩm 1: Pháp Luân Không Thoái Chuyển 9
Phẩm 2: Giữ Vững Lòng Tin 26
Phẩm 3: Phụng Trì Trì Chánh Trì Chánh Pháp 33
Phẩm 4: Tám Bậc 37
Phẩm 5: Nẻo Đạo 42
Phẩm 6: Vãng Lai 46
QUYỂN TRUNG 51
Phẩm 7: Không Trở Lại 51
Phẩm 8: Không Vướng Mắc 55
Phẩm 9: Thanh Văn 64
Phẩm 10: Duyên Giác 70
Phẩm 11: Nói Về Quả 78
Phẩm 12: Hàng Phục Chúng Ma 81
QUYỂN HẠ 102
Phẩm 13: Như Lai 102
Phẩm 14: Dẫn Dắt Giáo Hóa 112
Phẩm 15: Bậc Sư Tử Nữ 122
Phẩm 16: Ca Ngợi Pháp Sư 126
Phẩm 17: Nói Về Việc Bài Báng Kinh Nầy 128
Phẩm 18: Giao Phó Dặn Dò 132
SỐ 267 137
KINH PHÁP LUÂN KHÔNG THOÁI CHUYỂN 137
QUYỂN 1 137
Phẩm 1: Tựa 137
Phẩm 2: Tín Hành (Phần 1) 154
QUYỂN 2 163
Phẩm 2: Tín Hành (Phần 2) 163
Phẩm 3: Thanh Văn, Bích-Chi-Phật 173
QUYỂN 3 204
Phẩm 4: Nêu Rõ Hành Tướng Hai Thừa 204
Phẩm 5: Dứt Trừ Các Tướng 210

Phẩm 6: Hàng Phục Các Ma 221
QUYỂN 4 232
Phẩm 7: Thọ Ký 232
Phẩm 8: Nhận Rõ 247
Phẩm 9: An Dưỡng Quốc 253
SỐ 268 267
KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN 267
QUYỂN 1 267
QUYỂN 2 284
QUYỂN 3 308
QUYỂN 4 337
QUYỂN 5 353
QUYỂN 6 378
SỐ 269 401
KINH PHÁP HOA TAM-MUỘI 401
Phẩm Tam-Muội Yếu Cú 407
SỐ 270 423
KINH ĐẠI PHÁP CỔ 423
QUYỂN THƯỢNG 423
QUYỂN HẠ 444
SỐ 271 467
KINH BỒ-TÁT HÀNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA 467
QUYỂN THƯỢNG 467
QUYỂN TRUNG 489
QUYỂN HẠ 518
SỐ 272 539
KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT 539
QUYỂN 1 539
Phẩm 1: Phần Tựa 539
Phẩm 2: Vấn Nghi 544
Phẩm 3: Nhất Thừa (Phần 1) 549
QUYỂN 2 561
Phẩm 3: Nhất Thừa (Phần 2) 561
Phẩm 4: Đến Chỗ Vua Nghiêm Sí 582
QUYỂN 3 588
Phẩm 5: Vương Luận (Phần 1) 588
QUYỂN 4 604

Phẩm 5: Vương luận (Phần 2) 604
QUYỂN 5 622
Phẩm 5: Vương luận (Phần 3) 622
Phẩm 6: Thỉnh Thọ Trai 629
Phẩm 7: Hỏi Về Tội Lỗi 633
QUYỂN 6 644
Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 1) 644
QUYỂN 7 670
Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 2) 670
QUYỂN 8 686
Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 3) 686
QUYỂN 9 702
Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 4) 702
Phẩm 9: Đến Gặp Như Lai 714
Phẩm 10: Thuyết Pháp (Phần 1) 715
QUYỂN 10 720
Phẩm 10: Thuyết Pháp (Phần 2) 720
Phẩm 11: Thọ Ký 722
Phẩm 12: Công Đức Của Tín Thọ Trì Kinh 732
SỐ 273 737
KINH KIM CANG TAM-MUỘI 737
Phẩm 1: Phần tựa 737
Phẩm 2: Pháp Vô Tướng 738
Phẩm 3: Hành Vô Sinh 743
Phẩm 4: Bản Giác Lợi 747
Phẩm 5: Nhập Thật Tế 751
Phẩm 6: Chân Tánh Không 758
Phẩm 7: Như Lai Tạng 762
Phẩm 8: Tổng Trì 767

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 35

BỘ PHÁP HOA
2

SỐ 265

(QUYỂN THƯỢNG – TRUNG – HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 265

KINH TÁT-ĐÀM PHÂN-ĐÀ-LỢI

Hán dịch: Mất tên người dịch,
trích lục trong bản đời Tây Tấn.

Nghe như vầy:

Bấy giờ, Đức Phật ngự trên núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hội đủ bốn muôn hai ngàn vị. Các bậc Bồ-tát như Phổ Hiền, Văn-thù-sư-lợi... có tám muôn bốn ngàn vị. Các bậc Bồ-tát như Di-lặc... trong hiền kiếp này có một ngàn vị. Đế Thích cùng với các vị trời cõi trời Đao-lợi nhiều không thể tính kể. Phạm vương cùng với các vị trời ở cõi trời Phạm thiên nhiều không thể kể hết. Vua A-xà-thế cùng các vị vua cõi người ở cõi Diêm-phù-đề đông không thể tính kể.

Đức Phật đang ở trước bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói về Tát-đàm Phân-đà-lợi *(Hán dịch là Pháp Hoa)* giảng nói vô số bài kệ. Khi ấy, một ngôi tháp bằng bảy thứ châu báu từ dưới đất vụt lên, cao vút tới cõi Phạm thiên, ở giữa ngôi tháp ấy có một giảng đường lớn cũng được cấu tạo bằng bảy thứ báu, treo cờ phướn, lọng đẹp, hương thơm tinh khiết. Trong giảng đường lộng lẫy này có chiếc giường bằng vàng, trên giường có một vị Phật đang ngồi, hiệu là Bảo-lưu-la-lan *(Hán dịch là Đại Bảo)* khen ngợi Đức Phật Thích-ca rằng:

–Lành thay, lành thay! Ta từ lúc nhập Nê-hoàn đến nay trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng, các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, trụ trong không trung, nhớ nghĩ về hằng sa chư Phật thời quá khứ, ta đã trải qua số lượng kiếp như thế, lúc đầu không trở lại cõi ấy, ta thấy Đức Phật Thích-ca tinh tấn mong cầu Phật đạo, vì lợi ích của mọi người mà bố thí không biết nhàm chán, không hề tiếc đến chi phần của thân mạng mình như tay chân, mắt mũi, đầu cổ... cả vợ con và của cải như voi ngựa, xe cộ, châu báu... cũng đều bố thí tất cả, không hề có tâm tham luyến. Vì vậy, ta xuất hiện cõi này là để cúng dường Đức Phật Thích-ca đồng thời hóa độ các chúng sinh thấp kém. Mong Phật Thích-ca hãy an tọa trên giường vàng của

ta đây mà nói kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi!

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca bước lên giảng đường, ngồi trên chiếc giường vàng và nói Kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi. Lại nói vô số bài kệ:

Nghe Phật Lạc Bảo
Biết được danh hiệu
Chẳng sợ sinh tử
Không còn lao khổ.
Nghe Phật Dược Vương
Biết được danh hiệu
Tật bệnh dứt trừ
Tự biết túc mạng.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-Ca nói vô số a-tăng-kỳ kiếp, lại nói vô số a-tăng-kỳ kiếp, lúc ta còn hành đạo Bồ-tát, cầu tìm kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi, bố thí cho người các món họ xin như thức ăn, y phục, bảy thứ báu, vợ con, tâm không hề ái luyến. Có lúc ta làm vua, thời đó tuổi thọ con người rất lâu dài, ta bèn lập thái tử làm vua, giao phó mọi việc nước, còn ta thì gióng trống, khua chuông tự rao về thân mình rằng:

–Ai muốn mướn ta làm kẻ hầu hạ, ta chỉ mong cầu có được kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi, ta muốn thực hành cúng dường.

Lúc ấy, có vị Bà-la-môn nói với ta:

–Hãy làm kẻ hầu hạ tôi! Tôi có kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi.

Thế là ta đi theo vị Bà-la-môn, dốc lòng làm một kẻ hầu hạ, phục dịch đủ mọi công việc như bưng nước, quét dọn, hái nhặt hoa quả, cùng lo chuyện ăn uống cho vị Bà-la-môn ấy, trải qua hàng ngàn năm không chút biếng nhác, trễ nải.

Đức Phật liền nói bài kệ:

Giống trống khua chuông nguyện
Tự rao rằng ai muốn
Mướn ta làm kẻ hầu
Ta muốn hành cúng dường
Tâm tôi tớ, ý lành.

Đức Phật bảo:

–Vị vua bấy giờ nay chính là ta, còn vị Bà-la-môn thời ấy nay chính là Điều-đạt. Vậy nhờ ân đức của ai khiến cho ta được đủ sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đó đều là do phước ân của Điều-đạt, Điều-đạt là bậc Thầy tốt của ta. Nhờ ân của bậc Thầy tốt khiến

cho ta được sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, uy thần tôn quý, hóa độ khắp mười phương, tất cả đều nhờ ân đức của Điều-đạt. Điều đạt trải qua vô số kiếp về sau này sẽ được thành Phật, hiệu là Đề-hòa-la-da *(Hán dịch là Thiên Vương Phật)*, có mười năng lực, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Cõi nước của Phật Thiên Vương tên là Đề-hòa-việt *(Hán dịch là Thiên địa quốc)*. Thiên Vương Phật sẽ nói pháp cho mọi người nghe, trọn kiếp không mỏi mệt hay ngừng nghỉ. Trong lần nói pháp thứ nhất sẽ độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng chứng quả A-la-hán, độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng chứng quả Bích-chi-phật, độ chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thời ấy, Phật Thiên Vương sống lâu hai mươi kiếp mới nhập Nê-hoàn, chánh pháp tồn tại trong hai mươi kiếp. Sau khi Phật Thiên Vương nhập Nê-hoàn, xá-lợi được giữ nguyên và được tôn thờ trong ngôi tháp bằng bảy thứ báu. Tháp ấy rộng sáu mươi dặm, dài tám mươi dặm, tất cả dân chúng cõi Diêm-phù-đề đều đến cúng dường xá-lợi Phật. Bấy giờ, có vô số chúng sinh chứng quả A-la-hán, vô số chúng sinh phát tâm Bích-chi-phật, vô số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào được nghe kinh Pháp Hoa này sinh tâm tin tưởng, không bài bác chê bai, sẽ dứt trừ được tội lỗi trong quá khứ và vị lai, đóng cửa ba đường ác, mở cửa ba đường lành, sinh lên cõi trời là bậc nhất, sinh vào cõi người cũng là bậc nhất, sinh trước các Phật trong mười phương, tự nhiên hóa sinh trong hoa sen bằng bảy báu.

Lúc đó, ở phương dưới, vị Bồ-tát theo hầu Đức Phật Đa Bảo, tên là Bát-nhã Câu, liền bạch với Đức Phật Đa Bảo nên sớm trở về cõi nước của mình.

Đức Phật Thích-ca bèn bảo Bồ-tát Bát-nhã Câu:

–Ta có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi, các vị nên gặp nhau rồi hãy trở về.

Tức thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ dưới ao lớn của rồng đầu đàn Sa-kiệt vụt hiện lên, ngồi trên hoa sen lớn như bánh xe, có đến ngàn cánh, với vô số các vị Bồ-tát cùng đi theo. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ nơi đóa hoa sen bước xuống, đảnh lễ Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo, rồi trở lại thăm hỏi Bồ-tát Bát-nhã Câu. Bồ-tát Bát-nhã Câu hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát xuống ao ấy hóa độ được bao nhiêu chúng sinh?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Số chúng sinh được tôi hóa độ rất nhiều, không thể tính kể, nếu nói bằng lời e tâm không tin được, xin chờ một lát sẽ có chứng cớ.

Liền đó, từ dưới ao vụt hiện lên vô số hoa sen, tản ra kín khắp mặt ao rộng, vị nào vốn phát tâm Bồ-tát thì hoa sẽ ở trong hư không, chỉ nói các pháp Đại thừa, các vị vốn phát tâm Thanh văn thì hoa sen ở trong hư không, chỉ nói các pháp dứt trừ sinh tử.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thấy hoa như vậy liền dùng kệ đáp Bồ-tát Bát-nhã Câu:

Nhân giả dùng ý mình
Tự biết được số ấy.

Bồ-tát Bát-nhã Câu lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả đã nói pháp gì mà hóa độ được chúng sinh nhiều như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ở dưới ao ấy, tôi chỉ nói về Tát-đàm Phân-đà-lợi.

Bồ-tát Bát-nhã-câu lại hỏi:

–Pháp đó rất tôn quý, không pháp nào bằng, vậy có ai đã hội nhập để chứng quả Phật chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Rồng đầu đàn Sa-kiệt có một người con gái mới tám tuổi, nhưng có trí tuệ rộng lớn, ý nguyện lớn lao, có khả năng chứng quả Phật.

Bồ-tát Bát-nhã Câu nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tôi thấy Thầy của Nhân giả là Phật Thích-ca vì cầu quả vị Phật, mà siêng năng khổ nhọc, chứa nhóm công đức, trải qua nhiều kiếp mới đạt được, nên tôi không tin là vị Long nữ kia có khả năng thành Phật.

Tức thì từ dưới ao, Long nữ vụt hiện lên, đi nhiễu quanh hai vị Phật ba vòng, rồi chắp tay bạch Phật:

–Phật có tướng tốt khôi ngô, công đức vòi vọi, được các trời tôn thờ, được tất cả rồng, quỷ thần, dân chúng khắp mọi nơi chốn cung kính pháp, Phật nói rất tôn quý, nay con phát nguyện muốn được thành Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói với Long nữ:

–Thiện nữ tuy phát nguyện như vậy nhưng không thể thành Phật, vì nàng còn mang thân nữ, phải thực hành chứa nhóm công đức, trải qua các hạnh thích hợp của bậc Bồ-tát.

Long nữ liền cầm viên ngọc ma-ni giá trị bằng cả một nước lớn, dâng lên Đức Phật, Phật liền thọ nhận. Long nữ hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất và Bồ-tát Bát-nhã Câu:

–Tôi dâng viên ngọc quý lên Đức Phật, việc ấy là mau hay chậm?

Đáp:

–Rất mau!

Long nữ lại hỏi:

–Phật nhận hạt châu là mau hay chậm?

Đáp:

–Rất mau!

Long nữ nói:

–Tôi dâng viên ngọc quý lên Đức Phật, việc ấy là chậm. Được Phật thọ nhận viên ngọc ấy, việc đó cũng chậm. Nay tôi đạt được quả vị Phật, việc này còn mau hơn hai việc vừa rồi.

Tức thì thân Long nữ liền biến thành Bồ-tát, khiến cho tất cả các vị trong chúng hội thảy đều kinh ngạc. Rồi lại biến thành thân Phật đầy đủ các tướng tốt, cõi nước đệ tử đều như các Đức Phật. Tất cả chư vị trong chúng hội gồm có trời, rồng, quỷ, thần cùng vô số người đều phát tâm Vô thượng chánh chân, tam thiên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách, ba muôn người chứng quả Tu-đà-hoàn, được không thoái chuyển.

-oOo-

SỐ 266

KINH PHẬT THUYẾT A-DUY-VIỆT TRÍ GIÀ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Thị.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: Pháp Luân Không Thoái Chuyển

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật đang thuyết pháp độ sinh trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc này, khoảng gần sáng, Đức Thế Tôn bắt đầu nhập Chánh định Ly Cấu quang. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng nhập Chánh định Phổ minh, còn Bồ-tát Di-lặc thì hướng dẫn các Bồ-tát nhập Chánh định Phổ hiển.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất sau lúc ngủ nghỉ đã thức dậy, ra khỏi phòng mình, tự nhủ là sẽ đi đến chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và muốn vào thẳng phòng, nhưng chưa kịp vào thì chợt thấy căn phòng của Phật rồi đi tiếp về phía trước, lại thấy mười muôn hoa sen nhiều không thể tính kể đang vây quanh phòng ở của Phật, lại nghe từ xa có tiếng nhạc lớn vọng lên rất rõ, rồi từ đóa hoa sen lớn ấy phát ra ánh sáng chiếu khắp khu lâm viên Kỳ-đà cùng khắp thành Xá-vệ, không đâu không thấy, cảnh giới Phật trong tam thiên đại thiên thảy đều được chiếu sáng rực rỡ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền dừng bước, cố nán lại mà không có ý chờ đợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhưng không tự biết Bồ-tát đang ở trong phòng, bèn đến trước phòng Bồ-tát, thấy Bồ-tát đang ngồi kiết già nhập định dáng vẻ hết mực an nhiên. Tôn giả Xá-lợi-phất liền búng ngón tay báo cho biết nhưng Bồ-tát vẫn bất động, cất tiếng gọi lớn mà cũng chẳng hề nhúc nhích. Hiền giả liền nhất tâm quán tưởng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hiện ra sự biến hóa cảm ứng rộng lớn như thế, lại thấy thân mình đang ở trên biển lớn, hết sức ngạc nhiên nên muốn rời khỏi căn phòng của

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang nhập định nhưng không thể rời được, liền dùng thần túc bay vụt lên hư không, nhưng lại bị vướng.

Tôn giả Xá-lợi-phất vận dụng hết thần lực mà vẫn không thể vượt lên được, lại thấy thân mình cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và cả căn phòng tự nhiên đi về hướng Đông, lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất đứng trước Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, ngồi kiết già, chăm chú nhìn Bồ-tát không hề biết chán. Bấy giờ, cả hai vị đi về phương Đông vượt qua hằng hà sa số cõi Phật để đến cõi Phật này, thế giới ấy tên là Bất thoái chuyển âm, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu.

Tôn giả Xá-lợi-phất đi theo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến ra mắt Đức Phật ấy, tất cả lỗ chân lông của Phật đều hiện ra hoa sen, các hoa sen đó đều tỏa ra vòng ánh sáng đến bốn mươi muôn dặm chiếu sáng khắp cõi Phật trong tam thiên đại thiên. Các hoa sen ấy có cành bằng mười muôn thứ châu báu kỳ diệu và tòa Sư tử bằng kim cang đá, đá màu, vàng ròng, tất cả các vị Bồ-tát đều ngồi trên tòa ấy, các vị đó đều không lui sụt đối với đạo Vô thượng chánh chân, được pháp tổng trì, năm phép thần thông tự tại, đầy đủ pháp nhẫn, ba mươi hai tướng trang nghiêm thân mình. Từ rốn của Đức Như Lai Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu Chí Chân Đẳng Chánh Giác mọc ra hoa sen thanh tịnh không chút tì vết, với trăm ngàn màu sắc không thể kể xiết, có cành cuống bằng ngọc lưu ly xanh giao xen nhau, tòa ngồi bằng chiên-đàn tốt nhất cùng các thứ châu báu, dùng các thứ chuông báu kỳ lạ giăng treo khắp bốn phía. Tòa ngồi ấy còn trống, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền ngồi lên trên đó, rồi cùng với tòa Liên hoa sư tử ấy vụt biến lên cao tới cõi trời Tam thập tam, rồi trở lại nơi chỗ Đức Phật cúi đầu đảnh lễ, đi vòng quanh chỗ Phật ba vòng và đến trở lại ngồi trên hoa sen, chắp tay tự quy y Đức Thế Tôn. Lúc này, Đức Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu Như Lai Đẳng Chánh Giác liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả từ đâu mà khổ công đi đến cõi nước này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con từ thế giới Ta-bà đến đây.

Lúc bấy giờ, vị Bồ-tát theo hầu Đức Phật, hiệu là Nhu Âm Nhuyễn Hưởng Bồ-tát Đại sĩ, chí nguyện luôn gắn bó với đạo Vô thượng chánh chân, không thoái chuyển, liền từ trên hoa sen sửa lại y phục, quỳ thẳng chắp tay thưa hỏi Phật:

–Cõi Ta-bà ấy cách đây bao xa?

Phật bảo:

–Về phương Tây, cách cõi này hằng hà sa số cõi nước, có thế giới Ta-bà, Tôn giả Văn-thù-sư-lợi từ cõi ấy đến đây.

Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng lại hỏi Phật:

–Đức Phật ở thế giới Kham nhẫn ấy hiệu là gì, hiện tại đang làm gì?

Đức Thế Tôn đáp:

–Đức Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni, Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác hiện đang giảng nói chánh pháp.

Lại hỏi Phật:

–Bậc Đại Thánh ấy hiện đang giảng nói pháp gì?

Đức Phật nói:

–Đức Phật ở cõi ấy hiện đang chỉ dạy về ba thừa.

Vị Bồ-tát theo hầu lại hỏi:

–Thế nào gọi là ba thừa?

Phật đáp:

–Đó là Thanh văn, Duyên giác cùng Phật thừa rộng lớn, Đức Phật Thích-ca nói pháp như thế là chỉ dạy ba thừa.

Vị Bồ-tát theo hầu lại hỏi:

–Chư Phật, Thế Tôn nói kinh khai mở, hóa độ chúng sinh không bình đẳng sao?

Phật dạy:

–Tất cả đều bình đẳng.

Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng lại hỏi Phật:

–Thế nào gọi là bình đẳng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Giảng về pháp không thoái chuyển, đó gọi là bình đẳng.

Lại hỏi:

–Vì lý do gì mà Đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác giảng nói về ba thừa tu tập như vậy?

Đức Phật Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu nói với vị Bồ-tát ấy:

–Chúng sinh ở cõi đó tánh tình ngang bướng, khó giáo hóa, tâm ý yếu đuối nên khó dùng Nhất thừa để hóa độ tất cả được, vì thế cho nên chư

Phật, Thế Tôn phải khéo léo quyền biến dùng các phương tiện nói pháp độ sinh, Đức Năng Nhân Như Lai xuất hiện ở cõi đời năm uế trược nên cũng dùng ý nghĩa phương tiện quyền xảo tùy thời khéo léo mà giáo hóa muôn loài.

Lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Ở thế giới Kham nhẫn ấy, giảng nói chánh pháp, công việc giáo hóa đó hẳn là rất khó khăn, vất vả, vậy thì phải làm thế nào?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, phải luôn gắng sức, lo lắng hết mực!

Vị Bồ-tát theo hầu lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Thật sung sướng thay! Chúng con nhờ lợi ích tốt đẹp nên chẳng sinh vào thế giới ấy.

Đức Phật bảo:

–Hãy thôi, không được nói như thế, phải nên bỏ ý nghĩ đó và tự sửa đổi lỗi lầm của mình.

Lại thưa:

–Vì sao phải sửa đổi lỗi lầm của mình? Thế giới Kham nhẫn đó công việc giảng nói chánh pháp hết sức khó khăn nên chúng con chẳng nguyện sinh về cõi ấy.

Đức Thế Tôn dạy:

–Các vị chớ nghĩ như thế và nói lại lời ấy. Phải tự sửa đổi lỗi lầm của mình. Vì sao? Vì ở cõi Phật này tu tập trải qua hai mươi ức na-do-tha trăm ngàn kiếp vun đắp cội đức, chẳng bằng ở cõi Kham nhẫn đó, tu từ lúc trời vừa sáng đến bữa ăn trưa, vì chúng sinh mà giảng nói đủ các pháp, khai ngộ giáo hóa biết bao kẻ mê muội tăm tối quy mạng Tam bảo, khiến họ thọ năm giới, chỉ rõ con đường tu tập cho Thanh văn, Duyên giác. Ở cõi ấy làm bậc Bồ-tát Đại sĩ rất khó, huống chi là chỉ dạy khiến trở thành Sa-môn, từ bỏ cuộc sống thế tục, gần gũi gắn bó giữ gìn đạo pháp, hỗ trợ khuyến khích, chỉ dẫn ý nghĩa của các pháp lành, hoặc lại mở rộng làm cho đạo pháp càng thêm rộng lớn. Điều ấy bậc Bồ-tát Đại sĩ giáo hóa khó đạt được. Vì sao? Vì ở thế giới Kham nhẫn ấy có nhiều hoạn nạn.

Lại hỏi:

–Hoạn nạn gì?

Đức Thế Tôn đáp:

–Này Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng! Giả sử trong thời gian bằng tuổi thọ của Hiền giả, ở nơi na-do-tha ức trăm ngàn kiếp được nghe và nhận biết vô số chư Phật cùng cõi nước có tuổi thọ lâu dài, cũng không thể tìm hiểu nghiên cứu cho cùng tận, cũng vậy, thế giới Kham nhẫn đó gồm chứa bao điều dâm dục, giận dữ, si mê và vô số các pháp ác không thể nào tính kể hết. Nay ta dùng lời nói để chỉ rõ nhân duyên tội phước của con người nơi cõi ấy, lại dùng trí tuệ Phật để phân biệt rõ ràng, thế giới Kham nhẫn đó là một thứ nhơ xấu không thể nói hết.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại sĩ Nhu Âm Nhuyễn Hưởng ba lần cất tiếng lớn và rõ khen ngợi:

–Kỳ diệu thay! Đức Năng Nhân Như Lai là Bậc Sư Tử dũng mãnh, là vua cõi người đầy lòng Từ bi, đạo đức lồng lộng, không hề chướng ngại. Nghĩ nhớ trí tuệ sáng suốt của Đức Thế Tôn, trang nghiêm, cung kính. Nhờ cội gốc công đức bản nguyện của tâm cho nên vì chúng sinh mà nhẫn nhục chịu nhiều khổ nhọc để giảng nói đạo nghĩa, dứt bỏ dâm dục, giận dữ, si mê, vô lượng pháp xấu ác, dạy phát tâm Thanh văn, Duyên giác, khai hóa giúp họ dần dần đạt quả vị Phật, làm sáng tỏ đạo pháp; là Bậc đạt trí tuệ sâu nhiệm ứng hiện khắp chốn, nên chính là cội gốc của các công đức; là Bậc chí nguyện không vì mong cầu vinh hoa...

Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng dứt lời khen ngợi thì tất cả các vị Bồ-tát ở đấy đều chọn lấy những đóa hoa bằng bảy thứ báu, màu sắc sáng rực với vô số trăm ngàn vẻ đẹp, thảy đều thanh tịnh không dính bụi bặm; lại có vô lượng lá, thân bằng kim cang; trên cọng hoa vẫn còn đọng sương do các báu chiên-đàn nhiệm mầu hợp thành, chuỗi anh lạc trải khắp để trang nghiêm.

Các vị Bồ-tát ấy tâm đạt Thiên nhãn, Túc mạng, thể hiện đầy đủ các công hạnh của bậc Bồ-tát, giống như huyễn hóa ý tràn ngập niềm vui thích, vụt bay lên hư không, tay cầm đóa hoa ấy, từ xa hướng về Đức Thích-ca Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đoái nhìn về thế giới Kham nhẫn, nhất tâm rải hoa như trận mưa, dù lọng quý giá, lụa là cờ phướn, nhân đấy mà cúng dường Đức Năng Nhân Như Lai. Lại tung rải các thứ hương thơm, đốt đủ loại hương chiên-đàn, hương bột, tự ở nơi cõi ấy, năm vóc gieo xuống đất, hướng về phương Tây đảnh lễ đồng khen ngợi:

–Nam-mô Năng Nhân Phật Đẳng Chánh Giác, cùng các vị Bồ-tát Đại sĩ nơi thế giới Kham nhẫn, mặc áo giáp công đức vô tận, ý chí tinh tấn, tâm

không kiêu mạn, công đức cao vòi vọi, tâm ấy rốt ráo, rất tôn quý, nhiệm mầu, phụng thờ chánh pháp, dùng chánh pháp làm sức mạnh, khởi lòng Từ bi thương xót chúng sinh, soi ánh sáng rực rỡ, tu tập Nhất thừa...

Các vị Bồ-tát khác đồng thanh khen ngợi:

–Nguyện được ra mắt Đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác cùng các vị Bồ-tát, khiến lời Phật dạy không bị mất đi.

Lúc ấy, Đức Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu Như Lai nghe tiếng các vị Bồ-tát khen ngợi, liền biết rõ tâm niệm của các vị Bồ-tát Đại sĩ ấy là đang mở mang Phật pháp, phân biệt các nghĩa lý quan trọng nên tâm của Như Lai rất vui mừng liền nói với các vị Bồ-tát:

–Này các vị thuộc dòng tôn quý! Các vị nên đi thăm hỏi chiêm ngưỡng Đức Phật Năng Nhân Vô Trước Chánh Giác và các vị Bồ-tát, nhân dân ở thế giới Kham nhẫn, tu theo lời dạy của Đức Phật kia, tùy thuận giáo hóa chúng sinh, đầy lòng thương xót, muốn cứu vớt bao nỗi nguy ách, đối với các pháp sâu mầu không hề sợ hãi, không cho đó là khó, không hề bài bác, vun trồng cội gốc công đức, tâm không vướng mắc, không mong cầu phước thực hành sáu Độ vô cực. Các vị Bồ-tát Đại sĩ sinh vào thế giới Kham nhẫn, tôn sùng bản nguyện thuở xưa của Đức Năng Nhân Như Lai, tôn thờ Chánh pháp, lấy đạo làm sức mạnh, học hỏi công hạnh của các Đức Phật.

Bồ-tát đáp:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Chúng con xin vâng lời Phật dạy sẽ đến thăm hỏi, chiêm ngưỡng tất cả và ân đức từ bi của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, xé rách lưới nghi.

Đức Như Lai Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu Đẳng Chánh Giác bảo Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng:

–Các vị nên cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến thế giới Kham nhẫn, được nghe những lời chỉ dạy để tâm thông suốt sáng tỏ.

Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng liền thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Năng Nhân Như Lai để được thấy thế giới Kham nhẫn, nhờ trí tuệ của bậc Thánh khiến cho ý nguyện của chúng tôi được thành tựu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Sung sướng thay hạnh nguyện ấy! Này các vị Bồ-tát thuộc dòng họ

cao quý! Chư Phật, Thế Tôn khó thấy, khó gặp. Vì sao? Vì hàng vạn hàng ức đời mới xuất hiện một lần, lại phải tạo được nhân lành cúng dường phụng thờ từ trước. Cho nên Phật xuất hiện ở mười phương thế giới là vì lòng Từ bi thương xót chúng sinh, giáo hóa để đưa họ trở về chánh đạo, giúp họ đạt được trí tuệ giác ngộ. Phải vì tất cả muôn loài, người cũng như vật, kể cả hạng căn trí thấp kém nhất, để dắt dẫn họ biết quy thuận cung kính lễ bái chư Phật Thế Tôn, học hỏi kinh điển, khiến cho loài người trong mười phương đạt được sự an vui trên hết.

Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hương đáp:

–Chúng tôi mong được cùng đi với Nhân giả, để cùng được ra mắt chư Phật, quy mạng thưa hỏi nhận lãnh, học tập đức từ bi hóa độ chúng sinh của bậc Thánh trí.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cúi đầu đảnh lễ Đức Như Lai Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi cùng với các vị Bồ-tát tâm ý cung kính và Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật nói pháp, lãnh hội lời giảng dạy, chiêm ngưỡng Phật không biết chán, quán thân do năm uẩn giả hợp như huyễn hóa. Các vị thảy đều dùng hương hoa, các thứ chiên-đàn, hương bột, lụa là, cờ phướn để cúng dường Phật, mong nhờ cội gốc công đức của Phật mà tâm ý được vững chắc để tôn thờ Tam bảo, hóa độ chúng sinh, phụng thờ chư Phật. Nói lời đó vừa xong, chỉ trong khoảnh khắc tất cả đều biến mất.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng Tôn giả Xá-lợi-phất tiếp tục đi về phương Đông, trải qua hằng hà sa số cõi Phật, đều đến trước mặt các Phật Thế Tôn ở các cõi ấy, đều được nghe các Đức Phật giảng nói kinh ấy, giảng pháp Đại thừa không thoái chuyển, thanh tịnh, không chút cấu nhiễm. Các cõi Phật đó không có người nữ, cũng không có Thanh văn, Duyên giác. Tất cả các cõi Phật đó đều có cuộc sống trong sạch, tươi đẹp, giống như cõi nước của Đức Như Lai Tối Tuyển Quang Minh Liên Hoa Khai Phẫu không khác. Các đạo tràng Bồ-tát đầy khắp cõi Phật.

Chư Phật Thế Tôn ở những cõi nước đó đều hiện ra từ những đóa hoa sen. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khắp trên chỗ ngồi rung động, biến hóa oai nghi như nhất cúng dường các Đức Phật.

Hết phương Đông đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương Đông nam, phương Tây nam, phương Tây bắc, phương Đông bắc, phương trên, phương dưới. Bấy giờ, ở mười phương đều có hằng

hà sa số cõi nước của chư Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều hiện ở trước mặt, cùng khắp mọi nơi. Các Đức Như Lai ấy đều giảng pháp Đại thừa không thoái chuyển, không chút nhầm lẫn. Tất cả các vị thị giả chư Phật đều cung kính trang nghiêm, chí nguyện luôn gắn bó với đạo pháp, ở trên hoa sen quỳ thẳng chắp tay thưa hỏi Phật:

–Vì sao Đức Năng Nhân Như Lai giảng dạy nêu rõ ba con đường tu tập?

Tất cả đều muốn được đến đạo tràng Đức Năng Nhân Như Lai, để được thưa thỉnh giáo pháp, tất cả đều mong được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thi ân giúp đỡ. Chư Phật ở mười phương cũng đều nói với các vị Bồ-tát ở cõi ấy:

–Các vị nên cùng đi với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến cõi Phật của Đức Năng Nhân Như Lai, ở đấy là châu Diêm-phù-đề thuộc thế giới Kham nhẫn.

Bấy giờ, trời còn tối, chưa sáng. Tôn giả A-nan lúc này nhìn thấy ánh sáng từ nơi cửa sổ ở mái hiên chiếu vào phòng, liền đứng dậy, muốn ra khỏi tinh xá, lại trông thấy cả khu Kỳ hoàn sáng rực như ban ngày, ngước nhìn lên không trung cũng chẳng thấy có trăng, xem kỹ đám cây trong khu vực thì chỉ thấy toàn là nước một màu xanh lơ như ngọc bích, loang loáng và trong lành, hoàn toàn không còn thấy cây cối, phòng ốc đâu cả. Tôn giả A-nan tự nghĩ: "Hôm nay hẳn là Đức Thế Tôn sẽ giảng pháp sâu xa rộng lớn cho nên trước hiện điềm lành này".

Lúc này, Tôn giả A-nan giở chân lội vào trong nước nhưng nước không dính chân, mà cũng không có chỗ nào bị chìm ngập cả, nên lòng hết sức vui mừng thích thú, liền đi thẳng tới chỗ phòng của Phật mong thấy Đức Thế Tôn, chợt thấy hàng ngàn hàng muôn đóa hoa sen ở chung quanh căn phòng của Phật, lại nghe âm thanh tiếng nhạc vang động. Các đóa hoa sen kia đều phát ra ánh sáng chiếu sáng khắp khu lâm viên Kỳ hoàn và thành Xá-vệ, cả tam thiên đại thiên thế giới không đâu là không có ánh sáng chiếu đến. Lòng tràn ngập niềm vui thích, Tôn giả A-nan liền sửa y bày vai phải, quỳ thẳng chắp tay, cúi đầu đảnh lễ, tự quy y Đức Phật.

Bấy giờ, sao mai lên cao, trời đã sáng dần, các đóa hoa sen lớn đang bay vòng quanh căn phòng của Phật, có đóa lớn nhất bay vào trụ ở giữa khu lâm viên Kỳ hoàn. Tôn giả A-nan liền nghĩ: "Ta phải lo sửa sang chỗ ngồi cho Phật vì chắc Đức Thế Tôn sẽ nói pháp nên mới hiện các điềm lành như thế."

Sửa soạn tòa ngồi vừa xong thì đồng thời cả tam thiên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách. Các cõi Phật trong mười phương cùng với hằng hà sa số các cõi Phật khác thảy đều rung chuyển như vậy. Âm thanh lớn vang động khắp chốn nhưng không làm ai sợ hãi mà chỉ vui mừng. Rồi nào hoa sen màu xanh, màu hồng, màu vàng màu trắng hiện ra khắp cõi Phật. Cây cối cũng tự nhiên sinh, cành lá hoa trái um tùm tươi tốt.

Các chúng Tỳ-kheo đều muốn ra khỏi phòng nhưng không thể được. Lại thấy cả khu Kỳ viên đều là nước, những chỗ ngập thì nước loang loáng và trong, còn chỗ cửa tinh xá thì thấy ánh sáng rực rỡ. Tất cả các vị Tỳ-kheo thảy đều nghĩ: "Ngày hôm nay Đức Thế Tôn sẽ nói pháp mầu sâu nhiệm cho nên mới hiện trước các sự việc lạ này."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Năng Nhân Đại Thánh xuất định, ra khỏi phòng, đến tòa Sư tử và an tọa. Cùng lúc, tất cả các Đức Phật Thế Tôn trong mười phương thế giới, từ thân phát ra ánh sáng rực rỡ với vô số màu sắc khác nhau không thể tính kể, chúng dân ở các cõi ấy thảy đều trông thấy.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang đến khắp mười phương, cùng với chúng Bồ-tát đi tới khắp các cõi Phật để cúng dường các Đức Phật. Vị Đại Bồ-tát ấy, hướng dẫn các Đại sĩ, thị hiện thần thông không thể suy nghĩ bàn luận để cứu giúp, làm lợi ích cho các loài chúng sinh, đưa họ về với Phật pháp, giáo hóa độ thoát tùy theo sở thích mà chỉ dạy dẫn dắt, vì chúng sinh trong mười phương mà nói pháp, công việc đã xong.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trở về, thấy Đức Năng Nhân Như Lai đang ngồi trên tòa Sư tử, các vị Bồ-tát đi theo cùng đến khu lâm viên, đều từ dưới đất vụt hiện lên, cùng với vô số hàng trăm ngàn ức triệu na-do-tha chư Bồ-tát khác, đi nhiễu quanh Đức Thế Tôn vô lượng vòng, tất cả đều hóa hiện vô lượng đóa hoa sen không thể tính kể, có đến mười muôn cánh với màu sắc khác nhau để cúng dường Phật, các hoa sen đó đều phân bố khắp cảnh giới Phật không thiếu một chốn nào.

Các vị Bồ-tát ấy lại tung rải các thứ hương chiên-đàn, hương tạp, hương bột, đủ các thứ hương thơm nhiệm mầu xông phủ khắp các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, đều nhằm nêu bật tánh chất cao đẹp của các thứ hương thơm do tu sáu pháp Ba-la-mật là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ mà có được. Đó là hương thơm của thần thông phương tiện quyền xảo; là hương thơm của Chánh pháp được truyền bá ngày thêm phong phú; là hương thơm nhiệm mầu của trí tuệ giác ngộ

mà các vị Bồ-tát đạt được do dốc sức tu tập sáu pháp Ba-la-mật; là hương thơm của sự thông đạt kinh nghĩa cùng quyết tâm tu hành; lớp lớp những thứ hương ấy đều phát ra ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp đạo tràng của các Đức Phật trong mười phương.

Các vị Bồ-tát ấy đều là những bậc mạnh mẽ, ý chí vững chắc, thừa uy lực của các Đức Phật, hóa độ chúng sinh để cúng dường đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, là bậc gồm đủ các hạnh tinh tấn, siêng tu Chánh đạo, tâm luôn vững chắc không gì có thể lay chuyển được. Tất cả các vị Bồ-tát ấy đều quy mạng Như Lai.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với các vị Bồ-tát vì tất cả chúng sinh, nên đã dùng ngọc ma-ni, như ý trang nghiêm đạo tràng, hiện tám phẩm cây báu xếp thành hàng hàng, tên là Bảo thọ biên thụ tràng phan giăng mắc các thứ màn làm bằng châu ngọc, đá màu, vàng ròng, giao xen thành ngọc minh nguyệt chiếu trên mặt đất. Lại hóa hiện đủ các phòng ốc, giảng đường, lầu gác với các cửa sổ cao thấp, mái hiên chạm trổ nhiều đường nét. Rồi nào dòng suối, bể nước, sông lớn, sông nhỏ, dọc ngang xen những vườn cây vườn thú. Từ dưới suối trong mọc ra các hoa sen với các cánh hoa màu xanh, hồng, vàng, trắng đều bằng ngọc minh châu, hiện diện khắp chốn. Mặt đất thì vọt lên nước cam lồ có đủ tám mùi vị giải thoát. Tất cả mọi sự biến hóa của các vị Bồ-tát trong lúc này đều xuất phát từ ý nguyện độ sinh, nhằm nêu rõ tánh chất lớn lao của Chánh đạo để khiến họ được an vui, tin tưởng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã vâng theo lời Phật dạy, thuận theo đạo lực của chính mình, cũng là bản nguyện của Đức Năng Nhân Như Lai, nên đã biến hiện như vậy để khai mở hóa độ chúng sinh, Bồ-tát Nhu Âm Nhuyễn Hưởng… đều thường khuyến khích giúp đỡ, không thể suy nghĩ, bàn luận "vô tâm – bất tâm", khéo tư duy cũng như nêu rõ, dẫn dắt, mặc áo giáp, công đức lớn lao, thuận theo sự tinh tấn, thân hành công đức cao vời, sở nguyện của tâm chí là nhằm trang nghiêm khắp cõi. Tất cả mọi sự việc hoàn tất, thảy đều an trụ trước Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, sắp giảng nói giáo pháp, liền phát ra luồng ánh sáng chiếu sáng đến chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cùng các vị Bồ-tát Đại sĩ khác đang an vị trên các tòa báu. Lúc ấy tự nhiên có đến mười muôn đóa hoa sen từ thân Phật hiện ra với vô số ánh sáng màu sắc không thể tính kể, hàng trăm ngàn đóa sáng rực cùng chiếu vào nhau, dùng các vật báu làm

cành, các thứ ngọc ngà châu báu giăng mắc thành vòng xen lẫn với ngọc ma-ni, dùng các thứ hương chiên-đàn xông khắp các tòa báu sư tử, các chúng Bồ-tát Đại sĩ này đều ngồi trên các tòa báu ấy hiện ra đầy khắp hư không.

Bấy giờ, Đức Phật Năng Nhân, nơi rốn có ánh sáng hiệu là Kim cang, lại có tên là "Cứu giúp các loài chúng sinh", phát ra ánh sáng ấy với trăm ngàn ức đóa hoa sen, mỗi đóa đều có ánh sáng khác nhau không thể tính kể được ánh sáng, hoa sen mùi hương tinh khiết, thanh tịnh nhiệm mầu màu vàng tử ma. Lại có các màn trướng xen nhau không nơi chốn nào bị trở ngại. Từ trong các đóa hoa sen đó tự nhiên hóa hiện hàng ngàn ức hoa sen khác. Tất cả các Đức Phật đều hội nhập vào pháp giới bình đẳng một loại, từ đó tu tập các pháp môn giải thoát cùng giảng nói các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, dứt các tà hạnh, chẳng sinh chẳng diệt, ba đời thảy đều không, nêu rõ tánh chất thanh tịnh, tự nhiên làm khuôn mẫu, hóa ra ngàn ức đóa hoa sen báu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khoan thai nhẹ bước, tâm vắng lặng đến ngồi trên đóa sen báu ấy, không chút mê đắm về thân, thể Phật, tâm nghĩ Đức Thế Tôn biết tất cả, dốc chí với pháp Tam-muội, hiệu là Du kim cang, đã học pháp với Đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nên lúc nào cũng tỏ ra hâm mộ các pháp Tam-muội.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các vị Bồ-tát Đại sĩ ở các cõi Phật trong mười phương an tọa, trong chánh định, tu các Phật pháp, cúng dường vô số bậc Đại thánh ở quá khứ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thấy vậy nhiếp giữ tâm, không yếu đuối, thuận theo đạo hạnh của Phật, ngồi trên tòa Sư tử.

Lúc đó, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy đi khắp trong ngoài khu vườn này thuộc thành Xá-vệ, nói với bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, những vị tin tưởng yêu thích Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng, đã từng vun trồng cội gốc các công đức và mong muốn được thành tựu, khiến họ cùng đến nhóm họp, vì hôm nay ta sẽ nói pháp.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi khắp khu vườn rừng nói rõ sự việc. Các Tỳ-kheo liền nói:

–Chúng tôi đêm rồi đã trông thấy hiện ra các điềm lành lớn, nên xét biết là hôm nay Đức Thế Tôn sẽ giảng nói pháp Đại thừa, nêu rõ những

điểm cốt yếu sâu xa, chúng tôi muốn đến dự hội mà không thể đến được.

Tôn giả A-nan hỏi:

–Vậy thì vì chuyện gì làm trở ngại?

Đáp:

–Chúng tôi đều trông thấy cả khu Kỳ thọ bị nước chìm ngập, nước trong xanh như ngọc bích, óng ánh, lại chẳng thấy cây cối, phòng ốc đâu cả, hầu như bị chìm khuất hết, chỉ thấy có ánh sáng rực rỡ, do vậy mà chẳng thể đến dự hội được.

Tôn giả A-nan liền trở lại thưa rõ sự việc lên Đức Phật.

Phật bảo:

–Này Tôn giả A-nan! Các vị Tỳ-kheo đó do tự ngăn cách nên không hiểu, không có nước mà vọng tưởng cho là có. Các vị Tỳ-kheo đó, không có nước mà cho là có nước, không những do tâm ý chưa được khai mở, mà còn do chưa nhận thức thấu đáo về lẽ sinh tử, nên trở lại cho là có, không giữ tín tâm mà cho là giữ, chưa tôn thờ chánh pháp mà cho là tôn thờ, chưa đạt được tám đẳng mà tâm tưởng đã được, chưa đạt được tánh chất không tham đắm của đạo mà cũng cho đã có được, chưa thành tựu tâm của bậc Thanh văn mà đã cho rằng mình đầy đủ, chưa rõ được tâm bậc Duyên giác mà cũng cho là đã đạt đến... A-nan! Ông hãy trở lại nói rõ với họ như vậy để họ đến dự hội.

Tôn giả A-nan vâng lời trở lại nói đầy đủ những lời Đức Thế Tôn đã dạy rồi trở về bạch Phật:

–Hiện giờ bốn chúng đệ tử đều đã đến nhóm họp dự hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Mục-liên:

–Hiền giả nên đi khắp tam thiên đại thiên thế giới kêu gọi tất cả các vị Bồ-tát Đại sĩ có sức học thâm sâu, mặc áo giáp vô cực, chí cầu pháp Đại thừa, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, tám bộ chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... nói cho tất cả được biết là hôm nay Đức Thế Tôn khai pháp hội lớn, giảng nói những điều quan trọng chưa từng được nghe. Bốn chúng đệ tử, nhân phi nhân ấy, hoặc ở trên các cõi trời, hoặc ở nơi thế gian, đều đã từng kính thờ các Đức Phật thời quá khứ, chí nguyện luôn gắn bó với Đại thừa, tu học giữ vững một đường, tâm ngưỡng mộ bậc Đại trí tuệ nhiệm mầu tối thượng, vòi vọi vô cực, các bậc Bồ-tát Đại sĩ mặc

áo giáp công đức lớn, mong cầu pháp nghĩa lợi ích, tinh tấn không hề ngừng nghỉ, đều giúp cho các vị đến dự hội được nghe pháp sâu nhiệm.

Tôn giả Mục-liên vâng lời Phật dạy, tự dùng đạo lực vốn có của mình, chỉ trong khoảnh khắc đã đi khắp tam thiên đại thiên thế giới thông báo rõ về việc Đức Thế Tôn sắp giảng nói pháp chưa từng có, nên cùng nhau đến nghe. Sau đó ngài Mục-liên lại dùng thần túc trở về đạo tràng đến trước Phật, bạch với Đức Thế Tôn là mình đã hoàn tất công việc được giao.

Lúc này, bốn chúng đệ tử vây quanh đạo tràng đến những bốn mươi muôn dặm, các Trời, Rồng, Thần đứng đầy khắp hư không, kín cả một vùng đến những năm mươi muôn dặm.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Thế Tôn:

–Hiện giờ bốn chúng đệ tử đã đến tụ hội, các Trời, Rồng, Thần đều có mặt đầy chật cả hư không, tất cả đều nhất tâm chắp tay lễ Phật, đều quán sát uy thần biến hóa của Như Lai với muôn ngàn ánh sáng rực rỡ, chói lọi, không đâu là không chiếu sáng, chúng hội đều an tọa, cung kính trang nghiêm mong Phật nói pháp.

Khi ấy, nét mặt Đức Thế Tôn lộ rõ vẻ hân hoan, mỉm cười, tức thì các hoa sen bằng bảy báu từ dưới đất vụt hiện lên, trên mỗi cánh hoa đều có vô số trăm ngàn màn quý xen nhau phô bày, lớn như bánh xe to hơn cả tòa ngồi của trời Đế Thích, giăng treo các thứ ngọc minh nguyệt, ngọc đỏ, các thứ chuỗi làm cờ, tất cả đều hướng về tám phương muốn cứu giúp tám nạn. Tất cả bốn chúng đệ tử trong chúng hội là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ cùng các vị Trời, Rồng, Thần, Càn-thát-bà..., Nhân phi nhân đều an tọa trên các đóa sen ấy để được nhìn rõ tôn nhan Đức Như Lai. Các vị Bồ-tát Đại sĩ theo hầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều có tướng tốt đầy đủ, uy thần lồng lộng, hầu như đều giống nhau, an tọa trên các đóa sen, nhất tâm chắp tay, hết mực cung kính hướng về Đức Phật cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chí cầu đại đạo.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bước ra bạch Phật:

–Nay bốn chúng đệ tử cùng các vị Trời, Rồng, Thần đều khao khát mong cầu Đức Thế Tôn giảng nói về chuyển pháp luân không thoái lìa mọi cấu nhiễm. Các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ này cùng với các vị Trời, Rồng, Thần đông vô số ngàn, dốc lòng kính tin phụng thờ Chánh pháp, cho đến dự vào Tám bậc hành hóa phát triển đạo, chẳng trở lại, không vướng mắc, các quả vị Thanh văn, Duyên

giác... họ đều tỏ ra chấp trước, bám víu, cho nên Đức Thế Tôn dứt bỏ ý niệm chấp trước ấy. Vì sao Như Lai soi rõ các vị trì tín đến việc vâng thờ Chánh pháp, hiện rõ hạnh Duyên giác?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn yên lặng không đáp.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Kính bạch Bậc Đại Thánh, vào lúc gần sáng, con vừa thức giấc, ra khỏi phòng đi đến chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, trông thấy phòng của Thế Tôn rồi đi tiếp về phía trước, chợt thấy có đến mười muôn đóa hoa sen bay vòng quanh căn phòng của Như Lai, tất cả đều phát ra ánh sáng chiếu khắp khu vườn rừng và thành Xá-vệ cũng như khắp cả các cõi nước trong tam thiên đại thiên thế giới, lại nghe tiếng pháp âm lớn hòa cùng âm nhạc vang động. Mong Đức Thế Tôn nói rõ về sự cảm ứng ấy.

Đức Phật dạy:

–Hôm nay ta sẽ giảng về chuyển pháp luân không thoái, Văn-thù-sư-lợi cũng đã nhận biết về điềm lành ấy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Hôm nay, vào lúc gần sáng con thấy ánh sáng từ cửa sổ nơi mái hiên chiếu vào phòng khiến con tỉnh giấc, ra khỏi phòng thì thấy cả khu Kỳ hoàn như ngập trong nước, nước óng ánh và trong lành, lại chẳng thấy cây cối cùng tinh xá đâu cả, chỉ thấy ánh sáng rực rỡ, vậy điềm cảm ứng ấy là thế nào?

Phật dạy:

–Hôm nay, Văn-thù-sư-lợi sẽ nói về pháp sâu xa Bất thoái chuyển luân, điềm lành ấy ứng hiện là như vậy.

Tức thì Đức Thế Tôn vì Tôn giả A-nan mà nói bài tụng:

Các Đức Phật, vô ngã
Chỉ Nhất thừa vô thượng
Có duyên nên thưa hỏi.
Thừa ấy rất thanh tịnh
Phật đạo không gì hơn
Tiếng êm dịu mạnh mẽ
Hôm nay muốn thưa hỏi.
Thừa ấy dứt tưởng niệm
Thanh tịnh lìa đùa bỡn
Tiếng êm dịu mạnh mẽ

Hôm nay muốn thưa hỏi.
Lời dịu dàng thưa hỏi
Cứu giúp tất cả thừa
Mọi chốn đều thành tựu
Chẳng sạch cũng chẳng thiệt.
Tất cả lời thưa hỏi
Đều chẳng thành đạo quả
Thế Tôn vì vốn không
Chỉ dạy luôn chân thật.
Lời êm dịu mạnh mẽ
Hôm nay muốn thưa hỏi
Ở nơi lìa âm thanh
Mọi tiếng đều bình đẳng.
Lời êm dịu thưa hỏi
Do động, phát âm thanh
Tiếng ấy không giữ được
Pháp không tiếng, không chữ
Lời êm dịu thưa hỏi
Tiếng pháp thảy như gió
Lìa tướng, không thể lập
Nhằm độ kẻ chấp tiếng.
A-nan hãy lắng nghe
Lời vang khắp thưa hỏi
Thân theo nẻo chánh pháp
Dứt tưởng, cũng lại không.
Chư Phật Đẳng Chánh Giác
Vắng lặng không có tướng
Dù nói hay, không nói
Tất cả pháp vô trụ.
Bình đẳng biết không sắc
Chỗ dấu đạo hướng tới
Đạt đến, không trở lại
Các pháp do Phật nói.
Lìa xa mọi hình tướng
Như hư không vô số
Phật đạo không vướng mắc
Đó là lời hỏi khắp.
Phật quá khứ, đương lai

Đến nay cũng như vậy
Trí tuệ đạo hiện bày
Không hề bị bụi bám.
Chẳng thể thấy pháp giới
Chỉ dùng âm thanh nghe
Nhận biết kinh vốn không
Pháp ấy chính là đạo.
Bố thí độ vô cực
Giới tịnh cũng như thế
Nhẫn nhục độ vô cực
Giảng nói rõ Phật đạo.
Tinh tấn độ vô cực
Nhất tâm cũng được vậy
Trí tuệ độ vô cực
Tuệ sáng hiện rõ đạo.
Phật khéo quyền phương tiện
Thần thông đến bờ kia
Mượn tiếng giảng Phật đạo
Không tham đắm thế gian.
Chỉ dạy về ba thừa
Tuyên dương nói các quả
Lời Bậc Đạo Sư dạy
Thuận theo xét bản tánh.
Ta ra đời năm trược
Rõ bao kẻ kém lười
Nên ta vì Phật thừa
Giúp người thành Đại Thánh.
Ta nêu rõ bốn quả
Đã thành, không vướng mắc
Theo âm gọi Thanh văn
Các pháp không duyên hợp.
Chỗ gọi các duyên hợp
Đều cùng nương đó lập
Hiện tại có nhân duyên
Nên nói pháp hiện nay.
La-hán là Thanh văn
Nhờ quán thành Duyên giác
Không hề khởi pháp nhẫn

Tầm nhìn của Bồ-tát.
Là không, dứt mọi tưởng
Thiền bình đẳng, không nguyện
Tiếng ba môn Giải thoát
Cho nên nói Nê-hoàn.
Chẳng vướng các pháp xưa
Đến hiện tại cũng thế
Chỗ gắn cùng mười phương
Không sạch, không thật có.
Lời hỏi nay vang khắp
Pháp sâu mầu vô lượng
Chí thành cùng dốc sức
Chẳng phế bỏ các quả.
Chuyên chú nơi Nhất thừa
Không nghĩ tất cả pháp
Nên thưa hỏi Đức Phật
Duyên nghĩ nhớ quả đức.
Ba đời này bình đẳng
Vắng lặng, dứt các tưởng
Đã vượt mọi âm thanh
Không nương dựa Phật đạo.
Ví như có hai mươi
Dòng chảy của sông suối
Các Bồ-tát cũng vậy
Âm thanh hóa độ khắp.
Theo chư Phật nghe nhận
Chỗ Bồ-tát tu hành
Ba đường đều bình đẳng
Khen ngợi vào Đại thừa.
Âm khắp chí mạnh mẽ
Quyết xé tan lưới nghi
Vun bồi thêm quả đức
Nên hỏi bậc Trí tuệ.
Chỗ Phật xây dựng này
Tu nguyện cũng như thế
Giảng nói cả ba thừa
Cứu giúp bao lo khổ.
Tiếng khắp, chí mạnh mẽ

Nhân vì các tạo tác
Mong Đạo Sư giảng pháp
Chỉ đường đi Bồ-tát
Các trời ức trăm ngàn
Không trung cúng dường Phật
Chí ưa thích quả đức
Thảy đều hết do dự.
Và bốn chúng Tỳ-kheo
Tỳ-kheo-ni, Cư sĩ
Luôn nghĩ về quả đức
Nên phân biệt cho hiểu.
Tiếng êm dịu thưa hỏi
Xé rách các lưới nghi
Các Bồ-tát trong hội
Đều muốn nhận pháp này.

-oOo-

Phẩm 2: Giữ Vững Lòng Tin

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ này xong, Tôn giả A-nan liền bước đến bạch Phật:

–Bạch Đức Đại Thánh, hôm nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi sẽ hỏi Như Lai về chuyển pháp luân không thoái chăng?

Đức Phật bảo:

–Đúng như vậy!

Tôn giả A-nan hỏi:

–Vì sao lại chỉ giảng nói về pháp không thoái chuyển ấy?

Phật dạy:

–Này A-nan! Các Phật, Thế Tôn đều dựa trên pháp không thoái chuyển mới nói pháp được.

A-nan lại hỏi:

–Do duyên tối thắng nào mà chuyển từ việc dốc tin cho đến quả vị Duyên giác, Như Lai chỉ nhằm nêu bật các pháp của Bồ-tát?

Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Nên biết trong kinh điển thường đề cao vai trò của Bồ-tát là hơn hết. Vì sao? Vì thân ta sở dĩ xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẩn đục này là vì chí nguyện nhằm cứu vớt những hạng người

thấp kém. Các Phật phải dùng các phương tiện quyền xảo, tùy theo thời nghi mà giảng nói kinh pháp. Kẻ ít ham thích những điều giảng dạy nhiệm mầu, phần nhiều đều hâm mộ các pháp, thấp kém, do đó mà Như Lai cũng đã dùng các phương tiện khéo léo để nói các pháp như đã nói, dần dà mới giảng nói các pháp Đại thừa, là những pháp cốt yếu, căn bản. Cho nên phải quán tâm để thuận theo sự phát khởi của tâm ý người nghe mà cứu độ họ. Chí nếu đã đạt đến chỗ nhu hòa, an ổn, không còn có chỗ để tạo lập, mọi khổ vui đều dứt trừ, thấu hiển không từ đâu sinh, chẳng sạch, chẳng diệt, an vui trong cảnh vô vi, dần dần hướng về đại tuệ, Nhất thiết trí...

Bấy giờ Đức Thế Tôn yên lặng không nói.

Khi ấy, Tôn giả A-nan hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đức Như Lai vì sao im lặng không nói?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ở thế gian ít người tin được các pháp Như Lai đã giảng nói ấy, ngay như vô số chư vị La-hán ở đây, cũng có tới hàng trăm hàng ngàn vị khi nghe Đức Thế Tôn nói thì trong lòng ngạc nhiên không hiểu, cho rằng Như Lai vì sao lại giảng dạy kinh khác lạ như thế. Nay ta tận mắt xem trong bốn chúng đệ tử ở đây thấy họ lòng còn đầy những ngờ vực. Sao Đức Như Lai không nhân đấy mà nói rõ, từ những trường hợp tin tưởng đặc biệt cho đến vâng thờ Chánh pháp, đạt quả vị Duyên giác, có vướng mắc gì đều khiến được thông đạt. Vô số ức các vị Trời, Rồng, Thần đều cùng do dự, sao Đức Như Lai không nhân đấy mà làm rõ hơn nữa các đầu mối. Con đường tu tập của Bồ-tát không trở lại, cũng không vướng mắc vào bước đường của bậc Duyên giác, vô lượng trăm ngàn ức Bồ-tát ở đây cũng chưa thấu đạt, nên Đức Thế Tôn đã hết lời khen ngợi con đường tu tập của Bồ-tát, từ trường hợp giữ vững lòng tin cho tới việc vâng thờ Chánh pháp, đạt bốn quả Thanh văn, Duyên giác. Có thể nói rằng khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp ấy thì tất cả sông ngòi lớn nhỏ, mương rãnh suối khe thảy đều bị dừng lại không thể chảy được. Chim bay trên không cũng không thể lui tới được. Mặt trời, mặt trăng như không còn trước mặt ta, ánh sáng bị che lấp nên cảnh vật trở nên rất u tối. Vì sao? Vì pháp ấy vô cùng nhiệm mầu, khó hiểu, cho nên Đức Như Lai im lặng không nói.

Khi ấy, mười muôn đóa hoa sen đang bay vòng quanh phòng của Phật, thảy đều đồng thanh tỏ lời thỉnh cầu:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói về pháp không thoái chuyển, là pháp cốt yếu thanh tịnh của kinh điển Đại thừa. Chúng con đã từng theo chín mười hai ức, trăm ngàn triệu triệu Phật và được nghe kinh Trí tuệ này, ở nơi các cõi Phật đó thảy đều tu tập theo pháp ấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất cũng bước đến trước Phật hết lòng thưa bày:

–Cúi mong Bậc Đại Thánh giảng nói chuyển pháp luân không thoái. Vào lúc gần sáng, con đã cùng với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi dạo khắp cả vô số cõi Phật ở mười phương, đều nghe các Đức Phật, Thế Tôn ở các cõi ấy nói về pháp nhiệm mầu đó.

Bấy giờ, trong hư không có đến tám mươi lăm ức trăm ngàn triệu triệu vị trời đều cung kính hướng về Đức Thế Tôn thỉnh cầu, mong được nghe Đức Như Lai nói về pháp không thoái chuyển:

–Chúng con hiện đang ở cõi này nhưng đã từng đi theo chín mươi hai ức trăm ngàn triệu triệu các Đức Phật học hỏi, thọ nhận pháp ấy.

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Mong được Thế Tôn thương xót mà giảng nói pháp không thoái chuyển. Do đâu mà Thế Tôn nói về ý nghĩa của việc dốc sức tin tưởng, kính thờ Chánh pháp cho đến đạt quả vị Duyên giác. Bốn chúng đệ tử ở đây thảy đều im lặng chăm chú muốn nghe Thế Tôn giảng rõ về pháp ấy, hiện nay có vô số trăm ngàn chúng chưa dứt bỏ được kết sử. Vì sao Thế Tôn lại cố làm sáng tỏ con đường tu tập của Bồ-tát từ việc giữ vững niềm tin, kính thờ Chánh pháp cho đến đạt quả vị Duyên giác. Mối nghi ngờ lớn ấy phải được giải rõ. Cúi mong Như Lai khởi tâm từ bi thương xót mà dứt bỏ mối vướng mắc này, khiến cho tất cả cùng nhận thấy những chứng cớ rõ ràng mà dốc lòng tin theo Thánh đạo.

Phật bảo A-nan:

–Đúng thế! Như Lai là Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác nên trong khi thuyết pháp giảng kinh chẳng phải giải thích thêm về những chứng cớ đã rõ ràng.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế nào là những chứng cớ đã rõ ràng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Chứng cớ rõ ràng về kinh sách và người nghe, sau đó mới nói pháp. Pháp lực của Như Lai là Đẳng giác sáng suốt nhất, vì chứng cớ rõ

ràng ấy đã phân biệt. A-nan phải lắng nghe khéo suy nghĩ ghi nhớ, giờ ông đã rõ sở nhân của Như Lai nhằm nói về tánh chất sáng tỏ tốt đẹp của hạnh Bồ-tát từ việc giữ vững niềm tin, kính thờ Chánh pháp cho tới đạt quả vị Duyên giác.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cùng với đại chúng lắng nghe và lãnh thọ giáo pháp.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Do nhân nào mà Như Lai khen ngợi hạnh Bồ-tát về việc dốc sức giữ vững niềm tin? Là vì Bồ-tát chỉ dạy hóa độ chúng sinh vô lượng không thể tính kể hết, khiến họ đứng vững trong sự dốc tin, được thấy các Đức Phật, cũng như các vị Bồ-tát đã thấy Bậc Đại Thánh mà không chấp vào thân Phật, nhận thức đúng đắn và thích hợp về lẽ sinh tử, cũng không quyến luyến thân năm ấm này vì nó như hư không. Đó là hạnh Bồ-tát giữ vững niềm tin.

Lại nữa, này A-nan! Bồ-tát tin các pháp là Không, đúng với những điều Như Lai đã giảng dạy không hề sai khác. Lại nữa, này A-nan! Bồ-tát thành thật tin vào trí tuệ Phật, trong tâm tự nghĩ, do nhân gì mà trí tuệ bình đẳng, nhưng cũng không vướng vào chỗ quy hướng của trí tuệ ấy, xem xét như vậy chính là giữ vững niềm tin. Lại nữa, Bồ-tát không tin năm dục mà đạt được đạo lực, đó là dốc tin. Lại nữa, Bồ-tát vì nhân duyên gì điều phục tâm mình thích ứng với mọi cách pháp thí, riêng đạt đến quả vị Chí chân Chánh đẳng Chánh giác, tâm luôn an nhiên dốc sức đối với pháp thí, tâm nhớ nghĩ về điều ấy, đó chính là giữ vững niềm tin.

Lại nữa, Bồ-tát đối với tất cả sở hữu của mình đều có thể đem thi ân bố thí, không hề tiếc đến thân mạng mình để khuyên giúp đạo pháp, không chọn lựa khi thi ân bố thí, không khoe khoang, bỏn xẻn, tất cả đều là phước đức đều nhằm khuyên giúp đạo pháp, luôn quán xét các pháp là không, không thấy mình là Bồ-tát. Sự xét nét chính đáng ấy đã tạo nên niềm tin.

Lại nữa, Bồ-tát dốc lòng với Phật đạo mà tâm không buông lung, ham chuộng các pháp tĩnh lặng để dứt trừ sự vọng động của sáu căn, không tham luyến những thứ ấy mà chí nguyện quên phép tắc của bậc Thánh, hóa độ dẫn dắt chúng sinh không phải là vì chỗ đứng của mình, mà là khiến họ quy thuận kinh Phật, khiến cho đạo pháp càng thêm khởi sắc, hưng thịnh. Bồ-tát phát tâm vì đạo lớn, không chấp vào tâm ấy, cũng không tham đắm; đồng với pháp giới, vì biết rõ tất cả chỉ là sự kết hợp của âm thanh và ngôn

từ, đều do bốn đại cùng các thứ khác hợp nên; lại tin rằng tạo tác của muôn vật là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sự tin tưởng đó đem đến sức mạnh cho niềm tin vào ý nghĩa của giới, do vậy mà không buông lung, các nghiệp được thanh tịnh, ý được tập trung, chánh thọ vắng lặng vô vi, tin tất cả các cõi đều quy về không, vô tận, thân tâm và pháp giới không khác, đó chính là gốc của niềm tin. Quan sát và nhận thức như vậy nhưng không hề lìa bỏ chúng sinh, xem tất cả con người và pháp giới là bình đẳng, nhưng cũng không thấy pháp giới là có thật. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh rốt cuộc đều quy về pháp giới. Giả sử dốc tin vào các pháp như thế đó gọi là giữ niềm tin.

Lại nữa, Bồ-tát đều tin tưởng chúng sinh, những người có tham dục, cũng không có thọ. Tâm của Bồ-tát luôn an nhiên như hư không, không thấy sự tạo lập của chúng sinh, luôn mở rộng tầm nhìn đến các loài chúng sinh, tất cả đều là Nê-hoàn. Vì sao? Vì chúng sinh là không, nên xét kỹ sự thật cũng vốn là không, vì vậy mà xem chúng sinh đều là Nê-hoàn và khiến cho vô số người đều kính tin như thế. Cho nên Bồ-tát đã giữ vững niềm tin của mình.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

Khai hóa vô số người
Giúp thấy vô lượng Phật
Không chấp trước các Phật
Đó là vững lòng tin.
Tin, hiểu tất cả pháp
Biết rõ đều là không
An vui dạy như vậy
Đó là vững lòng tin.
Chí hâm mộ đạo tuệ
Tâm thường nghĩ điều ấy
Ta hội đủ nhân duyên
Chí sáng tâm thông suốt.
Đối với năm dục lạc
Lòng không chút tin ưa
Đạt được sức tin ấy
Đó là vững lòng tin.
Kính tin giữ giới cấm
Ta theo nhân nào thành

Dốc lòng hành pháp thí
Giống như Phật Đại Thánh.
Bậc Đại sĩ mạnh mẽ
Tâm tin, hành bố thí
Lòng không cầu phước báo
Đó là vững lòng tin.
Nếu có người cầu xin
Tâm thì đều bình đẳng
Hành động không vướng chấp
Đó là vững lòng tin.
Ưa thích việc thứ cho
Tất cả, không tham cấu
Đều hướng về Thánh đạo
Đó là vững lòng tin.
Dứt vọng động sáu căn
Thông tỏ, dứt sở cầu
Để đạt được pháp lực
Đó là vững lòng tin.
Cung kính hướng về Phật
Tâm rốt ráo trong lành
Dốc sức với đạo pháp
Đó là vững lòng tin.
Lìa bỏ sáu thứ bệnh
Tâm dứt mọi sở cầu
Rõ năm ấm là giả
Đó là vững lòng tin.
Nếu người chẳng mộ đạo
Khuyến hóa khiến ưa thích
Chẳng còn nghi Phật pháp
Đó là vững lòng tin.
Nếu thấy người vui mừng
Dẫn dắt đạo tâm ấy
Tự xét tâm không được
Đó là vững lòng tin.
Tuệ bình đẳng sáu suy
Pháp giới không sai khác
Cõi nước không thể được
Cõi nước và lời, tiếng.

Tâm thường nghĩ thỉ chung
Khổ, không, chẳng tôi, ta
Được sức mạnh trí tuệ
Đó là vững lòng tin.
Thích tu giới cấm Phật
Thanh tịnh không buông lung
Giới, định đã đầy đủ
Đó là vững lòng tin.
Ưa thích cõi vắng lặng
Chúng sinh cũng như vậy
Thảy đều có tương quan
Đó là vững lòng tin.
Không xả bỏ mọi người
Pháp giới cũng như thế
Chấp loài chúng sinh kia
Qua cõi không nghĩ bàn
Như pháp giới không khác
Tin này đã rõ ràng
Cho nên khen dốc tin
Bồ-tát không lo sợ.
Chúng sinh đều tự nhiên
Hiểu rõ không trụ xứ
Rõ muôn pháp đều không
Cõi ấy chẳng thể đạt.
Tất cả người vô vi
Cả muôn loài cũng không
Là Nê-hoàn vắng lặng
Nên làm rõ tất cả.
Nếu Bồ-tát mạnh mẽ
Hiểu chúng sinh như vậy
Cho nên được danh hiệu
Ca ngợi hạnh trì tín.
Dốc sức với Chánh pháp
Khen hạnh giữ lòng tin
A-nan nên ghi nhớ
Phân biệt nói cũng thế.
A-nan! Ta nhân đây
Hành theo đạo không dư

Là pháp đạt Đẳng giác
Bồ-tát bày ánh sáng.

Như thế, này A-nan! Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã hết lời khen ngợi vai trò của hạnh Bồ-tát, ở chỗ làm rõ ý nghĩa của việc giữ vững niềm tin, từ đó dùng các phương tiện khéo léo mà khai mở dẫn dắt chúng sinh.

-oOo-

Phẩm 3: Phụng Trì Trì Chánh Trì Chánh Pháp

Phật bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, khen ngợi việc Bồ-tát kính giữ chánh pháp?

Là vì Bồ-tát đối với sự tồn tại của Phật đạo, tâm chí không lui sụt, giữ gìn phép tắc của Phật, phân biệt rõ ràng, không vượt ngoài pháp giới. Đối với kinh sách, sự thông hiểu tỏ ngộ của Bồ-tát cũng không thể suy nghĩ bàn luận, đối với pháp Tổng trì thường an định bất động, chí nguyện thuận theo lời kinh, luôn làm sáng tỏ tất cả những chỗ còn ngờ. Đối với các pháp, tự nhiên không dính mắc. Đối với pháp Tổng trì thì luôn nắm giữ với tinh thần vô trụ, thuận theo pháp Tổng trì mà không chấp kinh văn, chí thường an vui, tôn kính đạo pháp, đối với tất cả pháp mà không đắm, dùng hạnh Bất thọ để giảng nói Chánh pháp; chí, tánh nhân ái, nhu hòa, mọi hành động đều an ổn, từ đấy giảng về lý vắng lặng trong kinh sách. Đối với việc giữ gìn chánh pháp không nương không bỏ, tất cả tự nhiên theo đúng con đường của các Đức Phật, đạt được ý nghĩa như vậy nhưng chưa từng đánh mất thân mạng mình trong bước đường hành đạo. Thân thường vững bền, đời không thật có, đó gọi là Bồ-tát thường quán sát chưa từng thấy thân nầy an trụ nơi chân lý. Bồ-tát tự thuận theo Chánh pháp. Bình đẳng với cảnh giới, chẳng đến chẳng đi, có hiểu biết các Đức Phật, Bồ-tát có thể nói pháp. Đạt được điều cốt yếu thanh tịnh vô cấu, thấy tất cả pháp không hợp không tan, thấy các kinh điển bỗng nhiên biến mất, cho nên không thấy các pháp vô vi, vì thế mà không thấy. Đã không trông thấy pháp thì cũng không nắm giữ, biết cảnh giới là không thì giảng nói kinh sách, tâm ý luôn an nhiên, dứt mọi đùa bỡn, không hình tướng, mát mẻ, lìa tâm, vô tâm, tâm không thể được, vì không thể được nên đó là đạo tâm, mà tâm ấy cũng không đi lại, nêu rõ con đường vắng lặng, không thể nói năng, không thể mong cầu. Đối với

pháp như vậy không dựa vào nhân, sở dĩ không dựa vào nhân vì không có việc phát huy diện mạo các pháp. Thường thuận theo kinh điển là pháp của Bồ-tát nhưng không dính mắc Nê-hoàn bất sinh, bất diệt. Bồ-tát nói nghĩa này giống như hiển bày, không ham chuộng chủng tánh, đem những điều đã đạt được như thế để xả bỏ các chủng tánh, đạt đến hạnh Bồ-tát là pháp vô sở đắc. Đối với mọi biến chuyển đều không đến không đi, tất cả các trí tuệ không quá khứ, vị lai, hiện tại. Giữ vững niềm tin như vậy chẳng lay động, không lui không bỏ, kính giữ các pháp không gấp không hoãn. Đó là giữ gìn Chánh pháp, đi đúng con đường của Bồ-tát, đạt được hạnh của các Đức Phật tức là Vô sở đắc, thành Bồ-tát Đại sĩ như thế gọi là kính thờ Chánh pháp.

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Pháp tất cả các Phật
Không hề có thoái lui
Kính giữ kinh như thế
Đó gọi là giữ pháp.
Giảng pháp của các Phật
An nhiên dứt mọi tưởng
Sâu xa "bất khả đắc"
Đó gọi là giữ pháp.
Không hề bỏ các cõi
Pháp giới không nghĩ bàn
Để đạt đến nghĩa ấy
Đó gọi là giữ pháp.
Kính pháp luôn dốc lòng
Việc làm của các Phật
Tâm không chút vướng mắc
Đó gọi là giữ pháp.
Nắm giữ không tiến, lùi
Tất cả pháp tự nhiên
Không chấp vào kinh điển
Đó gọi là giữ pháp.
Không ở trong vắng lặng
Kính giữ đúng nẻo chánh
Vì thuận theo kinh kia
Đó gọi là giữ pháp.
Đạo thường là Pháp thân

Mến cầu pháp nhiệm mầu
Dứt trừ sự biếng nhác
Đó gọi là giữ pháp.
Nghe, kinh thì lãnh thọ
Học, suy nghĩ, luyện tập
Tánh nhân từ an nhiên
Đó gọi là giữ pháp.
Thường giảng nghĩa đạm nhiên
Theo kinh nhưng không chấp
Đạt được hạnh vô tưởng
Đó gọi là giữ pháp.
Tâm vững bền cùng đạo
Trí sáng, hành vô trụ
Thấy thân mình là không
Kia hiểu sâu như thế
Cho đến thấy không thân
Pháp giới thì bình đẳng
Không đến cũng không đi
Nhận rõ các tưởng thân
Các Phật và Bồ-tát
Có thể giảng nói pháp
Khắp đến kinh điển này
Đó gọi là giữ pháp.
Tất cả pháp vô vi
Pháp giới rất thanh tịnh
Người kính giữ kinh này
Đó gọi là giữ pháp.
Xem khắp tất cả kinh
Vừa thấy, liền chẳng thấy
Nếu không thấy các pháp
Đó là không chỗ giữ.
Các cõi này đều không
Cho nên giảng pháp giới
Tự nhiên lìa các tưởng
Không thân, không đùa bỡn
Tâm lìa bỏ ba cõi
Chí cũng "bất khả đắc"
Nếu không đến được tâm

Niệm ấy là trên hết
Chí nguyện vốn không ý
Giảng pháp nghĩa vắng lặng
Không lời, không đắm nhiễm
Tâm ấy là hơn hết.
Kính thờ được pháp này
Không sinh tâm đắm nhiễm
Không nương vào các cõi
Đó gọi là giữ pháp.
Bồ-tát kính thờ pháp
Như thế hợp kinh sách
Không nương, không chỗ khởi
Hiện bày không tạo tác.
Theo đúng đường đã dạy
Thuận các chủng tánh kia
Đạt được ý nghĩa này
Nên khen ngợi chủng tánh
Tánh ấy nên vun trồng
Đó là nghĩa Bồ-tát
Thuận theo pháp Tổng trì
Đó gọi là giữ pháp.
Rốt không thấy các pháp
Tất cả không chốn đến
Nếu dốc lòng tìm cầu
Cũng không phải pháp ấy.
Nên vì không thú hướng
Mà hiểu tất cả pháp
Phân biệt rõ Tổng trì
Không tạo tác, dao động.
Không bỏ, không chốn tìm
Pháp ấy liền hiện rõ
Không nâng lên, hạ xuống
Tổng trì vui các pháp.
Với các pháp đều không
Giảng nói không chấp trước
Chẳng đạt nơi các kinh
Đó gọi là giữ pháp.
A-nan! Ta hôm nay

Giảng nói hạnh Bồ-tát
Thông đạt đạo nhiệm mầu
Đó gọi là giữ pháp.
A-nan! Ta hôm nay
Khen ngợi người kính pháp
Khiến người nhớ đạo mầu,
Khai mở cho muôn loài.
Trao truyền vô số pháp
Chỗ Bồ-tát ngợi khen
Phương tiện an ổn mãi
Nên khen ngợi kinh này.

Phật bảo A-nan:

–Do vậy mà Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác khen ngợi pháp Tổng trì của Bồ-tát, nghĩa hiển bày này cũng là phương tiện khéo léo.

-oOo-

Phẩm 4: Tám Bậc

Phật bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, khen ngợi ý nghĩa tám đẳng của Bồ-tát? Là vì Bồ-tát đã xa lìa hẳn tám con đường tà để đi đến cửa giải thoát, nhưng không vướng mắc, không vin dựa vào tám con đường chân chánh, pháp hóa độ phàm phu, đứng vững nơi đạo nghĩa, đạt được Trung đạo, vượt khỏi phàm tục, nguyện đứng vững trong trí tuệ của đạo nhưng chẳng thấy là mình đến được con đường đó. Ra khỏi đường tà, thường trụ trong chánh quán, đạt tới cõi bình đẳng, dứt bỏ mọi tham đắm về thân mạng, nguyện sống trong đạo nghĩa đạt đến quả vị Phật, dứt trừ những ý tưởng về con người, thường nhớ nghĩ đến lời Phật dạy. Tâm bình đẳng đối với tất cả, xa lìa mọi mê đắm đối với chúng sinh, thường sống trong vô trụ, các pháp đều dứt. Vì sao? Vì các pháp không thể đạt được, cho dù thân tâm có dốc sức tôn sùng.

Bồ-tát lìa bỏ các sách vở thế tục, ham chuộng các kinh điển cứu đời, đạt được chánh định về pháp giới, không theo đạo pháp mà cũng không lìa bỏ cuộc đời, vì lìa bỏ cuộc đời thì mọi sự sẽ là vô nghĩa.

Bồ-tát tu tập theo lẽ bình đẳng, đoạn lìa mọi vọng tưởng, đắm trước, quá khứ, hiện tại, vị lai, tâm niệm không khác, không được ý đạo. Vì sao? Vì chí nguyện của các bậc Bồ-tát thảy đều là để đạt đến trí tuệ

rộng khắp, cho nên lửa dữ hay đao gậy cũng không thể hại thân được các cõi đều lìa bỏ, chỉ mong đạt đến cõi Phật, không rời các con đường, không lập đến đi, chỗ qua lại của con đường được mở rộng ra tạo nên sự an ổn hoàn toàn, cho nên nói con đường Bồ-tát không có chỗ trụ. Vì sao? Vì Phật đạo vốn không, cho nên không có nơi chốn, do không có chỗ trụ nên dao nhọn không thể hại thân, đúng bước đường của bậc Vô học; Vô học cũng không có chỗ tìm cầu, chưa từng hâm mộ, chẳng được chí của bậc Thánh hiền, do vậy mà dao nhọn không hại được, vì thế cho nên dao không hại được thân, không thể dao động, tất cả đạo đều không, nhờ. Không tuệ phân biệt, nên dao nhọn không hại được, dùng lòng Từ bi thương xót rộng lớn đối với chúng sinh, đạt được cõi vắng lặng, an nhiên, bố thí rộng khắp, thương xót trừ bỏ tâm giận dữ. Hạnh Từ bi ấy làm tăng thêm trí tuệ sáng suốt, đem lòng Từ bi ấy hóa độ chúng sinh ở thế gian, thành tựu hạnh thương xót rộng lớn, không được giới hạn nơi con người thì hạnh Từ bi đó mới đầy đủ, dao nhọn không hại được.

Lòng Từ bi của Bồ-tát đối với chúng sinh ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cho đến cả cõi pháp giới thảy đều bình đẳng vì đạo không chỉ có ngần ấy. Bồ-tát không dấy khởi sự nhớ nghĩ cũng không phát lộ giận dữ, lìa sự đùa bỡn đạt đến sự vắng lặng không còn các âm thanh. Pháp giới như vậy có khả năng độ chúng sinh các cõi. Bồ-tát tạo tác hành động, tất cả đều nên chuyên tâm, tất cả âm thanh, chỗ nào đi tới, các pháp không được kính thờ, cũng không an trụ vào đầu, cuối. Nơi chúng sinh hướng tới chỉ dùng âm thanh để nghe, là chỗ thông suốt của người giảng nói chánh pháp, hóa độ muôn loài, nói về ý tưởng hữu-vô phát khởi thành lời vậy. Lìa bỏ ngã tưởng, vượt qua các âm thanh, vượt qua các thứ tà mới đạt được giáo pháp ấy, hiểu tất cả các pháp, ngôn ngữ âm thanh, như vậy cũng không gọi là đã đạt được các pháp, cũng chẳng có ai được độ, đó gọi là tám bậc, không hề chưa từng đắm trước tất cả âm thanh.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

An trụ trong tám bậc
Đạt tám cửa giải thoát
Đối việc không vướng chấp
Đó gọi là tám bậc.
Vượt tám việc phàm phu
An trụ nơi chánh nghĩa

Chẳng thấy tuệ trung gian
Đó gọi là tám bậc.
Thoát khỏi việc phàm tục
An trụ trong Phật đạo
Bấy giờ không được gì
Đó gọi là tám bậc.
Dứt bỏ các tà kiến
Tu hành theo chánh kiến
Đạt đến đạo bình đẳng
Đó gọi là tám bậc.
Bỏ tham, ái thân mình
Đứng vững nơi đạo Thánh
Cho đến được thành Phật
Đó gọi là tám bậc.
Dứt dục vọng chúng sinh
Thường tu hành hạnh Phật
Ta, người đều bình đẳng
Đó gọi là tám bậc.
Vượt vọng tưởng chúng sinh
Trụ trong vô sở trụ
Các pháp đều vượt qua
Đó gọi là tám bậc.
Dứt bỏ các pháp tục
Kính tu theo Chánh pháp
Và dạy nghĩa vắng lặng
Đó gọi là tám bậc.
Lìa bỏ các pháp tục
Phật đạo cũng như vậy
Đối pháp ấy không đắc
Đó gọi là tám bậc.
Nói có một gốc thôi
Không có hai, bờ mé
Dứt bỏ ý niệm ấy
Đó gọi là tám bậc.
Không ở nơi trung gian
Chí dứt, bỏ mê đắm
Trí đạo đều như nhất
Đó gọi là tám bậc.

Không được tâm quá khứ
Đương lai cũng như thế
Bình đẳng ở hiện tại
Đó gọi là tám bậc.
Tâm không chỗ khởi đầu
Người phát tâm theo đạo
Tâm ấy chẳng thể được
Nhờ đâu để đạt đạo?
Vào được nơi không chấp
Như Thánh, không chỗ đạt
Nên dao cùng thuốc độc
Không thể làm hại thân.
Thoát ra khỏi năm đường
Gốc của mọi vọng tưởng
Gồm đủ sự qua lại
Đó gọi là không dối.
Lìa đạo không trở lại
Lời nói, ra âm thanh
Dứt bỏ đắm mê tiếng
Cho nên không tự dối.
Không rõ được nguyên nhân
Xưa nay cũng như vậy
Đi, lại chỉ tiếng thôi
Chỉ khuyến khích người học.
Giáo hóa nên dùng lời
An trụ cũng lại không
Nên tu học như thế
Vì thế chẳng tự dối.
Điều Bồ-tát tu tập
Học rõ tuệ như thế
Tất cả không chỗ đoạn
Đó gọi không tự dối.
Chẳng tham đắm thân mình
Dù có dao bén nhọn
Cũng không hại được thân
Không hề có dao động.
Tâm Từ trùm tất cả
Tâm Bi lớn ưa đạo

Dứt bỏ tâm sân, hại
Đao bén chẳng hại được.
Ví có kẻ muốn hại
Tự nghĩ thân là không
Mà đạt đến Phật đạo
Dao làm sao hại được.
Đạt đến lời an nhiên
Dứt hết các đường ác
Dứt sạch các tai ương
Dao bén chẳng hại được.
Thành tựu tuệ sáng suốt
Bậc Thánh đạt không thiếu
Sáng rỡ như Phật đạo
Nên dao chẳng hại được.
Cõi Dục và cõi Sắc
Vô sắc là ba cõi
Ba cõi này đồng nhau
Vì thế chẳng tự dối.
Đều thành tựu Chánh giác
Chẳng thấy tên khác nhau
Không bỏ sao sạch được
Thanh tịnh không đùa bỡn,
Vào con đường bình đẳng
Nên gọi là Bồ-tát.
Nếu mê đắm âm thanh
Chẳng lìa khỏi năm đường,
Tuy lời thông pháp giới
Lời giảng không thể đi
Đã đạt chẳng trụ nhẫn
Đó gọi là tám bậc.
Phân biệt các âm hưởng
Giảng pháp vắng lặng
Vô niệm, chẳng có tên
Nên gọi là tám bậc.
Dứt bỏ mọi âm thanh
Mà đạt cõi không tiếng
Không đắm tất cả tiếng
Đó gọi là tám bậc.

Nhờ tiếng hiểu các pháp
Tất cả pháp tự nhiên
Các pháp không có tên
Không thấy có kẻ độ.
A-nan cho nên ta
Khen ngợi tám bậc chánh
Tìm cầu ý nghĩa ấy
Đó cũng không đạt được.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã hết lời khen ngợi Bồ-tát giảng về âm thanh tám bậc, dùng trí tuệ làm phương tiện khéo léo để nêu ý nghĩa nhằm hướng đến.

-oOo-

Phẩm 5: Nẻo Đạo

Phật lại bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai khen ngợi Bồ-tát về việc tạo được sự phát triển đạo pháp? Là vì Bồ-tát luôn theo đúng phép tắc, có thể thông đạt đến tâm của Phật.

Bồ-tát an trụ ở đây để khởi lên những tạo tác hành động, không hề bám chặt nơi chỗ mình đứng, chẳng tiến tới, không lười nhác, vượt qua tất cả pháp, chỉ nhằm đạt đến pháp Phật, không mê đắm ở chỗ thi thố lòng nhân, cũng chẳng nương tựa các pháp, dứt mọi hành động đắm trước mà Phật đã chỉ rõ, gồm đủ các diệu hạnh, đạt đúng theo bước đường đi của Phật.

Bồ-tát luôn tinh tấn, sức lực mạnh mẽ, tâm Từ bi nhẫn nhục không hề trễ nhác, dứt bỏ kiêu mạn, mến mộ tìm cầu đạo nhiệm mầu, Đức Thế Tôn là Bậc Tối Thượng nhưng không mê đắm Thánh hạnh, cũng như không chấp vào hạnh đó.

Bồ-tát sống trong đạo mà tìm cầu các pháp, ở chỗ tìm cầu ấy dứt khoát là không thể đạt được, mà cũng không hề bị chao đảo, tuy an trụ trong đạo nhưng vẫn luôn bàn về lẽ sinh tử. Trí tuệ Phật là bình đẳng, lìa bỏ mọi dục lạc, những thứ khiến cho trí tuệ mình bị che lấp, diệt trừ tất cả mọi tham đắm về thân và tà kiến, siêng năng tu tập, quán tưởng Phật, xét sự tinh tấn kia để theo đúng phép tắc của Phật, dứt sạch mọi vọng tưởng, vượt qua sự

chia cách bỉ ngã. Đó chính là sự phát triển của đạo.

Bồ-tát không chấp nê vào đường Phật đi, giác ngộ về pháp vô vi, không nghi ngờ về trí tuệ Phật và giới cấm của Phật, không ngã theo đời cũng không khư khư chấp giữ vào giới luật, do không thấy thật có nên chẳng có thái độ bám víu vào giới, hoàn toàn rũ bỏ nhưng cũng không loại trừ hẳn ba thứ trói buộc.

Bồ-tát an trụ trong ba cõi nhưng được sự an ổn hoàn toàn, luôn để tâm đến tư tưởng của chúng sinh, không dựa dẫm cũng không ngăn lấp, lìa bỏ tất cả mọi đắm trước để đạt được Phật đạo, đạt đến cõi vắng lặng, chẳng chấp thân mạng mình, các thứ tài sản có thể bố thí mà không bỏn xẻn, các căn thường an vui dứt bỏ mọi hình thức giận tức, dốc tu theo hạnh Phật, tuy đem ân ích để cứu giúp quần sinh thoát khỏi khổ ách nhưng không phải là sự bố thí bừa bãi, đối với người đã được cứu độ, Bồ-tát không trụ vô vi nên vượt qua mọi vọng tưởng, sinh khởi pháp vô niệm, dứt bỏ mọi vọng chấp của con người để đạt đến trí tuệ giác ngộ.

Bồ-tát không hề sợ hãi các cuộc họp đông đảo luận bàn về lẽ vắng lặng nhằm làm thanh tịnh Phật đạo, vượt qua mọi khó khăn, chẳng sợ sinh tử. Vì sao? Vì Bồ-tát đã đạt được pháp an nhiên không chút lỗi lầm, cáu bẩn, an trụ trong cõi nhiệm mầu an vui của Phật, rõ lẽ không đến không đi, diệt sạch mọi thứ vọng chấp, nhằm làm cho chánh đạo thêm sáng tỏ và thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

Giảng, luận về nẻo đạo
Phật, Thánh không nghĩ bàn
Chấp chúng sinh có trụ
Lấy đạo làm chỗ nương.
Tuệ Thánh an vui nhất
Chẳng mắc lưới vọng tưởng
Vắng lặng, chẳng chấp trước
Đối vô sở đắc ấy.
Kẻ đã đạt được đạo
Chí Bồ-tát vững mạnh
Chỉ hướng theo lời Phật
Thế Tôn không ai hơn.
Chí vì đạo dứt tham
Tâm luôn có trí sáng

Đó chính là nẻo đạo
Không nương, không mê đắm.
Gọi là tưởng sinh tử
Tâm Phật cũng như vậy
Đầy đủ bình đẳng chánh
Đó gọi hiểu nẻo đạo.
Không có các ngăn che
Giảng nói về đạo pháp
Cho nên dứt tất cả
Rõ ấy là nẻo đạo.
Chúng sinh đều nương thân
Khởi tâm quán Phật đạo
Ý chí ấy quán sát
Thường thấy rõ đường Phật.
Gốc thân thường sinh, kết
Tưởng xấu, nguy có ngã
Cho nên không bụi bặm
Không mê đắm Phật đạo.
Chí vẫn còn hồ nghi
E không được thành Phật
Cởi mở do dự ấy
Đứng vững trong Phật đạo.
Giả sử biết rõ giới
Cùng lời Phật răn cấm
Dứt bỏ các tưởng giới
Không nên cấm không cấm.
Vượt qua khỏi ba kết
An trụ trong ba cõi
Ắt đạt đến Phật đạo
Nhận rõ tưởng chúng sinh.
Tu phép tắc không minh
Nguyện trí tuệ rộng lớn
Đạt chí Thánh vắng lặng
Chẳng chấp đắm Phật đạo.
Tâm thường xả, bố thí
Trừ bỏ vẻ giận tức
Vì thế chẳng tiếc thân
Giữ đạo không buông lung.

Tất cả chẳng tiếc xót
Cứu giúp mọi khổ não
Đó chính là nẻo đạo
An trụ nơi đường chánh.
Không hề sinh vọng tưởng
Nên tu không chỗ đắm
Do đấy mà dứt sợ
Không sống vô giới cấm.
Nếu tu các kinh sách
Khéo léo bỏ mong cầu
Tỏ ngộ mọi âm hưởng
Xử thế không còn sợ.
Dù đến trong chúng hội
Cũng không các khó khăn
Bèn nêu pháp an nhiên
Làm thanh tịnh Thánh đạo.
Khi tạo khởi tưởng người
Để hiểu hạnh tự nhiên
Nếu người không mạnh mẽ
Sẽ khó lìa sợ hãi.
Nếu bỏ các họa, hại
Nên chẳng sợ trước, sau
Đạt được đạo thanh tịnh
Lìa cấu, an vui nhất.
Hiểu rõ, dứt nẻo ác
Do vậy không sợ hãi
Phép tắc trên bình đẳng
Ân đạo không hề lìa.
Đó là pháp Bồ-tát
Là việc hiện nẻo đạo
Dùng độ kẻ yếu lười
Khéo dẫn dắt, nên nói.
Nhờ phương tiện hay khéo
Giảng nói đạo Phật Thánh
Bồ-tát đã hội nhập
Làm người chỉ dẫn đường.
Pháp Đạo sư giảng nói
Dùng phương tiện thích hợp

Hành gốc cũng như vậy
Chí mến mộ Phật đạo.
A-nan! Ta vì thế
Nói rõ về nẻo đạo
Mịt mờ do ý lấp
Nhiều vọng, cầu như thế.
Vì nói không hiểu được
Tâm tối tăm ngu si
Chê bai trí tinh tấn
Nghe các bậc chí sâu.
A-nan! Ta vì thế
Hết lời khen nẻo đạo
Nêu rõ Bồ-tát không
Các vị phải nghe hiểu.
Vô số trăm ngàn sách
Dẫn dạy về nẻo đạo
Âm thanh của đường đi
Là hiện đường Phật sáng.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã làm sáng tỏ hết mực về hạnh Bồ-tát phát huy đạo pháp. Phải biết rằng đó cũng là dùng phương tiện khéo léo để nêu rõ ý nghĩa vậy.

-oOo-

Phẩm 6: Vãng Lai

Phật lại bảo A-nan:

–Do đâu Như Lai nói hết sức rõ ràng về sự vãng lai của Bồ-tát?

Bấy giờ, Bồ-tát nhập vào Phật đạo, trí tuệ không thể suy nghĩ bàn luận, chí nguyện mong cầu sự giác ngộ như Phật với vô lượng nhân duyên, đối với những sự ồn náo không hề gây tạo.

Bồ-tát suy xét đến cùng về Đại đạo, dùng trí tuệ dứt trừ các duyên, hâm mộ tìm cầu ánh sáng trí tuệ của Phật, mong đạt các pháp thiền định dứt loạn tưởng, vượt hơn các thứ thiền định khác, giũ bỏ các bụi bặm cấu nhiễm, nhằm thấu đạt các pháp và kinh sách của Phật, hiểu rõ tất cả kinh, chỉ tìm ý nghĩa của kinh.

Bồ-tát chính là ánh sáng của đạo đức mà Như Lai luôn che chở giúp

đỡ, các bậc ấy không hề bị dao động mà cũng không có sự dời đổi, nhớ nghĩ chúng sinh trong pháp giới tâm ý bị che lấp, gặp phải bao nỗi thống khổ, lại chẳng hiểu biết gì về kinh điển của Phật.

Bồ-tát mến cầu Phật đạo, là để được đứng vững trong trí tuệ ấy, chí nguyện lớn lao sáng tỏ, tu tập căn, lực, giác ý là nhằm để biết rõ về ba cửa giải thoát, phân biệt ý nghĩa đó. Bồ-tát luôn suy nghĩ: "Thân ta phải làm gì để giáo hóa mọi người khiến họ cũng kính mến Phật đạo, nên đem trí tuệ sáng tỏ ấy mà khuyến khích, giáo hóa các đạo tràng, mong được Phật nhãn, tâm không bị che lấp."

Bồ-tát nhập vào chánh quán, dắt dẫn làm lợi ích cho thế gian, là nhân của trí tuệ, trên hết của chư Phật, Bồ-tát, nếu trí tuệ không thông tỏ tất cả nơi quy hướng của các pháp, thì coi như ánh sáng của sự giác ngộ chưa có thể đạt được. Do vậy mà các bậc Thánh không mong chúng sinh liền được đứng vững ngay trong đạo, đối với mọi trí tuệ ấy phải thông tỏ các pháp là không có nơi chốn, cho nên đời đương lai quán sát thế giới chúng sinh.

Bồ-tát cầu ở chốn vô tâm, mến mộ pháp bất niệm, cõi ấy không thể đạt được vì nó không đến không đi, thành tựu chúng sinh đi cũng không đi, giáo hóa người dân thấy rõ nơi chốn của đám lê dân lầm than, nhận rõ ý nghĩa đó tùy theo sự khai hóa thấy được các pháp. Tất cả chúng sinh đều tồn tại trong pháp giới, điều ấy vượt khả năng thấy biết của mắt trần, hội nhập pháp giới thì thấu suốt tất cả kinh điển là bình đẳng.

Bồ-tát quán tưởng Đại đạo, dùng trí tuệ của Phật, Thánh đế dẫn dắt những kẻ chẳng biết, chẳng hiểu đến với đạo, khiến họ mong cầu để đạt được sự giác ngộ như vậy. Nhưng Bồ-tát cũng không hề bám chặt vào trí tuệ ấy, vì nó luôn lìa mọi bụi bặm cấu uế, nên trí tuệ ấy không chỗ nào không có, nhưng nếu vướng mắc vào nơi chốn ấy thì cũng không có được trí tuệ để mong đạt đúng theo con đường đi lớn lao sáng tỏ của Phật, cũng như không thể trông thấy Phật. Đó chính là trí tuệ vĩ đại sáng chói trong các thứ trí tuệ, hơn hẳn mọi thứ trí tuệ khác, vì nó dứt bỏ sự tìm cầu cũng như không có nơi chốn để mến mộ. Đó gọi là trí tuệ sáng suốt của Phật, nếu Bồ-tát thực hành thì sẽ đạt được trí tuệ ấy. Cho nên mong cầu đến đi gọi là vãng lai.

Nên có bài tụng như sau:

Trí ấy có đến đi
Tuệ Phật khó nghĩ bàn

Cho nên gọi đến đi
Chí cầu nơi Phật đạo.
Khai hóa nhiều nhân duyên
Mới theo đúng đường Phật
Việc ấy thuận trí tuệ
Mến cầu chẳng trở lại.
Không nương tất cả thiền
Giáo hóa khắp quần mê
Muốn cứu giúp tất cả
Đầy đủ sự, đến đi.
Kinh Phật pháp bình đẳng
Nhận rõ người vô tướng
Hiểu rõ gốc vốn không
Nên gọi là đi đến.
Người đạt được pháp ấy
Rõ biết tất cả tuệ
Ta cũng sẽ được thế
Muốn tìm nơi an trụ.
Chưa từng khuyên chúng sinh
Và chấp các pháp giới
Nên nói có đến đi
Chẳng gần chốn trở về.
Lo nghĩ vô số người
Trí kém, luôn gặp họa
Muốn đạt được trí tuệ
Phải cầu đạo của Phật.
Căn, Lực và Giác ý
Giảng thiền, ba giải thoát
Nhận rõ nghĩa ấy rồi
Nên cầu đạo của Phật.
Chí mến mộ đạo tràng
Chỗ dựa Phật quá khứ
Nên gọi là đến đi
Nên lập ra Đại Thánh.
Ưa mến mắt thương xót
Mắt Phật không nghĩ, bàn
Nên gọi là đi đến
Ngưỡng mộ đạo của Phật.

Cầu đạt như Phật, Thánh
Nghĩa nhiệm mầu của Phật
Tự mong cầu tuệ ấy
Nhất thiết trí trên hết.
Tỏ ngộ trí sáng ấy
Chỗ về tất cả pháp
Tuệ ấy chẳng thể được
Và cả người cầu đạo.
Cứu giúp vô số người
Đứng vững trên trí tuệ
Nên gọi là đến đi
Người đến có chỗ cầu.
Mong đến thấy cõi Phật
Cõi người không nghĩ, bàn
Nên gọi là đến đi
Cứu độ hết chúng sinh.
Tỉnh sát cõi chúng sinh
Tìm cầu chẳng thể được
Nên gọi là đến, đi
Tâm mến mộ pháp giới.
Chúng sinh không nẻo hướng
Và tất cả cõi người
Nếu thông tỏ chốn ấy
Thì nhận rõ chỗ đến.
Thấy tất cả các pháp
Thấy đó nhưng không hiện
Thường nhất tâm định ý
Cầu đạo lớn của Phật.
Tuệ nhiệm mầu như thế
Vô cấu và thanh tịnh
Sự phân biệt sáng suốt
Trí ấy chẳng thể được.
Điều Bồ-tát vui thích
Khai hóa các chúng sinh
Đạt được trí sáng suốt
Duyên nào đến nơi ấy.
A-nan! Ta vì thế
Giảng, nói về đến, đi

Vì hạng căn trí thấp
Thấy được chỗ niệm khởi.
A-nan! Ta vì thế
Giảng nói, việc đến, đi
Kẻ dốc sức tinh tấn
Liền tỏ ngộ lẽ ấy.
Người có đức phân biệt
Hiểu được nghĩa sâu nhiệm
Đạt được các lẽ ấy
Mau được thành đạo lớn.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã giải bày nêu rõ về hành trạng của Bồ-tát. Nên biết rằng nghĩa ấy cũng dùng phương tiện khéo léo để diễn đạt vậy.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT A-DUY-VIỆT TRÍ GIÀ

QUYỂN TRUNG

Phẩm 7: Không Trở Lại

Phật lại bảo A-nan:

–Do đâu Như Lai hết mực khen ngợi về việc không trở lại của Bồ-tát?

Vì đối với Bồ-tát tất cả sự tồn tại, mọi nơi chốn hành động tạo tác đều nhằm vượt qua ba cõi để đạt tới ánh sáng của Phật, dứt bỏ các hành, đã hàng phục được các hành thì không còn trở lại nữa. Vì sao? Vì Bồ-tát đã nhận thấy tất cả các pháp không hề có đi đến hay trở lại, đã vượt khỏi thế giới phàm phu, lìa bỏ trí tuệ thế tục.

Bồ-tát đã hội nhập trí tuệ giác ngộ của Phật, đạt diệu lý Vô sở trụ và các pháp bình đẳng. Vì sao? Vì Bồ-tát đã tạo được cõi vắng lặng, không còn bị chao đảo của hạng phàm phu, không nhờ dựa vào Thánh đạo để lấp các nẻo ác, thoát khỏi dục tình, không còn tham đắm trong cảnh áo cơm, đạt tới nẻo sáng suốt tột bậc.

Bồ-tát cũng giũ bỏ các thứ kiến chấp, không còn mê đắm, dứt bỏ tất cả sáu mươi hai thứ tà kiến, thoát khỏi sinh tử quán sát Nê-hoàn, dứt bỏ mọi vọng tưởng đạt đến cõi vô vi.

Bồ-tát không kinh sách, tịnh uế, đường ác, dứt bỏ thái độ cao ngạo cho mình là hơn hết. Bồ-tát đã ra khỏi cái nguồn tạo nên bao tối tăm, ưu khổ, phá bỏ ái dục, diệt trừ mọi mê mờ, nhổ sạch gốc rễ tham ái dục lạc cùng bao thứ phiền não trói buộc, tự chiến thắng kiêu mạn buông lung, chính là những chướng ngại, xa lìa hiểu biết thế gian, do đấy mà luôn nhớ nghĩ đến Phật thừa, nhằm đạt được trí tuệ của bậc Thánh.

Bồ-tát quên mình nhằm dứt bỏ ái lạc trong cõi Dục, tu tập theo cội gốc thanh tịnh, là chí nguyện của các bậc Thánh đời quá khứ, đạt đến trí tuệ vô thượng của các Đức Phật và mở rộng sự hiểu biết ấy, được tất cả chúng sinh hết mực tôn quý, xem tất cả các thừa là trí tuệ Phật. Mọi nhận

thức và tư duy mà Bồ-tát đạt được chính là vô tưởng về ngã, pháp, dứt bỏ tất cả các mối hồ nghi. Bồ-tát đạt đến như vậy thì không còn trở lại nữa.

Phật lại hỏi A-nan:

–Nếu như có người chẳng thể an trụ nơi đạo thì phải giúp cho họ đứng vững trong đạo. Điều đó càng hiểu rõ là chúng sinh đều có sẵn sự sáng suốt để tiếp cận đạo, có khả năng hiểu biết như vậy thì chế ngự mọi vọng tưởng của con người. Vì sao? Vì mọi nhận thức về muôn vật là không, thế giới con người có luận bàn, trí tuệ của đạo là bình đẳng. Vì sao? Vì sự nhận biết rõ như thế đối với các loại chúng sinh thấp kém là không, mà đối với hạng người ở cõi thanh tịnh cũng là không, xa lìa mọi vọng tưởng. Tất cả mọi người cùng với không chẳng có khác nhau, chẳng có thân mạng, chẳng được tồn tại lâu dài nên cũng là không. Nhưng hư không không phải là không, cũng nên lìa bỏ tất cả vọng tưởng.

Bồ-tát đạt pháp vô niệm để hướng đến đạo, diệt trừ mọi vọng niệm của chúng sinh. Suy nghĩ về hư không không bỏ mà cũng chẳng thể không bỏ. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều bình đẳng thanh tịnh, tất cả chúng sinh đều không thể bỏ. Bồ-tát bình đẳng về xả bỏ nên gọi là vô sở đắc. Đã không có sự đạt được cho nên cũng chẳng đến, điều đó được gọi là không trở lại, đối với tất cả các pháp hữu vi, vô vi thảy đều tỏ ngộ nơi tụ hội của chúng. Vượt qua được các tai hoạn ấy nên gọi là chẳng trở lại.

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

Pháp ấy không nơi sinh
Tạo tác nên có chốn
Dứt bỏ các chỗ trụ
Đó là chẳng trở lại.
Nhận rõ sự qua lại
Không đắm tất cả pháp
Chỗ trụ không thể được
Do đó chẳng trở lại.
Các hạnh của phàm phu
Và lời của Phật dạy
Không thể lường như thế
Nên nói chẳng trở lại.
Các pháp không nơi đến
Cũng chẳng có chốn trụ
Đạt lẽ không khứ, lai

Đó là chẳng trở lại.
Người nào chưa từng đến
Chẳng bước tới ba đường
Đi đến nẻo sáng Phật
Nên nói chẳng trở lại.
Quyết dứt tất cả dục,
Dối uống ăn không đắm,
Được đến nơi đạo tràng,
Nên nói chẳng trở lại.
Mọi tà kiến có, không
Rõ sáu mươi hai loại
Không rơi vào cõi ấy
Nên gọi, chẳng trở lại.
Pháp ấy không đầu cuối
Đã bỏ mọi sợ hãi
Tuệ ấy vốn như không
Cho nên chẳng đến được.
Thuận vắng lặng vô vi
Không đắm các phiền não
Dứt trừ các vọng niệm
Do đó chẳng nơi đến.
Đã dứt các nẻo ác
Trừ sạch các cấu nhiễm
Tu vắng lặng vô vi
Nên nói: chẳng trở lại.
Hàng phục được ma ác
Cùng bao thứ binh đao
Dứt hẳn mọi vọng niệm
Do đó chẳng nơi đến.
Nhổ gốc si, ưu phiền
Dứt bỏ gốc ái dục
Dập tắt lửa tham dâm
Nên nói, chẳng trở lại.
Hàng phục các trần cấu
Giũ sạch các vọng tưởng
Rốt ráo được giác ngộ
Nên nói, không trở lại.
Lìa bỏ hết sầu muộn

Dẹp bỏ tâm cống cao
Nhớ dứt thân năm ấm
Nên nói, chẳng trở lại.
Chí nương theo ánh sáng
Phật thừa không gì trên
Không tham họa ái dục
Nên nói, chẳng trở lại.
Đã biết chốn Phật ngự
Bậc nhất trong các kho
Phật quá khứ hiện bày
Nên nói, chẳng nơi đến.
Chốn ấy là an vui
Phật, Thánh không gì trên
Dứt các thứ nghi ngờ
Nên nói, chẳng nơi đến.
Dẫn dắt vô số người
Khiến đứng trong Phật đạo
Đã được phép tắc Thánh
Nên nói, chẳng nơi đến.
Hiểu rõ không vô giới
Tâm bình đẳng cõi người
Xa lìa mọi vọng chấp
Nên nói, chẳng nơi đến.
Hiểu rõ tất cả cõi
Pháp giới cũng như vậy
Chúng sinh chẳng thể được
Nên nói, chẳng nơi đến.
Nhận rõ đám lê dân
Hư không chẳng nhớ nghĩ
Tất cả pháp như vậy
Nên nói, chẳng nơi đến.
Kẻ nào đạt vô tâm
Dứt hết các vọng tưởng
Các niệm chẳng thành đạo
Nên nói, chẳng trở lại.
A-nan! Ta vì thế
Khen, nói việc chẳng lại
Các việc đều không lại

Được trụ trong Phật đạo.

Phật bảo A-nan:

–Do đó mà Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác khen ngợi Bồ-tát là chẳng trở lại. Cũng nên biết rằng điều này là phương tiện khéo léo để nêu lên vậy.

-oOo-

Phẩm 8: Không Vướng Mắc

Phật lại bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai khen ngợi Bồ-tát là không hề vướng mắc?

Vì Bồ-tát đã diệt hết thảy mọi hành, lìa khỏi nơi chốn phát sinh ra chúng, không dựa vào các Đức Phật để độ thoát chúng sinh, không còn tạo tác để gây nên những cấu nhiễm của phiền não, cũng như đã dứt mọi khổ vui, chỉ nhắm cứu giúp muôn loài, vì thế nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát lìa bỏ mọi vọng động chao đảo của sự tìm cầu, đạt đến cõi vô sở trụ, xem tất cả các pháp đều không, hiểu rõ lẽ vắng lặng, không chạy theo các vọng tưởng, dùng định để dứt bỏ các suy nghĩ, vọng tưởng cho dù có kẻ muốn phá hoại chí nguyện của mình, đã nhận thức các pháp là không nên không còn vướng mắc, đối với Phật đạo đã dứt sạch mọi vọng tưởng, đầy đủ tánh chất tự lập tự độ nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát giảng nói kinh sách để phá bỏ mọi thứ mê lầm, khen ngợi các Đức Phật thời xưa là Bậc Đẳng Chánh Giác, từ đó giáo hóa chúng sinh trong hiện tại và vị lai.

Bồ-tát không buông lung, được thanh tịnh, không nhơ uế chỉ bàn luận về lẽ vắng lặng nên gọi là không vướng mắc.

Bậc Bồ-tát Đại sĩ khai mở, hóa độ mọi người đứng vững trong Phật đạo, mong đạt đúng con đường các bậc Thánh đã đi, đối với tất cả các pháp không còn bị ràng buộc, đầy đủ tâm Từ bi để thực hiện lòng nhân ái của Phật, không hề bám víu vào một nơi nào, tâm từ thể hiện như vậy nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát hóa độ chúng sinh mà không thấy mình hóa độ được người nào cả, tâm đại Bi rốt ráo, thông tỏ lẽ vô trụ, nên gọi là không vướng mắc. Vì tất cả chúng sinh nên thi ân bố thí, nhận thức và lãnh hội đạo pháp trên tinh thần vô tướng, dứt bỏ mọi thứ vọng tưởng nên gọi là không còn vướng

mắc.

Bồ-tát khen ngợi lực dụng của sự giác ngộ, thể hiện ý nguyện đạt lẽ bất trụ, nhổ sạch mọi gốc rễ của vọng chấp phân biệt, chí nguyện hóa độ chúng sinh, thông tỏ các pháp đều thanh tịnh khiến cho nghĩa mầu của đạo được thành tựu, không hề có mảy may cố chấp bám dựa nên được gọi là chẳng còn vướng mắc.

Bồ-tát hành hóa đều không vướng vào nơi chốn, tạo tác thì không hề tham tiếc thân mạng, đối với muôn vật cũng không có chỗ nương tựa, chỉ mong đạt sự hòa hợp với mọi người chứ không hủy diệt muôn vật, từ đó giảng nói các pháp hữu vi, như thế thì gốc vốn là không, nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát đến các cõi Phật, nơi đi tới không có chỗ đến, xem chư Phật, Thánh là bậc tôn quý không dấy khởi niệm phân biệt gốc ngọn, con đường giác ngộ là không, là vắng lặng, nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát không có chỗ nương dựa, an lập như cõi này, đối với vô lượng cõi nước đều xem là bình đẳng, thế giới không đùa bỡn thiếu thanh tịnh, trụ trong cõi phước đức là không, không có các cõi nước, không có lui sụt, không có người nữ, dứt trừ các tâm phiền não, ngủ nghỉ, dứt sạch mọi chốn ngăn che trói buộc, đạt đến cõi Phật Thánh, hàng phục được các ma, xua tan kẻ thù nhập vào cảnh vắng lặng, biến hóa diệu dụng, giữ vững ở cõi đại nguyện của mình, trừ bỏ ý tưởng mong đạt về một cõi nước nào đó.

Bồ-tát đầy đủ vẻ uy nghi rực rỡ của Phật, trụ nơi vô trụ, lãnh hội được dấu ấn thanh tịnh của tâm Phật, tạo được sự an lạc khắp chốn.

Bồ-tát lìa bỏ tất cả những trang sức quý giá nơi thân mình vì chúng cũng như viên ngọc có tỳ vết, chỉ tạo nên các cấu nhiễm, rốt ráo vô vi là hơn hết tất cả, được như vậy là đã thâm nhập vào cõi nhiệm mầu của Phật, quán các pháp đều không, đạo hạnh đầy đủ nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát dứt bỏ mọi thứ dục lạc, cho đến cội gốc của chúng, đối với tất cả các pháp không hề biểu lộ sự tức giận, phẫn nộ, vắng lặng bình đẳng đó là trí tuệ Phật, thân miệng ý an trụ trong vắng lặng vô thượng.

Bồ-tát mến cầu Thánh đạo nhưng không chấp nê vào con đường các bậc ấy đã đi, không suy nghĩ theo kẻ khác, luôn thương nhớ chúng sinh, vô tâm, bất tâm, khuyến hóa vô số ức trăm ngàn người, khiến họ đến với đại đạo, mở bày dắt dẫn bao loại sơ cơ khiến họ nhớ nghĩ các người, vật trong Phật pháp.

Bồ-tát dắt dẫn làm lợi ích cho vô số chúng sinh nhất là hạng thấp kém, khiến họ phát tâm quy ngưỡng về Phật, không gì sánh bằng.

Bồ-tát xem hết thảy các pháp đều là không, không có sự khác nhau, cái gốc nhận thức của Bồ-tát là không tuệ, cùng đứng vững trong đó, dứt mọi vọng tưởng phân biệt. Đã đạt được điều ấy thì cũng biết rõ là không hề có chỗ để nương dựa bám víu, từ đó thích ứng với chúng sinh mà giảng nói chánh pháp cho họ nghe.

Bồ-tát không chuộng các thứ lợi dưỡng, cũng không dựa vào kinh sách, lìa hết các căn, giảng pháp như vậy, vĩnh viễn mình chưa lúc nào dùng lời nói để giáo hóa muôn loài, không thấy độ người, không thấy cứu giúp chúng sinh, dứt sạch mọi vướng mắc các việc, dứt hết tham, sân, trừ bỏ kiêu mạn, quán tất cả các pháp không sinh, không diệt, phát tâm khai mở hóa độ chúng sinh muôn vật, giúp họ nhận thức chính xác và đúng đắn về lẽ sinh tử cũng như bao nỗi đau khổ của kiếp người. Phàm phu bất động thì được giải thoát. Là người góp phần phát huy sự tồn tại của Phật pháp, nhưng không vướng mắc vào việc mình làm. Hóa độ mà không dựa, không trụ vào đấy, đó là điều mà Bồ-tát phải gắng sức dứt trừ mọi vọng chấp mới đạt được.

Dẫn dắt, đem lại lợi ích đối với chỗ nương dựa mình khiến họ dứt mọi vọng tưởng về Phật, cũng là điều mà Bồ-tát phải gắng sức hết mực mới thực hiện được. Tâm Bồ-tát luôn ở rộng về hướng vô niệm dùng mọi nhân duyên giúp cho đạo phát triển, xa lìa những kẻ si cuồng giả trá, tâm ý rối loạn, đầy đủ các pháp Tam-muội, thành tựu chánh định, không có các vọng tưởng điên đảo, mọi tà kiến để đạt tới trí tuệ chân chánh, giúp cho hàng Thanh văn mến mộ mà trở lại đi theo con đường Bồ-tát đã đi.

Bồ-tát chế ngự mọi sự nương tựa vào cha mẹ, vợ con, nhà cửa, anh chị em, dứt trừ mọi hệ lụy của ân ái, vượt qua mọi tham đắm về tài sắc, cõi nước, muôn vật, lìa bỏ mọi ý tưởng tham cầu vì đó là phiền não điên đảo, khai mở hóa độ những kẻ còn mang nặng ý tưởng tham đắm về muôn vật.

Bồ-tát cũng lìa bỏ mọi sự quyến luyến về gia đình để đến chỗ vắng lặng, thoát khỏi mọi hình tướng lười nhác dư đầy thiếu kém, dứt trừ các pháp tham dục cấu uế để đạt tới cảnh giới Phật, làm cho diệu lý của đạo được hưng phát, tâm không hai không hề khởi lên ý niệm phân biệt đây là pháp vô vi, kia là các pháp sinh tử, nhân duyên, không nhân duyên, đạo ý, tục tâm, phạm giới, giữ giới... Bồ-tát mở bày hóa độ những người ấy, tức

là những kẻ còn mang nặng tư tưởng nhị kiến, khiến họ đạt được vô niệm, đoạn tận các gốc rễ nên gọi là không vướng mắc.

Bồ-tát đã vượt lên mọi khái niệm đối đãi như các Thần và Hiền thánh, lười nhác và tinh tấn, người nam và người nữ, ngu si và thông minh, giác ngộ và mê lầm... khéo dẫn dắt mọi người khiến tâm họ đạt được lẽ bất nhị, giúp cho chúng sinh tiến tới con đường giác ngộ nên gọi là không vướng mắc.

Các Bồ-tát này đã thành tựu ý nguyện không lui sụt, hoặc có người lãnh hội ý nghĩa sâu xa của kinh điển, cũng gọi là chẳng còn vướng mắc.

Các vị Bồ-tát ấy dù là xa đạo hay gần đạo vẫn luôn nhận rõ được ý nghĩa đó, không còn sinh ý tưởng nhị kiến, đạt đến đúng con đường của bậc Thánh, hội nhập cảnh giới không sinh diệt Nê-hoàn.

Bồ-tát luôn lìa bỏ các vọng niệm dấy khởi để thấu đạt diệu lý Vô sở trụ, chỉ duyên theo các pháp mà khai mở hóa độ con người, như thế là an nhiên mà hiểu rõ tất cả các pháp, giảng nói về không gốc rễ cho nên gọi là không còn vướng mắc.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng khen:

Dứt trừ tất cả hành
Bậc tôn cũng như thế
Lìa bỏ mọi lời dạy
Nên gọi không đắm mê.
Diệt sạch mọi phiền não
Độ thoát bao khổ đau
Cứu giúp các chúng sinh
Đó gọi không đắm mê.
Xét người, không thể được
Dục cấu cũng như thế
Các pháp không thể nắm
Nên gọi không đắm mê.
Giũ sạch các điên đảo
Lập tâm không mê hoặc
Nhận rõ các pháp không
Nên gọi không đắm mê.
Hiểu rõ biết nghĩa không
Không có các vọng tưởng
Lìa bỏ mọi điên đảo

Đó là không đắm mê.
Dứt bỏ mọi vọng tưởng
Cùng niệm xấu mọi người
Tâm ý không tà loạn
Nên gọi không đắm mê.
Rõ không, chẳng chỗ nương
Phật đạo chẳng thể lường
Luôn gắng sức tinh tấn
Nên gọi không đắm mê.
Mọi nhân duyên giảng kinh
Vắng lặng dứt đùa bỡn
Khuyên người theo đạo đức
Nên gọi không đắm mê.
Chân nhân tu hạnh từ
Khiến chúng sinh an vui
Khuyên người không thể được
Nên gọi không đắm mê.
Vốn không giảng kinh sách
Thi ân khắp muôn loài
Không hề có tưởng người
Nên gọi không đắm mê.
Chân chánh Căn, Lực, Giác
Giải thích rõ người biết
Thân mình được tuệ này
Nên gọi không đắm mê.
Biết người sống vắng lặng
Pháp thanh tịnh tỏ đạo
Khai mở giáo pháp Phật
Nên gọi không đắm mê.
Chẳng tin tưởng muôn vật
Mắt xem thấy hiện tiền
Tất cả không thật có
Đó gọi chẳng đắm mê.
Không nương các cõi Phật
Tại nước hành nhân nghĩa
Xứ sở bình đẳng giác
Giảng pháp chúng sinh nghe.
Chân nhân giác chánh pháp

Nhưng xem như chẳng thấy
Như quán kỹ Thánh giác
Đó gọi không đắm mê.
Nước thành tựu tự nhiên
Nay tôi biết điều ấy
Rốt ráo không đầu mối
Đó gọi không đắm mê.
Bỏ những sự hiểu biết
Tâm đã sạch sân, hại
Hợp chân như không hận
Thành tựu đạo vắng lặng.
Ý định cũng chẳng mất
Tạm yên không nơi dấy
Nhớ nghĩ đạo cũng thế
Nên gọi không đắm mê.
Người vật chẳng thêm động
Cõi chúng sinh cũng vậy
Muôn người cũng an nhiên
Hóa độ theo nghĩa đạo.
Chúng sinh đến với đạo
Chốn ấy luôn vô niệm
Trí tuệ đều bình đẳng
Đó gọi không đắm mê.
Bình đẳng, không hình loại
Tất cả pháp cũng thế
Tâm chánh cũng như đạo
Nên gọi: không nhớ nghĩ.
Cái gọi là ứng chân
Các pháp không vướng mắc
Giảng cho người hiểu được
Vắng lặng không nương tựa
Giảng pháp nghĩa người nghe
Tuy nói nhưng không dạy
Độ khắp vô số người
Thấy mọi người chẳng động.
Chúng sinh không thể đạt
Muôn kẻ dứt trừ chấp
Giúp người lìa tà kiến

Vượt khỏi mọi khổ não.
Tất cả pháp không sinh
Pháp ấy cũng chẳng diệt
Thấy vọng tưởng chúng sinh
Thoát khỏi mọi khốn ách.
Các sắc không tăng giảm
Mọi khổ cũng như vậy
Nhận rõ lẽ sinh tử
Cứu giúp khiến không người
Pháp Hiền thánh bất động
Phàm phu cũng như thế
Đứng ở trên nghĩa Phật
Chí hóa độ không đắm.
Mọi người đều mong quả
Và ý niệm Duyên giác
Vượt ngoài cả giác ý
Nói pháp này người nghe.
Khiến phát khởi tâm đạo
Thường nương chỗ bố thí
Giới, Nhẫn nhục cũng vậy
Nên giảng không chỗ nương.
Sự hiểu biết điên đảo
Tu tập rất tinh tấn
Để dứt vọng niệm này
Nên nói không đắm pháp.
Chỗ nhớ nghĩ ý đạo
Tà trí cùng tuệ sáng
Ở đây không chỗ nương
Nên nói không đắm pháp.
Pháp ấy chẳng sinh niệm
Biết rõ hết mọi nẻo
Mà nói pháp như thế
Nên gọi không chỗ đắm.
Tự chấp mình có thân
Thanh văn thường nhớ nghĩ
Để dứt trừ tưởng này
Nên nói không đắm mê.
Các pháp chẳng nghĩ nhớ

Biết rõ không mọi điều
Nói rõ đó không gốc
Nên nói không đắm mê.
Cha mẹ cùng anh em
Nhà cửa, mọi sở hữu
Đều là nẻo sinh tử
Chẳng thể thành Phật đạo.
Luyến vợ con, chị em
Chỗ nương cậy trông mong
Nếu không chỗ tựa nương
Nên nói không đắm mê.
Tạo tác chuyện sinh tử
Thì nghĩ đến họ hàng
Thấy vì có tình dục
Bạn bè ta từ trước.
Tự nghĩ thân có ngã
Tâm đuổi theo các việc
Phân biệt theo điên đảo
Ắt gặp chốn của ma.
Lìa bỏ nẻo sinh tử
Vòng quay của tai họa
Khen ngợi đức Nê-hoàn
Nên nói không đắm mê.
Giảng nói pháp hữu lậu
Hưng suy và tranh chấp
Đây đều nói âm thanh
Đó gọi không đắm mê.
Chúng sinh thường tranh lợi
Buông lung, tham muôn vật
Muốn cứu giúp muôn loài
Nên nói không đắm mê.
Kẻ tham luyến gia đình
Tâm nhớ thực hành đạo
Ngu độn ý như thế
Nêu rõ lẽ không đắm.
Chỉ thấy pháp thấp hèn
Không thấy nghĩa chân diệu
Chẳng tỉnh giác các niệm

Nên hóa độ không đắm.
Dứt trừ nghĩa phàm phu
Chuyên tinh ưa Phật pháp
Giũ sạch mọi mong cầu
Nên gọi chẳng đắm mê.
Nếu thấy hạnh thiện ác
Chúng số pháp như thế
Vô số người cũng vậy
Nên cứu giúp không đắm.
Đầy đủ các tướng tốt
Tinh tấn không thể tính
Mà nương dựa tướng ấy
Thánh hiền được cứu giúp.
Trang nghiêm các cõi Phật
Thành tựu pháp tối thượng
Nương dựa cõi chánh giác
Dẫn dắt đến không đắm.
Ý nghĩa pháp vô vi
Hoặc được, hoặc không được
Đó là hạnh Thánh đạo
Mới đứng vững Chánh nguyện.
Không giới, không thấy phạm
Buông lung và trí tuệ
Kẻ mê tối, yếu kém
Luôn vướng hai việc ấy.
Chúng sinh khởi tưởng đó
Các niệm không thể tính
Trừ dứt mọi vọng khởi
Nên nói không đắm pháp.
Kính mến các bậc Thánh
Cũng nhớ nghĩ vô đức
Phân biệt pháp phàm phu
Nên nói không đắm mê.
Để được hạnh như thế
Kẻ nam và người nữ
Hiền thánh và phàm phu
Tâm vướng vào nhị kiến.
Người sinh hai việc đó

Việc làm của kẻ ngu
Nương dựa hai bờ ấy
Nên hóa độ không đắm.
Biến động không lui sụt
Tạo tác mà không tạo
Muốn đến với đạo Thánh
Nên tâm khởi niệm ấy.
Mới đạt được đạo lớn
Không sinh cũng không diệt
Tâm thường nghĩ vọng tưởng
Để cầu pháp vô vi.
Chúng sinh nhận nơi ấy
Hiền nhân nhớ muôn loài
Nên gọi không đắm mê
Cứu giúp mọi vọng cầu.
Đó là pháp Bồ-tát
Vì hiện A-la-hán
Do đó khởi pháp nhẫn
Tự cho là không đắm.
Giảng nói việc La-hán
Đó đáng là Bồ-tát
Gọi trụ không đắm mê
Đạt đến đạo Vô thượng.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai là Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác khen ngợi về sự không mê đắm của Bồ-tát, cũng nên biết đó là phương tiện khéo léo.

-oOo-

Phẩm 9: Thanh Văn

Phật bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai khen ngợi Bồ-tát là Thanh văn? Vì Bồ-tát Đại sĩ khai mở, dẫn dắt vô số người không thể tính kể, khiến họ được nghe Phật pháp, phân biệt kinh sách, nên gọi là Thanh văn.

Bồ-tát giúp họ nghe Phật đạo là thanh tịnh, không buông lung nên gọi là Thanh văn.

Bồ-tát còn giúp họ nghe pháp cam lộ an lạc vô vi, làm cho Căn, Lực, Giác ý, ý dừng ý dứt đầy đủ các việc ấy mau đạt đến trí tuệ giác ngộ nên

gọi là Thanh văn.

Bồ-tát cũng giúp họ đạt được Không tuệ, thân không bền chắc. Những hạng chúng sinh ám độn mê muội bị phiền não che lấp không thể lãnh hội được. Vì sao? Nên biết rằng tham đắm thân mình, gồm có các nhập, như mắt có là vì có sắc, xét rõ như thế thì được mắt Phật, mắt ấy thấy khắp chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Mắt không có chỗ nương tựa, rốt ráo mắt này đạt được tất cả các pháp, nên gọi là Thanh văn.

Bồ-tát xem các pháp ấy như là tiếng gọi của âm vang, không được chấp vào tiếng, không có người nói, cũng chẳng có người nghe. Không có mùi mà tưởng là có mùi nên cũng không có ngửi. Ví như có người nằm ngủ thấy mình trong giấc chiêm bao được ngửi đủ loại mùi nhưng thật ra thì không có mùi nào cả, đó chỉ là sự nhận lầm do tư tưởng tạo ra. Tất cả các thứ mùi mà con người được ngửi, đều ví như giấc mộng chẳng có gì là lâu bền cả. Người đã hiểu rõ được âm thanh ấy thì gọi là Thanh văn.

Đối với vị của lưỡi thì vị ấy cũng là không. Như cục thịt thì được gọi là lưỡi, người trí biết rõ không bị vị làm lầm. Ví như chùm bọt nước, để lìa các luận nên không thể ví dụ. Kẻ sáng suốt xem xét sự việc liền hiểu là không thật có và chẳng thể được. Còn kẻ giữ chặt cái ý tưởng chấp đắm về mùi vị thì sẽ gây ra tội ác không nghĩ về sáu giới để phân biệt vị tâm được rộng mở, ý không buông lung. Người đã tỏ rõ về điều ấy thì tâm tưởng vô vi, thảy đều nhận rõ, tức là nghĩa, đã nghe, nghe được pháp Không này nên gọi là Thanh văn.

Bồ-tát hiểu rõ các nhập, thấu đạt điều đó là không thì thân tự nhiên vắng lặng, không hề có pháp nào sinh, mà không biết chỗ sinh vô sinh, bất sinh chính là đạo Thánh, nên gọi là Thanh văn. Nếu pháp đã nghe đều không thật có, hiểu thân tự nhiên không sinh, không diệt nên gọi là Thanh văn.

Bồ-tát nghe việc bố thí là để thực hành chánh pháp, không thể suy nghĩ bàn luận, Đức Phật đã đi trên con đường này mà đạt đến Phật đạo. Bồ-tát khởi tâm bố thí nhưng không hề thấy là mình có khởi tâm, đi theo nẻo vô ý mong đạt đến trí tuệ Phật. Vì sao? Vì như có người trồng cây thì chắc chắn sẽ hái được quả, nhưng cũng chẳng thấy có quả. Âm thanh nói quả, nghe bố thí y phục, thức ăn, tính kể vật bố thí, thí cho rất ít. Tất cả sự thí xả thì pháp thí là hơn hết.

Bồ-tát trong khi bố thí không hề tham tiếc, cũng không mang cái ý

tưởng là mình có bố thí, tuy có người chịu ân huệ nhưng không được mong cầu, ví như người huyễn hóa không có tâm ý, cũng chẳng có nhớ nghĩ.

Bồ-tát muốn trở thành người tu hành thì không được có ý tưởng mình là người bố thí. Vì sao? Vì bố thí không mong cầu thì mới thuận hợp với đạo pháp, nên gọi là Thanh văn.

Lìa các âm thanh cùng tất cả bụi bặm đều không còn gì để nghe được. Lìa các pháp hữu vi, vì không thể dùng âm thanh để nghe nhận Phật pháp, phải nhận biết mọi tiếng vang đều không có chỗ nương tựa. Vì sao? Vì tiếng được tạo ra nhờ hai yếu tố, tuy có hai yếu tố ấy hợp lại nhưng thực ra là không có thật, chỉ do nhân duyên nên thành ra có hai yếu tố ấy. Vì nhằm để giáo hóa con người nên phải dùng đến Pháp âm, nên gọi là Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Khiến cho vô số người
Nghe được pháp vô niệm
Nên gọi là Thanh văn
Bồ-tát luôn mạnh mẽ.
Nghe được đạo vắng lặng
An nhiên, không buông lung
Vô lượng người nghe pháp
Nên gọi là Thanh văn.
Nghe điềm nhiên an ổn
Mọi dục lạc không đắm
Nên gọi là Thanh văn
Đến vắng lặng vô vi.
Nghe được Giác, Căn, Lực
Đầy đủ ý đoạn dứt
Tự rốt ráo việc ấy
Nên gọi là Thanh văn.
Nghe thân vốn là không
Chẳng thể được bền chắc
Kẻ ngu si quyến luyến
Nên cần phải hiểu rõ.
Hai mắt không thấy gì
Không nghe cũng như vậy
Chúng sinh bị kiến chấp
Che lấp, chẳng rõ ràng.
Nếu đạt được mắt Phật

Diệu dụng chẳng nghĩ bàn
Thấu đạt thảy là không
Khai hóa kẻ mê tối.
Vô số người nghe kinh
Các pháp không có sinh
Do đấy được gọi tên
Xưng hiệu là Thanh văn.
Không có điều nghe, nhận
Cũng như tiếng vang gọi
Chẳng thấy có người nói
Cũng lại không người nghe.
Sở dĩ gọi Thanh văn
Khiến mọi người nghe, nhận
Rõ gốc chẳng có nghe
Không bị tiếng mê hoặc.
Ví như người nằm mộng
Được ngửi vô số hương
Thức giấc chẳng có gì
Rõ toàn ngửi hư không.
Rõ hương cũng như thế
Không hề có ngửi hương
Vô số kẻ thất chí
Bồ-tát chỉ đường sáng.
Lưỡi cũng không nơi dựa
Cục thịt chẳng biết vị
Ví phỏng rõ được vị
Lưỡi cũng sẽ nhận rõ.
Không nương các tưởng này
Đẹp cho là hung dữ
Sáu giới chẳng nên nghĩ
Nhận rõ các thứ vị.
Bồ-tát rất mạnh mẽ
Mắt nhìn phân biệt được
Nhân nghe mà đạt pháp
Nên gọi là Thanh văn.
Tự nhận rõ thân mình
Thảy đều không, tự nhiên
Rõ được hư vô này

Ắt không khởi, không sinh.
Nếu không có phát khởi
Thì hiểu Thánh đạo này
Giúp chúng sinh nghe pháp
Nên gọi là Thanh văn.
Chấp thân, lời vốn tịnh
Không thân, chẳng thật có
Như thế chẳng có người
Nghe đó là Thanh văn.
Giống như huyễn hóa sinh
Diệt hết thời cũng không
Nếu có thấy hình tướng
Rõ ấy là Thanh văn.
Hạnh nghe việc bố thí
Pháp thí chẳng nên nghĩ
Theo đúng con đường Thánh
Mới thành tựu Phật đạo.
Tùy cội gốc gieo trồng
Được quả cũng như thế
Thí chẳng thể nghĩ bàn
Thành đạo lớn: vô niệm.
Thí cơm áo phước mỏng
Pháp thí cao rộng hơn
Không hề có tiếc rẻ
Đó là đường tuệ Thánh.
Tâm không hề vọng tưởng
Bố thí không đắm trước
Người bố thí như thế
Mau được thành Phật đạo
Dứt bỏ mọi vọng tâm
Tai không chấp chỗ nghe
Vượt qua mọi giả hợp
Nên gọi là Thanh văn.
Do gọi có tiếng vang
Giả sử không đắm tiếng
Thì đối các bậc Thánh
Phật pháp không gì hơn.
Những người không nghe tiếng

Tất cả không nương tựa
Không hai, không giới hạn
Xướng âm có Thanh văn.
Vô số Phật nói pháp
Khiến người nghe tiếng pháp
Coi chỗ nghe như vang
Người vui thành Phật đạo.
Khéo đến các cõi Phật
Điều nghe chẳng vọng loạn.
Hiểu mọi cõi bình đẳng
Thế Tôn không ai hơn.
Thấu đạt khắp tam thiên
Chỗ trụ như hư không
Cõi tịch bao người nương
Nếu Nê-hoàn không tướng
Người đời hay chấp trước
Chỗ dựa có bốn đại
Thảy đều là hư không
Nê-hoàn là nghĩ tưởng.
Rõ mọi loài như vậy
Biết chẳng thể bền chắc
Vốn không có sinh tử
Chẳng diệt, hết phiền não.
Muôn vật chẳng rốt ráo
Coi người chẳng thật có
Các pháp ấy vắng lặng
Chưa hề thấy các cõi.
Khiến mọi người nghe được
Sớm tối cũng như thế
Không khởi các vọng niệm
Ta hóa độ nhân gian.
Khiến người được nghe pháp
Như thế là đệ tử
Học rộng, không học rộng.
Nên khen là Thanh văn.
Kẻ dũng nhớ chuyện cũ
Nghe nhận pháp tối thượng
Xem kinh không phân biệt

Hết thảy tất cả pháp.
Âm thanh giảng rõ ràng
Cứu độ tất cả hội
Nói pháp vì chúng sinh nghe
Đó chính là Thanh văn.
Giảng về cõi vô vi
Thanh tịnh chẳng buông lung
Quán kỹ không nói pháp
Phật pháp cũng như vậy.
Thấy pháp chẳng xa cách
Điều Phật luôn khen ngợi
Pháp ấy cũng chẳng gần
Do đó không nương tựa.
Cho nên bảo đệ tử
Nghe, vâng theo lời dạy
Giáo hóa độ chúng sinh
Khiến họ được nghe pháp.
A-nan! Ta vì thế
Giảng nói độ Thanh văn
Tạm gọi là đệ tử
Đều Bồ-tát, Đại sĩ.

Phật bảo A-nan:

–Cho nên Đức Như Lai là Bậc Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác khen ngợi Bồ-tát là Thanh văn. Nên biết ý nghĩa ấy cũng là phương tiện khéo léo.

-oOo-

Phẩm 10: Duyên Giác

Phật bảo A-nan:

–Vì sao Như Lai bảo rằng Bồ-tát là Duyên giác? Là vì Bồ-tát đã nhận rõ thực chất của các pháp. Nói rõ hơn là thấu đạt tất các pháp là không, không có hình tướng chủng loại nào, không bị hoại diệt, xem xét nhận biết các pháp hiện hữu là không hề bị mất đi, nên gọi là Duyên giác.

Đối với kinh sách của các Đức Phật thì không thể suy nghĩ bàn luận, tỏ rõ mọi mầm mống sinh tử đều như Nê-hoàn, không có trong ngoài thì không thật có, tất cả các pháp không sinh không diệt, bản tế của con người chính là Nê-hoàn, được gọi là vốn tịnh nhưng vướng mắc

ở ngôn từ, cho nên không có tất cả pháp, các pháp không thật có, tạm dựa theo tên gọi để giảng nói chứ lời nói không thể đến được. Vì sao? Vì mọi ngôn ngữ là không, điều từ miệng nói ra là không nên chẳng thể lý giải được. Bản tế của các pháp chính là lý Vô của đạo Phật. Quán xét để nhận rõ lẽ ấy nên gọi là Duyên giác.

Tự xét sắc ấm chỉ là âm thanh. Sắc ấm này từ sắc sinh ra, chỉ có tên gọi, vì lìa ngôn từ và âm thanh thì không còn có ấm nữa. Sắc ấm đó là không thân, không ngã. Vì sao? Vì miệng tạo ra dấu hiệu, lời nói cũng không, không sinh không diệt, lời nói tự nhiên. Đối với cái tôi, cái ta, đã không đắm trước, không cho là tồn tại được lâu dài huống chi là ngôn từ phát ra từ miệng mà cho là lâu bền sao? Mắt thấy sắc ấm có thể gây nên khổ thọ. Khổ thọ ấm diệt thì cũng không còn có tên gọi. Do lời nói phát ra từ miệng mà gọi là khổ thọ, do khổ thọ ấm thân vô ngã. Vì sao? Vì chỗ gọi là khổ thọ ấm do ngôn từ nêu ra là không, không sinh không diệt. Ngôn từ không vướng mắc về thân đã là vô sở trụ huống chi là ngôn từ. Hiểu rõ khổ thọ là do tích tụ thì xem xét tưởng uẩn cũng là tịch tĩnh. Tưởng uẩn đã không thì tư tưởng về tưởng uẩn cũng chỉ là tên gọi không thân, không ngã. Vì sao? Vì những lời nói ra gọi là tư tưởng chỉ là do tích tụ mà có, ngôn từ ấy là không, không sinh không diệt, nhận rõ ngôn từ như vậy thì đạt được an nhiên không còn vướng mắc, tâm không chỗ bám víu huống chi là ngôn từ. Quán tưởng ấm đã như thế thì sinh tử ấm cũng diệt. Hành ấm thì không sinh không diệt, cái gọi là hành ấm là không thân, không ngã. Vì sao? Vì ngôn từ để diễn tả hành ấm là không, không sinh không diệt, nên rốt lại chỉ là sự vướng mắc đối với ngôn từ mà thôi. Cái ta không thể tồn tại lâu dài huống chi là lời nói. Quán hành ấm như thế rồi thì đến thức uẩn. Giả sử thức uẩn an nhiên vắng lặng thời thức ấm không có, chỉ là do âm thanh chứa nhóm. Vì sao? Vì tên gọi thức ấm đã là không, không sinh không diệt cho nên ngôn từ ấy là tự nhiên. Tâm đã không có chỗ dừng trụ huống chi là lời nói. Do đó năm ấm đều không thật có. Nhận rõ về bản vô nên gọi là Duyên giác. Vì sao? Vì ngôn từ từ nơi miệng phát ra đã do duyên hợp mà thành, mà xét cho cùng thì cũng không duyên hợp, các nhân chẳng duyên với nhau, nên giảng thuyết có lời mà kỳ thật là vô ngôn. Đối với năm ấm thì tất cả những điều ấy hoàn toàn không còn chỗ vướng mắc, cũng không tạo ra các nhân, nên gọi là Duyên giác.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

Mắt thấy tất cả pháp
Nhận rõ biết là không
Không vướng mắc các sắc
Rốt ráo chẳng hình tướng.
Hiện tại quán pháp này
Hiểu không, biết tự nhiên
Tự tại, nhận biết rõ
Cội gốc không thật có.
Hiện đạt được điều ấy
Rõ năm ấm như thế
Tức là Bình đẳng giác
Duyên giác dứt nhớ nghĩ.
Chúng sinh đều vô vi
Tâm họ không thật có
Bản tế không có sinh
Thanh tịnh, dứt nghĩ bàn.
Tất cả người không sinh
Quán thấy không hề diệt
Các pháp không dấy khởi
Đó gọi là vô vi.
Chúng sinh đều Nê-hoàn
Xét rõ chỗ hướng tới
Không người cũng như bóng
Nên gọi là vô vi.
Chẳng dùng tên gọi ấy
Chúng sinh là Nê-hoàn
Chẳng sinh, cũng không diệt
Như miệng nói lời khen.
Nêu rõ tất cả không
Người chẳng hiểu phi ngôn,
Do đó vì chúng sinh
Thị hiện nói Nê-hoàn.
Miệng phát lời nói giả
Không chốn cũng không nghĩ
Từ miệng có lời dạy
Tìm gốc chẳng thật có.
Ấm không ở bản tế
Lời nói không bày được

Các âm thanh giảng nói
Ấm người, cũng không nghĩ.
Tất cả mong Nê-hoàn
Bản vô và thỉ tế
Vắng lặng không buông lung
Cứu giúp có chỗ về
Gốc tịnh, tiếng vang xa
Chúng sinh cũng như vậy
Không thân nên vắng lặng,
Gốc tịnh, không tâm niệm.
Gốc pháp là như thế
Mượn danh để khen ngợi
Cội nguồn chẳng thật có
Sở dĩ có lời nói.
Không vì việc dua nịnh
Mà để cùng nhận rõ
Tận cùng đều không, vô
Rõ thấu gốc chúng sinh.
Lời ấy chẳng nương giảng
Lời nói không hiển bày
Các chúng sinh như thế
Nên không đắm gốc người.
Nơi phát ấm là không
Tiếng ấy không có khác
Lời ấy cũng như thế
Bờ mé cùng như vậy.
Không Chân đế như thế
Giác rồi không suy nghĩ
Đó là đạo bình đẳng
Duyên giác không nghĩ bàn.
Giác rồi, đối gốc sắc
Đó chỉ tiếng của ấm
Vắng lặng sắc ấm này
Nên không có tiếng nói.
Tự nhiên lìa dứt hết
Nên gọi là không thân
Ta, tôi đã tự nhiên
Thấy đó chẳng nơi chốn.

Nhân lời gọi là ấm
Gốc sắc chẳng có thân
Âm thanh đều về không
Chẳng sinh cũng chẳng diệt.
Do miệng mà có lời
Tìm gốc chẳng thật có
Lời ấy do si sinh
Tên gọi là sắc ấm.
Hiện tại quán thức ấm
Các tiếng không thật có
Ấm này đều vắng lặng
Nên chẳng còn hưởng ấm.
Bấy giờ xa lìa thân
Cái gọi là tôi, ta
Đã cho tự nhiên không
Không hề được bền chắc.
Ấm sở duyên của miệng
Thức ấm như hư không
Lời nói vốn vắng lặng
Không sinh cũng không diệt
Nếu có chỗ giảng nói
Xét kỹ vốn đều không
Chẳng thông tỏ lời nói
Nên nói là sắc ấm.
Các âm không có nói
Hạn ấy chẳng thật có
Không sinh cũng không diệt
Không nơi, không quyết định.
Chẳng phiền não xâm chiếm
Cũng chẳng tạo các pháp
Không nắm giữ, lìa bỏ
Không điều, không Nê-hoàn
Kia cũng không vắng lặng
Chẳng có chỗ trông nhìn
Chẳng ưa thí, dục lạc
Chẳng nhác, chẳng tinh tấn.
Chẳng loạn, chẳng nhất tâm
Kia cũng chẳng giữ giới

Chẳng vật nào thành tựu
Vì sao phải giữ giới?
Năm đường chẳng có niệm
Dứt nghĩ cũng như thế
Chẳng lo, không sợ hãi
Chẳng thoát, chẳng trói buộc.
Tuy giảng, không chỗ diễn
Đó gọi là sắc nhập
Các pháp âm như thế
Chẳng đạt, chẳng đắm lời.
Hiện tại đến giác ấy
Nói pháp vô cùng tận
Để thành chánh định ấy
Thì không các tiếng vang
Mắt đã nhận rõ được
Tiếng vang chỉ tên gọi
Các pháp cũng như thế
Vô ngôn, chẳng hề đắm.
Hiểu rõ nhân duyên ấy
Biết tiếng không thật có
Nên gọi đạo bình đẳng
Đó gọi là Duyên giác.

Phật bảo A -nan:

–Các vị Bồ-tát Đại sĩ nhận thức về hiện hữu, là minh hay vô minh, là hành hay chẳng phải hành. Là thức hay chẳng phải thức, là sắc hay chẳng phải sắc, là sáu nhập hay chẳng phải sáu nhập, là xúc hay chẳng xúc, là thọ hay chẳng thọ, là ái hay chẳng ái, là chỗ giữ lấy hay xả bỏ, là hữu và chẳng phải hữu, là sinh chẳng phải sinh, cùng với những lo lắng về già, bệnh, chết... tất cả tự nhiên quán sát vốn không. Quán sát như vậy nên gọi là Duyên giác.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

Hiện tại rõ không tuệ
Chưa từng nương để tỏ
Không thể lập có thân
Như bóng hiện trong nước.
Thông hiểu hết các nghĩa
Không đắm tất cả pháp

Giả sử chẳng nương kinh
Là tướng trạng kẻ trí.
Minh và thân không khác
Tất cả các pháp tướng
Biết nơi duyên này đến
Nên gọi là Duyên giác.
Gọi là hành của thân
Thân ấy không chốn tạo
Chẳng hề có trong ngoài
Nên vượt thân sinh tử.
Đầu, cuối như cây chuối
Chẳng lõi, không tướng mạo
Chẳng sinh, cũng chẳng diệt
Đều ví như hư không.
Hiện tại hiểu rõ rồi
Là Bồ-tát mạnh mẽ
Hiệu là Thánh bình đẳng
Duyên giác như vô niệm
Nhận rõ tất cả pháp
Vắng lặng như huyễn hóa
Thức ấy tự nhiên thế
Hiện tại hiểu rõ rồi.
Bỗng nhiên ngộ tâm ấy
Rõ thức, hành như vậy
Những dẫn dắt chỉ bày
Biết rõ các pháp không.
Nhận rõ thức cũng thế
Tất cả không vướng mắc
Hiểu rõ pháp như vậy
Biết thức cũng như huyễn.
Chỗ gọi là danh sắc
Thân và các âm thanh
Tướng mạo không, bất thành
Đó là tướng tự nhiên.
Tâm rong ruổi sáu căn
Như huyễn hóa, không lời
Hiện lời chẳng âm thanh
Cho tự nhiên đều không.

Đã tu tập lâu xa
Nhân phát sinh các nhập
Kia thì nhận biết tu
Gọi tự nhiên như không.
Tu tập thành đều không
Niệm đến nên cùng khởi
Nếu rõ gốc tu lặng
Thì biết pháp Vô trụ.
Mắt thấy tu tự nhiên
Thấy chúng sinh vắng lặng
Không khởi tội hung ác
Nên gọi là Duyên giác.
Biết rõ mọi khổ thọ
Đều không, như vốn tịnh
Như thời gian nổi bọt
Chí kính không, không thân.
Dứt bỏ các ân ái
Nên theo pháp không đắm
Tình dục đã hết hẳn
Nên gọi là Duyên giác.
Như thọ mà chẳng thọ
Nên không, chẳng thật có
Không thân sao thành tựu
Được dụ như ngựa hoang.
Ta không khởi vọng tưởng
Thân sống cũng như thế
Rõ gốc tự nhiên sinh
Rễ không, chẳng có thân.
Nên lìa pháp sinh diệt
Mọi chung cuộc chẳng sợ
Chưa khỏi lại thành thân
Tất cả được tự tại.
Hiện tại được tuệ ấy
Không hề có đắm mê
Lại tiếng của Duyên giác
Tạo nên hạnh Bồ-tát.

Phật bảo A-nan:

–Như Lai là Bậc Chí Chân Đẳng Chánh Giác, do duyên cớ ấy nên

khen ngợi Bồ-tát là Duyên giác vậy. Cũng nên biết đó là phương tiện khéo léo, Như Lai dùng đó để nêu rõ hết mực về Bồ-tát Đại sĩ, từ việc giữ vững niềm tin, kính thờ Chánh pháp, con đường tám đẳng, đến đi chẳng trở lại, không vướng mắc Thanh văn, Duyên giác.

-oOo-

Phẩm 11: Nói Về Quả

Tôn giả A-nan nói kệ:

Pháp Thế Tôn giảng nói
Giả gọi là Nê-hoàn
Dụ như là hư không
Để đạt vô sở hữu.
Tuy có thể giảng nói
Nhưng đều vượt ngôn từ
Chư Phật khéo quyền biến
Nói pháp hợp căn cơ.

Tôn giả A-nan nói kệ xong, liền bước đến bạch Phật:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời, chúng sinh ở thế gian không rõ sự hóa độ thường xuyên của Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đó là tự xem thường mình, không rõ Như Lai. Vậy xin Như Lai nói rõ thêm, là y cứ vào đâu mà nhận biết rõ về hạnh của các bậc Bồ-tát Đại sĩ, từ giữ vững niềm tin, kính thờ chánh pháp cho đến Duyên giác?

Đức Thế Tôn nói:

–Nếu có người sáng suốt, đối với các Đức Phật thời quá khứ đã chứa nhóm nhiều công đức, tâm khai mở, ý thông đạt, không bị xem thường. Vì sao? Vì những người ấy đã hiểu rõ các pháp, ví như cảnh ảo mộng, hình bóng, tiếng vang, ngựa đồng, trăng trong nước. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát Đại sĩ đã dùng trí tuệ để nhận rõ trí tuệ ấy nên không tự xem thường mình siêng năng tu học theo giáo pháp của Như Lai tinh tấn không biếng nhác, không tự luống uổng.

Phật liền nói bài tụng:

Lời khen của Thế Tôn
Tán dương về Phật đạo
Đó chính là nguyên do
Hạnh Bồ-tát mạnh mẽ
Kẻ trí kém, biếng lười

Chẳng thể hiểu nghĩa này
Nên phải tu tinh tấn
Như Lai nói lời đây.
Ý đạo sinh khởi lên
Thế Tôn có khai hóa
Nên nhận rõ tuệ ấy
Thanh tịnh và minh triết
Người hiểu được ý đạo
Trí Phật chẳng thể được
Nếu biết được phép tắc
Tâm giác, năm việc không.
Không là chẳng biết không
Lặng chẳng phải không nói
Dứt bặt tất cả tiếng
Nên khen ngợi pháp không.
Nắm bắt không chẳng được
Chưa từng có người được
Dù cho không thể giữ
Cũng biết được nghĩa không.
Có người hiểu năm việc
Hiểu rõ được Không tuệ
Được sự không buông lung
Thì chẳng tự xem thường.

Bấy giờ, có năm ức vị Tỳ-kheo chí nguyện mong luôn được giữ vững niềm tin, liền đứng dậy đến trước Thế Tôn, chắp tay cung kính hướng về, cùng một lời khen ngợi:

Nay Thế Tôn Đại Thánh
Dứt bỏ mọi nghi ngờ
Bình Đẳng Giác giảng nói
Chí vững nơi đại đạo.

Lại có năm ức vị Tỳ-kheo nghe lời Phật nói, thảy đều kính vâng làm theo cũng đều đến trước Phật, cùng hết lòng nói bài tụng:

Nhờ Thế Tôn nêu rõ
Con không còn do dự
Điều Thế Tôn khen ngợi
Nhân rõ chánh đạo Phật.
Chí nguyện kính thờ pháp

Tuệ chánh không trở ngại
Đạo đức tự nhiên thành
Khai hóa khắp mười phương.

Lại có bảy ức vị Tỳ-kheo, tâm luôn nghĩ đến tám Đẳng, nghe những lời khen tặng ấy liền đứng dậy, đứng chắp tay cung kính cùng ca tụng:

Chí mong đạt tám bậc
Nay xé tan lưới nghi
Tâm đã được hiểu rõ
Là nhân thấy tám bậc.

Lại có mười ức vị Tỳ-kheo luôn nhớ nghĩ về đạo pháp, liền đứng dậy chắp tay, cùng nói kệ:

Đạo Sư và chúng con
Vì đạt được pháp sáng
Mà biết Bình đẳng giác
Làm nhân giảng nói đạo.

Lại có hai trăm năm mươi vạn vị Tỳ-kheo tâm chí luôn mong được thể hiện sự hành hóa, liền đứng dậy chắp tay cung kính, cùng khen ngợi bằng bài tụng:

Chúng con vốn nương dựa
Chí muốn được hành hóa
Hôm nay hẳn không khó
Mất còn, không buông lung.

Lại có năm mươi ức vị Tỳ-kheo tâm tưởng luôn mong đạt được không trở lại, cùng nói bài tụng:

Bậc Đạo Sư Vô Thượng
Hôm nay dứt đùa bỡn
Bỏ hẳn vọng chấp quả
Đạt đạo Thánh ngời sáng.

Lại có ba mươi lăm ức vị Tỳ-kheo tâm tưởng luôn mong không còn bị vướng mắc để an trụ trong cảnh giới Tứ thiền, liền đứng dậy, chắp tay nói kệ:

Nay con hết do dự
Mong đạt pháp Vô dư
Rõ các thừa bình đẳng
Ví cũng như huyễn hóa.

Lại có năm mươi tám ức vị Tỳ-kheo, ý mong theo hạnh Thanh văn,

liền đứng dậy chắp tay, đồng hành khen ngợi bằng bài tụng:

Chúng con phạm lời này
Ý muốn độ chúng sinh
Giảng giải pháp Thanh văn
Hôm nay thêm thông tỏ.

Lại có năm ức vị Tỳ-kheo tâm tưởng luôn mong được phát huy hạnh Duyên giác, liền đứng dậy chắp tay, đồng tâm nói bài tụng:

Hôm nay chính con thấy
Sở nhân của Duyên giác
Thế Tôn chỉ dạy rõ
Duyên giác không nghĩ tưởng.

Lại có trăm muôn vị Tỳ-kheo-ni, vì muốn phát huy đạo pháp, hành hóa, không trở lại, không còn vướng mắc về các quả vị, liền đứng dậy chắp tay, nói bài tụng:

Con rõ pháp bình đẳng
Nên bỏ thân người nữ
Thảy đều thành Phật Thánh
Bậc Tối Thượng trong đời.

Lại có tám trăm tám mươi muôn vạn các vị Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, vì muốn phát triển đạo pháp, hành hóa, không trở lại, liền đứng dậy chắp tay cung kính, đồng nói kệ:

Chúng con giữ tâm tịnh
Ví như ngọc lưu ly
Ngày nay bỏ gia đình
Vì hưng thịnh chánh pháp.

Lại có sáu mươi ức triệu triệu các vị trời, người trụ trong hư không tung rải hoa trời trên mình Đức Phật để cúng dường Đức Thế Tôn, sau đó liền hạ xuống đứng chắp tay trước Phật, ca tụng:

Con vốn mong các thừa
Tưởng về quả cũng thế
Hôm nay được dứt hẳn
Giác thành đạo Vô thượng.

-oOo-

Phẩm 12: Hàng Phục Chúng Ma

Khi ấy, vô số trăm ngàn các vị Tỳ-kheo trong chúng hội, các vị Trưởng lão như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, A-na-luật, Ly-việt,

Kiếp-tân-na... liền đứng dậy chắp tay, bạch Đức Thế Tôn:

–Hôm nay chúng con đã đầy đủ đạo Thánh, không trái với chí lớn, đã hàng phục được ma oán. Chúng con xét thấy đầy đủ năm tội nghịch thì được năm điều an vui, đầy đủ tà kiến, lìa bỏ chánh kiến. Hôm nay chúng con đã hại vô số muôn ngàn mạng người, đều được thành tựu Phật đạo đạt đến cảnh giới vô dư và đã diệt độ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn yên lặng. Trong chúng có vô lượng trăm ngàn vị đến dự hội nghe lời nói ấy đều sinh tâm nghi, cho rằng lời nói ấy có nghĩa gì? Mục đích của ý nghĩa đó lẽ gì? Vì thế mà tâm họ cảm thấy mờ mịt, các bậc ấy đều đã chứng quả A-la-hán mà còn nói những lời như thế huống chi là phàm phu? Vị nào đang đứng thì đứng yên, vị nào đang ngồi thì ngồi im lặng, hầu như không thể đứng dậy được.

Tôn giả A-nan vâng theo Thánh chỉ của Đức Thế Tôn, biết rõ tâm niệm của vô số trăm ngàn chúng sinh, nên hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nghe các vị Trưởng lão nói như vậy, chúng hội thảy đều hồ nghi, chẳng hay mục đích của lời nói ấy là gì? Mà Đức Thế Tôn yên lặng không nói?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa Tôn giả A-nan! Kinh này gọi là Pháp Luân Bất Thoái Chuyển Bồ-tát Chi Địa, vì thế các vị Trưởng lão ấy có thể bàn luận thêm, để cho các vị Bồ-tát Đại sĩ đã đạt pháp không thoái chuyển tận mắt thấy rõ và tăng thêm niềm tin.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Vì sao các vị Trưởng lão lại nói những lời như thế? Đức Thế Tôn thì im lặng. Như vậy thì các vị Trưởng lão ấy bằng với Bậc Vô Thượng Chánh Chân không thoái chuyển rồi?

Đáp:

–Đúng vậy, sẽ thành Chánh giác thì không còn có chuyện trở lại nữa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Tôn giả A-nan:

–Hành động không sáng suốt thì gọi là mẹ; mọi người phải suy cứu để giết hại hết thứ mẹ này. Tư tưởng không tốt, tham đắm tình sắc, đó gọi là cha; phải dứt trừ các ý tưởng bất thiện, xa lìa các tình niệm, đạt được tâm không đắm mê dứt hết các pháp phàm phu, rửa sạch hết tư tưởng bất tịnh là sự khác biệt giữa Thánh và phàm, phá vỡ các vọng

niệm mà không làm hại đến Đại pháp, khởi tâm Như Lai để dứt bỏ vọng tưởng, vì đối với tất cả các pháp đều không có nơi sinh, vì vậy mà các Trưởng lão đã nói là "Hôm nay chúng con đầy đủ năm tội nghịch". Sở dĩ nói như thế là vì khi nêu lên chữ 'nghịch', các vị ấy đã không vướng chấp ở ý tưởng 'nghịch phản', vì vậy các vị Trưởng lão ấy đã nói trở thành năm điều an vui.

Xét năm điều an vui ấy đều như mộng, huyễn, hình bóng, tiếng vang, ngựa đồng, biết rõ tuệ này thực hành không thiếu sót, thì được năm điều an vui. Vì sao? Vì chúng không có gốc rễ, dù không có gốc rễ nhưng vẫn nói đến chuyện trừ hết, như thế mới thích ứng với sự bình đẳng. Giảng nói về trí tuệ của bậc Thánh tức là đạt đến pháp Nhẫn, ở đây gọi là "năm điều an vui đầy đủ".

Các vị Trưởng lão ấy nói "Hôm nay chúng con được lìa chánh kiến, sống với tà kiến", nói như thế tức là thấy các pháp đều ở trong tà kiến. Nhưng các pháp hư vọng chân thật, đều không thực có. Ví như hư không, không có tướng mạo thì mọi thứ thật giả, đến đi, đều không có chỗ hướng về, không thể giữ gìn. Vì sao? Vì các pháp vốn tự nhiên, xem các pháp này đều bình đẳng, giống như các pháp, tà kiến cũng như thế. Các vị Tỳ-kheo này không phải không có tà. Vì sao? Vì để lìa mọi ý tưởng đạt đến Thánh đạo của Phật thì phải có sự giác ngộ về các pháp, về ý nghĩa sâu xa đầy đủ của kinh điển, tức là đạt đến diệu lý vô sở đắc. Cho nên, này A-nan! Các Tỳ-kheo này cùng nói là "Hôm nay chúng con có đủ tà kiến, lìa bỏ chánh kiến".

Các vị Trưởng lão ấy còn cho: "Hôm nay chúng con đã hại vô số trăm ngàn mạng người". Lúc nói lời ấy là không nhằm đến vô số hàng ngàn muôn các vị người, thần. Khi nghe, các pháp đều như huyễn, mộng, hình bóng, tiếng vang, ngựa đồng. Trừ bỏ ý tưởng về con người, không có tôi, ta, lìa ý tưởng về tuổi thọ của con người, vượt qua các gốc lành phát tâm đối với đạo lớn, không còn gieo trồng các hạt giống, tu theo đạo nghĩa, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ lìa bỏ mọi ý tưởng về ta, người, thọ mạng, không thân thì cũng không còn vướng trong mối lo về sự, mở đầu chung cuộc. Vì sao? Vì không còn ý tưởng về ta, người, hết hẳn không còn, đạt đến rốt ráo, không khởi pháp nhẫn, cho nên nói là: "Hôm nay chúng con đã hại vô số trăm ngàn mạng người". Nói như thế là các vị Trưởng lão muốn nói lên ý nghĩa là: Hôm nay chúng con đã đạt được Phật

đạo, đã đạt đến cảnh giới vô dư mà diệt độ khai hóa vô lượng ức trăm ngàn mạng người, giúp diệt trừ phiền não, đạt được Thánh đạo. Vì sao? Vì các vị ấy đều phát tâm đạo Vô thượng Chánh chân, khi nói lời ấy đều đã đạt được pháp Vô sinh nhẫn. Do vậy mà lời than trách đã trở thành lời khen ngợi: Hôm nay chúng ta đã dứt sạch tình dục, thành tựu Phật đạo, không còn hình bóng phiền não, trừ hết các cấu uế sinh tử. Cho nên điều ấy nhằm nói với chúng ta rằng hôm nay các vị đó đã đạt được đạo lớn, đạt đến cảnh giới Vô dư mà diệt độ. Các vị Hiền giả ấy muốn an trụ trong Đại thừa chứ không an trụ trên các cõi trời.

Thưa Nhân giả A-nan! Các thiện nam, thiện nữ phát tâm đạo Vô thượng chánh chân, vượt khỏi mọi tạo tác của thế tục, tâm luôn được thanh tịnh, không còn bị trói buộc của các pháp thế tục, vì thế nên phát tâm đạt được tất cả ý nghĩa, xả bỏ mọi vọng chấp, đạt đến chỗ rốt ráo của kinh điển, tức là cảnh giới vô dư mà diệt độ, đó là vì A-nan tu tập theo Bồ-tát thừa, người hành đạo Bồ-tát không tu tập theo các hành tu thường ngày. Những kẻ căn trí thấp kém thì tu theo hạnh tu thường ngày. Đó không phải là người có trí tuệ sáng suốt. Vì sao? Ví như không có những kẻ thân tín canh giữ các nơi quan trọng trong cung điện của các vị trời, thì không có sự sáng sủa, không được ra vào, các việc quá khứ không được rõ ràng, không có ngày đêm, không có nghĩ tưởng. Những kẻ ngu tối luôn khởi ý nghĩ về ngày đêm. Còn các bậc Bồ-tát Đại sĩ thì tu theo đại đạo, học hỏi các bậc Thiện tri thức, chí không còn giới hạn trong ý tưởng về ngày đêm. Vì sao? Vì phải dứt sạch mọi vọng niệm thì mới đạt đến Phật đạo.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói bài tụng:

Chỗ gọi chẳng nhớ thí
Yêu mình, chấp có thân
Nếu kia chẳng dứt bỏ
Gọi là chẳng dao động.
Nhận rõ về giận dữ
Tự nhiên chẳng khởi tưởng
Đạo Thánh vốn không chốn
Nên kia không thể động.
Chỗ gọi là giết mẹ
Đầu cuối từ đó sinh
Trừ sạch mọi cội nguồn

Nên gọi là hại mạng.
Chẳng thuận niệm là cha
Ưa thích pháp dục tình
Hiểu điều đó vốn không
Rốt ráo không hình mạo.
Hóa độ về không thân
Chẳng biết rõ nẻo đến
Không động, không chỗ trụ
Nói người quy hướng nghe.
Tu hành pháp La-hán
Pháp phàm phu cũng vậy
Các ái dục nên dứt
Nói người quy hướng nghe.
Khởi ý tưởng hữu vi
Xét tôi, ta tự nhiên
Các pháp chẳng thể hoại
Thì không âm thanh nói.
Chỗ biết của Như Lai
Nhớ nghĩ về chuyện cũ
Liền nhổ gốc rễ ấy
Cho không từ đâu sinh.
Vì bỏ ý nghĩ vui
Cũng đồng với không hai
Dù cho hiểu điều đó
Mà cho là bình đẳng.
Chỗ nói năm dục lạc
Kẻ tục khen năm dục
Dứt bỏ tưởng vô thường
Nghĩ nhớ như huyễn hóa.
Đầy đủ, không thiếu thốn
Thì hoại, ái dục không
Cho nên những thứ ấy
Trước khen ngợi Thế Tôn.
Nhận rõ các tội phước
Cũng ví như mộng ảo
Rốt ráo không chốn sinh
Trí tuệ ấy biết tỏ.
Rõ các pháp sân, tà

Vắng lặng, chẳng bền chắc
Bị tà kiến lừa dối
Kia biết rõ trí mầu
Tất cả pháp chẳng thật
Chớ nên gần pháp ấy
Việc dối chẳng đáng nương
Như hư không, không chỗ.
Hiểu khắp thấy tất cả
Nên khen là chánh kiến
Pháp ấy là bình đẳng
Rõ tuệ thấy, chánh đẳng.
Còn những kẻ ngu tối
Khởi nhân tưởng liền diệt
Tìm người không thật có
Nên không có người chết.
Vô số người sinh ra
Nên bỏ tưởng thọ mạng
Liền dứt hết các niệm
Chấp có mạng tội nặng.
Dứt trừ tưởng chúng sinh
Chẳng có chấp tuổi thọ
Do vậy nói lời này:
Ta hại vô số người.
Xả bỏ các phiền não
Pháp vô ứng, bất ứng
Rõ đạo không tướng mạo
Nên không chỗ diệt trừ.
Hàng phục các ma lực
Đạt đạo pháp thanh tịnh
Các pháp không tranh chấp
Chẳng sinh cũng chẳng diệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ xong thì năm ngàn người có tâm hồ nghi đang ở trong chúng tâm ý liền được mở tỏ, sáng suốt hoàn toàn, đạt được pháp nhẫn không từ đâu sinh. Các vị ấy đều dâng chiếc y đang mặc trên để cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và đồng thưa:

–Chúng tôi mong có được sự hiểu biết về đạo pháp như vậy, những lời giảng nói như thế, nhằm khai hóa chúng sinh, hiểu rõ tuệ sâu, không bị

trở ngại cũng như Nhân giả.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Đó là điều tốt đẹp nhiệm mầu, phá trừ được các lưới nghi, gồm các kinh sách Phật.

Tôn giả A-nan bước đến bạch Phật:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giáo hóa, dắt dẫn như thế nào mà nay Thế Tôn khen ngợi như thế?

Đức Thế Tôn đáp:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã dẫn dắt hóa độ vô số trăm ngàn hạng người, giúp họ đến với đại đạo, giúp họ hiểu rõ ý nghĩa sâu xa của kinh này.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi như vậy là khen ngợi chuyển pháp luân không thoái chuyển, dẫn vào phép tắc của Phật chăng?

Đức Phật nói:

–Đúng thế, A-nan! Bồ-tát đã giảng về pháp luân không thoái chuyển để làm cho đạo pháp được phát huy hưng thịnh. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là một người bạn lành, khéo léo dẫn dắt chúng sinh.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Bạch Trời Trong Trời, hiện nay, số các vị Tỳ-kheo đứng ở trước Phật hiện giờ, đều đã giữ vững niềm tin, kính thờ Chánh pháp, tám bậc, phát huy đạo pháp, hành hóa, chẳng trở lại, không vướng mắc, cùng tu các hạnh Thanh văn, Duyên giác, như thế các vị trong chúng hội này có phát tâm đối với đại đạo chăng?

Đức Thế Tôn bảo:

–Trong số các vị ở đây, có những người biếng trễ, yếu kém, tâm ý mờ tối nên khó giáo hóa, lại kiêu mạn không cầu tiến, ý nghĩ luẩn quẩn trong chuyện cơm áo; chẳng chịu khó học hỏi các pháp nhiệm mầu, chỉ ưa chuộng các pháp lợi, thích đề cao các pháp hữu vi nên chỉ gây thêm những phiền phức, ồn náo; đối với tám bậc nên đạt thì chẳng dốc sức mà lại chạy theo sức mạnh nên không có được sự an vui, các căn chẳng ổn định; tâm ý buông lung kiêu căng tự cho mình là hơn người, chí nguyện chỉ nhằm mưu cầu cho bản thân mình và mạng sống của mình, không chịu dứt bỏ các lỗi lầm, phạm giới, tham lam, ganh ghét, mà lại tưởng

cầu Phật pháp. Những người ấy thảy đều đi theo bạn xấu, ưa thích tà trí, không chịu kính nhận Trí độ vô cực. Thuận theo duyên ngoài, tham đắm các thú vui về tài sắc, cơm áo, từ xưa tới nay chỉ bận bịu với chuyện tối ngủ sớm dậy, không dốc lòng tinh tấn, đánh mất đạo tâm. Ngôn ngữ thì phạm đủ các lỗi lầm của miệng như nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, nói dối, nói thêu dệt. Tâm chí thì chỉ mang bao ý tưởng độc hại, tranh chấp với nhau, coi trọng tội phước, chẳng tin các pháp giải thoát như Không, Vô tướng, Vô nguyện; quên bỏ các hạnh bất sinh bất diệt, phá hoại tất cả pháp, không bao giờ khởi tướng. Họ là những người như thế!

Bấy giờ, Đức Phật im lặng không nói thêm nữa.

Tôn giả A-nan nương theo uy thần Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì sao Đức Thế Tôn im lặng không nói nữa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Vào thời gian cuối cùng của cõi đời năm trược, thì người pháp như thế, chẳng tin ý nghĩa sâu mầu của kinh, vì thế mà Phật im lặng.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Vẫn có ít người tin theo hay tất cả đều chẳng tin theo?

Đáp:

–Người tin được thì ít, người có trí tuệ sáng suốt như Tôn giả chẳng hạn thì ít ỏi mà những kẻ ngu tối thì nhiều. Vì sao? Vì không thích tu tập nên không hiểu biết về đạo pháp.

Này Tôn giả A-nan! Tình trạng là như vậy, nghe các pháp lành thì ít kẻ vui thích, mà lắm kẻ chẳng ham chuộng, ví như có người tin theo thì thường bị chúng rời bỏ, không được cung kính. Những người tin theo đạo pháp nếu có đi tới các quận, huyện, thôn ấp hoặc những chốn đô hội trong nước thì hay bị mọi người chế giễu. Vì sao? Vì những kẻ đó gây tội lỗi từ trước, gốc công đức mỏng nên bị phiền não che lấp không thấy được Chánh pháp.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Những người hướng tới Chánh pháp giảng nói lại có ít người tin theo, do đâu mà có tình trạng như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Vì có những người trong số đông Tăng chúng lìa bỏ Phật, không tin vào đại đạo.

A-nan bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn giảng nói, người muốn nghe tuy ít nhưng được nghe lời Phật chỉ dạy thì tất cả đều rất vui mừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nhìn khắp bốn phương, rồi đưa tướng lưỡi dài che phủ cả tam thiên đại thiên thế giới. Vì từ lưỡi phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp các cõi nước nhiều như số cát sông Hằng. Tức thì bốn bộ chúng nương theo lời dạy của Phật, tận mắt nhìn thấy về phương Đông có các Đức Phật Thế Tôn ở các cõi nước nhiều như số cát sông Hằng đều nói chuyển pháp luân không thoái chuyển này, những người nghe hội đều được nghe pháp từ xa, không có gì khác nhau. Bốn chúng trong hội đều thấy sự biến hóa như thế, tất cả đều nhất tâm đồng thanh cất tiếng bạch Phật:

–Kính mong Bậc Đại Thánh, chúng con hết mực tôn kính những điều Thế Tôn khen ngợi về chuyển pháp luân không thoái chuyển, như lời Phật đã nói. Thành thật không có gì sai khác chúng con tận mắt thấy vô lượng không thể suy nghĩ bàn luận vô số các Đức Phật, Thế Tôn ở vô số cõi nước giảng về ý nghĩa sâu mầu của kinh này thảy đều giống nhau. Kính mong Thế Tôn nói rõ điều ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thu lưỡi vào rồi bảo A-nan:

–Những kẻ nói lời dối trá làm sao có được chiếc lưỡi như thế?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời, không thể có được! Thế Tôn là Bậc phụng pháp chí thành, khai hóa chánh nghĩa, chứa nhóm công đức, trải qua vô số kiếp, mở rộng trí tuệ bao la mới có được tướng tốt ấy. Cho nên Thế Tôn hãy thương xót mà giảng nói, nếu các thiện nam có người tin tưởng ưa thích, thì việc học hỏi tuy còn ít nhưng nếu được nghe Phật chỉ dạy, tận mắt trông thấy chứng cớ rõ ràng thì sẽ rất vui mừng, phát tâm tinh tấn tu học không biếng trễ.

Phật bảo A-nan:

–Tất cả bốn chúng ở đây chưa từng gặp kinh điển như thế nên chí hướng còn lờ mờ. Các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ cùng tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân,... nay nghe kinh này, đều được không còn lui sụt. Họ sẽ dần đạt đến đạo Vô thượng Chánh chân Tối chánh giác, ở nơi các cõi ấy giảng về ý nghĩa của pháp đó, thảy đều giống nhau, cũng như ta hiện nay vậy.

Bấy giờ, bốn chúng đệ tử cùng với Trời, Rồng, Quỷ thần... đều hết sức vui mừng, xé rách lưới nghi, đều tay cầm hương hoa tung rải lên mình Phật; lại có những người nữ cởi những xâu chuỗi ngọc quý đang mang trên mình tung lên chỗ Phật, tất cả đồng lòng thành kính bạch Phật:

–Hôm nay Đức Như Lai Đại Thánh Chí Chân Đẳng Chánh Giác, không có hai lời.

Phật lại bảo A-nan:

–Đúng như những lời ông đã nói, thành thật không sai khác! Lời Như Lai giảng dạy không có hai lời, nhằm để dứt trừ lỗi lầm, những ngu si tối tăm do lòng tham gây nên, giả sử người có trí tuệ được gần gũi với Phật là bậc Trời trong trời thì sẽ được như ý nguyện.

A-nan hỏi Phật:

–Thế nào gọi là trí tuệ được gần gũi Phật?

Đức Thế Tôn hỏi lại:

–Hiền giả không hiểu được điều ấy sao?

A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Con không sáng suốt nên không hiểu.

Đức Thế Tôn bảo:

–Giả sử có những người nghe tên Phật Thích-ca, đều liền đạt được pháp không thoái chuyển, được bước đi trên con đường Phật Thánh. Vì sao? Vì Phật đạo là sự sáng suốt hết mực, cùng khắp, dứt sạch mọi thứ tham, sân, si. Cho dẫu chỉ dâng một cành hoa cúng dường Như Lai còn được giác ngộ, huống nữa là được gần gũi với trí tuệ Phật. Sau khi ta diệt độ, nếu có người giữ gìn xá-lợi của ta mà cúng dường, quy ngưỡng thì sẽ đạt được các ý nguyện.

A-nan lại hỏi:

–Những người tinh tấn tu tập, không nghi ngờ, chuyên tâm nghe nhận kinh điển, tất cả đều không thoái chuyển, như thế những người ấy sẽ thành Phật chăng?

Phật dạy:

–Nếu có những người chỉ nghe tên Đức Phật Thích-ca, đều sẽ đạt được Chánh giác Vô thượng. Vì sao? Vì nếu không như thế thì lời Phật nói là có khác, sẽ là hai lời.

Phật hỏi A-nan:

–Như cây Câu-loại có bóng mát che được năm trăm chiếc xe, nếu có năm trăm người ngụ ở dưới bóng cây ấy thì đều được bóng cây che phủ. Như thế thì lúc đem trồng, cây ấy lớn hay nhỏ?

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhỏ!

Đức Phật nói tiếp:

–Này A-nan! Như cây Câu-loại lúc đem trồng thì nhỏ xíu, nhờ chăm sóc tưới nước cùng với thời tiết dần dần trở nên to lớn, cành lá tỏa ra che khắp cả một vùng hết sức rộng lớn. Cây trồng và chăm sóc còn được như thế huống chi là những người đã dốc lòng theo Phật đạo, nghe được danh hiệu Đức Thánh Tôn, thì việc vun trồng gốc công đức cũng giống như vậy, công hạnh ấy dần dần sẽ được đầy đủ, chẳng hề bị hư hoại hay mất đi, để đạt tới đạo Vô thượng chánh chân. Vì sao như thế? Là vì tất cả các pháp ấy là nguồn gốc của mọi sự vun trồng, hoàn toàn chẳng có sự nương tựa, gốc của các thứ mầm mống phát khởi vốn là không cho nên không thể bị mất mát. Tất cả các pháp ấy không có chỗ nương tựa, diễn bày.

A-nan hỏi Phật:

–Chỉ có Phật nói điều ấy vì đó là bản nguyện của Phật hay là đạo pháp của các Đức Phật, Thế Tôn cũng đều như vậy?

Đức Phật dạy:

–Bản nguyện của ta là nếu có kẻ nào nghe được danh hiệu ta thì liền được pháp không thoái chuyển và thành Tối chánh giác, pháp của các Đức Phật cũng đều như thế cả. Vì sao? Vì các pháp của các Đức Phật đều bình đẳng.

A-nan lại hỏi:

–Pháp của các Đức Phật thảy đều bình đẳng, vậy sao còn phải dùng đến bản nguyện?

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

–Các Bồ-tát Đại sĩ nghe nói kinh này, giả sử có phát nguyện hoặc không phát nguyện, thế thì các vị trong chúng hội này có thể chứng minh rằng các vị đó đã nghe pháp ấy chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không hề có điều ấy. Pháp ấy rất nhiệm mầu, các

Đức Phật, Thế Tôn đã đem trí tuệ lớn lao của mình để soi sáng dẫn dắt chúng sinh.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy, đúng vậy, này A-nan! Sự giác ngộ của các Đức Phật hết sức lớn lao, sáng suốt nên đã dùng nhiều phương tiện để khai hóa khiến họ được đứng vững trong Thánh đạo. Ta ở nơi cõi Phật, vì lòng Từ bi thương xót chúng sinh, nhất là hạng căn trí thấp kém, nên chẳng hề tiếc rẻ thân mạng, tất cả mọi thứ sở hữu đều bố thí mà không bỏn xẻn, luôn tinh tấn tu tập không biếng nhác, đối với tất cả pháp không còn mê đắm, thực hành pháp Bồ-tát, chứa nhóm công đức, tu theo kinh điển sâu xa, tất cả là nhằm để cứu giúp chúng sinh, nhờ vậy mà đạt được Phật đạo.

A-nan hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Điều ấy thật là khó đạt, ít có, nay Thế Tôn nói kinh này sao bọn ma ác không đến quấy phá kẻ tu học, để khiến họ không thấy được công đức mà phát tâm đạt được đạo Vô thượng chánh chân?

Phật bảo:

–Do bọn ma chẳng nghe. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã dùng thần thông biến hóa.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thu hồi oai thần. Bấy giờ, Ma vương Ba-tuần ở trên hư không từ xa nghe âm thanh Phật giảng về chuyển pháp luân không thoái chuyển, lắng nghe và biết đó là pháp âm của Đức Phật Thích-ca thì tâm Ma vương liền sinh sợ hãi, khắp mình nổi ốc, miệng lẩm bẩm:

–Thế là Bậc ấy đã hoàn toàn hơn ta, đã gồm thâu hết thảy mọi sức mạnh khiến ta chẳng còn chốn nương thân cũng như chẳng còn có cõi nước!

Lẩm bẩm như thế rồi Ma vương buồn bã khóc lóc, thân thể tiều tụy như một lão già trăm tuổi gần đất xa trời. Rồi thì Ma vương, tuy thân thể đã biến đổi như vậy, vẫn cố dấy động bốn thứ binh, tập hợp trong khắp tam thiên đại thiên thế giới các thứ ma khác nhau và các quân ma cùng các vị trời đến chỗ Phật, binh trượng nghiêm chỉnh, uy thần của các ma bức não Bồ-tát lúc mới thành Phật, hiện thân lão suy, cầm gậy thì run rẩy, mặt nhăn nheo, da chùng, bốn thứ binh được bố trí khắp hư không, tất cả đều cùng nghe rõ từ xa pháp âm của Đức Phật Thích-ca đang giảng về pháp không thoái chuyển nên tâm chúng đều được an định.

Lúc này, ma vương Ba-tuần tự biết mình chẳng còn thứ gì là của mình cả, chỉ còn cô độc một thân, không người hầu hạ, rất đổi lão suy, cũng chẳng còn có một vị tướng nào giúp đỡ, thế lực hầu như chẳng còn gì, các cõi nước trong ba cõi chẳng còn nơi nào dung thân được, nên nói:

–Cúi xin Như Lai là Đấng Đại Từ luôn thương xót hết thảy muôn loài thì cũng nên thương tưởng đến thân tôi. Cho dù các cõi của tôi được Như Lai hóa độ tất cả, thì cũng xin Như Lai cho tôi một ít tay chân để phục dịch việc nước nôi chẳng hạn.

Đức Phật bảo Ma vương:

–Loài người rất nhiều không thể suy nghĩ, bàn luận hết được. Giả sử các Đức Phật hằng ngày xuất hiện mỗi lúc một nhiều như số cát sông Hằng, hóa độ các loài chúng sinh vô lượng trăm ức na-do-tha không thể tính kể thì cũng không hết được. Loài người đâu có hết!

Ma vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Loài người tuy nhiều nhưng thân tôi hiện nay thì cô độc, chẳng còn kẻ tay chân thuộc hạ để giúp đỡ, ví như đang đi trên đường mà đột nhiên bị trượt ngã lăn nơi đất thì cũng không thể tự mình đứng dậy được, cho nên luôn mong được sự an ủi vỗ về khiến tôi được vui mừng. Kính mong Thế Tôn hãy mau thương xót mà vỗ về khiến đám quyến thuộc của tôi được thêm đông.

Phật bảo Ma vương:

–Ngươi hãy yên tâm, những kẻ không nghe được pháp này và lìa bỏ sự tin tưởng, những kẻ ấy thảy đều là bạn của ngươi.

Ma vương nghe xong rất vui mừng, sinh tâm lành rồi nghĩ:

–Ta sẽ bày vẽ cho con người, tuy nghe pháp này nhưng không thích thú tin tưởng, trong tâm hồ nghi; mà đã do dự nghi ngờ thì tất sẽ theo đường chỉ dẫn của ta.

Nghĩ đoạn, ma vương Ba-tuần lại bạch Phật:

–Kính mong Thế Tôn thương xót, mở rộng lòng đại Từ bi, an ủi vỗ về, khiến tôi vui mừng sung sướng, không còn lo lắng sầu khổ nữa. Ấy là, đối với những người hướng về Phật nghe giảng kinh, chỉ cần nghe danh hiệu Phật Thích-ca liền được không thoái chuyển và sẽ đạt đến đạo Vô thượng chánh chân. Vậy mong Đức Thế Tôn im lặng chớ nên nói pháp ấy. Đó là những người đã huân tập mầm mống căn lành, chỉ cần nghe danh

hiệu thì càng thêm tinh tấn, đứng vững nơi đạo lớn.

Đức Phật đáp lời Ma vương:

–Ngươi hãy an tâm, chớ nên lo nghĩ sợ sệt. Ta sẽ khiến cho chúng sinh không đứng vững trong ý đạo, loài người vẫn còn y nguyên, mọi người thảy đều được yên, chẳng bị dao động, chẳng hề biết ghi nhận suy xét về các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ta sẽ khai dẫn chúng sinh chẳng lìa bỏ tà kiến; không đứng vững trong chánh kiến; đối với sáu mươi hai thứ nghi hoặc, tất cả đều như không hay biết; chẳng còn nhớ nghĩ về quá khứ vị lai cũng như hiện tại; không dứt bỏ sự giết hại chúng sinh như sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thêu dệt và tham, sân, si; cũng chẳng khuyến khích mọi người theo về với chánh đạo, không hóa độ con người tu tập theo sáu pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ; cũng không dạy người tôn thờ bốn ân, biết thi ân cho người, khéo yêu thương đem lợi lạc cho người khác đều cứu giúp hóa độ họ; không có chỗ nương nhờ, không nghĩ tới loài người, chẳng tưởng nhớ đến anh em, vợ con, cha mẹ cùng với nam nữ thân thuộc, trừ bỏ bạn thân, sớm tối ngày tháng, một tháng nửa tháng, mọi ý tưởng về chuyển biến. Ma vương Ba-tuần hãy yên tâm, ta sẽ khuyến khích con người từ bỏ mọi tư tưởng về sáu Độ vô cực, về đạo lớn, về các hạnh như mười Lực, bốn Vô úy, các Căn, Lực, Giác ý, tám Chánh đạo, Phật pháp Thánh chúng cùng Nhất thiết trí, đạo nghĩa, giáo hóa chúng sinh, đối với tất cả các pháp đều khiến cho chúng chẳng có biến đổi.

Bấy giờ, Ma vương hết sức vui mừng, không kiềm chế được, nên ngay lúc ấy dung mạo tươi tỉnh, mặt mũi sáng sủa, tung rải liền hoa lên mình Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng và nói bài kệ:

Thế Tôn Bình Đẳng Giác
Tâm ta rất vui thích
Chánh Giác lời chắc chắn
Ta làm gì như ý.

Ma vương Ba-tuần nói xong bài kệ liền trở về cõi trời cùng vui chơi năm thứ dục lạc với các quyến thuộc chẳng còn lo buồn sầu khổ, sinh tâm rộng lớn.

Lúc Đức Thế Tôn nói về phẩm Hàng Ma này xong thì khắp các cõi trong tam thiên đại thiên thế giới hiện bị rung chuyển sáu cách.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Hiện giờ, uy đức của Ma vương đã khiến cho mặt đất rung chuyển chăng?

Đức Phật nói:

–Chẳng phải thế đâu! Đó là do lúc ta giảng về phẩm Hàng Ma này có đến sáu vạn bốn ngàn người đạt được pháp Nhẫn bất khởi.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Có ai hồ nghi chẳng hiểu chăng?

Đức Thế Tôn nói:

–Những người mới hướng tới nghe thấy thảy đều lo nghĩ kết thành mối nghi, tâm họ đều nghĩ rằng, ta đã nghe rõ như vậy, Thế thì những lời nói ấy là nói cái gì, nhằm đi về chốn nào? Tất cả đều chẳng hiểu thấu!

A-nan bạch Phật:

–Kính mong Thế Tôn, hãy mau vì chúng hội này mà hiện ra ánh sáng rực rỡ, xé tan lưới nghi. Thật con chưa rõ do đâu mà Như Lai nói với Ma vương: "Ba-tuần hãy yên tâm, ta giáo hóa chúng sinh khiến họ không đứng vững trong đạo, đối với thế giới chúng sinh này chẳng có dao động, chẳng phát khởi tâm đạo, không dựa vào trí tuệ, không lìa bỏ tà kiến, chẳng trụ nơi chánh quán, đối với sáu mươi hai thứ nghi hoặc chẳng hề chuyển dời, cũng không có ý tưởng về quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng lìa bỏ các giới cấm là sát, đạo, tham dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời ác độc, và ghét, sân, si, cũng chẳng có Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, không hòa thuận với cha mẹ, anh em, vợ con, chẳng có ý niệm về ngày đêm, một tháng nửa tháng, lìa mọi ý tưởng ấy, cũng chẳng hề dao động, không tôn thờ sáu Độ vô cực, cùng Vô úy, Căn, Lực, Giác ý, Phật pháp Thánh chúng, Nhất thiết trí, khiến cho chẳng chuyển dời. Ba-tuần cứ yên tâm, ta sẽ khai hóa tất cả chúng sinh khiến họ chẳng tin theo ý nghĩa chuyển biến, chẳng đứng vững nơi các hạnh..."

Kính mong Thế Tôn hãy mau phân biệt nêu rõ nguyên nhân nào mà Thế Tôn đã giảng như vậy, khiến cho các vị trong chúng hội này dứt hết mọi mối nghi hoặc, tâm ý được mở thông, cũng như đối với đời sau, nhất là ở các cõi nước xa xôi biên địa được gặp Chánh pháp sáng tỏ, lãnh thọ các kinh điển, thọ trì đọc tụng, chẳng còn do dự hồ nghi!

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói bài tụng:

Đạo Thánh không chốn trụ
Nẻo tuệ cũng không nơi

Lúc nói nghĩa lớn này
Người hiểu và ứng hợp.
Đường đi cùng với người
Không hai, chẳng nơi chốn
Phật vì thế nên nói
Khiến rõ không có chốn.
Chúng sinh chẳng thể động
Loài người cũng như vậy
Tất cả chẳng có thân
Rốt ráo không chỗ được.
Loại chúng sinh đều không
Cõi người chẳng thể nghĩ
Rốt lại là vô niệm
Hiểu rõ tất cả tuệ.
Mọi người chẳng thể động
Giả danh gọi thân mạng
Do bốn đại hợp thành
Diệt độ vắng lặng này
Nhận rõ năm ấm không
Tự nhiên được, bất động
Diệt độ chẳng thể được
Dù tất cả không dời.
Ấm dứt, không rung chuyển
Hiểu rõ dứt tôi, ta
Lìa thân, vắng lặng không
Rốt ráo không có đắm.
Thân đồng với năm ấm
Suy hành cũng như vậy
Vô hành cho là hành
Các ấm như hư không.
Gọi là cõi vắng lặng
Chẳng khởi cũng chẳng sinh
Các ấm, cái, nhập này
Chưa thể đổi dời được.
Chấp thân mình tôi, ta
Pháp ấy chẳng lay động
Chưa đạt được sao rúng
Nên Phật nói lời đó.

Chúng sinh chẳng xem thường
Gốc tánh chẳng thật có
Vô tâm thì đạt đến
Như nhiên, không thể được.
Cái gọi là kiến chấp
Gồm có sáu mươi hai
Không tự nhiên như vậy
Như bóng trăng dưới nước.
Sáu mươi hai kiến ấy
Cũng ví như bóng hình
Lìa hữu hình vô ngã
Tự nhiên không rung chuyển.
Tưởng quá khứ, vị lai
Hiện tại cũng như thế
Mọi tưởng không nơi chốn
Ví như bóng ngựa đồng.
Pháp ấy Không, Vô niệm
Chấp người không thật có
Các chúng sinh chẳng chốn
Nên không thể dao động.
Người ấy thích sát sinh
Đi vào chốn đồng rộng
Chí vững nẻo Nê-hoàn
Nên chẳng thể dao động.
Tuy chuyển hóa chúng sinh
Xét ra chẳng thật có
Chấp ngày không thật có
Nên gọi không hề động.
Nói đạo có quá khứ
Không hề có sinh ra
Phật đã rõ nên nói
Nên người chẳng thể động.
Giả sử kẻ sát sinh
Pháp thí chẳng nghĩ bàn
Do đấy đạo tuệ nên
Gọi là chẳng thể động.
Gọi là kẻ tà dâm
Ái dục không thật có

Vì thế nói rõ ràng
Gọi là chẳng thể động.
Các pháp nói dối ấy
Kẻ dấy không hề thoát
Tinh tấn dốc một lòng
Gọi là chẳng thể động.
Hai lưỡi và nói ác
Lời sàm cũng như thế
Xem tất cả lời dạy
Như huyễn, như không hình.
Đều chẳng có nơi chốn
Cũng chẳng có chỗ nương
Các ấm như tiếng vang
Niệm ấy cũng chẳng có.
Cái gọi chẳng mong thí
Yêu mình chấp có thân
Thánh đạo vốn không cõi
Gọi là chẳng thể động.
Nhận rõ việc sân hận
Tự nhiên, tưởng chẳng dấy
Nếu kia không dứt được
Nên gọi chẳng lay động.
Hiểu rõ mọi tà kiến
Kính tu hành chánh pháp
Vượt qua mọi lời nói
Gọi là chẳng thể động.
Trí tuệ nên khuyên giúp
Tất cả báu, thanh tịnh
Thương kẻ đắm sắc, tài
Dứt bỏ các tội ác.
Tri kiến và giữ giới
Lìa bỏ cả Thánh đạo
Trí tuệ chẳng thể dấy
Chẳng tìm cầu Chánh chân.
Dị học có tâm tà
Ngoài đây các nhẫn nhục
Tìm cầu đạo bình đẳng
Chẳng nương pháp vô vi.

Tinh tấn đối ba việc
Nói rõ về dị đạo
Chẳng quy về Thánh tuệ
Đó là hạnh Minh trí.
Thường tu hành chánh định
Nương tất cả các tưởng
Chẳng phải việc Phật khen
Cũng không khuyên giúp kia.
Lỗi lầm của ái dục
Không thể gọi Minh triết
Không sinh khởi các tưởng
Tuệ Phật chẳng thể lường.
Hạnh Bồ-tát mạnh mẽ
Thu nhiếp thảy muôn loài
Nên nói rõ nghĩa ấy
Tuy thọ, chẳng chỗ động.
Dứt bỏ tưởng chúng sinh
Mà phát tâm Bồ-tát
Ý đạo không sinh khởi
Gọi là chẳng thể động.
Nghĩ cha mẹ anh em
Chị em và nam nữ
Tất cả giống như huyễn
Gọi là chẳng thể động.
Tất cả các niệm ấy
Xét ra không thật có
Pháp chúng sinh đều không
Gọi là chẳng thể động.
Mọi tưởng về sớm tối
Một tháng và nửa tháng
Dứt tất cả tưởng niệm
Ví như ngựa đồng, nước
Bố thí, Trì giới cấm
Nhẫn nhục và Tinh tấn
Tất cả các niệm ấy
Là các tưởng chẳng động.
Trí tuệ của định ý
Đạo lực của Bồ-tát

Tu tập không sợ hãi
Dứt bỏ các vọng niệm.
Giác ý và nghĩ đạo
Dứt ham chuộng nẻo Thánh
Trí sáng không hề động
Chẳng bị các vọng hoặc.
Những mong cầu Phật pháp
Các tưởng Thánh như vậy
Bao nhiêu niệm có, không
Chỗ động của ngôn, hành.
Tuệ Phật không trở ngại
Chỗ nương ý tưởng đạo
Đều là xa Phật đạo
Phật Thánh chẳng nghĩ bàn.

Lúc Phật nói rõ về phẩm Hàng phục chúng ma thì có đến mười ức chúng sinh xé rách được lưới nghi, thành tựu sự sáng suốt, thông tỏ, đạt pháp Nhẫn bất khởi. Đạt được pháp nhẫn rồi, các vị ấy đều một lòng nói bài kệ:

Bậc Thánh Tôn mở đạo
Nẻo Phật chợt không nghĩ
Là Thầy của chúng con
Giúp đạo, dứt hồ nghi.
Có đủ các ánh sáng
Được trụ cõi Phật sáng
Chiếu khắp cả mười phương
Mắt thấy ngàn ức Phật.
Thấy khắp rõ ngọn nguồn
Không tham đắm hình sắc
Đội ân dày Thế Tôn
Chúng con mắt pháp tịnh.

Bấy giờ, có đến trăm ức người thảy đều cởi áo đang mặc trên người đem che trên chỗ Phật để cúng dường Bậc Đại Thánh và cùng khen ngợi:

–Đức Thế Tôn đã khiến cho tất cả mọi người đều được nghe pháp ấy, ánh sáng rực rỡ, các sở nguyện đều đạt được.

A-nan bạch Phật:

–Nếu có người được nghe Phật chỉ dạy, dẫn dắt nhận rõ về kinh Khai Hóa Ma, lại thọ trì đọc tụng, thì được phước gì?

Đức Phật dạy:

–Phước đức ấy rất rộng lớn.

A-nan lại hỏi:

–Vì sao gọi là rất rộng lớn?

Đức Phật nói:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, vào buổi sáng cúng dường một trăm Đức Phật, đến buổi trưa, buổi chiều, nửa đêm, gần về sáng cũng đều cúng dường một trăm Đức Phật, Thế Tôn như vậy; trong một ngày, một đêm cúng dường sáu trăm Đức Phật, tất cả mọi thứ cần dùng đều dâng cúng đầy đủ, công việc cúng dường như vậy cứ diễn tiến trong một ngàn năm thì phước đức là được nhiều hay ít?

A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn! Phước ấy rất nhiều, không thể ví dụ được.

Đức Phật dạy:

–Nếu như có người đã hiểu rõ kinh Khai Hóa Ma, lại thọ trì, tin tưởng không nghi ngờ thì phước đức ấy còn lớn hơn nữa.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT A-DUY-VIỆT TRÍ GIÀ

QUYỂN HẠ

Phẩm 13: Như Lai

Lúc bấy giờ, có ba vị Bồ-tát đều từ phương xa đến, thể hiện những biến hóa nơi Phật đang giảng nói pháp khiến chúng hội trông thấy cho là điều chưa từng có.

A-nan bạch Phật:

–Ba vị Bồ-tát ấy đã từ cõi nước nào đến đây?

Đức Thế Tôn đáp:

–Về phương Đông, cách đây nhiều cõi nước như số cát sông Hằng có thế giới tên là Thân siêu Tu-di sơn, ba vị Bồ-tát ở tại cõi nước mình, vì nghe ta nói kinh này cho nên đến đây.

Liền đó, ba vị Bồ-tát đến đứng trước Phật, đều dùng hương hoa cúng dường Đức Thế Tôn và cùng thưa:

–Chúng con đều ưa thích tin tưởng pháp ấy, không có tâm hồ nghi. Vì sao? Vì trong lòng hết sức sáng tỏ, ví như mắt nhìn thấy rõ mọi hình sắc trước mặt mình. Đó cũng là nhờ ân che chở của Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Rồi một vị Bồ-tát bước đến bạch Phật:

–Như lời con nói là thành thật không hư dối, đối với kinh này con hoàn toàn không còn hồ nghi gì cả.

Vị Bồ-tát thứ hai cũng bạch Phật:

–Đối với pháp này con cũng chẳng có điều gì nghi ngờ.

Rồi vị Bồ-tát thứ ba lại bạch Phật:

–Như lời con nói là hết sức thành thật, không hư dối, Phật là Bậc Giác Ngộ thì con cũng sẽ là Phật, con đã hiểu rõ kinh này không còn nghi hoặc gì nữa.

Bấy giờ, trong chúng hội có vô số trăm ngàn những vị từ phương xa đến nghe pháp, tất cả đều cùng chắp tay, không thích chỗ mình ngồi và

cùng nói:

–Phật xuất hiện ở đời, vì sao mà các vị ấy lại nói ra lời như thế?

Mọi người đều im lặng, trong tâm nghĩ: "Nay Phật hiện tại sẽ giải thích."

Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

–Các vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì?

Phật bảo A-nan:

–Một vị Bồ-tát tên Đắc Như Lai Trụ, vị thứ hai tên là Chí Đắc Thế Tôn Âm, còn vị thứ ba tên Chí Đãi Đắc Phật Thanh. Như thế, này A-nan! Như lời các vị ấy nói không hề sai khác với nghĩa thú này.

A-nan bạch Phật:

–Hiện nay trong vô số hàng trăm ngàn các vị trong chúng hội, có một số vị tâm ý còn xao động chưa được yên. Các vị ấy đều chắp tay nhất tâm hướng về Phật, bày tỏ là chẳng hay nghĩa này nhằm hướng tới điều gì? Sự so sánh ấy là nhằm nói về công đức chuyển biến sẽ được gia tăng thêm chăng? Ví như có một chàng trai, khôi ngô khác thường, dung mạo tươi đẹp, dùng nước sạch rửa tay, rồi dùng các thứ hương thơm quý giá xông, gội thân mình, lại mặc y phục đẹp đẽ... thì tất nhiên là thể sắc của người đó càng thêm tươi sáng bội phần. Lấy điều ấy để so sánh với công đức của những người tin tưởng, ưa thích đối với Chánh pháp luôn cung kính hướng về Phật thì sự chuyển biến của phước đức không gì sánh kịp.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai biết quá khứ
Đương lai cũng như vậy
Thấy các pháp vốn không
Nên gọi là Như Lai.
Thông đạt việc hiện tại
Vị lai đều nêu rõ
Chẳng tạo lập ba hành
Rốt ráo như vô tưởng.
Như các Phật thời xưa
Giác ngộ không tính kể
Đều không từ đâu lại
Nên gọi là Như Lai.
Như các Phật thời xưa

Mong cầu được Thánh đạo,
Người giác cũng được vậy
Nên gọi là Như Lai.
Các pháp vốn được lập
Âm thanh đạo vắng lặng
Âm thanh không thật có
Nên gọi là Như Lai.
Chỉ hợp giới quá khứ
Đương lai cũng như vậy
Hiện tại thì vốn không
Nên gọi là Như Lai.
Như nhẫn nhục mạnh mẽ
Mang thân hình Bồ-tát
Học ấy cũng như thế
Bậc ấy là Vô thượng.
Khi còn là Bồ-tát
Lực siêng năng như thế
Chí thực hành tinh tấn
Nên gọi là Như Lai.
Như các pháp bình đẳng
Lời giảng nói không khác
Niệm không đắm vào Hữu
Nên gọi là Như Lai.
Bình đẳng chẳng còn niệm
Luôn an nhiên tự tại
Dứt mọi niệm bình đẳng
Không nghĩ, chớ khởi niệm.
Vốn không, thành Tam-muội
Đầy đủ âm thanh ấy
Tu hành định ý này
Nên gọi là Như Lai.
Các pháp đều vốn tịnh
Vốn không, chẳng chỗ nơi
Tất cả không xưng gọi
Nhân duyên không hình tướng.
Biết rõ tướng trí tuệ
Rõ pháp không cũng thế
Chí thành không nghi ngờ

Trí tuệ độ vô cực.
Chỗ độ như bậc Thánh
Cội gốc không nghĩ bàn
Sáng kia không thật có
Nên diệt độ vô lượng
Như được trí tuệ sáng
Độ khắp cũng như thế
Vì tuệ ấy không chỗ
Nên gọi là Như Lai.
Phật đạo chẳng thể đạt
Như nghĩ tưởng của ý
Chẳng được tất cả pháp
Nên gọi là Như Lai.
Đạt đến cõi vô vi
Ví như nhiều nẻo tới
Các pháp không thể tính
Khen đạo không bến bờ.
Uy thần của Thế Tôn
Pháp tắc vô sở tu
Đạo ấy là chân lý
Đều từ trí tuệ sinh.
Đạo tôn quý, vô lậu
Đều nhận rõ như thế
Đạo ấy là chánh chân
Chí nguyện thuận tự nhiên.
Có hiểu rõ Thánh hóa
Pháp an trụ bình đẳng
Dẫn dắt đến vốn không
Nên gọi là Như Lai.
Thánh đồng với bình đẳng,
Chỗ trụ thuận đường sáng
Đạo và thân vốn không
Nên gọi là Như Lai.
Nay ta giảng nói pháp
Tiếng bình đẳng như thế
Giả sử trụ ở đây
Mà mong cầu đạo lớn.
Ta do vậy, A-nan

Miệng nói ra lời ấy
Việc đó như lời nói
Thảy là hành của thức.
Hiểu rõ không lui sụt
Là Bồ-tát mạnh mẽ
Nên vì tu tinh tấn
Khen ngợi nghĩa lý ấy.
A-nan! Nhân duyên này
Tâm Bồ-tát giảng nói
Cho nên gọi Như Lai
Trí Bồ-tát mạnh mẽ.
Thuận theo các nhân duyên
Pháp đó thuộc loại gì
Vì sao gọi Thế Tôn
Bồ-tát tu Vô úy.
Giảng nói trăm ức kiếp
Nhân ấy thành Đại Thánh
Phật đạo không nghĩ nhớ
Thành tựu trí tuệ sáng.
Đều tự vì thân cầu
Dứt hết nỗi lo sợ
Nên gọi là Thế Tôn
Không hề sợ sinh tử.
Đầu cuối không hề lập
Do vậy độ chúng sinh
Nên gọi là Thế Tôn
Nào sợ hãi sinh tử.
Vì sao trụ đầu cuối
Vì sao độ chúng sinh
Thế Tôn Tối Thượng Giác
Không dẫn người pháp lợi.
Pháp cũng không hư hoại
Không bền, chẳng ly tán
Độ người siêng khổ nhọc
Là chẳng sợ sinh tử.
Đó chẳng trụ đầu cuối
Độ muôn loài như thế
Nên gọi là Thế Tôn

Không hề sợ các pháp.
Không hề sợ các nghĩa
Cùng tất cả kinh Phật
Khiến nghe vô số pháp
Không đáy, không có bờ.
Pháp chúng sinh đều không
Đạo các Phật tự nhiên
Chẳng thấy gốc các pháp
Liền nương theo kinh này.
Chuyên ròng nơi các pháp
Trí không, pháp tự nhiên
Không sợ, không việc sợ
Hiểu rõ đạo tuệ không.
Biết các pháp lừa dối
Phân biệt chẳng chỗ nương
Tinh tấn lần lượt giảng
Sẽ hiểu gốc các pháp.
Những khó khăn gắng vượt
Dứt trừ các đường ác
Không có ý lo sợ
Khỏi đường ác chúng sinh.
Hóa độ hơn ức người
Vượt nỗi sợ đầu, cuối
Thường bất động sinh tử
Từ đấy độ chúng sinh.
Độ qua bờ bên kia
Đến Thượng tôn vô vi
Được mọi người tôn quý
Nên gọi là Thế Tôn.
Giải thích cho người nghe
Các pháp như hư không
Cũng chẳng có nạn, sợ
Nên gọi là Thế Tôn.
Nhờ nương tất cả pháp
Nhiều khai mở dắt dẫn
Đạo bình đẳng không khác
Pháp Thánh chẳng thể đạt.
Chúng sinh bằng với Ngài

Thì đến được đạo Phật
Nói rõ ràng như vậy
Thì không còn sợ khó
Dẫn dắt kẻ lạc loài
Độ vô số chúng sinh
Vượt qua các sợ hãi
Nên gọi là Thế Tôn.
Cởi bỏ tưởng về người
Chỉ tu tập đạo niệm
Nhổ sạch bao mầm mống
Nên gọi là Thế Tôn.
Lìa được các tư tưởng
Bồ-tát không chuộng gì
Cho nên được danh hiệu
Tôn xưng là Thế Tôn.
Pháp bình đẳng vắng lặng
Hiểu rõ tất cả nghĩa
Chí lập đời vị lai
Nên gọi là Thế Tôn.
Không cầu đạo nhiệm mầu
Kia cũng chẳng cầu danh
Giải thoát gọi Vô vi
Giảng nghĩa kinh người nghe.
Đạo dứt các kiêu mạn
Nên không có lập nguyện
Người cầu được tôn xưng
Thì chẳng mến Phật đạo.
Xem âm như tiếng vang
Do đó khởi vọng tưởng
Tham đắm tiếng hư dối
Danh dự ta như thế.
Những vọng tưởng chẳng còn
Lời nói không mê đắm
Bồ-tát không buông lung
Nên gọi là Thế Tôn.
Tiếng Đại Thánh nói ra
Tượng pháp ví như thế
Hiệu Bồ-tát tạm lập

Nên gọi là Thế Tôn.
Cho nên phải hiểu rõ
Không ai không mê hoặc
Chí thành cầu Phật đạo
Các phiền não đều dứt.
Duyên ấy và việc khác
Khen ngợi tiếng Thế Tôn
A-nan! Biết theo nhân
Mà hiệu là Bồ-tát.
A-nan! Ta vì thế
Miệng nói ra lời ấy
Các trí sáng sở duyên
Phật hiệu là Thế Tôn.
Biết rõ các phiền não
Không hề bị hoặc che
Bình đẳng giác trừ dục
Cho nên hiệu là Phật.
Nhờ đâu là Thế Tôn
Nêu rõ danh hiệu đó
Sao theo lời bạch Phật
Mà giảng nói đạo pháp.
Phật pháp không thật có
Hiểu rõ không, vắng lặng
Tất cả không vướng mắc
Nên tôn hiệu là Phật.
Hiểu rõ thân đều không
Thấy thân không ràng buộc
Kia chẳng chút chắc bền
Thân chẳng tồn tại mãi.
Ngu độn lìa tuệ sáng
Không quan trọng nghĩ trọng
Biết đó đều vốn không
Nên tôn hiệu là Phật.
Nhận rõ tuệ vô minh,
Tự nhiên không có thân
Đến được trí Đại Thánh
Nên tôn hiệu là Phật.
Vọng khởi từ quá khứ

Phân biệt học vô tưởng
Rõ các tưởng không chốn
Chẳng bị niệm mê hoặc.
Giác biết sắc xưa kia
Không sinh, không nơi chốn
Kẻ ngu vì vọng tưởng
Chấp sắc chẳng hề thành.
Nhận rõ sắc vốn không
Cội nguồn không thật có
Không đắm tất cả pháp
Nên chẳng có khổ thọ.
Biết tưởng ví như huyễn
Không vật, không có thân
Đã nhận rõ tuệ này
Tất cả pháp như thế.
Thu nhiếp không chỗ đi
Tất cả thân không khổ
Không nghĩa chẳng án trụ
Nên thân không thật có.
Thân người không bền chắc
Cũng giống như cây chuối
Đều nhận rõ nghĩa này
Nên tôn hiệu là Phật.
Biết rõ, tự nhiên, không
Chấp thân chẳng có trong
Ngoài cũng chẳng thể được
Che chở những loại nào?
Quán thức không thật có
Tất cả pháp cũng thế
Không nơi chốn, hình tướng
Rốt ráo không thể được.
Nhận biết các sở tri
Cho rằng vốn vắng lặng
Nếu hiểu rõ vọng tưởng
Thì không có sở kiến.
Rõ không tác là quán
Tất cả người cũng vậy
Chúng sinh các loài đồng

Cho nên không biết được.
Tự nhiên không mở bày
Các pháp không sở hành
Tất cả không có thọ
Nhân, pháp cũng đều thế.
Tất cả pháp nhẫn qua
Biết rõ chưa từng sinh
Dứt bao thứ buông lung
Nên tôn hiệu là Phật.
Hiểu rõ các kinh Phật
Kinh ấy đúng chân lý
Tất cả pháp vô xứ
Nên tôn hiệu là Phật.
Pháp ấy chính là không
Đường giác ngộ vốn không
Như Phật đạo, chẳng khác
Không thể được cội rễ.
Từ phát tâm đến nay
Chí đặt trong Đại đạo
Nên biết không có chí
Các pháp không thật có.
Duyên nào phát chí ấy
Mà mến cầu đạo Thánh
Tâm ấy đồng với đạo
Hiểu rõ không hình tướng.
A-nan! Ta vì thế
Mà nói ra kinh này
Nhân giảng rõ nẻo Thánh
Ta là Phật, Đạo Sư.
Đem pháp ấy so sánh
Âm thanh đó là Phật
Giả sử dạy như thế
Từ đó cầu Phật đạo.
Sẽ được gần Chánh đạo
Kia biết rõ pháp ấy
Chẳng còn có hai tâm
Tất cả pháp như thế.
Không nghi kinh sách Phật

Bậc Tối Thượng ở đời
Nếu hiểu lời giảng ấy
Rộng nói pháp như thế.

Lúc Đức Phật nói rõ về ý nghĩa của Như Lai, Thế Tôn, Phật xong thì có vô số trăm ngàn người trong chúng hội liền bước đến bạch Phật:

–Chúng con đã dứt sạch nghi ngờ, đã xé rách lưới kết sử, đã hiểu do từ nhân duyên gì mà Bồ-tát được danh hiệu là Như Lai, Thế Tôn, Phật; hiểu rõ pháp ấy, tự thấy tâm mình sáng tỏ, hiểu rõ tất cả pháp là không, con người chỉ vì bị phiền não che lấp nên đối với cha mẹ, vợ con có những tình cảm luyến ái, buồn giận. Chúng con được Đức Như Lai dạy trao ý nghĩa sâu nhiệm, khiến tâm chúng con được an trụ vững chắc không còn bị chao đảo, đã ngộ pháp bất động như hư không chẳng thể lay chuyển, không gì làm cho mình sợ hãi được. Như thế đấy, bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều không hề đổi dời. Vì sao? Vì các pháp như hư không.

Bấy giờ, vô số trăm ngàn các vị trong chúng hội đều cúi đầu lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi trở lại chỗ ngồi của mình.

-oOo-

Phẩm 14: Dẫn Dắt Giáo Hóa

Lúc bấy giờ, có vị Bồ-tát tên là Chư Căn Thường Duyệt nói bài tụng:

Mọi người sinh tưởng quả
Cứu giúp bằng niệm khác
Bình đẳng đối thật đạo
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.
Thường giảng nói đức thật
Giảng nói quả bình đẳng
Được bình đẳng chánh giác
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.
Vô số người tham quả
Nương thật hạnh chúng sinh
Phật đều độ tất cả
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.
Nói pháp không sai khác
Chỗ trụ đều bình đẳng
Rõ các pháp bình đẳng
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.

Người thường chuộng quả đức
Cố gắng chẳng đắm mê
Giải thoát mọi điên đảo
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.
Đức sinh khởi đầy đủ
Khiến trụ vững trong đạo
Thành tựu tất cả đức
Đảnh lễ Bậc Minh Trí.

Bồ-tát Chư Căn Thường Duyệt nói bài kệ khen ngợi Phật xong, liền đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi cách chỗ Phật không xa để chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn không hề nhàm chán, tâm ý khai mở, vui mừng.

Lúc này, Bồ-tát Liên Hoa Thủ Tạng liền đứng dậy, tung rải hoa sen cúng dường Đức Thế Tôn rồi khen ngợi:

Mọi người đều mong muốn
Độ thoát các chấp đắm
Dứt hẳn các sợ hãi
Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.
Dứt bặt hết nơi chốn
Nói pháp không cảnh giới
Anh hùng vượt các thọ
Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.
Hiểu rõ các pháp không
Tự nhiên, không bền chắc
Pháp bình đẳng vượt khó
Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.
Nhổ bỏ các cội gốc
Chúng sinh đắm phiền não,
Gắng giúp khiến không sợ
Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.
Không hãi, cũng không sợ
Là tiếng rống sư tử
Vượt qua các cảnh giới
Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.
Dứt những mọi lo buồn
Lo khổ cũng dứt hẳn
Tâm xa trừ hung hại

Đảnh lễ Đấng Năng Nhân.

Bồ-tát Đại sĩ Liên Hoa Thủ Tạng nói kệ khen ngợi Phật xong liền bạch Phật:

–Nếu có người luôn thực hành việc lễ bái Phật như vậy thì vào đời sau cùng nghe được kinh sâu nhiệm này, trí tuệ sáng suốt, không hề có sợ hãi.

Lại có vị Bồ-tát tên Ly Dục Tích bước ra bạch Phật:

–Nếu có người nghe được kinh sâu nhiệm này, tâm vui mừng tin tưởng thì đó là bậc Minh trí, nên dùng hương hoa sớm tối cúng dường.

Lại có vị Bồ-tát hiệu là Quảng Tâm, bước ra bạch Phật:

–Đức Như Lai giảng nói kinh pháp này là đã làm cho Phật đạo hưng thịnh, người không nghi ngờ kinh này thì phúc đức không thể tính lường được, lấy việc cúng dường làm điều lợi lạc, tâm được vững chắc. Đối với kẻ tin tưởng kinh này thì mọi sở nguyện đều đạt được. Trái lại, kẻ không tin thì bị ma làm chủ, tất đi theo đường của ma.

Lại có vị Bồ-tát hiệu là Liên Hoa Mục, bước ra bạch Phật khen ngợi bằng bài tụng:

Nếu người tin kinh này
Là mắt sáng của đời
Không có tâm nghi ngờ
Chỉ người rõ nẻo đạo.

Lại có vị Bồ-tát tên là Tâm Tín Duyệt liền đến trước Phật nói bài tụng:

Người nghe kinh pháp này
Vui mừng tin hơn hết
Được mọi người tôn quý
Bậc Thần minh của đời.

Lại có vị Bồ-tát hiệu là Hỷ Thần Linh nói bài tụng:

Người nào nghe kinh này
Tin tưởng không nghi ngờ
Là uy thần của đời
Được mọi người tôn kính.

Lại có vị Bồ-tát tên là Thường Thích đến trước Phật nói bài tụng:

Nếu người nghi kinh này
Tâm luôn khởi lo buồn

Chí bị hư vọng buộc
Mãi trôi lăn sinh tử.

Lại có vị Bồ-tát tên là Bảo Y nói bài kệ:

Vô số ức y phục
Thanh tịnh, rất nhiệm mầu
Tôn trưởng mau hóa độ
Khiến không sinh tâm nghi.

Lại có vị Bồ-tát tên là Thiền Thực đến trước Phật nói kệ:

Người tin kinh sâu này
Sẽ được ban thức ngon
Đầy đủ tất cả vị
Chuyên tinh theo hạnh Thánh.

Lại có vị Bồ-tát tên là Kiến Nhân Trụ Thánh đến trước Phật nói tụng:

Người nghi ngờ kinh này
Tâm luôn khởi lo buồn
Lại khóc than sầu khổ
Chẳng tin kinh pháp mầu.
Hoặc từ ngục sinh lên
Hoặc trở lại đường ác
Tu-di làm chốn ngăn
Hồ nghi pháp tượng này.
Bị bạn ác lôi kéo
Chẳng hiểu nghĩa sâu mầu
Bị lưới nghi trói buộc
Nên chẳng có chốn về.
Đó không thuận chánh giới,
Quán tức giận buồn lo
Khi ấy nơi trú ngụ
Được ví như thú dữ.
Đã chẳng tu đạo pháp
Biếng nhác, chẳng tinh tấn
Tin tà, không trí tuệ
Chẳng tin kinh pháp này.
Chuộng vòng quay chúng sinh
Ân ái đắm tôi, ta,
Nương vào họa ba cõi
Chẳng tin lẽ nhiệm mầu.

Kẻ ngu tối bị hại
Ưa đắm năm dục lạc
Tham dựa tự thấy thân
Phỉ báng lời chỉ dạy.
Chí chuộng y phục đẹp
Ưa thích thức ăn ngon
Ít có pháp thanh tịnh
Nên phỉ báng kinh này.
Người thích sống cõi Dục
Ham chuộng quả vô phước
Kẻ ấy tự xa cách
Chẳng được gần Thế Tôn.

Lại có vị Bồ-tát tên là Khí Ác Pháp đến trước Phật nói kệ:

Nên bỏ bọn người ấy
Ví như xa hầm phẩn
Kẻ ngu nghi kinh này
Nương cõi Dục cầu thoát.
Nên phải xa lìa chúng
Như xa thây chết thối
Kẻ nghi kinh sâu này
Nên xa cũng như thế.
Lại có người bài báng
Như giặc vây xóm làng
Mãi ở nơi chỗ tối
Thấy ác, ý nên bỏ.
Nhìn việc ấy phải rời
Là giặc, vật hung ác
Nếu bài báng kinh này
Tâm ý mãi cuồng loạn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bước đến, bạch Phật:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời, thật là điều chưa từng có, các vị Bồ-tát này đã nhận rõ trí tuệ của kinh, có đúng như vậy không? Nhờ vào năng lực của chánh định mà nói những lời ấy hay là nhờ vào thánh chỉ của Phật mà hiểu rõ được?

Đức Phật dạy:

–Nương vào uy thần Phật mà duyên theo ý nghĩa của kinh này nên có được năng lực chánh định đạt đến các pháp vô vi. Vì sao? Vì các vị

hiện đang có mặt ở đây đều thuộc dòng họ của Như Lai, đã từng ở nơi sáu mươi ức Đức Phật mà nghe được yếu chỉ của kinh này, tin ưa, khen ngợi, cũng như hiện nay chí nguyện gắn bó với năng lực chánh định để nhờ vào uy thần Phật mà giảng kinh này, đúng như nhưng điều ta đã giảng nói không khác, nhằm làm sáng tỏ thêm.

A-nan hỏi Phật:

–Người nào nghe kinh này, liền vui mừng tin tưởng, không hề hồ nghi, thì những người trong dòng họ của Như Lai, là nam hay nữ, được phước đức thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Những người trong dòng họ của Như Lai, là nam hay nữ, chí cầu đạo Vô thượng chánh chân, ví như đem bảy chất báu đầy khắp trong thiên hạ này mà cúng dường Như Lai, lại có người nghe được kinh sâu nhiệm này tâm liền vui mừng, tin tưởng, không nghi ngờ thì phước đức còn hơn việc cúng dường các thứ châu báu kia.

Đức Phật nói tiếp:

–Ví như đem hết số châu báu trong thiên hạ cũng như toàn bộ các thứ châu báu trong các thế giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng mà cúng dường Như Lai, lại có người nghe được kinh này, tâm vui mừng, kính tin thì phước đức hơn hẳn việc cúng dường kia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài tụng:

Ví như trong thiên hạ
Bảy thứ báu đầy khắp
Đem cúng dường Như Lai
Thế Tôn thành Đại Tuệ.
Kẻ trí nghe kinh này
Tin, ưa, không dao động
Phước đức ấy hơn hết
Đức ấy không hạn lượng.
Ví như cát sông Hằng
Các cõi Phật cũng vậy
Cúng dường Đức Thế Tôn
Không bằng nghe kinh này.

A-nan bạch Phật:

–Những người trong dòng họ của Như Lai, hoặc nam hay nữ, nghe

kinh pháp này mà vui mừng tin tưởng, thọ trì, đọc tụng thì phước đức ấy thế nào?

Phật dạy:

–Nếu các vị nam, nữ trong dòng họ của Như Lai cầu đạo Vô thượng chánh giác, thì những vị ấy trải qua trăm kiếp cúng dường Như Lai, cũng như tu các pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ; lại được năm thứ thần thông, mỗi vị trong trăm kiếp ấy luôn hiểu rõ mọi việc ở thế gian, không hề nghi ngờ, nhưng không tin nhận kinh này thì những kẻ ấy chẳng hề biết cúng dường Phật.

Bấy giờ, Đức Phật nói bài tụng:

Nếu trong một trăm kiếp
Kính cúng dường Thế Tôn
Thức ăn uống đầy đủ
Chưa phải thật cúng dường.
Người tin thọ kinh này
Mới thật cúng dường Phật.
Bỏ ý tưởng dựa đạo
Pháp cúng dường các Phật.
Như thế hợp lời dạy
Đúng là kính thờ Phật
Pháp cúng dường Đẳng giác
Như Lai là Pháp thân.
Giả sử trong trăm kiếp
Chọn toàn y phục quý
Mà cúng dường Thế Tôn
Là chưa thật cúng dường.
Người thọ trì kinh này
Luôn tôn quý cung kính
Mới thật kính thờ Phật
Hơn việc cúng y phục.
Nếu trải qua trăm kiếp
Ngọc báu, hương hoa thơm
Cúng dường lên Thế Tôn
Chưa thật cúng dường Phật
Nếu thọ trì kinh này
Dứt ý tưởng dựa quả
Đó chính là cúng dường

Thế Tôn tuệ trên hết.
Nếu xây tháp bảy báu
Để cúng dường Thế Tôn
Đều cao như Tu-di
Chưa là cúng dường Phật.
Nếu thọ trì kinh này
Chẳng còn thấy ta, tôi
Là cúng dường trên hết
Không có gì hơn được.
Nếu trong một trăm kiếp
Có người giữ giới cấm
Chẳng thọ trì kinh này
Giới ấy không tên tuổi.
Người thọ trì kinh này
Giới ấy rất được khen.
Nếu giữ giới thanh tịnh,
Giới này không gì hơn
Vô lượng chẳng nghĩ bàn
Trí sáng thuận kinh này
Theo nhân duyên kính thờ
Giới cấm luôn đầy đủ.
Giới ấy đều rốt ráo
Chẳng gọi là hủy giới
Người tu học kinh này
Liền hợp với lời dạy.
Nếu không tu kinh này
Là chẳng cầu Phật đạo
Tuy thờ Phật đầy đủ
Cũng coi như không tu.
Tu giới giống như thế
Nhận rõ nghĩa kinh này
Thọ trì theo từng quyển
Thì giới cấm đầy đủ.
Giả sử trong trăm kiếp
Nhất tâm tu nhẫn nhục
Ví có kẻ giận mắng
Đều nhẫn với mọi người.
Nếu người trì kinh này

Nghe, thọ trì, đọc tụng
Nhẫn ấy là trên hết
Nhiệm mầu chẳng thể lường.
Hoặc người chặt chân tay
Tâm không hề oán giận
Chẳng bực, chẳng chao đảo
Tâm ấy cũng không khởi.
Nhẫn nhục được như vậy
Thực hành trong trăm kiếp
Kẻ làm được điều đó
Nhẫn ấy chưa đặc biệt.
Nếu người trì kinh này
Nghe, thọ trì, đọc tụng
Nhẫn ấy là trên hết
Nhiệm mầu chẳng thể lường.
Nếu thọ trì kinh này
Nhẫn đó là trên hết
Vòi vọi không gì bằng
Chân thật, chẳng hư dối.
Lời dạy Chân chẳng mất
Tuệ Phật không gì hơn
Không chê bai kinh này
Tất cả được như nguyện.
Giả sử trong trăm kiếp
Tinh tấn không biếng nhác
Sớm tối không ham ngủ
Tất cả được như nguyện.
Nếu tu học kinh này
Giảng nói được, trí sáng
Tinh tấn là trên hết
Siêng tu không ai hơn.
Nếu trong một trăm kiếp
Là Thần tiên, năm thông
Chẳng được nghe kinh này
Thì không có thần túc,
Giả sử thọ pháp này
Nhận rõ, không vướng mắc
Thần thông đã đạt được

Tất cả không ai bằng.
Dù cho trong trăm kiếp
Tu hành các trí tuệ
Vượt mọi trí thế gian
Vui chơi theo năm dục,
Nếu không tu kinh này
Thì chẳng có trí tuệ
Bậc Thánh được mạnh mẽ
Thọ trì kinh mầu này.
Ấy chính bậc Đạo trí
Thông tỏ trí tuệ Thánh
Nếu nghe kinh sâu mầu
Vui mừng và vâng làm
Có tuệ sâu nhận biết
Biết các pháp về đâu
Phải nên nói kinh này
Trí tuệ cũng như thế.
Tu tập kinh điển chánh
Tất cả không có hai
Nên tu hạnh tinh tấn
Tu trì kinh sâu này.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trước Phật nói bài tụng:

Giả sử bốn ngàn dặm
Hoặc xa bốn ngàn dặm
Mà đến nghe kinh này
Thuận theo đức quả Phật
Liền đến nơi nhà ấy
Chẳng cho đạo là khó
Kẻ trí phải mau đến
Nơi nào tìm kinh này.
Người muốn được thiền định
Tất cả đều vượt qua
Tụng đọc, nói kinh này
Thọ trì, giải thích nghĩa.
Nếu cầu, tất cả an
Chỉ chuộng hạnh Bồ-tát
Giảng nói kinh điển này
Đất nước được an vui.

Được thấy Bình đẳng giác
A-di-đà, vô niệm
Mà tu theo nghĩa kinh
Tất cả lời Phật dạy.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Hiền giả A-nan! Đúng như lời ông nói, không có gì sai khác. Các vị nam nữ trong dòng họ Như Lai, những người khen ngợi kinh này, trong thời gian trì tụng thì tâm không loạn động, xa lìa tất cả vọng tưởng, nơi ở luôn được tự tại, được thấy các Đức Phật Thế Tôn khen ngợi kinh, tâm không tán loạn, khi sắp chết, mắt nhìn thấy vô số các Đức Phật, Thế Tôn. Vì sao? Vì các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai ấy luôn được tất cả các Đức Phật che chở, giúp đỡ, nhờ người ấy thọ trì, đọc tụng này mà được như vậy.

-oOo-

Phẩm 15: Bậc Sư Tử Nữ

Lúc bấy giờ, đồng nữ Tư Hưu và năm trăm đồng nữ cùng thưa hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người nữ tu học theo kinh điển này thì được công đức gì? Nếu thọ trì, đọc tụng thì phước ấy như thế nào?

Phật dạy:

– Nếu người nữ, cầu đạo Vô thượng chánh chân, muốn tu học theo kinh này thì nên quán sát người nữ khác. Vì sao? Vì nếu tu học theo kinh này chuyên tâm tinh tấn không tán loạn, thì sẽ không còn bắt chước theo người nữ khác tham đắm những việc ở đời, nhờ duyên ấy mà bỏ được thân nữ của mình.

Đồng nữ Tư Hưu lại thưa:

–Do đâu mà cho rằng người nữ vốn tham đắm đối với những việc ở đời? Vì bị mê lầm ấy nên phải mang lấy thân nữ?

Đức Phật đáp:

–Nếu có người nữ thấy những cô gái xinh đẹp, thân trang sức nhiều xâu chuỗi quý giá, nhưng không cho đó là điều vui thích, tự quan sát rồi thì xem như đó là nơi nhà xí dơ bẩn, tâm chẳng còn ưa dục, tạo sự quán tưởng, không cho là trong sạch. Còn nếu tham đắm vui thích thì phải thọ thân nữ. Lại nói về người nữ nặng về ganh ghét, ý nghĩ khác với lời nói, chẳng tương

ứng nhau, trước sau chẳng hề thuận hợp. Tuy có tiếp xúc các vị Tỳ-kheo nhưng chỉ cầu danh tiếng, không phải để học hỏi kinh pháp, thường có tâm tức giận, ưa thích chốn đông đảo khách khứa, không hề có sự cầu lợi như kinh này nói. Nếu có đọc tụng thì tâm thường mong cầu, khiến cho chí nguyện bị rối loạn, chỉ vui thích với thế tục. Vì thế mà phải làm thân người nữ, không thể dứt trừ tội lỗi. Còn đối với những người nữ đã dứt bỏ ái dục, không khởi những ý tưởng tà vạy thì sẽ tiếp nhận được bản kinh này, thọ trì đọc tụng. Vì sao? Vì kinh này vốn rất thâm sâu nhằm trừ bỏ sắc trần cho người nữ.

Đồng nữ Tư Hưu lại thưa:

–Giả sử người nữ không tham muốn bản thân mình, tiếp nhận kinh pháp này thọ trì đọc tụng thì do nhân duyên nào người ấy có thể chuyển được thân nữ của mình?

Đức Phật dạy:

–Nếu muốn chuyển thân nữ thì phải tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng, chẳng còn ham muốn thân nữ, thường sợ hãi thân nữ là nhơ uế. Ví như có người thấy đống lửa lớn đang bốc cháy dữ dội mà lại tự mình nhảy vào trong ấy, miệng lại nói rằng mình chẳng hề bị lửa thiêu đốt, cũng không bị thương tổn đến da thịt. Vậy theo ý của đồng nữ thì thế nào? Người ấy nói như thế có đúng với thực tế chăng?

Đồng nữ Tư Hưu đáp:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời, không đúng với thực tế! Vì sao? Vì đối với lửa, thì công dụng chính của nó là thiêu đốt, phải làm phỏng cháy da thịt và không thể không gây thương tích.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Đối với kinh này cũng vậy, công năng của kinh này là nhằm thiêu đốt tận cùng mọi thứ ái dục, nếu còn tham đắm các hình thái của tình dục, tức là tự mình chuốc lấy sự nguy khốn trói buộc. Do đó, người nữ muốn chuyển thân nữ phải mau rốt ráo thành tựu Phật đạo, được thấy vô số các Đức Phật, Thế Tôn, đầy đủ vô lượng biện tài, thì phải tiếp nhận, thọ trì đọc tụng kinh này.

Đồng nữ Tư Hưu cùng với năm trăm đồng nữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nhớ lại, thuở xưa chúng con đã theo Phật Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác tiếp nhận, thọ trì đọc

tụng kinh này, giảng nói ý nghĩa cho vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh nghe.

A-nan bạch Phật:

–Đồng nữ Tư Hưu này tuy là người nữ nhưng không phải là nữ. Vì sao? Vì theo như thân sau cùng của con hiện nay dùng mắt quán sát thì thấy phải chăng đồng nữ ấy biến hóa thị hiện ra như thế? Vì xót thương người nữ, muốn dùng phương tiện để độ thoát họ nên đã thu nhiếp những người nam để họ không thấy được nơi chốn, nhờ vậy mà cảm hóa những người nữ chăng?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Đồng nữ Tư Hưu ấy, không phải nam cũng không phải nữ, không ở trong pháp ấy. Vì sao? Vì quan sát cội gốc các pháp thì không thể nói là người nam hay người nữ, vì tất cả các pháp đều không thật có, bình đẳng không sai khác. Vì sao? Vì các pháp là như vậy, chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Đồng nữ Tư Hưu đã nhận rõ ý nghĩa của kinh này, không còn bị vướng mắc, đã đạt được ánh sáng của các pháp. Vì thế, A-nan! Nếu có người nữ muốn cầu được thân nam thì nên theo pháp tu hành của đồng nữ Tư Hưu, tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng.

Bấy giờ, có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni liền bước đến bạch Phật:

–Tất cả chúng con, từ hôm nay trở đi đã tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng, chẳng còn ham thích thân người nữ, xem đó là nhơ uế nên chán ghét thân này, từ nay trở đi không còn coi trọng chuyện ngủ nghỉ, chuyên tâm trì tụng kinh cho được thông suốt để đạt đến chánh định.

Lúc ấy, Đức Phật khen:

–Lành thay! Những lời nói đó thật đã nêu được ý nghĩa của việc đọc tụng, như mặc áo giáp đức lớn, thông đạt tinh tấn, chẳng còn ham đắm thân nữ, vì thế các nhân giả càng nên siêng năng tu tập tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo-ni nghe lời Phật dạy đều hết sức vui mừng, liền cởi y đang mặc trên mình phủ lên chỗ Phật để cúng dường và khen ngợi bằng bài tụng:

Hôm nay chúng con vui
Mong làm thân người nam
Chẳng khác lời Phật dạy
Sẽ được đời quý trọng.

Bấy giờ, các bà vợ của năm trăm vị trưởng giả nghe các vị Tỳ-kheo-ni được Phật khen là đã mặc áo giáp đức hạnh, liền đứng dậy bước đến bạch Phật:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời! Chúng con từ nay trở đi xin tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng, mong cho chúng con được sự tự tại, không còn bị người bó buộc ngăn cấm cũng như không còn xét nét soi mói đến nhan sắc của kẻ khác, lìa khỏi mọi sự sai khiến của ma cùng bao lo âu hoạn nạn. Vì sao? Vì dù cho người nữ được sinh ra trong các gia đình vương giả, vẫn luôn có những ràng buộc chẳng được tự tại, suốt đời phục dịch cho chồng con. Vì vậy chúng con kể từ hôm nay trở đi luôn gắng sức tinh tấn, giả sử có người chỉ nói được ý nghĩa của một câu trong kinh này thôi, chúng con cũng không dám bài bác. Cho đến khi thân mạng này chấm dứt, chúng con chẳng gần gũi chồng nữa, để chúng con đọc tụng và hiểu được ý nghĩa kinh này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi những người vợ của các trưởng giả:

–Lành thay, lành thay! Những người nữ này, nay ở trước Phật đã rống lên tiếng rống của sư tử, những lời ấy thật hết sức tốt đẹp như mặc được áo giáp vô cực. Như chí nguyện của các vị ấy là không còn soi mói đến nhan sắc của người khác, chẳng còn gánh vác những vật nặng nề như mười tháng cưu mang, cũng không còn vào bào thai, mà chỗ sinh là cõi Phật thanh tịnh, chỗ không có người nữ, không có lỗi lầm.

A-nan hỏi Phật:

–Các vị nữ này sẽ sinh vào thế giới tên là gì mà không có lỗi lầm?

Phật nói:

–Thế giới ấy hiệu là Bảo liên hoa tạng, các vị sẽ được sinh về cõi đó.

A-nan lại hỏi:

–Thánh hiệu của Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở thế giới ấy là gì?

Đức Phật nói:

–Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Nhất Thiết Chư Bảo Diệu Trân Chi Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang nói pháp, vợ các trưởng giả nhờ tu học kinh này mà được thấy Đức Như Lai đó.

Bấy giờ, vợ các trưởng giả vui mừng hớn hở, tâm lành phát khởi, liền cởi trăm ngàn xâu chuỗi bằng bảy thứ ngọc báu đang đeo trên người tung

rải lên chỗ Phật để cúng dường và cùng đọc bài kệ:

Nay đạt được nguyện lớn
Sẽ bỏ thân người nữ
Lời Phật dạy không sai
Miệng nói lời chí thành.
Sẽ dứt thân ngu này
Thân tội ương người nữ
Kẻ ngu si tham đắm
Chẳng rõ biết vốn không.
Không còn thọ bào thai
Dứt trừ chỗ thọ thân
Đã được nghĩa vô thượng
Không hề có nơi chốn.

Vợ của các trưởng giả nói kệ xong liền cùng nhau cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn, mắt không hề chớp.

-oOo-

Phẩm 16: Ca Ngợi Pháp Sư

Bấy giờ, trời Đế Thích rải các hoa trời lên chỗ Phật để cúng dường rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin thọ trì kinh nhiệm mầu này chăng?

Đức Phật đáp:

–Này Câu Dực, chính nhờ công đức của kinh này mà giữa các Trời và A-tu-la chẳng còn dấy khởi chuyện tranh chấp với nhau nữa.

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì muốn khai hóa vô số trăm ngàn người, giúp họ đứng vững trên nền tảng công đức, bèn bước đến trước Phật bạch:

–Bạch Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, vốn phát đạo tâm đọc tụng Đại pháp này.

Đức Phật nói:

–Đúng như vậy đấy, Nhân giả, đối với hàng trăm ức na-do-tha các vị Bồ-tát hết mực tôn quý, các vị ấy đều phát ra ánh sáng chiếu khắp cõi nước của Đức Phật trong mười phương giống như cung điện mặt trời không đâu không soi sáng.

Khi nói lời nói ấy thì cõi nước này rung chuyển sáu cách, các thứ hoa trời được tung rải xuống như mưa.

A-nan hỏi Phật:

–Vì sao mặt đất rung chuyển và hoa trời tung rải xuống như mưa như vậy?

Phật bảo A-nan:

–Vì vô số ức vị trời nghe những lời khen ngợi của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tâm rất vui thích nên đã tung rải các thứ hoa trời ấy để cúng dường và lập thệ nguyện: "Chúng tôi cũng sẽ thọ trì kinh này để đạt được trí tuệ của đạo như ngài Văn-thù-sư-lợi vậy". Vừa nói xong lời ấy tức tất cả tội lỗi đều dứt sạch, được gần kinh này, cho nên vui mừng cúi đầu lễ chân Phật, rồi đảnh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì thế mà mặt đất rung chuyển.

A-nan thưa hỏi Phật:

–Công đức thọ trì kinh này rộng lớn vô cùng tận, những người chỉ được nghe kinh này thì công đức đã không nhỏ, không hề gặp điều hư vọng chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, này A-nan! Các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai lần lượt đã từng cúng dường vô số các Đức Phật, nên nay mới được nghe kinh pháp này. Nếu nghe mà tin tưởng vui thích, thọ trì đọc tụng thì sẽ được các Thánh thần trong khắp cõi trời, người hộ trì.

Phật bảo A-nan:

–Nếu như kinh này truyền bá đến nơi nào thì chính là Đức Phật đã xuất hiện ở nơi đó. Nếu có người thọ trì, đọc tụng, tu học, thì sẽ phá được lưới nghi hoặc mê lầm, hàng phục các loài ma xấu ác, đạt được chân lý của các pháp và giảng nói chánh pháp sáng suốt, gắng sức để dứt sạch những tăm tối, đến được đạo tràng. Nếu có người nào nghe ta giảng nói kinh này vui mừng thọ trì, đọc tụng tu học, thì những người ấy đúng là đệ tử Phật, sinh ra từ Pháp thân Phật, có thể mặc áo Phật, ăn cơm Phật, ngồi gốc cây Bồ-đề như lúc ta đã ngồi, giảng nói kinh pháp như Phật đã giảng nói, và sẽ tiếp nhận kinh này, thọ trì đọc tụng.

A-nan hỏi Phật:

–Cúi mong Đức Thế Tôn nói về thời đương lai, về sau này cũng sẽ có những người tiếp nhận kinh pháp ấy, thọ trì đọc tụng không?

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Đối với những người hiện đang ở trước Phật đây có lòng tin đối với kinh ấy thì những người đó ở đời sau cũng tin tưởng, thọ trì đọc tụng. Phật xem khắp các cõi trời, dưới nhân gian, từ các loại ma cho tới Phạm thiên, Sa-môn, Phạm chí, các Trời, loài Người cùng A-tu-luân... những ai không được nghe kinh này mà vào đời sau nghe, lại tin tưởng ưa thích thì không thể có được. Chỉ đối với những ai nay đã được nghe thì vào đời sau mới tin tưởng. Ví như có vị Trưởng giả và người con trai, của cải giàu có vô số, đã chọn riêng một nơi để cất giấu các thứ của báu, rồi cả hai cùng đi đến một nước khác. Vậy thì theo ý của A-nan thế nào, hai người ấy trở về có tìm lại được nơi cất giấu của báu kia không?

A-nan đáp:

–Bạch Thế Tôn, tìm được! Vì sao? Vì họ đã biết rõ chỗ mình cất giấu của báu nên tìm là có ngay.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Hiện nay được nghe kinh này thì vào đời sau cũng sẽ tìm về hạt giống như là tìm lại nơi cất giữ của báu vậy. Như Phật đã dùng mắt đạo mà xem xét khắp thì những ai ở đời nay được nghe kinh pháp này, vui mừng tin tưởng, thọ trì đọc tụng thì ở đời sau chắc chắn cũng sẽ được như thế. Do vậy mà A-nan đang ngồi trước Phật đây nên cố gắng nghe kinh sâu nhiệm này.

-oOo-

Phẩm 17: Nói Về Việc Bài Báng Kinh Nầy

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Nếu có người nghe kinh này mà chẳng tin tưởng ưa thích, lại chê bai hủy báng thì mắc tội như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Ông hãy yên lặng, đừng nên hỏi như vậy.

A-nan bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn nói rõ việc ấy. Nếu người chẳng tin nghe tội phỉ báng thì được tự hối cải không?

Phật nói:

–Người phạm năm tội nghịch, còn thêm việc giết hại mạng người trong tam thiên đại thiên thế giới, thì tội ấy thế nào?

A-nan thưa:

–Rất nặng, bạch Đấng Trời Trong Trời! Tội ác ấy thật vô lượng!

Đức Phật dạy:

–Người phỉ báng pháp, tội ác cũng bằng như thế, nếu có kẻ phá hoại hủy diệt các ngôi chùa, tháp của Phật nhiều như số cát sông Hằng thì sau khi Phật nhập Nê-hoàn lại thiêu đốt chùa chiền, thì tội đó có nặng không?

A-nan thưa:

–Rất nặng, bạch Đấng Trời Trong Trời! Hạng người ấy thật chẳng nên nghĩ tới!

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Ta sẽ vì hạng người ấy mà nói rõ về tội lỗi như thế. Nếu lại có người phá hủy tận diệt Phật pháp cả trong thời quá khứ, đương lai, hiện tại thì tội ác ấy thế nào?

A-nan thưa:

–Tội ác ấy rất sâu xa, không thể tính kể!

Phật dạy:

–Kẻ bài báng kinh này tội ác cũng như thế, nếu ngăn cấm người khác khiến họ không được học kinh thì tội ấy như thế nào?

Đức Phật nói tiếp:

–Giả sử chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều tu tập theo mười điều lành, lại phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân, nếu có kẻ móc mắt hết tất cả những người kia thì tội ác đó thế nào?

A-nan thưa:

–Bạch Đấng Trời Trong Trời! Tội ấy rất nặng, kẻ ấy trong vô số kiếp thường phải chịu mù lòa, lại phải chịu nạn bị lửa thiêu đốt trong địa ngục.

Phật bảo A-nan:

–Vì thế mà ta ân cần dặn dò ông, giả sử có người phỉ báng, ngăn cấm một người khác khiến người đó không được thực hành theo kinh pháp thì tội ấy còn nặng hơn trường hợp kia!

A-nan lại hỏi Phật:

–Nếu như có người phát tâm cầu đạo, mà nghi ngờ kinh này nhưng không phỉ báng, thì tội ấy thế nào?

Phật dạy:

–Kẻ ấy tuy có phát tâm nhưng trước và sau đều hồ nghi nên sẽ luôn

xa cách các Đức Phật, Thế Tôn tùy theo mức độ nghi ngờ ấy, rồi cũng tùy theo mức độ nghi ngờ đó mà trong từng ấy kiếp sẽ không được gần gũi Chánh pháp.

A-nan bạch Phật:

–Nếu có kẻ đã không tin tưởng ưa thích kinh này, lại ngăn cấm mọi người khiến họ không được học hỏi, vậy thì kẻ đó phải chịu tai họa là thân hình lớn nhỏ thế nào? Cũng như là phải chịu tội nhiều ít ra sao?

Phật bảo:

–Này A-nan! Đừng nên hỏi như thế.

A-nan lại bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn giảng nói về điều ấy, trong bốn chúng đệ tử hiện có ở đây cũng có người đã dấy khởi tâm nghi hoặc. Lại nữa, ở đời vị lai, dân chúng ở những vùng biên địa hay các nước lớn nghe được kinh pháp này, mà thường sinh tâm nghi ngờ thì sẽ khiến họ tin tưởng, hiểu rõ, không còn phỉ báng nữa.

Đức Phật nói:

–Người ấy sẽ chịu quả báo là thân cao đến một muôn, khắp thân mình phải chịu bao thứ đau khổ không thể tính kể.

A-nan lại hỏi Phật:

–Lưỡi của kẻ ấy lớn hay nhỏ?

Phật bảo:

–Lưỡi của kẻ đó dài rộng mỗi bề bốn muôn dặm, trên lưỡi ấy luôn bị ngựa giày xéo đến năm trăm ức năm và trong năm trăm ức năm kẻ đó phải luôn uống thứ nước đồng nóng chảy đỏ rực màu lửa, trên thân thường xuyên bị lửa cháy thiêu nướng, nung đốt. Vì sao? Vì kẻ ấy là biểu hiện cho sự thọ nhận tận cùng của ác báo về khẩu nghiệp vậy.

Bấy giờ, bốn chúng đệ tử đến dự hội đang có mặt, nghe rõ lời dạy của Phật đều nổi ốc khắp mình, hết sức kinh sợ, té xỉu xuống đất, liền cùng nhau cất tiếng cầu mong Đức Phật thương xót đến mình, bày tỏ sự sám hối xin Đức Phật hãy vì các thiện nam, thiện nữ ấy mà rủ lòng cứu giúp mọi tội lỗi, nhờ vậy mới ngăn được bao nỗi lo phiền về quả báo cực ác kia, cùng những ý tưởng về thân xác cao lớn chịu bao nhiêu đau khổ không thể nói hết.

Lại có một số vị khác, nước mắt hãy còn tuôn rơi, liền cùng bước đến

bạch Phật:

–Vì chúng con tự mình không thể biết được đời này, đời sau nên sinh tâm nghi ngờ đối với lời dạy của Phật hiện tại cùng các Đức Phật, Thế Tôn trong mười phương, vì bị phiền não che lấp nên không tự thấy tội lỗi của mình, nay đều xin quy kính trước Phật, thành tâm thú nhận tội lỗi không dám che giấu, mong được Phật xá tội, ví như kẻ ngu dại chẳng biết gì nên đã làm trái với lẽ phải, nay tự thấy tội lỗi mình gây ra, mong được Phật thương xót xá tội cho.

Phật bảo bốn chúng:

–Lành thay, lành thay! Các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai, các vị đã nghi ngờ đối với pháp này, nay đã thấy rõ tội lỗi của mình, sám hối những điều mình đã gây nên thì cũng như ánh sáng mặt trời xua tan tăm tối.

Bấy giờ, A-nan liền bước đến bạch Phật:

–Nay trong chúng hội này có những vị tâm còn nghi ngờ thì sẽ chịu tội báo ra sao?

Phật dạy:

–Này A-nan! Tuy các vị ấy trong tâm nghi ngờ nhưng hiện giờ đã sám hối tội lỗi của mình, như vậy thì tội báo của các vị đó sẽ được giảm nhẹ.

A-nan lại hỏi:

–Cúi mong Thế Tôn giải thích cho chúng con được rõ.

Phật dạy:

–Các vị ấy khi sắp chết sẽ trông thấy hình ảnh địa ngục, các lỗ chân lông trên người đều đau nhức, lại còn gặp phải vô số không thể kể hết những nỗi lo lắng, chịu tội báo như thế rồi dứt. Vì sao? Vì các vị ấy đã đến trước Phật xin sám hối những tội lỗi của mình cùng dứt bỏ mọi điều nghi ngờ nên có được thêm lòng Từ bi cứu độ của vô số các Đức Phật trong mười phương nữa. Vì vậy, này A-nan! Các thiện nam, thiện nữ phải tự xem xét, về tội báo mà kẻ phỉ báng kinh pháp Phật sẽ phải chịu lấy. Cho nên đối với những người nghe kinh này, vui mừng chẳng nghi ngờ thì những vị ấy luôn được gần gũi Phật pháp Thánh chúng, đối với giáo pháp của Phật Thánh ở quá khứ, hiện tại, vị lai giảng nói, sẽ tin tưởng kinh này và thọ trì, đọc tụng.

-oOo-

Phẩm 18: Giao Phó Dặn Dò

Tôn giả A-nan bạch với Đức Thế Tôn:

–Chư Phật, Đại Thánh thảy đều nói giống nhau về pháp luân không thoái chuyển không?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Các Đức Phật đều cùng nói về pháp ấy không có khác nhau.

A-nan hỏi Phật:

–Giả sử các Đức Phật đều cùng giảng về pháp luân không thoái chuyển, vậy do đâu mà Đức Thế Tôn trước có nói với chúng đệ tử: "Giả sử có người chẳng muốn xa lìa Phật pháp Thánh chúng, đối với sự hưng thịnh, xiển dương Phật pháp các thời quá khứ, hiện tại, vị lai thì người ấy cũng không hề xa lìa kinh này.

A-nan lại hỏi:

–Phật nói pháp để làm sáng tỏ điều gì?

Đức Phật nói:

–Nói pháp cho chúng sinh khiến họ không thoái chuyển, đó là mở mang Phật pháp. Nhóm họp được các hạt giống không thoái chuyển, đó chính là chỗ Như Lai nhằm diễn bày nêu rõ vậy.

Tôn giả A-nan lại thưa:

–Các Bồ-tát Đại sĩ không còn thoái chuyển có ứng hợp với Thánh chúng chăng?

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Thanh tịnh chánh ý, phát tâm đối với Đại đạo, quan sát ý này thì bốn chúng đệ tử ở đây đều đã đạt được pháp không thoái chuyển.

A-nan bạch Phật:

–Thật đúng là điều chưa từng có! Các Đức Phật, Thế Tôn đã khéo léo sử dụng những phương tiện, dựa theo ý nghĩa tùy thời để mở mang đạo lớn.

Lúc này, trời Đế Thích liền tung rải các thứ hoa trời lên chỗ Phật để cúng dường rồi khen ngợi:

–Đức Thế Tôn đã khéo dùng phương tiện thích hợp để giảng nói kinh pháp khiến cho tất cả mọi người đều quy kính.

Đức Phật nói:

–Này Câu Dực! Nếu người được nghe kinh này, mà vui mừng tin tưởng thì hạng người đó vẫn phải sử dụng các phương tiện khéo léo để nói pháp khai hóa chúng sinh, làm cho Chánh pháp thường được phát khởi, cũng giống như ta hiện nay không khác.

Bấy giờ, có vô số các vị trời đều cúng dường các thứ hoa trời lên Đức Thế Tôn và cùng nói:

–Như Lai đã khiến cho tất cả mọi người đều đạt được pháp ấy.

A-nan bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn thể hiện tâm đại Từ bi khiến cho kinh này được lưu truyền đến cho người đời sau được đội ân ấy.

Phật bảo A-nan:

–Những vị thiện nam, thiện nữ hiện có mặt trong chúng hội này ở đời sau đều sẽ được gặp lại kinh này; giả sử như bị vấp ngã rơi xuống biển lớn, ứng theo kinh mà cầu nguyện thì sẽ được các Đức Phật nghe biết. Vì sao? Vì đó là uy thần biến hóa của các Đức Phật đời quá khứ giữ gìn kinh pháp này.

A-nan bạch Phật:

–Tuy được uy thần của các Đức Phật quá khứ che chở, và được sự kiến lập của Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ở hiện tại.

Lúc nói xong lời ấy tức thì khắp tam thiên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách, ngay lúc đó, ở trước Phật có vô số trăm ngàn đóa hoa, các thứ hoa sen báu tự nhiên vụt hiện ra, tỏa ánh sáng khắp chúng hội cùng chiếu khắp các cõi nước trong mười phương như số cát sông Hằng.

Bấy giờ, các vị trong chúng hội đều thấy khắp các cõi Phật trong mười phương như số cát sông Hằng, ở trước tòa báu của Phật, Thế Tôn đều có các hoa sen báu với hàng ức trăm ngàn cánh. Lúc ấy, trời Đế Thích liền hóa thành một vị trưởng giả, đưa hai tay nâng cao từng ấy hoa đem phân chia đều khắp bốn chúng và nói:

–Nguyện tung rải những đóa hoa này để cúng dường Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, và cũng để cúng dường ý nghĩa sâu mầu của kinh này.

Bốn chúng y lời thảy đều tung hoa lên chỗ Phật và đều thấy là những hoa được tung rải đó kết lại hóa thành một chiếc lọng hoa. Bốn chúng cùng

bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đây là điềm lành gì mà ánh sáng rực rỡ như vậy? Mặt đất rung chuyển và lại có vô số hoa sen báu hóa hiện trước chỗ Phật, rồi những đóa hoa được tung rải lên cúng dường Phật hóa thành lọng báu như thế?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Đó đều là sự biến hóa ứng hiện của kinh này. Vì vậy phải biết kiến lập kinh này và truyền bá đến khắp chốn, người thọ trì phải luôn nhớ nghĩ.

Bấy giờ, A-nan lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ những vị nương theo uy đức của Phật, mà kiến lập kinh này.

Đức Phật nói:

–Đúng vậy! Kiến lập và hộ trì, cũng như đã hộ trì đối với các Phật hiện tại, cũng giống như thế chẳng có gì sai khác.

A-nan hỏi Phật:

–Nay kinh này được đặt tên là gì và phải kính thờ, thọ trì như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Kinh này được gọi là Bất Ỷ Quả Phật Trừ Đắc Tích Tưởng, cũng gọi là Trì Tín, Phụng Pháp, Đạo Tích, Vãng Lai, Bất Hoàn, Vô Trước, Thanh Văn, Duyên Giác, lại có tên là Khai Hóa Tế Ma, cũng có tên là Tuân Phụng Lục Độ Vô Cực, cứ nên như thế mà kính thờ thọ trì. Vì sao? Vì nếu người được nghe kinh này mà tin tưởng ưa thích thì liền được đầy đủ sáu Độ vô cực.

A-nan lại hỏi:

–Thế nào là người tin tưởng, ưa thích kính thờ thọ trì kinh ấy thì được đầy đủ sáu Độ vô cực?

Phật bảo A-nan:

–Nếu các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai tin tưởng, ưa thích kinh ấy, không nghi ngờ, dốc lòng bố thí thì đó là Độ vô cực. Chẳng làm mất giới hạnh thì gọi là Cấm vô cực. Luôn tỏ ra nhẫn nhục trong mọi hoàn cảnh thì gọi là Nhẫn vô cực. Cũng không biếng trễ cùng lìa những sự khiếp nhược thì gọi là Tấn vô cực. Tạo được sự hứng khởi, vững vàng an nhiên

mà không khinh xuất thì gọi là Thiền vô cực. Đối với tất cả các pháp đã đạt được vô niệm thì gọi là Trí vô cực. Cho nên này A-nan! Do đó mà gọi tên kinh này là Lục Độ Vô Cực. Lại cũng có tên là Bất Thoái Chuyển Luân Phương Đẳng Chi Pháp.

A-nan bạch Phật:

–Chỉ được nghe tên kinh thôi cũng được sự lợi ích lớn lao, huống gì là người thọ trì, đọc tụng?

Đức Phật dạy:

–Đúng như vậy, vì kinh này rất khó gặp.

A-nan lại hỏi:

–Người nghe được tên kinh này thì vượt khỏi được bao nhiêu kiếp sinh tử?

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Những người được nghe kinh Pháp Luân Không Thoái Chuyển này, mà ưa thích tin tưởng thì sẽ vượt trừ được tai họa đầu cuối trong trăm ngàn kiếp.

–Giả sử có người nghe kinh này, thì dứt bỏ tánh kiêu căng ngã mạn, tin tưởng và đạo tâm phát khởi thì hạng người này như thế nào?

Phật dạy:

–Này A-nan! Đối với những hạng người ấy Phật đều thọ ký là đã được đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Lúc bấy giờ, ở trước mặt bốn chúng đệ tử trong hội, đều hiện lên một đóa hoa sen lớn màu sắc ánh sáng rực rỡ vô lượng, rồi từ đóa hoa lớn ấy lại hiện ra vô số trăm ngàn các đóa hoa khác nữa. Các vị đệ tử trông thấy đều rất vui mừng, liền dâng những đóa hoa ấy cúng dường Đức Thế Tôn và cùng khen ngợi:

–Chúng con nguyện được luôn gặp pháp này ở đời, cũng cố gắng học hỏi như hiện nay, để nhận biết rõ và giảng nói.

Bấy giờ, Đức Phật liền mỉm cười, tức thì có tiếng kỹ nhạc tự nhiên vang lên, âm thanh vang xa đến mười phương. Lại có vô số ngàn vị trời từ không trung tung rải các thứ hoa Chiên-đàn túc kim và hoa Thiên tâm, các thứ y phục của các vị trời để cúng dường Đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan liền đến trước Phật, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Đức Thế Tôn chẳng khi nào cười suông, vậy nụ cười vừa rồi là có

ý nghĩa gì?

Phật bảo A-nan:

–Hiện tại, bốn chúng đệ tử cùng tám bộ chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, Nhân phi nhân... đều được nghe kinh này. Đời sau, khi sinh ra cũng liền được gặp kinh ấy và sẽ giảng nói ý nghĩa của kinh chẳng khác gì như ta hiện nay.

Lúc Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, các trời, người đời... tất cả đều vô cùng vui mừng.

-oOo-

SỐ 267

KINH PHÁP LUÂN KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Hán dịch: Không rõ tên người dịch,
Đại sư Tăng Hựu đời Lương sao lục.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Tựa

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo Tăng một ngàn hai trăm năm mươi vị, chúng Bồ-tát Ma-ha-tát thì có đến số vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ.

Lúc bấy giờ, vào khoảng quá nửa đêm, Đức Thế Tôn nhập chánh định Quảng Đại Quang Minh Chiếu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nhập chánh định Đại quang minh, Bồ-tát Di-lặc cũng nhập chánh định Biến cự. Lúc này, Đức Thế Tôn xuất định, cùng Tôn giả Xá-lợi-phất ra khỏi phòng đi tới chỗ trú của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Chợt Tôn giả Xá-lợi-phất nhìn thấy hai bên trái và phải của phòng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng như phòng của Phật thảy đều hiện ra những ao nước đầy, trong ao có vô số lớp lớp những đóa hoa sen trải kín trên mặt nước. Mỗi đóa hoa sen trong ao đều phát ra ánh sáng chiếu khắp khu Kỳ hoàn và nước Xá-vệ, cho đến cả tam thiên đại thiên thế giới thảy đều được chiếu sáng. Lại nghe có tiếng pháp âm lớn vang khắp tất cả các thế giới trong mười phương, nghe rõ có tiếng của các vị Bồ-tát đang thưa hỏi, nêu câu hỏi, luận bàn. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đã bước vào phòng, thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ngồi nhập định, bèn đứng trước mặt rồi búng mạnh ngón tay để phát ra tiếng.

Lúc này Đức Thế Tôn cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đều thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử dùng thần thông biến hóa nên đều thấy

thân mình đang ở trên mặt nước biển lớn. Tôn giả Xá-lợi-phất khi ấy muốn ra khỏi phòng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhưng không thể được, muốn phóng vụt lên hư không mà cũng chẳng được, không tự biết mình từ đâu đến, huống gì là việc vận dụng thần thông bay đi. Thế rồi, Tôn giả liền ngồi kiết già nhập định, đột nhiên nhìn thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ngồi ngay thẳng trước mặt mình, biết đấy là do năng lực thần thông của Bồ-tát thể hiện, nên không rời khỏi chỗ ngồi.

Tôn giả Xá-lợi-phất thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Qua số cõi Phật như cát sông Hằng có một thế giới tên là A-bệ-bạt-trí nghị luận âm thanh, Đức Phật ở thế giới đó hiệu là Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu, hiện đang ngự trên tòa báu, có vô lượng ngàn ức Bồ-tát vây quanh. Tôn giả thấy các lỗ chân lông trên thân của Đức Phật ấy đều mọc ra hoa sen, mỗi đóa hoa sen đó đều phát ra ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Mỗi hoa có ngàn cánh, cọng bằng ngọc lưu ly xanh, tua bằng ngọc mã não, đài bằng các thứ báu, trên mỗi đài đều có các vị Bồ-tát đang ngồi kiết già. Các vị Bồ-tát ấy đều trụ trong pháp không thoái chuyển, sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với các pháp môn Tổng trì đều thành tựu Đại nhẫn, tự trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng, thân sắc màu vàng ròng nhiệm mầu bậc nhất.

Lúc bấy giờ từ nơi rốn Đức Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu mọc ra một đóa hoa sen lớn, rất nhiều mầu sắc, thân cũng bằng ngọc lưu ly xanh, cánh hoa bằng kim cang, tua bằng lưu ly nhân đà, đài bằng Long kiên chiên-đàn vương, nước ở thế gian không thể làm ô nhiễm. Tôn giả Xá-lợi-phất nhìn thấy đài hoa ấy còn bỏ trống nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã lên ngồi nơi đó và cùng với đài hoa sen vụt biến lên cao vút. Rồi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đi nhiễu quanh Phật ba vòng, chắp tay, nhất tâm đảnh lễ dưới chân Phật, sau đó trở lại đài hoa sen ngồi kiết già, chánh niệm hướng về Phật.

Lúc này, Như Lai Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả từ nơi nào đến đây?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con từ thế giới Ta-bà đến cõi này. Trong cõi Phật này có hai vị Bồ-tát là Thiện Âm và Thiện Thanh; hai vị Đại Bồ-tát này đều đã an trụ nơi pháp không thoái chuyển quyết định sẽ chứng được quả

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai vị cùng từ nơi đài hoa bước ra, sửa lại y phục ngay ngắn, rồi đầu gối bên phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế giới Ta-bà ấy cách cõi này bao xa?

Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu đáp:

–Thế giới Ta-bà đó cách đây với số thế giới nhiều như số cát sông Hằng, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ cõi ấy đến đây.

Hai vị Bồ-tát cùng hỏi Phật:

–Đức Phật ở thế giới Ta-bà đó hiệu là gì? Chúng con muốn được biết.

Đức Phật đáp:

–Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Bậc Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang còn trụ thế giới.

Hai vị Bồ-tát lại hỏi:

–Đức Thích-ca Mâu-ni hiện giờ đang nói pháp gì?

Phật nói:

–Hiện đang nói pháp ba thừa.

Lại hỏi:

–Thế nào gọi là ba thừa?

Phật dạy:

–Đó là giảng về Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thường giảng về pháp ba thừa như vậy.

Hai vị Bồ-tát lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Đức Phật nói pháp vì sao không giống nhau?

Đức Phật đáp:

–Tất cả các Đức Phật nói pháp đều giống nhau.

Lại hỏi:

–Thế nào là giống nhau?

Đức Phật dạy:

–Đó là Chuyển pháp luân không thoái chuyển, tất cả các Đức Phật đều nói giống nhau.

Hai vị Bồ-tát lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy thì vì sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lại nói về pháp ba thừa?

Đức Phật dạy:

–Vì tâm của chúng sinh ở thế giới Ta-bà ấy phần nhiều thấp kém, nếu chỉ nói về Nhất thừa thì không thể lãnh hội ngay được. Do đó, Phật Thích-ca Mâu-ni đã khéo dùng phương tiện khéo léo phân biệt nói ba thừa, giúp cho chúng sinh ra khỏi thế giới năm trược, dẫn dắt họ lần lượt hội nhập Nhất thừa.

Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà ấy nói pháp chắc là hết sức khó khăn?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói pháp thật rất khó khăn.

Hai Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con được lợi ích tốt đẹp nên không sinh vào cõi nước có chúng sinh thấp kém xấu ác như thế.

Phật đáp:

–Các vị chớ nói lời ấy, hãy mau bỏ ý nghĩ ấy.

Hai vị Bồ-tát nói:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu mà Thế Tôn dạy chúng con không nên nói những lời ấy. Ở thế giới năm trược như vậy, mà nói pháp này rất là khó khăn, do đó mà chúng con hôm nay chẳng sinh tâm vui mừng, ưa thích.

Đức Phật dạy:

–Ở thế giới này, trong hai mươi ức na-do-tha kiếp tu tập các căn lành, sự việc ấy không khó khăn bằng ở thế giới Ta-bà chỉ trong thời gian một bữa ăn mà tu tập các căn lành. Nhưng Đức Thích-ca Mâu-ni đã luôn thích ứng với các pháp tu Bát-nhã ba-la-mật để dẫn dắt chúng sinh quy y Tam bảo thọ trì năm giới, khiến họ xa lìa tâm Thanh văn, Duyên giác, khiến họ phát đạo tâm Vô thượng Bồ-đề là những việc hết sức khó khăn. Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đã tu tập như thế trải qua những hai mươi ức na-do-tha kiếp, huống chi còn khuyến khích mọi người xuất gia, khen ngợi công đức xuất gia, nói pháp rộng rãi, giúp họ ra khỏi ba cõi, giáo hóa như vậy để được lợi ích cho chính mình, tu tập pháp lành, nhập vào các thiền định. Vì sao? Vì chúng sinh ở thế giới Ta-bà đó luôn bị các thứ phiền não làm cho mê mờ, điên đảo.

Hai vị Bồ-tát lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao mà ở thế giới ấy, các chúng sinh lại bị nhiều thứ phiền não trói buộc khiến cho mê mờ điên đảo như vậy?

Phật dạy:

–Nếu ta nói cho các vị nghe về các thứ phiền não của chúng sinh ở thế giới Ta-bà như tham dục, sân hận, ngu si, vô số các pháp bất thiện, xấu ác thì dù hết suốt đời ta cũng không thể nói cho hết được. Chỉ có Phật mới biết rõ về nghiệp báo thiện ác ở thế giới đó.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát Thiện Âm và Thiện Thanh đều khen ngợi:

–Thật là Đấng Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni thật là Bậc Sư Tử trong họ Thích, thật là vị Đại Tiên trong dòng họ Thích!

Hai vị Bồ-tát khen ngợi ba lần như thế, tức thì các vị Thế Tôn ở đấy thảy đều khen ngợi:

–Lành thay! Bậc Đạo Sư thuyết pháp độ sinh, đã khéo biết rõ tâm niệm của muôn loài. Vì vậy mà ta đã nêu rõ về các pháp bất thiện, tham dục, sân si, tà kiến cùng vô lượng những điều xấu ác, khéo léo giảng nói dẫn dắt đưa họ về nẻo thiện, hướng về con đường tu tập của hàng Thanh văn, Duyên giác, đều quy về Phật thừa, thành tựu trí tuệ Phật, thanh tịnh bậc nhất. Lại giúp cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề, thuận theo sự giải thoát, nhập vào trí tuệ Phật, vì giúp cho chúng sinh có đầy đủ căn lành, tâm không bị cấu nhiễm.

Các vị Bồ-tát ấy đều lấy những đóa hoa sen được cấu tạo bằng bảy thứ báu với nhiều màu sắc, mỗi hoa có trăm ngàn muôn ức cánh, như kho báu kim cang, tua bằng ngọc lưu ly xanh cõi trời, đài bằng Chiên-đàn long kiên, thân bằng các thứ châu báu, không hề bị dính các thứ nước ở thế gian, mắt đều nhận thấy rõ, hoa này nhiệm mầu bay lên hư không và tự xoay theo các hướng, khỏi phải nắm giữ, giống như hình ảnh huyễn từ nghiệp báo sinh ra, cũng từ các chánh định giải thoát sinh ra.

Các vị Bồ-tát lấy hoa trong hư không rồi từ xa hướng về thế giới Ta-bà tung rải cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni. Lại cầm các tràng hoa, lọng hoa, đều làm bằng các chất báu, rồi nào mây báu, lọng báu cùng các lọng lụa quý giá để cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai. Sau đó, các vị Bồ-tát gieo năm vóc sát đất, hướng về Phật đảnh lễ, cùng đọc:

–Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật.

Các vị Bồ-tát Ma-ha-tát ở thế giới Ta-bà này, đã tự trang nghiêm

bằng các pháp Đại thừa, luôn tinh tấn không hề biếng trễ, tu tập các công đức, có khả năng giữ gìn tất cả Chánh pháp của các Đức Phật quá khứ, hiện tại cùng vị lai, vì muốn cứu giúp các chúng sinh khổ não nên chiếu sáng rộng lớn và trụ trong Nhất thừa. Chúng con muốn đến ra mắt Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng chúng Đại Bồ-tát ở thế giới Ta-bà, những Bậc đã dùng sự Đại trang nghiêm để trang nghiêm thân mình, vì tiếp nối hạt giống Phật không để dứt mất.

Đức Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu Như Lai nghe các vị Bồ-tát nói lời ấy, liền quán sát tâm các vị ấy, lại nói cho các vị ấy nghe về công đức của các Đức Phật, chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, bèn bảo các vị Bồ-tát:

–Các ông nên theo học sự hành đạo của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Đối với tất cả chúng sinh phát tâm đại Từ bi, phát tâm làm lợi ích an vui cho họ. Đối với các pháp sâu nhiệm không sinh tâm sợ hãi hoặc chê bai, trái lại luôn giữ tâm niệm vô tướng, đầy đủ căn lành, không cầu quả báo. Các vị Đại Bồ-tát như thế đều sẽ đến cõi nước của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, do năng lực của bản nguyện nên đều sinh về thế giới ấy để giữ gìn chánh pháp, thuận theo sự chỉ dạy của các Đức Phật để làm chỗ dựa cho việc tu học của mình. Các ông nên đến thế giới đó để ra mắt Phật.

Hai vị Bồ-tát Thiện Âm và Thiện Thanh cùng bạch Phật:

–Chúng con sẽ nương theo năng lực thần thông của Phật và năng lực của các Đức Phật thời quá khứ, vị lai mà đến được thế giới Ta-bà ấy.

Đức Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu nói với hai vị Bồ-tát:

–Bây giờ, các ông hãy cùng đi với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến thế giới đó. Rồi Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông hãy hướng dẫn hai vị Bồ-tát này cùng đến thế giới Ta-bà.

Hai vị Bồ-tát Thiện Âm và Thiện Thanh nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng tôi muốn ra mắt Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng các vị Bồ-tát và tất cả đại chúng ở thế giới ấy, xin được nương theo thần lực của Bồ-tát để được ra mắt Đức Phật ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này các thiện nam! Các vị trước hết phải nên lễ bái Đức Phật ấy, nên luôn luôn gần gũi cung kính cúng dường vô số các Đức Phật đều vì lợi

ích cho tất cả chúng sinh trong các thế giới ở mười phương, cũng vì muốn tăng trưởng tánh chất giác ngộ nơi mình tức là thành tựu trí tuệ của Phật.

Hai vị Bồ-tát được nghe lời chỉ dạy của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền cùng thưa:

–Chúng tôi cũng sẽ hết lòng cúng dường các Đức Phật, Như Lai, gần gũi lễ bái tôn trọng khen ngợi, sẽ học hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đảnh lễ Đức Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, cung kính tôn trọng rồi cùng với các vị Bồ-tát và Tôn giả Xá-lợi-phất đến gần Phật để nghe nói pháp, được Phật chỉ dạy quán kỹ Như Lai. Các vị đều tung hoa cúng dường, lại dùng các thứ hương bột, hương xoa; các thứ cờ phướn dù lọng làm bằng lụa là thanh tịnh bậc nhất, tất cả đều được sự hộ trì thần lực của chư Phật quá khứ, khiến cho niệm tuệ được vững chắc, hướng đến cúng dường khắp ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, Tăng, nhằm giúp cho tất cả chúng sinh được giải thoát.

Chỉ trong khoảnh khắc như sự co duỗi cánh tay của vị Đại lực sĩ, thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các vị đã đi về phương Đông, trải qua các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, ở mỗi cõi Phật ấy, Bồ-tát thảy đều khuyến thỉnh các Đức Phật giảng nói rộng về chuyển pháp luân thanh tịnh không thoái chuyển. Nơi các cõi Phật này không có người nữ, cũng không có danh từ hai thừa Thanh văn, Duyên giác, cũng giống như ở thế giới của Phật Thiện Trụ Quang Hoa Khai Phu không khác. Trong các thế giới ấy được trang nghiêm bằng các vị Đại Bồ-tát. Nơi lỗ chân lông và rốn của các vị Đại Bồ-tát ấy đều hiện ra những đóa hoa sen, trong mỗi hoa sen đều có các vị Bồ-tát an tọa, trên mỗi đài hoa ấy đều có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là do thần thông của Bồ-tát biến hóa để cúng dường các Đức Phật.

Đến các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và hai phương trên, dưới, cho tới các thế giới trong mười phương, đều có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói chuyển pháp luân không thoái chuyển, đều có hai vị Bồ-tát từ trong đài hoa sen bước ra hỏi Phật: "Vì sao Đức Phật ở thế giới Ta-bà lại giảng nói về giáo pháp ba thừa?" Các vị Bồ-tát đó đều muốn được đi cùng với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến thế giới Ta-bà để ra mắt Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, trong các thế giới

ở mười phương đều khuyến khích các vị Bồ-tát ở đó cùng đi với mình đến thế giới Ta-bà, khi tới cõi Diêm-phù-đề, thì trời sắp sáng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đã thức giấc, dù trời chưa sáng nhưng nhìn qua lỗ trống của chiếc then cửa thấy ánh sáng hắt vào phòng mình, liền rời khỏi chỗ nằm bước ra ngoài, chợt thấy ánh sáng chiếu khắp tinh xá Kỳ hoàn và cả khu vực toàn là nước trong xanh óng ánh đầy khắp, giống như tấm gương lớn sáng loáng không chút bụi bặm, mà cũng không thấy bóng dáng cây cối và tinh xá đâu cả. Trông thấy cảnh tượng ấy, Tôn giả liền nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà bỗng nhiên có các hiện tượng này? Cứ theo các điềm lạ hiện ra như thế thì chắc hôm nay Đức Thế Tôn sẽ nói pháp Đại thừa."

Nghĩ rồi Tôn giả lội vào nước nhưng chân không bị ngập trong nước, nước cũng không bám vào chân, nên tâm ý vui mừng, liền đi thẳng đến phòng Đức Phật, chợt thấy có tới mười ngàn đóa hoa sen đang bay vòng quanh phòng Phật, lại nghe có tiếng nhạc vang khắp, các đóa hoa ấy đều phát ra ánh sáng chiếu khắp tinh xá Kỳ hoàn cùng nước Xá-vệ trong cõi Diêm-phù-đề và cả tam thiên đại thiên thế giới cũng đều được chiếu sáng như ban ngày. Tôn giả A-nan lòng tràn ngập nỗi vui mừng, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính nhất tâm hướng về phía Phật. Lúc này tướng sáng đã xuất hiện, mặt trời sắp mọc, thấy rõ mười ngàn hoa sen đang bay vòng quanh phòng Phật, trong đó có một hoa sen đặc biệt đẹp nhất hiện ra nơi khu vực tinh xá Kỳ hoàn. Tôn giả A-nan liền nghĩ: "Hôm nay, Đức Thế Tôn chắc chắn sẽ nói pháp, ta phải lo sửa soạn chỗ ngồi để đợi Như Lai. Vì thấy có những hiện tượng này là Ngài sẽ nói pháp."

Rồi Tôn giả lo sắp đặt tòa Sư tử cho Đức Phật ngồi, chỉ trong chốc lát là Phật đã ngồi yên. Lúc đó, mặt đất rung chuyển sáu cách, cho đến hằng hà sa thế giới trong mười phương cũng rung chuyển sáu cách như vậy. Khắp tam thiên đại thiên thế giới hoa trời rải khắp như hoa Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Ưu-bát-la... cùng các thứ cây đầy hoa trái tự nhiên mọc lên.

Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo đều muốn ra khỏi phòng để đến đạo tràng, nhưng trông thấy cả khu vực toàn là nước nên sợ hãi không dám đi. Các vị thấy cả khu Kỳ hoàn, cây cối cùng Tăng phòng, giảng đường, vườn hoa như chìm trong làn nước đầy ắp, trong lành chẳng chút cấu bẩn, lại chỉ thấy ánh sáng rực rỡ chiếu sáng khắp nơi. Các vị Tỳ-kheo ấy đều nói:

–Hôm nay có những điềm lành này, chắc chắn là Đức Thế Tôn sẽ nói

pháp Đại thừa.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định ngồi khoan thai. Tức thì, tất cả các Đức Phật trong các thế giới ở mười phương đều phát ra ánh sáng rực rỡ cùng nhiều mành lưới báu, có trăm ngàn muôn ức vô số màu sắc, mắt đều trông thấy nhưng không thể nắm bắt. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng hằng hà sa số các vị Bồ-tát của các cõi Phật trong mười phương, vì muốn đem lại lợi ích cho vô lượng chúng sinh, nên đối với các Đức Phật Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều lễ bái cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, cùng với các vị Đại Bồ-tát như thế, thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, muốn giúp cho chúng sinh tin theo Phật pháp, giáo hóa làm lợi ích, tùy theo sự thích ứng mà đều được nghe thấy, dùng phương tiện giảng nói giúp họ lãnh hội, thông tỏ.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biết Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã an tọa. Tất cả mặt đất đều rung chuyển sáu cách và các vị Bồ-tát từ dưới đất vụt hiện lên, từ một a-tăng-kỳ, trăm a-tăng-kỳ, cho tới trăm ngàn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ vị đều đến nhóm họp trong hội. Tất cả các Bồ-tát đều đi nhiễu quanh Đức Phật đến hàng trăm ngàn vòng.

Lại cầm vô số hoa sen rất nhiều màu sắc, mỗi hoa có vô lượng cánh nhiều không thể tính kể, tất cả được tung rải trên chỗ Phật để cúng dường, nhằm giúp cho chúng sinh nhất tâm chuyên niệm, phát sinh trí tuệ thù thắng, số hoa sen được tung rải cúng dường ấy phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Lại có các loại hương Long kiên, Chiên-đàn, các thứ hương tạp làm bằng Chiên-đàn, do thần thông phương tiện biến hóa là kết quả của sự tu tập các pháp Ba-la-mật là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà có, đều là loại hương Vô tướng trợ đạo, được oai thần của các Đức Phật trong mười phương che chở để cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì muốn cúng dường các Đức Như Lai, nên cùng với các Bồ-tát trang sức tháp báu, những cờ phướn, dù lọng bằng lụa là quý đẹp, dùng nhiều loại võng báu giăng mắc khắp phía trên. Bồ-tát cũng dùng ngọc Ma-ni tạo dựng các phòng ốc, cửa ngõ, bình phong, cửa sổ, cửa lớn, tất cả đều đẹp đẽ trang nghiêm. Rồi nào ao hồ, suối khe, kênh ngòi, sông lớn với đủ các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, các thứ hoa sen báu phủ khắp mặt nước, nước

ấy có tám thứ công đức, lại thêm vô số các loài chim lạ cùng bay đến tụ tập hót vang. Các cây báu cõi trời tùy theo ý muốn mà hiện ra, để cứu giúp chúng sinh khiến được giải thoát, vì tu trí Phật, phát ra tâm Bồ-đề, tất cả đều do thần thông không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến hóa ra, nương theo uy thần của các Đức Phật và năng lực của thệ nguyện, cũng là nguyện lực bản hạnh của Phật Thích-ca Mâu-ni. Bồ-tát Văn-thù biến hóa như vậy là muốn cho sự giáo hóa dẫn dắt chúng sinh được thành tựu trọn vẹn, khiến tâm họ không thể nghĩ bàn, mà sự nhận thức cũng không thể nghĩ bàn nên đã tạo ra vẻ trang nghiêm hết mực cho cảnh giới Phật.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với các vị Đại Bồ-tát đã tạo đầy đủ vẻ trang nghiêm cho đạo tràng nói pháp của Phật. Khi các vị Bồ-tát sắp sửa an tọa, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ trong một sát-na, trước hết là hiện rõ thân tướng của mình, rồi thì các hoa sen vô tướng từ các lỗ chân lông trên thân hiện ra, mỗi lỗ chân lông là một hoa sen với vô số trăm ngàn màu sắc xen nhau, có vô số cánh không thể nghĩ bàn màn lưới ánh sáng bằng kho báu Kim cang, tua bằng ngọc lưu ly xanh, đài bằng Long kiên chiên-đàn, các vị Bồ-tát đều ngồi kiết già trên các hoa sen ấy.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, từ nơi rốn trên thân tướng phát ra ánh sáng chiếu khắp sáu đường tăm tối, hàng ngàn ức thứ ánh sáng như màu sắc hoa A-đề-mục-đa-già cùng với vô số luồng ánh sáng mềm mại như hoa sen trong lành thơm ngát, lan tỏa khắp mười phương không hề bị trở ngại… từ trong đài hoa sen hiện ra những ngôi lầu gác đẹp đẽ, được các Đức Phật che chở, cùng hòa nhập với pháp giới bao la, như màu sắc của cảnh giới vắng lặng an vui giải thoát là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô tác, vô vi, vô sinh, vô diệt, đồng với ba đời, tất cả đều hội nhập vào cõi không, vượt quá sự thấy biết của mắt thường. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thân tướng khôi ngô xinh đẹp, an tọa trên tòa lầu gác đẹp đẽ ấy, tâm không dao động, nghĩ nhớ cảnh giới Phật, tự chứng ngộ pháp Không được chánh định Kim cang, khéo tu học theo pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nhất định sẽ đạt pháp Tam-muội vô duyên, đi sâu vào trí tuệ Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với các vị Đại Bồ-tát đã thực hiện viên mãn các Phật sự trong các thế giới ở mười phương, tâm ưa thích chánh pháp, thường siêng năng tu tập, cũng gieo trồng căn lành đã lâu đối với các

Đức Phật đời quá khứ, đều được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi che chở chí tâm dốc sức hành đạo giác ngộ, không thoái chuyển, giống như sư tử mạnh mẽ ngự trên tòa vô úy.

Phật bảo A-nan:

–Ông nên báo cho các Tỳ-kheo trong tinh xá Kỳ hoàn cùng các vị Tỳ-kheo-ni đang tu học nơi các tinh xá trong thành Xá-vệ biết rằng hôm nay Đức Như Lai, Thế Tôn sẽ nói pháp, đồng thời cũng báo cho các vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trong kinh thành ấy là những người kính tin, ưa thích Tam bảo, căn lành thuần thục, được biết để đều nhóm họp nghe pháp.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đi tới các phòng Tăng và những chỗ kinh hành để báo rằng Đức Phật sắp nói pháp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đã nhóm họp, lại có các Tỳ-kheo đang ở trong phòng, đều nói là đã thấy các hiện tượng lạ báo trước việc Đức Thế Tôn sẽ nói pháp nhưng không thể đến nhóm họp được. Tôn giả A-nan nói:

–Vì sao các vị không đến được?

Các Tỳ-kheo ấy đáp là hôm nay trông thấy cả tinh xá Kỳ hoàn toàn là nước đầy khắp chẳng còn thấy cây cối đâu cả, chỉ thấy ánh sáng rực rỡ chiếu sáng khắp nơi, vì thế nên không dám ra đi. Tôn giả A-nan liền trở lại chỗ Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có các Tỳ-kheo không thể đến nhóm họp được. Vì họ trông thấy cả tinh xá Kỳ hoàn như ngập chìm trong nước, nước rất trong xanh không chút cấu bẩn, lại còn chẳng thấy tinh xá và cây cối đâu cả, nên các vị ấy không đến được.

Phật bảo A-nan:

–Các vị Tỳ-kheo ấy, đối với nơi không có nước mà tưởng là có nước, đối với không có hình sắc mà tưởng là có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức thì lại tưởng là có thọ, tưởng, hành, thức. Chưa đạt quả vị Thanh văn, Duyên giác mà tưởng là đã đạt được các quả vị ấy. Này A-nan! Hãy trở lại nói cho các vị Tỳ-kheo ấy biết để họ còn kịp đến nghe pháp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng theo lời Phật dạy, đi khắp thành Xá-vệ báo cho tất cả các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di biết là hôm nay Đức Thế Tôn sẽ nói pháp, vậy các vị hãy mau đến tinh xá Kỳ hoàn để nghe pháp.

Phật bảo Mục-liên:

–Tôn giả hãy đi báo cho các vị Đại Bồ-tát trong tam thiên đại thiên thế giới, những người luôn phát tâm tu tập các pháp trang nghiêm và các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, những vị hướng về pháp Đại thừa, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... cũng đều nhóm họp để được nghe Phật nói pháp, những ai chưa được nghe thì hôm nay sẽ được nghe. Nên biết rằng bốn chúng đệ tử và tám bộ chúng sẽ đến nghe pháp ấy vốn đã gieo trồng căn lành từ trước nơi vô lượng các Đức Phật thời quá khứ, luôn phát tâm hướng về các pháp Đại thừa, cầu tu Đại thừa để đạt đến Tối thắng thừa, cũng gọi là thừa thanh tịnh bậc nhất. Riêng các vị Đại Bồ-tát thì luôn dùng các pháp Đại trang nghiêm để tự trang nghiêm cho quá trình tu theo thừa này. Tóm lại Tôn giả hãy thông báo cùng khắp để các vị ấy biết mà đến nhóm họp.

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

–Con xin vâng lời Thế Tôn!

Thế là chỉ trong khoảnh khắc, Tôn giả Mục-liên đã đi khắp tam thiên đại thiên thế giới, đến các đạo tràng lớn nhỏ, nhờ thần lực Phật và năng lực bản nguyện nên công việc thông báo đã hoàn tất nhanh chóng. Tôn giả Mục-liên trở lại chỗ Phật, bạch Phật rằng là mình đã làm viên mãn công việc được giao.

Bấy giờ, tất cả bốn chúng đều nhóm họp. Chiếm một khoảng rộng lớn mỗi bề hàng ngàn do-tuần, bao quát cả một không gian cao đến năm ngàn do-tuần, tất cả trời, người lòng tràn ngập niềm ưa thích mong được nghe Pháp. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn chúng đã nhóm họp đông đủ.

Lúc này, các vị trời hiện ra đầy khắp hư không, thảy đều chắp tay bạch Phật:

–Hiện giờ cả đại chúng đều kinh sợ trước uy đức của Như Lai nên không dám tự tiện an tọa, kính mong Thế Tôn cho phép họ ngồi.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền hiện ra điềm lành, chỉ trong khoảnh khắc, từ dưới đất vụt hiện lên một hoa sen lớn bằng vàng Diêm-phù-đề có trăm ngàn muôn ức cánh, màu sắc ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ như một vầng lửa khổng lồ. Đóa hoa sen ấy có tua bằng ngọc lưu ly xanh, đài làm bằng ngọc trai, thân bằng bảy thứ báu. Tất cả đại chúng đều tự biết phải ngồi phía trước Đức Như Lai. Các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc,

Ưu-bà-di, cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thác-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… đều hướng về Đức Phật, chiêm ngưỡng Đức Như Lai.

Đối với các vị Đại Bồ-tát thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc Thượng thủ, các vị Đại Bồ-tát này đều có ba mươi hai tướng làm tăng thêm vẻ trang nghiêm nơi thân mình, màu sắc như vàng ròng, đều là bậc mạnh mẽ tinh tấn, uy đức rõ ràng.

Bấy giờ, các vị Bồ-tát cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều từ nơi các đài hoa sen bước ra, chắp tay hướng về Đức Phật, khuyến thỉnh Đức Thế Tôn và nhất tâm nghĩ nhớ Phật. Rồi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn chúng đã nhóm họp, tất cả đều ngồi yên lặng, tất cả các vị trời hiện ra đầy khắp hư không. Cúi mong Đức Thế Tôn giảng nói rõ về pháp Bất thoái chuyển pháp luân thanh tịnh. Bốn chúng đệ tử hiện có ở đây là các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng vô lượng trăm ngàn vị trời, các vị tín hành, pháp hành, cùng với tám bậc, có Tu-đà-hoàn tưởng, Tư-đà-hàm tưởng, A-nan-hàm tưởng, A-la-hán tưởng, Thanh văn tưởng, Duyên giác tưởng, Phật tưởng, mỗi người đều có ý tưởng. Mong Phật giảng nói để khuyến khích tâm họ là do nhân duyên gì mà nói về tín hành, pháp hành, cho đến tám bậc, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, do đâu mà nêu lên như vậy?

Đức Thế Tôn yên lặng không đáp.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vào lúc quá nửa đêm, trời gần sáng, con đứng dậy ra khỏi phòng và đi đến phòng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đến trước cửa phòng sắp sửa bước vào thì chợt thấy nơi phòng của Như Lai có đến mười ngàn đóa hoa sen vụt hiện ra bay vòng quanh, lại nghe có tiếng trống trời tự nhiên vang lên cùng với âm thanh ca vịnh, thấy khắp khu rừng Kỳ hoàn, thành Xá-vệ và cả tam thiên đại thiên thế giới thảy đều được chiếu sáng. Do nhân duyên gì mà hiện ra điềm lành ấy?

Tôn giả Xá-lợi-phất vừa hỏi dứt lời thì Đức Phật liền nói:

–Do hôm nay ta sẽ nói pháp nên mới trước hiện ra điềm lành ấy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi Đức Như Lai sẽ nói pháp gì mà trước hiện điềm lành như vậy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vào khoảng cuối đêm, lúc trời gần sáng, con thấy ánh sáng từ bên ngoài chiếu vào phòng mình qua khe cửa, con liền đứng dậy đi ra khỏi phòng trông thấy cả khu rừng Kỳ hoàn toàn là một vùng nước trong xanh chẳng có chút cáu bẩn, nhưng cây cối cùng tinh xá, Tăng phòng đều chẳng thấy đâu cả, chỉ thấy có ánh sáng chiếu rực rỡ. Vậy do nhân duyên gì mà hiện trước điềm lành như thế?

Thế Tôn bảo A-nan:

–Đó là vì hôm nay Như Lai sẽ nói về pháp luân thanh tịnh, cũng là điềm lành khuyến thỉnh do thần lực của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã hiện ra. Bây giờ, Đức Thế Tôn vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên nói bài kệ:

Thừa này thanh tịnh
Thành được trí Phật
Văn-thù diệu biện
Thưa hỏi nghĩa ấy
Nhất thừa dứt nhiễm
Được thượng trí Phật
Văn-thù hiểu rõ
Nên hỏi như thế.
Thừa không phân biệt
Lìa sự đùa bỡn,
Văn-thù hiểu rõ
Nên hỏi như thế.
Vốn không có lại
Cũng không có đi
Giống như Niết-bàn
Lời Văn-thù hỏi
Thực không được quả
Cũng không có nói
Chỉ dùng phương tiện
Dẫn dắt chúng sinh.
Xa lìa âm thanh
Âm thanh một tướng
Văn-thù hiểu rõ
Nên hỏi như thế.
Tìm cầu âm thanh
Không âm để tìm
Thanh vốn là không

Lời Văn-thù hỏi
Thanh ấy như gió
Không chỗ nương tựa
Thanh tức giải thoát
Lời Văn-thù hỏi
A-nan lắng nghe
Lời Văn-thù hỏi
Phương tiện giác ngộ
Đều không thật có
Phật và giác ngộ
Có tiếng không thật
Cũng chẳng chốn nơi
Các pháp đều thế
Bồ-đề không sắc
Nhân duyên không sinh
Không có đến đi
Là các Phật nói
Vô vi vô tướng
Như không, chẳng thấy
Bồ-đề không nói
Lời Văn-thù hỏi
Phật khứ, lai, hiện
Tất cả đều thế
Trí không nơi chốn
Không nghe, không thấy
Tánh, tướng như thị
Hiển bày pháp giới
Chỉ là giả danh
Mở bày chân thật
Tu thí thanh tịnh
Giữ giới không lỗi
Nhẫn nhục bền chí
Chí cầu Bồ-đề
Tinh tấn không trễ
Tu thiền nhiếp tâm
Trí tuệ thanh tịnh
Để cầu Bồ-đề
Phật dùng phương tiện

Độ các thần thông
Chúng sinh không nương
Vì nói Bồ-đề
Phân rõ ba thừa
Bốn quả khác nhau
Dùng trí như thật
Tùy nên cứu đời
Hiện cõi năm trược
Vì người thấp kém
Đối đạo Nhất thừa
Kinh nghi không tin
Nên nói bốn quả
Mở bày La-hán
Từ cửa Thanh văn
Vào cửa Phật giáo
Nói số vô số
Nhân duyên khác nhau
Nhận rõ bốn Đế
Chứng các pháp tướng
Thanh văn, La-hán
Duyên giác, Bích-chi
Cùng được vô sinh
Đó là Bồ-tát
Hành Không, Vô tướng
Vô nguyện Tam-muội
Vào cửa giải thoát
An trụ Niết-bàn
Đời khứ, lai, nay
Tâm không đắm nhiễm
Mở rộng mười phương
Vô sinh, vô vi
Pháp sâu như vậy
A-nan, Văn-thù
Phương tiện thưa hỏi
Sức tuệ vô tướng
Theo nẻo Nhất thừa
Biết pháp vô tướng
Cho nên hỏi Phật

Nay nói các quả
Ba đời bình đẳng
Biết không, vô tướng
Các tiếng vắng lặng
Không Bồ-đề Phật
Vô số hằng sa
Thế giới các Phật
Đến cầu Bồ-đề
Văn-thù triệu tập
Nghe các Phật ấy
Việc Bồ-tát làm
Muốn nói ba thừa
Đến cõi Ta-bà
Văn-thù thưa hỏi
Nhằm giải nghi hoặc
Phân biệt thừa, quả
Xin nói Bồ-đề
Dùng thần lực Phật
Cùng sức thệ nguyện
Nên nói ba thừa
Độ chúng sinh khổ
Khiến siêng tu tập
Văn-thù biện thuyết
Nói để cứu đời
Việc Bồ-tát làm
Ức ngàn vị trời
Cúng dường cứu đời
Kẻ tưởng các quả
An ủi nghi ngờ
Tỳ-kheo như vậy
Và Tỳ-kheo-ni
Thanh tín nam nữ
Ý tưởng tốt đẹp
Lời Văn-thù hỏi
Nhằm giải nghi hoặc
Các Bồ-tát ấy
Vì pháp nên đến.

-oOo-

Phẩm 2: Tín Hành (Phần 1)

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ ấy xong, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Hôm nay Như Lai vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà Chuyển pháp luân không thoái chuyển?

Phật dạy:

–Đúng thế!

A-nan lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay Như Lai Chuyển pháp luân không thoái chuyển phải không?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, này A-nan! Như Lai thật sự Chuyển pháp luân không thoái chuyển.

Tôn giả lại bạch Phật:

–Như Lai dùng phương tiện thế nào để nói về Tín hành, Pháp hành, tám bậc như thị? Cũng như nói về các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật. Đối với bốn chúng đệ tử đang nghe pháp, Như Lai đều nêu rõ các pháp Bồ-tát chăng? Vì sao Như Lai lại nói: Vì hạng chúng sinh thấp kém nên mới xuất hiện ở cõi đời năm trược, hạng chúng sinh ấy khó lãnh hội pháp Đại thừa.

Như Lai là Bậc Tự Tại, thành tựu phương tiện, nhận thấy chúng sinh hạng có tâm nguyện lớn thì ít, mà hạng tâm niệm thấp kém thì nhiều. Do vậy, vì Thế Tôn biết rõ căn tánh của chúng sinh để mở bày Phật pháp, dùng phương tiện cứu độ, dùng vô lượng các pháp lành để giáo hóa chúng sinh, khiến họ diệt trừ các khổ, được biết sinh tử, lìa các phiền não, khiến trụ nơi Chánh đạo, chứng Niết-bàn vô vi, cho tới đạt được Nhất thiết chủng trí.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Bậc Đại Bồ-tát! Vì vô lượng, vô biên chúng sinh giúp họ phát sinh tin tưởng, hiểu biết các kiến giải về Phật pháp và pháp mà vô số các Đức Phật đã chứng biết. Các pháp ấy là không sắc, cho đến không thọ, tưởng, hành, thức, không tham nhiễm, không mê đắm, nên được gọi là tín hành.

Lại nữa, này A-nan! Bậc Đại Bồ-tát tin tưởng trí tuệ Phật tâm sinh vui mừng. Thế nào là trí tuệ? Trí tuệ là đều không thấy có thật pháp, vì

không thấy có thật pháp nên gọi là tín hành.

Lại nữa, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát không đắm nhiễm năm dục lạc, không lìa bỏ lòng tin, nên gọi là Bồ-tát tín hành. Bậc Đại Bồ-tát lại nghĩ rằng: Bố thí pháp không thể nghĩ bàn cho các chúng sinh vẫn giữ tướng như thế, tin tưởng pháp thì không thể nghĩ bàn như thế, đó gọi là Bồ-tát tín hành. Các vị Bồ-tát Ma-ha-tát luôn tạo được sự hoan hỷ, có thể xả bỏ cả thân mình mà vẫn chưa cho là đủ, đối với mọi hoàn cảnh và nơi chốn đều không hề sinh ganh ghét giận dữ, các việc làm bố thí đều hồi hướng, hồi hướng mà cũng không có ý tưởng để cầu được Bồ-đề, vì không hoại diệt công đức hồi hướng ấy nên gọi là Bồ-tát tín hành.

Lại nữa, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát luôn giữ lòng tin thanh tịnh, chánh niệm hướng về Phật, tâm không cấu uế và cũng tin là không hề bị cấu nhiễm, xem các pháp đều bình đẳng, không có chúng sinh, thọ mạng, ta, người, không có uẩn, giới, nhập, cũng tự mình không mê đắm thọ mạng, nơi chốn, đó gọi là Tín hành giải thoát.

Các vị Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh khiến họ kính tin Phật pháp, để điều phục tâm hồi hướng về Bồ-đề, cũng không chấp vào tướng của tâm. Nhận thức rõ về sáu giới, năm uẩn, mười hai nhập đều bình đẳng, đều đồng với pháp giới. Vì không phân biệt nên biết pháp giới không có tướng khác, đó là tin tất cả hành là vô thường, tất cả các hành là khổ, tất cả hành là không, tất cả hành là vô ngã. Đối với pháp ấy được năng lực trí tuệ. Tin bố thí, tin vào giới luật của Phật, không rơi vào cõi chỗ đùa bỡn, được năng lực Thiền định, tin vào cõi vắng lặng, đó gọi là Bồ-tát tín hành.

Các vị Đại Bồ-tát tuy giáo hóa chúng sinh thường tin vào sự vắng lặng nhưng không bám víu vào tướng chúng sinh, xem các chúng sinh đồng với giải thoát, khéo biết tất cả chúng sinh là vô tướng, đều đồng với pháp giới, chẳng thể nhận thức, cũng không phải chẳng nhận thức. Vì sao? Vì pháp giới tức là cõi tâm của tất cả chúng sinh, nên gọi là Đại Bồ-tát tín hành.

Lại nữa, này A-nan! Đại Bồ-tát xem tất cả chúng sinh là không thật có, không trụ, không diệt, tánh tướng vốn không. Vì vậy, chẳng hề thấy tất cả chúng sinh, cũng không thấy có nơi nương tựa, xem tất cả chúng sinh đồng giới cảnh giới Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều nhập vào "không giới". Bồ-tát có khả năng khiến cho vô lượng chúng sinh như thế đều kính tin và hiểu rõ nên gọi là Đại Bồ-tát tín hành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa vừa nêu nên nói bài kệ:

Chúng sinh kính tin
Thấy vô số Phật
Không đắm sắc tướng
Đó là Tín hành.
Tin tất cả pháp
Mở bày không tướng
Thành tựu giải thoát
Đó là Tín hành.
Thường tin chánh pháp
Ưa thích cầu Phật
Lúc nào sẽ đạt
Trí không nghĩ bàn
Xét rõ năm dục
Thật không đáng tin,
Được năng lực tin
Đó là Tín hành.
Niềm tin như thế
Rất là tốt đẹp
Phải tu pháp thí
Cúng dường Đại Tiên.
Thí không nghĩ bàn
Nên được tín biện
Không tâm thấp kém
Đó là Tín hành.
Xả bỏ tất cả
Thân mình yêu mến
Nhưng không tưởng xả
Đó là Tín hành.
Bố thí tất cả
Chẳng hề ganh ghét
Lìa tưởng Bồ-đề
Đó là Tín hành.
Tín tâm thanh tịnh
Dứt tất cả nhơ
Cũng không tuổi thọ
Đó là Tín hành.
Tuy tu hạnh thí

Chẳng cầu quả báo
Được sức tin sâu
Đó là Tín hành.
Xả bỏ sáu nhập
Chẳng nghĩ quả báo
Khéo hiểu sáu giới
Đó là Tín hành.
Tự điều phục mình
Và điều phục người
Khiến tin Phật pháp
Đó là Tín hành.
Được niềm tin rồi
Hồi hướng Bồ-đề
Dứt những tướng tâm
Đó là Tín hành.
Biết rõ sáu giới
Đều đồng pháp giới
Tuy nói pháp giới
Chẳng đạt tướng giới.
Các hành vô thường
Khổ, không, vô ngã
Cũng không mê đắm
Đó là Tín hành.
Kính tin giới Thánh
Dứt mọi đùa bỡn
Thành tựu thiền định
Đó là Tín hành.
Tin các chúng sinh
Cùng tướng vắng lặng
Biết vô tướng rồi
Đó là Tín hành.
Chẳng đắm chúng sinh
Cùng nhập pháp giới
Cõi chúng sinh này
Không thể nghĩ bàn
Dùng tín sinh tín
Đó gọi là tín
Bồ-tát vô úy

Đó là Tín hành.
Chúng sinh quyết định
Dứt hết các tưởng
Thể tánh như không
Không chỗ, không chứng
Chúng sinh, Niết-bàn
Cả hai đều không
Nương đó tín sinh
Đó là Tín hành.
Bồ-tát không sợ
Tin các chúng sinh
Không bám tên chữ
Từ tin mà sinh
Tin được như vậy
Thường nhớ chẳng mất
A-nan nhớ ghi
Phân biệt chỉ rõ.
Các pháp như thế
Vô lượng, vô số
Phật đã chứng ngộ
Bồ-tát hiển bày.

Lại nữa, này A-nan! Như Lai Đa-đà A-già-độ đầy đủ tín lực mới có thể giảng nói ý nghĩa sâu mầu như thế. Cho nên gọi là Đại Bồ-tát Tín hành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy chúng sinh tín lực đã được vững chắc, nên lại nói bài tụng:

Tất cả người nghe
Tâm đều vui mừng
Các Phật tử này
Nói về công đức,
Bồ-tát hiện rõ
Chẳng thể nghĩa bàn
Bồ-đề các Phật
Người chẳng tín tin
Chẳng nhiễm giả danh
Cũng không tâm sở
Chẳng đắm mười phương
Gọi Tín tối thắng.

Bồ-tát bày nói
Thường tu pháp tin
Chẳng chấp vào không
Nêu bày vắng lặng
Cứu đời nên nói
Giải thoát như vậy
Sắc tướng cũng thế
Như thuyết tu hành.
Bồ-tát bày nói
Người trí kính tin
Phật chẳng thể bàn
Vô lượng nhớ nghĩ
Điều Bồ-tát tin
Hư không vô biên
Trí Phật vô lượng
Hiệu là Trượng phu.
Chí cầu không đắm
Chẳng vì tham dục
Tạo tác chẳng lành
Mà bỏ pháp vui
Đó gọi Bồ-tát
Thực hành pháp thí
Tín của Bồ-tát
Thiện Thệ ấn chứng.
Pháp thí chẳng nghĩ bàn
Tín bố thí uống ăn
Ma-ni, vàng, voi, ngựa
Tất cả xe, nô tỳ
Vợ con các nam nữ
Xả thí luôn cõi nước
Tay, chân, các bộ phận
Đầu mắt và não tủy
Mắt tai và mũi miệng
Thắng tín của Bồ-tát
Xả thân không đắm nhiễm
Hành thí cũng không nghĩ
Ta vốn tu Pháp thí
Mong đạt trí tuệ Phật

Xả thân không đắm nhiễm
Tất cả thí vui mừng
Luôn gần gũi bạn lành
Xả bỏ thân mỏng manh
Đối với các chúng sinh
Tín tâm thường thanh tịnh
Nghe pháp, tin các Phật
Đó gọi là Bồ-tát
Biết mắt, tai, mũi, miệng
Các căn đều vô thường
Mỏng manh như bọt nổi
Tín sâu nên bỏ thân
Vì chúng sinh không nương
Lập ra bốn Nhiếp pháp
Tâm Từ với tất cả
Tin Phật vô lượng trí
Thấy chúng sinh làm ác
Nên phát tâm vô thượng.
Kính tín sâu Bồ-đề
Không chấp các tướng tâm
Chúng sinh chẳng cầu đạo
Ngu mê trong ba cõi
Nếu tất cả chân thật
Vô giới nói tướng giới
Thấy chúng sinh trôi lăn
Ngu si đắm các cảnh
Bồ-tát tin vô ngã
Các hành đều vô thường
Thấy những kẻ phá giới
Tin giới chẳng nghĩ bàn
Giới tịnh lập thiền định
Bồ-tát nương nhiếp tâm
Nếu thấy kẻ biếng nhác
Cầu Phật sức tinh tấn
Các chánh định điều phục
Trí thâu tóm chánh pháp
Ngu si đắm tuổi thọ
Xem ấm vốn là không

Tánh chúng sinh vắng lặng
Tướng các pháp cũng vậy
Tin ấm không đi đến
Nghiệp thiện, ác chẳng dứt
Do nghiệp tịnh, bất tịnh
Chẳng xa lìa sinh tử
Chúng sinh, đồng pháp giới
Pháp giới tức sinh tử
Đó gọi chẳng nghĩ bàn.
Tin Bồ-tát không sợ
Thắng tín chẳng nghĩ bàn
Tinh tấn tu pháp trí
Không vì kẻ thiếu trí
Nên vì tịnh tín nói
Cùng tin các chúng sinh
Thường trụ không thật có
Đối không, chẳng mê đắm
Tất cả pháp chẳng trụ
Chúng sinh không cũng không
Đồng như cõi Niết-bàn
Nói pháp thường vô tướng
Khiến chúng sinh tin, hiểu
Tất cả pháp tánh không
Quán chúng sinh bình đẳng
Thắng trí trong ba cõi
Được tín, trì như thế
Cũng gọi tín trên hết
Ưa thích pháp không sợ
Người trí trong Phật pháp
Tự tin, khuyên người tin
Xoay vần dạy như thế
Nuôi lớn các công đức
Tâm tịnh không đắm nhiễm
Ruộng phước thêm lợi ích
Vui mừng điều phục Thí
Tịnh giới và Nhẫn nhục
Tinh tấn, Thiền định thảy
Dùng Trí tuệ dẫn đường

Phương tiện bày tịnh trí
Khiến chúng được an vui.
Khi chết lìa nẻo ác
Trí Bồ-tát trên hết
Thần thông độ muôn loài
Thế giới rung sáu cách
Ánh sáng đều chiếu khắp
Trí mầu của Bồ-tát
Vô tướng, sư tử rống
Khắp Đông, Tây, Nam, Bắc
Bốn góc và dưới, trên
Đều nói ra Pháp âm
Thề không nghi ngờ Phật
Dạy người cũng không nghi
Do nhân duyên như thế
Hiển bày vô lượng tướng
Người trụ trong trí ấy
Chỉ Phật chứng biết được.

-oOo-

KINH PHÁP LUÂN KHÔNG THOÁI CHUYỂN

QUYỂN 2

Phẩm 2: Tín Hành (Phần 2)

Này A-nan! Đó là Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác đã vì các vị Bồ-tát mà dùng phương tiện như thế để giảng nói về Tín hành.

A-nan thưa:

–Vì sao Như Lai lại vì các Bồ-tát mà nói về pháp hành?

Phật bảo A-nan:

–Nay ông nên biết! Các vị Đại Bồ-tát không trụ trong Phật pháp nhưng có khả năng hiển bày không lìa pháp giới, rốt ráo không nghĩ bàn giới; thọ trì các pháp tâm không thấp hèn, tuy giảng nói các pháp nhưng đối với tướng các pháp không hề chấp đắm, vô niệm vô trụ; thâu tóm các pháp, đúng với thật tướng thật tánh của chúng, không chấp các pháp, không lìa bỏ phi pháp, không ưa thích các pháp mà cũng chẳng phải không ưa thích các pháp.

Các Đại Bồ-tát tuy được như vậy nhưng đã lìa tướng các pháp, nhờ khéo điều phục, nên tâm thường an vui, khéo nói các pháp không hề bị nhiễu loạn, đối với tướng các pháp không lìa bỏ thân mà cũng không trụ thân, mé trước của thân này đồng với pháp giới, như hư không chẳng đi chẳng đến, đồng với mé chân, như như tướng. Đó là chỗ Phật nói về việc Bồ-tát đã chứng đạt các pháp thanh tịnh, dứt tất cả cấu nhiễm, quán tất cả pháp không, không thể nhìn thấy, chẳng thể nắm bắt. Vì sao? Vì các pháp là không, đã lìa bỏ, không mê đắm cho nên không thấy các pháp. Không thể nắm bắt, không có tranh chấp. Hiển bày pháp giới vô ngôn, vô thuyết. Thể tánh vốn không, chỗ tâm vọng động đều vắng lặng. Tâm này không thật có cũng chẳng thể nghĩ bàn, chỉ lộ rõ tánh chất vắng lặng, không duyên theo cảnh giới, giữ gìn các pháp, không hề nương tựa. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều vô thể vô tướng. Pháp Bồ-tát này là nhất tướng, vô tướng, không thể khen ngợi, không sợ nói pháp. Nếu nói pháp

tướng, danh tự, tất cả chương cú cho người nghe thì bản thân mình đã tự chứng, đầy đủ pháp ấy gọi là chủng tánh Đại Bồ-tát. Đạt được thể tánh ấy rồi thì đối với các pháp không còn có đến, có đi, không còn nắm bắt hay lìa bỏ, giữ gìn tất cả pháp nhưng bất động, bất hoại, vì bất hoại nên gọi là pháp hành, vì thành tựu pháp nên luôn thấy tất cả các pháp là vô tướng, vì được pháp lợi nên cũng gọi là pháp hành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Pháp không thoái chuyển
Các Phật cũng vậy
Nếu giữ gìn được
Đó là Pháp hành.
Nêu rõ Phật pháp
Không hình, không tướng
Rất sâu, không nhiễm
Đó là Pháp hành.
Chẳng lìa các cõi
Không thể nghĩ bàn
Hội nhập pháp giới
Đó là Pháp hành.
Giữ gìn các pháp
Như Phật hiển bày
Tâm không vết nhơ
Đó là Pháp hành.
Pháp không thoái chuyển
Tên là Vô tướng
Dứt mọi bám vướng
Không còn mê đắm
Đó gọi Pháp hành.
Không chấp, không trụ
Thọ trì pháp trí
Người trì như thế
Đó là Pháp hành.
Tâm thường yêu thích
Cầu pháp không chán
Xa lìa biếng nhác
Đó gọi Pháp hành.
Nghe pháp thọ trì

Vô lậu, chẳng nương
Khéo trụ an vui
Đó gọi Pháp hành.
Nếu người nói pháp
Chẳng nghĩ, chẳng đắm
Thọ trì vô tướng
Đó gọi Pháp hành.
Thân khéo an trụ
Trụ nơi không chốn
Là thân, chẳng thân
Là biết thân tướng.
Không mé trước sau
Đồng với Pháp tánh
Không đến, không đi
Là biết thân tướng.
Cũng như các Phật
Thị hiện Bồ-tát
Được pháp ấy rồi
Đó là Pháp hành.
Tánh, tướng cõi không
Tất cả không đắm
Giữ gìn như vậy
Đó gọi Pháp hành.
Lại đối các pháp
Không, vô sở kiến
Nếu vô sở kiến
Thì không chướng ngại.
Hiển bày vô tướng
Dứt các hý luận
Không lời, không nói
Cũng không thật có
Lìa các tướng tâm
Nên không thật có
Nếu tâm vô đắc
Thì chẳng nghĩ bàn
Không đến, không đi
Không chẳng hiển bày.
Không duyên, không nói

Gọi chẳng nghĩ bàn.
Nếu trì pháp này
Không thể nương tựa
Là không thật có
Gọi là giữ pháp.
Pháp như thế ấy
Do Bồ-tát nói
Không hợp, không tan
Hiển bày vô tác.
Gọi là Hành xứ.
Là nơi chủng tánh
Được lợi như thế
Gọi là Hành xứ.
Theo chủng tánh ấy
Không thể chê trách
Được cõi như thế
Đó gọi giữ pháp.
Thấy pháp không giảm
Tuy đi không đi
Đến mà chẳng đến
Chẳng thấy có pháp.
Hoặc đến, hoặc đi
Các pháp cũng vậy
Giữ pháp như thế
Cũng không dao động.
Chẳng thêm, chẳng bớt
Là pháp vô tác
Nếu không thêm, bớt
Đó gọi giữ pháp.
Tướng pháp như như
Không duyên, không nói
Người được pháp này
Gọi là giữ pháp.
Vì vậy, A-nan!
Bồ-tát hiển bày
Được lợi pháp sâu
Đó là giữ pháp.
Vì vậy, A-nan!

Hiển bày giữ pháp
Vì kẻ chẳng tin
Mà nói pháp ấy.
Phân biệt như thế
Nói cho Bồ-tát
Đều dùng phương tiện
Mở bày Phật pháp.

Như thế đấy, A-nan! Như Lai Chánh Giác vì các vị Đại Bồ-tát mà dùng phương tiện để nêu rõ việc giữ pháp.

Phật bảo A-nan:

–Do đâu mà Như Lai vì các Đại Bồ-tát nói về tám pháp Chánh đạo? Là vì các vị Đại Bồ-tát đã lìa bỏ tám con đường tà để hướng đến tám con đường giải thoát, vượt khỏi đời sống phàm phu, tu tập tám Chánh đạo nhưng không thấy nơi chốn mình đạt tới, xa lìa hai bên thường đoạn, an trụ trong Trung đạo, vượt thế giới phàm tục, an trụ trong Bồ-đề, cũng không trụ trong tướng Bồ-đề, lìa bỏ các tà kiến, tu tập chánh kiến, không bám vào thân tướng, cũng không trụ trong tướng Bồ-đề. Thân Phật là vô vi, lìa những khái niệm tính toán, tu theo tướng Phật tức là đạt được diệu lý Nhất tướng vô tướng đối với chúng sinh, ra khỏi ấm giới sinh tử của chúng sinh, an trụ trong ngôi nhà vô vi rốt ráo không, thấy tất cả pháp là vô sinh vô trụ. Vì sao? Vì thể tánh và tướng trạng của các pháp đều là vô trụ.

Đại Bồ-tát xa lìa thế gian và xuất thế gian, an trụ trong chốn vắng lặng, không nhiễm thế gian, cũng không mê đắm con đường xuất thế gian. Đối với pháp, phi pháp, hữu vi, vô vi đều xa lìa, xả bỏ hai bên thường và đoạn, trụ trong tướng bình đẳng, biết tâm sở quá khứ, vị lai, hiện tại, không có tướng khác, cũng không được tướng của tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì tất cả tâm đều bình đẳng. Thân tướng cũng thế. Vì thế mà không hề bị các thứ lửa dữ, đao tên làm tổn hại thân mạng. Vì sao? Vì đã lìa tất cả phiền não độc hại, thường được sinh vào các cõi thanh tịnh, xa các đường ác, tuy sống trong các đường mà vẫn chứng đạo Bồ-đề, thường sống trong an ổn, cũng không nương tựa. Vì ý nghĩa như thế nên tất cả các thứ đao binh không thể hại được. Vì sao? Vì thấy Bồ-đề vắng lặng là không, vô trụ xứ, vì vô trụ xứ nên tất cả tên độc đều không hại được. Đó gọi là không bị trói buộc.

Bậc Đại Bồ-tát đi trên cỗ xe nhanh nhất mà không chấp vào cỗ xe ấy,

đó gọi là không bị trói buộc. Vì sao? Vì không thật có, do đó mà đao tên không hại được thân. Rõ các pháp là không, chẳng thật có cho nên tất cả thứ độc hại đều không thể xâm hại. Vì sao? Vì hành tâm Từ rộng khắp che phủ tất cả. Thực hành tâm Từ Bồ-đề thấy các chúng sinh là không thật có; thực hành tâm Từ theo lý không thấy các pháp vắng lặng; thực hành tâm Từ không nóng bức xa lìa các phiền não; thực hành tâm Từ bi như vậy có công năng làm cho đao binh đều không hại thân được.

Đại Bồ-tát xem ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc đều bình đẳng, biết tất cả các cõi, tất cả pháp tánh đồng với Bồ-đề, bình đẳng không có khác nhau. Các vị Đại Bồ-tát tâm không suy nghĩ như thế, cũng không đùa bỡn, vắng lặng thanh tịnh. Bậc Đại Bồ-tát biết tất cả pháp như âm vang tiếng gọi, lìa tất cả tướng, đồng với pháp giới, không nơi hướng tới mà cũng không chốn quay về, khéo hiểu các thứ âm thanh lời nói, không nêu bày, không nói năng, lìa tướng âm thanh, chẳng tự đề cao mình, lìa bỏ ngã tướng, vượt qua tất cả lời nói, âm thanh mà cũng không chấp vào tướng vượt qua ấy. Cho nên biết tất cả các pháp đều vắng lặng, tất cả pháp tướng cũng không thật có, tâm không có chốn để quay về vì đã vượt qua các pháp. Đối với mọi ngôn ngữ, âm thanh cũng không bị đắm nhiễm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Lìa tám đường tà
Tu tám nẻo chánh
Chín thứ, tám giải
Đó là tám bậc.
Vượt khỏi phàm phu
Chẳng trụ Bồ-đề
Bậc Hùng trong pháp
Đó là tám bậc.
Vượt khỏi phàm phu
Không trụ Bồ-đề
Lìa tướng Bồ-đề
Đó là tám bậc.
Bỏ các tà kiến
Tu hành chánh kiến
Đạt được đạo rồi
Đó là tám bậc.
Vượt các thân tướng

Chẳng trụ Bồ-đề
Lìa chứng thân Phật
Đó là tám bậc.
Lìa tưởng chúng sinh
Thường tu tưởng Phật
Bỏ tưởng thiền định
Đó là tám bậc.
Lìa hạng chúng sinh
Vào thành Niết-bàn
Không chấp các pháp
Đó là tám bậc.
Ra khỏi thế gian
Mở bày đạo Thánh
Về cõi tịch diệt
Đó là tám bậc.
Lìa các thế gian
Nêu tướng Phật pháp
Tâm không sở chứng
Không có bờ hữu
Đó là tám bậc.
Cũng không cõi vô
Xa lìa hữu vô
Đó là tám bậc.
Vắng lặng vô vi
Bỏ cả đoạn thường
Vào sâu bình đẳng
Đó là tám bậc.
Tâm rời quá khứ
Luôn cả vị lai
Hiện tại cũng thế
Đó là tám bậc.
Nói có sơ tâm
Cầu nẻo Bồ-đề
Tướng tâm vốn không
Gì gọi Bồ-đề?
Không đến, không đi
Cũng không Bồ-đề
Độc, lửa, đao, tên

Không thể hại được,
Dứt hẳn các đường
Lìa hẳn nương tựa
Không đến, không đi
Nên không hại được,
Không hướng Bồ-đề
Bày nói âm thanh
Tự chứng như thật
Chẳng do người dạy,
Không được đường ấy
Và chẳng phải đường
Tiếng niệm, niệm dứt
Đại thừa mau bày,
Thường nói an ổn
Pháp không bậc nhất
Nên mau chứng được
Đó là không buộc.
Mau nương pháp này
Bồ-tát giảng nói
Tâm không lìa bỏ
Đó là không buộc.
Đao, binh, nẻo ác
Không bức hại được
Thân không sợ gì
Độc chẳng hại được.
Bồ-tát hành Từ
Cùng khắp tất cả
Lìa bỏ tranh chấp
Đó là không buộc.
Không chấp thân tướng
Khéo nhận rõ thân
Đến đạo giác ngộ
Từ bỏ nẻo ác,
Dứt bỏ ngu si
Thần thông tự tại
Được Bồ-đề sáng
Đó là tám bậc.
Biết cõi Dục, Sắc

Và cõi Vô sắc
Ba cõi đồng tướng
Đó là tám bậc.
Các cõi bình đẳng
Lìa não, Bồ-đề
Vọng tưởng không trí
Chẳng nhiễm ô được,
Lìa tất cả tướng
Không có chê bai
Nếu có nói năng
Đều hướng pháp giới
Nói không chỗ hướng
Đồng với pháp giới
Tâm trụ pháp Nhẫn
Đó là tám bậc.
Nếu muốn tu hành
Trụ pháp vắng lặng
Chẳng tự đề cao
Chỉ nói cho người,
Vượt tướng âm thanh
Khỏi tướng âm thanh
Chẳng đắm âm thanh
Đó là tám bậc.
Nhờ thanh giải thoát
Biết pháp vô tướng
Cũng không ở đâu
Không hướng, không rời.
A-nan nên biết!
Tám bậc như thế
Đã nêu bày đủ
Ở trong các thuyết
Là bậc thứ nhất.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Nay ông nên biết! Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các Đại Bồ-tát nên dùng phương tiện để nói bày về tám bậc như vậy.

Tôn giả A-nan thưa:

–Do đâu mà Như Lai Thế Tôn giảng nói về quả Tu-đà-hoàn cho các

vị Đại Bồ-tát nghe như thế.

Đức Phật dạy:

–Tu-đà-hoàn nghĩ là được vào dòng Thánh, gọi là Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Nếu các vị Đại Bồ-tát có thể tu tập như vậy, không thấy đạo cùng nơi chốn mình tu tập đạo ấy, vượt qua tất cả hình tướng, thông tỏ Phật pháp là phi sắc, phi sinh, đối với tất cả pháp không mê đắm, tất cả pháp không nơi chốn, tất cả pháp không nhân duyên, tất cả pháp vô trụ, tất cả pháp không thật có, tất cả pháp không thành tựu.

Nếu bậc Đại Bồ-tát đến được đạo ấy thì tinh tấn vững chắc, thế lực vững chắc, trí tuệ vững chắc, không sinh biếng nhác, an trụ vắng lặng, nương đạo Như Lai, cứu giúp chúng sinh, không gì hơn được.

Bậc Đại Bồ-tát không chấp đạo ấy, cũng không trụ đạo ấy, tu đạo như thế mong đạt được tất cả các pháp, nhưng không thấy có chỗ mình đạt được, không chìm đắm cũng không dao động: không có ý tưởng về trụ, không có ý tưởng về đạo, không có ý tưởng về thế gian, không có ý tưởng về Phật, xem tất cả đều bình đẳng, không hề có những sự ngăn che, trí tuệ quán chiếu các cảnh giới không trở ngại.

Bậc Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp và các tà kiến đều an trụ trong tướng bình đẳng, khai mở tri kiến Phật, bày các pháp môn sâu rộng, phân biệt thân kiến, vượt khỏi vọng tưởng chấp ngã, đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Đại Bồ-tát không chấp vào Phật đạo, rốt ráo vô ngại: ưa thích mong cầu Phật đạo nhưng không đắm giới luật, thế gian cũng không chấp vào giới luật của Phật, chẳng phải giới chấp là giới, không chấp tướng giới. Ba hoặc đã dứt, không vướng vào ba cõi, học hỏi theo lời Phật dạy, tu hành Thánh đạo, lìa tất cả tưởng, không chấp các duyên, không các chướng ngại, nhập vào Phật đạo, tâm được vắng lặng, không mê đắm sự sống, về ta, người… các căn thanh tịnh, xa lìa phiền não.

Bậc Đại Bồ-tát tu đạo Bồ-đề thực hành bố thí, xả bỏ tất cả, giúp chúng sinh khổ, vượt qua bốn dòng, đạt đến Niết-bàn, dứt hết các tưởng, hiển bày Vô tướng. Nếu thấy bốn chúng tâm không sinh sợ sệt, chí cầu vắng lặng, an trụ nơi đạo Bồ-đề thanh tịnh, đã lìa sợ hãi, thì không sợ sinh tử. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát hiện chứng được vắng lặng, lìa các phiền não cấu uế, khéo đứng vững trong Phật đạo, biết đường đến đi, cũng không còn đến đi, khéo nhận rõ những vọng tưởng của chúng sinh, tâm không đùa bỡn, rốt ráo Phật đạo. Đó gọi là tướng Tu-đà-hoàn của Đại Bồ-tát.

-oOo-

Phẩm 3: Thanh Văn, Bích-Chi-Phật

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nói về bốn đường
Phật khó nghĩ bàn
Nếu có người trụ
Bồ-đề không lui,
Giống như hư không
Không chốn nương tựa
Không trụ không duyên
Lìa các chấp đắm.
Đó gọi là đạo
Ý được vững chắc
Đi đúng nẻo ấy
Cứu đời hơn hết.
Không chấp kia đây
Chẳng ở giữa dòng
Chẳng đắm Phật đạo
Là Tu-đà-hoàn,
Tất cả thế gian
Cùng pháp Phật khác
Rốt ráo bờ kia
Là Tu-đà-hoàn.
Dứt những ngăn che
Nêu bày Phật đạo
Dứt tất cả tướng
Gọi Tu-đà-hoàn.
Chẳng đề cao mình
Làm thạnh Phật pháp
Mở bày tri kiến
Vào trí tuệ Phật.
Trước khởi tưởng ngã
Các ác điên đảo
Biết như thế rồi
Không đắm Phật đạo.
Vốn nghi ngờ Phật
Là được, không được

Rốt ráo không đắm
Chẳng chấp tưởng đạo.
Chẳng khởi chấp giới
Khéo trụ giới Phật
Thường tu Chánh cần
Chẳng chấp tưởng giới.
Dứt bỏ ba kết
Không đắm ba cõi
Thực hành Phật đạo
Biết tưởng chúng sinh.
Tuy tu Bồ-đề
Nhưng không chấp tưởng
Tâm hành vắng lặng
Phật đạo thanh tịnh.
Vui vẻ bố thí
Xa lìa ưu sầu
Trụ trong chánh mạng
Tâm không đùa bỡn
Xả bỏ tất cả
Giúp chúng sinh khổ
Đạt thí Vô thượng
Gọi Tu-đà-hoàn.
Dứt bao nhiêu kiếp
Không tướng, không chấp
Lìa xa sợ hãi
Nỗi sợ thế gian.
Pháp và phi pháp
Tất cả đều xả
Chẳng đắm các ấm
Bậc sáng ở đời.
Ở trong bốn chúng
Không hề sợ sệt
Hiển bày vắng lặng
Tịnh tu Phật pháp.
Không tưởng chúng sinh
Cũng chẳng thật tưởng
Đó gọi không nhiễm
Nhận rõ lo sợ

Lìa tất cả sợ
Cũng không sợ chết
An trụ vắng lặng
Lìa cấu, an ổn.
Đã qua nẻo ác
Do đó chẳng sợ
Khéo nói các đạo
Vô lậu, vô tướng.
Pháp của Bồ-tát
Bày Tu-đà-hoàn
Vì hạng thấp kém
Nên nói lời ấy.
Dùng phương tiện khéo
Hiển bày Phật pháp
Vì người buông lung
Nên bày pháp này
Thế Tôn cứu đời
Tìm nhiều cách nói
Mà nêu Phật đạo.
A-nan nên biết!
Là Tu-đà-hoàn
Vì kẻ trí nhỏ
Nói việc như vậy.
Chẳng hiểu phương tiện
Ngu si hẹp hòi
Chẳng thấu pháp sâu
Mà sinh tranh luận.
Dùng trăm ngàn pháp
Bày Tu-đà-hoàn
Bậc Tu-đà-hoàn
Bày pháp Bồ-đề.

Như thế đấy A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các vị Đại Bồ-tát đã dùng phương tiện khéo để nói về Tu-đà-hoàn.

Tôn giả A-nan thưa:

–Do đâu mà Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các vị Đại Bồ-tát nói về Tư-đà-hàm?

Đức Phật nói:

–A-nan nên biết! Bậc Đại Bồ-tát thuận theo trí tuệ, trí tuệ Phật không thể nghĩ bàn, tu tập vô lượng nhân lành, nhưng không chấp vào tướng các nhân ấy, cũng như trí Bồ-đề, có khả năng dứt bỏ tất cả vọng hoặc để cầu trí tuệ Phật, khen ngợi chánh định Kim cang vượt trên tất cả các thiền định, dứt bỏ tất cả kết sử phiền não mê lầm ngăn che để hội nhập tri kiến của Phật, đạt được đầy đủ các pháp chánh quán bình đẳng mà tất cả Phật đã chỉ dạy, dùng vô lượng nhân để cầu Vô sở đắc, như pháp Phật đã chứng đắc; bất động đối với chúng sinh, cũng bất động đối với thế giới chúng sinh mà chấp vào pháp giới. Vô lượng chúng sinh trải qua nhiều kiếp thường chịu thiếu kém, không có khả năng thành tựu đạo Bồ-đề, dắt dẫn các chúng sinh đến chỗ không còn thoái chuyển.

Đại Bồ-tát chí cầu thành Phật, Căn, Lực, Giác, Đạo, Thiền định, Giải thoát gọi là Vô sắc định, nghĩ: "Nay ta sẽ đem các pháp như thế mở bày cho chúng sinh, khiến họ được thông tỏ và cầu Phật đạo, muốn ngồi đạo tràng, mong đạt trí tuệ như thật, mắt Phật thông đạt, là loại mắt không thể nghĩ bàn."

Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh nên mong cầu mắt Phật, trí tuệ như vậy là cao tột hơn hết, thấu tỏ tướng sâu xa của các pháp, đối với trí tuệ của mình không hề phân biệt. Đại Bồ-tát giúp chúng sinh đứng vững trong Phật pháp, giúp họ hiểu rõ tất cả pháp không dừng trụ, vì muốn đạt được pháp ấy nên đến nhóm họp để nghe Phật nói pháp. Đó gọi là Tư-đà-hàm.

Những người đến nhóm họp thấy thế giới chúng sinh và cảnh giới không thể nghĩ bàn một cách thông suốt không trở ngại nên không chấp vào cảnh giới, cũng không đắc, không đến. Nhưng làm sao để chúng sinh thành tựu mà không thấy chúng thành tựu sinh? Đối với tất cả pháp và thế giới chúng sinh chẳng thấy, cũng chẳng phải chẳng thấy, nhờ vậy mà thấu rõ về chúng sinh, thông đạt pháp giới, rõ biết pháp giới, đồng với Bồ-đề hiểu rõ pháp giới và thế giới chúng sinh giới, vô lượng Phật đạo, không đắc không phân biệt, đồng với đạo trí, gần với Vô đẳng trí, lìa tất cả cấu nhiễm được thanh tịnh, đắc Vô sở đắc chứng Vô sở chứng, đó là trí tuệ chân thật. Đại Bồ-tát mong cầu trí tuệ như thế gọi là Tư-đà-hàm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người thuận theo trí này
Gọi là không nghĩ bàn

Vì cầu trí tuệ Phật
Nên gọi Tư-đà-hàm.
Vô lượng nhân duyên nói
Thành tựu đạo Bồ-đề
Nhờ tu hành pháp này
Ta thường qua lại tìm.
Tướng chánh định bất động
Dứt bỏ kiết phiền não
Nên chuyên tâm tu tập
Thành tựu không thoái chuyển.
Cũng biết pháp, phi pháp
Tướng thông đạt vô ngại
Trụ mé thật các pháp
Tu hạnh Tư-đà-hàm
Thuận theo lời Phật dạy
Như nghe pháp tu hành
Vì đạt được pháp ấy
Ta thường qua lại tìm
Pháp giới chưa từng có
Các chúng sinh chẳng động
Đó là Tư-đà-hàm
Không có việc đến, đi
Chúng sinh không trí tuệ
Ngu si chịu khổ não
Vì muốn đưa đến đạo
Mà cầu trí tuệ Phật
Các Căn, Lực, Giác, Đạo
Thiền định và Giải thoát
Siêng tu pháp Chánh định
Mà cầu trí tuệ Phật
Rốt ráo đạo Bồ-đề
Việc làm của các Phật
Đó là Tư-đà-hàm.
Khởi hạnh thường mong cầu
Đạt được pháp như thế
Mắt Phật khó nghĩ bàn
Đó là Tư-đà-hàm.
Thường cầu được mắt Phật

Nên cầu được như Phật
Làm chỗ giúp, nương tựa
Điều ta nay mong cầu
Chính là Nhất thiết trí
Chỗ biết của trí ấy
Tướng các pháp chân thật
Tâm thường không đắm nhiễm
Thường cầu pháp như vậy
Lợi lạc các chúng sinh
Nhất thiết trí trên hết
Đó gọi Tư-đà-hàm.
Chỗ mong cầu qua lại
Quán kỹ về pháp giới
Chúng sinh không nghĩ bàn
Đó gọi Tư-đà-hàm.
Vì cầu cõi chúng sinh
Biết cõi chúng sinh rồi
Không mê đắm chúng sinh
Đó gọi Tư-đà-hàm.
Mà đạt Vô sở đắc
Nên chúng sinh chẳng đạt
Tất cả pháp vô tướng
Tạo được nhận thức ấy
Biết rõ được như thế
Dẫn dắt các chúng sinh
Tuy quán tất cả pháp
Chẳng thấy tướng quán sát
Giữ tâm không loạn động
Mà cầu các pháp Phật
Trí thanh tịnh như thế
Xa lìa tất cả cấu
Không được tướng trí ấy
Đó gọi là cầu đạo
Mở bày các chúng sinh
Điều Bồ-tát không chê
Đó gọi trí rốt ráo
Mong được trí nên đến.
A-nan phải nên biết

Vì nói Tư-đà-hàm
Các chúng sinh trí kém
Vọng chấp tướng phải quấy.
A-nan ông nên biết
Vì nói Tư-đà-hàm
Giúp chúng sinh tinh tấn
Khiến họ hiểu như vậy.
Luôn khéo tu học rộng
Quyết định pháp sâu xa
Tỏ ngộ nghĩa chân thật
Chóng thành đạo Bồ-đề.

Này A-nan! Đó gọi là Như Lai Đẳng Chánh Giác vì Đại Bồ-tát nên dùng phương tiện nói về Tư-đà-hàm.

Tôn giả A-nan thưa:

–Vì sao gọi là Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các Đại Bồ-tát nói về A-na-hàm?

Phật bảo A-nan:

–Các vị Đại Bồ-tát đều ra khỏi tất cả tướng thế gian, rốt ráo hạnh Phật, tâm không hành xứ, tuy biết có đến đi, nhưng thường không chấp vào tướng đến đi, biết tất cả pháp không nương tựa, không an trụ. Vì sao? Vì chẳng thấy các pháp có đi không đi. Đại Bồ-tát vượt khỏi phàm phu, dứt ý tưởng phàm phu, không đắm mê Phật tưởng, đạt được pháp vô trụ. Vì sao? Vì rốt ráo tất cả pháp giới vắng lặng, cũng không thấy sự khác nhau giữa Phật và phàm phu. Xa lìa đường ác, dứt bỏ tham dục, không đắm các vị, xa lìa bốn thứ thực.

Đại Bồ-tát luôn chú tâm đến việc mở bày tri kiến Phật cho chúng sinh, không chấp tất cả sáu mươi hai thứ kiến chấp, không đắm vô tướng, tất cả lìa hữu, vô, đối với các thứ ngăn che đều xem là tướng của Niết-bàn, không lưu chuyển cũng chẳng không lưu chuyển, dứt bỏ những cấu uế của các đường ác, hàng phục các ma, xa lìa ngu si, nhổ sạch ba mũi tên vô minh, và những hạt giống vô minh, giết giặc vô minh, quán chiếu dứt bỏ tham lam giận dữ, dứt bỏ các kết sử, mở bày cho chúng sinh trong ba cõi.

Đại Bồ-tát nhổ mũi tên ái dục, dứt bỏ các kiêu mạn, hiểu rõ tướng các ấm, đạt đến rốt ráo là cõi giác ngộ trong sáng, thường ưa thích Phật thừa, là thừa không thể nghĩ bàn, đạt đến thật tướng của tất cả các pháp.

Nếu các vị Đại Bồ-tát ra khỏi được vũng bùn sinh tử như thế, lìa tất cả trói buộc tham đắm, được kho báu bản nguyện, cũng được kho báu của các Đức Phật quá khứ, vị lai, đều nằm trong tất cả kho báu, cũng là chỗ xây dựng của các Phật quá khứ. Tâm luôn bình đẳng, không phân biệt cao thấp. Đạt được thừa như vậy, đối với các chúng sinh là Bậc Tối tôn Tối thắng bậc nhất không gì hơn được.

Đại Bồ-tát luôn nhằm đạt đến Phật thừa rốt ráo, đối với tất cả các pháp đều đạt đến diệu lý vô tướng. Đại Bồ-tát đối với các pháp dứt trừ được lưới nghi, chứng quả Bất hoàn.

Lại nữa, này A-nan! Đại Bồ-tát thường dùng bốn thệ nguyện lớn để che chở, giúp đỡ tất cả chúng sinh, dẫn dắt họ đến chánh pháp và đứng vững trong chánh pháp, tất cả đều đến được Phật thừa, sống trong đạo Bồ-đề. Làm thế nào ở an trụ trong Bồ-đề? Cái gọi là tướng chúng sinh, thì giác ngộ như thật, an trụ trong thế giới chúng sinh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã khéo biết, Không giới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, lìa các vọng tưởng về chúng sinh. Vì sao? Vì cảnh giới Hiền thánh tức là cảnh giới chúng sinh, cảnh giới không thể nghĩ bàn tức là không tướng, cũng không có chúng sinh, lìa các kết sử, giống như hư không, không hình không tướng, không thật có, không nhiễm không đắm, biết tất cả chúng sinh đều bình đẳng, chẳng hiện chẳng mất, giác ngộ rốt ráo, lìa tướng chúng sinh, cũng như hư không, không có nơi chốn giác ngộ. Vì sao? Vì không có pháp nào có thể đạt được. Vô đắc như vậy chính là tướng tất cả pháp và tướng chúng sinh, điều tâm giác tỏ ngộ tức là chẳng phải tỏ ngộ. Vì sao? Vì không có pháp nào thật có. Vô đắc như thế tức là Vô chứng, cho nên gọi là A-na-hàm. Tất cả chúng sinh, tất cả pháp, Phật, Pháp, Tăng… đều hiện ra các tướng như vậy, gọi là A-na-hàm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng hề trở lại
Dứt pháp phàm phu
Bỏ hành thế gian
Gọi A-na-hàm.
Biết không đến, đi
Không trụ, không nương
Không có nơi chốn
Nên gọi Bất lai
Lìa bỏ phàm phu

Được Phật cứu giúp
Không còn trở lại
Gọi A-na-hàm.
Pháp không có đến
Cũng chẳng có đi
Chẳng đến chẳng đi
Gọi A-na-hàm.
Dứt các tham dục
Không đắm bốn thực
Chẳng rời đạo tràng
Gọi A-na-hàm.
Dứt bỏ tất cả
Sáu mươi hai kiến
Mà không chốn đi
Gọi A-na-hàm.
Lìa tất cả cõi
Tướng vô thường tâm
Tỏ ngộ như thật
Nên gọi Bất lai
Niết-bàn vắng lặng
Dứt các phiền não
Lìa tướng đến, đi
Đó là Bất lai.
Dứt các đường ác
Bỏ tất cả cấu
Chứng đắc Niết-bàn
Đó là Bất lai.
Hàng phục kẻ thù
Cùng các ma quân
Vượt các giả danh
Đó là Bất lai.
Nhổ tên vô minh
Dứt tất cả ái
Dứt mọi hỷ, dục
Đó là Bất lai.
Lìa các kết sử
Mở bày tướng ấm
Được trí quyết định

Là A-na-hàm.
Nhổ gai ưu não
Xô núi kiêu mạn
Khéo hiểu năm ấm
Gọi A-na-hàm.
Rốt ráo chiếu sáng
Trang nghiêm Phật thừa
Ra khỏi bùn dục
Gọi A-na-hàm.
Đều biết kho kín
Trên các kho kín
Chỗ Phật đặt để
Gọi là Bất lai.
An trụ Tối thắng
Phật thừa Vô thượng
Dứt bỏ các kết
Gọi A-na-hàm.
Dùng bốn nguyện rộng
Tạo dựng Bồ-đề
Trụ Bồ-đề rồi
Nên gọi Bất lai.
Biết các cõi không
Rất khó nghĩ bàn
Dứt bỏ các tưởng
Nên gọi Bất lai.
Đối với chúng sinh
Và tướng pháp giới
Đều không thật có
Nên gọi Bất lai.
Tâm không chấp đắm
Chẳng chạy theo tướng
An trụ Bồ-đề
Gọi A-na-hàm.
Cõi chúng sinh không
Chẳng thể nghĩ bàn
Biết pháp như vậy
Nên gọi Bất lai.
Như thế A-nan

Hiển bày Na-hàm
Các tướng vô ngại
An lập Phật pháp.

–A-nan nên biết! Như Lai Đẳng Chánh Giác đã vì các Đại Bồ-tát dùng phương tiện thích hợp để nói về A-na-hàm.

Phật bảo A-nan:

–Ta nay lại nói Đại Bồ-tát là A-la-hán. Là vì Bồ-tát đã dứt bỏ tất cả các hành, tu tập theo những điều Phật đã thực hành, lìa các pháp hữu vi, có khả năng thành thục tất cả chúng sinh, cũng dứt bỏ tất cả khổ não cho chúng sinh nên gọi là A-la-hán.

Không vướng vào tướng chúng sinh, cũng không vướng vào tướng khổ não, đó gọi là A-la-hán.

Dứt các chấp đắm, an trụ vô tướng, biết các pháp không, lìa tất cả tướng, đều không thật có, trừ sạch tất cả vọng tưởng điên đảo si mê lầm lạc của chúng sinh, hiểu rõ các pháp là không, không thể nghĩ bàn, đó là A-la-hán được Bồ-đề không thể nghĩ bàn, nhờ thành tựu pháp như thế nên gọi là A-la-hán.

Như pháp mà các Đức Phật quá khứ nên nói thì tất cả các Đức Phật hiện tại, vị lai cũng nên nói như vậy. Dứt những đùa bỡn, đầy đủ thanh tịnh, giảng nói pháp Bồ-đề chân thật, đó là A-la-hán.

Khiến cho chúng sinh được an trụ trong đạo Bồ-đề, không hề chấp đắm gọi là A-la-hán.

Nên thực hành các Ba-la-mật, Từ đạt đến tâm đại Từ của Phật, cứu độ đầy đủ đối với chúng sinh, đó là tâm Từ vô tướng, cũng khiến cho tất cả chúng sinh được an lập nơi tâm Từ ấy, tu tập theo tâm Từ ấy không có sự phân biệt, chẳng chấp chúng sinh và tướng của tâm Từ, đó là A-la-hán.

Nói pháp cho tất cả chúng sinh nghe, nhưng đối với các pháp đều không có chỗ chấp đắm. Nếu được như vậy thì gọi là A-la-hán.

Nhận rõ, hiển bày căn lực, giác đạo, đối với các chúng sinh không nhiễm không đắm, gọi là A-la-hán.

Khéo biết tâm hành của tất cả chúng sinh, khiến họ phát tâm Bồ-đề, nếu được như vậy gọi là A-la-hán.

Giảng nói tất cả các hành pháp hữu vi mà không chấp đắm gọi là A-la-hán.

Cũng nói hạnh không chấp, hạnh không đắm cho tất cả chúng sinh khác nghe, làm được như vậy gọi là A-la-hán.

Đến được các cõi Phật mà tâm không có tướng đến được các cõi Phật, dùng trí vô tướng nhìn các pháp như Phật gọi là A-la-hán.

Nếu thành tựu đầy đủ các công đức của cõi Phật như thế cũng gọi là ruộng phước thanh tịnh bình đẳng không cấu nhiễm, chẳng thể nghĩ bàn. Đó chính là ruộng phước không hạnh, là ruộng phước không còn thoái chuyển, là ruộng phước thanh tịnh bậc nhất không còn tướng người nữ, là ruộng phước lìa hết các kết sử tham dục, là ruộng phước như các Đức Phật chứng tri dứt hết các thứ chướng ngại che phủ, là ruộng phước hàng phục các ma phiền não, là ruộng phước chế ngự tà kiến của ngoại đạo. Đó là ruộng phước của tất cả, ruộng phước trang nghiêm, ruộng phước lìa tất cả sợ hãi, ruộng phước không có tranh chấp, ruộng phước vắng lặng, ruộng phước thần thông, ruộng phước tối thắng, ruộng phước không có hang hốc, ruộng phước vô tận, ruộng phước đầy đủ những việc mà Bồ-tát thực hành, ruộng phước được sự tự tại trên hết của Phật, ruộng phước được Phật che chở, ruộng phước biến hóa, ruộng phước dùng ấn pháp này để ấn vào tâm chúng sinh giúp họ được an vui, nói năng khéo léo, ruộng phước gồm tất cả những châu báu trang nghiêm cõi Phật, quyết định Niết-bàn vắng lặng. Đối với tất cả ruộng phước mà thành tựu ruộng phước như thế, biết được tất cả các pháp là bất sinh bất diệt, gọi là A-la-hán.

Dứt các đắm nhiễm, thấy người đến tức giận mà tâm không buồn bực, đó là A-la-hán. Đối với tất cả các pháp không chấp tướng của nó, đó là A-la-hán.

Dùng tâm Bi dứt trừ những tri thức đầy phiền não để tu hành trí tuệ trên hết, chứng đắc nhanh chóng, gọi là A-la-hán. Dùng oai nghi này để xây dựng Bồ-đề, nhờ thế lực của Bồ-đề nên gọi là A-la-hán; Bồ-đề như vậy cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng gọi là Bất động. Bất động như thế có công năng khiến cho vô số ức loài chúng sinh được an lập trong Bồ-đề, không hề chấp đắm, đều trụ trong bình đẳng, đồng với tướng hoại, tường không thật có, biết tất cả pháp đều trở về giác ngộ, trụ nơi vô trụ, đó là A-la-hán.

Đã nhận thức như thế, thì có khả năng nói pháp như thế cho chúng sinh nghe mà không đắm nhiễm; tuy có nói năng nhưng không có tướng nói; độ các chúng sinh nhưng không có ý tưởng chấp vào các chúng sinh;

thân bất động đối với hai bên đoạn, thường chẳng dứt phiền não và lìa kiêu mạn; đối với tất cả pháp vô sinh, vắng lặng, vô hành, không hoại tướng sắc, không hoại tướng thọ, tưởng, hành, thức và các pháp tướng của phàm phu. Tâm được bất động để cầu giải thoát; an trụ Phật pháp, cũng chẳng phải an trụ vào quả tướng giải thoát của Tu-đà-hoàn, quả tướng giải thoát của Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vọng kiến tất cả sinh khởi các điên đảo, chấp vào trí tuệ giải thoát của Phật; vọng kiến chấp vào tâm Bồ-đề giải thoát; vọng kiến tu Bồ-đề thì giải thoát; vọng kiến tu giới Bồ-đề giải thoát; vọng kiến não hại nhẫn nhục giải thoát, vọng kiến biếng nhác tinh tấn giải thoát; vọng kiến loạn tưởng thiền định giải thoát; vọng kiến ngu si trí tuệ giải thoát; vọng kiến Thanh văn phàm phu giải thoát, vọng kiến cha mẹ, vợ con, gái trai, quyến thuộc. Tất cả các giải thoát như thế, vọng kiến tham đắm các dục, vô lượng khổ não, sinh ra thân ái, sinh ra đắm nhiễm. Pháp kết sử này là nơi não hại, đối với pháp này sinh ra hai thứ tướng: Một là dứt bỏ vọng tưởng, độ thoát chúng sinh, đó là A-la-hán; hai là dứt bỏ vọng tưởng tham cầu lợi dưỡng và ý tưởng xuất gia, tại gia.

Đối với các pháp thấp hèn hay tối thắng đều bình đẳng, nhưng cũng không thấy pháp phàm phu này, đó là Phật pháp. Nhằm dứt bỏ vọng tưởng điên đảo như vậy nên nói pháp giải thoát, nếu muốn trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh thành tựu như thế, thì đó gọi là Niết-bàn.

Chúng sinh như thế chẳng thể gọi là Niết-bàn, chúng sinh như thế sinh vào ba cõi; chúng sinh như thế không sinh vào ba cõi. Chúng sinh như thế là thực hành đạo giác ngộ; chúng sinh như thế không thực hành đạo giác ngộ. Chúng sinh như thế là hủy phá giới cấm; chúng sinh như thế vâng giữ giới cấm; chúng sinh như thế gọi là có trí tuệ; chúng sinh như thế gọi là không có trí tuệ. Nếu có chúng sinh khởi lên hai tâm và sinh vọng tưởng, vì dứt bỏ vọng tưởng cho chúng sinh như thế nên; chẳng phải ruộng phước cũng chẳng phải không phải ruộng phước. Chúng sinh như thế siêng năng tinh tấn; chúng sinh như thế là chẳng siêng năng tinh tấn. Là pháp của kẻ ngu si, là pháp của người hiểu biết, là pháp của người nữ, là pháp của người nam, là pháp của bậc Thánh, là chẳng phải pháp của bậc Thánh. Sinh khởi hai ý tưởng như vậy. Nên phải dứt bỏ hai thứ tâm vọng tưởng như thế. Bồ-tát an trụ trong Bồ-đề không lui sụt. Được thọ ký Bồ-đề cũng chẳng phải được thọ ký Bồ-đề. Được gần tòa Bồ-đề cũng chẳng phải được gần tòa Bồ-

đề. Chính do hai tâm như vậy mà dấy khởi lên vọng tưởng hư dối. Bồ-tát như vậy là đạt đến Bồ-đề. Bồ-tát như vậy là chẳng đạt Bồ-đề giải thoát chân thật. Tóm lại, chấp đắm vào tất cả pháp đều là vọng tưởng. Vì thế A-nan nên biết! A-la-hán đã dứt bỏ tất cả vọng tưởng về chúng sinh, để đạt đến giải thoát nên có thể nói về pháp Vô tưởng như thế. Đó là Đại Bồ-tát A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Trừ tất cả hành
Lìa hành sinh tử
Ra khỏi thế gian
Gọi A-la-hán.
Dứt hết phiền não
Độ thoát tất cả
Các chúng sinh khổ
Gọi A-la-hán.
Chúng sinh chẳng đạt
Và các kết sử
Đối pháp không lợi
Gọi A-la-hán.
Dứt bỏ vọng tưởng
Trụ không vọng tưởng
Rõ các pháp Không
Là A-la-hán.
Rõ không hơn hết
Đạt được vô tướng
Dứt tất cả tướng
Là A-la-hán.
Diệt các chúng sinh
Tất cả tướng ác
Trừ tất cả tướng
Là A-la-hán.
Trừ các bờ mé
Đạt pháp vô tưởng
Tự mình chứng biết
Là A-la-hán.
Vì được Bồ-đề
Khó thể nghĩ bàn

Phát tinh tấn mạnh
Là A-la-hán.
Nếu nói các pháp
Không báng, không nhơ
An trụ Bồ-đề
Là A-la-hán.
Ruộng phước thanh tịnh
Khiến người được vui
Chúng sinh chẳng được
Là A-la-hán.
Nếu nói các pháp
Tất cả không chấp
Vô pháp, chẳng pháp
Là A-la-hán.
Căn, Lực, Giác, Đạo
Vì chúng hiển bày
Đắc quả bậc nhất
Là A-la-hán.
Khéo rõ chúng sinh
Bồ-đề thanh tịnh
Giảng nói tướng ấy
Là A-la-hán.
Lời thế gian nói
Tất cả các hành
Đối hành không chấp
Là A-la-hán.
Thế Tôn mạnh mẽ
Ruộng phước khó lường
Tùy trú xứ Phật
Giảng nói người nghe,
Nếu muốn thấy Phật
Không thấy, chẳng thấy
Như Phật thấy điều
Là A-la-hán.
Ruộng phước thích hợp
Ruộng phước Thánh hiền
Tinh tấn tột bậc
Là A-la-hán.

Xa lìa dục nhiễm
Đối giận chẳng giận
Cũng nói Bồ-đề
Là A-la-hán.
Rõ tất cả pháp
Vắng lặng vô tướng
Do đó giác ngộ
Là A-la-hán.
Tất cả chẳng động
Các cõi chúng sinh
Khiến vô số ức
An trụ Bồ-đề.
Chúng sinh Bồ-đề
Đều trụ vô tướng
Rõ kia bình đẳng
Là A-la-hán.
Đắc Vô đẳng đẳng
Đồng tất cả pháp
Biết rõ vô tướng
Bồ-đề bình đẳng
Hiểu được như vậy
Gọi là La-hán.
Tỏ pháp như thật
Thanh tịnh không nhơ
Nói pháp chúng nghe
Nhưng không pháp nói
Độ vô lượng chúng
Cũng không dao động.
Chúng sinh chẳng được
Hai bên đoạn, thường
Mà chúng đều thấy
Độ thoát khổ não
Rốt ráo các pháp
Không sinh, không diệt
Mà dùng phương tiện
Độ thoát muôn loài
Chẳng hủy hoại sắc
Thọ, tưởng, hành, thức

Cũng giống như thế
Tức là giải thoát.
Đối với phàm phu
Cũng không tướng động
Kiến lập Phật pháp
An trụ giải thoát.
Khiến các chúng sinh
Nhớ nghĩ quả báo
Tướng giải thoát Phật
Nói pháp người nghe
Chấp lấy Bồ-đề
Tu hành Bố thí
Trì giới, Nhẫn nhục
Để bỏ vọng tưởng
Biếng nhác, buông lung
Giữ sự Tinh tấn
Trừ tướng giải thoát
Lời La-hán nói
Sinh tưởng Thiền định
Người ngu vô trí
Giúp họ giải thoát
Nói pháp La-hán
Pháp vô tướng ấy
Ngăn che hư vọng
Nói pháp như vậy
Là A-la-hán.
Chúng sinh hư vọng
Chấp tưởng Thanh văn
Không tướng, giải thoát
La-hán nói pháp,
Cha mẹ vợ con
Ngu si chấp đắm
Chẳng phải Bồ-đề
Tham đắm sinh tử,
Anh em chị em
Vọng sinh thân ái
Vắng lặng giải thoát
Là A-la-hán.

Tạo các hành nghiệp
Tham đắm thân ái
Thấy liền luyến ái
Vốn là thân mình.
Lại đắm nhiễm nhau
Thân ái lẫn nhau
Chẳng biết lìa bỏ
Khiến ma lộng hành.
Không lìa thế gian
Làm ác cùng cực
Lỗi lầm như vậy
Lời La-hán nói.
Đối các kết sử
Thảy đều giác ngộ
Cả hai hư vọng
Lời La-hán nói.
Lợi ích nhiều người
Không hề đùa bỡn
Giải thoát như vậy
Lời La-hán nói.
Tại gia xuất gia
Thường sinh vọng tưởng
Phàm, ngu chấp đắm
La-hán giải thoát.
Thấy rõ trói buộc
Nêu rộng chánh pháp
Phàm, ngu vọng tưởng
La-hán giải thoát.
Lìa bỏ phàm phu
Không lợi Phật pháp
Bỏ lợi, không lợi
Là A-la-hán.
Thấy có cao thấp
Từng ấy các loài
Chúng sinh chấp đắm
La-hán giải thoát.
Đầy đủ tướng chấp
Tu tập rất nhiều

Chấp tướng như vậy
Khéo léo giải thoát
Được ruộng phước Phật
Rốt ráo chân thật
Vọng chấp là ruộng
La-hán giải thoát.
Không diệt, chẳng diệt
Cũng vật, chẳng vật
Tuy tu Bồ-đề
Chẳng được giác ngộ.
Giữ giới, phá giới
Có trí, không trí
Chúng sinh ngu si
Dấy lên hai tưởng
Nhiều người chấp đắm
Có rất nhiều loài
Giải thoát tưởng ấy
Lời La-hán nói
Khởi tưởng ruộng phước
Chẳng tưởng ruộng phước
Phàm ngu không trí
Sinh các thứ tưởng
Đối với người nữ
Và đối người nam
Pháp Thánh, chẳng Thánh
Sinh hai thứ tâm
Chúng sinh như vậy
Phàm, ngu không trí
Chấp đắm hai tưởng
La-hán giải thoát
Pháp lui, không lui
Có ký, không ký
Gần tòa Bồ-đề
Chẳng chấp Bồ-đề
Được Bồ-đề rồi
Rốt ráo vắng lặng
Lìa hẳn sinh tử
Chấp tưởng Niết-bàn

Dứt buộc chúng sinh
Diệt tất cả tướng
Cho nên La-hán
Gọi là giải thoát.
Bồ-tát pháp nhĩ
Hiện là La-hán
Không khởi pháp nhẫn
Tức trí La-hán.
La-hán như vậy
Bồ-tát khen ngợi
Tâm thường trụ nơi
Bồ-đề trên hết.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Nay ông nên biết! Đó là Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các vị Đại Bồ-tát dùng phương tiện nói về A-la-hán.

Tôn giả A-nan thưa:

–Vì sao Như Lai Đẳng Chánh Giác lại vì các Đại Bồ-tát nói về Thanh văn?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Bồ-tát có khả năng làm cho vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh, dùng pháp âm của Phật khiến tất cả đều được nghe, do đó gọi là Thanh văn.

Cũng khiến cho họ được nghe âm thanh chẳng thể nghĩ bàn ấy, nghe những âm thanh không thể nghĩ bàn rồi thì đối với đạo Bồ-đề dứt mọi đùa bỡn, chỉ dùng âm thanh thanh tịnh để họ được nghe, cũng gọi là Thanh văn.

Lại khiến cho họ được nghe về niềm an vui của Niết-bàn chư không phải là những niềm an vui khác. Nghe được những âm thanh như vậy cũng gọi là Thanh văn.

Cũng khiến cho họ được nghe các đạo phẩm như Căn, Lực, Giác, Đạo, Thiền định giải thoát, các pháp Tam-muội, Niệm xứ, Chánh cần, chứng đắc Vô dư. Các pháp này đều khiến cho vô số chúng sinh đều được nghe, cũng gọi là Thanh văn.

Lại thân này là khổ, không, vô ngã, nhưng tướng các ấm đều không thật có. Kẻ phàm phu ngu si phân biệt thân ấy vọng khởi chấp đắm nghe những âm thanh như vậy cũng gọi là Thanh văn.

Lại do nhãn giới là hư ngụy không thật, cho đến mắt Phật đều đồng với nhãn giới chẳng thể nghĩ bàn, có công năng giúp cho chúng sinh thấy biết như thật. Đối với tất cả pháp không có tướng thành tựu, gọi là thành tựu nhãn, tướng các pháp như vậy khiến chúng sinh nghe nên gọi là Thanh văn.

Như âm vang của tiếng gọi, khiến chúng sinh nghe nên gọi là Thanh văn.

Không ứng hợp với âm thanh mà vọng chấp đắm, vì không có tướng âm thanh, cũng không thật có, âm thanh như vậy nên gọi là Thanh văn.

Không ứng hợp với hương mà chấp lấy tướng hương, tướng của hương cũng không thật có; ví như có người nằm mộng ngửi được mùi hương, nhưng thật ra không có mùi hương, ở trong cái không có hương mà vọng khởi tưởng là có hương, chỉ là điên đảo tự sinh ra phân biệt, chấp lấy tướng hương, kẻ phàm phu tin nhận, nghe tiếng như thế gọi là Thanh văn.

Lưỡi tiếp xúc với tướng không giống như cục thịt không thể nhận biết được vị, cũng như chùm bọt nước không thể làm ví dụ. Vì vượt khỏi ví dụ nên chẳng phải vị, chẳng phải thấy, mọi phân biệt về tướng của vị thật sự không thật có. Cảnh giới của vị như vậy và cảnh giới không thể nghĩ bàn là bình đẳng không hai. Lìa tâm, vô niệm cũng không nhớ nghĩ, thật không có tướng của tâm. Nghe âm thanh như vậy gọi là Thanh văn.

Pháp đã biết, lại khiến cho người khác nghe gọi là Thanh văn.

Nếu nghe về thân, thấu rõ tướng thân, thể tánh vốn không, chẳng phải sinh chẳng phải không sinh, đó gọi là Bồ-đề. Khiến cho vô lượng chúng sinh được nghe âm thanh ấy gọi là Thanh văn.

Thể tánh của tâm là không, không thật có, đều như huyễn hóa, chẳng sinh chẳng diệt, có thể khiến cho tất cả chúng sinh đều được nghe nên gọi là Thanh văn...

Phật bảo A-nan:

–Pháp thí của Thanh văn chẳng thể nghĩ bàn, chứng được đạo này gọi là chẳng thể nghĩ bàn, vì Pháp thí chẳng thể nghĩ bàn này có công năng sinh ra Bồ-đề. Vì sao? Vì hạt giống tương tự sinh nên không quả là quả, Tài thí không đạt được, từ nghe mà tin, hiểu nên gọi là Thanh văn. Tài thí nhỏ ít, Pháp thí mới là quan trọng. Pháp thí như vậy không hề ganh ghét kẻ khác, cũng không tướng thí, không đắm vào sự bố thí ấy. Ví như huyễn hóa không phân biệt, không sinh nguyện cầu, không chấp ý tưởng bố thí vì

không nguyện cầu. A-nan nên biết! Pháp thí như vậy thành tựu Bồ-đề, từ nghe được tin hiểu nên gọi là Thanh văn. Dứt tất cả tướng, lìa các kết sử, vượt qua tất cả tăng thượng của Thanh văn, phát ra âm thanh lớn để giảng nói Phật pháp. Vì sao? Vì đầy đủ âm thanh vượt qua tất cả các âm thanh, ra khỏi âm thanh này rồi, khiến nghe được Phật pháp. Biết tướng các âm thanh chẳng phải một, chẳng phải khác, chánh tín thành tựu, nói pháp không hai cũng chẳng phải không hai. Nghe được pháp ấy gọi là Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Vô lượng chúng sinh nghe
Phật pháp chẳng nghĩ bàn
Bồ-tát giảng rộng khắp
Đó gọi là Thanh văn.
Nghe rồi tin Bồ-đề
Không nhơ, không đùa bỡn
Khiến tất cả đều nghe
Đó gọi là Thanh văn.
Nghe Niết-bàn an vui
Là an vui bậc nhất
Đều khiến nghe vắng lặng
Đó gọi là Thanh văn.
Các Lực là Giác đạo
Bốn Niệm xứ, các Căn
Mau đạt tới rốt ráo
Đó gọi là Thanh văn.
Nghe thân này khổ, không
Không vững chắc, chân thật
Bị tham, sân, si lấp
Cho nên chấp lấy thân,
Cũng nghe nơi nhãn nhập
Chẳng thật mà thấy thật
Chúng sinh nhiều ngu si
Phàm phu mù chẳng trí
Nếu đạt được mắt Phật
Chánh kiến chẳng nghĩ bàn
Nếu được mắt như thế
Không còn các ngu si
Các pháp không thành tựu

Tất cả chúng sinh nghe
Do nhân duyên như thế
Cũng gọi là Thanh văn,
Tất cả tướng các pháp
Đều giống như tiếng vang
Nơi ấy không người nghe
Cũng không có người nói
Giúp vô số người nghe
Đó gọi là Thanh văn.
Trong ấy không nghe gì
Không có người đắm nhiễm
Ví như người nằm mộng
Tuy ngửi nhiều mùi hương
Nhưng đều không thật có
Biết thể hương như vậy
Lìa bỏ tất cả cấu
Cũng không người ngửi hương
Bồ-tát thì giải thoát
Chúng sinh nhiều điên đảo
Nghe lưỡi như cục thịt
Chẳng thể biết được vị
Nếu cục thịt biết vị
Cũng nên biết bình đẳng
Phân biệt tướng như thế
Tham vị là ác nhất
Cõi này khó nghĩ bàn
Đó gọi là biết vị,
Quyết định biết vị rồi
Bồ-tát không đắm nhiễm
Khiến chúng sinh quyết định
Đó gọi là Thanh văn.
Quán thân, nhận rõ tướng
Bản tánh không, vô chủ
Nếu biết được chân thật
Không sinh, không năng sinh
Tướng Bồ-đề như vậy
Không sinh, không năng sinh
Khiến mọi chúng sinh tỏ

Đó gọi là Thanh văn.
Ý cũng biết như thế
Thể tánh không thật có
Vì không có thể tánh
Nên khiến tất cả nghe
Như Phật pháp vô sinh
Vô diệt, cũng không hai
Không tướng, không chỗ thấy
Đó gọi là Thanh văn.
Đều khiến nghe thí ấy
Pháp thí chẳng nghĩ bàn
Tu hành đến đạo tràng
Thành tựu được Bồ-đề.
Ví như gieo hạt giống
Được quả như hạt giống
Tu thí chẳng nghĩ bàn
Chứng đắc đạo cũng vậy.
Bố thí các tài vật
Pháp thí là hơn hết
Xả tâm, không tham ganh
Đó gọi đạo Bồ-đề.
Tâm thường không chấp đắm
Tuy thí, không nương tựa
Nếu thí được như vậy
Mau chứng đạo Bồ-đề.
Xa lìa tất cả tướng
Dứt hết các kết sử
Không còn các đắm nhiễm
Đó gọi là Thanh văn.
Âm thanh ấy nhiệm mầu
Hơn các âm thanh khác
Thanh đó giúp nghe xa
Phật pháp chẳng nghĩ bàn,
Khiến mọi người đều rõ
Các thanh không nương tựa
Chẳng một cũng chẳng khác
Đó gọi là Thanh văn.
Muốn cho tất cả nghe

Lời các Phật giảng nói
Tùy pháp âm được nghe
Đều phát tâm Bồ-đề,
Nghe trong các ruộng phước
Ruộng phước Phật trên hết
Tùy theo chỗ Phật ở
Gần gũi Đấng cứu đời,
Khiến ba ngàn cõi nghe
An trụ trong hư không
Chúng sinh cũng như thế
Đều đồng tướng Niết-bàn,
Giảng nói thân bốn đại
Phân biệt là chúng sinh
Giống như tướng hư không
Đều chẳng thể nghĩ bàn.
Tướng như thị các cõi
Cũng không thể biết được
Trong ấy chẳng sinh tử
Không phiền não, Niết-bàn,
Các pháp không chân thật
Chúng sinh cũng như vậy
Đó là cõi tịch diệt
Làm sao thấy kẻ sinh
Vì vô lượng chúng sinh
Ngày đêm thường nghe biết
Chẳng đắm danh lợi mình
Chỉ vì chúng sinh nói
Nên biết là Thanh văn.
Muốn khiến tất cả nghe
Thật không pháp Thanh văn
Chỉ hiện làm Thanh văn
Phật chỉ giả danh nói
Trên hết trong các pháp
Cho nên biết chúng sinh
Tất cả đều tướng như
Đó gọi là Thanh văn.
Vô lậu dứt trói buộc
Giải thoát tất cả kết

Mà nói chúng sinh nghe
Hiển bày lìa trói buộc
Thanh tịnh không đùa bỡn
Thấy rồi nói người nghe
Phật pháp đều cũng thế
Không lâu sẽ được thấy
Đúng như pháp Phật nói
Vị Bồ-tát tu hành
Đối pháp không đắm nhiễm
Đó gọi là Thanh văn.
Không trói buộc, thanh tịnh
Cũng khiến tất cả nghe
Tu hành như đã nghe.
A-nan ông nên biết,
Ta dùng phương tiện nói
Biết Thanh văn như vậy
Bồ-tát không nương tựa.

A-nan nên biết! Đó gọi là Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các Đại Bồ-tát phương tiện nói về Thanh văn.

A-nan thưa:

–Thế nào là Như Lai Đẳng Chánh Giác lại vì các Đại Bồ-tát nói về Bích-chi-phật?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Bồ-tát hiện thấy tất cả pháp!

Thế nào là hiện thấy? Đó là rõ các pháp là không tranh chấp, đều là giả danh, không hủy hoại tánh của các pháp mà thấy được pháp, chứng được pháp, nên gọi là Bích-chi-phật. Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Đối với tất cả pháp và các chúng sinh đồng với tướng Niết-bàn bình đẳng không sai khác. Vô hình, vô tướng, thanh tịnh vắng lặng. Cảnh giới chân thật, cảnh giới chúng sinh, cảnh giới Niết-bàn, giống như hình bóng huyễn hóa, không giới hạn, không thật có. Đối với các cảnh giới này cũng không có tướng của cảnh giới. Không thể dùng lời, không thể diễn tả, không có nơi chốn nương tựa, cũng không thể diễn tả. Vì sao? Vì như ngã không, không sinh, không diệt, biết cảnh giới chúng sinh thì biết cảnh giới các pháp, cảnh giới sinh tử, tức là cảnh giới Phật. Biết các cảnh giới như vậy nên gọi là Bích-chi-phật. Bồ-tát hiện biết đối với sắc, sắc ấy tức là sắc ấm, sắc ấm đã dứt

thì chỉ còn có lời nói, không có ngã, ngã sở. Vì sao? Vì như nói về sắc ấm chỉ có lời nói. Nên là không, không sinh, không diệt, lời nói không có tướng của lời nói, vì sao dùng lời nói? Nói về sắc ấm ấy cũng hiện thấy thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Ví như nói về thức ấm, thì biết chỉ giả danh là thức ấm, chỉ có lời nói, lời nói đều không, không sinh không diệt, chẳng phải thật chẳng phải hư. Lời nói còn không, huống gì là tướng ấm, năm ấm như vậy đều từ giả danh mà lập nên, đó gọi là Bích-chi-phật. Vì sao? Vì nhờ vào tên gọi mà nói về là sắc, sắc chỉ là giả danh, không nhân, chẳng phải nhân, nhưng gọi tên là nhân, ấm ấy là do nhân duyên hợp nên không thể nói tướng của nó. Tất cả các pháp đều không nương, không duyên, biết rõ như vậy gọi là Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Hiện thấy tất cả pháp
Đều biết không đối kháng
Chẳng sinh cũng chẳng hoại
Không có tướng trược loạn
Hiện thấy tất cả pháp
Bản tánh đều vắng lặng
Thể tướng là như vậy
Thì không có quyết định.
Hiện thấy chỗ rốt ráo
Tất cả pháp cũng thế
Đó gọi là Chánh trí
Duyên giác chẳng nghĩ bàn.
Niết-bàn và chúng sinh
Đời trước không thật có
Cõi này chẳng có sinh
Phật cũng khó nghĩ bàn.
Như chúng sinh Niết-bàn
Không sinh, không xuất xứ
Như pháp không tướng sinh
Đó gọi là Niết-bàn.
Chúng sinh và Niết-bàn,
Đều như bóng đáy nước
Có hình, không chúng sinh
Đó gọi là Niết-bàn.
Chúng sinh và Niết-bàn,

Đều là giả danh nói
Không sinh, cũng không diệt
Chỉ có tên gọi giả.
Tướng lời nói như thế.
Rõ không có chúng sinh
Nghĩa này phải nên biết
Chúng sinh tức Niết-bàn.
Tất cả lời nói không,
Tâm không, pháp cũng không
Dùng lời nói, chẳng lời
Quyết định không người biết.
Phi ngôn, cõi không nương
Lời nói cũng vô trụ
Tướng lời nói như vậy
Chúng sinh chẳng nghĩ bàn.
Chúng sinh và Niết-bàn
Cõi thật, cõi chẳng thật
Xa lìa, được an ổn
Về hẳn nhà vắng lặng.
Tất cả cõi chúng sinh
Như hình bóng, tiếng vang
Không nhân cũng không duyên
Cõi thật chẳng nghĩ bàn,
Tất cả gốc các pháp
Chỉ dùng giả danh nói
Là chốn không thật có
Tướng tên gọi không thật
Cõi thật không nói năng
Cũng không người biết được
Vì không, không cõi thật,
Chúng sinh chẳng nghĩ bàn.
Cõi thật chẳng nói năng
Lời nói không thành được
Tướng chân thật như như
Chúng sinh không bờ mé
Tướng lời nói tự không
Chẳng dùng lời mà biết
Như điều ông thường nói

Chúng sinh không thể nghĩ
Tướng cõi thật như thế
Chẳng nghĩ bàn biết được
Đó gọi Chánh giác nói
Bích-chi khó nghĩ bàn
Hiện thấy đối sắc ấm
Chỉ có tên gọi giả
Tánh, tướng ấm như thế
Thường xa lìa lời nói
Không có tướng chân thật
Đó gọi là xuất thế.
Biết các ấm như vậy
Bản tánh không trụ xứ
Sắc ấy không thật có
Giả danh gọi là ấm.
Chỉ có tên gọi suông
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Lời nói và các pháp
Không có chỗ quyết định
Nếu không có lời nói
Đó là nói sắc ấm.
Hiện thấy đối thọ ấm
Tưởng, hành cũng như vậy
Cho đến cả thức ấm
Chỉ có lời nói giả
Thấy ấm chẳng thể nói
Xa lìa tất cả tướng
Bản tánh không thật có
Chẳng sinh cũng chẳng trụ
Chân thật như đã nói
Xa lìa tất cả pháp
Biết các tướng như thế
Thể tánh không chỗ ở
Chỉ dùng giả danh nói
Nói ấm thảy cũng không
Biết lời nói không rồi
Không sinh cũng không diệt
Lời nói và các pháp

Không có chỗ quyết định
Nếu không có lời nói
Đó gọi là thức ấm.
Ấm này lìa lời nói
Hạn lượng không thật có
Tướng không sinh, không diệt
Cũng không chỗ nương tựa
Giải thoát các phiền não
Chẳng phải nghiệp, quả báo
Chẳng giác, cũng chẳng che
Chẳng lời, chẳng Niết-bàn
Tướng ấy không quyết định
Cũng không có trí tuệ
Trong ngoài không thật có
Không biếng nhác, tinh tấn
Không đùa bỡn, nghi ngờ
Cũng chẳng có thành tựu
Chẳng kinh, chẳng sợ hãi
Không có tất cả sắc
Cũng chẳng thấy cả không
Vô tướng cũng như thế
Không có một tướng khác
Chẳng buộc cũng chẳng mở
Tất cả các tiếng nói
Thanh ấy không chỗ vào
Đó gọi là Luật-đà.
Lời không diễn tả được
Rốt ráo nơi hiện thấy
Mà nói pháp vô tận
Được chánh định ấy rồi
Chẳng đắm mê lời nói
Trí này như hiện thấy
Đều nói A-luật-đà
Luật-đà đồng các pháp
Im lặng mà giảng nói
Bấy giờ, hiện thấy đến
Chẳng từ nhân duyên khác
Đó gọi là Chánh giác

Duyên giác chẳng nghĩ bàn.

-oOo-

KINH PHÁP LUÂN KHÔNG THOÁI CHUYỂN

QUYỂN 3

Phẩm 4: Nêu Rõ Hành Tướng Hai Thừa

Này A-nan! Các Đại Bồ-tát như thế hiện đã thật sự nhận rõ về minh, vô minh; về hành, vô hành; nhận rõ về thức và tướng của thức; về danh sắc và tướng của danh sắc; về sáu nhập và tướng của sáu nhập; về xúc và tướng của xúc; về thọ và tướng của thọ; về ái và tướng của ái; về thủ và tướng của thủ; về hữu và tướng của hữu; về sinh và tướng của sinh; về già chết và tướng của già chết, tu tập hiện thấy gọi là Bích-chi-phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đọc bài kệ:

Hiện thấy vô minh
Nên không chỗ biết
Cũng không thành tựu
Như bóng trong nước
Sáng cũng chẳng động
Chẳng đắm mê pháp
Nếu không đắm pháp
Đó gọi tướng sáng.
Vô minh như không
Tướng tất cả pháp
Đều đến hiện thấy
Đó gọi Duyên giác.
Nếu nói các hành
Chẳng trong, chẳng ngoài
Cũng chẳng từ Phật
Mà sinh khởi hành
Hành ấy giả danh
Nhất định chẳng có
Chẳng sinh, chẳng diệt
Giống như hư không.
Đều đến hiện thấy

Bồ-tát không sợ
Đó gọi Chánh giác
Duyên giác khó lường.
Biết tất cả pháp
Đều như huyễn hóa
Biết như huyễn rồi
Đó gọi hiện thấy.
Chẳng bằng thật biết
Hành xứ thức này
Là tướng phân biệt
Biết thức là không.
Biết trí chẳng trí
Tất cả không đắm
Nếu biết các pháp
Thức như huyễn tưởng.
Nhân duyên danh sắc
Đều tướng hữu vi
Thể không quyết định
Cũng không thành tựu.
Xa lìa sáu nhập
Nói tướng sáu nhập
Âm thanh lời nói
Thể tánh đều không
Xúc không nhân duyên
Từ sáu nhập sinh
Nhận rõ xúc ấy
Như huyễn, đều không.
Xúc đó vô thể,
Từ vọng tưởng sinh
Xúc không chân thật
Cũng không chỗ ở
Hiện thấy xúc ấy
Biết không tướng xúc
Đều nên chán lìa
Gọi Bích-chi-phật.
Nếu chứng được thọ
Không bền như bọt
Tánh, tướng đều không

Rốt ráo chẳng thật.
Dứt bỏ ái kết
Được pháp dứt ái
Dứt hết các dục
Đó gọi Duyên giác.
Nhận rõ chấp đắm
Không, chẳng thật có
Như ngọn lửa cháy
Không có thành tựu.
Không có khởi tưởng
Sinh tưởng cũng thế
Biết thể tánh sinh
Vắng lặng, chẳng có
Lìa được già suy
Cũng không sợ chết
Không thành tựu gì
Không thọ thân sau.
Thấu đạt pháp này
Chẳng nơi nương tựa
Dùng tiếng Duyên giác
Thật tu Bồ-tát.

Này A-nan! Nay ông nên biết, Như Lai Đẳng Chánh Giác vì các vị Đại Bồ-tát phương tiện nói về Bích-chi-phật.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan liền đứng dậy, sửa lại y phục, chắp tay hướng về Đức Phật, nói kệ:

Niết-bàn, chẳng Niết-bàn
Cứu độ khắp thế gian
Ví như buộc trong không
Dùng không mà tự mở.
Nếu nói được như thế
Cũng gọi có nói được
Thế Tôn phương tiện khéo
Mà nói pháp dứt chấp.

Tôn giả A-nan nói kệ xong liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ở thế gian bị ngu si che lấp nên tự khinh mình, không hiểu được ý của Như Lai chỉ dùng giả danh để nói về các pháp như: Tín hành, Pháp hành, tám bậc,… cùng các quả tu như Tu-

đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Duyên giác.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

–Đối với các Đức Phật quá khứ ông không quên giả danh mà trồng các căn lành, vì khéo hiểu giả danh, nên không bị sự ngu tối cướp đoạt. Vì sao? Vì các pháp giả danh, như huyễn, như bóng dưới nước, như ngọn lửa nóng, như tiếng vang, giả danh như vậy!

Này A-nan! Nay ông nên biết, không để cho các pháp ác xâm hại đến mình. Phải đầy đủ sự trang nghiêm để tự trang nghiêm mình, biết được các pháp là giả danh, do nhân duyên giả hợp, thường luôn ghi nhớ, đầy đủ tinh tấn, nhưng không chấp sự tinh tấn ấy, đừng để quên mất: Đạt được trí tuệ tối thắng nhưng không chấp vào tướng trí tuệ ấy.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các chúng sinh ngu si
Biếng nhác, trí tuệ kém
Thì không biết giả danh
Phải siêng năng tinh tấn.
Hiểu rõ về giả danh
Biết như thật các ấm
Cứu độ các thế gian
Giúp đạt trí chân thật.
Biết giả danh, không rồi
Tức giác ngộ Bồ-đề
Cũng không được Bồ-đề
Đó gọi là Bồ-đề.
Giả danh là tướng không
Không, chẳng thể biết không
Không chỉ có âm thanh
Lìa tất cả tranh luận
Hiển bày nghĩa như thế
Đối với không chẳng chấp
Cũng không chỗ để chứng
Vì sao có người được?
Đó gọi là Không Không.

Như vậy, A-nan nên biết! Pháp không rất sâu vô lượng, không sinh buông lung, cũng không để cho mất. Đó gọi là nói đầy đủ về hành địa của Bích-chi-phật. Bấy giờ, trong chúng hội có năm trăm ức đồng, thành vị Tỳ-

kheo đều được Tín hành, liền đứng dậy đến trước Đức Thế Tôn nói kệ:

Dứt nghi được chánh trí
Bậc Vô Thượng cứu đời
Thế Tôn nói giả danh
Tín hành trụ Bồ-đề.

Trong chúng lại có năm trăm ức vị Tỳ-kheo đã đạt Pháp hành, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy, sửa lại y phục, cùng nói kệ:

Chúng con dứt nghi, lầm
Nẻo giác ngộ sáng tỏ
Như Lai nói giả pháp
Pháp hành trụ Bồ-đề.

Trong chúng lại có mười ức vị Tỳ-kheo đã đạt tám bậc, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật, đồng nói kệ:

Con trước dứt nghi hối
Tu tám bậc đã lâu
Như Lai nói giả danh
Tám bậc trụ Bồ-đề.

Trong chúng lại có mười ức vị Tu-đà-hoàn nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật, cùng nói kệ:

Con nay nhờ ánh sáng
Bậc Thánh chúa cứu đời
Biết pháp do Phật nói
Mở bày về giả danh.

Trong chúng lại có hai trăm lẻ năm vạn vị Tỳ-kheo đã chứng quả Tư-đà-hàm nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật đều nói kệ:

Con trước vốn chấp đắm
Mà được Tư-đà-hàm
Nay dứt các vọng tưởng
Vắng lặng không đùa bỡn.

Trong chúng lại có mười ức vị A-na-hàm nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật đều nói kệ:

Bậc Vô Thượng cứu đời
Nay con dứt nói suông
Đã nhổ sạch tưởng quả
Đạo giác ngộ chiếu sáng.

Trong chúng lại có ba mươi lăm ức vị Tỳ-kheo đều trụ trong bốn

Thiền đắc quả A-la-hán, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật cùng nói kệ:

Nay con đã lìa cấu
Tự chứng đắc Vô dư
Các thừa nhập Nhất thừa
Như huyễn, không quyết định.

Trong chúng lại có hai muôn vị Tỳ-kheo, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật cùng nói kệ:

Con vốn thích nói suông
Thế Tôn nói giả danh
Tự gọi là Thanh văn
Trụ nơi pháp giả danh.

Trong chúng lại có năm ngàn vị Tỳ-kheo trụ trong Bích-chi-phật thừa nghe bài kệ ấy rồi liền đứng dậy, đến trước Phật, đều nói kệ:

Nay con được hiện thấy
Vì Duyên giác Bồ-đề
Như Lai nói giả danh
Duyên giác không nghĩ bàn.

Trong chúng lại có năm muôn vị Tỳ-kheo-ni, chấp tưởng về các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật, cùng nói kệ:

Nguyện cho tướng người nữ
Đều nhập pháp bình đẳng
Thế Tôn nói không khác
Giác ngộ là Tối thượng.

Trong chúng lại có tám trăm ức muôn vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều có ý tưởng về các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nghe xong bài kệ ấy liền đứng dậy đến trước Phật đồng nói kệ:

Con nay tâm không cấm
Tịnh như ngọc lưu ly
Nay mới gọi xuất gia
An trụ trong Phật pháp.

Bấy giờ, trong hư không có đến sáu mươi ức na-do-tha các vị trời tung rải hoa Mạn-đà-la cõi trời lên chỗ Phật để cúng dường rồi đến trước Phật, nói kệ:

Con trước chấp tưởng thừa

Tham đắm các quả vị
Nay các quả đều bỏ
Mới giác đạo Bồ-đề.

-oOo-

Phẩm 5: Dứt Trừ Các Tướng

Lúc bấy giờ, trong chúng lại có vô lượng trăm ngàn vị A-la-hán, đứng đầu là các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, A-na-luật, A-nâu-lâu-đà, Kiếp-tân-na, Kiều-phạm-ba-đề... đứng dậy, sửa lại y phục, đến trước Đức Thế Tôn, cúi mình cung kính bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay xin phát nguyện chân thật lìa tất cả vọng tưởng, phá dẹp chúng ma, gồm đủ cả năm tội nghịch và năm thứ dục lạc, đầy đủ tà kiến, lìa bỏ chánh kiến, đoạn mạng vô lượng chúng sinh. Hôm nay chúng con sẽ làm cho chúng đều thành Bồ-đề, nhập vào Niết-bàn vô dư.

Lúc này, Đức Thế Tôn im lặng, vô lượng trăm ngàn vị trong hội nghe các Tôn giả nói như thế, đều sinh tâm nghi ngờ: "Vì sao các bậc Trưởng lão ấy lại nói như vậy? Hiện giờ chúng ta đều mờ mịt không thể hiểu nổi. Các vị đó đều là bậc A-la-hán mà còn nói như thế, huống chi là hạng phàm phu." Tất cả đều ngồi một chỗ không dao động, không thể đứng dậy được, nếu có người đứng thì cũng chẳng thể ngồi, đều nói rằng vì sao các Tôn giả lại nói như thế?

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền vì đại chúng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, do năng lực thần thông của Phật nên tự biết tâm mình và biết tâm người khác liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hiện tại, trăm ngàn ức vị trong đại chúng như thế nghe các vị A-la-hán nói những lời vừa rồi, đều sinh tâm nghi ngờ. Kính mong Bồ-tát hãy phân biệt nói rõ nguyên do cho tôi được nghe.

Lúc này, Đức Như Lai vẫn im lặng. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả A-nan:

–Đây là Bồ-tát ở địa vị không thoái chuyển, vì thấy nhân duyên của các Đại đức mà nói như vậy:

Tôn giả A-nan nói:

–Kính thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Địa vị không thoái chuyển là Bồ-tát chăng?

–Đúng vậy, địa vị không thoái chuyển là các Đại đức Bồ-tát.

Tôn giả A-nan hỏi:

–Vì sao các Tôn giả lại nói những lời như thế?

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Tôn giả A-nan:

–Vô minh là mẹ, từ hành sinh ái, rốt ráo diệt hết, trừ hết oán hại. Vọng tưởng điên đảo là cha, xa lìa điên đảo, dứt bỏ ái dục, chứng A-la-hán, vững chắc không mất. Dứt sạch những ý tưởng của phàm phu, và ý tưởng của Tăng. Tưởng ấy đã diệt thì tu tập được tất cả các pháp tưởng bất hoại, cho đến không chấp vào ý tưởng về Như Lai, tu tập vô sinh, rốt ráo lìa hẳn.

Này Tôn giả A-nan! Các Đại đức ấy nói: "Hôm nay chúng con làm thế nào có đầy đủ năm tội nghịch. Vì sao? Vì không còn ý tưởng về đến, đi cho nên gọi là đầy đủ năm tội nghịch."

Lại nữa, này A-nan! Năm dục là gì? Vì các vị Tỳ-kheo này biết rõ năm dục như mộng, như huyễn, như chùm bọt trên mặt nước, như âm vang của tiếng gọi. Trí tuệ như vậy đầy đủ. Thế nào là trí tuệ đầy đủ? Vì các pháp vốn không thêm không bớt. Thế nào là năm dục? Vì năm dục cũng không thêm không bớt. Vì sao? Vì năm món dục lạc như thế, rốt ráo là vô thể vô tướng, biết như thật rồi tức tướng của năm dục, chứng được trí tuệ. Cho nên gọi là đầy đủ năm món dục lạc. Vì ý nghĩa đó mà các vị Đại đức nói như vậy, nay con đầy đủ năm dục.

Này Tôn giả A-nan! Thế nào là đầy đủ tà kiến, lìa bỏ chánh kiến? Đối với tất cả các pháp đều chấp thủ vướng mắc thì đó là tà kiến. Tà kiến ấy chính là những ý tưởng hư vọng. Tất cả các pháp đều không nương dựa, cũng không phải là không nương dựa. Ví như hư không chẳng có chốn trở về, cũng không chỗ nương dựa. Vì sao? Vì tất cả các pháp không có thật để chứng đắc, nên nhận thức như vậy, tất cả pháp đều bình đẳng. Dứt trừ các ý tưởng ấy thì đó là chánh kiến. Vì sao? Vì các ý tưởng ấy đều là những ý tưởng ác. Do ý nghĩa đó mà các Đại đức Tỳ-kheo không vướng vào các tưởng ấy cũng không vướng vào các tưởng ác. Vì sao? Vì dứt sạch hết tất cả tưởng. Đó chính là sự giác ngộ của Phật. Đạt được giác ngộ như vậy nhưng cũng không thấy một chút pháp có thể chứng được. A-nan! vì nhân duyên ấy mà các vị Đại đức Tỳ-kheo đã nói rằng xa lìa chánh kiến, đầy đủ tà kiến.

Này A-nan! Vì sao các vị Tỳ-kheo ấy lại nói: "Hôm nay chúng con thật đoạn mạng hàng trăm ngàn chúng sinh". Lúc các vị trưởng lão nói

ra lời ấy, có hàng trăm ngàn muôn ức các vị trời nghe nói như vậy đều liền chứng được pháp giải thoát, như mộng, như huyễn, như bóng đáy nước, như âm vang của tiếng gọi. Hiểu được như thế rồi liền cắt đứt được những ý tưởng về thọ mạng của chúng sinh, của trượng phu, và của những hạng người khác, cũng tức là được giải thoát, không có gieo trồng căn lành Bồ-đề, tất cả các pháp đều không phát khởi, không tạo tác, không tu tập. Nghe nói giả danh thì liền tin tưởng sâu xa không chút nghi ngờ. Các vị Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... đều đoạn trừ các tưởng về thọ mạng của chúng sinh, của trượng phu, và những hạng người khác. Dứt được tưởng ấy rồi thì không còn trở lại thọ nhận bao kiếp sinh tử nữa. Vì sao? Vì đã dứt được các tưởng về thọ mạng của chúng sinh, trượng phu, người, quỷ đói... vì còn ý tưởng ấy nên phải thường chịu sinh tử, nếu lìa được tưởng ấy thì liền rốt ráo tự chứng vô sinh. Do nhân duyên đó mà các Đại đức đã dùng phương tiện như thế khéo nói về giả danh, là đoạn mạng vô lượng chúng sinh. Cho nên nói rằng đầy đủ chứng được sự giác ngộ của Phật: Hôm nay chúng con ở nơi Niết-bàn Vô dư, mà Bát-niết-bàn, được tướng tốt của Phật, từ đấy mà giáo hóa vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, diệt các kết sử như Phật đã chứng đắc. Vì sao? Vì đã giúp cho các chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp Nhẫn vô sinh rồi thì giúp đạt được giác ngộ, nhưng cũng không xả bỏ phiền não, chẳng gần gũi Phật pháp, từ ý sinh phiền não, dứt hết không còn. Do nhân duyên ấy mà các vị Đại đức đều nói là nay con đạt được giác ngộ.

Này Tôn giả A-nan! Cho nên hôm nay gọi là vô sinh. Vì sao? Vì như các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiểu rõ các pháp, phát tâm Bồ-đề rồi cũng không thật có, lìa tướng giác ngộ và tướng tất cả pháp ở Niết-bàn Vô dư mà nhập Niết-bàn.

Này Tôn giả A-nan! Các vị nam, nữ trong dòng họ của Đức Như Lai nương Bồ-tát thừa, không vì thấy mặt trời mà cho là ban ngày. Kẻ phàm phu ngu si nếu khi thấy mặt trời thì liền cho là ban ngày, cho nên chẳng phải người hiểu biết. Vì sao? Này A-nan! Vì nếu ban ngày là có thể chẳng phải hư vọng, thì có thể chứa nhóm, vì là hư vọng. Do vậy, cũng không có quá khứ, vị lai. Đối với ban đêm cũng như thế. Nếu ban ngày mà tưởng ban ngày, ban đêm tưởng ban đêm thì là cái thấy của phàm phu vọng tưởng.

Này A-nan! Đó là Bồ-tát thừa, tu tập Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác Thiện tri thức, không nên ban ngày mà sinh ý tưởng là ban ngày, ban đêm sinh ý lên tưởng ban đêm. Vì sao? Vì họ đã xa lìa bỏ tất cả các tưởng, an trụ trọng đạo giác ngộ của Đức Như Lai.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nói kệ:

Vô minh chính là mẹ
Từ hành mà dấy khởi
Nếu dứt được gốc rễ
Đó gọi là trừ hại.
Ưa thích tưởng điên đảo
Đó được gọi là cha
Nếu biết được như thật
Rốt ráo không thật có,
Biết đó đều hư vọng
Thì dứt được gốc rễ
Không duyên cũng không trụ
Đó gọi là trừ hại.
Nếu nói các La-hán
Phàm phu chẳng nghĩ bàn
Tướng như thật bất hoại
Diệt ấy gọi rốt ráo.
Ta vốn đắm tưởng tăng
Nay biết như thật rồi
Các pháp đều không mất
Cũng khiến tất cả nghe,
Trước chấp lấy Như Lai
Đó gọi là hư vọng.
Biết kia, không tưởng khác
Bình đẳng, đều là không
Nhổ dứt những cội rễ
Đó gọi trí Vô sinh.
Nếu nói được như thế
Hiển bày sức Thiền định
Nếu nói đủ các dục
Năm tên gọi như vậy,
Xa lìa tưởng như thế
Giống như giấc mộng huyễn
Không thêm cũng không bớt
Đó gọi là năm dục.

Trước nhằm để cứu đời
Nên nói lời như thế
Biết dục bản tánh không
Giống như tướng mộng hóa
Rốt ráo không có sinh
Đầy đủ trí như thật
Như các lỗi tà kiến
Hư vọng khởi phân biệt
Dùng trí rốt ráo này
Tất cả đều đầy đủ.
Hư vọng không chấp đắm.
Xa lìa tướng hòa hợp
Khéo biết như vậy rồi
Không tướng, không thật có
Cùng biết tất cả lỗi
Tà kiến và chánh kiến
Đạt đến pháp chân thật
Tướng tà, chánh đều diệt
Tưởng chúng sinh sinh tử
Ngu si vọng phân biệt
Nếu không có chúng sinh
Thì không có sinh tử
Chúng sinh nhiều phương tiện
Lìa bỏ tưởng về mạng
Xa lìa tưởng ấy rồi
Biết tưởng mạng ác nhất
Nếu lìa tưởng chúng sinh
Phân biệt thọ mạng thảy
Đoạn mạng nhiều chúng sinh
Là lời vị ấy nói
Lìa bỏ ý tưởng chết
Kẻ ngu si phân biệt
Rốt ráo được vô sinh
Đó gọi là pháp thật.
Dứt bỏ các kết sử
Thì chứng đắc vô tướng
Giác ngộ không hình sắc
Không diệt cũng không quả

Ma oán không ngăn được
Tự giác nơi Bồ-đề
Các pháp dứt hý luận
Tánh vô sinh vắng lặng.

Bồ-tát Văn-thù nói kệ xong thì có vô lượng trăm ngàn chúng sinh như thế dứt được các mối nghi ngờ hối hận, nhờ đó tâm sinh vui mừng, được pháp sáng tỏ, mỗi người đều cởi y phục quý giá trên người mình để dâng lên cúng dường Bồ-tát và cùng thưa:

–Bồ-tát đã giúp cho chúng tôi đều được pháp này, nên nói lời ấy cũng giúp cho chúng sinh tâm chứng được các pháp, đều được thật tướng như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã giải thích.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao trăm ngàn muôn ức chúng sinh như thế đều sinh tâm nghi ngờ hối hận? Vì sao Như Lai không tự mình nói rõ để họ dứt bỏ được mối nghi ngờ hối hận ấy?

Phật bảo A-nan:

–Trăm ngàn muôn ức chúng sinh như thế đều từ nơi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà phát tâm Bồ-đề, nhờ Bồ-tát mà được điều phục.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Họ đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tôn giả A-nan! tất cả chúng sinh đều không lui sụt đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì họ đều được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi làm bậc Thiện tri thức.

Tôn giả A-nan nói:

–Các Tỳ-kheo ấy đã đạt được Tín hành, Pháp hành, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật, đã dứt hết các tưởng, thì đều không lui sụt đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Đức Phật nói:

–Có người khó tin đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có những kẻ trí tuệ ít ỏi căn trí thấp kém, có những kẻ biếng trễ, lười nhác thiếu tinh tấn, ham thích ăn uống, gần gũi năm thứ dục lạc, thích những chốn ồn ào đông đúc, tâm không muốn xa lìa, quên mất chánh

niệm, trở thành kẻ không trí tuệ, tâm không chánh định, thường sợ hãi, tán loạn. Có những kẻ tăng thượng mạn, có những kẻ chấp đắm tăng thượng mạn họ tham đắm đối với thân mình, thích sống lâu, không quán sát vô thường, thường tham lam, ganh ghét, ngu si, vô trí, phá hủy giới cấm, sinh tâm muốn não hại người. Đối với Phật pháp thì thường khởi tâm nghi ngờ, hay nghe theo hạng vô trí, gần gũi bạn xấu, xa lìa ban hành, cũng không cung kính bạn lành, không chịu học theo Trí tuệ ba-la-mật, không tu tập các pháp Tổng trì là pháp đứng đầu các kinh, luôn dấy khởi vọng kiến, chấp thủ vọng kiến, gặp thầy tà ham thích y bát. Đối với các bậc Hòa thượng, A-xà-lê, tâm không cung kính, cũng chẳng thích gần gũi. Về các giờ giấc tu tập vào lúc đầu hôm, nửa đêm hoặc gần sáng, tâm thường sinh biếng nhác. Thường nói lời hai lưỡi khó tin, ưa thích nói dối, ác khẩu, tham ganh, gần gũi những người tà kiến, học theo tà kiến, rồi thì thường tu tà quán không thích học giới. Tâm không biết xấu hổ, không biết sợ sệt, gần gũi hạng ngu si, thích làm theo ngoại đạo, không tin ba cửa giải thoát là Không, Vô tướng, Vô nguyện, vô sinh vô diệt. Đối với tất cả pháp không sinh tín tâm...

Này A-nan! Những người như thế khó có thể tỏ ngộ.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Tôn giả A-nan nương năng lực thần thông của Phật, hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì sao Đức Như Lai im lặng như thế?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Vào thời kỳ mạt pháp, ở những đời vị lai có nhiều chúng sinh tâm địa như vậy, họ không tin chánh pháp, cũng không thể hiểu rõ chánh pháp. Do vậy mà Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả A-nan nói:

–Lại có chúng sinh tin tưởng chánh pháp không?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Cũng có chúng sinh ít có lòng tin. Này A-nan! Ít người biết được chánh pháp là quý giá, còn phần đông thì không biết. Này A-nan! Ít có chúng sinh có khả năng tin hiểu. Nói pháp như thế khắp các thành ấp xóm làng, có nhiều chúng sinh đều lìa bỏ chẳng tin. Vì sao? Vì những chúng sinh đó do nhân duyên đời trước vốn gây ra tội chướng bài báng đạo pháp.

A-nan nói:

–Kính mong Bồ-tát vì những chúng sinh đó khiến cho họ được tin hiểu chánh pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Tôn giả nên hỏi Đức Phật, Đức Phật sẽ vì Tôn giả mà phân biệt giải thích.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giải thích cho con hiểu, các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai tuy sự hiểu biết và tin tưởng còn ít, nhưng nếu được nghe Phật giảng dạy sẽ rất vui mừng.

Lúc này, Đức Thế Tôn liền nhìn khắp bốn phía rồi hiện tướng lưỡi dài che phủ cả tam thiên đại thiên thế giới. Từ lưỡi ấy phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp các thế giới Phật nhiều như số cát sông Hằng. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc và hai phương trên, dưới đều như thế, mỗi phương đều có thế giới Phật nhiều như số cát sông Hằng.

Lúc ấy, bốn chúng nhờ năng lực thần thông của Phật nên cũng trông thấy các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng ở phương Đông, đồng nói pháp này. Cũng đều xa nghe không thêm không bớt. Như vậy lần lượt các thế giới trong mười phương cũng lại như thế, đại chúng đều trông thấy và được nghe các Đức Phật ở các cõi đó nói pháp giống như ở phương Đông. Được thấy và nghe xong, đại chúng đều nhất tâm khuyến thỉnh Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kính mong Thế Tôn rủ lòng Từ bi thương xót, phân biệt giảng nói lại cho chúng con hiểu. Chúng con nhờ thần lực Phật được thấy vô lượng, vô biên không thể tính kể các Đức Phật giảng nói chánh pháp. Chánh pháp ấy không thêm không bớt, không thể nghĩ bàn. Kính mong Thế Tôn hãy giảng nói về pháp ấy!

Lúc này, Đức Thế Tôn liền thu lưỡi về rồi bảo Tôn giả A-nan:

–Lẽ nào có những kẻ nói dối mà có thể có được tướng lưỡi như vậy chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, không! Nếu có người nói lời chân thật, mềm mỏng, có nhiều sự hiểu biết, lời nói khéo điều hòa, nhu thuận, làm lợi ích, Từ, Bi, Hỷ, Xả như vậy…, cho đến bậc Nhất thiết trí mới có được tướng lưỡi như vậy. Cúi mong Đức Thế Tôn, vì các vị nam, nữ trong

dòng họ của Đức Như Lai có ít lòng tin mà phân biệt giải thích, cũng vì thương xót đối với những ai chưa hiểu mà giảng nói, sẽ khiến cho hạng người ấy sinh tâm hối hận.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

–Bốn chúng đã nhóm họp, ngồi ngay ngắn cùng với tám bộ là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... các vị đến ngồi nghe pháp, tâm đều không thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị sẽ ở nơi cõi này mà giảng nói chánh pháp, không thêm không bớt, giống như pháp ta hiện đang nói.

Bấy giờ, bốn chúng và Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... đều sinh tâm vui mừng nên cùng nhau cởi những tấm y quý giá trên người mình dâng lên Đức Phật. Có người tung rải hoa, có người tung rải tràng hoa, có người dùng các thứ chuỗi vàng, bạc, lưu ly, pha lê, mã não, có người dùng các thứ chuỗi Tỳ-lô chiên-đàn, có người dùng các loại hoa như Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, có người dùng các thứ hoa do mình làm ra, tất cả đều tung rải lên chỗ Phật. Có người dùng các thứ hoa Ưu-bát-la cõi trời, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi... để tung rải lên chỗ Đức Phật. Trong hư không, nhạc trời tự nhiên hòa tấu vang lừng. Các vị Long vương thì tung rưới ngọc quý. Các phụ nữ thì dùng những xâu chuỗi ngọc cùng các thứ y phục quý giá dâng lên cúng dường Phật. Xong, tất cả các tín nữ ấy đều sửa lại y phục ngay ngắn, quỳ gối bên phải chạm sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, cùng nhau bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai không hai.

Lúc bấy giờ Phật bảo A-nan:

–Đúng thế, đúng như lời họ vừa nói! Đức Như Lai không hai, đã dứt sạch ngu si. Như Lai, Thế Tôn không hề có tiếc lẫn, không còn mảy may lỗi lầm, vì đã lìa mọi tội lỗi, lìa bỏ mọi thứ dục lạc và tất cả phiền não, được thanh tịnh không cấu nhiễm. Mọi thứ kiêu mạn tham lam, ganh ghét đều trừ sạch không còn đầy đủ trí tuệ, giác ngộ chánh pháp, đạt đến bờ giải thoát. Như bậc Đại phạm được tự tại hoàn toàn oai nghi đầy đủ, các hạnh rốt ráo, được bốn thứ đầy đủ, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, không còn chấp đắm

vào các pháp hữu vi, vô vi, không nhiễm sinh tử, theo Phật, Thế Tôn được giải thoát chân chánh, được đầy đủ tri thức, không hề thiếu sót hay mất mát, đầy đủ sự gần gũi.

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế nào gọi là Như Lai được đầy đủ tri thức không thiếu sót, mất mát? Thế nào gọi là đầy đủ nghe Phật, đầy đủ thấy Phật, đầy đủ gần gũi?

Phật bảo A-nan:

–Ông không rõ ư?

Tôn giả A-nan thưa:

–Con thật sự không rõ.

Phật dạy:

–Bây giờ ông hãy lắng nghe, ta sẽ giải thích cho ông hiểu.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giải thích cho con hiểu.

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Giờ đây ông nghe ta là Phật Thích-ca Mâu-ni, đã nghe, sẽ nghe như vậy… thì đều được không thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả pháp thân nếu được giảng nói thì người thấy nghe đều được lợi ích.

Này A-nan! Nếu cúng dường Như Lai một cành hoa và sau khi ta nhập Niết-bàn, vì xá-lợi Phật mà xây tháp cúng dường thì cũng được không thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả A-nan thưa:

–Cho đến loài súc sinh, nếu được nghe danh hiệu Phật, thì cũng được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Nếu có người chỉ được nghe âm thanh Phật Thích-ca Mâu-ni rồi xưng niệm danh hiệu ấy thì đều là hạt giống của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu các thiện nam, thiện nữ được nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni thì cũng đạt được những điều như đã nói, hoàn toàn là chân thật không hư dối.

Này A-nan! Ví như cây Ni-câu-đà, tàng cây tỏa rộng có thể che phủ cho một, hai, ba, bốn người, cho tới năm mươi, một trăm, một ngàn hoặc

nhiều hơn nữa đi đến dừng nghỉ? Dưới bóng cây ấy, vậy thì theo ý ông, cây Ni-câu-đà con ấy lúc mới đem trồng là lớn hay nhỏ?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn, rất nhỏ!

Phật bảo A-nan:

–Cây Ni-câu-đà ấy nhờ mưa, nước, phân bón, đất đai, sức người cùng các trợ duyên khác qua năm tháng dần dần cao lớn.

Tôn giả A-nan thưa:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Phật bảo A-nan:

–Cây Ni-câu-đà vốn rất nhỏ, nhờ đất, nước, thời gian cùng bao nhân duyên khác dần dà cao lớn. Như thế, này A-nan! Cũng như vậy, người được nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni thì hạt giống căn lành đó không bao giờ bị mất đi, không còn thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như thế. Vì sao? Vì hạt giống vô tướng không trụ ở tất cả nơi, cho nên không bị hư thối. Do không bị hư thối nên hạt giống ấy cũng không thể bị hủy hoại, cũng không giữ được hình tướng của nó. Cho nên đối với tất cả pháp đều không bị mất đi.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đó là năng lực bản nguyện của Đức Như Lai hay là tất cả pháp của các Đức Phật cũng đều như thế?

Phật liền đáp:

–Do năng lực bản nguyện. Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu ta thì đều không bị thoái chuyển trên đường tiếng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp của tất cả các Đức Phật cũng đều như vậy. Vì sao? Vì pháp của tất cả Phật đều bình đẳng.

Tôn giả A-nan thưa:

–Pháp của tất cả Phật bình đẳng có lợi ích gì?

Đức Phật dạy:

–Đó là có thể khiến cho chúng sinh tuy không nghe chánh pháp nhưng nhờ năng lực phát nguyện nên cũng khiến được cùng nghe pháp và đạt được lợi ích.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thành tựu pháp chưa từng có, có khả năng

đem lại lợi ích lớn lao cho các vị Đại Bồ-tát không?

Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Nay ta làm lợi ích lớn lao cho chúng sinh. Nếu người nào nghe pháp thì đều được sống trong ruộng phước lợi ích. Trong thời quá khứ ta đã cúng dường các Đức Phật, không hề tiếc rẻ thân mạng, tất cả đều xả bỏ, lìa mọi tham lam ganh ghét, siêng tu tinh tấn, các căn thanh tịnh, đối với tất cả các pháp không chấp không đắm, không hề nương tựa. Cho nên, này A-nan! Ta đã đạt được giác ngộ, có khả năng đem lại lợi ích lớn lao cho tất cả chúng sinh.

-oOo-

Phẩm 6: Hàng Phục Các Ma

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Thế Tôn giảng nói Pháp luân không thoái chuyển này làm cho ác ma không thể đến quấy nhiễu phá phách, vì sao vậy?

Đức Phật nói:

–Đó là do năng lực thần thông của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khiến cho Ma vương Ba-tuần không thể nghe được.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền phát lời thệ chân thật, khiến cho ác ma nghe được âm thanh trong hư không Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đang chuyển Pháp luân không thoái chuyển.

Bấy giờ, ma vương Ba-tuần cảm thấy rợn người, tâm sinh kinh hãi, liền nói:

–Thấy thế giới này đều chẳng còn là thế giới.

Thế rồi buồn bã khóc lóc biến thành một lão già, như người trăm tuổi, tóc bạc, mặt nhăn nheo, thân thể tiều tụy lụ khụ. Lúc này, Ma vương liền nhóm họp bốn thứ ma binh và các thứ ma ở cõi trời, đều đến chỗ Đức Phật, cũng như khi Đức Như Lai mới thành đạo, chúng sửa soạn các thứ binh khí hăm hở kéo đi, nhưng mỗi người thấy thân mình đều là những người già suy, như người trăm tuổi thân thể lom khom. Chúng cầm khí trượng đi đến trước Phật.

Bấy giờ, bốn thứ binh và các vị trời trong hư không đều nghe Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chuyển Pháp luân không thoái chuyển, khiến chúng không thể tiến tới được, liền đứng qua một bên, lòng kinh hãi nghi ngờ,

thảy đều không còn theo sự sai khiến của Ma vương nữa.

Khi ấy, Ma vương một mình, đi đến chỗ Phật, không còn bè bạn, bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ tôi đã già suy quá đỗi, mong được Thế Tôn thương xót giúp cho kẻ tay chân. Những cõi nước trước kia vốn là của tôi thì nay đều chẳng còn là của tôi. Như Lai là Đấng Đại Bi luôn thương xót tất cả chúng sinh, lẽ nào không giúp cho tôi một người để làm tay chân hay sao?

Đức Phật bảo Ma vương Ba-tuần:

–Ta xem chúng sinh trong các cõi rất nhiều, ví như cát sông Hằng không thể lường tính được. Giá như ngày ngày đều có các Đức Phật xuất hiện và độ vô số chúng sinh đạt đến giải thoát thì dù trải qua một kiếp hay hơn một kiếp cũng không thể khiến cho số lượng chúng sinh ấy giảm bớt.

Ma vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh các loài tuy nhiều vô lượng, nhưng tôi hiện không có được một người để có kẻ hầu hạ giúp đỡ, nếu có bị vấp té thì lấy ai giúp đỡ? Nên kính mong Đức Như Lai từ bi thương xót an ủi vỗ về khiến tôi được vui vẻ trở về cõi trời cùng các quyến thuộc.

Đức Phật bảo:

–Chúng sinh điên đảo chẳng tin chánh pháp đều là quyến thuộc của ngươi, đó chính là tay chân của ngươi, là bạn bè của ngươi!

Ma vương Ba-tuần nghe nói như vậy rất vui mừng, nói:

–Bây giờ tôi sẽ khiến cho tất cả chúng sinh không phát khởi lòng tin mà lại luôn sinh nghi ngờ. Đã rơi vào nghi ngờ thì đều là vây cánh của tôi cả.

Nghĩ vậy, Ma vương liền bạch Phật:

–Kính mong Thế Tôn an ủi, chỉ dạy một lần nữa khiến tôi được vui mừng. Như Phật đã dạy là: Nếu như có chúng sinh nào được nghe và xưng niệm danh hiệu Phật thì đều được không lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy kính mong Như Lai nên yên lặng đừng nói về Pháp không thoái chuyển ấy. Nếu có chúng sinh nào được nghe danh hiệu Phật thì các chúng sinh đó sẽ siêng năng tinh tấn tu đạo Bồ-đề. Kính mong Thế Tôn an ủi, chỉ dạy như thế!

Bấy giờ, Đức Phật bảo ma vương Ba-tuần:

–Ngươi chớ nên buồn khổ, nên vui mừng mà trở về cõi trời. Nay ta sẽ khiến cho không một chúng sinh nào phát tâm Bồ-đề. cũng khiến cho không một chúng sinh nào nhận thức hiểu biết về thế giới chúng sinh, cho đến không một chúng sinh về năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhận thức hiểu biết về thân kiến, nghi, giới, thủ... Cũng không có chúng sinh nào có ý tưởng nhận thức về quá khứ, hiện tại, vị lai. Cũng không một chúng sinh nào đối với các tội như sát sinh, trộm cắp, dâm dật, nói dối, nói lời hai lưỡi, nói lời ác độc, nói lời thêu dệt, tham dục, giận tức, tà kiến mà nhận thức tìm hiểu để trừ bỏ. Cho đến không thấy chúng sinh nào đối với các thứ tà vạy sai lầm mà có thể nhận thức để xa lánh. Ta cũng không thấy chúng sinh tu tập sáu pháp là Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Không thấy chúng sinh sẽ dứt hết mọi ý tưởng về chúng sinh, thọ mạng, cha mẹ, anh em, vợ con, nam nữ, ngày đêm, một tháng, nửa tháng, vài năm, một kiếp... Các ý tưởng về Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, về lực Vô úy, năm Căn, bảy Giác ý, tám Chánh đạo, các ý tưởng về Phật, Pháp, Tăng, về Bồ-đề, vô ngại, tất cả các pháp bất động. Nói chung là không có một chúng sinh nào đối với các ý tưởng ấy mà có thể nhận thức tìm hiểu để học hỏi tu tập.

Này ma vương Ba-tuần! Ngươi chớ sinh lo buồn, hãy vui mừng mà trở về.

Lúc này, ma vương Ba-tuần nghe Phật nói thế tức thì không còn lo buồn, lòng đầy vui mừng, ngay lúc ấy liền trở lại thành một chàng trai, liền tung rải hoa trời lên chỗ Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, lại đến trước Phật nói kệ:

Giờ tâm tôi vui mừng
Bậc Chánh Giác cứu đời
Lời Phật nói không khác
Chân thật chẳng luống dối.

Ma vương Ba-tuần nói bài kệ ấy xong, vui mừng ra đi, trở về cung trời, vui chơi năm thứ dục lạc, không còn dấy khởi tâm quấy phá, nhiễu loạn nữa.

Ma vương vừa đi không bao lâu, tức thì mặt đất rung chuyển sáu cách. A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay vì sao mặt đất này rung chuyển sáu cách như vậy. Đâu phải là năng lực của ma?

Đức Phật nói:

–Đó là do năng lực thần thông của ta đã đuổi trừ được ma khiến cho mặt đất này rung chuyển sáu cách như thế. Lúc này, có đến sáu mươi bốn trăm ngàn chúng sinh được pháp Nhẫn vô sinh, do đó mà mặt đất rung chuyển đủ sáu cách như thế.

A-nan bạch Phật:

–Có chúng sinh nào khởi tâm nghi ngờ không?

Phật bảo:

–Có tới mười ức người sinh tâm nghi ngờ, họ cho rằng, hôm nay chúng ta ở đây không có nghe lầm chăng? Thế rồi tâm ý đều rối loạn mê mờ, không còn biết bốn phương, không biết mình từ đâu đến... đó là do si mê, tăm tối nên không thấy nhau.

A-nan bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn hãy mau thương xót, giúp cho các chúng sinh ấy tâm ý được trở lại sáng suốt thông tỏ, lìa bỏ mọi nghi hoặc.

Đức Phật dạy:

–Pháp tướng giả danh do Như Lai nói. Nếu không biết được thì đều đọa vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai khiến cho Ma vương tâm hết lo buồn, vui mừng mà ra đi. Như Lai lại nói là không có một ai an trụ nơi đạo Bồ-đề, cũng không có một chúng sinh nào có thể nhận thức hiểu biết về thế giới chúng sinh, đối với năm ấm, về thân kiến, về sáu mươi hai thứ kiến chấp thường đoạn hữu vô, về quá khứ, hiện tại, vị lai các thứ tướng, cũng không có một chúng sinh nào đối với tội lỗi như sát sinh, trộm cắp, dâm dật, nói dối, nói lời ác độc, nói lời hai chiều, nói lời thêu dệt, tham lam, sân hận, si mê, tà kiến... mà biết nhận thức tìm hiểu để dứt trừ. Vì sao Như Lai lại an ủi chỉ dẫn ma vương Ba-tuần như thế mà cho rằng: không có chúng sinh tu tập hạnh Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Cũng không có chúng sinh có ý tưởng về thọ mạng, về cha mẹ, vợ con, anh em, nam nữ, ngày đêm, một tháng, nửa tháng, nhiều năm, thời tiết, nhiều kiếp... Vì sao Như Lai nói như thế là an ủi Ma vương Ba-tuần khiến chúng hết lo buồn, vui mừng mà ra đi. Lại cũng không có chúng sinh nào nhận thức để tìm hiểu, tu tập về tâm

Bồ-đề, về các Căn, Lực, Vô úy, Giác ý, Đạo, Phật, Pháp, Tăng...

Kính mong Thế Tôn vì chúng đệ tử hiện có nơi chúng hội này mà nêu rõ soi sáng, khiến cho tất cả chúng sinh ở đời vị lai cũng được hưởng công ân soi sáng chỉ dạy ấy. Đã được thông tỏ thì đối với pháp này sẽ được lần lượt tiếp nối, phát huy không để cho bị gián đoạn, mai một. Nếu có chúng sinh nào phát tâm quyết chí tin tưởng lãnh hội thọ trì pháp này thì sẽ vì người ấy mà nói rõ nguyên do vì sao Như Lai nói như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì vô số trăm ngàn chúng sinh nhằm dứt trừ mối nghi ngờ cho họ, nên nói lại bài kệ:

Bồ-đề không chỗ trụ
Cũng không người an trụ
Do bởi nhân duyên đó
Nói Bồ-đề vô trụ.
Bồ-đề và chúng sinh
Chẳng một, cũng chẳng khác
Do bởi nhân duyên đó
Nói Bồ-đề vô trụ.
Chúng sinh vốn chẳng động
Cõi ấy cũng như thế
Pháp ấy không thành tựu
Rốt ráo không thật có,
Thể tướng chúng sinh không
Cõi ấy khó nghĩ bàn
Không người có thể hiểu
Trí tuệ nhận thức khắp.
Chỉ Nhất thiết trí hiểu
Như các ấm đã nói
Chúng sinh không tướng động
Ấm tức là chúng sinh
Tướng không hai, không trụ,
Thể của ấm là không
Tánh, tướng là bất động
Nếu không tướng giữ được
Thì làm sao có động?
Cho nên biết các ấm
Cũng không có tướng động
Dứt bặt mọi lời nói

Vô tướng cũng vô thể.
Thân chính là tướng ấm
Ấm chính là hành xứ
Không hành xứ mà hành,
Nói ấm gọi là không.
Cõi không như đã nói
Chẳng sinh cũng chẳng khởi
Như thế đồng với ấm
Gọi là chẳng thể động.
Thân thấy tướng vô thế
Cũng không pháp thật có
Không thật, nên vô động
Nay ta nói như thế.
Chẳng chấp tướng chúng sinh
Rốt ráo không chỗ trụ
Cũng không có tướng tâm
Thân, chỗ, không thật có.
Như nói các kiến chấp
Hiển bày sáu mươi hai
Các chúng sinh như thế
Cũng như bóng đáy nước.
Kiến chấp bóng đáy nước
Sáu hai cũng như thế
Vô ngã, không thật có
Tánh ấy chẳng thể động.
Quá khứ và vị lai
Hiện tại cũng như thế
Vô tướng, không thật có
Đều như lửa, bóng nước
Đó gọi là vô ngã
Không có tướng chúng sinh
Chúng sinh chẳng thể động
Cũng không có người động
Ví như kẻ sát sinh
Ở đồng rộng sinh tử
Cũng trụ nơi vắng lặng
Đó gọi là bất động.
Nếu khiến chúng sinh động

Chúng sinh không thật có
Thật chẳng có chúng sinh
Cho nên nói bất động.
Bồ-đề không đứt đoạn
Cũng không có người độ
Cho nên phải siêng tu
Không được đối người động
Pháp thí chẳng nghĩ bàn
Độ chúng sinh quá khứ
Phải nên siêng tu tập
Đó gọi không thể động.
Độ thoát mọi tà dục
Cũng không dấy tưởng tà
Phải nên siêng tu tập
Đó gọi không thể động.
Các chúng sinh nói dối
Vì khiến được giải thoát
Sẽ phát tâm tinh tấn
Như tướng chẳng động kia.
Ác khẩu và hai lưỡi
Thêu dệt cũng như thế
Tướng bình đẳng như vậy
Như ánh lửa không thật.
Các pháp đều như thế
Cũng không chỗ nương dựa
Như âm vang tiếng gọi
Khéo biết tướng vắng lặng
Các vô minh quá khứ
Đắm ngã nên sinh ái
Nếu chứng được vô ngã
Đó gọi là bất động.
Nếu rõ phiền não hại
Thể tánh vốn vô tướng
Vô tướng tức Bồ-đề
Đó gọi là bất động.
Hiểu rõ các tà kiến
Trí chân chánh tu đạt
Tu hành các chánh trí

Lìa rừng rậm tà kiến
Đó gọi là bất động.
Nếu tâm không còn dục
Hiện nhận bảo nữ dâng
Cho đến các đồng nữ
Kẻ trí thường xa lìa.
Dùng tướng tà giữ giới
Nhưng không bỏ chánh pháp
Người trí không tâm ý
Chỉ mong cầu đạo Thánh.
Đó là tu pháp nhẫn
Hiển bày các ngoại đạo
Vô tâm mà hành nhẫn
Cũng không gần Niết-bàn.
Ngoại đạo tự bày khác
Năm nhiệt là tinh tấn
Chẳng phải điều trí tu
Khổ hạnh chẳng Bồ-đề
Định mà ngoại đạo nói
Chấp tướng làm chỗ hành
Không được Phật khen ngợi
Không khiến kẻ khác học.
Bồ-đề không sợ hãi
Che chở các chúng sinh
Do nhân duyên ấy nói
Chấp tướng không hề động.
Chẳng thuộc loại chấp đắm
Sinh ra tâm Bồ-đề
Bồ-đề không chấp tướng
Do đó chẳng thể động.
Cha mẹ anh em thảy
Chị em và vợ con
Ví như vật huyễn hóa
Do đó chẳng thể động.
Tất cả chấp pháp tướng.
Thảy đều không thật có
Nếu trụ không thật có
Do đó chẳng thể động.

Nếu có tưởng ngày đêm
Một tháng và nửa tháng
Tất cả tưởng như thế
Như lửa, bóng đáy nước
Bố thí và Trì giới
Tu Nhẫn nhục, Tinh tấn
Đều khởi lên chấp đắm
Tưởng ấy gọi là động.
Bồ-đề thế lực mạnh
Tu Thiền định, Trí tuệ
Nếu có tưởng Vô úy
Tất cả tưởng chẳng tưởng
Giác ý và chánh đạo
Vốn có tưởng Bồ-đề
Ngu si sinh khởi lên
Người hiểu biết xa lìa
Phật và tưởng các pháp
Cho đến có tưởng tăng
Các thứ tưởng như thế
Đều gọi là tưởng động.
Bồ-đề là vô tưởng
Chủng trí tức Bồ-đề
Xa lìa tưởng như vậy
Bồ-đề khó nghĩ bàn.
Cho nên nói như thế
Kẻ cầu như bóng nước
Nếu động tưởng ấy rồi
Thì chẳng xa Bồ-đề
Bồ-đề và chúng sinh
Tất cả pháp như như
Nên ta nói như thế
Không biết tâm ma ác.

Đức Phật lần lượt nói kệ đuổi trừ bọn ma xong, thì có mười ức chúng sinh dứt bỏ nghi ngờ, đạt được sự thông tỏ đối với các pháp, được pháp Nhẫn vô sinh, thế rồi tất cả các vị ấy đều đến trước Phật nói kệ:

Phật đạo khó nghĩ bàn
Là Tối thắng bậc nhất
Nên hiệu là Thế Tôn

Dứt nghi, được an định.
Tất cả đều sáng tỏ
An trụ trong Phật đạo
Ánh sáng khắp mười phương
Thấy vô số ức Phật.
Thấy Phật, được nghe pháp
Tướng tốt, thân trang nghiêm
Trừ nhơ, được trí tịnh
Bậc Năng Độ cứu đời
Trong trăm ngàn ruộng phước
Ruộng phước Phật tốt nhất
Tùy nơi Phật an trụ
Bậc Cứu đời Vô thượng.

Lúc ấy, có mười ức chúng sinh nghe kệ ấy, rồi đều dâng y phục quý giá lên cúng dường Đức Phật và cúng dường Pháp, đều nói:

–Xin khiến cho tất cả chúng sinh đều được nghe pháp này, đều cùng đến nhóm họp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chuyển Pháp luân đuổi ma, các vị nam nữ trong dòng họ của Đức Như Lai đã được nghe, đều được giải thoát, tin nhận không nghi ngờ, thế thì được bao nhiêu phước đức?

Đức Phật dạy:

–Này Tôn giả A-nan! Nếu như có các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai vào lúc mặt trời mới mọc gần gũi cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi một trăm vị Phật, vào giữa trưa gần gũi cúng dường một trăm vị Phật, cho đến buổi chiều cúng dường một trăm vị Phật, vào lúc đầu hôm cúng dường một trăm vị Phật, lúc nửa đêm cúng dường một trăm vị Phật, lúc gần sáng cúng dường một trăm vị Phật, dùng các thứ nhạc cụ hay, y phục quý giá cúng dường Phật trong hai vạn năm, sáu thời trong một ngày tôn trọng khen ngợi, đi đứng ngồi nằm tu hành cúng dường, vẫn như lúc đầu không hề tạm nghỉ.

Này A-nan! Vậy ý của ông nghĩ sao? Phước đức ấy có nhiều hay không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phước đức ấy rất nhiều, không thể dùng thí dụ mà

biết được số lượng.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Nếu các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai, được nghe về đoạn kinh đuổi trừ ma này, lần lượt nghe về ý nghĩa của nó, lại tin hiểu không sinh nghi ngờ thì công đức của những người ấy còn hơn trường hợp cúng dường kể trên rất nhiều.

-oOo-

KINH PHÁP LUÂN KHÔNG THOÁI CHUYỂN

QUYỂN 4

Phẩm 7: Thọ Ký

Phật bảo:

–Này các thiện nam! Lại có ba vị Đại Bồ-tát từ phương Đông đến an trụ trong đạo Đại thừa, cầm đóa hoa Mạn-đà-la có trăm ngàn muôn cánh tỏa sáng như mặt trời vừa mới mọc.

Tôn giả A-nan cùng tất cả các vị trong chúng hội đều trông thấy và cho là đều chưa từng có. Lúc này, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Bạch Phật Thế Tôn! Ba vị trong dòng họ của Đức Như Lai từ chốn nào đến?

Đức Phật đáp:

–Về phương Đông, trải qua hằng hà sa số thế giới, có thế giới tên là Tu-di liên hoa, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Vân Thượng Công Đức Như Lai, hiện đang trụ thế. Trong đó, ba vị thiện nam, vừa mới nghe pháp, từ cõi ấy đến đây. Bấy giờ, ba vị Bồ-tát đứng trước Đức Thế Tôn, tung rải hoa Mạn-đà-la lên chỗ Phật để cúng dường, sau đó cùng bạch Phật:

–Chúng con đối với pháp này rất sinh tâm tin tưởng, lãnh hội sâu xa, không có nghi ngờ. Vì sao? Vì Đức Như Lai Thế Tôn đã nhờ pháp này mà không còn nghi ngại, cho nên hôm nay chúng con cũng không còn sự nghi ngại.

Lúc này, vị Bồ-tát thứ nhất trong ba vị Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người gọi Thế Tôn là Như Lai thì con chính là Như Lai. Vì đối với pháp này đều không còn nghi ngờ.

Vị Bồ-tát thứ hai lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người xưng gọi Thế Tôn là Thế Tôn, thì con chính là Thế Tôn, cũng đối với pháp này đều không còn nghi ngờ.

Vị Bồ-tát thứ ba bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người xưng gọi Thế Tôn là A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà thì con cũng là A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà, vì cũng đối với pháp này không còn nghi ngờ.

Bấy giờ, trong đại chúng có vô lượng trăm ngàn ức người, tất cả đều kinh ngạc, tâm chẳng vui thích, cùng bàn tán với nhau: Chúng ta từ trước đến nay chưa hề nghe nói ở một thế giới mà có tới hai vị Phật. Vì sao hôm nay ba vị Đại sĩ ấy mỗi vị đều tự xưng là Phật, đều ở trước Thế Tôn mà nói như thế? Chỉ có Phật, Như Lai là Bậc Tôn quý trong trời, Người đối với tất cả các pháp đều được tự tại, thông suốt ba đời không chút trở ngại. Do đâu mà ba vị Bồ-tát hôm nay đều nói như vậy?

Lúc này, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba vị Bồ-tát ấy tên là gì mà có thể ở trước Phật vừa bày tỏ những lời như tiếng rống của Sư tử?

Đức Phật đáp:

–Ba vị Bồ-tát đó, vị thứ nhất tên là Nhạo Dục Như Lai Thanh Chánh Trụ, vị thứ hai tên là Nhạo Dục Thế Tôn Thanh Chánh Trụ, vị thứ ba tên là Nhạo Dục Phật Thanh Chánh Trụ. Này A-nan! Do nhân duyên như thế nên ba vị Đại sĩ ấy mới nói những như vậy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy là có đến hàng trăm ngàn muôn ức vị trong chúng hội, tâm đều kinh ngạc do nghe ba vị Bồ-tát ấy nói những lời vừa rồi. Lại có người nghe, tâm không kinh ngạc hay nghi ngờ mà lại tăng thêm sự thanh tịnh tốt đẹp. Ví như có người trẻ tuổi luôn trang sức dung mạo mình, hình thể tươi đẹp thanh tịnh, tinh khiết, lại tắm gội, dùng hương thơm, dầu thơm xoa thân, lại dùng nhựa hương chiên-đàn đỏ rảy lên người nữa. Như vậy là người trẻ tuổi ấy càng thêm thơm tho trong sạch bội phần. Cho nên, nếu người nghe được pháp này, tin tưởng thọ trì không nghi ngờ thì cũng ví như người ấy vậy.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao các vị Bồ-tát lại nói như thế?

Phật dạy:

–Ba vị Bồ-tát này đã khéo hiểu về giả danh, cho nên nói lời ấy.

Tôn giả A-nan nói:

–Đúng thế, đúng thế! Ba vị Bồ-tát đó đã khéo nói về giả danh. Cúi

mong Thế Tôn giải thích lại cho con nghe, cũng khiến cho đại chúng tâm ý được thêm sáng tỏ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì hàng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, nhằm giúp họ cởi bỏ mối nghi ngờ hối hận, gieo trồng căn lành nên liền nói kệ:

Nếu thấy được quá khứ
Vị lai cũng như thế
Biết các pháp như thật
Đó gọi là Như Lai.
Hiện tại cũng như vậy
Quá khứ, vị lai đồng
Chẳng một, cũng chẳng khác
Tướng rốt ráo vắng lặng.
Thệ như Phật quá khứ
Hành thí chẳng nghĩ bàn
Thí ấy cũng như thế
Do vậy nói giả danh.
Ví như Phật quá khứ
Trụ Bồ-đề vô ngại
Trụ ấy cũng như thế
Đó gọi là Như Lai.
Tất cả pháp không trụ
Bồ-đề cũng vắng lặng
Không có tướng Bồ-đề
Đó gọi là Như Lai.
Nếu nói giới quá khứ
Vị lai cũng như vậy
Hiện tại đều đồng nhau
Đó gọi là Như Lai.
Đời quá khứ hành nhẫn
Bồ-tát chặt tay chân
Nhẫn ấy cũng như thế
Đó gọi là trụ nhẫn.
Nếu phát khởi tinh tấn
Vun trồng gốc giác ngộ
Được tinh tấn ấy rồi
Đó gọi là Như Lai.

Tất cả pháp bình đẳng
Được chứng như thật kia
Cũng chẳng chấp tướng ngã
Đó gọi là Như Lai.
Không chấp đối các pháp
Tất cả đều bình đẳng
Biết bình đẳng ấy rồi
Vô tướng, không thật có,
Các chánh định như vậy
Không chấp tướng các pháp
An trụ trong thiền định
Đó gọi là Như Lai.
Tánh, tướng tất cả pháp
Và các pháp đã nói
Biết tánh, tướng ấy rồi
Như thật, không thật có,
Phải biết các pháp không
Trí tuệ chẳng ruộng phước
Biết đó chẳng phải trí
Đạt đến trí giải thoát.
Như đến bờ giác kia
Trí tuệ không nghĩ bàn
Nhưng không được trí này
Đến bờ kia vắng lặng
Tướng như, trí chẳng đạt
Không có bờ này, kia
Trí chẳng đạt như vậy
Đó gọi là Như Lai.
Bồ-đề chẳng như được
Phàm ngu chẳng thể nghĩ
Tất cả pháp vô đắc
Đó gọi là Như Lai.
Nếu đạt được vô ngại
Mà tới chốn Đại trí
Tất cả pháp không lợi
Chứng giác ngộ vô ngại,
Như đạo vốn tu tập
Bậc Cứu đời tế độ

Được đạo không nương kia
Biết rõ được thể, tướng
Tu tập như vậy rồi
Đạt được đạo Tối thắng
Điều phục đạo này rồi
Biết tất cả đều không,
Biết rõ đầu, giữa, sau
Đều đồng với các pháp
Pháp ấy là bình đẳng
Nên gọi là Như Lai.
Nếu đạo như Bồ-đề
Đó gọi trụ Bồ-đề
Giống như tướng hư không
Đó gọi là Như Lai.
Nói pháp như thế rồi
Như tướng đều bình đẳng
Nếu việc ấy vô ngại
Đó là trụ Bồ-đề.
A-nan biết giả danh
Lời nói là Như Lai
Lời nói cũng như thế
Hành xứ của người trí,
Bồ-tát không sợ hãi
Trí sáng chẳng lui sụt
Tất cả các hành xứ
Thảy nêu rõ như vậy,
A-nan biết thứ lớp
Những điều Như Lai nói
Vì các vị Bồ-tát
Khiến đạt được vô ngại.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền nói kệ:

Vì bởi nhân duyên gì
Biết được tướng các pháp
Bồ-tát này vô ngại
Cũng gọi là Thế Tôn?

Đức Thế Tôn đáp:

Trong trăm ngàn muôn ức
Vô lượng vô số kiếp

Mới thành tựu Bồ-đề
Phật đạo khó nghĩ bàn
Thành tựu Bồ-đề rồi
Vì chúng sinh trụ thế
Chốn chốn thật không sinh
Đó gọi là Thế Tôn.
Đã vượt nẻo luân hồi
Chẳng còn bị sinh tử
Vì cứu độ chúng sinh
Đó gọi là Thế Tôn.
Không còn luân hồi nữa
Cũng không còn sinh tử
Làm sao nhổ gốc khổ
Hiệu thế Vô Thượng Tôn
Không nhớ nghĩ các pháp
Cũng không còn nguy khốn
Không có tướng chúng sinh
Vượt qua các khổ não,
Không trôi lăn sinh tử
Cũng không trụ sinh tử
Khiến chúng trụ như thị
Đó gọi là Thế Tôn.
Được các pháp không sợ
Đối Phật cũng như thế
Mênh mông không bờ mé
Nói pháp rất nhiều thứ.
Các pháp rốt ráo không
Thể tánh của Phật pháp
Thành tựu như thế rồi
Nhưng không thấy các pháp.
Nếu tinh chuyên tu hành
Thể tánh pháp là không
Tâm không còn sợ hãi
Đó là biết pháp không.
Biết các pháp như thật
Tất cả đều vọng tưởng
Hiển bày không sợ hãi
Pháp tướng thật như thế.

Đã vượt chốn sợ hãi
Cũng lìa nơi an ổn
Không sợ cũng không hãi
Vượt qua các đường ác.
Cứu giúp bao chúng sinh
Lìa nỗi sợ sinh tử
Chẳng còn bị sinh tử
Cứu độ được chúng sinh.
Đặt để chúng sinh trên
Bờ Niết-bàn vắng lặng
Cũng không tướng chúng sinh
Đó gọi là Thế Tôn.
Các pháp như hư không
Hiện rõ nơi muôn loài
Nơi ấy cũng không sợ
Đó gọi là Thế Tôn.
Tất cả pháp bình đẳng
Hiển hiện ra nhiều loại
Bồ-đề dứt phân biệt
Không có tướng Bồ-đề,
Chúng sinh tu như thế
Được thành tựu giác ngộ
Tu hành đúng lời dạy
Dứt các tưởng lo sợ,
Tưởng phân biệt Bồ-đề
Giống như tưởng chúng sinh
Vượt qua tất cả tưởng
Đó gọi là Thế Tôn.
Dứt bỏ tất cả tưởng
Bồ-tát thì không cấu
Không có tướng tên gọi
Đó gọi là Thế Tôn.
Biết rõ tất cả pháp
Đồng với lìa diệt hết
Quá khứ chẳng thật có
Đó gọi là Thế Tôn.
Vì chẳng trọng tên gọi
Nên gọi chẳng cầu danh

Người lìa chấp tên gọi
Nói pháp rộng họ nghe,
Bồ-đề lìa tên gọi
Như chỗ ở của kia
Chúng sinh trọng tên gọi
Nên xa lìa Bồ-đề.
Tên gọi như tiếng vang
Phân biệt thì nhiều loại
Tiếng cũng không phân biệt
Nương không có tên gọi,
Chẳng đắm tất cả tiếng
Tên cũng không chỗ nương
Bồ-đề không đùa bỡn
Đó gọi là Thế Tôn.
Các pháp như thế ấy
Do Thế Tôn giảng nói
Bồ-tát chẳng đạt được
Đó gọi là Thế Tôn.
Nếu hiểu việc tu đạo
Không, có người biết được
An trụ trong Bồ-đề
Dứt ngại, gọi vô lậu.
A-nan! Giả danh này
Chỉ dùng ngôn ngữ nói
Vì thế ta nay xưng
Danh hiệu là Thế Tôn.

Tôn giả A-nan lại nói kệ:

Vì bởi nhân duyên gì
Bồ-tát nói như thế
Lại vì nhân duyên gì
Được tôn xưng là Phật?

Đức Phật đáp:

A-nan đệ tử Phật
Tất cả pháp không ngại
Giác ngộ pháp vô ngại
Được tôn xưng là Phật.
Phật biết lỗi, phiền não
Làm cho không tự tại

Đã lìa các kết sử
Được tôn xưng là Phật.
Nhờ không được thành Phật
Cũng không có tướng thân
Trong đó không chân thật
Làm sao thân thật được?
Chẳng bền, tưởng bền chắc
Phàm phu chấp là thân
Giác ngộ như thật rồi
Được tôn xưng là Phật.
Biết ngu si không trí
Thể tánh không thật có
Trí tuệ sáng đạt được
Được tôn xưng là Phật.
Vốn tưởng có quá khứ
Giác rồi không còn tưởng
Biết tưởng và vô tưởng
Không để tưởng tự tại.
Hiểu rõ đối sắc ấm
Vốn tự trụ vô sinh
Phàm phu vọng phân biệt
Chẳng sắc, chẳng thành tựu.
Biết rõ không cội gốc
Xưa nay không có tánh
Vì thế không lãnh thọ
Tất cả pháp không nương.
Tưởng như lúc lửa bùng
Nhân duyên không thật có
Do đó dứt bỏ tưởng
Tất cả pháp cũng thế.
Không có thân hành này
Tướng thân không bền chắc
Nếu biết thân hành không
Thì sẽ không đắm thân
Thân này và tướng hành
Thảy đều như cây chuối
Biết chân thật như thế
Nên tôn xưng là Phật.

Cầu tướng chân thật thức
Chẳng nằm ở trong thân
Cũng lại chẳng ở ngoài
Làm sao có chỗ sinh?
Nếu thức ấy không sinh
Thì các pháp cũng vậy
Đều không có nơi chốn
Hữu vi không thật có.
Biết thức như thế rồi
Rốt ráo không thật có
Thể tánh giống như huyễn
Cũng không có kẻ sinh
Nếu chẳng thể thấy thức
Chúng sinh cũng như thế
Thật chẳng có chúng sinh
Làm sao biết được thức?
Thức này không có thật
Các pháp rốt ráo không
Pháp cùng với chúng sinh
Tất cả không thành tựu.
Tất cả pháp vô tướng
Đã tỏ rõ như vậy
Vắng lặng không đùa bỡn
Nên tôn xưng là Phật.
Chứng biết đối Phật pháp
Chỗ chánh giác an trụ
Tất cả pháp đều không
Nên tôn xưng là Phật.
Như Lai là giác ngộ
Chỗ Chánh Giác an trụ
Phật và tướng Bồ-đề
Rốt ráo không thật có
Nếu sinh khởi tâm xứ
Cũng như trụ Bồ-đề
Tâm đồng với Bồ-đề
Phật giống như huyễn hóa.
A-nan! Giả danh này
Chỉ dùng ngôn ngữ nói

Được xưng gọi là Phật
Ta là Đấng cứu đời.
Tương tợ sinh như vậy
Đồng Phật âm thanh nói
Nếu được Pháp âm này
An trụ trong Bồ-đề.
Không đắm mê Bồ-đề
Nên hiểu biết như vậy
Chẳng nên sinh tâm nghi
Tất cả pháp không cầu.
Đối các pháp dứt nghi
Trên hết trong chúng sinh
Pháp tương tự như vậy
Nên biết tướng chân thật.

Đức Phật đã nói về ba danh hiệu Như Lai, Thế Tôn, Phật như thế, bấy giờ có trăm ngàn ức chúng sinh bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con thật sự nhờ ánh sáng của Phật soi sáng nên đã dứt bỏ được các nghi ngờ.

Các vị Đại Bồ-tát ấy đã nêu lên và Đức Thế Tôn đã nhân đó nói về các thứ giả danh, đã nói rõ về các danh hiệu Như Lai, Thế Tôn và Phật. Giờ đây chúng con đã biết như thế, đã hiểu như thế rồi, đối với tất cả các pháp đã được nhẫn lực. Đức Như Lai, Thế Tôn đã làm lợi ích lớn lao, giống như cha mẹ. Nhờ năng lực thần thông của Phật và tay trí tuệ của Phật đã kéo chúng con ra khỏi lầm lạc không còn bị nhiễu loạn nữa. Cũng như Đức Thế Tôn đối với tất cả đều bất động.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không, không ai có thể làm cho lay động. Cũng như vậy bạch Thế Tôn! Chúng con đối với tất cả các pháp tâm cũng bất động. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều đồng với hư không, như Phật đã giác ngộ không có tướng động.

Lúc này, trăm ngàn ức đại chúng đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngồi sang một bên cách chỗ Phật không xa.

Khi Phật nói phẩm Như Lai Thế Tôn Phật Danh này, Bồ-tát Thường Chiếu Tịnh Căn liền đứng dậy, sửa sang lại y phục bày vai áo bên phải, đầu gối phải quỳ sát đất, tung rải các thứ hoa lên chỗ Phật, đều nói kệ khen ngợi Phật:

Chúng sinh tham đắm quả

Đều khiến được giải thoát
Lìa tưởng quả trọn nên
Thành tự lìa tưởng quả
Nên con lễ Bậc Trí
Giảng nói các thứ quả
Khiến biết tướng bình đẳng
Chánh giác chứng bình đẳng
Quy mạng lễ Tối Thượng.
Chúng sinh thường tham đắm
Hành xứ các thứ quả
Vì Phật là giải thoát
Nên con lễ Bậc Trí
Hiển bày ra các pháp
An trụ chốn bình đẳng
Biết được bình đẳng rồi
Kính lễ Đấng Mâu-ni
Chúng sinh nhiều trói buộc
Rất nhiều các quả báo
Phật đều khiến giải thoát
Quy mạng lễ Vô Thượng
Thành tựu đạo vắng lặng
Không trụ các quả vị
Khéo biết tướng giả danh
Đảnh lễ Bậc Thế Trí.

Đại Bồ-tát Chiếu Minh Tịnh Căn nói kệ xong liền đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đến cách chỗ Phật không xa để chiêm ngưỡng dung nhan, mắt không tạm rời.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Liên Hoa Thắng Tạng đứng dậy, sửa lại y phục bày vai bên phải, gối phải chấm đất, tung rải các thứ hoa cúng dường Phật. Lại khen ngợi Phật bằng bài kệ:

Chúng sinh thường chấp tưởng
Đều khiến dứt trừ hết
Lìa sợ, được vui mừng
Kính lễ Đấng Mâu-ni.
Vắng lặng lìa ba cõi
Không sợ mà nói pháp
Bậc mạnh mẽ trong đời

Kính lễ Đấng Mâu-ni.
Biết pháp vốn vắng lặng
Thế ấy không thật có
Nhiệm mầu trong các pháp
Kính lễ Đấng Mâu-ni.
Đã lìa hẳn ba cõi
Dứt bỏ các kết sử
Lìa sợ, được không sợ
Kính lễ Đấng Mâu-ni.
Không sợ cũng không hãi
Trên hết trong các thí
Vượt hơn tất cả thí
Kính lễ Đấng Mâu-ni.
Lìa sợ được không sợ
Nhổ sạch tên ưu độc
Nêu các pháp giải thoát?
Kính lễ Đấng Mâu-ni.

Đại Bồ-tát Liên Hoa Công Đức Tạng nói kệ khen ngợi Đức Phật như thế xong, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào vào đời Mạt pháp được nghe kinh này, tâm không kinh sợ thì con sẽ đảnh lễ họ.

Bấy giờ, Bồ-tát Ly Cấu Ý ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thường nên rải các hoa
Điều người trí tu hành
Được nghe kinh này rồi
Sẽ khiến được giải thoát.

Đại Bồ-tát Quảng Tư Duy ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Pháp Phật rất sâu rộng
Hiển nói kinh như thể
Sẽ có ít chúng sinh
Tin nhận chẳng nghi ngờ
Tham đắm đối ngã kiến
Chấp ý tưởng về thân
Không tin nhân kinh này
Đó là kẻ không trí.

Đại Bồ-tát Liên Hoa Nhãn ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Thật vì các chúng sinh

Mở bày mắt dẫn đường
Đối kinh pháp như thế
Chỉ người lành không nghi.

Đại Bồ-tát Bất Tư Nghị Giải Thoát ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Bậc tôn quý trong đời
Chúng sinh khó nghĩ bàn
Nói các kinh như vậy
Nghe dứt các nghi hối.

Đại Bồ-tát Thường Ức Niệm ở trước Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu người không nhớ nghĩ
Nhiều kiếp trong sinh tử
Không đắm mê các pháp
Tu hành thì không nghi.

Đại Bồ-tát Bảo Y Giải Thoát ở trước Đức Thế Tôn nói kệ:

Y phục nhiều cả ức
Sạch sẽ và mềm mại
Mới, dày, xin phủ kín
Tu hành thì dứt nghi.

Đại Bồ-tát Thí Thực ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Bày biện thức uống ăn
Đầy đủ các món ngon
Hằng ngày phải thường thí
Tu hành không có nghi.

Bồ-tát Bi Hành ở trước Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Vì thương các chúng sinh
Nên thường thường kêu khóc
Kinh này thật sâu mầu
Chán ác không tu học.
Nếu từ địa ngục đến
Ắt ưa ở địa ngục
Tuy dường tu công đức
Khoảnh khắc liền sinh nghi
Gần gũi các bạn xấu
Chẳng tin pháp sâu xa
Lưới ngu si tự che
Sinh nghi ngờ như vậy.
Có những kẻ phá giới

Tâm ác thấy tội ấy
Nghe kinh chẳng tin nhận
Phỉ báng các hành này
Biếng nhác, không tinh tấn
Chẳng trụ trong Bồ-đề
Vô trí, tâm thấp hèn
Không hiểu hạnh như thế.
Chúng sinh thường ưa đắm
Ta thấy tâm tự tại
Luôn quanh quẩn ba cõi
Không thể tu hành được
Ngu si khởi tâm ác
Vô trí, đắm các dục
Thích ở chốn ồn náo
Làm điều phỉ báng ấy.
Kẻ ngu si trí kém
Tham lam, thích ăn uống
Chẳng tu pháp thanh tịnh
Nên làm việc phỉ báng
Chúng sinh nhiều tham đắm
Thiên chấp, lấy vọng tưởng
Chẳng biết là giả danh
Chỉ cứu đời độ được.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Năng Viễn Ly Giải Thoát ở trước Đức Thế Tôn nói kệ:

Xa lìa các chúng sinh
Như bỏ vật nhơ uế
Hư giả như tiền bùn
Giải thoát đắm tướng quả.
Ví như thây chết hoại
Ác ấy rất đáng chán
Nếu bài báng hạnh ấy
Nên mau mau xa lìa.
Như giặc cướp xóm làng
Ở nơi đường trống trải
Người nghe đều tránh xa
Mong chẳng gặp ác ấy.
Nếu thấy kẻ hủy hoại

Chán ác như giặc hại
Lại bài báng kinh này
Chớ thấy ác như thế.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát như thế rất là ít có. Tâm ý hiểu rõ, đó là do định lực của mình hay là do thần lực của Phật?

Đức Phật nói:

–Đều là nhờ thần lực Phật mới nói được như vậy, cũng là uy lực công đức của kinh này nên mới được vô ngại. Vì sao? Vì các vị trong dòng họ của Như Lai đó đã từng trải qua sáu mươi hai ức Đức Phật, được nghe chính miệng các Đức Phật nói về pháp này không thêm không bớt, cũng như được nghe ta nói không khác. Do đó, nhớ nghĩ tất cả các năng lực thiền định và năng lực thần thông của các Đức Phật đời quá khứ.

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng thế, đúng thế! Tin tưởng lời Phật dạy, các vị Bồ-tát ấy hiện có thể chứng biết.

-oOo-

Phẩm 8: Nhận Rõ

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai, nếu được nghe pháp này, lần lượt tin tưởng hiểu rõ không dấy khởi nghi ngờ, vậy thì các vị ấy sẽ đạt được phước đức như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Các nam nữ trong dòng họ của Như Lai an trụ trên đường tiến đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu như có người cúng dường Phật bảy thứ báu đầy khắp trong cõi Diêm-phù-đề thì công đức của người ấy chẳng bằng được nghe kinh này thứ lớp câu nghĩa tin tưởng hiểu rõ không nghi ngờ thì phước đức rất nhiều. Giả sử cúng dường hết toàn bộ bảy thứ báu trong cõi Diêm-phù-đề, cũng như toàn bộ các thứ châu báu trong các thế giới nhiều như số cát sông Hằng lên Đức Phật, nhưng nếu lại có các thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này, thứ lớp câu nghĩa, tin tưởng hiểu rõ không nghi ngờ, tâm cũng không hối hận công đức của các vị ấy hơn hẳn trường hợp kia.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Giả sử khắp tam thiên
Các châu báu đầy dẫy
Cúng dường Đức Như Lai
Cứu độ các thế gian.
Nếu Phật nói kinh này
Mà có người lắng nghe
Trí tuệ được giải thoát
Phước ấy hơn người kia.
Ví như cát sông Hằng
Ở nơi các thế giới
Bảy báu đều đầy khắp
Thảy cúng dường Như Lai.
Đối với lời Phật nói
Tín nhận kinh điển này
Đó là trí giải thoát
Phước ấy cũng hơn kia.

Lúc này, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có các vị nam, nữ trong dòng họ của Như Lai tin nhận hiểu rõ kinh này, thọ trì đọc tụng, lại giảng nói cho người khác nghe thì các vị ấy được bao nhiêu phước đức?

Đức Phật nói:

–Các nam nữ trong dòng họ của Như Lai ấy, trụ trong đạo Vô thượng, trong trăm kiếp tu hạnh bố thí, cúng dường Như Lai, cũng trải qua trăm kiếp tu các pháp Ba-la-mật là Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, lại trải qua trăm kiếp được năm thứ thần thông, tu tập đạt được mọi thứ trí thức ở thế gian, đầy đủ giới thân, nhưng nếu các vị đó xa lìa kinh này thì cũng không được gọi là tôn trọng cúng dường các Đức Như Lai. Nếu có các thiện nam, thiện nữ tin nhận hiểu rõ kinh này, thọ trì đọc tụng, lại giảng nói cho người khác nghe thì những vị ấy sẽ được phước đức nhiều hơn trường hợp trên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Giả sử trong trăm kiếp
Hết thảy các thức ngon
Cúng dường Bậc Cứu đời
Không gọi tôn trọng cúng.
Nếu người muốn cúng dường

Phải thọ trì kinh này
Xả bỏ tưởng phước báo
Tu tập cúng dường pháp,
Người cúng dường như thế
Mới gọi chân cúng dường.
Lấy pháp làm cúng dường
Pháp thân của Như Lai
Giả sử trong trăm kiếp
Dâng y phục cúng dường
Đấng Thế Tôn cứu đời
Thí nhiều các y phục
Không gọi là cúng dường.
Có người trì kinh này
Đó gọi chân cúng dường
Là Bậc nhất, trên hết
Giả sử trong trăm kiếp
Thường rải các hoa trời
Dâng cúng các Thế Tôn
Chưa gọi là cúng dường.
Nếu cúng dường Bậc nhất
Bậc Cứu đời độ thế
Nên thọ trì kinh này
Nên dứt tướng quả báo.
Nếu xây tháp bảy báu
Vì cứu đời mà lập
Tất cả như Tu-di
Không gọi cúng dường Phật.
Đây là cúng lớn nhất
Hơn hẳn cúng dường khác
Người trì được kinh này
Chẳng chấp tướng thân ta
Giả sử trong trăm kiếp
Tu giữ các giới cấm
Mà chẳng trì kinh này
Chưa gọi là hơn hết.
Nghe kinh và giữ giới
Xem giới là hơn hết
Cũng đối việc trì kinh.

Không nghĩ mình trì kinh.
Không gọi là phạm giới
Cũng không gọi phá giới
Tu học được kinh này
Như lời ta giảng dạy.
Nếu tu được kinh này
Cũng khéo tu Bồ-đề
Tuy cùng tu Bồ-đề
Mà thật không điều học.
Giữ giới được như vậy
Điều kinh này hiển bày
Đối giới được đầy đủ
Đó gọi là giữ giới.
Giả sử trong trăm kiếp
Có người tu Nhẫn nhục
Đánh mắng không đánh lại
Tất cả đều nhẫn được.
Cho đến chặt tay chân
Mà không khởi ý khác
Cũng chẳng sinh oán hờn
Tất cả đều không nghĩ
Thực hành được nhẫn này
Đầy đủ trong trăm kiếp
Tuy tu nhẫn như vậy
Tâm không cho là hơn
Đó là nhẫn bậc nhất
Cũng gọi là khéo tu
Nếu được nghe kinh này
Tin hiểu mà thọ trì
Đó là nhẫn trên hết
Bậc nhất không gì hơn
Nếu đối với kinh này
Nghe rồi mà tin hiểu
Mong đạt được vô ngại
Trí tuệ Phật Vô thượng
Nên thọ trì kinh này
Thì sẽ mau đạt được
Giả sử trong trăm kiếp

Tinh tấn thường không ngồi
Giờ kinh hành đã qua
Dứt bỏ sự ngủ nghỉ
Người trí tu kinh này
Nên giảng nói người nghe
Thì được không sợ hãi
Đó gọi tinh tấn nhất.
Giả sử trong trăm kiếp
Chứng được năm thần thông
Nếu chẳng nghe kinh này
Không gọi thần thông nhất.
Nếu trì được kinh này
Gọi là thần thông nhất
Hơn những thần thông khác
Biết nghĩa mà không đắm
Giả sử trong trăm kiếp
Thường làm người trí sáng
Đầy đủ trí thế gian
Biết rõ việc thế gian.
Nếu chẳng học kinh này
Chưa xứng là người trí
Nếu trì được kinh này
Gọi là người sức mạnh.
Nếu biết được như thế
Đó gọi là người trí
Thọ trì kinh điển này
Nghe thì tin, hiểu được.
Hiển bày trong kinh này
Hành xứ của người trí
Nếu trì được kinh này
Phải siêng năng tinh tấn.

Khi ấy, Tôn giả A-nan lại nói kệ:

Đi đủ trăm do-tuần
Hoặc cả ngàn do-tuần
Sẽ đến chỗ người trí
Nơi có kinh pháp này
Thường nên đến chỗ ấy
Để nghe được kinh này

Nghe rồi mà tin hiểu
Tâm họ thường thuận theo
Ví lửa khắp thế giới
Trăm ngàn ức do-tuần
Nếu chỗ có kinh này
Người trí mau đến nghe
Nếu cầu thiền định Phật
Hơn hẳn các thiền định
Nên nói kinh như thế
Dứt bỏ các phiền não
Nếu có người muốn bỏ
Ưa đắm đối thế gian
Vì hiển bày kinh này
Như lời Phật đã nói.
Nếu muốn thấy các Phật
A-súc là trên hết
Trong các thứ thọ trì
Kinh này là Bậc nhất.
Muốn được mọi niềm vui
Tu các hạnh Bồ-tát
Phải nên nói kinh này
Mau đến chỗ an vui.
Muốn thấy Bậc Chánh Giác
An dưỡng khó nghĩ bàn
Nên giảng nói kinh này
Như lời Phật giảng nói.

Lúc bấy giờ, Phật bảo A-nan:

–Lành thay, lành thay! Khi nói kinh này, các nam, nữ trong dòng họ của ta nếu được nghe rồi, tâm không tán loạn, đọc tụng kinh này, xa lìa tất cả những chỗ gần gũi, tất sẽ dứt bỏ tất cả các thứ ràng buộc chấp đắm. Nếu muốn thấy Phật liền được thấy, khi sắp qua đời sẽ được tận mặt thấy trăm ngàn Đức Phật. Vì sao? Vì các vị ấy luôn được tất cả các Đức Phật che chở giữ gìn, nói được kinh này lại còn thọ trì đọc tụng, kính tin, hiểu rõ, cũng giảng nói giải thích cho người khác nghe.

-oOo-

Phẩm 9: An Dưỡng Quốc

Lúc bấy giờ, trong bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có một vị đồng nữ tên là Sư Tử cùng năm trăm đồng nữ khác bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nữ đọc tụng kinh này, lại giải thích, giảng nói cho người khác nghe thì người nữ ấy được phước gì?

Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Nếu có người nữ, an trụ trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thọ trì đọc kinh điển như vậy, lại giảng nói cho người khác nghe, thì nên biết rằng những người ấy đang mang thân nữ sau cùng, không còn thân nữ nữa. Vì sao? Vì những người ấy chẳng những thọ trì, đọc tụng kinh này, mà còn giảng nói cho người khác nghe, tâm không tán loạn, tất cả phiền não đều được dứt bỏ, nếu có người nữ muốn sinh phiền não thì cũng không sinh được.

Đồng nữ Sư Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao tướng người nữ này có thể sinh ra phiền não?

Phật dạy:

–Này đồng nữ Sư Tử! Nếu có người nữ thấy cô gái khác xinh đẹp, trang sức bằng những xâu chuỗi quý giá làm bằng ngọc Ma-ni và các thứ châu báu khác, thấy như vậy thì rất thích thú, phát khởi tâm tham đắm chứ không biết quan sát, ví như chiếc bình vẽ cảnh trí bên ngoài đẹp đẽ, nhưng bên trong đều là một khối chứa đầy những thứ bất tịnh phân dãi nhơ nhớp, kẻ phàm phu ngu si hôi thối cũng giống như thế. Bị chất bất tịnh xông ướp, phẩn tiểu đầy dẫy, không biết quán sát. Các tướng như thế lại sinh ưa đắm mà khởi tâm nhuốm bẩn vì nhân duyên ấy nên thường phải làm thân nữ.

Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Tất cả người nữ thường sinh tâm ganh ghét, lừa gạt, nói dối, ý nghĩ và lời nói trái nhau, hoặc đối diện trò chuyện thì thường xin xỏ, đến chỗ Tỳ-kheo không phải vì pháp, sinh tâm giận tức và tâm thích ngủ nghỉ, hoặc đến những nơi ồn ào náo nhiệt, gần gũi chuyện thế tục. Đối với kinh này hay làm những việc không lợi ích, không chịu nghe nhận, không giảng nói, không đọc tụng, ngày đêm thường khởi các tâm phiền não, xa lìa giải thoát. Vì có những thứ tâm như vậy mà phải mang lấy thân nữ, khó lìa bỏ được.

Này đồng nữ Sư Tử! Tất cả người nữ đều phải nên quán sát như thế

rằng, ta phải làm thế nào để dứt bỏ các phiền não, không cho chúng sinh khởi trở lại. Người nữ như thế không có việc lợi ích, phải nghe kinh này, thọ trì đọc tụng, lại giảng nói cho người khác nghe. Vì sao? Vì nếu được nghe kinh này, lần lượt lãnh hội thì chắc chắn sẽ dứt bỏ được tất cả phiền não.

Đồng nữ Sư Tử bạch Phật:

–Nếu có người nữ, đọc tụng kinh này, lại giải thích cho người khác nghe, nếu muốn xả bỏ thân nữ thì có thể được chăng?

Đức Phật đáp:

–Này đồng nữ Sư Tử! Nếu có người thọ trì, đọc tụng kinh này, thì đó là người mang thân nữ sau cùng, sẽ không còn trở lại làm thân nữ nữa, trừ trường hợp phương tiện thần thông biến hóa thị hiện thân nữ.

Này đồng nữ Sư Tử! Ví như có người đốt một đống lửa lớn rồi tự nhảy vào đó, đã nhảy vào lửa rồi mà còn bảo chớ để lửa đốt cháy thân tôi, cũng đừng khiến cho thân tôi bị nám đen, này đồng nữ, theo ý đồng nữ thì thế nào? Người ấy tuy nói như vậy mà có được như lời mình nói hay không?

Đồng nữ thưa:

–Bạch Thế Tôn! không thể được. Vì sao? Vì tánh chất của đống lửa ấy là đốt cháy các vật cũng như hủy diệt thân sắc.

Đức Phật dạy:

–Này đồng nữ Sư Tử! Kinh này cũng giống như thế, có công năng đốt cháy tất cả các thứ củi phiền não hiện hành. Nếu muốn xả bỏ thân tướng người nữ thì phải dứt trừ tham dục, thành tựu Phật pháp, muốn thấy vô lượng vô số a-tăng-kỳ các Đức Phật, được biện tài vô ngại, muốn phát khởi tâm Từ bi đối với tất cả chúng sinh... thì cũng phải thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này.

Bấy giờ, đồng nữ Sư Tử và năm trăm đồng nữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con từ thời Phật Định Quang đã được nghe kinh này và thọ trì đọc tụng. Hôm nay chúng con lại vì vô số chúng sinh mà nêu bày lại.

Lúc này, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay đồng nữ Sư Tử ấy và năm trăm vị đồng nữ kia vì sao chưa chuyển thân nữ?

Phật bảo A-nan:

–Nay Tôn giả cho rằng đồng nữ Sư Tử và năm trăm đồng nữ kia thật là nữ chăng?

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Phật bảo A-nan:

–Chớ nói như thế. Vì sao? Vì đồng nữ Sư Tử này và năm trăm đồng nữ kia đều là thị hiện làm thân người nữ, chứ chẳng phải thật là thân nữ chỉ vì đối với chúng sinh đời vị lai mà thị hiện biến hóa, vì thương xót tất cả các người nữ mà hiện làm người nữ, giúp cho họ điều kiện để chán ghét lìa bỏ thân nữ, vì nếu làm thân người nam thì khó có thể tiếp xúc đi đến tất cả các nơi chốn.

Này Tôn giả A-nan! Đồng nữ Sư Tử này và những đồng nữ kia chẳng phải là nam, cũng chẳng phải là nữ. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều là chẳng phải nam chẳng phải nữ, vượt ngoài tất cả pháp tướng không thật có, đó mới thật sự là thông đạt. Các vị đồng nữ ấy đều thuận theo các pháp thế gian nên làm thân người nữ để hóa độ những người nữ khác tu học theo.

Khi ấy có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni, đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin nguyện từ nay về sau sẽ thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh này, giảng nói cho người khác nghe. Vì sao? Vì chúng con làm thân nữ này không có lợi ích gì, phải mau nhàm chán, lìa bỏ. Chúng con xin nguyện kể từ hôm nay, đối với những người chưa hiểu kinh này thì sẽ khiến cho họ được hiểu, những người chưa nghe thì sẽ khiến cho họ được nghe, vào đầu hôm, nửa đêm hay gần sáng, ngoài việc ngủ nghỉ phải chuyên tâm suy nghĩ, quán tưởng.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Các Tỳ-kheo-ni, các vị đã phát tâm đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, phát tâm tinh tấn mạnh mẽ bậc nhất, thảy đều nhàm lìa, muốn xả bỏ thân nữ, vì muốn lợi ích đối với tất cả Phật pháp mà thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh này, giảng nói cho người khác nghe. Các vị đều mang thân nữ này là thân nữ sau cùng.

Các vị Tỳ-kheo-ni nghe Phật nói như vậy, hớn hở vui mừng, liền cởi thượng y dâng lên cúng dường Phật và cùng nói kệ:

Chúng con mong an ủi
Mong được thân người nam
Như Lai không hai lời

Lời trên hết trong đời.

Bấy giờ, trong bốn bộ chúng có năm trăm vị phu nhân của các Trưởng giả, đứng dậy, sửa sang lại y phục, gối bên phải sát đất, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay chúng con cũng thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, giải thích cho người khác hiểu. Chúng con chỉ vì mang thân nữ nên luôn bị người khác ràng buộc, chẳng được tự tại. Lại như phải mười tháng mang thai, làm sao tránh khỏi nỗi khổ cực. Cho dù được sinh trong chốn vương giả nhưng vẫn bị trăm mối hệ lụy, hoặc bị ràng buộc bởi cha mẹ, con cái… Kể từ hôm nay trở đi, sẽ dốc tinh tấn siêng năng tu tập, cho đến khi qua đời vẫn thọ trì chánh pháp.

Đức Thế Tôn liền khen ngợi năm trăm vị phu nhân của các Trưởng giả:

–Lành thay! Như lời các vị đã nói, từ hôm nay các vị sẽ được bỏ hẳn thân nữ, không còn phải chịu sự chi phối của người khác, cũng không còn chịu nỗi khổ của mười tháng mang thai, sẽ lìa bỏ dâm dục và các bào thai, đời đời thường sinh về cõi Phật thanh tịnh.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị phu nhân này lìa bỏ được thân gái và sinh về cõi thanh tịnh nào?

Đức Phật nói:

–Các vị phu nhân này sẽ được sinh về thế giới Bảo tạng liên hoa quang.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Phật ở thế giới ấy tôn hiệu là gì?

Đức Phật đáp:

–Ở thế giới ấy có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Bảo Như Ý Vương Quang Minh Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, hiện đang nói pháp bằng mọi cách để giáo hóa chúng sinh ở đấy. Như vậy các vị nữ trong dòng họ của Như Lai ấy đều được sinh về cõi Phật ấy, để được nghe kinh này.

Bấy giờ, các vị phu nhân nghe Phật dạy, trong tâm vui mừng hớn hở, liền cởi những xâu chuỗi anh lạc giá trị bằng trăm ngàn lượng vàng dâng lên cúng dường Phật, cúng dường xong cùng nói kệ:

Chúng con được ân sâu

Lìa bỏ thân nữ này
Như Lai không hai lời
Nói ra đều chân thật.
Thân nữ xấu xa nhất
Nên mong sớm lìa bỏ
Kẻ phàm ngu mê lầm
Chẳng rõ tướng chân thật.
Thai sinh thân nữ khổ
Nguyện chẳng làm nữ nữa
Lìa được thai nữ rồi
Giác ngộ là Vô thượng.

Bấy giờ, các vị phu nhân của các Trưởng giả cùng kính chiêm ngưỡng Như Lai mắt không tạm rời. Thích Đề-hoàn Nhân tung rải hoa trời Mạn-đà-la lên chỗ Phật để cúng dường và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ thọ trì kinh này.

Đức Phật nói:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu khi ông chiến đấu với A-tu-la thì thường được chiến thắng, không bị thất bại.

Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, và trăm ngàn ức chúng sinh đều phát khởi nhân duyên căn lành, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lúc Như Lai chưa phát tâm Bồ-đề, thì con đã quay bánh xe pháp không thoái chuyển này.

Đức Phật nói:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vô lượng ức các vị Bồ-tát trong mười phương thảy đều phát ra ánh sáng rực rỡ giống như vầng mặt trời, mặt đất rung chuyển sáu cách, các vị trời tung rải, vô số các loại hoa ngập tới gối.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mặt đất rung chuyển sáu cách, các vị trời rải hoa xuống như mưa như vậy?

Đức Phật nói:

–Đó là do vô lượng trăm ngàn ức vị trời nghe lời dạy của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tâm sinh vui mừng, nên tung rải hoa ấy và cùng nói: "Chúng tôi đều sẽ thọ trì, sao chép đọc tụng kinh này, cũng nguyện sẽ được như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói kinh pháp như thế, được nghe kinh rồi, tâm sinh vui mừng, mặt đất tất cả đều rung chuyển, các vị trời

rải hoa như mưa.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này có công năng thành tựu những công đức lớn lao, kinh này rất sâu xa, ít có nhất. Nếu có chúng sinh nào được nghe kinh này, dù chỉ một lần thì nên biết công đức người ấy không phải nhỏ.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! A-nan nên biết, các vị nam, nữ trong dòng họ của Như Lai đều đã cúng dường các Đức Phật đời quá khứ, vì vậy mà hôm nay trong chúng hội này được nghe kinh này, sinh tâm kính tin, hiểu rõ, cho đến thọ trì, đọc tụng, giải thích. Nên biết rằng chỗ nào có kinh này thì nơi đó chính là ngôi tháp của tất cả trời, người, lợi ích vô lượng, phước đức chẳng luống mất. Nếu nơi nào cất giữ kinh điển này và thọ trì cho đến sao chép thì đều nên cúng dường tưởng như cúng dường Thế Tôn. Người được nghe kinh này, khi chết đi không bị rơi vào đường ác, người ấy hàng phục được các loài ma, dựng lên ngọn cờ chánh pháp, thường đốt ngọn đuốc chánh pháp, soi sáng những nơi tối tăm, thổi được ốc pháp, đến tận cội Bồ-đề, gióng lên tiếng trống pháp, khai mở các cửa pháp, tuôn xuống trận mưa pháp lớn, giúp cho những người cầu pháp đều được đầy đủ pháp vị. Kinh này hiển bày pháp giới, mở hết các kho báu tiềm ẩn của các Đức Phật thời quá khứ, thấu rõ tất cả các pháp, dứt bỏ các tưởng về năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, xa lìa các tưởng về sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, lìa các tưởng về tất cả pháp cho đến tưởng về Phật. Nếu người được nghe kinh này kính tin, hiểu rõ, thọ trì, đọc tụng thì người ấy là đệ tử Phật chân chánh, đều từ pháp sinh ra.

Này A-nan! Nếu có vị thiện nam nào muốn ăn được pháp vị, ngồi dưới cội Bồ-đề trong đạo tràng như ta không khác thì phải thọ trì, đọc tụng kinh này, giảng nói cho người khác nghe, cho đến tay cầm quyển kinh, cung kính cúng dường.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vào thời kỳ mạt pháp, sẽ có người có khả năng thọ trì đọc tụng, tay cầm kinh này, cung kính cúng dường không?

Phật dạy:

–Nếu hiện giờ nghe kinh mà kính tin và hiểu rõ, thì đời tương lai cũng dốc lòng thọ trì đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe, tay cầm kinh này, lễ bái cúng dường. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Người, A-tu-la, hiện

giờ nghe kinh này mà ở đời vị lai lại chẳng được nghe. Điều ấy không thể có được. Vì sao? Vì nhờ năng lực nhân duyên nghe pháp hiện tại, nên ở đời vị lai cũng được nghe pháp, sẽ kính tin, hiểu rõ. Ví như có vị trưởng giả sinh nhiều người con, gia đình giàu có hết mực, của cải châu báu vô kể, nào vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, ngọc trai... đủ thứ ngọc quý giá, còn có cả voi ngựa, xe cộ, tôi trai tớ gái... tất cả những tài sản ấy đều được sắp đặt cất giấu có nơi có chỗ, rồi ông ta đi dạo chơi qua những nơi chốn khác, khi trở về quê cũ mình thì có thể tìm lại được những của cải quý giá ấy không?

–Bạch Thế Tôn! Tìm lại được. Vì sao? Vì những của cải quý giá ấy ông ta đã biết rõ nơi cất giấu chúng.

Đức Phật nói:

–Này A-nan! Pháp bảo cũng như vậy, hiện nay được nghe thì đó chính là pháp của mình, đời sau lại được nghe. Nay ta dùng mắt Phật thấy đời hiện tại, những người đã thọ trì đọc tụng kinh này, thì đời sau cũng sẽ được như vậy không khác. Nếu ở đời vị lai có các chúng sinh thọ trì kinh này, nếu dùng mắt Phật xem xét thì thấy cũng như hiện nay không khác. Nếu có kẻ phỉ báng kinh điển này, ta dùng mắt Phật thấy rõ những người ấy cũng như hiện nay.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu người không tin, không hiểu, lại phỉ báng kinh này thì sẽ đến nơi nào?

Đức Phật bảo:

–Hãy thôi, A-nan! Ông đừng nên hỏi như thế!

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy nói rõ về điều ấy, để giúp chúng sinh ở đời vị lai, nếu có kẻ không tin kinh này nghe thấy quả báo như vậy sẽ khiến họ sợ hãi mà phát tâm kính tin, thấu hiểu.

Phật dạy:

–Nếu có kẻ phỉ báng không tin kinh này thì phải chịu quả báo rất đau khổ, tội ấy đồng như năm tội nghịch. Nếu có người dùng dao bén giết hại chúng sinh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, thì theo ý của Tôn giả, tội báo của người ấy phải bị đọa lạc vào đường nào?

Tôn giả A-nan thưa:

–Nghiệp báo của người ấy sẽ bị đọa vào đường ác.

Phật dạy:

–Này A-nan! Nay ông nên biết. Nếu sau khi hằng hà sa Đức Phật nhập Niết-bàn, vì cúng dường xá-lợi các Đức Phật mà xây dựng các tháp miếu tôn thờ, lại có kẻ phát khởi tâm ác thiêu đốt hủy hoại các tháp miếu ấy, thì theo ý của Tôn giả, người đó phải chịu lấy tội báo như thế nào?

Tôn giả A-nan thưa:

–Hạng người như vậy sẽ chịu quả báo rất đau khổ không thể nói hết, cũng không thể nghe hết, nếu phỉ báng kinh này, mà nói về tội lỗi của việc phỉ báng ấy và tội báo phải chịu thì cũng như thế, không thể nói hết hay nghe hết được. Vì sao? Vì người ấy đã hủy hoại tất cả Pháp nhãn của các Đức Phật đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Đức Phật dạy:

–Nếu thấy có người thọ trì, đọc tụng kinh này mà sinh tâm phỉ báng, khinh cười, chê bai, xúi người không tin, khiến cho họ không được đọc tụng, đúng như pháp thọ trì, thì nên biết tội ác của người ấy rất nặng nề, còn hơn trường hợp trước.

A-nan bạch Phật:

–Nếu chúng sinh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới, đều tu tập đầy đủ mười điều lành, an trụ trong đạo Bồ-đề. Nếu có người hủy hoại đôi mắt của những người ấy, thì tội ác của kẻ ấy như thế nào?

Đức Phật nói:

–Trong vô số a-tăng-kỳ kiếp, người ấy hễ làm thân người thì thường bị mù, ở trong địa ngục chịu khổ không ngừng, thường bị móc mắt.

Phật dạy:

–Nếu có người đối với kinh này tâm hủy báng, không kính tin thì ta nói tội của người ấy cũng giống như trường hợp trên.

A-nan thưa:

–Nếu có vị Bồ-tát, trụ đạo giác ngộ, kính tin, thấu hiểu kinh này, thọ trì không nghi ngờ, thì vị ấy sẽ sinh về cõi nào?

Phật dạy:

–Đó gọi là tùy thuận cúng dường các Đức Phật không hề sai khác.

A-nan bạch Phật:

–Nếu lại có người chẳng tin kinh này, tự mình phỉ báng lại xúi người khác phỉ báng theo những kẻ như thế sẽ thọ thân như thế nào, chịu quả báo đau khổ như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Hãy thôi, A-nan! Ông chớ nên hỏi điều ấy.

A-nan bạch Phật:

–Kính mong Thế Tôn hãy giải thích, giúp cho bốn chúng đệ tử ở đây, nếu có vị nào nghi ngờ chẳng tin, thì sau khi nghe Phật chỉ dạy như vậy thì sẽ tự hối cải về những lỗi lầm của mình mà sinh tâm kính tin trở lại.

Phật bảo:

–Nếu có kẻ chẳng tin kinh này mà còn phỉ báng, thì sẽ chịu quả báo có thân hình cao đến mười ngàn do-tuần, phải chịu thân hình cao lớn như vậy và chịu vô lượng sự đau khổ.

A-nan bạch Phật:

–Kẻ đó còn chịu quả báo về lưỡi như thế nào?

Đức Phật nói:

–Tội báo của người đó, lưỡi dài rộng mỗi bề một ngàn do-tuần, lại bị năm trăm ức chiếc lưỡi cày bằng sắt nung đỏ rực cày xới trên lưỡi người ấy, lại còn có năm trăm ức viên sắt nóng lên tuôn xuống như mưa trên lưỡi người đó. Vì sao? Vì người đó không biết ngăn ngừa nghiệp ác, tội lỗi phỉ báng nên phải chịu khổ như thế.

Lúc bấy giờ, bốn chúng nghe Phật nói như vậy, khắp mình đều nổi ốc, buồn bã khóc lóc, ngã lăn ra đất, rồi cùng một lời bày tỏ với Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như những vị nam, nữ trong dòng họ của Như Lai mà phỉ báng kinh này sẽ phải chịu tội báo như thế. Vì vậy mà chúng con hôm nay xin thay họ sám hối, khiến cho các tội lỗi được tiêu trừ, chẳng phải chịu lấy quả báo xấu xa cực ác như thế. Hôm nay, trước Thế Tôn và trước vô lượng các Đức Phật trong mười phương, chúng con là những kẻ ngu si mê tối, không tự biết tội lỗi của mình, chỉ có mắt Phật thì mới thật thấy thật chứng, chúng con thảy đều xin sám hối, từ nay về sau không dám gây tạo những tội ấy nữa. Ví như đứa trẻ chưa hiểu biết gì, không thể hiểu rõ, phân biệt căn lành. Hôm nay chúng con chí thành thống trách về tội lỗi của mình, kính mong Thế Tôn rủ lòng thương xót nhận cho chúng con sám hối.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay!

Bấy giờ bốn chúng đệ tử cùng thưa:

–Hôm nay chúng con thành tâm tự quy y, tất cả các tội lỗi đều sám hối, không dám che giấu.

Đức Phật nói:

–Các vị đã chí tâm sám hối như vậy, tất cả các pháp lành đều được tăng trưởng.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện nay trong chúng hội này, có người sinh tâm nghi ngờ thì tội ác nghiệp chướng cũng như thế không?

Đức Phật nói:

–Nếu trong chúng hội này có người sinh tâm nghi ngờ liền sám hối thì tất cả những tội khác và chịu quả báo cũng giảm nhẹ.

A-nan thưa:

–Thế nào là chịu tội giảm nhẹ?

Đức Phật nói:

–Lúc người ấy sắp chết, trong các lỗ chân lông trên thân mình đều chịu khổ, giống như đang ở trong địa ngục không khác. Vì sao? Vì người ấy kính tin lời dạy của Như Lai và kính tin vô lượng a-tăng-kỳ các Đức Phật, cũng như đã tự sám hối.

Này A-nan! Các vị nam, nữ trong dòng họ của Như Lai không rời bỏ tất cả mắt Phật đời quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu những người ấy muốn thấy vô lượng a-tăng-kỳ các Đức Phật và thấy vô lượng đóa hoa sen có cánh bằng kim cang với ánh sáng chiếu khắp nơi, tốt đẹp nhiệm mầu.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân hiện thân thành một vị trưởng giả, rải các thứ hoa khắp bốn chúng trong chúng hội, rồi nói:

–Sẽ dùng các thứ hoa này để cúng dường Phật, cho đến cúng dường kinh này.

Tức thì bốn chúng đệ tử liền tung rải những thứ hoa đó lên chỗ Phật, tạo thành một lọng hoa, cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà hiện ra điềm lành này? Hiện giờ ở trước Thế Tôn, có đóa hoa sen ấy, cũng như ở trước các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng cũng đều có hoa sen như vậy?

Đức Phật dạy:

–Nhờ công đức uy lực do giảng nói kinh này mà có điềm lành ấy. Nên biết các điềm lành ấy đều được năng lực thần thông giữ gìn.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năng lực uy thần của Phật có thể giữ gìn được pháp này không?

Đức Phật dạy:

–Này A-nan! Chính là thần lực của ta giữ gìn pháp ấy, cho đến hằng hà sa Đức Phật cũng đều giữ gìn.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này sẽ được gọi là kinh gì và thọ trì bằng cách nào?

Đức Phật dạy:

–Kinh này tên là Vô Trước Quả Vô Hữu Chủng Chủng Chư Tạp Ác Báo, nên thọ trì như thế. Đối với các pháp Tín hành, Pháp hành, tám bậc, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật hiểu đó là giả danh, không chân thật, cứ theo ý nghĩa đó mà thọ trì. Gọi là Lìa Bỏ Các Thứ Ma, nên thọ trì như thế. Kinh này cũng gọi là Xả Ma, nên thọ trì như thế. Cũng gọi là Lục Ba-la-mật, nên thọ trì như thế. Vì sao? Này A-nan! Nếu có người kính tin, thấu hiểu thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, giảng nói cho người khác nghe, nên biết thiện nam, thiện nữ ấy đã đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Làm cách nào thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, giảng nói cho người khác nghe thì liền được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Nếu các thiện nam, thiện nữ đã kính tin, thấu hiểu kinh này thì liền đầy đủ Đàn ba-la-mật. Đối với pháp này, tâm không phạm giới, đó gọi là Thi ba-la-mật. Nếu đọc tụng kinh này, tâm nhẫn không lui sụt tức là đầy đủ Sằn-đề ba-la-mật. Đối với kinh này, tâm không lui sụt, đó gọi là đầy đủ Tỳ-lê-da ba-la-mật. Kính tin, ưa thích kinh này, tâm không tán loạn, đó gọi là đầy đủ Thiền ba-la-mật. Hiểu rõ diệu lý kinh này, dứt các vọng tưởng phân biệt, đó gọi là đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Cho nên kinh này tương ứng với sáu pháp Ba-la-mật. Cũng gọi là Nhất Thiết Chư Phật Sở Thuyết Bất Thoái

Pháp Luân Quảng Bác Nghiêm Tịnh.

A-nan bạch Phật:

–Tên gọi kinh này, được nghe đã là khó rồi huống chi là được thấy kinh và vào đầu hôm, nửa đêm, gần sáng lại thọ trì đầy đủ.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông vừa nói.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người được nghe kinh này sẽ vượt khỏi bao nhiêu kiếp sinh tử?

Phật dạy:

–Nếu người được nghe tên kinh Bất Thoái Pháp Luân Quảng Bác Nghiêm Tịnh Phương Đẳng này, thì người ấy sẽ thoát ngàn kiếp sinh tử.

A-nan bạch Phật:

–Nếu có người nghe tên kinh này, kính tin, hiểu rõ và phát tâm Bồ-đề thì công đức người ấy sẽ được trụ ở giai vị nào?

Phật nói:

–Nếu có người nghe tên kinh này thì được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được địa vị không thoái chuyển.

Bấy giờ, ở trước bốn chúng đều có các tòa hoa sen với nhiều màu sắc, mỗi hoa có trăm ngàn muôn ức cánh hoa. Bốn chúng đệ tử vui mừng hớn hở, liền dâng rải những hoa ấy lên để cúng dường Đức Phật và cùng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đều sẽ vì mọi người mà giảng nói rộng khắp kinh này, giải thích hiển bày khiến cho kinh không bị dứt mất.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Tức thì vang lên nhạc trời, gió thơm thổi tới xông tỏa múi hương ngạt ngào. Trong hư không, rất nhiều vị trời cũng trỗi vô số các thứ nhạc trời, lại tuôn xuống như mưa các thứ hương trời bột mịn màng, các thứ hương chiên-đàn, trầm thủy, giao lương, mạt vàng Diêm-phù-đàn và các loại mạt bạc, lưới báu ma-ni phủ khắp phía trên và năm thứ hoa năm màu: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Ca-ca-la, hoa Ma-ha ca-ca-la, và tất cả các thứ hoa Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi. Rồi nào hương anh lạc, hương xoa, hương bột... tất cả vật cúng dường của các vị trời đều đầy khắp cả hư không. Trên mặt đất thì có vô số chúng dân cũng sửa sang y phục, hoa cúng dường. Lại có các chúng sinh khác đều cởi vô số những

vòng ngọc, xuyến vàng, chuỗi ngọc, mũ mão quý giá dâng lên Đức Thế Tôn. Lại có các chúng sinh khác rải vàng bạc lên chỗ Phật để cúng dường. Lại có các chúng sinh khác vui mừng hớn hở cùng nhau hô to: "Lành thay, lành thay!" Và các voi ngựa cũng kêu lên những tiếng êm tai.

Trên không trung muôn ngàn những loài chim chóc hót vang, để cúng dường Phật. Chúng sinh ở địa ngục được tạm vui do ngừng hình phạt. Các loài súc sinh thì tỏ ra thân ái, tưởng như cha mẹ, tất cả chúng sinh ở cõi vua Diêm-la cũng tạm được vui. Chúng sinh ở cõi ngạ quỷ thảy đều dứt hết mọi đói khát khổ não. Tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa,… cũng đều cảm thấy vui sướng, phát khởi lòng thương yêu lẫn nhau, xem nhau như cha con.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì hôm nay Đức Như Lai mỉm cười?

Phật bảo A-nan:

–Hiện nay, bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng tám bộ chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa… nếu trong đời này, đời sau được nghe kinh này, thì đều được không thoái chuyển trên đường tiến đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có khả năng nói rộng kinh này cho người khác nghe, không hề tổn giảm, cũng như ta hôm nay phân biệt, giảng nói,… không có sai khác.

Này A-nan! Những người nghe kinh này rồi, sinh tâm kính tin, hiểu rõ tức là gieo trồng hạt giống Phật, huống chi là thọ trì, đọc tụng, tu lành. Nên biết người này sẽ bỏ tất cả mọi trí thức thông thường và chẳng bao lâu sẽ đạt đến Nhất thiết trí, Tự nhiên trí. Do đó kinh này còn có tên là Bất Thoái Chuyển Pháp Luân Chi Ấn, kinh này có công năng đem lại những lợi ích lớn lao cho các vị Bồ-tát, cũng như tạo nhân duyên phát tâm đạo Vô thượng cho tất cả chúng sinh. Đã phát tâm rồi thì sẽ thành tựu đầy đủ kinh này.

Này A-nan! Như Lai chỉ bày cho các chúng sinh Nhất thiết trí. Nếu như có người nào, tuy lìa trí tuệ Phật, nhưng nghe kinh này thì được Tự nhiên trí và Phật trí, cũng được Phật thọ ký. Do vậy, kinh này còn có tên là Bất Thoái Chuyển Pháp Luân Quảng Bác Nghiêm Tịnh cũng gọi là Thành Tựu Cụ Túc Thiện Căn Trang Nghiêm Phương Tiện Vi Tác Lợi Ích Hành Đại Thừa Giả, A-nan nên ghi nhớ.

Bấy giờ, khi Đức Như Lai nói rộng kinh này thì có vô số các vị Bồ-tát đều được thành tựu pháp Nhẫn vô sinh; cùng với vô lượng, vô

biên a-tăng-kỳ ức số chúng sinh đều được an trụ không lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn nói kinh này xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan... cùng với bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và tám bộ chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều rất vui mừng, cung kính thực hành, lễ Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 268

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Trí Nghiêm và Bảo Vân, người Lương châu.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại tinh xá trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ cùng với một ngàn hai trăm mươi vị chúng Đại Tỳ-kheo.

Lúc bấy giờ, vào lúc gần sáng, Đức Thế Tôn nhập Chánh định Vô cấu quang, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nhập Chánh định Biến chiếu, còn Đại Bồ-tát Di-lặc thì nhập Chánh định Biến cự. Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất vào lúc gần sáng khi tướng sáng đã xuất hiện, nương vào thần lực Phật, Tôn giả ra khỏi phòng mình và đi đến phòng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Vừa định bước vào phòng thì chợt thấy đằng xa nơi tinh xá của Phật có đến mười ngàn đóa hoa sen liên tiếp nhau bay vòng quanh tinh xá, lại nghe tiếng âm nhạc ca ngợi. Các đóa hoa sen đó đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp khu Kỳ hoàn và nước Xá-vệ cho đến khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại chẳng thấy phòng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mà thấy mình đang đứng trước mặt Bồ-tát, còn Bồ-tát thì ngồi kiết già nhập định, nên Tôn giả liền búng ngón tay báo cho biết nhưng Bồ-tát vẫn an nhiên, lại cất tiếng gọi lớn mà Bồ-tát cũng chẳng hề lay động. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thấy thần lực như thế của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tự thấy thân mình đang ở trên biển lớn, từ chỗ này Tôn giả muốn dùng năng lực thần túc nương hư không trở về phòng mình nhưng không được, nên Tôn giả liền ngồi kiết già trước mặt Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhất tâm chiêm ngưỡng Bồ-tát, mắt không hề chớp.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đi về phương Đông, trải qua hằng hà sa thế giới đến một cõi Phật tên là Thuyết bất thoái chuyển âm thanh, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hoa Quang Khai Phu Biến Thân Như Lai, cả hai vị đều thấy từ tất cả lỗ chân lông trên thân Đức Phật ấy đều mọc ra hoa sen, rồi số hoa sen đó đầy khắp cả một vùng rộng đến một muôn do-tuần, đều phát ra ánh sáng chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Mỗi hoa ấy nở ra hàng trăm ngàn cánh, gốc bằng kim cương, cọng bằng lưới ánh sáng, tua bằng mã não A-mâu-trà, đài bằng chất báu Diêm-phù-na-đề trên đài hoa có vị Bồ-tát ngồi, không còn thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được pháp Tổng trì, đủ năm thần thông, các pháp nhẫn, thân trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng, thân màu vàng ròng.

Bấy giờ, từ nơi rốn của Đức Như Lai Hoa Quang Khai Phu Biến Thân mọc ra một hoa sen với màu sắc và ánh sáng thanh tịnh trang nghiêm, có trăm ngàn cánh, gốc bằng kim cương, cọng bằng lưu ly xanh, tua bằng lưới báu Nhân-đà-la, đài bằng Chiên-đàn bảo vương Ưu-lặc-ca-sa-la. Hoa ấy tươi sáng thanh tịnh không chút bụi bặm, chưa có người ngồi. Bấy giờ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bèn bước lên đài hoa ngồi kiết già, tức thì Bồ-tát và đài hoa ấy vụt biến cao vút tận hư không, cho đến tầng trời Hữu đảnh rồi trở lại chỗ Phật đi nhiễu bên phải ba vòng, cung kính đảnh lễ, trở lại ngồi trên tòa sen, nhất tâm chắp tay chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Như Lai Hoa Quang Khai Phu Biến Thân hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nhân giả từ cõi nào đến đây?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Con từ thế giới Ta-bà đến đây.

Khi ấy, hai vị Đại Bồ-tát theo hầu Đức Như Lai, là Mỹ Âm và Diệu Âm, đều là bậc không còn thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ hoa sen bước xuống, sửa sang lại y phục, gối phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế giới Ta-bà ấy cách cõi này bao xa?

Đức Như Lai đáp:

–Này hai vị thiện nam! Thế giới Ta-bà ấy ở phía Tây cõi này, cách đây với hằng hà sa số cõi Phật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ thế giới đó đến đây.

Hai vị Bồ-tát lại hỏi:

–Ở thế giới Ta-bà đó, Đức Phật hiện đang nói pháp danh hiệu là gì?

Đức Phật nói:

–Đức Phật ở đấy hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hiện giờ đang nói pháp.

Lại hỏi:

–Đức Phật, Thế Tôn ấy hiện đang nói pháp gì?

Đức Phật dạy:

–Phật Thích-ca Mâu-ni đang nói pháp ba thừa.

Hai vị Bồ-tát lại bạch Phật:

–Thế nào gọi là ba thừa?

Đức Phật nói:

–Ba thừa là Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa.

Hai vị Bồ-tát hỏi tiếp:

–Các Đức Phật nói pháp đều không bình đẳng chăng?

Đức Thế Tôn dạy:

–Các Đức Phật nói pháp đều bình đẳng.

Lại hỏi:

–Thế nào gọi là bình đẳng?

Đức Phật nói:

–Tất cả các Đức Phật đều nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân, vì thế nên gọi là bình đẳng.

Hai vị Bồ-tát lại hỏi:

–Vì sao Đức Phật Thích-ca lại nói pháp ba thừa?

Đức Phật dạy:

–Vì chúng sinh ở thế giới ấy tâm ưa thích pháp nhỏ, không kham nổi các pháp Đại thừa nên các Đức Phật Như Lai phải dùng năng lực phương tiện mà nói pháp ba thừa. Đức Phật Thích-Ca thị hiện ở cõi đời năm trược, vì chúng sinh ở cõi ấy không có khả năng tiếp nhận thẳng pháp Đại thừa cho nên Phật phải dùng phương tiện lần lượt nói ba thừa.

Hai vị Bồ-tát hỏi Phật:

–Đức Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà ấy nói pháp độ sinh hẳn là rất khó khăn?

Đức Phật nói:

–Đúng như vậy! Đức Phật đó nói pháp thật rất là khó khăn.

Lúc này hai vị Bồ-tát lại hỏi:

–Hiện nay chúng con được lợi ích lớn lao vì đã không sinh vào cõi Ta-bà ấy.

Đức Phật nói:

–Này hai vị thiện nam! Chớ nên nói như vậy, phải mau sám hối lỗi lầm của mình.

Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nghe ở thế giới ấy công việc nói pháp độ sinh rất khó khăn, cho nên đã không hề có một ý niệm ưa thích sinh về cõi đó. Vì sao Đức Thế Tôn dạy là phải mau sám hối lỗi lầm?

Đức Phật giảng:

–Các vị phải mau xả bỏ lời nói vừa rồi và phải nên sám hối lỗi lầm của mình. Vì sao? Vì nếu ở thế giới này, vun trồng các căn lành trong hai mươi ức trăm ngàn na-do-tha kiếp không bằng ở thế giới Ta-bà chỉ trong khoảng một bữa ăn. Vậy mà Đức Phật ở đấy đã giảng nói các pháp Ba-la-mật, giáo hóa từng chúng sinh khiến họ thọ ba quy y, giữ gìn năm giới, xa lìa tâm Thanh văn, sự hành hóa của Bồ-tát ở cõi đó rất khó khăn. Huống chi là xuất gia trong chánh pháp, phát tâm Bồ-tát, đem lại lợi lạc lớn cho chúng sinh. Cho nên công việc hành hóa của Bồ-tát như thế rõ ràng là bội phần khó khăn, công đức đó thật là vô lượng. Vì sao? Vì ở thế giới Ta-bà ấy vốn đầy dẫy những thứ nhơ xấu.

Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

–Thế giới Ta-bà đó có những thứ nhơ xấu gì?

Phật bảo hai vị Bồ-tát Mỹ Âm và Diệu Âm:

–Về những việc nhơ xấu ở thế giới Ta-bà, dù ta dùng thần khẩu mà nói ra thì cho dẫu đến hết tuổi thọ của hai vị cũng không thể hết. Vì sao? Vì chúng sinh ở thế giới ấy phiền não rất sâu dày, thường tham dục, giận dữ, ngu si lại có vô lượng, vô biên các pháp bất thiện, ta dùng trí tuệ Phật thì mới có thể biết được.

Lúc này, hai vị Bồ-tát Mỹ Âm, Diệu Âm liền khen ngợi ba lần:

–Lành thay, lành thay, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni! Lành thay, lành thay, Đức Thích-ca Sư tử! Lành thay, lành thay, Đức Thích-ca Tiên Vương!

Khen ngợi xong, hai vị Bồ-tát đều nhất tâm chắp tay, sám hối những ý nghĩ sai lầm vừa rồi của mình:

–Chúng con hoặc gây ra tham dục, tức giận, ngu si, vô lượng, vô biên các pháp bất thiện, hoặc từng phát tâm cầu quả Thanh văn, Bích-chi-phật... nay đều xin sám hối. Chúng con muốn đem tâm thanh tịnh trong sáng cầu tâm trí tuệ Phật, thuận theo tâm giải thoát, nhằm đạt đến trí tuệ giác ngộ như Phật, nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh. Dùng tâm thích ứng không đắm căn lành, cầm hoa bảy báu, các hoa ấy đều phát ra trăm ngàn màu sắc và ánh sáng, lại có trăm ngàn cánh, gốc bằng kim cương, tua bằng lưới báu Nhân-đà-la, đài bằng Chiên-đàn bảo vương ưu-lặc-ca-sa, cọng bằng tất cả các thứ vật báu quý giá nhất, hoa này màu sắc tươi sáng, không chút bụi bặm, chẳng thể dùng nhãn thức để biết, không thể dùng tay để tiếp xúc, giống như quả báo huyễn hóa, từ chánh định chánh quán sinh ra, ở trong hư không, từ xa tung rải trên Phật Thích-ca Mâu-ni, số lượng hoa tung rải trong hư không đó đều biến thành vô số các tràng hoa, mây hoa, lọng hoa, vô số những châu báu lụa là kết thành xâu chuỗi, thành đám mây, thành những dù lọng, để cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Lại còn dùng tràng hoa trăm ngàn màu, hương bột, hương xoa, hương chiên-đàn bột, cũng từ xa tung rải cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Hai vị Bồ-tát ngay tại chỗ ấy năm vóc gieo sát đất, đảnh lễ dưới chân Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và cùng bạch:

–Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật, cùng các vị Đại Bồ-tát ở thế giới Ta-bà, những bậc đã phát tâm đại trang nghiêm, thành tựu năng lực đại tinh tấn lớn lao theo đúng con đường của các bậc tiền bối, có khả năng giữ gìn chánh pháp, có oai lực lớn, có khả năng làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, giúp họ được thông tỏ, mong cầu Nhất thừa, có thể bảo vệ thành trì Phật pháp ba đời, khiến cho hạt giống Phật được gieo trồng khắp thế giới Ta-bà.

Hai vị Bồ-tát lại nói tiếp:

–Bây giờ, chúng con phải đến thế giới ấy để ra mắt Đức Thích-ca Mâu-ni, các vị Đại Bồ-tát và các chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Như Lai Hoa Quang Khai Phu Biến Thân nghe hai vị Bồ-tát nói như thế, nhận biết rõ tâm thành của họ, cũng là nhằm để mở mang Phật pháp nên bảo hai vị:

–Này hai vị thiện nam! Các vị muốn đến thế giới Ta-bà ra mắt Phật Thích-ca Mâu-ni, các vị Bồ-tát và các chúng sinh ở đấy thì phải sinh tâm tôn trọng, tâm thương xót, tâm làm lợi ích. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát ở thế giới đó đối với các pháp sâu xa không hề sợ sệt, cũng không bài bác, lại có

thể kính thờ, tu tập đúng theo giới luật và giáo pháp của các Đức Phật trong ba đời, luôn đem tâm không vướng mắc mà vun trồng các căn lành, thực hiện trọn vẹn các pháp Ba-la-mật mà chẳng cầu quả báo. Các vị Đại Bồ-tát ấy, do bản nguyện của mình nên đã được sinh về cõi Phật đó, là nhằm để giữ gìn thành trì Phật pháp, cũng là nhằm để được học hỏi đầy đủ tất cả các pháp Phật. Giờ đây hai vị có muốn đến thế giới ấy không?

Hai vị Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con nương theo thần lực của Phật và uy thế của các Đức Phật trong ba đời giúp sức cho chúng con được đến thế giới ấy.

Bấy giờ, Đức Như Lai Hoa Quang Khai Phu Biến Thân bảo hai vị Bồ-tát Mỹ Âm và Diệu Âm:

–Hôm nay hai vị muốn đến cõi Phật ấy thì sẽ cùng đi với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử. Thiện nam ấy sẽ cùng đi với hai vị.

Hai vị Bồ-tát Mỹ Âm và Diệu Âm cùng thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hôm nay chúng tôi nhờ uy lực của Nhân giả để đến thế giới Ta-bà ra mắt Đức Thích-ca Như Lai, các vị Bồ-tát và chúng sinh ở đấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Thưa hai vị thiện nam! Hôm nay tôi muốn đến khắp các thế giới trong mười phương, là nhằm để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, lễ bái các Đức Phật, cũng là nhằm giúp cho tất cả chúng sinh đạt đến giác ngộ, được trí tuệ Phật.

Hai vị Bồ-tát thưa:

–Hôm nay chúng tôi cùng với Nhân giả đến khắp các thế giới trong mười phương để được cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, lễ bái các Đức Phật, xin Nhân giả giúp tất cả chúng sinh lãnh hội được trí tuệ Phật, chúng tôi cũng học hỏi theo.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đảnh lễ Đức Như Lai Hoa Quang Khai Phu Biến Thân, đi nhiễu theo bên phải Phật ba vòng, tôn trọng cung kính, cùng hai vị Bồ-tát Mỹ Âm, Diệu Âm và Tôn giả Xá-lợi-phất, nhận lãnh những lời chỉ giáo của Phật, nhất tâm chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật rồi dần lui bước, lại rải các thứ hoa như huyễn lên chỗ Phật, dùng các tràng hoa, cờ phướn dù lọng, cùng nhiều loại hương xoa, hương

bột, đều là từ năng lực oai thần của các Đức Phật trước, sinh tâm vui mừng hớn hở, đem các thứ ấy cúng dường Phật, cúng dường pháp, giúp cho chúng sinh đạt đến giải thoát. Cúng dường Phật xong chỉ trong khoảnh khắc, các vị đã biến khỏi cõi Phật ấy và tiếp tục đi về phương Đông, lần lượt đi qua hằng hà sa các cõi sa Phật, nhận thấy các Đức Phật thảy đều nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân.

Thế giới các Đức Phật ấy không có người nữ, cũng không có người tu theo các thừa Thanh văn, Duyên giác, thế giới trang nghiêm đều như ở cõi Phật Hoa Quang Khai Phu Biến Thân Như Lai. Các Bồ-tát trang nghiêm đầy khắp cõi nước ấy cũng giống như vậy. Chư Phật ở các cõi ấy từ nơi rốn cũng đều hiện ra một hoa sen lớn và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ngồi trên đài hoa đó, cung kính cúng dường, hiện các thần biến cũng đều như trên.

Các phương Nam, phương Tây, phương Bắc, tứ duy và hai phương trên dưới, cũng giống như thế, mỗi phương có hằng hà sa các Đức Phật Như Lai, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều hiện ra trước các Đức Phật ấy. Các Đức Phật ấy đều nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân, cũng sai các vị Đại Bồ-tát thị giả, các Bồ-tát này bước xuống đài hoa sen, nhất tâm niệm Phật, chắp tay cung kính, thưa hỏi Đức Phật ấy thế nào gọi là ba thừa, cũng muốn nhờ vào năng lực oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi để đến thế giới Ta-bà ra mắt Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng nghe nhận giáo pháp. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thảy đều an ủi, khuyến khích các vị Đại Bồ-tát trong các thế giới ở mười phương là sẽ cùng đi với mình đến thế giới Ta-bà để ra mắt Phật Thích-ca Mâu-ni.

Trong khoảng thời gian đó thì ở cõi Diêm-phù-đề của thế giới Ta-bà này trời vẫn còn nửa đêm chưa sáng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan nhìn thấy ánh sáng từ bên ngoài theo khe hở của cửa lớn chiếu vào phòng mình, liền rời khỏi giường nằm đứng dậy bước ra khỏi phòng, thấy có ánh sáng chiếu khắp cả khu Kỳ hoàn, mà mặt trời vẫn chưa mọc, lại thấy khu Kỳ hoàn này đầy ắp những nước, nước trong veo yên lặng như tờ không chút xao động, mà phòng ốc cây cối chẳng thấy đâu cả. Tôn giả A-nan liền nghĩ: "Chắc chắn hôm nay Đức Thế Tôn sẽ nói các pháp chưa từng có nên mới hiện ra điềm lành này."

Thế rồi Tôn giả A-nan giở chân bước vào trong nước, nhưng chân không bị chìm cũng chẳng bị ướt, tâm sinh vui mừng liền đi đến tinh xá của Phật, thấy có cả vạn đóa hoa sen đang bay vòng quanh tinh xá Phật, lại

nghe có tiếng âm nhạc khen ngợi. Các hoa sen đó phát ra ánh sáng, chiếu khắp cả khu Kỳ hoàn và khắp nước Xá-vệ, cho đến tam thiên đại thiên thế giới. Nhờ oai thần Phật khiến cho Tôn giả A-nan sinh tâm vui mừng hớn hở, gối phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay đảnh lễ Thế Tôn, trong khoảng thời gian đó trời đã sáng hẳn. Bấy giờ, trong những đóa hoa sen bay quanh tinh xá Phật bỗng có một hoa sen bay đến trụ giữa rừng Kỳ-đà. Tôn giả A-nan thấy sự việc ấy liền nghĩ: "Bấy giờ, ta phải đến lo sửa soạn pháp tòa cho Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì nay có điềm lành như thế thì chắc chắn là Đức Thế Tôn sẽ nói pháp Đại thừa?"

Công việc sửa soạn pháp tòa của Tôn giả vừa xong, tức thì mặt đất rung chuyển sáu cách, cho đến hằng hà sa thế giới trong mười phương cũng đều rung chuyển đủ sáu cách: rung động, phát khởi, vang động, lay chuyển, vọt lên và gào thét. Rồi thì trời tuôn xuống như mưa các loại hoa Mạn-đà-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, các thứ hoa ấy tung rải đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các cây có hoa trái tự nhiên xuất hiện. Lúc đó, các vị Tỳ-kheo muốn ra khỏi khu vực mình ở như không thể được vì trông thấy cả khu Kỳ hoàn đầy những nước là nước, nước rất trong xanh không chút xao động, vẩn đục. Các phòng ốc, cây cối không thấy đâu cả chỉ thấy ánh sáng chiếu khắp khu Kỳ hoàn. Vì thế họ tụ lại nơi cửa phòng cùng bàn tán với nhau: "Hôm nay hiện ra điềm lành này, chắc là Đức Thế Tôn sẽ nói pháp Đại thừa."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn xuất định, ra khỏi tinh xá, lên ngồi trên pháp tòa. Cùng lúc đó, Đức Thích-ca Mâu-ni và các Đức Phật trong mười phương cùng phát ra những lưới ánh sáng rực rỡ với trăm ngàn màu sắc soi sáng chánh pháp, nhằm khiến cho các chúng sinh khởi tâm ưa thích.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng hai vị Bồ-tát Mỹ Âm và Diệu Âm đi khắp các cõi Phật, đến nơi nào Bồ-tát cũng đều lễ bái cúng dường các Đức Phật, tôn kính khen ngợi. Vì tất cả chúng sinh, vì đạt được trí tuệ Phật, vì giúp chúng sinh để họ nhận lấy sự giáo hóa, nên Bồ-tát đã hiện những việc thần biến không thể suy nghĩ bàn luận tùy theo sự ưa thích của họ mà nói pháp. Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử biết Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã an tọa trên pháp tòa, liền cùng các vị Đại Bồ-tát từ dưới đất hiện lên, đứng trước Đức Phật, cùng với vô lượng a-tăng-kỳ số trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị Đại Bồ-tát đi nhiễu quanh Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đến trăm ngàn vòng rồi cầm các hoa có trăm ngàn muôn

ức màu sắc, các hoa ấy có trăm ngàn muôn cánh nhiều chẳng thể suy nghĩ bàn luận, đều sinh tâm vui mừng hớn hở, tung rải lên chỗ Phật để cúng dường. Các hoa tung rải ấy đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, các vị Bồ-tát lại dùng hương Chiên-đàn bột Ưu-lặc-ca-sa-la rải lên chỗ Phật, lại rải các thứ hoa hương.

Các thứ hoa hương ấy cũng có trăm ngàn màu sắc, thường thoảng ra hương thơm Trì giới, hương thơm Nhẫn nhục, hương thơm Tinh tấn, hương thơm Thiền định, hương thơm Trí tuệ; hương thơm trí phương tiện, hương thơm thần thông, hương thơm sáu pháp Ba-la-mật, hương thơm không chấp trước, hương thơm của các đạo phẩm phương tiện. Các thứ hương chiên-đàn ấy có công năng làm cho vui mừng hớn hở, ánh sáng của các thứ hương ấy đều được sự giữ gìn do thần lực của các Đức Phật trong mười phương, vì cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Vì thế các vị Đại Bồ-tát đều phát khởi sự Tinh tấn lớn lao, tinh tấn mạnh mẽ, sự tinh tấn vượt hơn mọi thứ, sự Tinh tấn vững chắc, sự tinh tấn không gì có thể sánh được, tất cả để cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các vị Đại Bồ-tát muốn tăng thêm vẻ trang nghiêm cho cõi này, nên đã tạo ra những cây báu Ma-ni hình tám cạnh, lại có các thứ cây báu trang nghiêm, cùng với những lọng báu, cờ phướn và các lưới linh để trang sức, biến khắp mặt đất thành báu ma-ni, trên mặt đất ấy có tạo ra những tòa gác nguy nga với những cửa lớn, cửa sổ, lan can, tường vách đều làm bằng những loại châu báu. Rồi nào sông suối, ao hồ lớn nhỏ với các loại hoa: Ưu-bát-la, Ba-đầu-ma, Phân-đà-lợi, báu Ma-ni. Nước cam lộ đầy ngập trong đó, nước ấy có tám mùi vị tuôn chảy. Lại có vô số loài chim bay đến tụ tập trên cây.

Các vị Đại Bồ-tát tạo ra các sự biến hóa ấy nhằm giúp cho chúng sinh khởi tâm vui mừng, vì chứng được trí Phật, phát tâm nhẫn nhục chịu đựng, phát tâm Bồ-đề, hóa hiện vô lượng thần biến như thế là nhờ vào năng lực của các Đức Phật, cũng là thần lực của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, cũng là năng lực bản nguyện của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các vị Đại Bồ-tát làm việc thần biến ấy xong, liền đứng trước Đức Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phát ra ánh sáng từ pháp sinh, chiếu khắp thân Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các vị Đại Bồ-tát khiến hai vị này ngồi, Đức Phật liền mỉm cười, từ thân hiện ra hoa sen, hoa ấy có trăm ngàn màu sắc, phát

ra vô lượng trăm ngàn không thể nghĩ bàn ánh sáng, gốc là kim cương, nhụy là báu Nhân-đà-la, đài bằng Chiên-đàn bảo vương Ưu-lặc-ca-sa-la và ở trên hư không các vị Đại Bồ-tát đều ngồi kiết già trên hoa sen ấy.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ nơi rốn phát ra một luồng ánh sáng rực rỡ gọi là Chiếu chư chúng sinh tối thắng kim cang vương. Trong luồng ánh sáng đó có một ức na-do-tha hoa sen, các hoa sen này cũng phát ra ngần ấy màu sắc vắng lặng vô lượng, vô biên, còn hơn ánh sáng mặt trời, mùi thơm thanh tịnh, tinh khiết chiếu khắp mười phương. Trong mỗi đóa hoa tự nhiên biến thành một màn hoa nhiệm mầu, được các Đức Phật giữ gìn, từ pháp tánh sinh ra, an ổn vắng lặng, thuận theo cửa giải thoát là không, vô tướng, vô tác, tương ưng với không sinh, không diệt, vượt qua ba cõi, mắt thấy bình đẳng, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi an tọa trên màn hoa, thân tướng hiện rõ, nhất tâm chắp tay chánh niệm quán tưởng Phật, cái gọi là Phật có khả năng thông đạt tất cả các pháp, có khả năng sinh ra pháp chánh định Kim cang, chánh định thấy tất cả pháp không thật có. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết các vị Đại Bồ-tát theo hầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các Đức Phật trong mười phương ưa thích, mong cầu chánh pháp, chuyên hướng Nhất thừa, đối với các Đức Phật đời quá khứ đã vun trồng các căn lành, được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi che chở nên tâm không yếu đuối, siêng tu tinh tấn, cầu được giác ngộ như Phật, tất cả các vị Bồ-tát đều ngồi xong.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Ông hãy đi khắp rừng Kỳ-đà, báo cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di để họ nhóm họp nghe pháp.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy bèn đến phòng các Tỳ-kheo thông báo:

–Thưa các Đại đức! Hôm nay Đức Thế Tôn bảo các Đại đức nhóm họp nghe pháp.

Các vị Tỳ-kheo thưa:

–Thưa Đại đức A-nan! Chúng tôi trước đã thấy điềm lành ấy nhưng không thể đi đến đạo tràng được.

Ngài A-nan hỏi:

–Vì việc gì mà các Đại đức không đến được.

Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi thấy khắp rừng Kỳ-đà đầy ắp những nước, nước thật trong

trẻo, không chút xao động vẩn đục, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp, phòng ốc cây cối thì hoàn toàn chẳng thấy. Do vậy mà chẳng thể đi đến đạo tràng được.

Tôn giả A-nan nghe nói thế liền trở lại chỗ Phật, thưa rõ mọi việc với Đức Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

–Các Tỳ-kheo ấy, ở nơi không có nước mà tưởng là có nước, chẳng những ở nơi không có nước tưởng là có nước mà còn đối với chẳng phải sắc mà tưởng là có sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức mà tưởng là có thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải là tin tưởng vững chắc mà tưởng là tin tưởng vững chắc, chẳng phải là pháp vững chắc mà tưởng là pháp vững chắc, chưa vào hàng tám bậc tưởng là đã vào hàng tám bậc, chưa chứng được bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán mà tưởng mình đã chứng được, chưa đạt được các thừa Thanh văn, Bích-chi-phật mà đã tưởng là đạt được... Này A-nan! Ông hãy đến báo lại cho các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di biết để đến nhóm họp nghe pháp, vì đây là pháp mà các vị chưa từng được nghe.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật, lại đến chỗ các vị Tỳ-kheo thông báo:

–Thưa các Đại đức! Đức Thế Tôn dạy các vị hãy nhóm họp nghe pháp.

Âm thanh ấy vang khắp cả nước Xá-vệ khiến các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều nghe âm thanh ấy. Lúc này, Tôn giả A-nan biết bốn bộ chúng nghe lời mình thông báo rồi, bèn trở về chỗ Phật bạch Phật là mình đã hoàn tất công việc được giao.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

–Tôn giả hãy đi khắp tam thiên đại thiên thế giới, thông báo cho các vị Đại Bồ-tát là những vị phát tâm đại trang nghiêm và các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tám bộ chúng Trời, Rồng, Da-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân là những vị kính tin Phật, Pháp, Tăng từ lâu đã gieo trồng các căn lành, tất cả hãy nhóm họp tại rừng Kỳ-đà để nghe nhận chánh pháp. Pháp này là pháp từ trước tới nay các vị chưa từng được nghe, Trời, Người, A-tu-la và các thế gian khác không thể chuyển được. Chỉ có các vị Đại Bồ-tát, đối với các Đức Phật quá khứ từ lâu đã vun trồng các căn lành: ưa thích mong cầu Đại thừa, Tối thắng thừa, Đệ nhất thừa, Vô thượng thừa, Vô đẳng đẳng thừa,

phát tâm cầu cảnh giới trang nghiêm lớn lao, siêng năng thực hành pháp này thì mới có thể chuyển được.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy, liền biến mất trước Phật, chỉ trong khoảnh khắc đã đi khắp tam thiên đại thiên thế giới thông báo cho các vị Đại Bồ-tát, bốn chúng đệ tử cùng tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa... những vị đã từng kính tin Tam bảo, từ lâu đã vun trồng các căn lành:

–Đức Thế Tôn dạy các vị hãy đến nhóm họp nghe pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên nương uy lực Phật và thần túc của mình trở về chỗ Phật, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị đến nghe pháp đã nhóm họp đầy đủ.

Bấy giờ, bốn chúng đã nhóm họp đông đủ, chiếm một khoảng rộng lớn đến một ngàn do-tuần, trên hư không, các vị trời và các chúng sinh khác trụ trong hư không cũng chiếm một khoảng rộng đến năm ngàn do-tuần.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ bốn chúng đã nhóm họp đông đủ, nhất tâm chắp tay đảnh lễ Đức Như Lai, cung kính cúng dường, nhưng vì oai đức của Thế Tôn nên chưa dám ngồi, vậy cúi mong Thế Tôn từ bi thương xót cho bốn chúng được ngồi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Lúc ấy, có vô số hoa sen màu vàng Diêm-phù-na-đề từ dưới đất vụt hiện lên, mỗi đóa hoa có tới trăm ngàn cánh, gốc bằng chất báu Thị-lợi-ca, nhụy là báu Nhân-đà-la-ni, đài bằng trân châu đỏ, cọng bằng bảy thứ báu, lớn như bánh xe, các vị đến nhóm họp ở trước Phật đều ngồi hoa sen ấy. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các vị Đại Bồ-tát từ các phương khác nhóm họp đến cũng đều ngồi trên hoa sen đó. Tất cả các vị Bồ-tát tự trang nghiêm thân sắc vàng ròng của mình, bằng ba mươi hai tướng, đều nhập các Tam-muội, thân phát ánh sáng.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các vị Đại Bồ-tát, bốn chúng đến nhóm họp và ngồi trên các đài hoa sen, đều cúi mình cung kính, nhất tâm chắp tay chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ bốn chúng này và các vị trời trên hư không đều đã ngồi xong. Kính mong Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác nói rộng về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân. Hiện giờ trong chúng

hội Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng trăm ngàn các vị trời đều nghĩ rằng mình đã chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, tưởng mình đã được thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật.

Cúi mong Thế Tôn hãy giúp cho bốn chúng ở đây dứt bỏ các ý tưởng ấy, đồng thời do nhân duyên nào mà Thế Tôn đã nói về các quả, các thừa ấy.

Đức Phật im lặng không trả lời.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vào lúc cuối đêm, khi tướng sáng xuất hiện, con từ phòng mình đi đến phòng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, lúc sắp sửa bước vào phòng thì chợt thấy từ xa bên cạnh tinh xá Phật có mười ngàn đóa hoa sen bay vòng quanh tinh xá, lại nghe có tiếng âm nhạc ca tụng. Các hoa sen ấy đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp rừng Kỳ-đà và nước Xá-vệ, cho đến cả tam thiên đại thiên thế giới. Những hình ảnh như vậy là điềm lành báo trước việc gì?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đó là điềm lành báo trước việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khuyến thỉnh ta nói pháp.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn vào lúc cuối đêm, con thấy ánh sáng từ bên ngoài theo khe hở của cửa lớn chiếu vào phòng nên rời khỏi giường đi ra ngoài thì thấy ánh sáng rực rỡ chiếu khắp rừng Kỳ-đà giống như mặt trời đã mọc, lại thấy cả rừng Kỳ-đà đầy ắp nước, nước rất trong trẻo không chút vẩn đục, phòng ốc cây cối đều biến mất, những hình ảnh như vậy là điềm lành báo trước việc gì?

Đức Phật đáp:

–Đó là điềm lành báo trước việc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi sẽ khuyến thỉnh ta giảng nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì Tôn giả A-nan mà nói kệ:

Phật thừa không gì hơn
Thanh tịnh không nhơ uế
Văn-thù bậc không sợ
Nay hỏi việc như vậy.
Thừa ấy không phân biệt
Vô lậu, không đùa bỡn

Văn-thù bậc không sợ
Nay hỏi việc như vậy.
Thừa đó không thật có
Rốt ráo chẳng chỗ sinh
Chỗ ấy không đáng đắm
Nay Văn-thù đã hỏi
Việc ấy không hề nói
Xuất sinh ra các quả
Chư Phật dắt dẫn đời
Nói lời mềm mỏng này.
Bồ-đề không âm thanh
Cũng không tướng đến đi
Văn-thù bậc không sợ
Nay hỏi việc như vậy
Tuy nói các âm thanh
Tánh nó chẳng thật có
Pháp do Văn-thù hỏi
Không âm thanh, tên gọi
Âm thanh như gió thoảng
Không tánh, chẳng chỗ trụ
Pháp do Văn-thù hỏi
Xa lìa các âm thanh
A-nan hãy lắng nghe
Pháp do Văn-thù hỏi
Các Phật nêu mật ngữ
Giảng nói Bồ-đề không
Pháp Bồ-đề các Phật
Tướng thảy đều vắng lặng
Không có các nơi chốn
Cũng chẳng có chỗ trụ
Bồ-đề như hư không
Chẳng sinh cũng không diệt
Cũng không tướng đến đi
Chỉ Phật hiển bày được
Giống như trong hư không
Không có các tướng mạo
Nay Văn-thù hỏi đó
Pháp Bồ-đề nhiệm mầu

Các Phật trong ba đời
Đều nói Bồ-đề này
Chẳng phải pháp thấy được
Cũng chẳng có người thấy
Tánh tướng pháp như vậy
Nhờ âm thanh hiện rõ
Pháp giới và Bồ-đề
Cả hai không thấy nhau.
Đàn ba-la-mật trọn
Trì giới cũng như thế.
Bậc đạt được Nhẫn nhục
Phật Bồ-đề hiện rõ.
Đạt được hạnh Tinh tấn
Thiền định cũng như vậy.
Trí tuệ được thanh tịnh
Hiểu bày được Bồ-đề.
Đạt được các phương tiện
Đến bờ kia thần thông.
Không tựa, không chỗ nương
Dùng thanh nói Bồ-đề.
Ta nói pháp ba thừa
Các quả tên gọi khác
Tùy họ thích nghe gì
Mà giảng nói cho hiểu.
Chúng sinh đời năm trược
Tâm ý thường yếu hèn
Sợ sệt trí tuệ Phật
Chẳng hướng tới Bồ-đề
Thành tựu quả thứ tư
Gọi là A-la-hán,
Theo âm thanh giác ngộ
Đó gọi là Thanh văn.
Ta nêu tướng buộc, mở
Nhân duyên không giống nhau
Hiểu rõ các duyên ấy
Sẽ hiện thấy các pháp
Gọi là A-la-hán
Cũng gọi Bích-chi-phật

Thông đạt pháp Vô sinh
Đó gọi là Bồ-tát
Không Tam-muội, Vô tác
Vô tướng, không thật có
Từ cửa giải thoát này
Mà vào được Niết-bàn
Ở mé trước, giữa, sau
Không bao giờ mê đắm
Đã lìa khỏi nơi chốn
Đó gọi là vô vi.
A-nan ông nên biết
Văn-thù hỏi sâu xa
Hiểu được lời nhiệm mầu
Chẳng phân biệt các quả
Văn-thù trụ Nhất thừa
Chẳng phân biệt các pháp
Vì thế nên hỏi Phật
Cho nên tướng các cõi
Ba đời đều bình đẳng
Vắng lặng, chẳng tánh tướng
Xa lìa mọi âm thanh
Chẳng phân biệt Bồ-đề
Được Văn-thù giáo hóa
Các Bồ-tát đến nhóm
Hai mươi hằng hà sa
Số ấy không giảm bớt.
Hôm nay đến chỗ ta
Muốn nghe hạnh Bồ-tát
Cũng muốn nghe ba thừa.
Các thứ tướng khác nhau
Văn-thù bậc không sợ
Vì trừ tâm nghi kia
Cho nên nay hỏi ta
Tướng thừa và tướng quả
Đó là uy thần Phật
Cũng là sức bản nguyện
Nhằm giúp chúng sinh khổ
Phân biệt nói ba thừa.

Văn-thù bậc không sợ
Tha thiết khuyến thỉnh ta
Cúi xin Đại Pháp Vương
Nói việc của Bồ-tát
Trăm ngàn ức vị trời
Cúng dường Phật, Thế Tôn
Đều đắm tướng các quả
Xin trừ tâm nghi này
Giờ bốn bộ chúng này
Tỳ-kheo thảy đến nhóm
Đắm âm thanh các quả
Không hiểu lời nhiệm mầu.
Nhằm dứt bỏ nghi ấy
Nay Văn-thù hỏi ta
Do những nhân duyên nào
Các Bồ-tát đến nhóm.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

QUYỂN 2

Lúc bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đã khuyến thỉnh Đức Thế Tôn nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân phải chăng?

Đức Phật nói:

–Đúng thế, này A-nan! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử hỏi ta về pháp ấy. Vì sao? Vì các Đức Phật, Thế Tôn đều nói pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân.

A-nan bạch Phật:

–Do nhân duyên nào Thế Tôn nói về Kiên tín, Kiên pháp, tám bậc, bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật?

Bạch Thế Tôn! Điều các vị ấy thực hành có phải là pháp của Bồ-tát không?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Điều các vị ấy thực hành chính là pháp của Bồ-tát. Vì sao? Vì chúng sinh ở cõi đời năm trược tâm thường ưa thích pháp nhỏ, chẳng cầu các pháp Đại thừa. Do đó, các Đức Phật dùng năng lực phương tiện tùy theo căn tánh của chúng sinh mà nói pháp, vì phần lớn chỉ ưa thích pháp nhỏ, không kham nỗi các pháp Đại thừa nên Như Lai cũng dùng năng lực phương tiện quán sát tâm sâu xa, khiến họ phát khởi tâm cầu đạo Bồ-đề, vào được trí tuệ Phật.

Này A-nan! Như Lai dùng phương tiện như vậy để hóa độ chúng sinh đến nơi an ổn, vô vi vô tác, lìa pháp tâm sở, tất cả đều bình đẳng, dứt hẳn khổ vui, không có nơi chốn, cũng không có chỗ trụ, an ổn vắng lặng, Niết-bàn Vô dư.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói lời ấy rồi im lặng không nói nữa.

Tôn giả A-nan liền hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì sao Như Lai im lặng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này Tôn giả A-nan! Vì chúng sinh khi nghe nói pháp này thì ít người có khả năng kính tin, vì vậy mà Đức Thế Tôn im lặng. Đức Thế Tôn nói những lời mật ngữ nhiệm mầu như thế chỉ có mình ta thấu hiểu, nay bốn bộ chúng đều sinh nghi ngờ: "Do duyên cớ nào mà Đức Thế Tôn nói về pháp Kiên tín, Kiên pháp, cho đến Thanh văn, Bích-chi-phật?"

Hiện giờ trong trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị trời này cũng có trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị Đại Bồ-tát đều sinh tâm nghi ngờ: "Vì sao Đức Thế Tôn nói về Kiên tín, Kiên pháp, cho đến Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa? Cho nên Đức Thế Tôn im lặng không nói pháp khó tin này."

Khi Đức Thế Tôn giảng nói về pháp đó thì nơi các sông ngòi, suối ao, nguồn lạch lớn nhỏ đều dừng không chảy. Các loài chim trong hư không cũng đều dừng cánh, không bay. Mặt trời, mặt trăng không chuyển vận, tất cả đèn đuốc đều không còn tỏa sáng. Tất cả các chúng sinh đều không còn oai quang. Vì sao? Vì Đức Thế Tôn im lặng không giảng nói pháp khó tin.

Lúc này, một vạn hoa sen đang nối tiếp nhau bay vòng quanh tinh xá của Đức Thế Tôn đều phát ra âm thanh khuyến thỉnh:

–Cúi mong Đức Thế Tôn nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân. Vì sao? Vì chúng con từng ở nơi này được nghe chín mươi hai ức trăm ngàn na-do-tha các Đức Phật đều nói về pháp này.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân. Vì sao? Vì lúc cuối đêm vừa rồi, con cùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đi về phía Đông, trải qua hằng hà sa cõi Phật, các Đức Như Lai ở các cõi đó đều nói pháp ấy. Phương Nam, Bắc, Tây, tứ duy và hai phía trên dưới, vô lượng, vô biên không thể tính kể các Đức Phật, Thế Tôn ở các cõi đó đều giảng nói pháp ấy.

Lúc này, trong hư không có tám mươi vạn năm ngàn na-do-tha các vị trời cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn nói về pháp Quảng bác nghiêm tịnh bất thoái chuyển luân. Vì sao? Vì chúng con đã ở chỗ này nghe chín mươi

hai ức trăm ngàn na-do-tha Đức Phật đều nói pháp ấy.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào mà Thế Tôn giảng nói về Kiên tín, Kiên pháp cho đến hai thừa Thanh văn, Bích-chi-phật? Hiện giờ bốn chúng này đều yên lặng, ngay đến tiếng ho hen cũng không. Hiện giờ trong hội này có trăm ngàn muôn ức chúng sinh đều sinh tâm nghi ngờ, chưa rõ do đâu mà Thế Tôn nói về Kiên tín, Kiên pháp, cho đến hai thừa Thanh văn, Bích-chi-phật.

Kính mong Đức Thế Tôn nhổ mũi tên nghi ngờ trong tâm đại chúng này, nói rõ về thời chứng của Phật cho đại chúng nghe.

Phật bảo A-nan:

–Đúng thế, pháp do các Đức Phật, Thế Tôn giảng nói đều có thời chứng.

A-nan bạch Phật:

–Ai là người chứng đạt?

Phật bảo A-nan:

–Pháp ấy do ta chứng đạt. Các Đức Phật, Như Lai đều đem các pháp mình đã chứng đắc ra để giảng nói.

Phật bảo A-nan:

–Ông hãy nghe kỹ và khéo suy nghĩ, ta sẽ giải thích rành rõ cho ông nghe. Bậc Đại Bồ-tát được gọi là Kiên tín, cho đến được gọi là Bích-chi-phật thừa.

Lúc này, Tôn giả A-nan và các vị Đại Thanh văn thảy đều nhất tâm lắng nghe lời Phật dạy. Phật bảo A-nan:

–Bậc Đại Bồ-tát giúp cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh kính tin tri kiến Phật. Kính tin tri kiến Phật rồi thì không còn chấp sắc, không còn chấp thọ, tưởng, hành, thức. Vì không còn chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên các vị Đại Bồ-tát được gọi là Kiên pháp.

Lại nữa, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát kính tin pháp do các Đức Phật giảng nói đều vắng lặng. Người tin pháp này là bậc Đại Bồ-tát gọi là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Bậc Đại Bồ-tát kính tin trí tuệ Phật thường suy nghĩ rằng chúng ta cũng sẽ đạt đến trí tuệ giác ngộ như vậy, nhưng cũng không thấy là mình đã thành tựu được trí tuệ đó. Do đó A-nan! Các vị Đại

Bồ-tát ấy được gọi là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát đối với năm dục lạc không sinh tâm ưa thích, thành tựu Tín lực, cho nên các vị Đại Bồ-tát được gọi là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát thường suy nghĩ: "Các Đức Phật, Thế Tôn dùng pháp chẳng thể suy nghĩ bàn luận mà ban cho chúng sinh. Chúng ta cũng nên học pháp không thể suy nghĩ bàn luận để ban cho chúng sinh." Vì vậy nên các vị Đại Bồ-tát này được gọi là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Bậc Đại Bồ-tát sinh tâm hoan hỷ xả bỏ tất cả các vật, cho đến bản thân mình còn đem bố thí, huống gì là vật khác. Kính tin thực hành pháp bố thí này nhưng không hề vướng mắc, đối với tất cả vật chất không hề có sự keo kiệt tiếc lẫn, luôn đem các nhân duyên ấy hồi hướng về đạo Bồ-đề nhưng cũng không dấy khởi kiến chấp về đạo Bồ-đề. Các vị Đại Bồ-tát ấy được gọi là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Bậc Đại Bồ-tát tín tâm thanh tịnh, không hề yếu hèn, đối với Tam bảo Phật, Pháp, Tăng tâm luôn thuần tịnh, giữ gìn sáu căn, không hề mong cầu, khiến cho chúng sinh không kính tin thì đối với Tam bảo sinh tâm tin ưa, đã sinh tâm tin ưa thì chẳng hề buông lung. Phát tâm Bồ-đề, không chấp ở hình tướng của tâm, tin hiểu sáu cõi bình đẳng với pháp giới. Thế nào là tin hiểu? Tức là cho rằng các cõi đó đều dùng các âm thanh, tên gọi để nói nhưng thật ra chúng không thật có. Tin hiểu các hành đều là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Cũng kính tin Thánh giới vô lậu không phải là các pháp đùa bỡn mà là có đủ các pháp chánh định. Đại Bồ-tát tin rằng tất cả chúng sinh tức là cảnh giới vắng lặng, dùng tâm không nương tựa thấy các chúng sinh chính là pháp giới, nhưng đối với pháp này không thấy có pháp giới. Vì sao? Vì pháp giới chính là cảnh giới vô tâm của chúng sinh. Bậc Đại Bồ-tát kính tin như vậy được gọi là Kiên tín.

Bậc Đại Bồ-tát tin tưởng tất cả chúng sinh không có trụ xứ. Vì sao? Vì tự tánh là không. Cũng lại không thấy có hình tướng chúng sinh, thấy các chúng sinh đồng với tướng Niết-bàn. Vì sao? Vì cảnh giới chúng sinh là không, do vậy mà thấy các chúng sinh là tướng Niết-bàn. Nếu kính tin được pháp như thế, thì giúp cho nhiều chúng sinh được sự kính tin như vậy. Cho nên, này A-nan! Các vị Đại Bồ-tát được gọi là Kiên tín.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩ vừa nêu nên nói kệ rằng:

Giúp cho các chúng sinh
Kính tin tri kiến Phật.
Tâm chẳng sinh đắm, nhiễm
Đó gọi là Kiên tín.
Tin pháp các Phật nói
Các tánh tướng đều không
Tin, hiểu được pháp này
Đó gọi là Kiên tín.
Tin tri kiến các Phật
Là chẳng thể nghĩ bàn
Phát tâm siêng mong cầu
Ta gắng đạt trí ấy.
Chẳng sinh tâm tin ưa
Tham cầu năm dục lạc
Đầy đủ tín lực ấy
Đó gọi là Kiên tín.
Tin các Đấng Mâu-ni
Dùng pháp độ chúng sinh
Ta cũng nên học theo
Đó gọi là Kiên tín.
Tin hành được bố thí
Cho đến bỏ thân mình
Cũng chẳng khởi tưởng thí
Đó gọi là Kiên tín.
Tin bỏ được tất cả
Chẳng sinh tâm tiếc lẩn
Đều hồi hướng Bồ-đề
Đó gọi là Kiên tín.
Kính tin đối với Phật
Tâm luôn được trong lành
Cũng tin pháp vô tâm
Đó gọi là Kiên tín.
Giữ gìn được sáu căn
Cũng không còn cầu mong
Đã tin, hiểu pháp ấy
Đó gọi là Kiên tín.
Các chúng sinh chẳng tin
Dùng tin xây dựng họ

Khiến thuận theo Phật pháp
Đó gọi là Kiên tín.
Dùng tín này hướng tâm
Đều hồi hướng Bồ-đề
Nhưng không thấy tướng tâm
Đó gọi là Kiên tín.
Biết sáu cõi bình đẳng
Tức đồng với pháp giới
Dùng âm thanh phân biệt
Không được tánh sáu giới.
Tin các hành vô thường
Khổ, không và vô ngã
Đầy đủ tín lực này
Đó gọi là Kiên tín.
Tin Thánh giới vô lậu
Chẳng phải pháp đùa bỡn
Đủ giới và chánh định
Đó gọi là Kiên tín.
Tin các cõi chúng sinh
Là tánh cõi vắng lặng
Tin được tướng như vậy
Đó gọi là Kiên tín.
Tánh không nương chúng sinh
Chính là cõi các pháp
Cõi các pháp như vậy
Tánh ấy khó nghĩ bàn.
Nếu tin được như thế
Thuận theo tướng pháp ấy
Bồ-tát không sợ này
Đó gọi là Kiên tín.
Tin thân các chúng sinh
Rốt ráo chẳng chỗ trụ
Tánh chất vốn không vô
Cho nên chẳng nơi chốn.
Chúng sinh là Niết-bàn
Tánh ấy tức là không
Dùng nghĩa đó nêu bày
Tướng Niết-bàn vắng lặng

Nếu tin được như vậy
Là Bồ-tát không sợ
Các chúng sinh như thế
Đều gọi là Kiên tín.
A-nan khéo thọ trì
Cũng giảng nói như thế
Nếu ai tin như vậy
Đó gọi là Kiên tín.
Các thứ pháp như thế
Cùng vô lượng pháp khác
Phật vì các Bồ-tát
Nói tướng khác nhau này.

Như thế, này A-nan! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói bậc Đại Bồ-tát là Kiên tín.

Lại nữa, này A-nan! Nay ta sẽ vì các chúng sinh ưa thích pháp này nên lại dùng kệ tụng để nói về ý nghĩa tại sao gọi bậc Đại Bồ-tát là Kiên tín.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Đều cùng hòa hợp nhất tâm nghe
Ta nói công đức đệ tử Phật
Bố thí, Trì giới và Tinh tấn
Thân Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ
Tin ưa mong cầu pháp như vậy
Kẻ chẳng tin, tin trí tịnh Phật
Tin được như vậy gọi Bồ-tát
Hóa đạo thế gian không chán mỏi
Tin hiểu các pháp không phân biệt
Tánh ấy vắng lặng do Phật nói
Nếu khéo hiểu được pháp như thế
Đó gọi là Bồ-tát Kiên tín.
Tin tri kiến Phật không thể lường
Phát tâm mong cầu trí như thế
Trí của Bậc Đại Nhân vô thượng
Vào lúc nào ta được trí này
Không tin ưa pháp thanh tịnh này

Không vì nhân dục gây nghiệp ác
Dùng Tín lực mong cầu pháp ấy
Có đức tin ấy gọi Bồ-tát
Tin các Như Lai dùng pháp thí
Ta cũng phải nên học như thế
Thực hành theo pháp Phật đã nói.
Có đức tin ấy gọi Bồ-tát
Tin thì bỏ được các thức ngon
Voi ngựa vàng bạc và tôi tớ
Vợ con, trai gái, các quyến thuộc
Thành ấp lớn nhỏ và cõi nước.
Cũng bố thí tay chân, thân phần
Chẻ xương lấy tủy không sợ hãi
Tai mũi, hai mắt và cả đầu
Có đức tin ấy là Bồ-tát.
Tin biết thân này không có chủ
Cho nên thực hành được tuệ thí
Cũng thực hành được cả pháp thí
Do nhân duyên đó cầu trí Phật
Tin bỏ được thân vô ngã này
Thấy kẻ đến xin lòng hoan hỷ
Chúng sinh đó bạn tốt của ta
Vì cầu giác ngộ, bỏ thân giả.
Tin pháp như thế nhân Bồ-đề
Dùng tâm thanh tịnh độ thế gian
Nghe pháp, chẳng nghi tri kiến Phật
Có niềm tin ấy gọi Bồ-tát
Biết mắt và tai, mũi vô thường
Lưỡi, thân và ý cũng như thế
Rõ là luống dối không bền chắc
Vì nhân Bồ-đề thảy nên bỏ.
Thấy chúng sinh khổ không niềm tin.
Giúp họ kính tin hành bố thí

Khởi tâm Từ bi thương muôn loài
Đều khiến tin Phật trí Tối thượng
Kẻ đắm sáu trần làm điều ác
Giúp họ, hồi tâm hướng trí Phật
Không có tâm ấy: nhân Bồ-đề
Tin được Bồ-đề, không tướng tâm
Thấy các cõi chúng sinh không trí
Chẳng rõ sáu cõi là bình đẳng
Pháp ấy đều đồng tướng pháp giới
Dùng âm thanh nói chẳng thật có
Thấy các chúng sinh còn sinh tử
Ngu tối vô thường cho là thường
Dạy tin các hành là vô thường
Khiến tin hiểu không và vô ngã
Thấy các chúng sinh hành giới ác
Dạy khiến tin giới Phật Vô thượng
Các công đức từ tịnh giới định
Có đức tin ấy là Bồ-tát
Thấy các chúng sinh thường biếng nhác
Dạy khiến tin Phật đại tinh tấn
Biết sức tinh tấn tự điều phục
Giữ niềm tin ấy gọi Bồ-tát.
Thấy chúng sinh ngu chấp thọ mạng
Dạy tin ấm thân không thọ mạng
Biết rõ cõi diệt đồng pháp giới
Nếu biết pháp này là Thắng tín.
Phân tích thân này không đến, đi
Tuy qua đời khác nghiệp chẳng mất
Các nghiệp nhân thiện ác đã gây
Không bao giờ xa lìa pháp tánh.
Thấy tánh chúng sinh không pháp nương
Cõi ấy cũng đồng các chúng sinh
Pháp giới bình đẳng chẳng nghĩ bàn

Bồ-tát không sợ tin như vậy
Phật nói tin ấy không có hai
Siêng tu hạnh lành biết các pháp
Cũng nói cho người tin như thế
Không hề tham đắm đối ba cõi.
Tin tánh các chúng sinh như vậy
Không có quyết định chỗ thường trụ
Không, không thể chấp pháp vô tướng.
Tin được pháp này gọi Bồ-tát
Các chúng sinh ấy đều không không.
Cũng không cõi Niết-bàn vắng lặng
Không thể nói có các tánh tướng
Người biết pháp này gọi Trì tín.
Thấy các chúng sinh tin thường, đoạn
Dùng pháp vắng lặng mà dẫn dắt
Nên trong ba cõi được tôn xưng
Cũng gọi là Bồ-tát Trì tín
Nếu có niềm tin thù thắng ấy
Pháp tâm không sợ ưa cầu pháp
Pháp ta nếu có người trí tuệ
Hướng về đại chúng giảng nói rộng.
Đã nói các công đức Kiên tín
Cùng với các tướng sai biệt khác
Không đắm ba cõi tâm thanh tịnh
Thương xót chúng sinh ruộng phước tốt.
Luôn hành Bố thí tự điều phục
Trụ giới thanh tịnh tu Nhẫn nhục
Tinh tấn tu Định và Trí tuệ
Hành hạnh Bồ-tát tâm điều phục
Dùng các trí phương tiện thích hợp
Đưa chúng sinh đến chỗ an ổn
Giúp cho không rơi các đường ác
Có trí như vậy gọi Bồ-tát

Dùng tâm thanh tịnh động thế giới
Mặt đất rung chuyển bằng sáu cách
Ánh chiếu trên hoa, Bồ-tát ngồi
Đều nói pháp vắng lặng, không, vô.
Cõi nước phương Đông và phương Nam.
Phương Tây, phương Bắc cũng như vậy
Phương trên, phương dưới và bốn góc.
Đều cùng nói pháp vắng lặng này
Thà bỏ thân mạng, chẳng nghi Phật
Cũng dạy người khác tin trí Phật
Nếu các chúng sinh tin như thế
Phật và hành giả chứng biết được.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát là Kiên pháp?

A-nan nên biết! Đại Bồ-tát đối với chánh pháp không bao giờ thoái chuyển, thọ trì Phật pháp, giảng nói cho người khác nghe, không bao giờ hủy phạm. Đối với pháp giới chân như chẳng thể nghĩ bàn thì phải nên được các pháp như vậy, vững tâm thọ trì, không hề yếu đuối.

Đại Bồ-tát quán sát tướng chân thật của các pháp, không hề đắm nhiễm, mà đối với pháp này không hề thọ trì, đối với pháp hay phi pháp cũng không dấy tâm đắm nhiễm, ứng theo sự giữ gìn của Như Lai ưa cầu các pháp. Mong cầu rồi thì nhận lãnh, nhận lãnh rồi thì thọ trì, thọ trì rồi thì giảng nói, tâm ý hoan hỷ, nhu hòa, dễ dàng ở chung. Thường thích giảng nói pháp vắng lặng, pháp giới bất động, đạt được tướng chân thật của các pháp.

Đại Bồ-tát khéo léo điều phục đối với các pháp, nhưng không làm tổn hại đến diệu thân thường trụ. Thân ấy thường trụ nên rất nhiệm mầu. Nên biết rằng thân ấy là không mở đầu, không kết thúc, chẳng nhóm họp chẳng ly tan. nên biết như thế. Các Đức Phật, Thế Tôn vì các Bồ-tát mà giải thích rõ ràng về các pháp đó, Đại Bồ-tát cũng đều đạt được pháp này.

Đại Bồ-tát thấy các pháp thanh tịnh không cấu nhiễm, khéo hiểu các pháp là chỗ không nên vướng mắc, tánh các pháp là không, không thể thấy được. Do không thấy được nên không thể thọ trì. Giảng nói pháp giới không tướng, không tánh, không có lời nói, cũng không thật có, không có suy nghĩ, xa lìa suy nghĩ, tâm không thật có, thể tánh các pháp là vắng lặng, lìa

các âm thanh, không có lời nói, chẳng có cảnh giới.

Đại Bồ-tát thường thích thọ trì giảng nói pháp ấy, nhưng tâm không nương tựa vào pháp này, vì các pháp không thật có như thế nên Phật nói các thứ khác nhau cho Đại Bồ-tát nghe, đối với pháp ấy không dấy tưởng về hợp tan, không có các tướng sai biệt. Các pháp như đã nói Đại Bồ-tát đều đạt được, đã đạt được pháp này thì gọi là Tánh địa, Tánh địa Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát dù đối với một pháp nhỏ cũng không sinh các tư tưởng đến đi, đã thọ trì pháp chẳng đến đi, mà đối với pháp ấy không sinh ý tưởng thêm, bớt, cũng không tụ tán, nếu thọ trì được các pháp không thêm không bớt, không tụ không tán. Thì các pháp như thế được gọi là Kiên pháp.

Đại Bồ-tát thấy thể tánh các pháp không thật có, vì thể tánh các pháp này không thật có nên các vị Đại Bồ-tát ấy được gọi là Kiên pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nói kệ rằng:

Đối chánh pháp của Phật
Không bao giờ thoái chuyển
Giữ gìn pháp như vậy
Đó gọi là Kiên pháp.
Không hề có hủy phạm
Pháp giới chẳng nghĩ bàn
Đạt được pháp như vậy
Đó gọi là Kiên pháp.
Lâu phát tâm thọ trì
Pháp do các Phật nói
Tâm không có yếu hèn
Đó gọi là Kiên pháp.
Đối tất cả pháp tánh
Hướng về luôn siêng cầu
Chẳng sinh tâm đắm nhiễm
Đó gọi là Kiên pháp.
Chẳng vướng cũng chẳng mắc
Cũng luôn dạy bảo người
Giữ gìn pháp như thế
Đó gọi là Trì pháp.
Nhu hòa dễ ở chung
Giảng nói pháp vắng lặng
Không động pháp tánh kia

Đó gọi là Trì pháp.
Biết rõ thể các pháp
Đều không có tánh, tướng
Đối pháp này quyết định
Đó gọi là Trì pháp.
Cũng không hề hủy tổn
Thân nhiệm mầu thường trụ
Nên biết thân mầu này
Là lấy pháp làm thể,
Thân này không đầu, cuối
Do các pháp hợp thành
Thân này không thêm bớt
Đó gọi là Trì pháp.
Phật vì các Bồ-tát
Giảng nói tướng các pháp
Đạt được pháp như vậy
Đó gọi là Trì pháp.
Tánh pháp giới tự không
Không đắm nhiễm các pháp
Giữ gìn pháp như thế
Đó gọi là Trì pháp.
Quán sát tất cả pháp
Tánh không, chẳng thấy được
Vì chẳng thấy pháp nên
Cũng chẳng có thọ trì,
Do không có thọ trì
Nên hiển bày pháp giới
Không tánh, tướng, âm thanh
Thể tánh không thật có
Xa lìa các tư tưởng
Tâm cũng không thật có
Do tâm chẳng thật có
Gọi chẳng thể nghĩ bàn.
Đã lìa xa tướng tâm
Nên nói pháp vắng lặng
Không âm thanh, cảnh giới
Gọi chẳng thể nghĩ bàn.
Giữ gìn pháp như vậy

Cũng lại không chỗ nương
Không nương chẳng thật có
Đó gọi là Trì pháp.
Phật vì các Bồ-tát
Giảng nói pháp như thế
Chẳng hợp cũng chẳng tan
Cũng không có các tướng.
Nếu nói ra hạnh này
An trụ được Tánh địa
Đã an trụ Tánh địa
Thì gọi bậc Tánh địa.
Bồ-tát trụ Tánh địa
Rốt ráo không chỗ nương
Giữ gìn pháp như vậy
Đó gọi là Trì pháp.
Vì thế nên A-nan
Bậc Đại Bồ-tát kia
Đối pháp không thật có
Đó chính là Trì pháp.
Nếu có các chúng sinh
Khởi tưởng lìa Phật đạo
Dùng năng lực phương tiện
Giúp đến chỗ rốt ráo
Pháp ấy và pháp khác
Nói cho Bồ-tát nghe
Dùng phương tiện khéo léo
Hiển bày tri kiến Phật.
Bậc Đại trí trì pháp
Chỉ Phật chứng biết được
Và tu hành pháp này
Các Bồ-tát không sợ.
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Nói Trì pháp sai khác
Pháp, phi pháp, thanh tịnh
An trụ trong pháp ấy.

Như thế, này A-nan! Như Lai Chánh Đẳng Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói các Đại Bồ-tát là bậc Kiên pháp.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói Đại Bồ-tát là những vị đã đạt được tám bậc?

A-nan nên biết! Các Đại Bồ-tát đã vượt khỏi tám con đường tà, tu tập tám giải thoát, không đắm mê tám chánh. Vượt khỏi pháp phàm phu, được không chỗ trụ, được đạo bình đẳng, vượt khỏi pháp phàm phu, siêng cầu Bồ-đề nhưng không thấy mình được Bồ-đề. Lìa các tà kiến, tu tập chánh kiến, đạt được đạo bình đẳng, lìa tướng tự thân, tuy chưa được thân Phật nhưng luôn cầu Bồ-đề, bỏ những tư tưởng của chúng sinh, tu tập quán tưởng Phật, được tư tưởng bình đẳng. Đại Bồ-tát lìa bỏ pháp ô nhiễm của chúng sinh, mong cầu pháp vô vi thanh tịnh, đối với các pháp không có chấp đắm. Vì sao? Vì không thấy pháp nào đáng chấp.

Đại Bồ-tát vượt khỏi mọi pháp thế gian, khai mở Thánh pháp của Phật để đạt tới cảnh giới vắng lặng, cũng không chấp mình được pháp thế gian và xuất thế gian, xa lìa hữu, vô, đúng pháp hay không đúng pháp, khéo xem xét hai bên đoạn, thường. Quán sát tướng của tâm quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến tướng của tâm Bồ-đề cũng không thật có. Vì sao? Vì tướng của tâm chúng sinh là pháp bình đẳng, cho nên chất độc không hại được, lửa không đốt cháy được, dao không cắt xẻ thân được. Vì sao? Vì đã xa lìa được các cảnh giới. Tuy chưa được hạnh Phật nhưng đối với các nẻo luân hồi chưa thể quyết định. Vì sao? Vì giác ngộ là lìa các nẻo sinh tử ấy. Cõi giác ngộ là an tĩnh, vô vi.

Bồ-đề tánh không, không có nơi chốn. Do vậy mà dao không cắt xẻ thân được, tức là không thể hại. Thừa ấy mau chóng gọi là không thể hại. Vì sao? Vì mau đạt đến thừa này, không bị trở ngại, do vậy mà dao không cắt xẻ thân được.

Đại Bồ-tát luôn thể hiện lòng Từ bi duyên khắp chúng sinh, lòng Từ bi thực hành giác ngộ, tất cả cõi chúng sinh không thật có đối với tất cả các cõi chúng sinh nên thực hiện lòng Từ bi không có nơi chốn, cũng là lòng Từ bi của tất cả pháp không, lòng Từ bi hướng tới cảnh giới vắng lặng, lòng Từ bi lìa tức giận, lòng Từ bi theo thực hành trí tuệ sáng suốt, soi chiếu Bồ-đề, lòng Từ bi cảnh giới chúng sinh không thật có, vì duyên khắp mọi loài chúng sinh, nên đao kiếm không thể cắt xẻ thân được. Nhận thức ba cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc đều bình đẳng, cũng biết pháp giới bình đẳng, như cõi giác ngộ không có tướng khác nhau. Cảnh giới Bồ-đề ấy không thể nhận thức, không thể bám víu, không đùa bỡn, không nhơ bẩn, an ổn vắng lặng

lìa các âm thanh.

Đại Bồ-tát biết rõ cảnh giới ấy, ở trong các đường không có lời nói, âm thanh đều có thể biết rõ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với pháp giới không có vị lai, quá khứ mà đạt được pháp Nhẫn vô trụ. Khéo biết âm thanh lời nói của tất cả chúng sinh và giảng nói pháp vắng lặng. Không nghĩ: "Ta vào lúc vì chúng sinh này mà nói pháp". Tức là đã xa lìa các âm thanh về ngã tưởng, biết các pháp vắng lặng đối với các pháp không chấp tướng, vì chúng không thật có nên không đắm vào lời nói. Đại Bồ-tát gọi là tám bậc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu trên nên nói kệ rằng:

Đã vượt qua tám nạn
An trụ tám giải thoát
Không đắm tám nẻo chánh
Đó gọi là tám bậc.
Đã vượt pháp phàm phu
Mà không trụ Chánh đạo
Ở giữa, lìa hai bên
Đó gọi là tám bậc.
Đã vượt pháp phàm phu
Siêng năng cầu Bồ-đề
Chẳng được tướng Bồ-đề
Đó gọi là tám bậc.
Xa lìa các tà kiến
Mà tu hành chánh kiến
Đã được đạo bình đẳng
Đó gọi là tám bậc.
Xa lìa tướng tự thân
Cũng không trụ Bồ-đề
Tuy chưa được thân Phật
Đó gọi là tám bậc.
Trừ bỏ tưởng chúng sinh
Gắng tu hành tưởng Phật
Đã được tướng bình đẳng
Đó gọi là tám bậc.
Lìa hang ổ chúng sinh
Cầu pháp không hang ổ
Chẳng chấp đắm các pháp

Đó gọi là tám bậc.
Đã vượt pháp thế gian
Khai mở nẻo Thánh pháp
Thành tựu cõi vắng lặng
Đó gọi là tám bậc.
Pháp do các Phật nói
Và pháp thế gian khác
Không được tướng pháp này
Đó gọi là tám bậc.
Thấy có một bên này
Không thấy bên thứ hai
Bỏ được kiến chấp ấy
Đó gọi là tám bậc.
Quán sát pháp Trung đạo
Cùng hai nẻo đoạn, thường
Biết tướng bình đẳng này
Đó gọi là tám bậc.
Không được tâm quá khứ
Cùng với tâm vị lai
Tâm hiện tại chẳng trụ
Đó gọi là tám bậc.
Tâm đầu tiên đã nói
Có thể sinh Bồ-đề
Tâm này không thật có
Làm sao được Bồ-đề?
Nếu đạt được Bồ-đề
Không được tâm Bồ-đề
Nên độc lửa không thể
Xâm hại đến thân mình.
Đường ấy tuy bất định
Tu hành khắp như vậy
Đạt pháp không đến, đi
Nên gọi không thể hại
Nẻo Bồ-đề không tướng
Nhờ âm thanh mà nói
Khéo rõ tướng âm thanh
Nên gọi chẳng thể hại.
Tướng đi không thật có

Tướng đến cũng như vậy
Âm thanh nói đến đi
Nên gọi thừa mau chóng
Cho nên gọi an ổn
Cũng gọi là không, vô
Cũng là thừa mau chóng
Cũng gọi chẳng thể hại
Thừa mau chóng như thế
Bồ-tát nên không đạt
Không thể làm trở ngại
Nên gọi không thể hại
Ví dùng dao bén nhọn
Chẳng thể phạm đến thân
Chẳng thấy được tướng thân
Nên dao chẳng hại được
Từ duyên khắp chúng sinh
Và dùng từ Bồ-đề
Thực hành từ Bồ-đề
Chẳng bị đao kiếm hại
Không hành, không chúng sinh
Không được cõi chúng sinh
Từ vô sinh, vắng lặng
Từ duyên khắp chúng sinh
Từ xa lìa giận tức
Và hành từ trí sáng
Từ Bồ-đề chiếu sáng
Duyên khắp các chúng sinh
Rõ đao là pháp không
Thân tướng khéo tu tập
Chưa được đạo Bồ-đề
Chẳng bị đao kiếm hại
Đã được cõi vắng lặng
Xa lìa các đường ác
Nghiệp ác không chướng ngại
Nên chẳng bị đao hại
Xa lìa cả vô minh
Đã chứng đạt pháp giác
Cõi giác ngộ tỏa sáng

Đó gọi là tám bậc.
Biết được cõi Dục, Sắc
Cõi Vô sắc là không
Tất cả đều bình đẳng
Đó gọi là bình đẳng
Cõi và Bồ-đề đồng
Không có các thứ tướng
Không trí, không phân biệt,
Thanh tịnh không đùa bỡn
Đạt đến bình đẳng này
Bồ-tát không nương tựa
Các âm thanh đã nói
Biến khắp đến các đường.
Các âm thanh đến đi
Đều trở về pháp giới
Ở trong pháp chẳng trụ
Được Nhẫn tối thượng này.
Khéo hiểu tiếng chúng sinh
Vì nói pháp vắng lặng
Chẳng sinh tâm như vậy:
Ta vì chúng nói pháp
Đã vượt pháp âm thanh
Không chấp đắm các tướng
Rõ các pháp vắng lặng
Đó gọi là tám bậc.
Đã được các âm thanh
Thông đạt cõi âm thanh
Không đắm mê âm thanh
Nên gọi là tám bậc
A-nan chính vì thế
Nên gọi là tám bậc
Tuy giảng nói như vậy
Kỳ thật chẳng thật có.

Như vậy, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói các vị Đại Bồ-tát được gọi là tám bậc.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói Đại Bồ-tát được gọi là Tu-

đà-hoàn?

A-nan nên biết! Phật đạo không thể suy nghĩ bàn luận được. Các Đại Bồ-tát an trụ nơi Vô sở trụ, gần với Phật đạo. Không thọ nhận các pháp, không có chốn nương tựa, cũng không chốn duyên hợp, không chấp các pháp, rốt ráo không sinh, Đại Bồ-tát vì được đạo này nên tinh tấn vững chắc, suy nghĩ vững chắc, không có biếng nhác, không bao giờ trái nghịch, tâm không nương tựa, đối với đạo xuất ly vô thượng tối thắng mà các Đức Phật nương theo không hề tham đắm, cũng không chấp trước. Dùng đạo như thế để suy tìm các pháp, tuy là suy tìm mà không thật có. Đối với đạo ấy không động không trụ, mọi tư tưởng về đạo, về sinh tử, về Phật có công năng sinh ra bình đẳng, đối với các pháp chướng ngại được bình đẳng, các pháp bình đẳng, các Đức Phật bình đẳng. Xa lìa thân kiến, sinh ra Phật kiến, khai ngộ các kiến. Đại Bồ-tát tu tưởng đối trị, đã vượt qua ngã tưởng.

Này Tôn giả A-nan! Chính vì vậy mà Đại Bồ-tát được gọi là Tu-đà-hoàn. Bậc Đại Bồ-tát không tham đắm Phật đạo, nên đạt được đạo Vô nhiễm, không nghi ngờ Bồ-đề của Phật, không lựa chọn giới, cho đến không thấy có giới của Phật. Vì không thấy có giới luật nên không còn lựa chọn giới, không phân biệt giới, đoạn hẳn ba kết, không trụ trong ba cõi.

Bậc Đại Bồ-tát đã đạt được Phật đạo, lìa các vọng tưởng của chúng sinh, không có chốn nương tựa, lìa pháp nương tựa. Chuyên cầu Phật đạo, được đạo an ổn vắng lặng, không tiếc thân mạng. Với tâm hoan hỷ có thể xả bỏ tất cả các vật, dung mạo luôn vui vẻ hòa nhã, không chút buồn phiền. Vì sự giác ngộ giải thoát mà thực hành bố thí, không có một vật nhỏ nào mà không thể xả bỏ. Nhằm cứu giúp chúng sinh khổ, đưa họ đến Niết-bàn, tu pháp hữu tướng, được pháp vô tướng. Các Đại Bồ-tát xa lìa tất cả tưởng chấp của chúng sinh, nhập vào các nẻo không sợ, nói pháp vắng lặng, đạo Bồ-đề thanh tịnh, dứt những lo sợ, kể cả nỗi sợ về cái chết. Vì sao? Vì đã được pháp vắng lặng, lìa bỏ tất cả phiền não, an trụ nơi Phật đạo, khéo tu tập chuyển các nẻo ác đạt tới sự bình đẳng, dứt các đùa bỡn.

Này A-nan! Do những lẽ ấy mà các vị Đại Bồ-tát được gọi là Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Phật đạo chẳng nghĩ bàn

Gọi là Tu-đà-hoàn
Nếu ai trụ đạo ấy
Sẽ vào dòng Bồ-đề
Đạo ấy như hư không
Chẳng nương tất cả pháp
Chẳng duyên, chẳng chỗ trụ
Tất cả không thật có.
Bồ-tát luôn tinh tấn
Nên đạt được pháp ấy
Các Phật dẫn dắt đời
Đạo xuất ly Vô thượng
Không đắm nhiễm đạo này
Cũng chẳng trụ trong đó
Dùng đạo ấy tìm cầu
Không thấy tất cả pháp.
Đạo ấy không dao động
Cũng không trụ trong đó
Luôn tinh tấn như Phật
Chẳng trái, không nương tựa.
Tưởng sinh tử đã nói
Phật tưởng cũng như vậy
Đạt đến bình đẳng này
Biết là Tu-đà-hoàn.
Mọi kết sử ngăn che
Che lấp mất Phật đạo
Tất cả nên xa lìa
Đó là Tu-đà-hoàn.
Dứt bỏ được thân kiến
Mà sinh ra Phật kiến
Khai ngộ các tà kiến
Khéo tu đối trị tưởng
Khéo tu tưởng tự thân
Biết lỗi lầm ngã tưởng.
Đó gọi Tu-đà-hoàn.
Chẳng mê đắm Phật đạo
Nếu sinh do dự ấy
Ta chẳng đạt Bồ-đề
Liền được không nhiễm đắm

Mà mong cầu Phật đạo
Cũng chẳng lựa chọn giới
Chẳng phân biệt giới luật
Đã dứt trừ tưởng giới
Không phân biệt giới luật
Dứt hẳn ba thứ kết
Chẳng trụ trong ba cõi
Đã đạt được Phật đạo
Khéo tu tưởng chúng sinh
Dùng đạo không chỗ duyên
Mà mong cầu Bồ-đề
Đã được đạo vắng lặng
Bồ-đề vô cấu Phật
Thích tu hành bố thí
Vui vẻ không buồn phiền
Chẳng hề tiếc thân mạng
Vì đạo không đùa bỡn
Vì chúng sinh khổ não
Tất cả đều xả bỏ
Khiến vượt Tu-đà-hoàn
Trên quả vị Thắng diệu
Xa lìa tưởng ba cõi
Khéo thông đạt vô tưởng
Do đó nên không có
Tiếng xấu, các sợ hãi
Pháp, phi pháp đã nói
Cả hai đều xa lìa
Trong đó chẳng nhiễm đắm
Không hề sợ tiếng xấu
Khi vào chốn đông người
Tâm không hề sợ hãi
Giảng nói pháp vắng lặng
Đã tịnh đạo Bồ-đề
Dứt khởi tưởng chúng sinh
Sinh ra sự chân thật
Do vậy nên vô cấu
Xa lìa nỗi lo sợ
Đã lìa những nỗi sợ

Cho đến không còn sợ
Đạt được đạo vắng lặng
An ổn không gì hơn
Biết đường ác bình đẳng
Nhưng chẳng sinh sợ hãi
Đạo ấy hiển hiện ngay
Dứt những tưởng ta, tôi.
Bồ-tát rõ pháp đó
Gọi là Tu-đà-hoàn.
Vì kẻ ưa pháp nhỏ
Mà giảng nói như vậy
Dùng phương tiện khéo léo
Giảng nói về Phật pháp
Kẻ buông lung với đạo
Khiến lãnh hội pháp ấy
Chư Phật, Bậc Đạo Sư
Bỏ phương tiện mà nói
Vì những người tu lâu
Mong cầu đạo Tối thắng.
Vì thế nên A-nan
Ta nói Tu-đà-hoàn
Các chúng sinh thông minh
Thì hiểu được việc ấy.
Vì thế nên A-nan
Ta nói Tu-đà-hoàn
Chúng sinh không thông minh
Lầm phân biệt việc này.
Những hạng tâm trí kém
Khó lãnh hội mật ngữ
Tâm ngu sinh tranh chấp
Không hiểu nghĩa nhiệm mầu,
Đầy đủ cả trăm pháp
Nên gọi Tu-đà-hoàn
Dùng tên Tu-đà-hoàn
Hiểu bày các Phật pháp.

Như thế, này A-nan! Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói các Đại Bồ-tát được gọi là Tu-đà-hoàn.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

QUYỂN 3

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát được gọi là Tư-đà-hàm?

A-nan nên biết! Các Đại Bồ-tát tu học theo trí tuệ Phật, hiểu rõ là giác ngộ chẳng từ các duyên sinh, vì trí không duyên mà mong cầu trí Phật, dùng các nhân duyên để mong đạt đến thiền định không có nơi chốn. Mong đạt đến trí tuệ Phật để thiêu đốt các phiền não, nhờ thiêu đốt các phiền não mà đạt được các pháp bình đẳng của Phật, mong cầu pháp chưa được như các Đức Phật Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đại Bồ-tát tuy hóa độ chúng sinh nhưng bất động đối với chúng sinh, mong cầu bất động đối với cõi chúng sinh, có các chúng sinh tâm trí tuệ yếu kém, thường lo buồn khổ não không hiểu được pháp giới, Đại Bồ-tát muốn cho họ trụ trong trí tuệ nên cầu trí Phật.

Đại Bồ-tát luôn tu tập các phẩm Căn, Lực, Giác, Giải thoát, Chánh định, vì để mình được giác ngộ trước, rồi giác ngộ cho chúng sinh. Mà mong cầu trí tuệ Phật, trí vận dụng này có công năng đưa đến đạo tràng, vì đạt được trí này mà cầu được mắt Phật, Phật trí, là mắt vô chướng ngại, không thể suy nghĩ bàn luận thường dùng mắt này làm lợi ích cho thế gian. Vì cầu mắt trí này cho nên mong đạt được trí tuệ hơn hết trong các trí tuệ cũng như đối với các lực dụng của nó, từ đó biết tất cả pháp là Như như, cũng gọi là không thật có. Trí tuệ ấy cũng như diệu dụng của nó nhằm khiến cho tất cả chúng sinh an trụ ở trong trí ấy, tức là trí tuệ không chấp tất cả pháp. Do sự việc như vậy nên đến cõi này, đến rồi thấy cõi chúng sinh là cõi chẳng thể nghĩ bàn. Cầu cõi này mà chẳng thấy mình được cõi này, thắc mắc chúng sinh từ đâu mà sinh, không biết chỗ sinh của chúng sinh, từ cõi chúng sinh có những tên gọi khác nhau. Khi quán sát pháp giới và cõi chúng sinh không thấy tướng khác nhau này, thấy cõi chúng sinh đều nhập vào pháp giới, thấy chúng sinh là đạo

bình đẳng, đạo Phật pháp, là đạo chúng sinh không thật có, là đạo chúng sinh có trí bình đẳng. Đại Bồ-tát vì mong đạt đến trí tuệ không gì so sánh này, là thứ trí tuệ thanh tịnh, dứt sạch phiền não. Trí ấy là vô đắc nên không thể mong cầu đạt tới. Phải biết trí ấy là trí vô sở tri.

Các Đại Bồ-tát nhờ trí này mà có khác nhau. Vì chưa đạt được trí tuệ ấy, vì mong đạt được trí tuệ ấy mà đến cõi này.

Này A-nan! Do những việc ấy mà các Đại Bồ-tát được gọi là Tư-đà-hàm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Học theo trí các Phật
Trí ấy không gì hơn
Vì mong cầu trí Phật
Đó gọi Tư-đà-hàm.
Các nhân duyên đã nói
Năng sinh ra Bồ-đề
Vì nhân duyên như thế
Cho nên đến cõi này.
Thiền không chỗ đã nói
Đốt cháy các phiền não
Do đó đến cõi này
Vì sinh Thiền này nên
Pháp trước chưa chứng được
Điều Nhất thiết trí hành
Ta cũng muốn mong cầu
Mà đến nơi cõi này.
Bất động các chúng sinh
Pháp giới cũng như vậy
Vì không dời không động
Cho nên đến cõi này.
Khổ não, không trí tuệ
Các chúng sinh lo buồn
Muốn giúp chúng sinh ấy
Trụ vô lượng trí Phật.
Các Căn, Lực, Giác, Đạo
Giải thoát và thiền định
Tự giác và Giác tha
Mà mong đạt trí Phật.

Đến được chốn đạo tràng
Pháp Phật trước đã hành
Vì mong cầu pháp này
Cho nên đến cõi này.
Vì cầu trí như thế
Mắt Phật không nghĩ bàn
Vì cầu mắt như thế
Cho nên đến cõi này.
Các Phật Bậc Đạo Sư
Thực hành phương tiện khéo
Vì nhằm đạt trí ấy
Hơn hết trong các trí.
Cùng dụng lực trí đó
Biết được các pháp như
Trí này không thật có
Làm sao cầu các pháp?
Xin giúp nhiều chúng sinh
An trụ trí vô thượng
Cũng khiến người khác biết
Cho nên đến cõi này.
Đến rồi thấy chúng sinh
Cõi ấy chẳng nghĩ bàn
Là bậc Tư-đà-hàm
Đến đây cầu chúng sinh
Vì cầu cõi chúng sinh
Chúng sinh không thật có
Cho nên tuy đến cầu
Cũng lại không thể biết.
Không biết các chúng sinh
Và cõi của chúng sinh
Nếu biết được cõi này
Biết chúng sinh khác nhau.
Quán sát tất cả pháp
Quán rồi không thật thấy
An trụ trong tâm định
Mà cầu các Phật pháp.
Nếu đạt trí tịnh này
Tánh không nhơ, thanh tịnh

Cũng không đạt trí này
Mà biết rõ sở tri.
Vì các chúng sinh này
Chứng đạt được trí này
Gọi Bồ-tát không nương
Cho nên đến cõi này.
A-nan! Do lẽ đó
Gọi là Tư-đà-hàm.
Chúng sinh không trí tuệ
Phân biệt lầm việc này.
A-nan! Do lẽ đó
Gọi là Tư-đà-hàm.
Chúng sinh siêng tinh tấn
Thì biết được việc ấy.
Người trí hiểu sâu xa
Quyết định đối pháp sâu
Hiểu được nghĩa như thế
Mau sinh ra Bồ-đề.

Như thế, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói các Đại Bồ-tát là Tư-đà-hàm.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát là A-na-hàm?

A-nan nên biết! Các Đại Bồ-tát đã vượt khỏi tạo tác phân biệt để đạt được các công hạnh của Phật, xa lìa tất cả các pháp đã thực hành, biết pháp không đến đi, của các pháp, đối với các pháp không có nương tựa, không có chấp đắm, do đó không đến cõi này. Vì sao? Vì cũng không thấy tướng đến đi của các pháp.

Đại Bồ-tát đã vượt qua phàm phu, lìa khỏi ý tưởng phàm phu. Cũng lìa Phật tưởng, vượt cả pháp Vô sở trụ, không có nhân duyên có khả năng khiến mình phải trở lại con đường sinh tử. Vì sao? Vì đã đạt đến cõi vắng lặng.

Đại Bồ-tát luôn xem các Đức Phật là Bậc Thầy dẫn dắt thế gian, nói pháp Thiền phàm phu không vãng sinh, lìa tất cả nơi chốn sinh tử, dứt hẳn ái dục, không tham đắm ăn uống, lìa các ý tưởng về vị trần, đạt tới giác ngộ, thấy rõ các nẻo tà kiến, không còn tham đắm, rõ sáu mươi hai kiến chấp tánh đồng với Niết-bàn nên lìa các phiền não che lấp.

Đại Bồ-tát xa lìa tất cả lỗi lầm đối với các pháp, thanh tịnh không còn cấu nhiễm. Chế phục kiêu mạn, nhổ mũi tên vô minh, dứt bỏ ái dục, không còn ham thích ái dục, đốt cháy các phiền não, lìa bỏ tất cả vọng tưởng, nhổ mũi tên lo buồn, lìa mạn, đại mạn, khéo nhận rõ các ấm nên được sự thông tỏ sáng suốt, nương theo Phật thừa không thể suy nghĩ bàn luận, đạt được thể tánh của Đại Bồ-tát. Lìa khỏi bùn lầy ái dục, đạt đến nơi kho tàng sâu xa của các Đức Phật quá khứ, đó là kho tàng trí tuệ trên hết, không thêm không bớt, đạt được Phật thừa trên hết trong các thừa của tất cả chúng sinh, lìa tất cả hình tướng hữu vô, dứt bỏ tất cả nghi ngờ.

Đại Bồ-tát thành tựu các pháp như vậy, không còn đến cõi này nên được gọi là A-na-hàm.

Lại nữa, này A-nan! Đại Bồ-tát có nhân duyên đối với chúng sinh, khiến họ an trụ trong Bồ-đề. Làm thế nào để trụ? Đó là coi chúng sinh chính là Bồ-đề, Bồ-đề chính là chúng sinh, có khả năng giác ngộ tư tưởng của chúng sinh. Vì sao? Vì đã thông tỏ được tánh các pháp là không, đã rõ cảnh giới chúng sinh tức là cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận cho nên có khả năng giác ngộ tư tưởng này, biết rõ cõi chúng sinh chính là cõi hư không, vì cõi hư không là không nên xa lìa cảnh giới chúng sinh. Cõi hư không lìa tánh hư không, không có dừng trụ, cõi hư không cùng thể tánh của hư không là không.

Đại Bồ-tát đem các pháp như vậy khiến cho các chúng sinh hồi hướng về Bồ-đề. Vì sao? Vì đã rõ chúng sinh là cõi hư không, cõi chúng sinh đều nhập vào cõi hư không. Vì sao? Vì thể tánh của chúng sinh, thể tánh của các pháp đều nhập vào nhau. Vì sao? Vì tất cả đều là không thật có. Do không thật có cho nên không đến cõi này, vì thế gọi là A-na-hàm. Đối với tất cả các pháp không có hình tướng, số lượng, các Đức Phật đã vượt khỏi tất cả hình tướng, số lượng. Do những sự việc như vậy mà Đại Bồ-tát được gọi là A-na-hàm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Đã lìa, chẳng trở lại
Cũng chẳng tu phần hạnh
Đã lìa những phần hạnh
Nên gọi A-na-hàm.
Khéo biết tướng đến đi
Chẳng nương tất cả pháp

Không được thiếu nơi chốn
Có thể đến cõi này
Các Phật, Thầy dẫn đường
Giảng nói thiền phàm phu
Không còn đến cõi này
Đó là A-na-hàm.
Các pháp không tướng đến
Tướng đi chẳng thật có
Được tướng không đến, đi
Đó là A-na-hàm.
Bậc ấy không bao giờ
Trở lại ba đường ác
Đã được các pháp Phật
Đó là A-na-hàm.
Dứt hẳn tất cả dục
Chẳng tham đắm ăn uống
Đạt được đạo Bồ-đề
Đó là A-na-hàm.
Các kiến chấp đã nói
Gồm sáu mươi hai thứ
Lại chẳng trụ kiến chấp
Nên gọi A-na-hàm.
Các pháp không tánh tướng
Đã xa lìa tánh tướng
Vì biết rõ như thật
Chẳng trở lại cõi này
Nêu Niết-bàn vắng lặng
Đốt cháy các phiền não
Xa lìa được các tưởng
Chẳng trở lại cõi này
Đã bỏ các chỗ nạn
Lìa bỏ các phiền não
Đạt Niết-bàn an ổn
Đó gọi A-na-hàm.
Đã hàng phục ma ác
Và quyến thuộc của chúng
Không bị chúng làm động
Đó gọi A-na-hàm.

Đã nhổ tên vô minh
Loại trừ các mối buộc
Cùng dứt các ái kiết
Đã tỏ rõ hỷ ái
Đó gọi A-na-hàm.
Đốt cháy các phiền não
Cũng lìa tưởng ba cõi
Quyết đạt quả Thắng diệu
Đó gọi A-na-hàm.
Đã nhổ tên lo buồn
Dứt bỏ các kiêu mạn
Khéo biết tướng năm ấm
Đó gọi A-na-hàm.
Đạt được sự sáng tỏ
Phật thừa chẳng nghĩ bàn
Xa lìa bùn ái dục
Đó gọi A-na-hàm.
Đạt được kho trí lớn
Kho tàng của Phật trước
Trên hết trong các kho
Đó gọi A-na-hàm.
Đã an trụ Vô thượng
Đại thừa của các Phật
Dứt hẳn các tâm nghi
Đó gọi A-na-hàm.
Duyên khắp các chúng sinh
Đều giúp trụ Bồ-đề
Vì kia trụ Bồ-đề
Nên chẳng lại cõi này.
Biết được các cõi không
Cõi chúng sinh khó nghĩ
Lìa các tưởng như vậy
Đó gọi A-na-hàm.
Biết được cõi chúng sinh
Và vì pháp giới không
Mọi chúng sinh không thật
Đó gọi A-na-hàm.
Tâm ấy lại chẳng cầu

Chấp đắm tưởng ba cõi
Đã đến chỗ vô tướng
Đó gọi A-na-hàm.
A-nan! Do lẽ ấy
Gọi là A-na-hàm.
Đem pháp không chỗ trụ
Nên trụ trong Phật pháp.

Cho nên, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn nói các Đại Bồ-tát là A-na-hàm.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát là A-la-hán?

A-nan nên biết! Đại Bồ-tát lìa những tạo tác phân biệt mà tu tập theo hạnh Phật, cứu giúp tất cả chúng sinh, dứt bỏ các phiền não, nên vì các chúng sinh bị phiền não làm khổ mà cởi mở sự trói buộc của phiền não cho họ, nhưng chúng sinh không thật có nên cũng không bị phiền não trói buộc. Đạt đến như vậy gọi là A-la-hán. Lìa bỏ sở đắc trụ trong vô sở đắc, rõ tất cả là không, mà cái không ấy cũng là không nên thông đạt vô tướng, lìa bỏ các tướng, lìa bỏ các tưởng. Biết tưởng chúng sinh là pháp lỗi lầm, nên bỏ vô trí để đạt được pháp vô tâm, hiểu rõ pháp không nên được Bồ-đề, nên sinh Bồ-đề Phật không thể suy nghĩ bàn luận do đạt được như thế nên gọi là A-la-hán.

Đại Bồ-tát nên giảng nói pháp như các Phật ba đời đã nói, đang nói sẽ nói. Pháp được giảng nói thảy đều vắng lặng, không có đùa bỡn, thanh tịnh không nhơ. Người thông đạt việc ấy gọi là A-la-hán. Nên giúp cho chúng sinh an trụ trong Bồ-đề, rõ tất cả pháp và Bồ-đề là không thật có mà cũng không đáng chấp, nên tu theo tâm Từ bi của Phật, không mê đắm lòng Từ bi đối với chúng sinh, đem tinh thần từ bi ấy duyên khắp các chúng sinh, nhưng chúng sinh không thật có, đã được lòng Từ đối với chúng sinh không thật có, nên gọi là A-la-hán.

Đại Bồ-tát nên nói các pháp lợi ích cho chúng sinh, mà cũng không dấy tưởng về pháp và phi pháp, đối với các pháp ấy nên thực hành trước, đó gọi là A-la-hán. Nên vì chúng sinh mà nói về các phẩm Căn, Lực, Giác, Đạo, nhưng đối với pháp ấy không nhiễm, không đắm, nên gọi là A-la-hán. Nên giúp cho chúng sinh nhận biết nẻo giác ngộ thanh tịnh, khiến chúng sinh ấy sinh khởi sự giác ngộ, như thế nên gọi là A-la-hán. Không nên tham đắm lợi dưỡng của chúng sinh ở thế gian, nên vì chúng sinh nói không tham

đắm pháp lợi dưỡng, vì nói pháp này nên gọi là A-la-hán.

Đại Bồ-tát nên đến thế giới của các Đức Phật, nên thấy các Đức Phật như Phật thấy Phật, thấy thế giới Phật như thế rồi thì nên phát tâm dốc cầu đạt được thế giới như thế. Đó chính là thế giới không thể suy nghĩ bàn luận, thế giới không thể tính lường, thế giới không gì so sánh được, thế giới vô biên, thế giới không đùa bỡn, thế giới không thể dùng lời để diễn tả, thế giới không, thế giới vô tướng, thế giới vô tác, thế giới không thoái chuyển, thế giới lìa người nữ, thế giới không có dâm dục, thế giới không có phiền não, thế giới biện tài vô ngại của Phật, thế giới Bồ-tát, thế giới không chướng ngại, thế giới vô nhiễm, thế giới hàng ma, thế giới không có kẻ thù, thế giới Niết-bàn rốt ráo.

Những thế giới này là trên hết trong tất cả các thế giới. Cầu được thế giới như thế, gọi là A-la-hán. Các pháp chưa sinh thì nên sinh khởi, nên gọi là A-la-hán.

Đối với cảnh dục không nhiễm, đối với trường hợp đáng sinh giận tức mà không sinh giận tức, nên gọi là A-la-hán.

Đối với trí Tập và trí Diệt vô thượng mau chóng thông đạt nên gọi là A-la-hán. Vì là A-la-hán nên gọi là giác ngộ và do đã giác ngộ nên gọi là A-la-hán. Bồ-đề là bất động, vì cõi chúng sinh bất động khiến cho trăm ngàn muôn ức chúng sinh an trụ trong đạo Bồ-đề, vì trụ trong đạo Bồ-đề nên gọi là A-la-hán. Tất cả chúng sinh và Bồ-đề đều sinh ra từ chỗ không phân biệt, nên dùng pháp bình đẳng này giáo hóa các chúng sinh, pháp bình đẳng này trong tất cả pháp không gì sánh được. Bồ-đề bình đẳng này từ không phân biệt sinh ra. Nên thông tỏ pháp ấy, đã được thông tỏ thì giảng nói cho chúng sinh nghe không thêm, không bớt, thành tựu pháp không thêm không bớt nên gọi là A-la-hán. Nên nói như thế, lìa pháp âm thanh nên gọi là A-la-hán.

Đại Bồ-tát nên cởi mở sự chấp đắm của nhiều chúng sinh như thế. Đó là chấp đắm về chúng sinh không thật có. Chấp đắm chúng sinh đoạn, thường. Chấp đắm về thân kiến của chúng sinh. Chấp đắm về pháp không ai hơn. Chấp đắm về nhận thức các pháp là bất sinh bất diệt, vô vi vô tác. Chấp đắm về sắc không bị hủy hoại. Chấp đắm về thọ, tưởng, hành, thức không bị hủy hoại. Chấp đắm về pháp lìa bỏ pháp phàm phu. Chấp đắm về việc xây dựng pháp Phật. Chấp đắm về tưởng đối với bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Chấp đắm ý tưởng

đối với quả Bích-chi-phật. Chấp đắm về tưởng đối với Như Lai Đẳng Chánh Giác. Chấp đắm về tưởng đối với tâm Bồ-đề. Chấp đắm về thực hành bố thí vì Bồ-đề. Chấp đắm về tưởng giữ giới vì Bồ-đề. Chấp đắm tưởng thực hành Nhẫn nhục. Vì Bồ-đề chấp đắm về tưởng dứt bỏ biếng nhác thực hành Tinh tấn. Chấp đắm về tưởng đối với việc dứt tâm loạn tu tập Thiền định. Chấp đắm về tưởng đối với việc dứt trừ tuệ xấu ác, tu tập Trí tuệ. Chấp đắm đối với những người thân thương yêu mến như cha mẹ, vợ con, gái trai, anh chị em. Chấp đắm về việc muốn thấy những người thân yêu mến. Chấp đắm về việc thích bàn luận. Chấp đắm về việc phân biệt giữa pháp phiền não và pháp giải thoát. Chấp đắm về tham đắm lợi dưỡng. Chấp đắm về nhận thức tại gia, xuất gia. Chấp đắm các pháp hơn thua. Chấp đắm về xa lìa pháp phàm phu. Chấp đắm về việc duyên theo Phật pháp. Chấp đắm về việc thấy các pháp có trên dưới. Chấp đắm về đầy đủ các tướng phương tiện; chấp đắm về tưởng đối với thế giới của Phật và chúng sinh.

Dứt trừ tất cả mọi thứ chấp đắm của chúng sinh như vậy nên gọi là A-la-hán, cũng không phân biệt chúng sinh này là pháp Niết-bàn, hay chúng sinh này chẳng phải pháp Niết-bàn, chúng sinh này có khả năng tạo ra các pháp, chúng sinh này không có khả năng tạo ra các pháp. Chúng sinh này thực hành Bồ-đề, chúng sinh này chẳng có khả năng thực hành Bồ-đề. Chúng sinh này giữ giới, chúng sinh này phá giới. Chúng sinh này phước nhiều, chúng sinh này phước ít. Không sinh hai kiến chấp như vậy nên gọi là A-la-hán.

Cũng không phân biệt: chúng sinh này là ruộng phước, chúng sinh này chẳng phải là ruộng phước; chúng sinh này tinh tấn, chúng sinh này chẳng tinh tấn; chúng sinh này thấp kém, chúng sinh này thông minh, đây là người nữ, đây là người nam, đây là chẳng phải nam chẳng phải nữ, đây là pháp, đây là phi pháp. Không sinh hai kiến chấp như vậy gọi là A-la-hán.

Cũng không phân biệt: chúng sinh này lui sụt Bồ-đề chúng sinh này không lui sụt Bồ-đề, chúng sinh này tự tại đối với Bồ-đề, chúng sinh này không được tự tại đối với Bồ-đề, chúng sinh này gần gũi Bồ-đề, chúng sinh này xa lìa Bồ-đề. Phát tâm như vầy: "Ta sẽ đạt đến Bồ-đề, nhập vào Niết-bàn vô dư. Tóm lại, vì bỏ tất cả các chấp đắm của chúng sinh nên gọi là A-la-hán."

Này A-nan! Bậc A-la-hán dứt bỏ các chấp đắm của chúng sinh như

thế, lại vì chúng sinh mà nói thật tánh của chúng sinh. Vì nói pháp như thế nên các vị Đại Bồ-tát được gọi là A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Đã bỏ được tất cả
Tất cả các phân biệt
Vì bỏ được phân biệt
Nên gọi A-la-hán.
Dứt được các phiền não
Trói buộc chúng sinh khổ
Đều giúp được giải thoát
Đó gọi A-la-hán.
Xa lìa có sở tắc
Trụ pháp Vô sở đắc
Biết tất cả pháp không
Đó là A-la-hán.
Đã nhận rõ pháp không
Cũng thông đạt vô tướng
Xa lìa tất cả tướng
Đó gọi A-la-hán.
Nên hành hạnh tối thắng
Là việc làm các Phật
Độ thoát các chúng sinh
Sinh tử hiểm nạn lớn
Đã lìa tất cả tướng
Biết lỗi tưởng chúng sinh
Vì bỏ được các tưởng
Đó gọi A-la-hán.
Bỏ các tưởng vô tri
Thông đạt pháp vô tâm
Nhờ đã biết pháp không
Đó gọi A-la-hán.
Nên đạt được Bồ-đề
Chẳng nghĩ bàn của Phật
Nên siêng hành tinh tấn
Đó gọi A-la-hán.
Nên giảng nói các pháp
Thanh tịnh không đùa bỡn
Giúp chúng sinh trụ đạo

Đó gọi A-la-hán.
Nên dùng từ duyên khắp
Giúp chúng sinh an vui
Nhưng chúng sinh không thật
Đó gọi A-la-hán.
Nên giảng nói các pháp
Là bậc nhất trong chúng
Không tưởng pháp, phi pháp
Đó là A-la-hán.
Nên vì các chúng sinh
Nói Căn, Lực, Giác, Đạo
Chẳng nhiễm đắm pháp này
Đó là A-la-hán.
Nên giúp chúng sinh khác
Tỏ ngộ pháp thanh tịnh
Cũng sinh được Bồ-đề
Đó là A-la-hán.
Chẳng nên sinh tham đắm
Mọi lợi dưỡng ở đời
Vì không tham lợi dưỡng
Đó là A-la-hán.
Nên đến các thế giới
Nghiêm tịnh của các Phật
Nơi các Phật an trụ
Nói pháp cho chúng sinh.
Phải nên phát tâm này
Cầu cõi trang nghiêm này
Phải nên cầu cõi này
Đó là A-la-hán.
Đối dục chẳng đắm nhiễm
Đáng giận cũng chẳng giận
Rõ Bồ-đề bình đẳng
Đó là A-la-hán.
Đối trí diệt, trí tập
Thông đạt tướng vắng lặng
Vì được đạo Bồ-đề
Đó gọi A-la-hán.
Đối cõi các chúng sinh

Không dời động chúng sinh
Khiến nhiều ức chúng sinh
Đều trụ đạo Bồ-đề
Chúng sinh và Bồ-đề
Từ không phân biệt sinh
Biết được bình đẳng này
Đó gọi A-la-hán.
Trong mọi pháp bình đẳng
Pháp này là trên hết
Bình đẳng và Bồ-đề
Từ không phân biệt sinh.
Biết rồi, giảng người nghe
Mà chẳng hề thêm, bớt
Cũng từ pháp này sinh
Đó là A-la-hán.
Nên vì chúng sinh này
Nói pháp không âm thanh
Giải thoát nhiều chúng sinh
Mà vẫn luôn bất động.
Chúng sinh không thật có
Và hai bên thường đoạn
Vì trừ các tà kiến
Khiến thoát mọi nỗi khổ.
Chấp các pháp sinh, diệt
Tướng vô vi, vô tác
Các chúng sinh khổ não
Do tưởng mà phân biệt.
Không hủy hoại sắc ấm
Đối thọ ấm cũng vậy
Tưởng, hành cùng với thức
Khiến lìa các chấp này
Đối pháp phàm phu này
Mà thấy có dời đổi
Trụ Phật pháp, bất trụ
Đều khiến được giải thoát.
Chấp tưởng về các quả
Tưởng Duyên giác cũng thế
Nói pháp cho chúng sinh

Khiến lìa tưởng chấp Phật.
Chấp đắm tâm Bồ-đề
Chấp về thí cũng thế
Người chấp về giới, nhẫn
Giảng nói pháp không đắm
Chấp thủ tưởng biếng nhác
Phân biệt hành tinh tấn
Tâm định với tâm loạn
Tuệ sai và tuệ đúng
Không phân biệt pháp này
Biết không có các tướng
Phải nên nói như thế
Đó gọi A-la-hán.
Đắm chặt đối ngã tưởng
Thanh văn nhiều phân biệt
Vì dứt bỏ phân biệt
Nên nói pháp cho nghe.
Cha mẹ và vợ con
Vô trí nên tham đắm
Chẳng phải đạo Bồ-đề
Là đi trong sinh tử
Đó là anh em ta
Chị em, tâm thương nhớ
Dứt bỏ tham ái đó
Nên gọi A-la-hán.
Do vì khéo bàn nói
Tâm kẻ khác dấy vui
Phát tâm vui mạnh mẽ
Ý khởi mong được thấy
Trước sau các người thân
Nếu lúc được gặp gỡ
Xoay vần sinh ái chấp
Vì vô trí điên đảo
Thuộc ma, chẳng tự tại
Xa lìa các lợi dưỡng
Biết lỗi lầm lợi dưỡng
Nên vì các chúng sinh
Nói tội lỗi lợi dưỡng.

Đây là pháp phiền não
Đây là pháp giải thoát
Chẳng chấp hai chấp này
Đó là A-la-hán.
Tham đắm các lợi dưỡng
Không thể tự hiểu biết
Dứt bỏ chấp đắm kia
Đó gọi A-la-hán.
Đây là pháp tại gia
Đây là pháp xuất gia
Phàm phu sinh phân biệt
Nên cởi bỏ chấp kia
Đối với tất cả pháp
Mà thấy có thấp, cao
Chấp là khí, chẳng khí
Nên cởi bỏ chấp ấy.
Xa lìa pháp phàm phu
Mà duyên theo Phật pháp
Nên nói pháp họ nghe
Lìa chấp được, chẳng được
Pháp lớn nhỏ chẳng bền
Người như thế rất nhiều
Nên cởi mở cho họ
Chúng sinh tướng như thế
Sinh ra các tướng tốt
Việc ấy cũng rất nhiều
Chỉ có người nhu hòa
Dứt bỏ được tưởng kia
Thế giới mầu các Phật
Sinh khởi tâm tu tịnh
Chấp tưởng thế giới ấy
Phải nên dứt bỏ hết.
Niết-bàn, chẳng Niết-bàn
Sinh ra, chẳng thể sinh
Đây hành đạo Bồ-đề
Đấy chẳng cầu Bồ-đề.
Giới tốt và giới xấu
Có phước và không phước

Mọi chúng sinh ngu, trí
Sinh ra các thứ tưởng
Các chúng sinh như thế
Thường có rất nhiều tưởng
Vì dứt bỏ tưởng này
Nên nói pháp họ nghe
Đó là ruộng phước tốt
Đây chẳng phải ruộng phước
Phân biệt pháp ngu, trí
Việc ấy cũng rất nhiều.
Chấp thủ tưởng về nữ
Nên cũng phân biệt nam
Là Thánh, là chẳng Thánh
Phân biệt sinh nhị kiến
Chúng sinh không tâm tuệ
Sinh khởi hai kiến này
Lại chấp trước vào đó
Người chấp hai kiến này
Nên phải mau dứt bỏ.
Thoái chuyển, không thoái chuyển
Hữu ký và vô ký
Đó gần với Bồ-đề
Đó chẳng gần Bồ-đề
Đạt đến nẻo Bồ-đề
Rốt ráo nhập Niết-bàn
Hành các tướng như thế
Phân biệt đối Niết-bàn.
Chỉ có người nhu hòa
Dứt bỏ tưởng chúng sinh
Đó gọi A-la-hán.
Cũng gọi bậc trừ tưởng
Đó là pháp Bồ-tát
Thuyết gọi A-la-hán
Nếu thấy bản duyên này
Biết là A-la-hán.

Như thế, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn mà nói các Đại Bồ-tát là A-la-hán.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát đều là Thanh

văn?

A-nan nên biết! Các Đại Bồ-tát dùng âm thanh pháp Phật, dùng âm thanh pháp chẳng thể nghĩ bàn, dùng âm thanh pháp vắng lặng Bồ-đề, dùng âm thanh pháp không đùa bỡn, dùng âm thanh pháp thanh tịnh vô cấu, khiến cho vô lượng, vô biên không thể tính kể chúng sinh đều được nghe, nên gọi là Thanh văn, lại dùng âm thanh pháp Niết-bàn an vui không gì sánh bằng, âm thanh pháp Niệm xứ, Chánh cần, Thần túc, Căn lực, Giác, Đạo... khiến cho nhiều chúng sinh mau siêng năng cần cầu, nên gọi là Thanh văn. Nói thân này là không, chẳng phải pháp bền chắc, bền chắc không thật có, kẻ phàm phu si mê căn trí thấp kém nên tham đắm thân này, vì họ mà nói âm thanh giải thoát.

Lại nói về cái mà nhãn nhập thấy đều là luống dối, ứng theo mắt của sinh Phật, mắt pháp chẳng thể suy nghĩ bàn luận, dùng mắt Phật khiến cho nhiều chúng sinh không có âm thanh mê lầm.

Lại nói âm thanh các pháp không có tướng sinh, nên gọi là Thanh văn.

Lại nói âm thanh được dụ như tiếng vang, chẳng nên đối với âm thanh mà sinh đắm nhiễm, không có người nghe, cũng không có người nói. Đối với mùi không có ý tưởng về ngửi, không có người ngửi mùi. Như người trong mộng thấy mình ngửi nhiều mùi hương, nhưng thật ra không có mùi hương, cũng chẳng có người ngửi mùi hương, vì điên đảo nên nghĩ là có ngửi mùi, mùi hương này cũng như việc trong mộng, không đáng tin, cũng không bền chắc. Âm thanh để nói pháp này gọi là Thanh văn.

Lại nói thiệt nhập cũng như cục thịt, không biết được về vị. Cục thịt này giống như chùm bọt nước không có thực. Tưởng về vị như thế không thể suy nghĩ bàn luận cảnh giới của vị là vô tâm, lìa các tâm pháp không nên sinh tâm, biết tâm là tướng không trụ. Âm thanh nói pháp như vậy khiến chúng sinh nghe, gọi là Thanh văn.

Lại đối với pháp này biểu hiện rõ ràng, âm thanh thấy như thế nào thì có khả năng giảng nói.

Lại nói thân này là không, vô tướng, vô tánh, do vô tướng cho nên không sinh, cũng không có pháp sinh ra. Vì nhiều chúng sinh mà nói tiếng pháp Bồ-đề này gọi là Thanh văn.

Lại nói ý nhập là không, không thật có, cũng không tự tánh, giống

như cảnh huyễn, chẳng sinh chẳng diệt. Nói ra pháp thanh ấy gọi là Thanh văn.

Lại nói pháp thí chẳng thể suy nghĩ bàn luận, pháp này có công năng chứng được Bồ-đề, Bồ-đề không thể suy nghĩ bàn luận, Pháp thí cũng không thể suy nghĩ luận bàn. Vì sao? Vì như hạt giống, quả trái cũng như thế, trong đó không có quả, chỉ dùng âm thanh mà nói có quả.

Lại nói về thí tài thấp hèn, thí pháp cao thượng dứt bỏ tâm keo lận, không hề phân biệt, không sinh ý tưởng về bố thí. Giống như nhà ảo thuật đối với vật huyễn hóa ra không có phân biệt. Như vậy, vì không có tâm phân biệt mà thực hành bố thí có công năng sinh ra Bồ-đề.

Thuyết giảng về pháp thanh như vậy gọi là Thanh văn. Pháp thanh ấy lìa tất cả lời nói, dứt hẳn các phiền não, vượt qua mọi lời nói, lìa các đắm nhiễm, dùng âm thanh ấy vì các chúng sinh giảng nói Phật pháp. Vì sao? Vì đó là âm thanh trên hết trong tất cả các thứ âm thanh nên dùng âm thanh này để giảng nói Phật pháp. Âm thanh ấy không thể phá hoại, cũng không hề nương tựa, vì được sinh ra từ không hai, không khác. Như chỗ sinh ra mà nói Phật pháp không hai không khác. Cho nên A-nan! Các vị Đại Bồ-tát dùng pháp thanh như thế khiến cho các chúng sinh nghe gọi là Thanh văn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Dùng âm thanh của Phật
Trên hết, chẳng nghĩ bàn
Khiến nhiều chúng sinh nghe
Bồ-tát là Thanh văn
Nên vì nhiều chúng sinh
Nói Bồ-đề vắng lặng
Thanh tịnh không đùa bỡn
Đó gọi là Thanh văn.
Giảng nói Niết-bàn vui
Vui ấy không gì sánh
Cũng nói tướng vắng lặng
Đó gọi là Thanh văn.
Giảng Niệm xứ, Chánh cần
Căn, Lực và Giác, Đạo
Mau sinh ra pháp này
Đó gọi là Thanh văn

Nói thân này là không
Chẳng thể nào bền chắc
Vì những kẻ phàm ngu
Nói rõ tướng thân này,
Lại nói về nhãn nhập
Thấy gì đều luống dối
Các chúng sinh vô trí
Thấy gì cũng đắm nhiễm.
Nên sinh khởi mắt Phật
Mắt bình đẳng khó lường
Đối với pháp vô sinh
Cũng chẳng sinh mê đắm
Như âm thanh tiếng vang
Biết tai cũng như vậy
Trong đó, không người nghe
Cũng lại không người nói.
Do dứt mọi tướng ấy
Không người nghe, người nói
Chẳng nên sinh đắm nhiễm
Chỉ bày các chúng sinh
Đó gọi là Thanh văn.
Như người đang nằm mộng
Mũi ngửi các mùi hương
Chỉ do điên đảo sinh
Kỳ thực chẳng thật có
Nên biết mũi như thế
Không thể ngửi hương kia
Vì chúng sinh điên đảo
Bồ-tát nói như thế
Nói thiệt là không, vô
Cục thịt chẳng biết vị
Nếu thịt mà biết vị
Thì tay đụng nên biết.
Giảng nói về tưởng ấy
Tưởng vị nhiều lỗi lầm
Nên biết cảnh giới vị
Là chẳng thể nghĩ bàn
Bồ-tát chẳng nương tựa

Mà hiện thấy rõ ràng
Giảng nói pháp hiện thấy
Đó gọi là Thanh văn.
Giảng về thân như vậy
Là không, không tánh tướng
Vì không, không tánh tướng
Không sinh, không pháp sinh
Bồ-đề cũng như thế
Không sinh, không pháp sinh
Vì nhiều chúng sinh nói
Nên gọi là Thanh văn.
Nói tánh tướng ý nhập
Kỳ thật không thật có
Nói pháp không thật có
Nên gọi là Thanh văn.
Giảng nói pháp bố thí
Pháp thí khó nghĩ bàn
Thí này sẽ sinh ra
Bồ-đề Phật vô thượng.
Thí tài là thấp kém
Pháp thí là cao thượng
Dứt bỏ tâm keo lận
Đạt đến quả Bồ-đề.
Lìa âm thanh nói năng
Dứt các thanh phiền não
Lìa các thanh đắm nhiễm
Thanh không nhơ, thanh tịnh.
Thanh nhiệm mầu trên hết
Tánh thanh ấy vắng lặng
Dùng thanh vắng lặng này
Nói pháp Phật khó nghĩ
Thanh này chẳng thể hoại
Cũng không chỗ nương tựa
Nói không hai không khác
Nên gọi là Thanh văn.
Dùng âm thanh như thế
Giảng pháp các Phật nói
Tùy âm thanh mà nói

Mà cầu đạo Bồ-đề.
Thường giảng nói người nghe
Nghiêm tịnh thế giới Phật
Bậc Đạo Sư vô thượng
Nơi các Phật an trụ.
Nói cõi tam thiên này
Như hư không mà trụ
Các chúng sinh như không
Đều đồng tướng Niết-bàn.
Nói ra bốn mươi bốn
Khiến chúng sinh khác nhau
Thảy đều như hư không
Không nghĩ, không phân biệt.
Cõi này cũng như vậy
Chớ nghĩ là bền chắc
Trong đó, không sinh tử
Không phiền não để dứt.
Trong sinh, không pháp sinh
Cũng không có chúng sinh
Vì đều là vắng lặng
Nên không người sinh ra
Thường nói chúng sinh nghe
Đêm ngày không đoạn dứt
Mà không dấy niệm này:
"Ta vì chúng sinh nói."
Thanh văn biết như vậy
Cũng vì chúng sinh nói
Không nghe, không người nghe
Đó gọi là Thanh văn.
Tâm ý luôn mạnh mẽ
Giảng nói pháp trên hết
Nếu biết rõ pháp này
Cũng biết các pháp như.
Thanh văn nói như vậy
Không nhiễm, không hữu lậu
Cũng vì nhiều chúng sinh
Nói pháp không đắm nhiễm
Nếu biết pháp dứt nhiễm

Thanh tịnh, không đùa bỡn
Ở trong pháp các Phật
Muốn thấy không thấy được
Pháp do các Phật nói
Xa thì không thấy được
Gần cũng lại không có
Mà người lại thấy được.
Thanh văn nói pháp này
Khiến nhiều chúng sinh tin
An trụ trong pháp này
Nên gọi là Thanh văn.
A-nan do lẽ ấy
Ta nói là Thanh văn
Nên biết Thanh văn đó
Là Bồ-tát không nương.

Cho nên, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực phương tiện vì hàng Thanh văn nói các Đại Bồ-tát được gọi là Thanh văn.

Lại nữa, này A-nan! Vì sao Như Lai nói các Đại Bồ-tát là Bích-chi-phật?

A-nan nên biết! Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp đều hiện thấy rõ ràng, vì hiện thấy rõ ràng nên biết được pháp Phật. Đối với các pháp không thêm không bớt, tỏ ngộ tất cả pháp không có thêm bớt. Hiện thấy rõ ràng các pháp được gọi là Bích-chi-phật. Tức là tỏ ngộ tất cả các pháp không thể nghĩ bàn, tỏ ngộ tất cả chúng sinh đều đồng với Niết-bàn, đều không thật có, chẳng sinh chẳng diệt, vì chẳng sinh chẳng diệt nên đó chính là cảnh giới thật, cảnh giới Niết-bàn, cảnh giới chúng sinh, tất cả các pháp không thật có cảnh giới, tuy gọi là cảnh giới nhưng không thể nói về cảnh giới, không dựa vào lời nói, không thể dùng lời nói để diễn đạt. Vì sao? Vì lời nói là không, không được tự tại. Lời nói không thể biết cảnh giới chúng sinh và cảnh giới của các pháp, hiện thấy rõ ràng, tỏ ngộ cảnh giới này gọi là Bích-chi-phật.

Hiện thấy sắc ấm, vì dùng lời nói nên gọi là sắc ấm. Mà sắc ấm này vốn không có nói năng, vì lìa nói năng nên chỉ dùng lời nói để gọi là sắc ấm, trong đó không có ngã và cái của ngã. Vì sao? Vì lời nói và người nói, cả hai đều không, không được tự tại, chẳng sinh chẳng diệt.

Lời nói là vô tri thì làm sao có thể nói đây là sắc ấm, thọ, tưởng, hành,

thức ấm? Cũng nên hiện thấy rõ ràng như vậy.

Hiện thấy về thức ấm, vì dùng lời nói nên gọi là thức ấm, nhưng thức ấm này không có nói năng, vì lìa nói năng nên, chỉ dùng lời nói mà gọi là thức ấm, trong đó ngã và cái của ngã đều không có. Vì sao? Vì lời nói và người nói cả hai đều không, không được tự tại, chẳng sinh chẳng diệt, lời nói là vô tri thì làm sao có thể nói đây là thức ấm?

Đối với năm ấm này, lời nói các duyên đều hiện thấy rõ ràng gọi là Bích-chi-phật. Vì sao? Vì ấm, lời nói, các duyên này thì duyên này vô duyên, chẳng phải duyên ấy có thể biết được.

Này A-nan! Các Đại Bồ-tát này gọi là Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Hiện thấy tất cả pháp
Biết pháp Phật cũng thế
Dứt tranh, chẳng thể hoại
Rốt ráo không có tướng.
Hiện thấy tất cả pháp
Tánh, tướng thảy đều không
Nếu biết tánh, tướng ấy
Rốt ráo không thật có
Đã được nhận thức ấy
Không khác với pháp ấy
Đó gọi là Chánh giác
Bích-chi-phật khó lường.
Chúng sinh như Niết-bàn
Khởi đầu không thật có
Chỗ vô thủy vô chung
Đó gọi cảnh giới thật
Chúng sinh như Niết-bàn
Rốt ráo là không sinh
Nếu pháp không có sinh
Gọi đó là Niết-bàn.
Chúng sinh như Niết-bàn
Cũng có các chiếu dụng
Chiếu dụng không có ngã
Nên gọi là Niết-bàn
Chúng sinh như Niết-bàn
Đặt ra nhiều tên gọi

Không sinh cũng không diệt
Dùng lời nói diễn đạt.
Tánh lời nói là không
Lời nói không biết gì
Vì không biết gì nên
Chúng sinh là Niết-bàn.
Lời nói không tự tại
Vô ngã, không có tâm
Do ngôn thuyết vô tánh
Rốt ráo không thật có.
Lời nói không mé nương
Cũng lại không chỗ trụ
Điều lời nói trình bày
Khó nghĩ cõi chúng sinh
Cõi chúng sinh, Niết-bàn
Chẳng nghĩ bàn cõi thật
An ổn, không đùa bỡn
Chỗ nương tựa trên hết.
Giống như cảnh điện chớp
Chính là cõi chúng sinh
Không duyên, không nơi chốn
Cõi thật chẳng nghĩ bàn.
Ranh giới tất cả pháp
Không có các tên gọi
Dùng tên gọi để gọi
Chốn ấy không thật có.
Cõi thật không thể gọi
Cũng không thể biết được
Cõi chúng sinh vô ngã
Nên biết cõi ấy không.
Lời nói không chốn nương
Lời nói không chỗ nêu
Nếu biết được điều ấy
Không có cõi chúng sinh
Lời chẳng tự tại, không
Lời chẳng biết các cõi
Lời được người nói ra
Khó nghĩ cõi chúng sinh.

Các cõi như vậy thảy
Thông tỏ thảy như như
Tự nhiên biết rõ được
Đó gọi là Chánh giác
Bích-chi-phật khó lường.
Hiện thấy về năm ấm
Dùng tên gọi để gọi
Ấm này không nói năng
Vì thường lìa lời nói
Xa lìa sự hiểu biết
Hiểu biết là tính lường
Bỏ được hiểu biết này
Là không có chỗ trụ.
Cái gọi là sắc ấm
Sắc ấm không có ngã
Lời chẳng tự tại, không
Rốt ráo chẳng sinh diệt.
Tánh lời nói đã nói
Rốt ráo không thật có
Vì không thật có nên
Gọi tên là sắc ấm.
Thọ, tưởng cũng như vậy
Hành, thức cũng như thế
Vì không có, lời nói
Gọi tên là năm ấm.
Ấm này chẳng thể nói
Cũng lại chẳng thể đoạn
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Không chỗ, chẳng vô thường.
Chẳng phiền não, giải thoát
Chẳng báo, cũng chẳng nghiệp
Chẳng giữ cũng chẳng bỏ
Chẳng đùa bỡn, vắng lặng.
Cũng chẳng Xa-ma-tha
Chẳng Tỳ-bà-xa-na
Chẳng ham nhiều, biết đủ
Chẳng tinh tấn, biếng nhác.
Chẳng động cũng chẳng hối

Cũng không có thêm, bớt
Không được pháp sinh ra
Có thể dùng làm giới
Không tu, không phân biệt
Giảng nói không phân biệt
Không sợ, không tranh chấp
Không buộc, cũng không mở.
Do đó vào lời nói
Lời nói không chỗ nhập
Lời nói và nói pháp
Không lời nói mà nói.
Tự mình hiện thấy được
Nói pháp vô cùng tận
Nương pháp chánh định ấy
Chẳng đắm mọi lời nói.
Có trí hiện thấy này
Biết lời nói bình đẳng
Như nói năng các pháp
Dùng không lời để nói
Đã được hiện thấy này
Nên đạt được tự tại
Không còn theo người khác
Đó gọi là Chánh giác
Bích-chi-phật khó nghĩ.

Lại nữa, này A-nan! Các Đại Bồ-tát hiện thấy vô minh và vô minh hành, không dấy tưởng chấp, biết tự tánh của thức, biết tự tánh của danh sắc, biết tự tánh của lục nhập, biết tự tánh của xúc, biết tự tánh của thọ, biết tự tánh của ái, biết tự tánh của thủ, biết tự tánh của hữu, biết tự tánh của sinh, biết tự tánh của già chết. Đối với các pháp này hiện thấy rõ ràng gọi là Bích-chi-phật.

Lúc này, Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói bài kệ sau đây:

Nhận thức về vô minh
Rốt ráo chẳng hề sinh
Như bóng dưới đáy nước
Đầu, cuối không thật có
Thấy rõ tất cả pháp

Không có tướng dao động
Nếu thấy pháp như vậy
Nên gọi là thông sáng.
Tánh sáng như hư không
Tất cả pháp đều thế
Nếu nhận thức được vậy
Đó gọi Bích-chi-phật.
Như nói hành thân này
Là không ở bên trong
Cũng không ở bên ngoài
Hành thân này không sinh.
Hành thân như cây chuối.
Rốt ráo không bền chắc
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Tánh ấy như hư không.
Các Bồ-tát không sợ
Nếu được nhận thức ấy
Đó gọi là Chánh giác
Bích-chi-phật khó lường.
Biết rõ tất cả pháp
Tánh chất là như huyễn
Cũng tin hiểu sâu xa
Biết tánh không thật có.
Quán sát thức như vậy
Mọi tạo tác đều vọng
Do rõ được như thế
Biết tánh thức là không.
Đã biết trí, chẳng trí
Tất cả chỗ không nhiễm
Nếu biết pháp như vậy
Nên thức đồng với huyễn.
Như nói các danh sắc
Vô thọ, không thể nói
Biết rõ tánh, tướng ấy
Rốt ráo không thật có
Nói được tánh các nhập
Mà không có tướng chấp
Biết nhập được như vậy

Vì đó là tánh không.
Tánh xúc đâu cũng có
Có mặt trong các nhập
Khi quán sát lúc này
Như huyễn, không thật có.
Tánh xúc vốn tự không
Vì phân biệt nên biết
Nhưng tánh các xúc này
Chỗ trụ không nơi chốn.
Nếu hiện thấy được xúc
Người trí xa lìa được
Có tuệ xa lìa xúc
Đó gọi Bích-chi-phật.
Biết tưởng thọ là không
Thọ cũng không tự tánh
Như bọt không bền chắc
Rốt ráo không thật có
Đã đoạn tất cả ái
Thông đạt pháp vô ái
Đã đến chỗ ái hết
Đó gọi Bích-chi-phật.
Biết thủ không chỗ thủ
Cũng biết thủ là không
Chẳng sinh, không thật có
Như trời nóng lửa nóng
Xưa nay các tưởng hữu
Và vốn có tưởng sinh
Nếu rõ tánh tưởng này
Rốt ráo không thật có.
Đã lìa tất cả già
Thì không còn phải chết
Ở mọi nơi mọi chốn
Không còn thọ thân nữa.
Đã được nhận thức ấy
Nên không có chỗ nương
Gọi là Bích-chi-phật
Giảng nói các Bồ-tát.

Như thế, này A-nan! Như Lai Đẳng Chánh Giác dùng năng lực

phương tiện vì hàng Thanh văn nói các Đại Bồ-tát được gọi là Bích-chi-phật.

Như thế, này A-nan! Các Đức Phật Như Lai nói các Đại Bồ-tát được gọi là Kiên tín, Kiên pháp, tám bậc, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Thanh văn, Bích-chi-phật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói kệ rằng:

Bậc Đạo Sư tự tại
Chẳng thể nói mà nói
Trong không trung tạo buộc
Cũng trong không mà mở.
Phật có phương tiện lớn
Giảng nói pháp không đắm
Đối pháp không thể nói
Mà phân biệt giảng nói.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

QUYỂN 4

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ở thế gian đều sinh nghi ngờ không thể hiểu rõ, vì sao Như Lai Đẳng Chánh Giác nói về, Kiên tín, Kiên pháp, cho đến Bích-chi-phật?

Phật bảo A-nan:

–A-nan nên biết! Nếu có chúng sinh đối với các hạnh lành mà các Đức Phật quá khứ đã thực hành mà hiểu được mật ngữ của Như Lai thì sẽ không sinh tâm nghi ngờ. Vì sao? Vì biết mật ngữ của Như Lai như huyễn, như ánh lửa khi trời nóng, như cảnh trong mộng, như bóng, như tiếng vang.

Này A-nan! Người biết mật ngữ như thế sẽ không sinh tâm, nghi ngờ. Cho nên, này A-nan! Các Đại Bồ-tát đối với mật ngữ của Như Lai Đẳng Chánh Giác nên biết như thế. Nếu có người siêng năng thực hành mà không thấy mình tinh tấn, siêng năng tu tập trí tuệ mà không thấy mình được trí tuệ thì không sinh tâm nghi ngờ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Các Phật dẫn dắt đời
Nói mật ngữ khó biết
Phát khởi trang nghiêm lớn,
Không khác Bồ-tát nói.
Kẻ trí kém, biếng lười
Chẳng hiểu được mật ngữ
Phải nên siêng tinh tấn
Mới mong thấu đạt được.
Như huyễn, cảnh trong mộng
Như ánh chớp, tiếng vang
Dùng lời nói hiển bày
Các pháp như vậy thảy.

Biết các Phật như thế
Lời mật ngữ nói ra
Dùng trí tuệ như thế
Soi sáng trí vi mật.
Chẳng nên biết như thế
Bồ-đề có thể nói
Nên giác biết như vầy:
Vô ngôn ngữ nên không
Không chẳng thể biết không
Không, chẳng phân biệt không
Dứt tất cả phân biệt
Hiển bày không như thế
Hư không chẳng chỗ chấp
Cũng không có lấy, bỏ
Cho nên, biết pháp không.

Phật bảo A-nan:

–Nếu biết pháp hữu vi như thế đều như mộng mà không buông lung thì không sinh tâm nghi ngờ.

Khi Đức Phật nói pháp này, có năm ức Tỳ-kheo phát tâm Kiên tín, liền đứng dậy, sửa sang y phục để trần vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay đều cùng hòa hợp, đứng trước Phật nói kệ:

Hôm nay Đức Mâu-ni
Dứt tâm nghi chúng con
Được hiểu nghĩa vi mật
Để tin cầu Bồ-đề.

Lại có năm ức vị Tỳ-kheo phát tâm Kiên pháp, nghe các Tỳ-kheo nói bài kệ ấy liền đứng dậy chắp tay, đứng trước Phật, nói kệ:

Nay nhờ ánh Bồ-đề
Chiếu trừ mọi nghi tối
Được hiểu nghĩa vi mật
Kiên pháp cầu Bồ-đề.

Lại có mười ức vị Tỳ-kheo phát tâm tám bậc, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy, hòa hợp đứng trước Phật, nói kệ:

Trước trụ tâm tám địa
Hôm nay đều dứt bỏ
Hiểu được nghĩa vi mật
Tám bậc cầu giác ngộ.

Lại có mười một ức vị Tỳ-kheo phát tâm Tu-đà-hoàn, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy, hòa hợp đứng trước Phật, nói kệ:

Nay đối với pháp Phật
Xé rách được lưới nghi
Rõ mật ngữ của Phật
Giảng nói Tu-đà-hoàn.

Lại có hai muôn năm ngàn vị Tỳ-kheo phát tâm Tư-đà-hàm, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy, hòa hợp đứng trước Phật, nói kệ:

Chúng con vốn đắm nhiễm
Chí cầu Tư-đà-hàm
Nay lìa được đắm nhiễm
Vắng lặng, không đùa bỡn.

Lại có năm trăm ức vị Tỳ-kheo phát tâm A-na-hàm, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy, hòa hợp đứng trước Phật, nói kệ:

Nay gặp Đấng Cứu Thế
Xa lìa các đùa bỡn
Được ánh Bồ-đề chiếu
Dứt sạch mọi tưởng quả.

Lại có ba vạn năm ngàn ức vị Tỳ-kheo được bốn Thiền phát tâm A-la-hán, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy, hòa hợp ở trước Phật, nói kệ:

Con đã lìa phiền não
Thông đạt pháp không khác
Biết các thừa bình đẳng
Thảy đều như huyễn hóa.

Lại có hai vạn vị Tỳ-kheo sinh tâm Thanh văn nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy hòa hợp ở trước Phật nói kệ:

Đấng Mâu-ni lìa buộc
Dứt nói luống cho con
Thầm nói nghĩa Thanh văn
Nay con đều thông đạt.

Lại có năm ngàn vị Tỳ-kheo phát tâm Bích-chi-phật, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy hòa hợp ở trước Phật, nói kệ:

Nay chúng con nhận rõ
Việc làm Bích-chi-phật
Hiểu mật nghĩa của Phật

Bích-chi-phật khó lường.

Lại có một muôn vị Tỳ-kheo-ni sinh tâm đối với bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy hòa hợp ở trước Phật, nói kệ:

Nay biết pháp bình đẳng
Lìa hẳn thân người nữ
Phật không nói lời khác
Bậc nhất trong loài người.

Lại có tám muôn tám ngàn vị Ưu-bà-tắc phát tâm đối với các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm nghe các Tỳ-kheo nói kệ ấy liền đứng dậy hòa hợp ở trước Phật, nói kệ:

Tâm chúng con không nhiễm
Trong như ngọc lưu ly
Vì tu hành Phật pháp
Hôm nay xin xuất gia.

Bấy giờ, trong hư không có sáu mươi ức na-do-tha các vị trời rải hoa Mạn-đà-la cõi trời xuống chỗ Phật để cúng dường, cùng đứng nói kệ:

Vốn có các tưởng thừa
Và những tưởng các quả
Hôm nay đều dứt bỏ
Chắc chắn thành Bồ-đề.

Lúc này, có hàng trăm ngàn A-la-hán như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả A-nê-lư-đầu, Tôn giả Ly-bà-đa, Tôn giả Kiếp-tân-na. Liền đứng dậy, sửa lại y phục bày vai áo bên phải, gối phải sát đất, nhất tâm chắp tay cùng hòa hợp đứng trước Phật, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con chí nguyện đã đầy đủ, hàng phục được ma quân, oán địch, thành tựu đầy đủ năm nghiệp vô gián. Hôm nay chúng con đã thành tựu đầy đủ công đức của năm thứ dục lạc, hôm nay chúng con đầy đủ tà kiến, xa lìa chánh kiến. Hôm nay chúng con đã hại trăm ngàn thân mạng chúng sinh. Hôm nay chúng con đã được Bồ-đề, ngay trong Vô dư Niết-bàn hôm nay được nhập Niết-bàn.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng không nói gì.

Khi ấy, trong hội có trăm ngàn chúng sinh đều sinh tâm nghi ngờ, cho rằng chúng ta đang ở trong sự mờ tối, vì sao các vị đại A-la-hán lại nói như vậy, huống chi là hàng phàm phu!

Do tâm nghi ngờ nên đại chúng người ở chỗ này không thể đi đến chỗ kia, người ở chỗ kia không thể đi đến chỗ này, người ngồi không thể đứng dậy, người đứng thì không thể ngồi xuống. Lúc này, Tôn giả A-nan biết rõ điều nghi ngờ trong tâm trăm ngàn chúng sinh nên nương theo thần lực Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Hiện tại trong đại chúng này có trăm ngàn chúng sinh nghe các Đại đức Tỳ-kheo nói những lời vừa rồi nên sinh tâm nghi ngờ, Đức Thế Tôn im lặng không nói gì. Vậy kính mong Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói rõ về việc ấy, do đâu mà các Đại đức Tỳ-kheo đã thốt lên những lời khó hiểu như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–A-nan nên biết! Đây là việc không thoái chuyển nơi quả vị Bồ-đề, chỉ có các vị Bồ-tát không còn thoái chuyển mới chứng biết được những lời nói khó hiểu của các vị Đại đức Tỳ-kheo.

A-nan hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có phải các Đại đức Tỳ-kheo này đều là những vị Bồ-tát không còn thoái chuyển chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng như vậy! Các vị Đại đức Tỳ-kheo này đều là Bồ-tát đều không còn thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề.

Tôn giả A-nan thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Mong Bồ-tát giải thích ý nghĩa những lời nói khó hiểu của các Đại đức Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Vô minh có công năng sinh ra sinh tử, cho nên gọi là mẹ. Vì dứt bỏ vô minh nên gọi là hại mẹ. Cha là chỉ cho sự tư duy không chính đáng và sự hỷ ái, cho nên dứt bỏ sạch những thứ ấy gọi là hại cha. Dùng các pháp không thể phá hoại làm phương tiện phá hoại các tưởng chấp của chúng sinh, cũng phá hoại các hành gọi là hoại Tăng. Nên phá hoại pháp phàm phu gọi là A-la-hán. Dùng phương tiện bất diệt để diệt tưởng chấp về A-la-hán gọi là giết A-la-hán. Dùng phương tiện bất diệt để diệt trừ tưởng chấp về Như Lai gọi là làm cho thân Phật chảy máu. Các tướng như vậy đã đoạn trừ, đã hủy bỏ hết không còn sót một chút nào.

Này A-nan! Vì lý do ấy mà các Đại đức Tỳ-kheo nói: “Hôm nay

chúng con thành tựu đầy đủ năm nghiệp vô gián." Vì sao? Vì đối với pháp này chẳng tụ chẳng tan, không giảm không đầy, do đó mà gọi là đã thành tựu đầy đủ năm nghiệp vô gián. A-nan nên biết! Các vị ấy nói là: "Hôm nay chúng con đã thành tựu đầy đủ công đức của năm thứ dục lạc, vì các Tỳ-kheo ấy đối với năm thứ dục lạc đã biết rõ chúng như mộng như huyễn, như ngọn lửa lúc trời nóng, như hình bóng, như tiếng vang. Các vị ấy đã thành tựu đầy đủ trí này nên đối với năm thứ dục lạc không thêm không bớt. Vì sao? Vì biết pháp này rốt ráo không thật có. Vì không thật có, nên biết đúng như thật đối với pháp ấy được pháp nhẫn như thế. Do đó mà gọi là thành tựu đầy đủ công đức của năm thứ dục lạc."

Này A-nan! Vì lý do đó mà các Đại đức Tỳ-kheo đã nói: "Hôm nay chúng con thành tựu đầy đủ công đức của năm thứ dục lạc." A-nan nên biết! Các vị ấy nói: "Hôm nay chúng con thành tựu đầy đủ tà kiến, xa lìa chánh kiến." Các vị Tỳ-kheo ấy biết các pháp tà kiến là các pháp tà.

Này A-nan! Tà gọi là hữu vi. Các pháp đều là luống dối, pháp luống dối ấy cũng giống như hư không, không thêm không bớt, cũng chẳng có nơi chốn, cũng không bị lệ thuộc. Vì sao? Vì các pháp ấy xa lìa tự tánh. Các vị ấy biết các pháp đều bình đẳng, vì bình đẳng nên chánh kiến cũng bình đẳng, các vị ấy đã lìa bỏ cái tưởng chấp về bình đẳng ấy. Vì sao? Vì nếu có ý tưởng về bình đẳng thì sẽ có tưởng về chẳng bình đẳng. Các Tỳ-kheo ấy không có ý tưởng bình đẳng và không bình đẳng. Vì sao? Vì các pháp của các Đức Phật lìa tất cả tưởng. Các vị đó, đối với pháp Phật đã thông đạt vô sinh, tức là pháp vô đắc, vô sinh. Cho nên, này A-nan! Các Đại đức Tỳ-kheo ấy nói rằng hôm nay chúng con đã thành tựu đầy đủ tà kiến, xa lìa chánh kiến.

A-nan nên biết! Các vị ấy nói: "Hôm nay chúng con đã giết hại nhiều trăm ngàn thân mạng chúng sinh." Này A-nan! Tức là các vị ấy muốn cho trăm ngàn chúng sinh, các vị trời, người, hiện có trong chúng hội này thấy rõ các pháp hữu vi đều như huyễn, như hình bóng, như tiếng vang. Biết được các pháp như thế thì lìa được tưởng chúng sinh, về thọ mạng, về người, tưởng lìa tất cả các pháp. Vì tất cả pháp không thể gieo trồng cho nên phương tiện gieo trồng căn lành Bồ-đề. Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe các Tỳ-kheo nói lời khó hiểu ấy cũng lìa được tưởng chúng sinh, tưởng thọ mạng, về người, chẳng còn bị trôi lăn trong sinh tử. Vì sao? Vì nếu chấp trước về các tưởng: chúng sinh, thọ mạng, người, thì

phải chịu trôi lăn trong sinh tử. Các vị đó đã xa lìa pháp như thế nên rốt ráo không sinh. Cho nên, này A-nan! Các Tỳ-kheo ấy nói rằng hôm nay chúng con đã hại nhiều trăm ngàn mạng căn chúng sinh. A-nan nên biết! Các vị ấy nói: "Hôm nay chúng con đã đạt được Bồ-đề, ở trong Niết-bàn Vô dư mà nhập Niết-bàn."

Này A-nan! Các Tỳ-kheo ấy muốn giúp cho trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị trời người trong đại chúng này, ngay trong ngày hôm nay sẽ lìa khỏi các phiền não, đạt đến nẻo giác ngộ. Vì sao? Vì các đại chúng này đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà hôm nay nghe nói Pháp cú kim cang, đều được pháp Nhẫn vô sinh, được thấy Bồ-đề.

Vì lẽ ấy mà các Đại đức Tỳ-kheo nói: "Hôm nay chúng con đã được Bồ-đề, hôm nay chúng con ở trong Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn." Các vị ấy không dứt bỏ phiền não, không tu Phật pháp, không dứt bỏ các phiền não khác. Cho nên, này A-nan! Các Tỳ-kheo ấy nói là hôm nay chúng con đã đạt đến giác ngộ, ở trong cảnh giới Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

A-nan nên biết! Nói là "hôm nay" tức là ở ngay ngày này không sinh cũng không có cái sinh ra, nên gọi là hôm nay. Cho nên A-nan! Các vị thiện nam, thiện nữ cầu Bồ-tát thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất cả pháp nên loại bỏ dần các pháp không thật có để phát tâm Bồ-đề", đối với tất cả pháp gọi là "lìa bỏ tưởng Bồ-đề" đối với tất cả pháp gọi là: "Nhập Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn."

Này A-nan! Các vị trong dòng họ của Như Lai cầu Bồ-tát thừa chẳng nên đắm sâu ý tưởng về ngày, không nên vì có mặt trời mà sinh tưởng là ngày.

Này A-nan! Kẻ ngu tối thấy mặt trời thì tưởng ban ngày, đó không phải là hạng có trí tuệ. Vì sao? Vì nếu ban ngày là chân thực, là chắc chắn, là luôn luôn tồn tại thì phải có một sự chứa nhóm, không qua đi, chỉ có ngày mà không có đêm. A-nan nên biết! Có tưởng chấp về ngày đêm thì đó là hạng phàm phu. Cho nên, này A-nan! Các vị trong dòng họ của Như Lai cầu Bồ-tát thừa phải có tâm sâu xa, được các Thiện tri thức giúp đỡ, chẳng nên dấy tưởng về ngày đêm. Vì sao? Vì mong đạt đến nẻo giác ngộ thì phải lìa bỏ tất cả tưởng chấp.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên nói kệ rằng:

Vô minh gọi là mẹ

Sinh ra sự sinh tử
Nhổ sạch cội rễ chúng
Đó chính là làm hại.
Không quán đúng, suy nghĩ
Hỷ, ái, gọi là cha
Thảy đều biết như thật
Rốt ráo không thật có.
Vì biết không thật có
Mà dứt mọi gốc rễ
Không duyên, không thật có
Đó chính là làm hại.
Pháp La-hán đã nói
Cùng với pháp phàm phu
Đã dùng trí tuệ hủy
Đó chính là làm hại.
Tất cả các thứ tưởng
Đã biết rõ tánh, tướng
Dùng pháp chẳng thể hại
Hoại tướng gọi hoại Tăng.
Điều xưa nay phân biệt
Các pháp tưởng Như Lai
Đã đoạn và xa lìa
Biết rõ không sinh diệt.
Tưởng ấy lần lượt khởi
Suy nghĩ biết là không
Như bình đẳng đã nói
Đã chứng biết được rồi
Công đức dục đã nói
Có năm thứ tên gọi
Xa lìa các tưởng này
Biết tưởng đều như huyễn.
Các vị Tỳ-kheo này
Đối dục không thêm, bớt
Ở trước Bậc Đạo Sư
Mà nêu bày như vậy.
Biết tánh dục đều không
Như cảnh thấy trong mộng
Rốt ráo chẳng thật sinh

Trí này được đầy đủ
Hiểu pháp bằng trí tà
Luống dối không bền chắc
Tà gọi là luống dối
Trí này được đầy đủ
Pháp hữu vi luống dối
Mà chẳng có xa gần
Vô tri, không gần xa
Như tay rờ hư không.
Kia nói các chánh kiến
Đều thấy là bình đẳng
Như các pháp bình đẳng
Tri kiến thảy cũng thế.
Phàm phu nhiều phân biệt
Tưởng chúng sinh nên chết.
Nếu không có chúng sinh
Cũng không có tưởng chết
Các chúng sinh có duyên
Dứt tưởng chấp thọ mạng
Biết lỗi chấp thọ mạng
Dứt bỏ tưởng như thế.
Xa lìa tưởng chúng sinh
Và tưởng chấp thọ mạng
Các vị nói như vầy:
Hại nhiều mạng chúng sinh
Đã xa lìa tưởng chết
Được pháp không phân biệt
Biết Bồ-đề chẳng hoại
Không thêm, không quả báo.
Tử sinh không đáng chấp
Tỏ ngộ pháp thanh tịnh
Mọi pháp không tranh chấp
Không sinh, thường vắng lặng
Không nên phân biệt ngày
Cũng không phân biệt đêm
Đối pháp chẳng đến, đi
Mà mong đạt giác ngộ
Phàm phu thường phân biệt

Cho mặt trời là ngày
Người mong được giác ngộ
Chớ sinh tâm phân biệt
Nêu bày những mật ngữ
Các vị dùng mật ngữ
Giảng nói các pháp ấy
Vì đã rõ pháp ấy
Nên nói lời như thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nói xong bài kệ, lúc ấy trong hội có trăm ngàn chúng sinh nhổ sạch được mũi tên nghi ngờ, không còn nghi ngờ mà đều được sáng tỏ, nên đối với các pháp được pháp Nhẫn vô sinh. Do đó các vị đều cởi những tấm áo quý giá đang mặc trên người dâng lên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử và cùng thưa:

–Chúng tôi xin nguyện ở đời vị lai cũng được nói về pháp mầu này để giác ngộ chúng sinh, giống như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đã giác ngộ chúng sinh vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã dứt bỏ được tâm nghi ngờ của chúng sinh, làm sáng tỏ pháp Phật. Pháp nên như thế!

Lúc bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay tất cả các mũi tên nghi ngờ của trăm ngàn chúng sinh này chúng hội có phải đã được Thế Tôn nhổ sạch chăng?

Phật bảo A-nan:

–Giờ đây, trăm ngàn chúng sinh này đều do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giáo hóa thành tựu Bồ-đề, nên khi nghe Bồ-tát nói pháp thì họ đều kính tin và hiểu rõ.

A-nan lại hỏi Phật:

–Các chúng sinh ấy đều không thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề phải không?

Phật bảo A-nan:

–Đúng vậy, các chúng sinh này không thoái chuyển đối với đạo Bồ-đề. Vì sao? Vì họ đều được Thiện tri thức Văn-thù-sư-lợi giúp đỡ khuyến khích.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo này đã phát tâm Kiên tín, phát tâm

Kiên pháp, phát tâm tám bậc, phát tâm Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, phát tâm Thanh văn, phát tâm Bích-chi-phật, không còn lui sụt đối với đạo Bồ-đề chăng?

Phật bảo A-nan:

–Việc ấy khó tin, vì có những chúng sinh ưa thích các pháp nhỏ, biếng nhác lười trễ, kiêu mạn, không siêng năng tinh tấn, tham đắm ăn uống, mê say dục lạc, gần gũi những người thích làm những pháp dục nhiễm, ưa bàn nói những lời vô ích. Tâm thì thường tán loạn, mất chánh niệm, không có uy nghi. Tâm ý luôn lăng xăng, các căn không nhiếp phục, lao chao đùa bỡn, ngu bướng lắm lời. Những chúng sinh như vậy rất khó kính tin pháp này.

Này A-nan! Lại còn có những kẻ chấp đắm tăng thượng mạn, không thể giữ thân, tham đắm thân mạng, xa lìa nơi vắng lặng, không chịu học rộng, kiêu mạn phá giới, hủy pháp, trộm pháp, không tôn trọng pháp, huỷ diệt chánh pháp, nghèo nàn, pháp tài, ưa thích phi pháp, phỉ báng chánh pháp, thích làm những việc phi pháp, chẳng biết ân nghĩa, không báo đáp ân nghĩa, không kính Phật, Pháp, Tăng.

Này A-nan! Những chúng sinh như thế kính tin pháp này rất khó tâm keo lận, tâm chấp đắm sâu chặt vào tà giới, tâm tức giận, không hiểu pháp Phật, đầy đủ pháp ác, nghèo nàn trí tuệ, xa lìa bạn lành, cấu kết với bạn xấu, không chịu tu tập theo pháp Bát-nhã ba-la-mật nên không được sự che chở của các pháp Tổng trì cũng như các kinh điển chủ yếu, sinh khởi kiến chấp thấy mình có chứng đắc, coi trọng lợi dưỡng, tham đắm y bát, đối với các vật y bát rất sinh tâm xem trọng, chẳng biết tôn kính các bậc Hòa-thượng, A-xà-lê vào lúc đầu hôm, gần sáng không siêng năng thực hành phương tiện.

Này A-nan! Những chúng sinh như thế tin pháp này rất khó, lại còn những kẻ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, hai lưỡi, ác khẩu, nói năng không đúng lúc, tham lam, tức giận, tà kiến, gần gũi tà kiến, tu hành nhiều pháp phương tiện sai lạc, không biết hổ thẹn, giao du kết bè kết lũ, tách riêng một mình, không theo các pháp của hàng Sa-môn, làm những pháp không đúng với Sa-môn, chẳng tin vào các pháp không, vô tướng, vô tác, vô vi, bất sinh, bất diệt, tất cả các pháp, chẳng phải tướng phá hoại.

A-nan nên biết! Những chúng sinh như vậy thì khó có thể tin pháp này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ấy rồi liền im lặng. Tôn giả A-nan nương uy thần Phật, hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, vì sao Đức Thế Tôn im lặng không nói?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Chúng sinh ở vào đời ác năm trược thời tương lai có đầy đủ các pháp ác, bất thiện như vậy, chẳng thể tin hiểu pháp sâu xa, vì lý do ấy nên Đức Thế Tôn im lặng.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

–Chúng sinh đời sau ít có người tin hiểu pháp ấy chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đúng là chúng sinh đời vị lai ít có người tin được pháp này, Giống như chúng sinh, người không biết châu báu thì nhiều, còn người biết thì rất ít. Vì sao? Vì năng lực hiểu biết của họ không đủ để lãnh hội giá trị của các món châu báu đó.

Này A-nan! Chúng sinh cũng như thế, nghe nói pháp này thì người tin hiểu rất ít, nếu có những người tin hiểu pháp đó thì không được dân chúng trong các thôn xóm, thành ấp của đất nước tôn kính. Dân chúng trong nước đều cùng xem thường mà xa lìa. Vì sao? Vì những người ấy đời trước đã gây ra những nghiệp xấu ác, do nhân duyên đó mà đời bây giờ phải chịu quả báo như thế.

Tôn giả A -nan hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Kính mong Bồ-tát hãy vì số ít chúng sinh tin hiểu ấy mà nói rộng thêm về ý nghĩa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Việc này nên hỏi Phật, Phật sẽ giảng nói.

Tôn giả A-nan liền hỏi Phật.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhìn khắp bốn phương, rồi hiện ra tướng lưỡi che phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ tướng lưỡi rộng lớn ấy phát ra ánh sáng chiếu sáng khắp hằng hà sa thế giới trong mười phương.

Lúc này, bốn bộ chúng nhờ thần lực Phật đều trông thấy các Đức Phật, Thế Tôn ở hằng hà sa thế giới trong mười phương, các Đức Thế Tôn này đều nói về pháp ấy và bốn bộ chúng đều được nghe, nghe xong đều hòa hợp khuyến thỉnh Đức Thế Tôn:

–Cúi mong Thế Tôn hãy giảng nói pháp ấy, khiến cho không bị dứt

mất.

Bạch Thế Tôn! Trong các thế giới ở mười phương hiện giờ, vô lượng, vô biên không thể tính kể các Đức Phật, Thế Tôn trong các thế giới đó đều giảng nói pháp ấy, chúng con đều được thấy nghe, pháp do các Ngài giảng nói không thêm, không bớt chẳng khác gì Thế Tôn hiện giờ đang giảng nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền thu hồi tướng lưỡi lại và bảo A-nan:

–Ông có thấy những người nào chuyên nói lời dối trá mà được tướng lưỡi dài rộng chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Không hề có việc ấy, đó là nhờ Đức Thế Tôn thành thực nói về các pháp giới, định, nhẫn nhục, luôn thể hiện lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả đối với muôn loài, thương xót đem lại lợi ích cho chúng sinh, được đến Nhất thiết trí nên mới hiện ra tướng lưỡi rộng lớn như vậy. Cho nên, bạch Đức Thế Tôn! Cúi mong Đức Thế Tôn hãy vì số ít chúng sinh nam nữ trong dòng họ của Như Lai mà giảng rõ về ý nghĩa ấy. Nhờ đó mà những người chưa tin sẽ nhờ đó, mà chứng biết và sẽ phát khởi lòng tin.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Hiện giờ bốn chúng đều đến nhóm họp, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng với tám chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... nghe được pháp ấy đều không còn lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lần lượt tu hành sẽ chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ ở nơi cõi này mà giảng nói pháp này, không có thêm bớt, chẳng khác gì như nay ta đang giảng nói vậy.

Lúc này, bốn chúng đệ tử cùng tám bộ chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa... thảy đều vui mừng hớn hở vô lượng, nên có người thì tung những tấm y quý giá lên để cúng dường Phật, người khác thì tung rải hoa, hoặc dùng các xâu chuỗi đủ loại: hoa Tu-ma-na vàng, bạc, tỳ-lưu-ly, pha-lê, xa-cừ, mã não, san hô, báu nhật quang, bảy thứ báu lẫn lộn… nói chung là đủ các thứ xâu chuỗi quý giá như vậy để tung rải lên chỗ Phật cúng dường.

Các vị trời thì tung rải các loại hoa như: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Ba-lưu-sa, Ma-ha ba-lưu-sa, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, Ca-ca-lặc-ki, Ma-ha ca-ca-lặc-ki, Lư-già-ma-na-ni... lên chỗ Phật cúng dường. Lại tung rải các thứ hoa như Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi... cõi trời để cúng dường. Trên hư không vang lên tiếng kỹ

nhạc, cùng các thứ tán tụng, khen ngợi công đức của Phật.

Các vị vua rồng thì tung rưới các loại ngọc trai quý giá lên chỗ Phật, tất cả những người nữ thì cởi những xâu chuỗi ngọc anh lạc đeo trên mình tung lên cúng dường, hoặc dâng lên Phật những y phục quý giá, rồi thì tất cả mọi người đều sửa lại y phục, gối bên phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay đứng trước Phật, đều hòa hợp bạch Phật:

–Chư Phật, Như Lai lời nói không hai, trí tuệ không chướng ngại, thọ ký cho chúng con chắc chắn sẽ thành Phật.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

–Đúng thế, này A-nan! Những vị nữ nhân này đều không còn lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì các Đức Phật, Thế Tôn là những bậc đã dứt hẳn si mê tham dục, tức giận và các thứ kiêu mạn cấu uế tối tăm, cũng như tất cả nhiễm đắm.

Các Đức Phật, Thế Tôn đã đốt sạch các thứ phiền não, đầy đủ tinh tấn, đầy đủ năng lực, uy đức tôn nghiêm, thần túc tự tại, ánh sáng chiếu soi, đầy đủ quyến thuộc, oai thế tôn quý, dòng họ nơi chốn đều đầy đủ, tướng tốt đầy đủ, ánh sáng đầy đủ, được đến chỗ yên ổn, như Đế Thích, như Phạm thiên, như các vị được tôn quý trong cõi Dục. Uy nghi đầy đủ, giới hạnh đầy đủ quán sát đầy đủ, được các vị Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều tôn trọng cung kính, khen ngợi không nhiễm pháp thế gian, bỏ hẳn tất cả các pháp hữu vi, đầy đủ giải thoát, pháp của các Phật, thấy nghe không luống dối.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao sự thấy nghe của họ đối với các Đức Phật, Thế Tôn không luống dối?

Đức Phật hỏi:

–Ông không hiểu rõ điều ấy sao?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con thật không biết. Kính xin Thế Tôn nói rõ vì sao mà sự thấy nghe của họ đối với Như Lai không hề luống dối?

Phật bảo A-nan:

–Ông hãy nhất tâm khéo lắng nghe, bây giờ ta sẽ giải thích. A-nan nên biết nếu có chúng sinh đã nghe, đang nghe, hay sẽ nghe danh hiệu Phật

Thích-ca Mâu-ni, thì các chúng sinh không còn thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì sự giác ngộ của các Đức Phật không hề luống dối, cũng không có tham dục, tức giận.

Này A-nan! Chỉ được nghe tên thôi mà còn được như vậy, huống chi hiện tại đang ở trước Phật rải một bông hoa lên cúng dường Phật. Cho nên sau khi ta nhập Niết-bàn, nếu có chúng sinh nào đối với hình tượng hay xá-lợi Phật mà cầm một cành hoa cúng dường thì chúng sinh ấy cũng không còn thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A-nan bạch Phật:

–Nếu như loài súc sinh được nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni thì loài súc sinh ấy đã gieo trồng hạt giống nhân duyên đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải chăng?

Phật bảo A-nan:

–Nếu có súc sinh nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni thì đó là súc sinh ấy đã gieo trồng hạt giống nhân duyên đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chúng sinh ấy đã được nghe danh hiệu các Đức Phật Như Lai, thì việc nghe ấy không hề luống dối, cho nên các Đức Phật, Như Lai không nói hai lời.

Này A-nan! Ví như cây Ni-câu-đà cành lá um tùm, có thể che bóng mát cho trăm người đến năm trăm người. Vậy theo ý ông thì cây con ấy lúc mới đem trồng lớn hay nhỏ?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cây con đó rất nhỏ.

Phật bảo A-nan:

–Cây Ni-câu-đà này lúc mới đem trồng tuy nhỏ, nhưng nhờ các duyên như đất, nước, gió, sức nóng, hư không nên được lớn lên và dần dần trở nên cao lớn.

Này A-nan! Như vậy thì các chúng sinh kia gieo trồng hạt giống Bồ-đề cũng dần dần lớn lên, cho đến sẽ đạt đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và sự vun trồng hạt giống Bồ-đề ấy không thể bị mục nát, không thể bị hư hoại. Vì sao? Vì không trụ trong tất cả pháp mà gieo trồng hạt giống, cho nên không thể bị mục nát, không thể bị hư hoại.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đó là nhờ năng lực bản nguyện của các Đức Phật hay nhờ pháp của các Đức Phật mà được như vậy?

Phật bảo A-nan:

–Đó là do bản nguyện của ta: Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu ta thì chắc chắn không còn lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mà cũng nhờ pháp của các Đức Phật mà được như vậy. Vì sao? Vì tất cả pháp của các Đức Phật đều bình đẳng.

A-nan bạch Phật:

–Nếu pháp của các Đức Phật là bình đẳng thì vì sao còn phải lập thệ nguyện?

Phật bảo A-nan:

–Khi các Đức Phật, Thế Tôn giảng nói các pháp, thì các Đại Bồ-tát trong chúng hội nghe Phật nói pháp liền lập thệ nguyện: Rằng mình về sau cũng thành Phật, nói pháp, thấy nghe không luống dối cũng như thế.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật kỳ diệu thay, đã thành tựu được pháp ít có như vậy, lại dùng pháp ấy để làm lợi ích cho chúng sinh.

Phật bảo A-nan:

–Đúng thế, đúng thế, đúng như lời ông vừa nói! Ta vì làm lợi ích cho các chúng sinh, nên đã ở khắp các cõi Phật cúng dường các Đức Phật không hề tiếc rẻ thân mạng mình, xả bỏ tất cả mọi vật không chút tiếc bỏn xẻn, siêng tu tinh tấn, chứa nhóm các pháp khó được và đạo Bồ-đề không chỗ nương tựa, đối với tất cả pháp không hề chấp đắm, để nhiếp phục chúng sinh.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

QUYỂN 5

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều ít có, Ma vương Ba-tuần nghe Thế Tôn nói pháp này mà không đến quấy phá.

Phật bảo A-nan:

–Vì bọn chúng không nghe nên không đến quấy nhiễu. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đã dùng thần lực ẩn che khiến chúng không nghe được, cho nên không đến quấy nhiễu.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử liền thu hồi thần lực. Ác ma Ba-tuần đang ngủ, chợt nghe pháp âm mới lạ nói về pháp không thoái chuyển, cũng nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni nên hoảng hốt thức giấc, buồn bã lo sợ, khắp mình nổi ốc, liền từ trên giường xuống đất, nói:

–Các chúng sinh trước kia bị ta hàng phục thì bây giờ họ không còn chịu sự hàng phục của ta, lãnh thổ trước kia của ta nay không còn là của ta nữa!

Ác ma ba-tuần lo buồn khổ não, cất tiếng kêu khóc, do đó mà thân hình biến thành già ma ốm yếu một ông lão trăm tuổi. Bấy giờ, Ác ma Ba-tuần tập hợp bốn thứ binh cùng các thiên ma trong khắp tam thiên đại thiên thế giới, tất cả cùng kéo đến chỗ Đức Phật nói pháp, giống như hồi Đức Phật mới thành đạo, ngồi nơi gốc cây Bồ-đề chúng cũng đã rầm rộ kéo tới quấy phá như vậy.

Khi ấy, ác ma Ba-tuần nặng nhọc lê tấm thân già nua ốm yếu, chống gậy lần bước đến chỗ Phật. Cùng lúc ấy, đám ma binh và quyến thuộc dàn ra nơi hư không, nghe Pháp âm không thoái chuyển và nghe danh hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni khiến cả bọn đều dừng lại không thể tiến lên phía trước, bèn nghĩ: “Chúng ta không còn lệ thuộc Ma vương

Ba-tuần nữa.”

Thế là Ma Ba-tuần chỉ còn đơn độc một thân gầy đến trước Phật bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tôi hiện chỉ còn một mình, chẳng còn được một kẻ tay chân nào để hầu hạ giúp sức, các chúng sinh trước kia bị tôi hàng phục bây giờ họ không còn chịu sự hàng phục của tôi, lãnh thổ trước kia của tôi nay không còn là của tôi nữa, Thế Tôn thương xót tất cả chúng sinh, mà hiện tại tôi cũng nằm trong số chúng sinh đó, sao Thế Tôn không rủ lòng thương xót mà giúp cho tôi một người phục dịch nước nôi chẳng hạn.

Đức Phật bảo Ma vương Ba-tuần:

–Thế giới chúng sinh rất nhiều, là pháp vô tận, Ba-tuần nên biết, giả sử mỗi ngày có hằng hà sa số Đức Phật ra đời, mỗi Đức Phật trong mỗi ngày hóa độ cho hằng hà sa số chúng sinh, giúp họ đạt đến Niết-bàn cả thì cõi chúng sinh cũng không bao giờ hết.

Ma vương Ba-tuần lại thưa:

–Thế giới chúng sinh tuy nhiều như vậy nhưng hiện nay tôi đơn độc chỉ một thân một mình, lại già nua ốm yếu, giá như trên đường đi mà bị vấp té thì cũng không có một ai giúp đỡ. Cúi mong Đức Thế Tôn hãy an ủi, giúp đỡ để tôi được vui mừng mà trở về cõi trời.

Phật bảo ma Ba-tuần:

–Ngươi cứ an tâm, nếu có chúng sinh nào không tin, không hiểu pháp không thoái chuyển này, thì những chúng sinh ấy đều thuộc về ngươi, đều là quyến thuộc của ngươi, ngươi được tự do sai khiến họ, họ đều là kẻ giúp đỡ ngươi.

Ma vương Ba-tuần nghe Đức Phật nói như vậy vui mừng hớn hở nghĩ: “Nay ta sẽ gây sự trở ngại cho chúng sinh, khiến đối với pháp này không tin, không hiểu, sinh tâm nghi ngờ, vì sinh ngờ nên họ sẽ thuộc về ta, ta tự do sai khiến họ.”

Nghĩ đoạn, Ma vương Ba-tuần bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn an ủi bảo ban cho tôi một lần nữa, để tôi được vui mừng mà trở về cõi trời. Phật đã dạy: “Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu ta thì đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thoái chuyển.” Vậy xin Thế Tôn từ nay trở đi đừng nên nói pháp ấy nữa. Vì sao? Vì nếu có chúng sinh nào nghe được lời này thì họ sẽ siêng năng thực hành tinh tấn cầu đạo giác ngộ của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ma vương Ba-tuần:

–Ngươi hãy an tâm, ta sẽ khiến cho các chúng sinh không còn an trụ trong đạo Bồ-đề, cũng không có người nào ra khỏi thế giới chúng sinh, không có chúng sinh nào lìa sắc ấm, lìa thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Này Ma vương Ba-tuần! Ngươi cứ an tâm, ta thường khiến cho các chúng sinh không có người nào lìa bỏ kiến chấp về thân, lìa giới thủ, kiến thủ, lìa bỏ sở đắc, lìa sáu mươi hai kiến chấp, lìa tưởng quá khứ, hiện tại, vị lai, lìa sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, thêu dệt, nói lời độc ác, hai lưỡi, tham lam, sân giận, tà kiến.

Này Ba-tuần! Ngươi cứ an tâm, ta sẽ không dạy chúng sinh thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Cũng không dạy chúng sinh thực hành bốn Nhiếp pháp, cũng không khiến chúng sinh lìa bỏ các tưởng chấp: về chúng sinh, về bỏn xẻn tham đắm, về cha mẹ, về anh em, chị em, nam nữ, về ngày đêm, về nửa tháng, một tháng, một năm, lìa Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, về phát tâm Bồ-đề, về Lực, Vô úy, về các phẩm Căn, Lực, Giác, Đạo, về Phật, Pháp, Tăng, về chướng ngại Bồ-đề, về Nhất thiết chủng trí.

Này Ba-tuần! Ngươi hãy yên tâm ta sẽ khiến cho chúng sinh đối với tất cả các pháp đều không có ý tưởng xa lìa.

Lúc này, Ma vương Ba-tuần vui mừng hớn hở, đã nhổ được mũi tên phiền não, liền hiện lại nguyên hình như trước, dùng các thứ hoa trời tung rải lên chỗ Phật để cúng dường, lại đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đứng trước Phật nói kệ rằng:

Hôm nay Bậc Lưỡng Túc
Nói âm thanh nhiệm mầu
Phật không nói hai lời
Khiến tôi rất vui mừng.

Ma vương Ba-tuần nói kệ xong, vui mừng an tâm, lui dần khỏi chỗ Phật rồi trở về cõi trời, cùng với đám thân thuộc vui thích với năm thứ dục lạc, không còn dấy tâm quấy nhiễu nữa.

Lúc Phật vừa nói xong pháp hàng phục đuổi trừ các ma thì mặt đất rung chuyển sáu cách.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mặt đất rung chuyển như vậy?

Đức Phật dạy:

–Do ta nói xong pháp hàng phục đuổi trừ các ma, có đến sáu muôn bốn ngàn vị Bồ-tát đối với pháp ấy được pháp Nhẫn vô sinh.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ trong chúng hội này có vị nào nghi ngờ pháp này hay không?

Phật bảo A-nan:

–Hiện giờ trong chúng hội này có mười ức chúng sinh đều sinh tâm nghi ngờ, tâm ý các vị ấy mê mờ cho rằng: Những lời như thế e rằng chúng ta đã nghe lầm chăng? Vì lý do ấy mà họ ngơ ngác không hiểu gì, cũng không tự biết mình từ nơi nào đến và định đi về đâu, vì nghi ngờ cho nên rốt cuộc họ không hiểu biết gì cả.

A-nan bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn khởi tâm Từ bi vì các chúng sinh ấy mà mau làm cho họ được sáng tỏ, đừng để cho họ vì nghi ngờ ấy mà bị đọa vào đường ác.

Kính mong Thế Tôn chỉ dạy, do nhân duyên nào mà Thế Tôn nói với Ma vương Ba-tuần rằng: "Ác ma Ba-tuần, ngươi cứ an tâm, ta sẽ không khiến cho chúng sinh trụ trong Bồ-đề..." cho đến "Ba-tuần hãy yên tâm ta chẳng khiến cho chúng sinh đối với tất cả pháp lìa bỏ tưởng chấp."

Cúi mong Thế Tôn hãy vì các chúng sinh này mau làm cho họ sáng tỏ, cũng khiến cho chúng sinh đời sau này được sự sáng tỏ ấy mà thọ Trì pháp đó, không để quên mất, xin Thế Tôn giải thích rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Bồ-đề không tướng trụ
Cũng không người trụ được
Cho nên nói chúng sinh
Không người trụ Bồ-đề
Bồ-đề và chúng sinh
Không hai, không có khác
Do đó nói chúng sinh
Không người trụ Bồ-đề
Cũng không có chúng sinh
Lìa được cõi chúng sinh

Không thật có, bất sinh
Rốt ráo không thật có
Cõi chúng sinh khó lường
Tánh ấy vốn là không
Dù cho Nhất Thiết Trí
Không thấy lìa tưởng ấy
Các ấm mà ta nói
Không chúng sinh lìa được
Ấm ấy và chúng sinh
Không khác, thường vắng lặng
Đã biết ấm là không
Mà chẳng lìa tánh ấy
Nói thể ấy là một
Không đáng chấp nên lìa
Đã biết được các ấm
Không chấp không đáng lìa
Vô ngã, chẳng tự tánh
Rốt ráo, không chỗ nương
Các ấm như hư không
Chỗ ấm hành cũng vậy
Hành mà không chỗ hành
Nói ấm như hư không
Như nói cõi hư không
Không sở sinh, năng sinh
Tánh ấm cũng như thế
Không có người lìa được
Tánh tướng của thân kiến
Không pháp nào để được
Do không pháp để được
Ta nói chẳng thể lìa.
Nghi không có tự tánh
Rốt ráo không thật có
Vì nghi không thật có
Chúng sinh không thể lìa.
Không có các chúng sinh
Giữ được giới lựa chọn
Các chúng sinh chấp thủ
Cũng lại không thật có

Người chấp có được pháp
Chúng sinh không thật có
Có được pháp vô tâm
Chẳng xa lìa tự tánh
Như các chấp đã nói
Gồm có sáu mươi hai
Các kiến chấp như thế
Đều như bóng đáy nước.
Đã biết các chấp này
Đều như bóng đáy nước
Vô ngã, không thật có
Tự tánh chẳng thật có.
Tưởng quá khứ, vị lai
Cùng tưởng về hiện tại
Tưởng ấy không thật có
Cũng như bóng đáy nước
Tưởng ấy không có ngã
Chúng sinh không thật có
Vì chúng sinh không thật
Cho nên không đáng lìa.
Giết hại các chúng sinh
Sẽ đọa vào đường ác
An trụ trong Niết-bàn
Không có người động được.
Nếu chúng sinh thật có
Thì có tướng lìa động
Chúng sinh không có thật
Nên nói không đáng lìa.
Tên Bồ-đề không cho
Chưa từng có người cho
Tuy siêng làm phương tiện
Nhưng không người lìa động
Chúng sinh chẳng hành thí
Giáo hành hơn pháp thí
Tuy siêng làm phương tiện
Nhưng không người lìa động
Cũng không có chúng sinh
Kẻ tham đắm dâm dục

Trong dục không có tà
Có thể hợp phi tà.
Các chúng sinh nói dối
Người có duyên nên độ
Tuy siêng làm phương tiện
Nhưng không người lìa động
Hai lưỡi và nói ác
Và nói không đúng lúc
Những lời nói như vậy
Như vang làm người nghi
Pháp này không nơi chốn
Cũng chẳng đáng tham đắm
Các tiếng này như vang
Rõ chẳng chỗ nương tựa.
Vô minh vốn sẵn có
Chấp chặt sâu bản ngã
Vì biết ngã chân thực
Không người lìa động được
Cũng biết được giận tức
Rốt ráo chẳng có tướng
Bồ-đề là vô tướng
Không người lìa động được
Nếu biết được tà kiến
Đó gọi là chánh kiến
Vì lỗi đắm kiến chấp
Không người lìa động được
Không dạy các chúng sinh
Mà dùng nữ sắc thí
Bậc Thánh, Hiền ngăn cấm
Thí này có lỗi lầm
Giữ giới theo tà kiến
Thánh đạo dạy dứt trừ
Người trí không nên dạy
Dùng đó cầu pháp Phật.
Điều ngoại đạo khen ngợi
Vô số các tướng nhẫn
Nhẫn ấy chẳng phải chánh
Giúp người đến Niết-bàn

Điều ngoại đạo khen ngợi
Tinh tấn bằng năm nhiệt
Không thể đạt giác ngộ
Người trí nên lìa bỏ.
Các thiền định ngoại đạo
Đều hành tưởng ba cõi
Chẳng phải điều Phật khen
Chẳng thể dạy kẻ khác
Chẳng dùng trí thế tục
Giáo hóa các chúng sinh
Tuệ ấy chẳng thể được
Tuệ Phật khó nghĩ bàn
Đối chúng sinh thanh tịnh
Đầy đủ sự không sợ
Ta nói chúng sinh ấy
Chẳng hành bốn Nhiếp pháp.
Người kính sâu niệm Phật
Không dạy lìa chấp ấy
Phật có trí vô nhiễm
Cũng không các chướng ngại
Người kính sâu niệm Phật
Không dạy lìa chấp ấy
Pháp trên hết lìa dục
Làm sao mà lìa được?
Không đắm tưởng chúng sinh
Mà phát tâm Bồ-đề
Bồ-đề không nên đắm
Làm sao mà lìa tưởng
Cha mẹ và anh em
Chị em cùng nam nữ
Tưởng này đều như huyễn
Làm sao mà lìa được.
Tưởng ấy, tất cả chỗ
Không pháp, không thật có
Do không pháp, chẳng có
Làm sao mà lìa được.
Tưởng ngày và tưởng đêm
Tưởng nửa tháng, một tháng

Tưởng này không chân thật
Như trời nóng nước sôi
Tưởng thí và tưởng giới
Tưởng nhẫn nhục tinh tấn
Tưởng ấy không chân thật
Làm sao để lìa tưởng.
Tưởng định và tưởng tuệ
Tưởng về tâm Bồ-đề
Tưởng về lực, vô úy
Tưởng này đều luống dối
Các giác và tưởng đạo
Tưởng Phật và tưởng pháp
Đều từ vô tri sinh
Làm sao lìa tưởng ấy.
Nhận rõ các tưởng tăng
Tưởng ấy cũng rất nhiều
Vì từ phân biệt sinh
Ta nói không thể lìa.
Chẳng chấp tưởng Bồ-đề
Cùng tưởng Nhất Thiết Trí
Tưởng ấy xa các Phật
Bồ-đề không nghĩ bàn
Vì thế nên ta nói
Ba-tuần kẻ không trí
Chẳng lìa các tưởng ấy
Mà xa cầu Bồ-đề
Các pháp và Bồ-đề
Thảy đều biết như như
Nên nói nghĩa chẳng lìa
Đuổi tâm ma lo buồn.

Lúc Đức Thế Tôn quyết định nói pháp hàng phục đuổi trừ các ma thì trong chúng hội có mười ức chúng sinh nhổ được mũi tên do dự, không còn nghi ngờ, đạt được sự sáng tỏ, đối với các pháp được pháp Nhẫn vô sinh, tất cả đều hòa hợp đứng trước Phật nói kệ rằng:

Phật đạo chẳng nghĩ bàn
Khiến chúng con được tỏ
Phật là Thầy dẫn đường
Dứt bỏ tâm nghi con,

Nên đạt được sáng tỏ
An trụ trong pháp Phật
Các phương thêm sáng tỏ
Được thấy một ức Phật.
Cũng được thấy pháp ấy
Rõ sắc thảy không sinh
Gặp được Đấng cứu thế
Được trí tịnh như vậy.
Cũng được thấy một ức
Cõi nghiêm tịnh các Phật
Bậc dẫn đường vô thượng
Đều an trụ trong đó.

Bấy giờ, mười ức chúng sinh nói kệ xong liền cởi y phục quý giá tốt đẹp hiện đang mặc trên thân để cúng dường pháp, vui vẻ dâng lên Đức Phật, cùng bạch Phật:

–Chúng con nguyện cho pháp này được truyền bá rộng khắp để cho tất cả chúng sinh đều được nghe.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh nào được nghe pháp hàng phục đuổi trừ các ma này, mà tin được hiểu được, không sinh nghi ngờ, thì các thiện nam, thiện nữ ấy được phước như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào được nghe qua tai một lần về pháp hàng phục đuổi trừ các ma này, mà tin được hiểu được không sinh tâm nghi ngờ thì công đức ấy rất nhiều không thể tính lường hết được.

A-nan bạch Phật:

–Phước được ấy có thể thí dụ được chăng?

Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm mỗi ngày ba thời mỗi thời cúng dường trăm ngàn Đức Phật, tôn kính khen ngợi, dùng các phòng xá tốt đẹp làm chỗ nghỉ ngơi, tất cả vật cần dùng đều cung cấp đầy đủ, công việc cúng dường như thế trải qua trăm ngàn kiếp, vậy thì thiện nam, thiện nữ ấy được công đức có nhiều chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hết sức nhiều, không thể nào tính lường hoặc dùng

thí dụ để biết được.

Phật bảo A-nan:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ được nghe pháp hàng phục đuổi trừ các ma này một lần qua tai mà tin được hiểu được không nghi ngờ thì phước đức ấy còn lớn hơn trường hợp cúng dường kia.

Khi ấy, trong hư không có ba vị thiện nam cầu Bồ-tát thừa bỗng nhiên hiện ra dần dần đi đến chỗ Phật, mỗi vị đều cầm mười đóa hoa sen lớn, hoa sen ấy to lớn hơn cả núi Tu-di, mỗi đóa hoa có đến trăm ngàn muôn ức cánh, phát ra trăm ngàn muôn ức ánh sáng màu sắc.

Lúc này, Tôn giả A-nan cùng các vị trong chúng hội đều trông thấy ba vị cầu Bồ-tát thừa ấy từ xa dần dần đến gần nên đều vui mừng cho là điều ít có. Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ba vị thiện nam ấy từ nơi nào đến đây?

Đức Phật đáp:

–Về phương Đông trải qua số cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, có thế giới tên là Hoa cao tu-di sơn, ba vị thiện nam ấy từ thế giới đó, nghe ta nói pháp này cùng với nhân duyên trên cho nên đến đây.

A-nan bạch Phật:

–Đức Phật ở thế giới ấy danh hiệu là gì?

Đức Phật đáp:

–Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là Hoa Cao Tu-di Sơn Vương Như Lai Đẳng Chánh Giác hiện giờ đang nói pháp.

Bấy giờ, ba vị thiện nam cầu Bồ-tát thừa đến trước Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đầu mặt lễ dưới chân Phật, đi nhiễu Phật ba vòng theo chiều bên phải, gối phải quỳ sát đất, nhất tâm chắp tay, rải hoa sen đang cầm trong tay lên chỗ Phật cúng dường rồi cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hiện giờ đối với pháp này đã tin được hiểu được không còn nghi ngờ. Vì sao? Vì chúng con đối với pháp này không còn nghi ngờ cũng như Đức Như Lai vậy.

Lúc này, vị thiện nam cầu Bồ-tát thừa thứ nhất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng con là Như Lai, thì đó là lời nói chính đáng. Vì sao? Vì con đối với pháp này không còn sinh nghi ngờ.

Vị thứ hai bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng con là Thế Tôn, thì đó là lời chính

đáng. Vì sao? Vì con đối với pháp này không sinh nghi ngờ.

Vị thứ ba cũng bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu nói rằng con là Phật, thì đó là lời nói chính đáng. Vì sao? Vì con đối với pháp này không còn sinh nghi ngờ.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có đến trăm ngàn chúng sinh nghe ba vị Bồ-tát nói như vậy nên tâm họ thảy đều xao động không thể ngồi yên và đều nghĩ: "Không thể có hai vị Phật cùng ra đời ở thế gian, sao hôm nay các vị thiện nam này do đâu lại nói như vậy?"

Nghĩ như vậy, các vị bèn nói với nhau, rồi lại im lặng, cho rằng hiện Đức Thế Tôn ở đây sẽ nêu rõ ý nghĩa về những câu nói của các vị Bồ-tát vừa nói.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ-tát ấy tên gọi là gì mà đã có khả năng rống lên tiếng rống của sư tử như thế?

Phật bảo A-nan:

–Trong ba vị ấy, vị thứ nhất tên là Lạc Cầu Như Lai Âm Thanh, vị thứ hai tên là Lạc Cầu Thế Tôn Âm Thanh, còn vị thứ ba tên là Lạc Cầu Phật Âm Thanh. A-nan nên biết, vì lý do ấy mà ba vị Đại Bồ-tát ấy nói như thế.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện giờ trong hội này có hàng trăm ngàn chúng sinh tâm đều xao động và cho rằng không có hai vị Phật cùng ra đời một lúc trên thế gian. Vậy vì sao ba vị Bồ-tát lại nói như thế?

Kính mong Như Lai giải thích rõ về ý nghĩa ấy giúp cho đại chúng ở đây tâm ý không còn xao động, căn lành đã gieo trồng, càng thêm lợi ích thanh tịnh sáng tỏ.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người tắm gội sạch sẽ, râu tóc hớt gọn, dung mạo tươi tắn, lại dùng hương chiên-đàn quý giá xong gội lên người mình nữa thì màu da lúc này càng tươi thắm bội phần hơn trước.

Bạch Thế Tôn! Các chúng sinh ấy cũng giống như vậy. Nếu được nghe nói về ý nghĩa ấy thì căn lành đã gieo trồng càng thêm lợi ích, thanh tịnh sáng suốt và trong lành bội phần hơn trước.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đều cùng nhất tâm nghe

Ta giảng về nghĩa ấy
Vì sao gọi Như Lai
Thế Tôn cùng với Phật.
Đã biết quá khứ như
Cũng biết vị lai như
Thấy tất cả pháp như
Cho nên gọi Như Lai.
Như các Phật thuở xưa
Hành thí chẳng thể bàn
Ta cũng hành thí này
Cho nên nói lời ấy,
Như các Phật thuở xưa
Cầu đạo không nương tựa
Ta cũng cầu như thế
Cho nên gọi Như Lai.
Không trụ tất cả pháp
Cầu giác ngộ vắng lặng
Cũng không được Bồ-đề
Cho nên gọi Như Lai.
Như các Bồ-tát xưa
Siêng khổ hành nhẫn nhục
Ta cũng hành nhẫn ấy
Đến được bờ kia nhẫn
Như xưa ta tinh tấn
Siêng cầu đạo Bồ-đề
Kia cũng siêng tinh tấn
Cho nên gọi Như Lai.
Kia đã được thông đạt
Tướng bình đẳng các pháp
Cũng không sinh ý niệm
Nên gọi là Như Lai.
Chẳng nghĩ tất cả pháp
Tánh ấy thường bình đẳng
Biết bình đẳng ấy rồi
Mà không tâm sai biệt,
Đã thông đạt lẽ ấy
Định bình đẳng như như
Vì thông đạt định đó

Nên gọi là Như Lai.
Tất cả pháp đã nói
Đều tự có tánh, tướng
Đã biết tánh tướng này
Rốt ráo thường vắng lặng,
Biết tướng gọi là tuệ
Biết không gọi là trí
Nếu biết được chúng sinh
Gọi đến bờ kia tuệ.
Như những bậc trí xưa
Trí tuệ đến bờ giác
Cũng không có tuệ này
Đến bờ kia vắng lặng.
Họ cũng có tuệ này
Mà đến nơi bờ kia
Do không có tuệ này
Cho nên gọi Như Lai.
Không được Bồ-đề như
Tánh tướng ấy khó bàn
Không được tất cả pháp
Cho nên gọi Như Lai.
Đã đạt được không đắm
Không đắm như Như Lai
Không đắm tất cả pháp
Thông đạt đạo vô chấp,
Như Bậc Đạo Sư xưa
Thấy biết được chánh đạo
Tướng chân thật đạo này
Không hề có đầu cuối.
Kia cũng tu như vậy
Đạo tối thắng vô thượng
Đạo này không đầu cuối
Tánh không, không thật có.
Biết đạo không đầu, cuối
Các pháp đều bình đẳng
Đã biết như bình đẳng
Cho nên gọi Như Lai.
Đạo như, Bồ-đề như

Cùng với chẳng trụ như
Biết Như như hư không
Cho nên gọi Như Lai.
Các pháp ta đã nói
Như ấy thường bình đẳng
Nếu thấy được như thế
Phải nên cầu Bồ-đề.
A-nan! Do lẽ ấy
Bồ-tát đã nói thế
Tu hành đúng lời dạy
Kia cũng hành như vậy.
Nếu hành được hạnh ấy
Và nói được như thế
Rõ pháp không lui sụt
Các Bồ-tát không sợ.
A-nan! Nên biết rằng
Các Bồ-tát không sợ
Nên giảng nói như vậy
Tự nói là Như Lai.

A-nan bạch Phật:

–Do nhân duyên gì và đạt được những pháp gì mà được tôn xưng là Thế Tôn?

Bây giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Đều cùng nhất tâm nghe
Trong trăm ngàn ức kiếp
Cầu Bồ-đề như thế
Vô lượng, khó nghĩ bàn.
Cũng vì các chúng sinh
Cầu Bồ-đề như thế
Không hề có sợ hãi
Đó gọi là Thế Tôn.
Chẳng sợ hãi sinh tử
Chánh trụ sinh tử ấy
Hóa độ các chúng sinh
Nên gọi là Thế Tôn.
Nhờ đâu không kinh sợ
Làm sao trụ sinh tử

Làm sao độ chúng sinh
Do đâu gọi Thế Tôn?
Sinh tử không có pháp
Mà có thể hủy diệt
Chẳng bền, chẳng hủy hoại
Dùng đó độ chúng sinh
Đó gọi là chẳng sợ
Đó gọi trụ sinh tử
Đó gọi độ chúng sinh
Đó gọi là Thế Tôn.
Biết các pháp hư vọng
Mà không tâm yếu hèn
Giảng nói tướng các pháp
Mà không hề sợ hãi
Đã dứt trừ sợ hãi
Xa lìa các chỗ nạn
Chẳng sợ các chỗ nạn
Độ chúng sinh chỗ nạn
Độ nhiều ức chúng sinh
Qua đường hiểm sinh tử
Cũng không có sinh tử
Và chúng sinh được độ.
Đặt các chúng sinh lên
Bờ Niết-bàn vắng lặng
Cũng không có chúng sinh
Đó gọi là Thế Tôn.
Thường vì các chúng sinh
Nói pháp như hư không
Không hề sinh sợ hãi
Nên gọi là Thế Tôn.
Pháp tánh không khác nhau
Nói có nhiều thứ tên
Bình đẳng như Bồ-đề
Bồ-đề không thật có,
Dạy, bảo cho muôn loài
Quy hướng về giác ngộ
Tuy dạy pháp như thế
Nhưng không hề có nói,

Không thể nói mà nói
Hóa độ nhiều chúng sinh
Không sợ, không chấp đắm
Nên gọi là Thế Tôn.
Xa lìa tất cả tưởng
Tu hành tưởng Bồ-đề
Đã dứt tất cả tưởng
Đó gọi là Thế Tôn.
Đã diệt hết các tưởng
Phiền não không còn thừa
Do đó nên được xưng
Gọi là Bậc Thế Tôn.
Dùng tuệ quán các pháp
Biết các pháp bình đẳng
Nên chẳng cầu pháp nhỏ
Đó gọi là Thế Tôn.
Chẳng coi trọng tiếng khen
Cũng chẳng mong được khen
Thường vì các chúng sinh
Nói pháp lìa khen ngợi.
Bồ-đề lìa khen ngợi
Kia cũng cầu như vậy
Nếu coi trọng tiếng khen
Đó là xa Bồ-đề.
Thanh ấy như tiếng vang
Phân biệt nên nhiều loại
Sinh ra các phân biệt
Ta có tên như thế.
Không đắm tất cả tiếng
Cũng chẳng nương dựa tên
Bồ-đề dứt đùa bỡn
Đó gọi là Thế Tôn.
Biết các pháp như vậy
Gọi đó là Thế Tôn
Cũng không có Bồ-tát
Nên gọi là Thế Tôn.
Biết các pháp như vậy
Mà không hề tham đắm

Cầu giác ngộ như thế
Giải thoát dứt hữu lậu.
A-nan do như vậy
Cùng các nhân duyên khác
Các vị Đại Bồ-tát
Xưng mình là Thế Tôn.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì và đạt được các pháp gì mà được tôn xưng là Phật?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Biết rõ tất cả pháp
Pháp này không thật có
Đã biết không có pháp
Cho nên gọi là Phật.
Biết rõ các phiền não
Khiến người chẳng tự tại
Dùng trí dứt phiền não
Cho nên gọi là Phật.
Giác biết thân này không
Thân ấy không lệ thuộc
Cũng chẳng hề bền chắc
Không thể được bền chắc
Kẻ đối thân không chắc
Mà cho là bền chắc
Kia hiểu biết như thật
Cho nên gọi là Phật.
Biết vô minh, không trí
Tự tánh không thật có
Đã chứng được trí sáng
Cho nên gọi là Phật.
Tất cả tưởng quá khứ
Biết rõ là vô tưởng
Biết tưởng là vô tưởng
Lại không theo tướng ấy
Tu các tưởng vị lai
Hiện tại cũng như thế
Đã tu tất cả tưởng

Thế nên gọi là Phật
Biết rõ sắc đời trước
Không hề có sinh khởi
Phàm phu tuy phân biệt
Không thể khiến sắc sinh.
Biết thọ không gốc rễ
Gốc rễ không thật có
Đối với tất cả pháp
Cũng không có người thọ
Biết tưởng giống như huyễn
Tánh ấy không thật có
Đối với tất cả pháp
Không bị tưởng làm lụy.
Biết hành không thể làm
Ra các thứ thân tướng
Thân không, hành cũng không
Cho nên không làm ra.
Biết hành cùng với thân
Cũng giống như cây chuối
Biết rõ được như thật
Cho nên gọi là Phật.
Quán thật tánh của thức
Cũng không ở trong thân
Mà cũng không ngoài thân
Nên biết có thức ấy.
Đối tất cả các pháp
Tánh thức không thật có
Mà ở trong thân này
Không thân, không nơi chốn
Biết được thức như vậy
Tánh thức không thật có.
Không tưởng, như hư không
Không hề thấy thức sinh.
Đối tất cả các pháp
Không có người thấy thức
Tánh tất cả chúng sinh
Chưa từng có tạo tác.
Chúng sinh không tạo tác

Các pháp rốt cũng vậy
Như pháp, như chúng sinh
Không có tướng đến, đi.
Biết tất cả các pháp
Rốt ráo đều không tướng
Không phân biệt, đùa bỡn
Cho nên gọi là Phật.
Như các Phật không trụ
Chánh pháp, Đại thừa Phật
Không trụ tất cả pháp
Cho nên gọi là Phật.
Như như các pháp như
Các Phật không trụ như
Phật như, Bồ-đề như
Rốt ráo không thật có.
Vì mong cầu Bồ-đề
Nên phát tâm như vậy
Biết được tướng tâm này
Pháp nhỏ không thật có.
Vì mong cầu Bồ-đề
Nên phát tâm như vậy
Tâm Bồ-đề này thảy
Cũng biết rõ như huyễn.
A-nan! Do như vậy
Bồ-tát nói lời ấy
Tự nói mình là Phật
Như Phật, Bậc Đạo Sư
Dùng tiếng tăm của Phật
Nói các pháp như thế
Nếu an trụ pháp đó
Đều nên cầu Bồ-đề.
Nếu biết được pháp này
Đó là gần Bồ-đề
Đối với tất cả pháp
Không sinh các nghi ngờ.
Đối các pháp không nghi
Là vô thượng trên đời
Đã biết pháp này nên

Hiểu được nghĩa mật ngữ.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói về ý nghĩa danh hiệu Như Lai, Thế Tôn, Phật xong, trong chúng hội có đến trăm ngàn chúng sinh bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đã xé rách được lưới nghi ngờ, đạt được sáng tỏ, đã hiểu ý nghĩa vì sao các Đại Bồ-tát được gọi là Như Lai, Thế Tôn, Phật, vì tất cả pháp, không thật có, đối với tất cả pháp đã đạt được pháp nhẫn. Như Lai hiện giờ giống như cha mẹ thương xót dắt dẫn chúng con, không để cho tâm ý chúng con bị xao động nữa, đồng thời chúng con cũng biết rõ được pháp không xáo động, giống như hư không không thể quấy động được. Vì sao? Vì hiện tại chúng con đã biết rõ tất cả pháp, cũng như hư không, không bị quấy động.

Bấy giờ, trong chúng có trăm ngàn chúng sinh đảnh lễ sát chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải quanh Phật ba vòng, rồi đứng im lặng cách Phật không xa. Khi ấy, trong chúng hội có vị Đại Bồ-tát tên là Thường Tiếu Chư Căn Thanh Tịnh liền đứng dậy, rải các thứ hoa lên chỗ Phật để cúng dường rồi nói kệ rằng:

Chúng sinh thường tưởng quả
Hiểu được tưởng quả kia
Lìa quả được đầy đủ
Lễ Bậc Trí ở đời.
Chúng sinh tham đắm quả
Đặt ra tên các quả
Chỉ Phật dứt trừ được
Nên lễ Bậc Đại Trí.
Giảng nói quả bình đẳng
Để giác ngộ chúng sinh
Biết quả là giả danh
Nên lễ Bậc Đại Trí.
Giảng nói pháp bình đẳng
Trụ trong pháp bình đẳng
Biết tất cả các pháp
Nên lễ Bậc Đại Trí.
Chúng sinh tưởng được quả
Trừ tâm có được này
Chỉ Phật mới trừ được
Nên lễ Bậc Đại Trí.
Rõ quả là vắng lặng

Không trụ các thứ quả
Các Phật khéo mật ngữ
Nên lễ Bậc Đại Trí.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Thường Tiểu Chư Căn Thanh Tịnh nói kệ khen ngợi Đức Phật rồi, trán lễ dưới chân Phật, đi nhiễu theo chiều bên phải ba vòng, rồi đứng cách Phật không xa nhất tâm chiêm ngưỡng Phật, mắt không hề chớp, trong tâm vui mừng.

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Đại Bồ-tát tên là Liên Hoa Đức Tạng liền đứng dậy, tung rải hoa lên chỗ Phật để cúng dường và nói kệ rằng:

Chúng sinh thường có tưởng
Hiểu được hữu tâm này
Lìa sợ, không hề chấp
Đảnh lễ Đức Mâu-ni.
Vắng lặng đối ba cõi
Nói pháp không thật có
Xa lìa cả ba cõi
Đảnh lễ Đức Mâu-ni.
Biết hữu là không, vô
Tánh ấy không có ngã
Do xa lìa sợ hãi
Đảnh lễ Đức Mâu-ni.
Lìa xa mọi lo buồn
Người dứt hết lo buồn
Dứt hẳn các trói buộc
Đảnh lễ Đức Mâu-ni.

Đại Bồ-tát Liên Hoa Đức Tạng nói bài kệ khen ngợi Đức Phật xong, lại nói kệ bạch Phật:

Trong đời ác sau này
Nếu ai nghe kinh ấy
Chẳng sinh tâm sợ hãi
Đều nên chắp tay lễ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Cấu Ý liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Nếu người nghe kinh này
Chẳng hề khởi nghi hoặc
Mà không sinh nghi ngờ
Thì bất cứ lúc nào
Cũng nên rải hoa cúng.

Đại Bồ-tát Quảng Tư Duy liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Trong kinh này nói rõ
Pháp vô lượng Đức Phật
Chúng sinh nghe pháp này
Nhiều người không nghi ngờ.
Tham đắm đối thân mình
Sinh các tưởng về thân
Được nghe kinh như thế
Cho là lời điên đảo.
Nên biết đó thuộc ma
Đã bị ma sai khiến
Vô trí nghe kinh này
Lại sinh tâm nghi ngờ.

Đại Bồ-tát Thanh Liên Hoa Mục liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Nếu ai nghe kinh này
Không sinh tâm nghi ngờ
Giống như mắt thế gian
Cũng gọi bậc Thí nhãn.

Đại Bồ-tát Lạc Cúng Dường Tháp liền ở trước Phật nói kệ:

Nếu ai nghe kinh này
Mà sinh tin ưa sâu
Người này ở thế gian
Như ngôi tháp tôn quý.

Đại Bồ-tát Khát Ngưỡng Ý liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Tuy ở trong sinh tử
Nên thường sinh khát ngưỡng
Chẳng đắm tất cả pháp
Nên chẳng nghi kinh này.

Đại Bồ-tát Lạc Dĩ Y Thí ở trước Phật nói kệ rằng:

Nên dùng nhiều y phục
Mịn màng và thẳng nếp
Để phủ khắp thân hình
Người không nghi pháp này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Lạc Dĩ Thực Thí liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Nói về các mỹ vị
Các thức ngon đã nói
Trên hết trong các vị

Nên dùng để cúng dường
Người không nghi kinh này.

Đại Bồ-tát Bi Niệm Lạc Kiến Chúng Sinh liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Thương xót các chúng sinh
Nên thường hay than khóc
Vì đối với kinh này
Không có người tin ưa
Nếu người ít được nghe
Nghi ngờ đối kinh này
Nên biết địa ngục đến
Sẽ trở lại địa ngục.
Gần gũi với bạn xấu
Không hiểu pháp sâu này
Bị lưới vô minh che
Không hướng đường lành này
Phá giới, tự trói buộc
Ý ác, thích tìm lỗi
Tham đắm các lợi dưỡng
Nên bài báng kinh này.
Không siêng cầu Bồ-đề
Biếng nhác, không tinh tấn
Tuệ kém, chuộng pháp nhỏ
Chẳng tin hiểu kinh này.
Chúng sinh tham lợi dưỡng
Chấp ngã, theo ái dục
Đắm sâu trong ba cõi
Không thể tin kinh này.
Kẻ ngu, tâm tánh xấu
Tham ái, mù không trí
Ưa thích luận bàn nhiều
Mà không tin kinh này.
Thích chọn lựa y phục
Ham vị thích uống ăn
Ít ham chuộng pháp lành
Nên bài báng kinh này.
Các chúng sinh đắm quả
Thích nói đắm các quả

Hiểu mật ngữ của Phật
Được như thế rất khó
Các Phật thời xa xưa
Bậc Đạo Sư vô thượng
Đều hết lòng cúng dường
Nên tin, hiểu kinh này.

Đại Bồ-tát Viễn Ly Ác Pháp liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Tâm ngu tham chấp quả
Nên bài báng kinh này
Phải xa lìa kẻ ấy
Như lìa đống phân thối
Cũng như thây chết rữa
Người tu đều lánh xa
Chúng sinh bác kinh này
Đều phải thường xa lánh
Giống như kẻ cướp thôn
Sống ở chốn hoang vắng
Người nghe đều chạy tránh
Sợ vướng phải tai họa.
Nên chạy tránh như vậy
Như xa lìa giặc ác
Kẻ giận dữ, ý xấu
Phỉ báng kinh mầu này.

-oOo-

KINH PHẬT THUYẾT QUẢNG BÁC NGHIÊM TỊNH BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN

QUYỂN 6

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là ít có! Các vị Đại Bồ-tát khéo léo nói về pháp Bồ-đề một cách quyết định. Bạch Thế Tôn! Đó là do năng lực chánh định của các vị ấy, do năng lực oai thần của Phật, hay là do năng lực Tam-muội của kinh này mà các vị nói như thế?

Phật bảo A-nan:

–Nên biết là các thiện nam ấy đã từng ở nơi sáu mươi ức na-do-tha cõi của các Đức Phật được nghe nói kinh này không có thêm bớt, như ta hiện nay nói về các mật ngữ vi diệu, đều không có gì sai khác, chứ không phải chỉ do năng lực Tam-muội mà nói như thế. Vì sao? Vì các vị ấy đối với kinh này đã nhận thức một cách thông đạt.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người được nghe kinh này mà tin được hiểu được không sinh nghi ngờ thì những thiện nam, thiện nữ ấy được phước đức thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Nếu người thiện nam, thiện nữ phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đem tất cả bảy thứ báu trong khắp cõi Diêm-phù-đề, mà cúng dường các Đức Như Lai, lại có các vị thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này, mà tin hiểu không nghi ngờ thì A-nan nên biết rằng người ấy sẽ đạt được phước đức hết sức lớn lao.

Này A-nan! Trong cõi Diêm-phù-đề ví như có người đem bảy thứ báu trong các thế giới nhiều như số cát sông Hằng mà cúng dường các Đức Như Lai, lại có người được nghe kinh này, mà tin hiểu không nghi ngờ, thì phước đức của người này còn nhiều hơn người cúng dường kia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên Ngài nói kệ

rằng:

Nếu đem bảy thứ báu
Trong cõi Diêm-phù-đề
Cúng dường Phật, Như Lai
Bậc Đạo Sư từ bi.
Cũng như đem châu báu
Trong khắp các thế giới
Nhiều như cát sông Hằng
Cúng dường lên các Phật.
Nếu người nghe kinh này
Mà tin được hiểu được
Cũng không sinh nghi ngờ
Thì phước đức nhiều hơn.

Bấy giờ A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có các vị thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này, mà tin được, hiểu được rồi còn thọ trì đọc tụng thông suốt thì những thiện nam, thiện nữ ấy đạt được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo A-nan:

–Nếu các thiện nam, thiện nữ nào mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trải qua trăm kiếp tu hạnh Bố thí ba-la-mật cúng dường các Đức Phật mà nếu xa lìa kinh này; hoặc trong trăm kiếp tu các pháp Ba-la-mật như Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, đạt được năm thứ thần thông mà nếu xa lìa kinh này, thì không bằng các vị thiện nam, thiện nữ được nghe kinh này mà tin hiểu, không nghi ngờ, lại thọ trì đọc tụng khiến cho thông thuộc thì phước đức hơn trường hợp kia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa vừa nêu nên Ngài nói kệ rằng:

Nếu trong một trăm kiếp
Dùng các thức ăn ngon
Cúng dường Bậc Đạo Sư
Chưa gọi cúng dường Phật.
Nếu thọ trì kinh này
Đó gọi cúng dường Phật
Tôn kính pháp các Phật
Là cúng dường trên hết.
Nếu trong một trăm kiếp

Dùng các thứ y phục
Đại tinh tấn cứu đời
Chưa gọi cúng dường Phật.
Nếu thọ trì kinh này
Là cúng dường trên hết
Đó gọi cúng dường Phật
Hơn hẳn cúng y phục
Nếu trong một trăm kiếp
Tung rải các thứ hoa
Đại tinh tấn cứu đời
Chưa gọi cúng dường Phật.
Muốn cúng dường trên hết
Gọi cúng dường các Phật.
Nên thọ trì kinh này
Chẳng đắm nhiễm các quả.
Đó là cúng dường lớn
Hơn mọi thứ cúng dường
Nếu thọ trì kinh này
Mà không chấp lấy ngã.
Nếu trong một trăm kiếp
Giữ tịnh giới bền chắc
Mà không trì kinh này
Thì chưa gọi giữ giới
Nếu thọ trì kinh này
Đó mới gọi giữ giới
Trên hết trong các giới
Hơn bố thí ở trước.
Tuy có giới thuần tịnh
Vô lượng, khó thể bàn
Phải nên thường siêng cầu.
Thọ trì kinh như vậy.
Như trong kinh này nêu
Người khéo tu giới hạnh
Chẳng gọi là giới ác
Hay là kẻ phá giới.
Nếu giữ giới kinh này
Gọi giữ giới Bồ-đề
Giữ định, giới Bồ-đề

Đầy đủ, giới vô tác.
Các giới như vậy thảy
Đều nói trong kinh này
Nếu thọ trì kinh này
Đầy đủ tất cả giới.
Nếu người trong trăm kiếp
Tu hành nhẫn nhục lớn
Chúng sinh lời ác mắng
Tâm ấy đều an nhẫn.
Nếu chân tay bị chặt
Thân cũng không xao động
Không hề sinh tâm ác
Oán giận kẻ hại mình.
Tu nhẫn nhục như thế
Như vị Tiên nhẫn nhục
Tuy trải qua trăm kiếp
Nhẫn ấy chưa trên hết.
Nếu người nghe kinh này
Tin hiểu chấp nhận được
Nhẫn ấy là trên hết
Nhẫn của bậc Hiền thiện.
Nhẫn ấy là trên hết
Nhẫn ấy không gì trên
Nếu thọ trì kinh này
Mà tâm không nhiễm đắm
Nhằm đạt dứt vướng chấp
Muốn cầu không nhiễm đắm
Trí vô thượng các Phật
Không nên sinh chấp đắm
Mau thọ trì kinh này.
Nếu trong một trăm kiếp
Thường đứng không ngồi nằm
Cũng không hề ngủ nghỉ
Siêng hành tinh tấn lớn.
Người trí siêng tinh tấn
Truyền bá khắp kinh này
Người ấy được không sợ
Hơn tinh tấn lớn kia.

Nếu trong một trăm kiếp
Đạt đủ năm thần thông
Chẳng được nghe kinh này
Trí ấy chưa trên hết.
Nếu thọ trì kinh này
Thông đạt nghĩa không nương
Nơi các thứ thần thông
Thần thông ấy trên hết
Nếu trong một trăm kiếp
Tu hành các trí tuệ
Tuệ ấy là thế gian
Nhận rõ pháp thế gian
Nếu không học kinh này
Chưa gọi là tuệ sáng
Nếu tu học kinh này
Đó gọi tuệ bền chắc.
Nếu được nghe kinh này
Vui, tin không gì hơn
Người ấy gọi là trí
Cũng gọi người thông đạt
Muốn dùng tuệ như thế
Biết được các pháp như
Nên giảng nói kinh này
Sẽ được tuệ như thế.
Pháp người trí thực hành
Kinh này đều nói rõ
Phải nên siêng tinh tấn
Để thọ trì kinh này.

Lúc này, Tôn giả A-nan liền ở trước Phật nói kệ rằng:

Nên đi một do-tuần
Cho tới trăm do-tuần
Nghe nhận được kinh này
Lìa bỏ được các quả
Ví có hầm lửa lớn
Mỗi bề một do-tuần
Người trí ở trong đó
Nghe nhận kinh sâu này.
Muốn được giới các Thánh

Trên hết trong các giới
Nên truyền bá kinh này
Giữ giới thân thanh tịnh.
Muốn được thiền các Thánh
Trên hết trong các thiền
Nên truyền bá kinh này
Đốt sạch các phiền não.
Muốn được tuệ các Thánh
Trên hết trong các tuệ
Nên truyền bá kinh này
Thanh tịnh các pháp giới
Muốn đến khắp mọi chốn
Nghiêm tịnh các thế giới
Cõi ấy gọi an vui
Nên truyền bá kinh này.
Muốn thấy Phật A-súc
Trên trong các Mâu-ni
Nên thọ trì kinh này
Nói rộng cho chúng sinh.
Nếu muốn tịnh Bồ-tát
Khắp mọi nẻo hành hóa
Thực hành khắp mọi điều
Nên truyền bá kinh này
Được đến cõi an lạc.
Được thấy Phật Di-đà
Ánh sáng không thể bàn
Nên truyền bá kinh này
Là lời các Phật nói.

Đức Thế Tôn nói bảo A-nan:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông vừa nói. Vì sao? Vì nếu có các vị thiện nam, thiện nữ tâm không tán loạn, đọc tụng kinh này, lại giải thích cho người khác nghe mà muốn thấy các Đức Phật thì đều được thấy. Nếu tâm tán loạn, đọc tụng kinh này, giải thích cho người khác nghe thì người ấy khi sắp mạng chung sẽ được thấy trăm ngàn Đức Phật. Vì sao? Vì tất cả các Phật đều che chở giữ gìn các thiện nam, thiện nữ ấy.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có một vị đồng nữ tên là Sư Tử cùng năm trăm vị đồng nữ khác, liền đứng dậy, sửa y bày vai phải, gối phải chấm

đất, nhất tâm chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nữ nào thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt thì có công đức gì?

Đức Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Nếu có người nữ mong cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thọ trì kinh này đọc tụng thông suốt thì nên biết người ấy mang thân nữ đó là thân nữ sau cùng. Vì sao? Vì nếu có người nữ, tâm không tán loạn thọ trì kinh này đọc tụng thông suốt, thì tất cả phiền não thọ thân người nữ đều được dứt sạch.

Đồng nữ Sư Tử bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các phiền não nào làm cho phải thọ thân nữ?

Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Phàm những người nữ khi trông thấy những người nữ khác hình dung xinh đẹp, lại dùng vàng bạc châu báu cùng nhiều thứ ngọc ngà trang sức thân thể thì thường sinh tâm thích thú sung sướng từ đó sinh tâm yêu đắm, không thể quán sát một cách như thật thân này rằng chỉ là sự chứa nhóm bao thứ nhơ nhớp bất tịnh, chỉ nhờ lụa là màu sắc, hương thơm xông ướp làm mê lầm mắt người, khiến sinh tâm đắm nhiễm, khởi lên bao thứ phiền não, vì vậy phải thọ thân nữ.

Lại nữa, đồng nữ Sư Tử! Tánh người nữ thường bỏn xẻn ganh ghét, lời nói tùy theo lúc mà khác nhau, tâm nghĩ tùy theo lúc mà khác nhau, trước mặt thì nói thế này, nơi kín đáo thì nói khác, thêm bớt tô điểm, nếu có đến chỗ các Tỳ-kheo thì cũng ít vì chánh pháp, chất chứa nhiều giận hờn, ham đắm ngủ nghỉ, ưa thích chuyện trò. Vì lý do ấy mà không thể thọ trì kinh này, ngày đêm tâm thường bị ô nhiễm, ít có tâm giải thoát, đầy đủ các tâm phiền não như vậy nên thường chịu thân nữ không thể dứt được.

Cho nên, này đồng nữ Sư Tử! Nếu có người nữ muốn không khởi phiền não, không còn chịu thân nữ thì phải thọ trì đọc tụng kinh này, giảng nói cho người khác nghe. Vì sao? Vì kinh này có công năng dứt trừ các phiền não cho người nữ.

Đồng nữ Sư Tử lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người nữ, không vì việc lìa bỏ thân nữ mà thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt thì họ còn chịu thân nữ nữa chăng?

Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Nếu có người nữ, tuy chẳng vì việc lìa bỏ thân nữ mà thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt thì nên biết rằng thân nữ ấy là thân nữ cuối cùng của người đó, ngoại trừ trường hợp do thần thông thị hiện làm thân nữ.

Này đồng nữ Sư Tử! Ví như có người tự nhảy vào đống lửa lớn mà lại bảo: "Đừng đốt cháy thân tôi, đừng hủy hoại sắc diện của tôi." Vậy theo ý của đồng nữ, người ấy có được như lời mình nói chăng?

Đồng nữ Sư Tử thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không thể được vì sao? Vì tánh của lửa là có công năng đốt cháy thân sắc con người.

Phật bảo đồng nữ Sư Tử:

–Kinh này cũng như thế, có công năng đốt cháy các phiền não không để dư sót. Cho nên, này đồng nữ Sư Tử, nếu có người nữ chẳng muốn thọ thân nữ nữa, muốn mau được tất cả Phật pháp, muốn được thấy vô lượng, vô biên các Đức Phật, muốn được biện tài vô ngại, muốn dùng tâm Từ bi duyên khắp tất cả chúng sinh thì phải thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe.

Bấy giờ, đồng nữ Sư Tử và năm trăm vị đồng nữ khác đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con vào thời Phật Nhiên Đăng đã thọ trì kinh này, như thế lần lượt cho đến ngày hôm nay.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đồng nữ Sư Tử này vì sao chưa dứt được thân người nữ?

Phật bảo A-nan:

–Ý ông nghĩ sao? Ông cho rằng đồng nữ Sư Tử là người nữ chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Phật bảo A-nan:

–Ông chớ nên nói lời ấy. Vì sao? Vì đồng nữ Sư Tử và năm trăm vị đồng nữ đều do năng lực thần thông thị hiện làm thân nữ, vì lòng Từ bi thương xót làm lợi ích cho các người nữ đời vị lai. Vì sao? Vì tất cả người nam, công việc đi sát đến mọi gia đình để giáo hóa sẽ gặp khó khăn, vì thế mà các vị nữ ấy đã dùng năng lực thần thông thị hiện làm thân nữ. Nhưng thân nữ này không có pháp người nữ, không có pháp người nam, cũng

không có pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Vì sao? Vì pháp người nữ, pháp người nam, pháp chẳng phải nam, chẳng phải nữ không thật có.

Này A-nan! Đối với pháp này không có tất cả pháp, thành tựu pháp nhẫn, được sáng tỏ hoàn toàn. Cho nên, này A-nan! Tất cả người nữ phải học theo đồng nữ thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe.

Lúc bấy giờ, trong hội có năm ngàn vị Tỳ-kheo-ni, liền đứng dậy, sửa y bày vai phải, gối phải chấm đất, nhất tâm chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con xin phát nguyện kể từ hôm nay, xin thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe. Vì sao? Vì chúng con không còn ưa thích làm thân người nữ nữa, sẽ thọ trì kinh này, nếu không độc tụng thông suốt rốt ráo thì không bao giờ nằm ngồi, cũng không ngủ nghỉ.

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

–Lành thay, lành thay! Các vị đã nói lời như thế, đó là phát tâm đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, dùng đại tinh tinh tấn để tự tinh tấn. Vì sao? Vì các vị không còn ưa thích làm thân người nữ mà ưa thích mong cầu Phật pháp. Do đó các vị nên tinh tấn hơn nữa, vững tâm thọ trì đọc tụng kinh này, cho được thông suốt và giải thích cho người khác nghe. Nên biết thân nữ mà các vị đang mang chính là sau cùng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni nghe Phật nói đều vui mừng hớn hở nên đều cởi thượng y quý giá dâng lên cúng dường Phật và nói kệ rằng:

Phật không nói hai lời
Con sẽ được thân nam
Cũng sẽ được thành Phật
Chí nguyện đã đầy đủ.

Khi ấy, trong chúng hội có năm ngàn người vợ của các cư sĩ nghe các vị Tỳ-kheo-ni nói kệ xong, liền đứng dậy, sửa y bày vai phải, gối phải chấm đất, nhất tâm chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con xin thọ trì kinh này, đọc tụng, thông thuộc, giải thích cho người khác nghe. Vì sao? Vì hôm nay chúng con muốn được xa lìa cái thân không tự tại, coi nhan sắc người như kẻ tỳ thiếp. Thân người nữ tuy sinh trong nhà vua và được nuôi lớn nhưng phải hầu hạ vua chẳng được tự tại, cả đời cực nhọc vì chồng con, lại những mười tháng mang thai sinh đẻ chịu bao nỗi khổ cực. Do đó mà từ nay chúng con

xin siêng năng tinh tấn thọ trì kinh này, giải thích cho người khác nghe, nguyện kính giữ trai giới, ăn mỗi ngày một bữa cho đến trọn đời không gần gũi với chồng, để chuyên tâm thọ trì, đọc tụng kinh này.

Bấy giờ, Đức Phật bảo vợ các cư sĩ:

–Lành thay, lành thay! Các vị thiện nữ đã nói ra những lời như vậy! Các vị này từ nay không còn bị lệ thuộc vào kẻ khác, sẽ được tự tại, chẳng còn bận tâm đến nhan sắc của kẻ khác, không còn bị khổ vì việc mang thai, cũng không còn ở trong thai, được sinh về thế giới của các Đức Phật, không có người nữ, không có dâm dục.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vị thiện nữ này sẽ được sinh về thế giới tên gọi là gì, Đức Phật ở thế giới ấy hiệu là gì?

Phật bảo A-nan:

–Thế giới ấy tên là Chúng bảo hoa quang, Đức Phật ở thế giới đó danh hiệu là Phóng Chúng Bảo Ma-ni Vương Quang Như Lai Đẳng Chánh Giác, hiện tại đang nói pháp. Các vị thiện nữ này sẽ được sinh về thế giới ấy, nhờ thọ trì, đọc tụng kinh này cho nên được thấy Đức Phật Phóng Chúng bảo Ma-ni Vương Quang.

Bấy giờ, vợ của các cư sĩ nghe lời Phật dạy đều sinh tâm vui mừng hớn hở vô lượng, liền cởi mười ngàn xâu chuỗi ngọc trai quý giá đang đeo trên cổ rải lên chỗ Phật và ở trước Phật nói bài kệ rằng:

Chúng con được lợi lành
Được lìa bỏ thân nữ
Phật không có hai lời
Lời nói đều chân thật.
Bỏ hẳn thân như thế
Tướng người nữ xấu kém
Chỉ lừa người vô trí
Không thể biết như thật.
Lại chẳng bằng tỳ thiếp
Lệ thuộc, không tự tại
Cũng không còn mang thai
Mười tháng chịu các khổ
Không bao giờ còn chịu
Việc xấu ở trong thai
Đã lìa được bào thai

Trí ấy không gì hơn.

Vợ của các cư sĩ nói kệ xong, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu Phật theo chiều bên phải ba vòng, đều cùng nhau ngồi cách Phật không xa, nhất tâm chiêm ngưỡng dung nhan Phật, mắt không hề chớp.

Lúc này, Thích Đề-hoàn Nhân rải hoa Câu-tẩu-ma cõi trời lên chỗ Phật cúng dường và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác hiểu.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu ngươi làm được như vậy thì sẽ không bao giờ còn chiến đấu với A-tu-la nữa!

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, muốn khiến cho tất cả căn lành của trăm ngàn chúng sinh được thanh tịnh trong sáng, thêm nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thuở xưa Như Lai đã nghe con giảng nói kinh này mà phát tâm Bồ-đề.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì việc ấy cho nên ông đối với trăm ngàn muôn ức na-do-tha các chúng Bồ-tát, là bậc thông minh hơn hẳn, ở trong các thế giới ở mười phương khai ngộ chúng sinh, như ánh sáng của mặt trời chiếu sáng.

Đức Phật vừa nói xong thì mặt đất liền rung chuyển, từ trên không trung hoa rơi như mưa, nhiễu quanh Phật Thế Tôn, rồi gom lại trên đầu gối.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mặt đất rung chuyển và các hoa trời tung rải lại gom trên đầu gối Phật như vậy?

Phật bảo A-nan:

–Hiện giờ, có trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị trời nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói những lời ấy nên vui mừng hớn hở tung rải các hoa trời rồi cùng nói:

–Chúng con sẽ thọ trì, đọc tụng kinh này, giảng nói cho người khác nghe, như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đã nói lời ấy. Chúng tôi cũng sẽ học theo như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, soi sáng thế gian, chúng con cũng sẽ soi sáng như thế.

Khi nói lời đó, các vị đều nhớ nghĩ kinh ấy như đang ở trước mặt

mình, cho nên tâm sinh vui mừng hớn hở vô lượng, lại nghe nói rằng ta được nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói kinh này. Này A-nan! vì thế mà mặt đất rung chuyển, trời tung rải hoa xuống như mưa.

Khi ấy, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này thành tựu các công đức lớn lao, kinh này thành tựu các công đức chưa từng có, chúng sinh chỉ có các căn lành nhỏ thì không được nghe kinh này.

Phật bảo A-nan:

–Đúng thế, đúng thế, đúng như lời ông nói! Phải là những thiện nam, thiện nữ từng cúng dường vô lượng trăm ngàn các Đức Phật thì mới được nghe kinh này. Nghe rồi thì tin hiểu, thọ trì đọc tụng, giảng nói cho người khác nghe.

Này A-nan! Các thiện nam, thiện nữ ấy dù sống ở cõi trời hay cõi người cũng đều được xem như những ngôi tháp, nếu có người thọ trì đọc tụng kinh này thì mọi phương diện ở nơi họ ở luôn được gặp người hiểu biết chánh pháp.

Lại nữa này A-nan! Nếu có người thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe, cho đến sao chép kinh điển để cúng dường thì nên biết rằng người ấy sẽ lìa khỏi các đường ác có khả năng hàng phục ác ma Ba-tuần, dựng lên ngọn cờ chánh pháp, thực hành pháp thí, thắp sáng ngọn đuốc chánh pháp, xua tan bóng tối vô minh, thổi loa ốc pháp lớn, âm hưởng vang đến đạo tràng, đánh trống pháp lớn để mở cửa cam lộ, tuôn mưa pháp Đại thừa, làm no đủ tất cả những người ưa thích cầu pháp mở các kho báu chánh pháp do các Phật chứa nhóm để xuất ra pháp tài lớn, biết tất cả pháp xa lìa các tưởng chấp. Đó là tưởng chấp về năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tưởng chấp về sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tưởng chấp về sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Xa lìa tất cả các tưởng chấp về các pháp, cho đến tưởng chấp về Phật, Pháp, Tăng.

Này A-nan! Nếu có người nghe ta giảng nói kinh này, thọ trì đọc tụng thì nên biết rằng người ấy chính là đệ tử Phật, từ miệng Phật sinh ra, từ pháp thân sinh ra. Cho nên A-nan! Nếu có chúng sinh nào muốn ăn cơm của Như Lai, ngồi nơi đạo tràng muốn giảng nói chánh pháp như ta hiện nay, thì phải thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe, cho đến sao chép kinh điển để cúng dường.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai nếu có người thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe, cho đến sao chép kinh điển để cúng dường, thì phải chăng họ là những người hiện nay đang thọ trì đọc tụng kinh này?

Phật bảo A-nan:

–Đúng như vậy! Vì sao? Vì ta không hề thấy các Trời, Người, Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, Nhân phi nhân ở các thế gian khác ở đời vị lai lại có khả năng giảng nói kinh này khiến cho những kẻ khác nghe, không hề có việc ấy.

Này A-nan! Chỉ có những người hiện tại chứa nhóm được nhiều tài sản chánh pháp, thì ở đời vị lai mới có thể thọ dụng tùy ý. Ví như có cha con vị cư sĩ nọ, gia sản rất giàu có gồm nhiều thứ của báu như vàng, bạc, lưu ly, ngọc trai, ngọc ma-ni cùng các thứ ngọc quý khác... chứa đầy các kho lẫm, tôi tớ hầu hạ, voi ngựa trâu dê thảy đều dồi dào. Cha con cư sĩ đó đi đến nơi xa để dạo chơi ngắm cảnh, sau đó trở về chốn cũ. Vậy cha con vị ấy có được thọ dụng những của cải đã có sẵn của mình không?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Họ được thọ dụng một cách tự tại, vì đó là tài sản vốn có của họ.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Này A-nan! Nếu như trong hiện tại các chúng sinh được nghe giảng nói kinh này thì ở đời vị lai cũng sẽ được nghe, thọ trì đọc tụng, cúng dường... giống như hiện ngày nay.

Này A-nan! Ta dùng mắt Phật thấy có người tin hiểu thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe, cho đến biên chép kinh điển như hiện nay.

Này A-nan! Cũng có người cúng dường cũng như những kẻ bài báng không tin tưởng thọ nhận.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh chẳng tin hiểu kinh này, mà còn bài báng thì kẻ đó phải chịu tội báo sinh vào cõi nào?

Đức Phật nói:

–Hãy thôi, ông chớ nên hỏi về điều ấy.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi mong Đức Thế Tôn nói về điều đó. Vì như thế sẽ khiến cho những chúng sinh chưa tin hiểu pháp này sẽ phát tâm kính tin ưa thích.

Phật bảo A-nan:

–Tội báo và nơi sinh về của những kẻ ấy cũng giống như kẻ gây ra năm nghiệp vô gián.

Này A-nan! Ý của ông nghĩ thế nào? Giả sử có người trong một ngày giết hết chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, thì tội báo của người ấy ra sao?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Tôn, hết sức độc ác!

Đức Phật dạy:

–Tội báo của kẻ ấy cũng giống như trường hợp trước. Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Ví như có người hủy hoại, hoặc thiêu đốt tháp miếu của các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng được xây dựng sau khi Phật nhập Niết-bàn thì tội ác của kẻ ấy có nhiều chăng?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội ác ấy rất nhiều, mắt chẳng nên thấy, tai chẳng nên nghe.

Phật bảo A-nan:

–Tội báo và nơi sinh về của người ấy như thế nào?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội ác ấy rất sâu nặng.

Phật bảo A-nan:

–Tội báo của người ấy phải chịu cũng giống như trường hợp trước. Này A-nan! Ý ông nghĩ sao nếu như có kẻ tiêu diệt chánh pháp của các Đức Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, thì tội ác ấy thế nào?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tội ác ấy rất nặng.

Phật bảo A-nan:

–Tội báo mà kẻ ấy phải chịu cũng giống như trường hợp trước.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như có kẻ chê bai hủy báng, khiến cho chúng sinh xa lìa kinh này thì tội ấy như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Theo ý ông nghĩ sao? Nếu như chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều tu tập theo mười điều thiện, mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giả sử có kẻ hủy hoại đôi mắt của tất cả chúng sinh ấy thì tội ác ấy có nặng chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, rất nặng! Người ấy phải chịu các khổ não ở địa ngục trong trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp.

Phật bảo A-nan:

–Giờ ta nói với ông, nếu có chúng sinh nào hủy báng kinh này, dù chỉ làm cho một người xa lìa kinh này thì nên biết tội báo của người ấy phải chịu cũng giống như tường hợp trên.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có vị Bồ-tát mong cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với kinh này tuy có tâm nghi ngờ nhưng không phỉ báng, như vậy thì tội ấy thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Nếu sinh tâm nghi ngờ thì trái nghịch với các Đức Phật, tội ấy phải chịu một ức kiếp xa lìa nẻo giác ngộ.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh phỉ báng kinh này, lại xúi giục khiến cho nhiều chúng sinh cùng xa lánh thì kẻ ấy phải chịu tội báo về thân hình lớn nhỏ ra sao?

Phật bảo A-nan:

–Hãy thôi, ông chớ nên hỏi về thân hình lớn nhỏ của tội báo này?

A-nan bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn nói rõ về tội đó khiến cho bốn chúng đệ tử trong chúng hội và các chúng sinh ở đời sau được biết mà sinh tâm hổ thẹn sợ hãi.

Phật bảo A-nan:

–Tội báo của người ấy là thân cao đến một muôn do-tuần, chịu vô lượng khổ.

A-nan bạch Phật:

–Người ấy chẳng biết giữ gìn khẩu nghiệp của mình, vậy quả báo về hình tướng lưỡi lớn nhỏ thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Lưỡi của người tội đó rộng mỗi bề một ngàn do-tuần, luôn có năm chiếc cày sắt nung lửa đỏ rực cày xới trên lưỡi ấy, lại có năm trăm thỏi sắt nung đỏ rực ánh lửa liên tục rơi lên lưỡi kẻ đó. Đó là do đời trước người ấy không giữ gìn khẩu nghiệp.

Bấy giờ, bốn chúng đều sinh sợ hãi. Nổi ốc khắp mình, sợ hãi khóc lóc ngã lăn ra đất, đều cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con xin vì tất cả các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai mà phát lộ sám hối, mong được xa lìa quả báo về thân hình như vậy để khỏi phải chịu bao nỗi khổ.

Trong chúng hội còn có những người ràn rụa nước mắt, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hoặc ở trong đời này, hoặc ở trăm ngàn muôn ức na-do-tha đời trước, từng sinh tâm nghi ngờ tạo các nhân duyên có thể sinh ra bao nỗi đau khổ như thế, hôm nay chúng con đối trước Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác, cùng với trăm ngàn muôn ức không thể hạn lượng các Đức Phật Thế Tôn, xin thành tâm phát lộ sám hối, kính mong các Đức Phật Như Lai dùng mắt Phật soi thấu lòng thành của chúng con. Hôm nay chúng con tất cả tội nghiệp thảy đều phát lộ sám hối không dám che giấu. Chúng con ngu si thấp kém không biết không hay, không có phương tiện cúi mong các Đức Phật vì lòng Từ bi thương xót mà nhận lấy sự sám hối của chúng con!

Phật bảo các vị thiện nam:

–Lành thay, lành thay! Hôm nay ở trước mặt ta các vị đã phát lộ sám hối không hề che giấu tội lỗi của mình, như vậy đối chánh pháp của ta các vị sẽ được nhiều lợi ích.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện nay trong chúng hội này, có một số vị sinh tâm nghi ngờ đối với kinh, nên phải chịu khổ nơi cõi địa ngục như thế phải chăng?

Phật bảo A-nan:

–Hiện những vị trong chúng hội này sinh tâm nghi ngờ nhưng nhờ

biết ăn năn sám hối nên tội ấy đã được giảm nhẹ.

A-nan bạch Phật:

–Những người ấy phải chịu tội báo như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Khi người ấy sắp chết trong mỗi lỗ chân lông trên thân đều chịu vô lượng khổ, nhưng sự đau đớn ấy không kéo dài. Vì sao? Vì những người đó đã ở trước ta cũng như trước vô lượng, vô biên các Đức Phật Thế Tôn thành tâm sám hối những lỗi lầm của mình.

Này A-nan! Vì vậy mà các vị nam nữ trong dòng họ của Như Lai nếu muốn tránh tội báo về thân và lưỡi cũng như bao nỗi đau khổ cùng cực như thế thì phải nên kính tin, hiểu rõ kinh này, chớ nên sinh tâm nghi ngờ.

Này A-nan! Nếu có các vị thiện nam, thiện nữ muốn luôn được gần gũi Tam bảo Phật, Pháp, Tăng, muốn luôn được gắn bó với chánh pháp của các Đức Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, thì nên thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giải thích cho người khác nghe và sao chép kinh điển để cúng dường.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay Như Lai nói kinh Bất Thoái Chuyển Luân, vậy do nhân duyên gì mà Thế Tôn dạy rằng: Nếu muốn gần gũi Tăng, vậy chẳng hay gần gũi hạng Tăng nào?

Phật bảo A-nan:

–Tăng ấy chỉ cho những vị Tăng không còn thoái chuyển, gọi là Tăng, những vị không thoái chuyển đến nhóm họp trong chúng hội cũng được gọi là Tăng.

A-nan bạch Phật:

–Các vị Bồ-tát chưa được pháp không thoái chuyển thì chưa được xếp vào hàng tăng chăng?

Phật bảo A-nan:

–Nếu những vị đã phát tâm Bồ-đề sâu xa mà không chấp vào sự phát tâm ấy thì đều được xếp vào hàng Tăng không thoái chuyển.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là điều ít có, các Đức Phật đã đầy đủ năng lực phương tiện lớn lao, nhờ phương tiện mà nói pháp như vậy.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền dùng tung rải hoa Mạn-đà-la cõi

trời lên chỗ Phật và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi mong Đức Thế Tôn khiến cho tất cả chúng sinh cũng đều đầy đủ phương tiện như vậy.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có người tin hiểu kinh này thì đều sẽ thành tựu phương tiện như vậy để giảng nói các pháp chẳng khác gì như ta hiện nay.

Lúc này, có trăm ngàn các vị trời tung rải hoa Mạn-đà-la cõi trời lên chỗ Phật để cúng dường và nguyện:

–Nguyện cho tất cả chúng sinh đều thông đạt kinh này.

Khi ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn thương xót chúng sinh đời vị lai mà giữ gìn kinh này.

Phật bảo A-nan:

–Nếu các thiện nam, thiện nữ đang lênh đênh trên biển cả mà muốn nghe kinh này thì các thiện nam, thiện nữ ấy đều được nghe. Vì sao? Vì các Đức Phật Như Lai đời trước đã giữ gìn kinh này.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Như Lai đời trước tuy giữ gìn kinh này, nhưng con cúi mong ngày nay Như Lai vì thương xót chúng sinh cũng giữ gìn kinh này.

Lúc bấy giờ, mặt đất rung chuyển sáu cách, tức thì ở trước chỗ Phật tự nhiên hiện ra một đóa hoa trời Diêm-phù-đề màu vàng với trăm ngàn muôn ức cánh, phát ra ánh sáng soi sáng hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Bấy giờ, bốn chúng đều thấy các Đức Phật Thế Tôn nơi hằng hà sa thế giới trong mười phương, trước các Đức Phật này cũng đều có hoa trời Diêm-phù-đề màu vàng tự nhiên xuất hiện với trăm ngàn muôn ức cánh, phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân liền biến thành một vị cư sĩ, cầm các thứ hoa nói với bốn chúng:

–Bây giờ các vị hãy tung rải hoa này lên chỗ Phật để cúng dường Như Lai, cũng là để cúng dường pháp mầu kinh này.

Tức thì bốn chúng liền tung rải các hoa ấy lên chỗ Phật. Đức Như Lai dùng thần thông khiến cho tất cả các hoa được tung rải lên để cúng dường

ấy kết lại thành một lọng hoa lớn.

Bốn chúng cùng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mặt đất rung động sáu cách như vậy? Lại có đóa hoa sen lớn hiện ra trước chỗ Phật và hằng hà sa thế giới trong mười phương, Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, Dưới và bốn hướng cũng đều hiện ra giống như thế?

Phật bảo bốn chúng:

–Những hiện tượng tốt đẹp hiện ra trước như vậy đủ biết các Đức Phật luôn giữ gìn kinh này.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai hiện này đã dạy về việc giữ gìn kinh này chăng?

Phật bảo A-nan:

–Đúng vậy! Ta đã chỉ dạy.

A-nan bạch Phật:

–Chỉ có mỗi Đức Thế Tôn giữ gìn kinh này hay là các Đức Phật trong thế giới khác cũng đều giữ gìn kinh này?

Đức Phật dạy:

–Các Đức Phật trong các thế giới nhiều như số cát sông Hằng trong mười phương đều giữ gìn kinh này.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này được gọi tên là gì và thọ trì bằng cách nào?

Đức Phật nói:

–Kinh này gọi là Chẳng Chấp Các Quả, hoặc Xa Lìa Các Quả; cũng có tên là Nói Về Mật Nghĩa Của Các Pháp Kiên Tín, Kiên Pháp, Tám Bậc, Bốn Quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán Và Hai Thừa Thanh Văn, Bích-chi-phật; cũng có tên là Hàng Phục Đuổi Trừ Các Ma, cũng được gọi là Tương Ứng Với Sáu Pháp Ba-la-mật. Vì sao được gọi như thế?

Vì nếu có các thiện nam, thiện nữ kính tin hiểu rõ kinh này, thọ trì đọc tụng, cho đến sao chép kinh điển để cúng dường thì xem như những người ấy đã tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao những người kính tin, hiểu rõ kinh này, thọ

trì đọc tụng thì được xem là đã tu tập đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Nếu các thiện nam, thiện nữ kính tin, hiểu rõ kinh này thì được gọi là Bố thí ba-la-mật. Chẳng sinh tâm nghi ngờ thì được gọi là Trì giới ba-la-mật. Gắng sức để nhận lãnh và thấu đạt pháp ấy thì được gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tâm mạnh mẽ, không yếu hèn thì được gọi là Tinh tấn ba-la-mật. Tâm được an định, không xao động nên gọi là Thiền định ba-la-mật. Chẳng phân biệt đối với tất cả các pháp gọi là Trí tuệ ba-la-mật.

Này A-nan! Do vậy mà kinh này được gọi là Tương Ứng Với Sáu Pháp Ba-la-mật; kinh này cũng còn gọi là Tất Cả Các Đức Phật Giảng Nói Chánh Pháp; cũng được gọi là Pháp Không Thoái Chuyển Rộng Lớn; cũng gọi là Pháp Không Thoái Chuyển Rộng Lớn Thanh Tịnh Trang Nghiêm.

Này A-nan! Đó là các tên gọi của kinh này, ông nên theo những ý nghĩa ấy mà thọ trì.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỉ được nghe tên kinh này thôi cũng đã phát tâm lãnh hội thọ trì, huống chi là đã được nghe giảng nói trước sau đầy đủ.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng như lời ông nói!

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh được nghe kinh này, thì thoát được vòng sinh tử của bao nhiêu kiếp?

Đức Phật dạy:

–Nếu có người được nghe tên kinh Quảng Bác Nghiêm Tịnh Bất Thoái Chuyển Luân, được nghe rồi lại sinh tâm kính tin hiểu rõ thì ông nên biết rằng những chúng sinh ấy sẽ thoát khỏi trăm ngàn kiếp sinh tử.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh được nghe kinh này, kính tin, hiểu rõ và phát tâm Bồ-đề thì sẽ đạt được pháp gì?

Đức Phật dạy:

–Những chúng sinh như vậy đều được các Đức Phật thọ ký là sẽ đạt đến Tuệ giác vô thượng Bồ-đề.

Lúc này, bốn chúng trong hội, mỗi vị đều thấy trước chỗ ngồi của mình tự nhiên hiện ra một đóa hoa sen rất to lớn, hoa ấy nở ra có đến trăm

ngàn cánh với hàng trăm ngàn muôn ức ánh sáng màu sắc tỏa chiếu, khiến cho bốn chúng đều vui mừng hớn hở, liền dâng hoa ấy lên cúng dường Phật và cùng bạch Phật:

–Nguyện cho chúng con vào đời vị lai cũng được giảng nói rộng khắp về kinh này chẳng khác gì Đức Thế Tôn hiện nay đang giảng nói.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười:

–Cùng lúc, tất cả các thứ âm nhạc tự nhiên hòa tấu vang lừng, tất cả các thứ hương thơm tự nhiên xông tỏa ngào ngạt. Hàng trăm ngàn muôn ức vị trời trên hư không hòa tấu các thứ nhạc trời. Lại có trăm ngàn muôn ức vị trời trên không trung tung rải như mưa các thứ hương bột Chiên-đàn, cùng với vô số các loại hương trời như Thiên A-ca-lâu hương, hương bột mịn màng Đa-ma-la hương.

Lại tung rải như mưa các thứ châu báu như: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Ba-lâu-sa, Ma-ha ba-lâu-sa, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa, Ca-ca-la, Ma-ha ca-ca-la, Lâu-già-ma-na, Ma-ha lâu-già-ma-na, Thiên ưu-bát-lan, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi... Các loại hoa nhiều như vậy được tung rải xuống chỗ Phật để cúng dường.

Lại có vô số các thứ hương trời, vô số các tràng hoa, chuỗi hoa, cho đến tất cả các thứ châu báu quý giá mà các vị trời có được đều tung rải xuống để cúng dường.

Mọi người cũng rộn ràng không kém. Có các vị cởi những y phục quý giá dâng lên cúng dường Phật. Có các vị thì cởi những xâu chuỗi ngọc quý đeo trên cổ hoặc các thứ mũ não kết bằng các xâu chuỗi hoa... tung lên để cúng dường. Có các vị thì dùng những chiếc mũ quý làm bằng vàng ngọc, làm bằng các thứ vật báu khác, hoặc được kết bằng các thứ hoa đẹp, các thứ hương Chiên-đàn cùng dâng lên cúng dường. Có các vị thì vui mừng hớn hở chúc thọ vang khắp.

Đồng thời các loài vật như trâu, ngựa thảy đều vui thích, phát ra tiếng kêu dịu dàng. Trên không trung các loài chim chóc thì nhóm họp từng đàn chung giọng hót vang những âm thanh hòa nhã. Chúng sinh ở các cõi như địa ngục, súc sinh đều lìa các nỗi đau khổ, tâm hưởng an lành. Chúng sinh ở cõi quỷ đói thì được no đủ, lìa các nỗi khổ não về cảnh đói khát. Tám bộ chúng là Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... thảy đều bộc lộ sự vui mừng tột độ, cũng như tất cả các chúng sinh đều dấy khởi tâm Từ bi, đối xử với nhau theo tâm

Từ bi ấy không còn chút giận dữ, oán hờn.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do đâu mà Đức Thế Tôn mỉm cười? Các Đức Phật, Như Lai khi mỉm cười là nhằm để nêu dạy điều gì.

Phật bảo A-nan:

–Hiện nay bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cùng tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân hiện đang có mặt nơi đây đều được nghe và lãnh hội kinh này, thì đời sau cũng sẽ được gặp lại, nghe và lãnh hội, đều được pháp không thoái chuyển trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi thành Bậc Giác Ngộ cũng sẽ giảng nói kinh này, không thêm không bớt, chẳng khác gì ta hiện nay.

Lúc Phật nói kinh này, có vô lượng, vô biên chẳng thể tính lường, chẳng thể nghĩ bàn, trăm ngàn muôn ức na-do-tha các vị trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân đều được pháp không lui sụt trên đường tiến đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật nói xong kinh này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, vô lượng, vô biên các Đại Bồ-tát, Tôn giả A-nan, các vị Đại Thanh văn cùng với bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân cùng mọi chúng nhân thế gian, tất cả đều rất vui mừng.

-oOo-

SỐ 269

KINH PHÁP HOA TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Tống, Sa-môn Trí Nghiêm,
người xứ Lương châu.

Một thuở nọ, Đức Phật ngự trên núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị đệ tử Tỳ-kheo, bảy mươi ba ngàn vị Bồ-tát nhiều không kể xiết, các vị Đế Thích, Phạm vương từ mười phương đến, đều có thần thông nhiệm mầu, lại có người, trời và Bồ-tát ở các phương khác, nhiều như số cát sông Hằng. Trăm ngàn ức hằng hà sa số các vị như thế đều tụ hội đến ngồi trước Đức Phật.

Các vị Bồ-tát như Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề... đều sinh tâm nghi mà nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà các bậc Thượng nhân đều đến hội tại nơi này? Có điềm lành khác lạ gì đây?"

Lúc bấy giờ, các đệ tử đều sinh tâm nghi, bèn làm lễ, quỳ thẳng để thưa hỏi Đức Phật. Bấy giờ, Đức Phật phóng ra vô số ánh sáng từ miệng Ngài. Các ánh sáng ấy lần lần tỏa sáng khắp hư không, chiếu xa đến hằng hà sa số thế giới. Mặt đất lại rung động và trong tận cùng dải ánh sáng ấy mọi người không thấy thân tướng Đức Phật. Đại chúng ngạc nhiên bàn luận với nhau: "Đức Phật nhập Tam-muội gì? Và hiện đang ở đâu?"

Mỗi người tự suy nghĩ việc ấy, họ liền trở về chỗ ngồi nhập vào Tam-muội để tìm đến chỗ Phật. Trước tòa ngồi của Phật có vị Bồ-tát tên Tuệ Tướng liền nói:

–Lành thay, lành thay!

Lúc này, các Tôn giả suy nghĩ xong vẫn không biết được chỗ Phật đến, trong giây lát vua La-duyệt, hậu cung, thái tử, hoàng nữ và thể nữ phu nhân, có đến ba mươi hai ngàn người, đều theo vua đến núi Kỳ-xà-quật, nhưng không thấy Phật.

Lại có vị Bồ-tát tên Bất Tưởng, hỏi nhà vua sao dẫn theo tùy tùng nhiều thế? Nhà vua tên là Biện Thông đáp:

–Vì thấy ánh sáng của Đức Phật nên họ đến đây.

Công chúa con vua tên Lợi Hành liền hỏi Bồ-tát:

–Hiện giờ Đức Phật đang ở phương nào?

Vị Bồ-tát đáp:

–Vừa rồi đã đi tìm Phật nhưng hoàn toàn không biết chỗ.

Vương nữ đáp:

–Ngài là vị đệ tử thần thông bậc nhất của Đức Phật nên phải biết chỗ Đức Phật đến chứ.

Vị Bồ-tát đáp:

–Xin hãy mời ngồi.

Trong khoảng giây lát mặt đất liền rung động, tự nhiên từ trong đất, Đức Phật ngồi trên tòa sen báu lớn hiện ra. Các bậc Thượng nhân đang ngồi đều ngạc nhiên.

Vương nữ Lợi Hành đứng dậy lễ Đức Phật, đoạn đứng trước Đức Phật nói kệ hỏi Phật rằng:

Vừa rồi thấy ánh sáng
Ngờ Phật có khác thường
Nên dẫn đại chúng đến
Muốn hỏi điều nghi ngờ,
Nhưng lại không thấy Phật
Lòng con rất kinh hoàng
Xin giảng nói con nghe
Khiến đại chúng được hiểu.
Mọi người vào Tam-muội
Tìm cầu thân tướng phật
Nhưng đều nói không biết
Họ bàn luận với nhau
Nên nhập Tam-muội nào
Để cầu ý Như Lai.
Vương nữ hỏi đại chúng
Hiện giờ Phật ở đâu
Con dốc lòng thuần hạnh
Hẳn có điều muốn hỏi
Nguyện Thế Tôn dạy bảo
Khiến tâm hết nghi ngờ.
Xin vì chúng hiện tại
Giảng nói giải thích cho

Tam-muội vừa rồi đó
Tên gì, ở chỗ nào?

Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Điều nàng hỏi rất sâu sắc, ta sẽ giảng nói giải thích cho nghe. Tam-muội vừa rồi tên là Pháp hoa. Ví như trong nước lớn có một cây, cây có một hoa che trùm tam thiên đại thiên thế giới. Hương thơm của nó xông khắp hằng hà sa số cõi Phật. Nếu có người nghe được danh tự mà hiểu thì tự nhiên mau được Tam-muội này. Nếu những kẻ đau bệnh được nghe pháp Tam-muội này thì ngay đó liền tự giải trừ, các bệnh gốc của con người đều tiêu hết.

Vương nữ Lợi Hành bạch Đức Phật:

–Thế nào là uy đức của hoa mới có tuệ này?

Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Hoa là sắc của một cây, mọi người nhìn thấy không ai không ưa thích, muốn có được nó thì đó chính là Tam-muội Pháp hoa, là sắc trong sinh tử, ánh sáng rực rỡ thọ hữu hình.

Người không biết không nghe, không tin Tam-muội này, không thực hành nó thì chưa xứng là Bồ-tát, chẳng thấy tuệ, mất gốc của con người, trở lại theo ngọn ngành, không bao giờ thấy được ánh sáng.

Vương nữ Lợi Hành lại bạch Đức Phật:

–Bây giờ con muốn được Tam-muội này, phải thực hành pháp nào? Có mấy việc thực hành được đúng? Nguyện xin Phật mở rộng lòng Từ ban ân, rộng bàn nở lối tu hành, khiến cho tất cả nghe hiểu, đều được vào trong Tam-muội.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Được độ thoát nhiều, độ thoát hẳn không cùng. Có hai việc. Sao gọi là hai?

1. Biết pháp, thân như huyễn hóa.

2. Biết dâm, nộ, si không gốc không hình.

Lúc bấy giờ, Đức Phật nói kệ rằng:

Pháp thân có tất cả
Huyễn hóa hiện nổi chìm
Dâm, nộ, si vô hình
Như nước kia nổi bọt

Quán sát vật trong thân
Như diệt không hình trụ
Tự thành hợp rồi tan
Phân biệt đều là không.

Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Lại có bốn việc riêng cho người thực hành Tam-muội, bốn việc ấy là?

1. Thực hành giới vô sắc tưởng.

2. Thực hành bố thí không thọ.

3. Chẳng nhàm chán không loạn động.

4. Thực hành trí không ngu.

Đó là bốn.

Lúc đó Đức Phật nói kệ rằng:

Không phạm giới, không hủy
Hành Bố thí không trí
Chẳng chán, không si loạn
Chẳng ngu, không trí tuệ
Không nói không làm lấy
Có làm, không nói theo
Tam-muội có thể vào
Không chỗ, không giữa, bên.

Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Lại có ba mươi sáu việc nữa. Đó là những việc mà Tam-muội thấy được. Ba mươi sáu việc gồm: Chẳng thấy sinh, chẳng thấy tử, chẳng giảm, chẳng tăng, chẳng ra, chẳng vào, chẳng ở ngoài, chẳng ở trong, không đứng, không dừng, không thủy sắc, không hỏa sắc, không phong sắc, không địa sắc, không đau, không bệnh, không nghĩ, không tưởng, không sinh, không tử, không thức (biết), không tham, không dâm, không sân, không nhuế, không ngu, không si, không san, không thí, không ác, không thiện, không tâm, không ý, không thức hành. Chẳng sinh khởi những sự việc trên, chẳng dứt bỏ những sự việc trên. Như một không hình tượng. Đó là ba mươi sáu việc, là những việc mà Tam-muội Pháp hoa thấy được.

Khi ấy, Đức Phật nói kệ rằng:

Chẳng tưởng niệm, vô niệm
Không theo Sắc tưởng xấu

Không hành Pháp hoa tịnh
Vắng lặng không tôi, ta
Không chỗ có thể vào
Diệt mất không hình tượng
Không thấy thiện và ác
Thảy đều không, tự nhiên.

Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Những điều mà Tam-muội Pháp hoa thấy được cũng giống như vậy.

Khi Phật nói phẩm Ba Mươi Sáu Việc này thì vô số các vị trời và đại chúng ở thế gian cùng những người theo hầu vua, lớn nhỏ có đến bốn mươi ức vạn, đều phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Vương nữ Lợi Hành và những người thuộc hậu cung có đến ba mươi hai ngàn thể nữ, phu nhân, đều đắc được "Pháp lạc không từ đâu sinh".

Vương nữ Lợi Hành trụ trong đó thấy mọi người đều phát tâm đạo, nên lòng rất vui mừng, đứng dậy lễ Phật, đi nhiễu Phật ba vòng, rồi đứng trước Đức Phật nói kệ rằng:

Thế Tôn thật thần diệu
Biết rõ việc ba đời
Dứt cấu uế dâm, nộ
Khai hóa người thế gian
Đều đến thành Vô vi
Vui sướng mới an ổn
Trong trời người như vậy
Mặt đất bị rung động
Ngày nay đại chúng họp
Ức ức trăm muôn ngàn
Tương lai và quá khứ
Hiện tại được tự nhiên
Nguyện được ân rộng khắp
Sức oai thần Pháp hoa
Mọi người trong ba cõi
Đều được Tam-muội này
Khiến con ở thế gian
Thường làm việc Pháp hoa
Khiến đời không già chết
Vui sướng không lo buồn
Ba khổ tự nhiên dứt

Đều như Tam-muội này
Không tưởng bởi nguyện thức
Tự nhiên hiện tướng tốt
Dạy bảo người hèn kém
Tâm Từ ban rải khắp
Uy nghi đẹp rỡ ràng
Ngang bằng thân Như Lai
Nhóm lại thành chùm bọt
Tam-muội sớm tu hành
Liền khiến ở trong không
Được tuệ như Thượng thủ.

Vương nữ Lợi Hành nói kệ xong liền nghĩ: "Nay muốn dạy bảo người mà không thấy phép tắc thì lấy gì khai mở cho người đây."

Phật liền biết ý niệm của vương nữ, bèn hỏi rằng:

–Vương nữ muốn thọ trì pháp gì? Dạy người pháp gì? Người tu hành phải ở tại đâu? Phải dừng lại chỗ nào?

Vương nữ bạch Phật:

–Thưa đó là những điều đã nói: không pháp, không giáo, không người.

Phật bảo vương nữ:

–Không pháp có tám việc phải hành trì. Không giáo có sáu việc phải dứt bỏ. Không người có bảy việc phải xua tan.

Vương nữ hỏi Phật:

–Thế nào là tám việc phải hành trì? Sáu việc phải dứt bỏ? Bảy việc phải xua tan?

Đức Phật dạy:

1. Thấy chính xác không tà vạy.
2. Nghe chân thật không nghi đoán.
3. Thẳng thắn không quanh co.
4. Nói ngay thẳng chẳng phiền muộn.
5. Làm chánh trực chẳng mê muội.
6. Nghĩ chân thật không lo lắng.
7. Ý thành thật không động.
8. Thọ nhận đúng không tìm cầu.

Đó là tám việc hành trì của Vô pháp.

Thế nào là sáu việc phải dứt bỏ của Vô giáo?

1. Chẳng nhớ nghĩ có thấy, không thấy, cả hai đều không.
2. Chẳng nhớ nghĩ có tiếng, không tiếng, cả hai đều không.
3. Chẳng nhớ nghĩ có vị, không vị, cả hai đều không.
4. Chẳng nhớ nghĩ có hương, không hương, cả hai đều không.
5. Chẳng nhớ nghĩ có xúc, không xúc, cả hai đều không.
6. Chẳng nhớ nghĩ có ý, không ý, cả hai đều không.

Đó là sáu việc phải dứt bỏ của Vô giáo.

Thế nào là bảy việc phải xua tan của Vô nhân?

1. Không thủy sắc.
2. Không phong sắc.
3. Không hỏa sắc.
4. Không địa sắc.
5. Không tâm sắc.
6. Không thức sắc.
7. Không hành sắc.

Đó là bảy việc phải xua tan. Không người nào có thể dạy được, phải hiểu như thế. Khi ấy Đức Phật nói kệ rằng:

Có ai hiểu Pháp hoa

Phẩm Tam-Muội Yếu Cú

Phải nhớ nghĩ tinh tấn
Hiểu được lời chân chánh
Bảy, tám, sáu đã đủ
Rễ gốc không hình tướng
Chẳng nhận, tự đáng muốn
Bỏ tưởng, được vắng lặng
Nói pháp, không lời lẽ
Không thấy có tuổi thọ
Người vốn không, vắng lặng
Không hiểu lời bọt bèo
Không dứt, không bỏ dục
Ra vào chỗ không trụ
Không đau, không tư tưởng

Không sinh, không chết đi
Có niệm là khổ nhọc
Không còn đắm nhân duyên
Thị hiện có sắc dục
Trở lại thích tro bụi
Quán thấy có bệnh đau
Ý và gốc hợp nhau
Tuệ thấy chẳng niệm không
Vắng lặng, yên không không
Tam-muội Pháp hoa hiện
Không ra, không vào, trụ
Không thấy, chẳng thấy không
Đó là mau được Như,
Liền thực hành thí pháp
Lấy tuệ để bố thí
Nói tuệ thảy như thế
Các Phật đều ngợi khen.

Khi vương nữ Lợi Hành nghe nói thế, càng thêm vui mừng hớn hở, bèn đứng dậy làm lễ Đức Phật, rồi bay lên hư không cách đất bảy thước, rồi trở về ngồi trên hoa sen bằng kim cương. Khi ấy, trong số người đang ngồi, có vị Tỳ-kheo nghĩ: "Đây là cô gái thật, hay là người huyễn hóa ra."

Vị Tỳ-kheo này bèn đứng lên làm lễ Đức Phật, rồi quỳ thẳng chắp tay, nói kệ hỏi Phật:

Vốn tự sinh ngu si
Không biết nghĩa đạo tuệ
Chẳng biết nàng Lợi Hành
Thật là gái hay trai,
Xét là nhất định người
Dùng pháp nào để hỏi
Thật là thân người nữ
Lời hỏi sao quá sâu
Suốt đời giữ Phật pháp
Chưa thấy người như thế
Chỗ thấy, phàm không bằng
Trí tuệ sao lắm thay!
Nàng vốn từ đâu đến
Mà sinh nơi Vương gia

Kiếp trước tu pháp gì
Gặp bao nhiêu Đức Phật
Tinh tấn mạnh mẽ thế
Đã hỏi, Phật trả lời
Giới đủ, thật có hạnh
Hỏi được lời như thế
Nhẫn được ý mềm mỏng,
Chỉ có thể miệng nói,
Làm sao dừng tâm ý
Thật muốn đến thử xem
Thích ứng mấy pháp trụ
Trụ đối chẳng khởi tâm
Nếu thật có trí tuệ
Con muốn hiểu cho thông
Xem xét pháp đã nói
Rộng khen vào đạo đời
Nào có tâm ý lạ
Riêng được trí tuệ này.

Đức Phật liền bảo vị Tỳ-kheo: "Từ những nhân duyên ấy". Rồi nói bài kệ đáp:

Bản tâm của Lợi Hành
Lập đức biết bản xứ
Ở đời đã ngàn năm
Thường tu tập Tam-muội
Tâm hiểu các sắc yếu
Vắng lặng đồng với thiền
Thật là thân người nữ
Chẳng phải hóa hiện ra
Vốn từ cõi Vô sắc
Nay đến thế giới này
Lại tiếp nối bản hạnh
Đã làm, liền lập chánh
Không thân hiện nói tâm
Khắp nghĩ các hạnh Từ
Nghĩ "Pháp – Không" là gốc
Chẳng khởi tướng nhân duyên
Tỳ-kheo chẳng tự hiểu
Lạ sao thân gái này?

Chẳng thấy gốc vô hữu
Lại tự chịu trói buộc
Thiền định muốn bỏ sắc
Lại bị sắc làm loạn
Lìa khổ tránh ba độc
Đã mang ba khổ độc
Ngươi không tự biết thân
Tự cho là thường an
Muôn vật như huyễn hóa
Vào ra không hình tướng
Bốn sắc vốn rỗng không
Tự nhiên chịu hình tướng
Ái tập tự trói buộc
Ôm gốc, khởi ngọn dục.

Lúc bấy giờ tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-kheo nghe nói kệ ý giải liền phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Trời người không kể xiết đều đến tung hoa hương thơm cúng dường Đức Phật. Khi ấy, Xá-lợi-phất nghĩ: "Cô gái này quả thật có biệt tài, sao không bỏ thân nữ làm thân nam?"

Phật biết được điều Xá-lợi-phất nghĩ, liền bảo Xá-lợi-phất:

–Ông hãy tự hỏi vương nữ ấy.

Xá-lợi-phất liền hỏi:

–Này Lợi Hành! Vương nữ cùng Đức Như Lai đối đáp việc phi thường, sao nàng không bỏ thân nữ làm thân nam?

Lợi Hành đáp:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Cái cốt yếu của đạo đức là dùng tuệ để khéo thấy, không thấy có bốn sắc là đất, nước, lửa, gió. Năm căn hợp với sáu trần bị suy. Tâm ý thức như huyễn như hóa, xuất nhập không hình tướng, ý si chẳng hết nên đối lập với ba dòng, lại ra nổi chìm, có gì đáng quý? Tuy là hữu lậu dứt hết, kết sử giải trừ nhưng có ý tưởng bất tịnh, không sắc vẫn là ác, ở chỗ khổ mà lại cho là vui.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Về cách học Phật nên có lời hủy báng chăng?

Lợi Hành hỏi:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là hủy báng?

Đáp:

–Một tốt, một xấu đó là hủy báng.

Lại hỏi:

–Chưa hiểu, chưa rõ. Bậc Đại nhân đã nói, chẳng cho nhỏ là nhỏ, lớn là lớn, tốt xấu không hai, như nhau không khác. Hủy báng thân, thân là sắc, hủy báng ý, ý vô hình. Bốn sắc pháp rỗng không, không hình, không tạo tác thì cái gì bị hủy báng?

Đáp:

–Điều vương nữ nói chính là việc mà Bồ-tát Đại nhân thực hành. Vương nữ chưa phải là Bồ-tát, vì sao lại nói việc này?

Hỏi:

–Bậc Đại nhân lấy gì mà lập nên?

Đáp:

–Lấy "Phổ đẳng" làm nên. Sao gọi là Phổ? Dạy bảo mọi người trong mười phương, lìa khổ được đạo, đó là Phổ. Như Hiền giả đã nói thì không nói "Phổ" mà nói về sinh tử siêng năng khổ nhọc vậy.

Vương nữ nói với Xá-lợi-phất:

–Cái gọi là Phổ ấy chẳng thấy có người, không người, có giáo, không giáo, có pháp, không pháp để nhớ nghĩ. Đó gọi là Phổ. Không vì thấy khổ sinh tử mà muốn dạy họ khiến họ đắc đạo. Đó gọi là Phổ.

Tôn giả Xá-lợi-phất không còn biện tài nào bắt bẻ lời đáp này nữa. Lúc bấy giờ, vương nữ Lợi Hành làm bài kệ than rằng:

Người bị ba trần loạn
Liền bị sáu suy đắm
Năm ác, mười giặc đối
Ba ách rơi khốn cùng
Mười hai duyên nối liền
Bốn sắc kéo chìm ba
Không hiểu gọi điên đảo
Ngồi chịu không tụ giấu
Vô cớ chìm ba họ
Tự khốn, gieo vực sâu
Giấu kỹ, sợ hai ba
Tự diệt, lại thọ sinh
Dần bị không buộc ràng
Thường mang tưởng bất tịnh

Tự cho là an ổn
Là được chân tự nhiên
Bọn ấy đầy Diêm-phù
Ức ức trăm muôn ngàn
Sở hành khắp mười phương
Chẳng ích cho mọi người
Nếu ai theo thọ, hành
Đều cùng rơi xuống biển
Hãy làm Đại pháp hành
Vào biển khỏi căn dục
Quyết làm biển khô cạn
Nên không trở lại dòng
Về nguồn bỏ nhà dục
Khiến người về quê cũ
Quê cũ tên vô vi
Hiệu là nhà thanh tịnh
Vui sướng lắm vàng ròng
Ra vào đầy ánh sáng
Thường gần vô số Phật
Không ai không khen ngợi
Dùng pháp không, vô hý
Vô tướng, chẳng nguyện thức
Vực sâu do nước biển
Đều lại chẳng đáng nói
Ý rộng khai hóa người
Tự nhiên thường tự an
Chỉ nghĩ các Hiền giả
Tự mình lại không hiểu
Vô cớ tự chịu buộc
Huyễn hóa chịu báo ứng.

Lúc bấy giờ, bốn mươi hai ngàn vị La-hán đều chánh ý ở đệ Thất trụ, tám mươi lăm ngàn vị Đế Thích, Phạm vương đều chứng "Vô sở hành tùng sinh", sáu mươi bốn ngàn vị Hiền nữ đứng dậy lễ Phật rồi đứng trước Phật nói kệ rằng:

Hôm nay nàng Lợi Hành
Giảng nói chúng con nghe,
Nghe pháp Phật sâu xa
Khiến tâm con khai mở

Thật muốn biết đạo đức
Đều từ đâu mà đến
Nhóm họp hết mọi người
Có công đức mầu gì?
Mà đến cùng đại chúng
Tâm ai cũng kinh ngạc
Ý phục đến vui theo
Theo sở hành dạy trao
Nguyện muốn cầu Đức Phật
Thương xót dạy bảo người
Dốc lòng thọ đại tuệ
Sức thần Phật hóa hiện
Đúng lúc các thân nữ
Trái nguyện, bỏ sắc dục
Bèn muốn làm Sa-môn
Phật biết lòng chúng con
Giác ngộ các đế sâu
Khiến thân như Bồ-tát
Tuyên dương đạo giáo Phật
Sẽ lại chuyển hóa người
Các đại chúng Hiền nữ
Đều đứng trước Như Lai
Trán lạy sát chân Phật
Nguyện được hình dáng Phật.

Phật bảo các Hiền nữ:

–Lời các Hiền nữ nói thật hết lòng "Nay muốn cầu được sở nguyện thì trước phải xin phép cha mẹ, sau đó phải được vua cho phép thì mới đi xuất gia."

Bấy giờ, các Hiền nữ nói kệ đáp:

Nguyện muốn làm Sa-môn
Trước phải xin cha mẹ
Rồi sẽ xin đại vương
Được phép mới xuất gia
Làm đạo chẳng khổ công
Chỉ cần siêng, mở tâm
Hiểu rõ gốc tâm ý
Tất cả đều bình đẳng

Liền có ý quyết lớn
Tâm hiểu mới đến đạo
Đạo từ tâm kiểu sinh
Chẳng trụ nơi buộc ràng
Hóa đạt xét các kiến
Như tâm lại sinh ra
Từ gốc biết vốn không
Biết đều khổ vô thường
Tâm loạn liền theo dòng
Chỗ thấy sẽ có đối
Chẳng sinh tâm thiện ác
Vậy mới làm Sa-môn.

Các Hiền nữ liền đứng dậy, trở về chỗ cha mẹ, quỳ thẳng thưa với cha mẹ và nhà vua:

–Hôm nay được ân đức của vua mà đến chỗ Đức Phật, được nghe Lợi Hành đáng kính hỏi Phật về pháp sâu xa, muốn cầu đạo vô vi mà hiện thân, và tất cả Đức Phật đã vì giảng nói gốc ngọn của nỗi khổ sinh tử, chỉ vì mê đắm sắc dục, chẳng biết cội gốc đạo đức, do vậy khi vô thường đến phải chịu ba khổ cần. Chúng con nguyện muốn làm Sa-môn, xin cha mẹ cho phép chúng con làm Sa-môn, đắc đạo rồi chúng con sẽ trở về độ cha mẹ.

Cha mẹ nói với các nàng:

–Cầu đạo tự nhiên, mỗi người đều thấy chỗ thuận lợi của mình, cứ theo ý mình mà tu hành, các con cứ đi, chúng ta cũng sẽ đi theo các con. Các con hãy đến thưa với nhà vua, được phép rồi cứ tự tiện ra đi, không cần hỏi chúng ta làm gì.

Các Hiền nữ cúi đầu trước đại vương, rơi nước mắt mà tâu:

–Con người sống trong ba cõi, khổ dục vì sắc tưởng, chẳng được tự tại, vô thường chợt đến, không có ai thay thế nên bọn con gái chúng con cùng thật lòng muốn làm Sa-môn. Khi đạt được đạo vô vi rồi chúng con sẽ trở lại độ cha mẹ. Cúi xin Đức vua thể theo ý nguyện của chúng tôi.

Nhà vua bảo Lợi Hành:

–Ta sớm muốn khuyên các ngươi đi xuất gia thực hành hạnh Sa-môn, nhưng vì các ngươi chưa đủ ba việc nên ta chẳng khuyến khích vậy. Một là chưa học biết các lễ giáo; hai là do thường an vui chưa thấy khổ; ba là miệng ăn thỏa thích mà chưa biết đủ, do đó nên ta chẳng khuyến khích.

Nếu các ngươi dốc lòng như thế thì cứ đi xuất gia chớ nghi ngờ gì nữa. Ta cũng muốn làm Sa-môn đây.

Nhà vua liền đứng dậy đến chỗ Đức Phật, làm lễ bạch Phật:

–Nghe Phật giảng nói về ý sâu nguyện lạc của trí tuệ, con giao đất nước cho thái tử, quy y Tam tôn, hầu hạ phục dịch, thọ trì giáo pháp, con muốn làm Sa-môn, cầu đạo như Đức Phật.

Đức Phật liền phát ra ánh sáng, vô vàn màu sắc, soi khắp mười phương, mặt đất rung động sáu cách, các vị trời tấu nhạc vang lừng hư không, tung hoa quý phủ khắp ba ngàn cõi, gò nỗng trong thiên hạ đều bằng phẳng. Có ngọn núi lớn hóa thành vàng ròng, cây chết khô sống lại. Ai có điều gì không vừa lòng đều được như nguyện ước. Cây khô chết đều đâm chồi lá. Gió thổi tự nhiên đều ca ngợi công Đức Phật, hoa tươi tự rơi rụng, mùi hương xông đến chỗ Phật, la liệt trong không trung, mỗi bông hoa đều nói kệ khen ngợi công Đức Phật:

Nay nhờ sức Thần thánh
Cứu người chết sống lại
Sắc sáng trở về gốc
Lại thật, đạo này thành
Sinh tử dâm loạn sắc
Ví như khi cây khô
Gặp âm thanh Phật nói
Trở lại hợp với gốc
Sáu sắc chìm trong tối
Bốn sắc hợp năm dục
Phân biệt "Pháp rỗng không"
Hiểu đạo, thành pháp hạnh
Là được trí chân định
Được vui sướng an ổn
Tất cả đều vui mừng
Cúi đầu lễ chân Phật.

Lúc bấy giờ, các vị đã chứng được sáu thần thông và các vị La-hán thấy các bông hoa nói thế. Lợi Hành liền hóa thành người nam, lại hóa thêm một nữ Bồ-tát, thực hiện hai biến hóa ấy khiến mọi người ngồi trong hội đều vui mừng.

Khi ấy, trong một cõi Phật không có người nữ, mười lăm ngàn vị Đạo sĩ đã chứng được sáu thần thông, ba mươi ngàn vị Tu-đà-hoàn đều

không còn lui sụt, tám mươi sáu ngàn vị A-na-hàm đều chứng được Nhu thuận pháp nhẫn. Không thể tính kể các vị A-la-hán lại phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Trong số ấy có những người theo hạnh Bích-chi-phật, như ngài Di-lặc... Nhà vua liền giao đất nước cho thái tử, thái tử tên là Biện Tích quỳ lạy thưa vua:

–Phụ vương vì muốn đem ương họa cho con cháu nên cho con cháu phước sắc thân, đổi lấy lợi ích pháp tài, giữ cái tội lớn oán thù tru diệt cho con cháu, phép trị của nước lớn đời đời tan mất, căn người chẳng biết đại tuệ, diệt hết đường lành mà cho con cháu thì phải làm sao đây? Vua cha có dạy không được chẳng vâng lời.

Rồi liền làm lễ, giã từ vua ra đi. Thái tử trở về cung điện, lãnh đạo đất nước rồi báo cho toàn dân biết: "Nếu ai không đến chỗ Phật cầu đạo vô vi, làm người hiếu thiện thì tội đồng như ba nghịch tội."

Rồi thái tử ở trên điện, tinh tấn mạnh mẽ, mở rộng ý đại đạo, tâm thấy gốc tội cũng vô lượng, liền diệt được tất cả điều ác, mặt đất liền rung chuyển sáu cách, nhân dân đều nói: "Nguyện thái tử được thành Phật, mọi người chúng ta vâng làm theo rồi cũng sẽ thành Phật." Khi ấy, Đức Phật mỉm cười, ánh sáng năm màu phát ra soi khắp các cõi Phật mười phương. Nhân dân ở các cõi Phật đó đều phát nguyện: "Khiến cho chúng con đắc đạo như Phật". Thức uống ăn trong thiên hạ tự nhiên ở trước mặt như trên tầng trời Đao-lợi. Bồ-tát ở cõi ấy đều như ở cõi nước của Đức Phật A-di-đà. Thái tử Biện Tích đắc công đức ở trong cung bảy ngày, rồi đi đến chỗ Phật. Đại chúng các quan, nhân dân lớn nhỏ tháp tùng theo thái tử đến chỗ Phật nhiều vô số.

Họ làm lễ Đức Phật rồi đứng trước mặt Phật nói ức ức muôn ngàn bài kệ khen:

Phật tạo Tam-muội quyết
Công đức thật vòi vọi
Ánh sáng uy thần chiếu
Cảm động ba ngàn cõi
Cho người tuệ Vô thượng
Đức vào khắp tâm chúng
Khai phát kẻ sơ cơ
Không ai không được phước
Ngâm vịnh việc Pháp hoa
Đổi đời, sạch bọn khác

Hàng phục kẻ ngang bướng
Hòa hợp chịu nhu thuận
Đều tìm ánh đạo tràng
Người đời thọ nghiệp mãi
Bỏ già, được vắng lặng
Chẳng chết mà sống lại
Dứt bệnh, xa nhục dơ
Sắc tưởng hết, dứt nhọc
Ấm cái liền diệt trừ
Thanh tịnh không bụi dục
Tư tưởng được dục định
Truyền bá đến vô vi
Không định thường vắng lặng
Chẳng đứng, cũng chẳng đi
Chẳng làm vô pháp thức
Thị hiện tướng sáng thành
Pháp gốc không tăng giảm
Thường vắng lặng không không
Như Lai hiện thần hóa
Tất cả được đạo chân
Định ngu si lặng lẽ
Tâm đồng với vô sinh
Nay con nghe nói pháp
Về trí tuệ Pháp hoa
Tâm hiểu được phát nguyện
Tất cả được như Phật
Nay muốn thành cõi nước
Nguyện được nói Pháp hoa
Dùng pháp gì hành được?
Sẽ hiểu được mấy việc?
Chóng được Pháp hoa này
Nương nghĩa nói tuệ ấy
Đều khiến phân biệt biết
Tất cả tâm được hiểu
Hiểu rõ các Pháp sự
Sẽ từ trong được ngoài
Được đó là xa gần
Có thể lập được Phật.

Lại nữa số kiếp xưa
Theo thọ bao nhiêu Phật
Giải tuệ có yếu quyết
Giây lát biến hóa thành
Nguyện đem hết giảng nói
Đều khiến đại chúng biết
Thái tử và mọi người
Lễ Phật rồi lại ngồi.

Đức Phật bảo vương nữ Lợi Hành:

–Vương nữ nên biết những điều hiện bày ra do sự khai giải Pháp hoa này. Chư Phật đời tương lai, quá khứ và hiện tại đều từ phẩm Tán Thân Thí Dụ này mà được Đạo, biết Đế.

Lúc bấy giờ, có hàng ức trăm ngàn vị trời và các Phạm vương, không thể tính kể nhân dân, bốn mươi tám muôn vị Bồ-tát... chứng được Vô sở tùng sinh. Trong số ấy có hàng Thanh văn đều cũng phát tâm. Bấy giờ, Bồ-tát Bất Tưởng bạch Phật:

–Hôm nay đại chúng nghe giảng nói về sự quan trọng của Tam-muội Pháp hoa nhưng đều chưa thọ quyết.

Phật bảo Bồ-tát:

–Hôm nay nói Tam-muội Pháp hoa đều đã thọ quyết có kiếp số. Mỗi mỗi đều có đất nước, nơi chốn của mình, cho nên không nói lại. Nếu ông không hiểu thì tự mình đến hỏi họ.

Khi ấy, thái tử và vương nữ Lợi Hành liền hỏi những điều trong tâm vị Bồ-tát, mỗi vị đều nói kệ đáp:

Chỉ bậc Thượng trí tuệ
Vì sao chẳng giải yếu?
Kia có cầu tưởng báo
Thảy đều chẳng thọ tuệ
Sẽ nói có nơi chốn
Chẳng phải việc Pháp hoa
Cần phải miệng nói lên
Muốn nghe tiếng chánh chân
Không hiểu gốc ngọn ấy
Nói cũng đều không biết
Chỉ bày đường đạo pháp
Giống như người bị mù

Tiếng rống của sư tử
Còn cho là quá nhỏ
Thọ quyết rồi, thành Phật
Không biết lễ chánh đạo
Thọ quyết có đất nước
Ví cũng như huyễn hóa
Có đối liền xuất ứng
Không còn sớm suy nghĩ
Thấy bám trụ giáo thọ
Đến khứ, lai, hiện tại
Thần thông đều rõ biết
Chẳng cầm có lời nói
Thọ quyết tại rỗng không,
Vắng lặng an vô vi
Thường định không lay động
Người riêng tư chẳng hay
Mở nói điều chưa nói
Vắng lặng không tạo tác
Đó là nước đáng yêu
Thanh tịnh là chứng chân
Chẳng nghĩ có tư tưởng
Đó là quyết pháp an
Tướng tốt hiện ánh sáng
Đó là cần khổ hiện.
Đệ tử có nhân dân
Đó là vào dục nhơ
Chẳng khổ, chẳng siêng nghĩ
Đều hết, chẳng sinh diệt.

Nói mười tám muôn ức bài kệ để đáp như thế xong, Bồ-tát liền vui mừng nói kệ khen:

Ta tự sinh ngu si
Không hiểu lời người trên
Chẳng biết Pháp âm kia
Lại bảo chưa thọ quyết
Như kệ hôm nay nói
Sâu xa khó tỏ bày
Nguyện phát ý bản thời
Cùng bàn luận với thần.

Khi ấy, thái tử bạch Phật:

–Nay các Hiền giả còn không hiểu được chỗ quan trọng nên dùng phương tiện khéo léo mà khai mở cho họ.

Phật liền mỉm cười, ánh sáng năm màu từ miệng phát ra, mười phương đều sáng tỏ.

Tôn giả A-Nan bạch Phật:

–Phật không bao giờ mỉm cười một cách vô cớ, chắc chắn là có lý do, chúng con xin được nghe điều ấy.

Phật bảo A-nan:

–Ông thấy đại chúng chăng?

A-nan đáp:

–Dạ, thấy.

Bấy giờ, Như Lai hỏi A-nan đều đáp đầy đủ. Mỗi mỗi tại mười phương giáo hóa, độ thoát hằng hà sa số trời người, nhân dân... đều giúp họ thành Phật.

Lúc bấy giờ, tự nhiên mưa hương hoa bảy báu trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, giáp vòng khắp nơi không chỗ nào không có. Phật bảo thái tử:

–Đây là điều Pháp hoa giải thích. Việc của thân người là như thế.

Lúc bấy giờ, hàng trăm ngàn nhân dân nhiều như số cát sông Hằng không thể kể xiết đều phát tâm đạo Vô thượng chánh chân, chứng được tâm không từ đâu sinh. Vô số ngàn vị Thanh văn đều đắc quả vị không thoái chuyển.

A-nan quỳ thẳng bạch Phật:

–Kinh này tên là gì? Phải thực hành như thế nào?

Phật bảo A-nan:

–Kinh tên là Pháp Hoa Tam-muội, hoặc tên Nữ Lợi Hành Sở Vấn Giải Nhân Thân Tán Tình Kinh Yếu Tập. Nếu có kẻ nam, người nữ chép thành sách, đọc tụng kinh này thì công đức lớn hơn kẻ làm bố thí trong tám mươi kiếp. Nếu đối trước kinh cúng dường quỳ lạy thì hơn công đức của Bồ-tát tu hạnh Từ bi ba ngàn ức muôn kiếp. Nếu hiểu thấu đáo kinh này rồi xoay vần dạy bảo nhau thì công đức hơn việc cúng dường các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng. Nếu có ai một lần được nghe kinh này thì không còn sinh tử đau khổ nữa. Kẻ không tin mà còn hủy báng thì họ phải

trôi theo dòng đời, không trở về cội gốc được.

Phật bảo A-nan:

–Ta giao phó cho ông việc Pháp Hoa Tam-muội, ngàn kiếp còn chẳng thể hết được. Ta đã nói sơ về yếu đế, ngươi thọ trì, viết chép, thực hành, không được bỏ bớt một chữ, chính kinh câu cú hòa hợp nhau.

Đại chúng đi theo thái tử được khai giải, mỗi người đều được đạo tuệ, đều như bậc Thượng thủ. Tất cả đứng dậy làm lễ Đức Phật mà lui ra.

-oOo-

SỐ 270

KINH ĐẠI PHÁP CỔ

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Cầu-na-bạt-đà-la, người xứ Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ngự, trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo; lại có trăm ngàn chúng Đại Bồ-tát; lại có rất nhiều chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà; lại có trăm ngàn các chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di; lại có chủ thế giới Ta-bà là Phạm Thiên vương, Đế Thích, bốn vua trời; lại có vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Bồ-tát trong các thế giới ở mười phương đều đến hội họp.

Lúc bấy giờ, Đức Như Lai ở trước bốn chúng ấy nói pháp như vầy: "Có hữu thì có khổ vui, không hữu thì không khổ vui. Vậy nên lìa khổ vui thì chính là niềm vui Niết-bàn bậc nhất."

Năm trăm vị Thanh văn Tỳ-kheo kia, tất cả đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm được tự tại, ví như con rồng lớn, được tâm giải thoát tốt, tuệ giải thoát tốt, những việc phải làm đã làm xong, bỏ được gánh nặng, được lợi ích cho mình, đã sạch các kết sử hữu lậu, tâm chánh trí giải thoát, được tất cả tâm tự tại Ba-la-mật bậc nhất. Có vô lượng người theo học đều chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Có vô lượng chúng Tỳ-kheo đầy đủ pháp hữu lậu. Có các vị Bồ-tát ma-ha-tát đầy đủ vô lượng a-tăng-kỳ công đức. Họ từ mười phương đến, số lượng nhiều không thể ví dụ được tất cả Thanh văn, Duyên giác, cũng không thể biết được, trừ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Đại lực, Bồ-tát Quán thế âm, Đại Bồ-tát Di-lặc. Vô lượng a-tăng-kỳ các vị Bồ-tát ma-ha-tát thượng thủ như thế, ví như cỏ cây sinh ra từ mặt đất các chúng Bồ-tát từ các phương khác đến. Cũng giống như vậy, không thể tính kể, lại có Sai-ma Tỳ-kheo-ni cùng

nhóm họp với chúng Tỳ-kheo-ni, mẹ con bà Tỳ-xá-khư và phu nhân Mạt-lợi, mỗi vị cùng với vô lượng quyến thuộc cùng nhóm họp. Trưởng giả Tu-đạt cùng nhóm họp với các Ưu-bà-tắc.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trước đại chúng giảng nói pháp môn "hữu phi hữu".

Lúc bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đang nằm ngồi dậy, suy nghĩ như vầy: "Bây giờ, ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn." Nghĩ rồi, vua liền ra đi. Đánh trống, thổi loa ốc, nhà vua đến thẳng chỗ Đức Phật. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi:

–Này A-nan! Vì cớ gì mà có tiếng trống, tiếng loa ốc như thế?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Vua Ba-tư-nặc đến chỗ Đức Phật. Đó là tiếng trống, tiếng loa ốc của họ.

Phật bảo A-nan:

–Bây giờ, ông cũng nên đánh trống pháp lớn. Nay ta sẽ nói kinh Đại Pháp Cổ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh Đại Pháp Cổ này con chưa từng nghe, vì sao tên là kinh Đại Pháp Cổ?

Phật bảo A-nan:

–Ông làm sao biết được, ngay như các vị Đại Bồ-tát đến nhóm họp ở đây đều không thể biết sáu chữ danh hiệu của kinh Đại Pháp Cổ này, huống gì là ông nghe được biết.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chưa từng có vậy, danh hiệu của pháp này chân thật khó biết.

Đức Phật nói:

–Đúng thế, A-nan! Thật vậy không khác. Này A-nan! Kinh Đại Pháp Cổ này thế gian ít có, như hoa Ưu-đàm-bát.

Tổn giả A-nan bạch Phật:

–Có phải tất cả các Đức Phật đều có pháp này hay chăng?

Phật bảo A-Nan:

–Các Đức Phật trong ba đời đều có pháp này.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Nếu vậy thì sao các vị Bồ-tát, ở các cõi kia lại nhóm họp đến đây? Các Đức Như Lai ở các cõi ấy cớ sao không giảng nói pháp ấy.

Phật bảo A-Nan:

–Như có một vị Tỳ-kheo ở chốn vắng lặng ẩn cư trong hang núi. Đến giờ, Tỳ-kheo này vào xóm khất thực, trên đường đi thấy người, thú các thây chết của người và thú vật. Sau khi thấy rồi Tỳ-kheo sinh tâm nhàm chán, không khất thực nữa liền trở về, than: "Khổ thay, rồi đây ta cũng sẽ như vậy!"

Vào lúc khác, tâm được vui sướng, Tỳ-kheo nghĩ: "Ta lại đến quán sát thây chết để tăng thêm sự chán lìa." Tỳ-kheo ấy lại hướng về phía xóm làng tìm thây chết để tu bất tịnh tưởng. Thấy rồi quán sát và chứng được quả A-la-hán. Các Đức Phật ở phương khác cũng như thế, không nói vô thường, khổ, không, bất tịnh. Vì sao, vì cõi nước của các Đức Phật là pháp nên như vậy? Các Đức Như Lai kia vì các Bồ-tát nói như vầy: "Lạ thay, thật khó làm theo Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, đã ra đời trong cõi nước có năm thứ vẩn đục, xấu ác, vì sự chúng sinh khổ não nên bằng nhiều cách giảng nói kinh Đại Pháp Cổ. Cho nên những người thiện nam, phải nên tu học như thế. Các Bồ-tát kia đều muốn gặp ta để cung kính lễ bái nên đến nhóm họp. Đã nhóm họp rồi thì có người được Sơ trụ cho đến Thập trụ. Cho nên kinh Đại Pháp Cổ rất khó gặp được. Vậy nên các chúng Đại Bồ-tát trong mười phương vì nghe pháp nên đều đến nhóm họp."

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Lành thay, lành thay! Tất cả điều lành đều đến, tất cả các vị ấy sẽ được kinh pháp khó được này.

Phật bảo A-nan:

–Bản kinh sâu xa này không phải chung cho tất cả, vì vậy không nên nói rằng tất cả điều lành đều đến.

Tôn giả A-Nan bạch Phật:

–Vì sao họ không phải là tất cả điều lành đều đến?

Phật bảo A-Nan:

–Kinh điển này là pháp tạng bí mật của các Đức Như Lai, rất sâu xa nhiệm mầu, khó hiểu khó tin. Vì thế, này A-nan! Chẳng nên nói "Tất cả

điều lành đều đến".

Tôn giả A-Nan bạch Đức Phật:

–Không phải như vua Ba-tư-nặc khi lâm trận chiến đấu, đánh trống trận lớn, nghe tiếng trống kia tất cả tên đều rơi hết chăng?

Phật bảo A-Nan:

–Khi vua Ba-tư-nặc đánh trống trận, không phải tất cả nghe tiếng trống đều vui, mà có người yếu hèn nghe liền sợ hãi, như người chết gần chết. Cũng thế, này A-nan! Tên kinh Đại Pháp Cổ ấy hàng Nhị thừa còn chẳng tin pháp môn. Cho nên, này A-nan! Ví như vua kia khi chiến đấu, đánh trống lớn của vua. Kinh Đại Pháp Cổ ấy là bí mật của các Đức Phật, Phật xuất hiện ra đời thì mới giảng nói.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp:

–Các Tỳ-kheo này thanh tịnh thuần nhất, chân thật mạnh mẽ, dứt bỏ các phiền não thì đủ sức nghe được kinh Đại Pháp Cổ này chăng?

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu có Tỳ-kheo phạm giới, trái luật thì bị Tôn giả Đại Mục-liên quở trách. Có Tỳ-kheo như vậy thì con đây còn chẳng cùng họ tu hành, huống gì Đức Thế Tôn. Nay chúng hội này như rừng Chiên-đàn, thanh tịnh thuần nhất.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Nay chúng hội này tuy tất cả đều thanh tịnh thuần nhất, nhưng đối với "Lời nói ẩn kín thì có người không khéo hiểu".

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là lời nói ẩn kín?

Phật bảo Ca-diếp:

–Lời nói ẩn kín ấy nghĩa là nói Như Lai rốt ráo Niết-bàn, mà thật ra Như Lai vẫn thường trụ, bất diệt. Nhập Niết-bàn ấy chẳng phải là pháp hủy hoại. Kinh này xa lìa sự che lấp, được thanh tịnh, hiển bày rõ âm thanh, trăm ngàn nhân duyên phân biệt chỉ bày. Cho nên Ca-diếp phải lại quán sát các đại chúng này.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp liền quán sát những người đến dự hội. Tại sao họ đến? Thì trong khoảng khắc, những chúng sinh hạ tín, và các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát sơ nghiệp... tự nghĩ chẳng kham nổi nên sinh tâm xả bỏ thoái lui. Ví như các lực sĩ của nhà vua, có người tên

là Thiên lực sĩ, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi đánh trống nói: "Ai có thể đấu sức với ta?" Trong chúng những người không có khả năng thì đứng im lặng, tâm tự nghĩ: "Ta không có khả năng đấu sức với hắn, ra đấu thì có thể sẽ bị thương tổn, thậm chí mất mạng." Trong các lực sĩ kia không ai dám ra đối nghịch nên Thiên lực sĩ nổi tiếng là mạnh mẽ. Người lực sĩ khó khuất phục kia dựng cờ đại thắng.

Cũng giống như thế, những chúng sinh thấp hèn và hàng Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát sơ nghiệp đều nghĩ: "Ta không có khả năng nghe nhận việc Như Lai đã vào Niết-bàn mà lại nói rằng thường trụ bất diệt." Ở trong đại chúng, khi nghe điều chưa từng nghe này thì họ đứng dậy ra về. Vì sao? Vì những người ấy sống trong đêm dài sinh tử, đối với Bát-niết-bàn, tu tập không kiến nên khi nghe kinh "Ly ẩn phú thanh tịnh" thì đứng dậy ra về. Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát sơ nghiệp đến từ mười phương kia có đến hàng trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ phần chỉ còn một phần trụ lại. Họ chính là những bậc Bồ-tát ma-ha-tát, tín giải Pháp thân, thường trụ bất biến. Vậy họ mới an trụ, thọ trì "Nhất thiết Như Lai tạng kinh". Họ cũng có khả năng giảng nói, an ủi thế gian, hiểu rõ tất cả lời nói ẩn kín, khéo quán sát tất cả kinh liễu nghĩa, kinh không liễu nghĩa, đều có khả năng hàng phục chúng sinh, hủy phá giới cấm, tôn kính, vâng thờ người có đức thanh tịnh. Đối với Đại thừa được đại tịnh tín, không khởi ý tưởng kỳ đặc đối với Nhị thừa, trừ những kinh lớn Phương quảng như thế, chẳng giảng nói kinh khác. Chỉ nói Như Lai thường trụ và có Như Lai tạng, chẳng bỏ "không", cũng chẳng phải thân thấy "không". "Không" kia là tự tánh của tất cả hữu vi.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Tôn giả hãy hỏi đại chúng là họ có muốn nghe kinh Đại Pháp Cổ Phương Quảng Nhất Thừa, đó là kinh Đại thừa khó tin này chăng?

Đức Phật hỏi như vậy đến lần thứ ba, Ca-diếp mới bạch Phật:

–Lành thay, Đức Thế Tôn!

Rồi liền đứng dậy, bày vai áo bên phải, quỳ gối phải chấm đất, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng xong bảo các đại chúng:

–Các vị có muốn nghe kinh Đại Pháp Cổ này chăng? Bây giờ Đức Như Lai sẽ giảng nói rộng một thừa, còn gọi là Đại thừa, vượt hơn tất cả cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác cho các vị nghe.

Tôn giả nói ba lần như vậy, đại chúng kia đều đáp:

–Chúng con rất muốn được nghe. Thưa Tôn giả Đại Ca-diếp! Chúng con đều vì nghe pháp nên đến đây. Lành thay, xin Đức Phật thương xót, giảng nói kinh Đại Pháp Cổ cho chúng con được nghe!

Đại Ca-diếp lại nói:

–Vì sao các vị lại tin?

Họ liền đáp:

–Ví như nói người hai mươi tuổi có con một trăm tuổi. Nếu Đức Phật nói như thế thì chúng tôi cũng sẽ tin theo như thế. Huống chi Đức Phật nói chánh pháp mà chẳng tin nhận. Vì sao? Vì Đức Như Lai nói sao, làm vậy, tịnh nhãn của Như Lai chiếu suốt vô ngại. Như Lai dùng mắt Phật quán biết tâm của chúng tôi.

Ca-diếp khen:

–Lành thay, lành thay! Này các vị Hiền giả, các vị đủ sức nghe kinh Đại Pháp Cổ, cả việc trì tụng và giảng nói nữa.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ví như người hai mươi tuổi có con một trăm tuổi. Kinh Đại Pháp Cổ cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Như Lai Niết-bàn mà vẫn thường trụ. Tất cả vô ngã mà lại nói có ngã.

Đại chúng kia liền bạch Phật:

–Chỉ có Phật là biết được, như Thế Tôn đã nói, chúng con cứ như thế thọ trì.

Ca-diếp bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn giảng nói kinh Đại Pháp Cổ. Đánh trống đại pháp, thổi loa pháp lớn.

Đức Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Ca-diếp! Bây giờ ông hãy lắng nghe kinh Đại Pháp Cổ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa vâng, con xin thọ giáo. Vì sao? Vì là cảnh giới của con vậy. Vậy nên Như Lai rất kính đãi con. Sao gọi là kính đãi? Vì Như Lai từng nói: "Nghe lời ta, ông hãy lại đây ngồi chung." Do nhân duyên này nên con rất biết ân Như Lai.

Phật dạy:

–Lành thay! Này Ca-diếp! Vì ý nghĩa này nên ta kính đãi ông. Này

Ca-diếp! Ví như vua Ba-tư-nặc khéo nuôi dưỡng bốn thứ binh, nếu khi chiến đấu, đánh trống đại chiến, thổi loa đại chiến lên thì họ đối địch chiến đấu mạnh mẽ. Nhờ cái ân nuôi dưỡng ấy nên họ đem hết sức ra chiến đấu, chiến thắng được kẻ thù đem lại sự an ổn cho đất nước. Cũng như vậy, này các Tỳ-kheo! Sau khi ta vào Niết-bàn, ông Ma-ha Ca-diếp sẽ giữ gìn kinh Đại Pháp Cổ này. Do ý nghĩa ấy nên ta chia cho ông nửa chỗ ngồi của ta. Vậy nên ông ấy sẽ làm cái mà ta đã làm. Sau khi ta diệt độ, ông ấy có khả năng giảng nói rộng rãi kinh Đại Pháp Cổ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Con chính là đứa con đầu lòng sinh ra từ miệng của Đức Thế Tôn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ví như vua Ba-tư-nặc giáo dục các vương tử học các minh xứ để về sau họ đủ sức nối dõi dòng họ vua. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Sau khi ta diệt độ, Tỳ-kheo Ca-diếp giữ gìn kinh này cũng giống như vậy.

Lại nữa, này Ca-diếp! Vua Ba-tư-nặc cùng nhiều vị vua khác là kẻ thù của nhau, công phạt lẫn nhau. Trong mọi lúc, các chiến sĩ trong bốn binh chủng voi, ngựa, xe, bộ binh của ông ta nghe tiếng trống lớn lòng không sợ hãi, giữ chắc áo giáp, binh khí vì ân vua đã tràn trề. Khi tiễn đưa đã ban cho nhiều. Khi đang chiến đấu còn ban thưởng thêm nhiều đồ quý báu và ban cho cả thành ấp nữa. Nếu đánh tan được kẻ địch thì ban mũ lụa ngũ sắc, phong cho làm tiểu vương.

Như vậy này Ca-diếp! Các Thanh văn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của ta như giới theo học Ba-la-đề-mộc-xoa được thành tựu, khéo an trụ luật nghi, Như Lai thì cùng với trời, người an vui. Trong số ấy, người có công lớn hàng phục bốn ma thì dùng "lụa bốn chân đế giải thoát" mà làm mũ đội đầu cho họ. Nếu có người tin hiểu tăng thượng, cầu Pháp thân Phật tạng đại ngã, Pháp thân thường trụ thì lúc ấy Như Lai dùng nước trí Nhất thiết trí rưới lên đỉnh đầu họ, dùng lụa trắng Đại thừa mà làm mũ đội đầu cho họ.

Này Đại Ca-diếp! Ta nay cũng giống như vậy, dùng lụa trắng Đại thừa làm mũ đội đầu cho ông, ở đời vị lai, trong vô lượng cõi Phật, ông sẽ giữ gìn kinh này. Ca-diếp! Nên biết sau khi ta diệt độ, ông đủ sức giữ gìn kinh điển như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

–Con sẽ vâng làm như lời Thế Tôn dạy. Lại bạch Phật rằng: Kể từ

hôm nay cho đến sau khi Thế Tôn diệt độ, con sẽ thường giữ gìn giảng nói rộng rãi kinh này.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay! Hôm nay ta sẽ vì ông giảng nói kinh Đại Pháp Cổ.

Khi ấy trong hư không các chúng trời, rồng đồng thanh khen:

–Lành thay, lành thay! Tôn giả Ca-diếp! Hôm nay các vị trời mưa xuống nhiều hoa trời, các chúng rồng đầu đàn mưa nước Cam lồ và bột thơm xuống để an ủi, làm cho tất cả chúng sinh được an vui, đáng được Đức Thế Tôn kiến lập làm trưởng tử của pháp.

Rồi chúng trời, rồng đồng thanh nói kệ rằng:

Vua ở thành Xá-vệ
Nổi trống chiến, tù và
Vua pháp rừng Kỳ hoàn
Gióng lên trống pháp to.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nay ông sẽ dùng cái "dùi vấn nạn" đánh lên trống pháp lớn. Như Lai Pháp vương sẽ giảng nói về "trời trong các trời cho ông nghe" sẽ giải quyết sự nghi ngờ của ông.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp:

–Có vị Tỳ-kheo tên là Tín Đại Phương Quảng, nếu có bốn chúng nghe được tên ông ấy thì những mũi tên tham, sân, si đều được nhổ ra hết. Vì sao? Này Ca-diếp! Ví như vua Ba-tư-nặc có Kỳ-bà-tử tên là Thượng Dược. Nếu khi vua Ba-tư-nặc cùng đánh nhau với nước địch thì vua bảo Thượng Dược: "Ông hãy mau mang loại thuốc co s thể nhổ tên ra cho chúng sinh lại đây."

Lúc bấy giờ, Thượng Dược liền mang thuốc tiêu độc đến. Nhà vua bôi thuốc vào trống chiến, hoặc bôi, hoặc xông, hoặc đắp vào, nếu chúng sinh kia bị tên độc mà nghe tiếng trống ấy, hoặc cách một do tuần, hoặc cách hai do-tuần tên độc đều được nhổ ra. Cũng vậy, này Ca-diếp! Nếu có người nghe tên vị Tỳ-kheo Tín Phương Quảng thì tên độc tham, sân, si đều được nhổ ra. Vì sao? Vì ông ấy nhờ kinh này mà mở rộng thêm chánh pháp, rồi nhờ thành tựu hiện pháp ấy nên được đại quả này.

Này Đại Ca-diếp! Ông hãy xem cái trống thường vô tâm kia, dùng thứ thuốc vô tâm hoặc bôi, hoặc xông, hoặc đắp mà có năng lực làm lợi ích

cho chúng sinh như vậy. Huống chi lại được nghe tên vị Tỳ-kheo Tín Phương Quảng Bồ-tát Ma-ha-tát kia mà chẳng trừ được ba độc của chúng sinh hay sao?

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu nghe tên vị Bồ-tát ấy mà còn trừ được ba thứ tên độc cho chúng sinh, huống là xưng niệm danh hiệu công đức của Đức Thế Tôn. Xưng rằng "Nam-mô Thích-ca Mâu-ni". Nếu khen ngợi danh hiệu công đức của Đức Thế Tôn còn có công năng nhổ ra được ba thứ tên độc cho chúng sinh, huống gì là nghe được kinh Đại Pháp Cổ này. Chỉ an ủi, giảng nói bằng một bài kệ, bằng một câu kinh, huống gì là giảng nói rộng rãi mà không thể nhổ được ba thứ tên độc sao?

Phật bảo Ca-diếp:

–Như ta trước kia có nói Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh thì do bản nguyện có thể tùy tâm đạt được những gì mong muốn. Tất cả các Đức Phật đều có pháp này, đó là kinh Bất Tác Bất Khởi Bất Diệt Đại Pháp Cổ. Cho nên, này Ca-diếp! Vào đời sau ông cũng sẽ như ta. Vì sao? Vì nếu có bốn chúng nghe được danh hiệu ông thì ba thứ tên độc đều được nhổ ra.

Vậy nên, này Ca-diếp! Nay ông phải hỏi về kinh Đại Pháp Cổ để sau khi ta diệt độ, về lâu về dài ở thế gian ông sẽ giữ gìn, giảng nói cùng khắp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Nay xin Thế Tôn vì con giảng nói kinh Đại Pháp Cổ.

Phật bảo Ca-diếp:

–Đối với kinh Đại Pháp Cổ, ông nên ít thưa hỏi.

Lúc ấy, Ca-diếp liền bạch Phật:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Con sẽ thưa hỏi về những điều con thắc mắc. Như Đức Thế Tôn đã nói nếu có "hữu" thì có khổ vui, không có "hữu" thì không có khổ vui. Điều này có nghĩa như thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu không có "hữu" thì đó là niềm vui bậc nhất của Bát-niết-bàn. Cho nên lìa khổ vui để được niềm vui bậc nhất của Bát-niết-bàn, hoặc khổ hoặc vui, đó chính là "hữu". Nếu không có "hữu" thì không có khổ vui, cho nên nếu muốn được Bát-niết-bàn thì phải dứt bỏ hữu.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn vì muốn nói lại ý nghĩa vừa nói nên nói

bài kệ rằng:

Tất cả "hữu" vô thường
Cũng không biến không đổi
Hữu kia có khổ, vui
Vô "hữu" không khổ vui
Chẳng "làm" không khổ vui
"Làm" thì có vui khổ
Chớ ưa các hữu vi
Cũng lại chớ gần gũi
Như người được an vui
Trở lại nơi đau khổ
Nếu chẳng đến Niết-bàn
Chẳng trụ nơi an vui.

Khi ấy, Ca-diếp đáp bằng bài kệ như sau:

Chúng sinh chẳng vì "hữu"
Niết-bàn vui bậc nhất
Kia là tên gọi vui
Không có người thọ vui

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Thường giải thoát không tên
Diệu sắc trụ vắng lặng
Chẳng phải cảnh giới của
Nhị thừa và Bồ-tát.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói sắc mà lại thường trụ?

Phật bảo:

–Nay ta sẽ nói ví dụ. Ví như sĩ phu từ phương Nam Ma-đầu-la đến. Có người hỏi ông ấy ông từ đâu đến?

Sĩ phu đáp:

–Từ Ma-đầu-la đến.

Người kia liền hỏi:

–Ma-đầu-la là địa phương nào? Khi ấy vị sĩ phu kia liền chỉ phương Nam. Này Ca-diếp! Không phải vì người kia đến đây mà được tin chăng? Vì sao? Vì Chánh sĩ phu tự thấy mình đến từ đó vậy. Cũng vậy, này Ca-diếp! Vì ta thấy nên phải tin ta.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Ví như có sĩ phu
Đưa tay chỉ hư không
Nay ta cũng như vạy
Danh tự nói giải thoát.
Ví như sĩ phu kia
Xa đến từ phương Nam
Nay ta cũng như vậy
Từ Niết-bàn kia ra.

Nhưng này Ca-diếp! Nếu thấy nghĩa ấy thì không cần nhân duyên. Nếu chẳng thấy nghĩa thì cần nhân duyên. Cũng vậy, này Ca-diếp! Các Đức Phật, Thế Tôn thường dùng vô lượng nhân duyên để hiển bày giải thoát.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là nhân?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nhân chính là việc.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là duyên?

Phật bảo Ca-diếp:

–Duyên nghĩa là nương tựa.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nguyện xin Phật chỉ bày cho. Ví dụ ấy như thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

–Như từ cha mẹ mà sinh ra con. Mẹ là nhân, cha là duyên. Vậy nên cha mẹ là nhân duyên sinh ra con. Như vậy nói về pháp trụ nhân duyên, ấy gọi là thành.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thành ấy có nghĩa là gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Thành ấy là thế gian thành.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là thế gian?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh hòa hợp thiết lập nên.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là chúng sinh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Pháp tập hợp thiết lập nên.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chẳng phải pháp cũng là pháp, pháp cũng là chẳng phải pháp. Pháp lại có hai thứ, hai thứ ấy là? Hữu vi và vô vi, sắc và phi sắc, lại không có pháp thứ ba.

Ca-diếp bạch Phật:

–Hình dáng, chủng loại của pháp ra sao?

Phật bảo Ca-diếp:

–Pháp là chẳng phải sắc.

Ca-diếp bạch Phật:

–Chẳng phải pháp thuộc loại gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chẳng phải pháp ấy cũng chẳng phải sắc.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu pháp, chẳng phải pháp, chẳng phải sắc, vô tướng thì sao gọi là pháp? Thì sao gọi là chẳng phải pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

–Pháp ấy chính là Niết-bàn, phi pháp ấy chính là "hữu".

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu pháp, chẳng phải pháp chẳng phải sắc, vô tướng thì tuệ kia làm sao biết được? Biết chỗ nào? Nhờ đâu biết được tướng kia?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh sống trong sinh tử tu tập các thứ phước đức, căn lành thanh tịnh. Đó là chánh hạnh. Nếu họ thực hành theo pháp ấy thì tất cả tướng thanh tịnh sinh ra, nếu thực hành theo pháp ấy thì họ là "chúng sinh đúng pháp". Chúng sinh sống trong sinh tử gây ra các nghiệp bất thiện, không phải phước đức. Nếu họ thực hành không đúng pháp như vậy thì tất cả tướng ác, bất tịnh sinh ra. Nếu thực hành những việc không đúng pháp ấy thì họ là "chúng sinh không đúng pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là chúng sinh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh là do bốn giới nhiếp thiết lập nên, bao gồm: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới và nhập xứ, năm căn... cho đến mười hai chi duyên khởi, thọ, tưởng, tư, tâm, ý, thức, đó gọi là chúng sinh pháp. Ca-diếp nên biết, đó gọi là tất cả pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Trong đó pháp nào là chúng sinh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Trong đó chẳng có một pháp nào tên là chúng sinh cả. Vì sao? Này Ca-diếp! Ví như trống của vua Ba-tư-nặc thì cái gì gọi là trống?

Ca-diếp bạch Phật:

–Cái gọi là trống ấy gồm da, cây và dùi. Ba pháp ấy hòa hợp thì gọi là trống.

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy, hòa hợp thiết lập gọi là chúng sinh.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thế thì tiếng trống không phải là trống chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

–Lìa tiếng trống ấy thì trống cũng có tiếng; do gió động vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Trống ấy là pháp hay chẳng phải pháp?

Phật bảo Ca-diếp:

–Trống ấy là chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp.

Ca-diếp hỏi Phật:

–Gọi là pháp gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp ấy gọi là vô ký.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu có pháp vô ký thì thế gian đáng lẽ phải có đến ba pháp.

Phật bảo Ca-diếp:

–Tướng vô ký ấy giống như chẳng phải nam, chẳng phải nữ. Chẳng

phải nam, chẳng phải nữ thì gọi là "bất nam", vô ký kia cũng giống như vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Như Thế Tôn nói cha mẹ hòa hợp sinh ra con. Nếu cha mẹ không có chủng tử chúng sinh thì không phải là nhân duyên cha mẹ.

Phật bảo Ca-diếp:

–Kia không chủng tử chúng sinh thì gọi là Niết-bàn. Thông thường "bất nam" cũng giống như vậy. Vì sao? Vì như vua Ba-tư-nặc khi chiến đấu với các nước địch thì các chiến sĩ của vua ăn lộc của bậc trượng phu. Kẻ không mạnh mẽ thì chẳng gọi là trượng phu. Cũng như vậy, nếu không có chủng tử chúng sinh thì không gọi là cha mẹ được. Thông thường, kẻ "bất nam" cũng giống như vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp nào là pháp thiện? Pháp nào là pháp bất thiện, pháp nào là pháp vô ký?

Phật bảo Ca-diếp:

–Thọ vui là pháp thiện, thọ khổ là pháp bất thiện, thọ không khổ không vui là pháp vô ký. Đây là ba pháp mà chúng sinh thường gặp phải. Thọ vui là công đức năm dục của người, trời, thọ khổ là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la; còn thọ không khổ không vui là hói đầu.

Ca-diếp bạch Phật:

–Ở đây không phải như thế.

Phật bảo Ca-diếp:

–Từ vui sinh ra khổ, từ khổ sinh ra khổ, đó là vô ký.

Ca-diếp bạch Phật:

–Ví dụ ấy như thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

–Do ăn uống sinh ra bệnh. Ăn là vui, bệnh là khổ, còn hói đầu kia gọi là vô ký.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu khổ vui gọi là vô ký thì cha mẹ, con cái cũng gọi là vô ký?

Phật bảo Ca-diếp:

–Như cõi trời Phi tưởng, Phi phi tưởng... cho đến Vô tưởng thì thường

trụ tử pháp, thiện cũng giống như vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, thọ tưởng là chúng sinh, cho nên cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ lẽ ra không phải là chúng sinh.

Phật bảo Ca-diếp:

–Kia có hành phần, ta nói pháp chúng sinh này trừ trời Vô tưởng.

Ca-diếp bạch Phật:

–Chúng sinh là sắc hay chẳng phải sắc?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh chẳng phải sắc, cũng chẳng phải chẳng phải sắc, nhưng thành tựu được pháp kia thì gọi là chúng sinh.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu như vậy, không phải chúng sinh thành tựu pháp, lại có chúng sinh khác, chẳng nên có cõi trời Vô sắc. Nếu vậy thì không có hai pháp thế gian sắc và vô sắc.

Phật bảo Ca-diếp:

–Pháp cũng chẳng phải sắc, chẳng phải pháp cũng chẳng phải sắc.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thế nào là pháp cùng chung với giải thoát? Thế nào là chẳng phải pháp cùng chung với giải thoát? Trời Vô sắc cũng có giải thoát.

Phật bảo Ca-diếp:

–Không phải vậy, chỉ có pháp hữu vi, pháp vô vi. Vậy nên trời Vô sắc là hữu vi số, giải thoát là vô vi. Trời Vô sắc có sắc tánh vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả hữu vi là sắc, chẳng phải sắc là vô vi. Trời Vô sắc có sắc ấy là cảnh giới Phật, không phải cảnh giới của chúng con.

Phật bảo Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay! Đúng là cảnh giới của ta, không phải cảnh giới của các ông. Cũng như thế chư Phật Thế Tôn đến giải thoát thì chư Phật đều có sắc, giải thoát cũng có sắc.

Phật bảo Ca-diếp:

–Thế nào là trời Vô sắc? Những việc mà các vị trời làm, ông có biết chăng? Này Ca-diếp! Thế nào là trời Hữu sắc? Gọi là Vô sắc số chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Không phải cảnh giới của chúng con.

Phật bảo Ca-diếp:

–Cũng như vậy, chư Phật Thế Tôn đến giải thoát đều có sắc. Ông phải quán xét!

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như thế mà được giải thoát thì lẽ ra phải còn thọ khổ vui.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu có chúng sinh bệnh, uống thuốc hết bệnh rồi, trở lại bệnh nữa sao?

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu có nghiệp thì phải có bệnh.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu không có nghiệp thì người ấy có bệnh chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy, lìa khổ vui là giải thoát, phải biết khổ vui là bệnh. Như trượng phu là được Niết-bàn.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu lìa khổ vui là được giải thoát thì không nghiệp, có được hết bệnh chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ở thế gian, hễ có vui thì có khổ, lìa được khổ vui, như thế nghiệp hết thì được giải thoát.

Ca-diếp bạch Phật:

–Không còn chung tận chăng?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ví hư không như biển thì hư không có như biển chăng? Hư không không thể thí dụ, giải thoát không thể thí dụ, cũng giống như vậy. Như trời Vô sắc có sắc mà không thể biết, cũng không thể biết giống như cái này, giống như cái kia, cũng như vậy, ở chốn rong chơi như vậy..., không phải

là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, giải thoát cũng giống như vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh do ai tạo ra?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh tự tạo ra.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nghĩa ấy ra sao?

Phật bảo Ca-diếp:

–Làm phước là Phật, làm ác là chúng sinh.

Ca-diếp bạch Phật:

–Chúng sinh đầu tiên do ai tạo ra?

Phật bảo Ca-diếp:

–Các tầng trời Vô sắc như Phi tưởng phi phi tưởng, do ai tạo ra? Sống như thế nào? An trụ như thế nào?

Ca-diếp bạch Phật:

–Ở đó các nghiệp còn không thể biết, chỉ theo nghiệp mà an trụ. Những chúng sinh như thế, sinh tử là đen và Niết-bàn là trắng do ai tạo ra?

Phật bảo Ca-diếp:

–Do nghiệp tạo ra. Nghiệp sinh ra vô lượng pháp. Thiện sinh ra vô lượng pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thế nào là nghiệp khởi? Thế nào là thiện khởi?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nghiệp khởi là hữu. Thiện khởi là giải thoát.

Ca-diếp bạch Phật:

–Ở cõi vô sinh thì làm sao thiện khởi?

Phật bảo Ca-diếp:

–Như như không khác.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu thiện khởi thì làm sao đến chỗ vô sinh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Thực hành nghiệp lành.

Ca-diếp bạch Phật:

–Do ai dạy bảo?

Phật bảo Ca-diếp:

–Do Phật giáo vô thỉ dạy bảo.

Ca-diếp bạch Phật:

–Tất cả Phật vô thỉ, ai hóa độ? Ai dạy bảo?

Phật bảo Ca-diếp:

–Vô thỉ này tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể suy nghĩ, lường biết được. Nếu có sĩ phu ra khỏi thế gian, trí tuệ học rộng như Xá-lợi-phất mà đêm dài suy nghĩ, cũng không bao giờ biết được vô thỉ của Phật thì ai là người đầu tiên. Cho đến ở trong Niết-bàn cũng không biết được.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như Đại Mục-liên dùng năng lực thần thông để tìm thế giới Phật đầu tiên thì vô thỉ chung, không bao giờ biết được, cũng như vậy, tất cả Thanh văn, Duyên giác, Thập địa Bồ-tát như Bồ-tát Di-lặc... đều không thể biết được. Như nguyên khởi của Phật khó có thể biết được, nguyên khởi của chúng sinh cũng giống như vậy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Vậy Thế Tôn! Không có tác giả, không có thọ giả.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nhân là tác giả, thọ giả.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thế gian có tận diệt hay không có tận diệt.

Phật bảo Ca-diếp:

–Thế gian không hề có tận diệt, không có chỗ tận diệt, không có thời gian tận diệt.

Phật bảo Ca-diếp:

–Như dùng một sợi lông để chấm nước biển cả thì có thể hết được chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Dạ, có thể hết được.

Phật bảo Ca-diếp:

–Thuở xưa, cách nay vô lượng a-tăng-kỳ đại kiếp, có Đức Phật hiệu là Kể-la-bà ra đời, giảng rộng giáo pháp. Lúc bấy giờ, trong thành có một đồng tử Ly-xa tên là Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến, làm Chuyển luân

thánh vương, cai trị bằng chánh pháp. Nhà vua cùng với trăm ngàn đại quyến thuộc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi nhiễu bên phải ba vòng.

Sau khi cúng dường xong rồi nhà vua bạch Phật:

–Còn bao lâu nữa con sẽ được đạo Bồ-tát?

Đức Phật bảo nhà vua:

–Chuyển luân thánh vương tức là Bồ-tát đâu có khác. Vì sao? Vì không có người khác làm Đế Thích, Phạm vương và Chuyển luân thánh vương như Bồ-tát ấy. Tức là Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương, trước đã làm rất nhiều Đế Thích, Phạm vương, sau đó mới làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bằng chánh pháp. Ông đã từng làm hằng hà sa số a-tăng-kỳ thân Phạm vương, Đế Thích, nay làm Chuyển luân thánh vương.

Nhà vua bạch Phật:

–Đế Thích, Phạm vương thuộc loại hình nào?

Phật bảo đại vương:

–Đế Thích, Phạm Thiên vương cũng như đại vương hôm nay, đầu đội Thiên quan. Nhưng họ đoan nghiêm không bằng được đại vương. Như sắc tướng đoan nghiêm đặc biệt của Đức Phật thì hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chẳng bằng được, đại vương cũng như vậy.

Này Ca-diếp! Lúc bấy giờ Thánh vương lại hỏi Phật:

–Chừng bao lâu nữa con sẽ thành Phật?

Phật bảo đại vương:

–Muốn thành Phật thì phải trải qua thời gian rất lâu. Vì sao? Vì giả như khiến nhà vua bỏ cái phước đức hiện nay của mình, trở lại người thường rồi lấy một sợi lông mà chấm vào nước biển cả đến khô cạn, còn như vũng nước dấu chân trâu, khi ấy sẽ có một Đức Như Lai ra đời, hiệu là Đăng Quang Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, bây giờ có vị quốc vương tên là Địa Tự Tại. Đức Đăng Quang Như Lai thọ ký cho vua sẽ được thành Phật.

Lúc bấy giờ, ông sẽ làm trưởng tử thứ nhất của vua kia, cũng đều được thọ ký, thì bấy giờ Đức Như Lai kia sẽ nói như vầy:

–Này đại vương! Đứa con lớn của ông đây từ thuở xa xưa đến nay như biển cả dần cạn, sinh làm con ông. Ở trong khoảng ấy chẳng làm

tiểu vương, hoặc là Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân thánh vương, cai trị bằng chánh pháp. Đứa con lớn của ông đây mạnh mẽ tinh tấn như vậy. Này Địa Tự Tại! Bồ-đề khó được. Vì nhân duyên này nên nói thí dụ ấy. Này Địa Tự Tại! Đứa con lớn của ông đây có sáu muôn thể nữ xinh đẹp khác thường, trang nghiêm bằng chuỗi anh lạc giống như các cô gái cõi trời mà bỏ đi như nhổ bỏ đàm dãi. Biết dục là vô thường, mong manh chẳng bền chắc, bèn nói: "Ta sẽ xuất gia."

Nói rồi, anh ta tin nhà chẳng phải nhà nên bỏ nhà đi học đạo. Cho nên Đức Phật kia thọ ký cho đồng tử ấy: "Vào đời sau có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, thế giới tên là Nhẫn. Này đồng tử! Ngươi tên là Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa. Sau khi Đức Phật Niết-bàn, lúc chánh pháp sắp diệt, còn tám mươi năm, ngươi làm Tỳ-kheo thọ trì danh hiệu Phật, giảng nói kinh này, chẳng đoái hoài đến thân mạng. Thọ một trăm tuổi, sau khi mạng chung vãng sinh về cõi nước An lạc, được thần lực rộng lớn, trụ Đệ bát địa. Một thân trụ trên cõi trời Đâu-suất, một thân trụ ở nước An lạc. Lại hóa một thân nữa đến thỉnh vấn Bồ-tát A-dật-đa về kinh ấy."

Bấy giờ, vua Địa Tự Tại nghe lời Phật thọ ký cho con mình, vui mừng hớn hở nghĩ: "Hôm nay Đức Như Lai thọ ký cho con ta được trụ Đệ bát địa." Đồng tử kia nghe lời thọ ký thì càng thêm tinh tấn mạnh mẽ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cho nên một sợi lông chấm lấy nước biển cả, vẫn còn có thể cạn.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nghĩa ấy thế nào?

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi buôn đếm số tiền vàng để trong một cái thùng. Khi con khóc đòi thì lấy cho một tiền. Tiền trong thùng kia mỗi ngày một ít đi, cũng giống như vậy, Bồ-tát Ma-ha-tát đối với nước trong biển cả, từng giọt, từng giọt tổn giảm đều, đều có thể biết được, cũng biết cả số còn lại. Huống chi là Đức Thế Tôn đối với chúng sinh đông đảo mà không biết hay sao? Nhưng các chúng sinh không có tổn giảm và diệt tận. Tất cả Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, chỉ có Phật Thế Tôn mới có thể biết.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay, như lời ông nói! Chúng sinh đông đảo không có lúc cùng tận.

Ca-diếp bạch Phật:

–Chúng sinh Bát-niết-bàn ấy là có cùng tận, hay là vô tận?

Phật bảo Ca-diếp:

–Chúng sinh không có cùng tận.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là chúng sinh biết tận?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu chúng sinh cùng tận thì nên có tổn giảm. Kinh này trở nên vô nghĩa. Vậy này Ca-diếp! Các Đức Phật Thế Tôn Bát-niết-bàn thảy đều thường trụ. Do ý nghĩa này nên chư Phật, Thế Tôn Bát-niết-bàn nhưng chẳng bị mài mòn tiêu diệt.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là chư Phật nhập Niết-bàn, không rốt ráo diệt?

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nhà hoại thì trở thành hư không. Đúng vậy, đúng vậy! Chư Phật Niết-bàn tức là giải thoát.

-oOo-

KINH ĐẠI PHÁP CỔ

QUYỂN HẠ

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp:

–Ví như có vị vua thực hành bố thí, trong nước của vị vua ấy xuất hiện nhiều kho báu trong lòng đất. Vì sao? Vì vị vua ấy chu cấp mọi thứ cho chúng sinh nghèo khổ. Vậy nên các kho tàng tự nhiên xuất hiện. Cũng giống như vậy, này Ca-diếp! Vị Bồ-tát có phương tiện rộng lớn, vì chúng sinh giảng nói Pháp bảo sâu xa nên được kinh lìa phi pháp sâu xa này, còn gọi là kinh Không Vô Tướng Vô Tác Tương Ưng, lại được kinh Như Lai thường trụ như thế và có được tạng kinh Như Lai.

Này Ca-diếp! Như ở cõi Uất-đan-việt, thức ăn thức uống tự nhiên có, mọi người đều lấy dùng mà không hề tổn giảm. Vì sao? Vì trong suốt cuộc sống họ không có ý tưởng về ngã sở và ý tưởng về xan tham. Cũng giống như vậy, này Ca-diếp! Ở cõi Diêm-phù-đề này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được kinh điển sâu xa này mà sao chép, thọ trì, đọc tụng, thông đạt rốt ráo, giảng nói rộng rãi cho người nghe, không bao giờ mệt mỏi, nhàm chán, không nghi ngờ, không hủy báng. Nhờ năng lực thần thông của Phật, họ thường được cúng dường như ý tự nhiên, cho đến khi chứng quả Bồ-đề, không hề thiếu thốn, không bao giờ hết được, ngoại trừ nghiệp báo đã định.

Như vị Tỳ-kheo giữ giới chẳng biếng nhác đối với việc giữ giới thì suốt đời được Thiên thần theo hầu hạ cúng dường. Nếu như họ có thể đối với kinh điển sâu xa như vậy, thậm chí chẳng nghĩ đến không khởi một ý tưởng bài báng thì sẽ được Như Lai tạng, Như Lai thường trụ, thường gặp các Đức Phật, gần gũi cúng dường.

Như vị Chuyển luân thánh vương, hễ có đi đâu thì bảy vật báu thường theo bên mình, cũng giống như vậy "Thuyết An úy" ấy là chỗ trụ. Như vậy kinh này thường đi chung với thuyết ấy, như chỗ ở của vị Chuyển luân thánh vương thì bảy vật báu thường có mặt, không ở chỗ khác được, đó chẳng phải là trân bảo ở chỗ khác. "Thuyết An úy" cùng với kinh này hiện

tại đã trụ như thế đều từ phương khác đến chỗ ấy. Các kinh chẳng rõ nghĩa "không tương ưng" thì trụ ở chỗ khác. "Thuyết An úy" này trụ nơi nào thì chốn ấy có kinh này thường theo.

Như nơi nào vị Chuyển luân thánh vương đến thì các chúng sinh khác đều thuận theo vua mà nghĩ: "Chỗ vua ấy an trụ, chúng ta cũng nên đi. Cũng giống như thế, chỗ "Thuyết An úy" này an trụ, kinh này cũng lại thường theo, như khi vị Chuyển luân thánh vương ra đời thì bảy món báu cũng ra đời theo. Cũng giống như vậy "Thuyết An úy" này xuất hiện ở thế gian thì kinh này cũng xuất hiện theo.

Như vị Chuyển luân thánh vương đã có bảy vật báu. Nếu bị mất một vật báu thì vị vua ấy sẽ tìm cho được, ắt phải đến chỗ báu. Cũng giống như vậy, "Thuyết An úy" này vì nghe có kinh này nên tìm cầu khắp nơi thì tất yếu phải đến chỗ kinh.

Lại nữa, như khi vị Chuyển luân thánh vương không ra đời, thì các vị tiểu vương khác gắng sức như Chuyển luân vương hòa hợp các vua, mỗi vị đều xuất hiện ở đời. Các địa phương như vậy không người giảng nói chỗ sâu xa của kinh này. Toàn là người tạp thuyết, nói các tạp kinh, gồm Chánh bất chánh tạp kinh. Các chúng sinh kia cũng theo học như thế. Khi họ theo học, nghe về kinh thâm sâu rốt ráo Như Lai tạng, Như Lai thường trụ, tâm sinh nghi hoặc đối với "Thuyết An úy" sinh lòng nhuế hại, khinh rẻ cười chê, không sinh ái niệm, mạ nhục chẳng nhịn mà nói: "Đây ghi chép những lời ma nói." Rồi họ cho là hủy pháp nên đều bỏ hết mà đi về bản xứ. Họ lại cùng nhau phá hoại, phạm giới tà kiến, không bao giờ được kinh này. Vì sao? Vì chỗ an trụ của "Thuyết An úy" là chỗ kinh này theo trụ vậy.

Lúc bấy giờ, ở thế gian có nhiều chúng sinh thấy nghe kinh Đại thừa sinh tâm phỉ báng, không sinh sợ hãi. Vì sao? Vì ở cõi đời có năm thứ trược ác thì chánh pháp bị tổn giảm, có nhiều chúng sinh phỉ báng Đại thừa, như trong thôn bảy nhà chắc chắn có xuất hiện quỷ Trà-di-ni. Cũng giống như vậy, nơi kinh này lưu hành trong chúng bảy người chắc chắn có người phỉ báng.

Này Ca-diếp! Ví như người đồng giới, gặp nhau vui mừng, những người kia cũng vậy, ai nấy đều hủy giới. Ở trong chúng nói pháp, khi nghe kinh này, lại nhìn nhau cười cợt: "Kẻ nào là chúng sinh giới? Kẻ nào thường ngắm nhan sắc kia? Rồi suy nghĩ: "Kia là bạn ta lại thương xót nhau". Nghĩ như vậy rồi, họ giữ tánh mà an trụ, giữ tánh mà ra đi. Như vị Trưởng giả

Bà-la-môn sinh đứa con trai có tánh ác, cha mẹ răn dạy chẳng hề sửa đổi, bỏ nhà đi theo các bạn xấu, nghe theo những lời cầm thú cho là vui vẻ. Như vậy xoay vần cho đến nước khác, cấu kết được những kẻ cùng loại, cùng nhau làm những việc không đúng pháp. Đó gọi là đồng hành. Người không ưa kinh này cũng giống như vậy, thấy người khác đọc tụng, giảng nói trở lại chê cười. Vì sao? Vì lúc bấy giờ chúng sinh rất lười biếng, giữ giới lỏng lẻo, làm trở ngại chánh pháp, những người đồng hành kia theo nhau phỉ báng.

Ca-diếp bạch Phật:

–Than ôi, thật là thời buổi trược ác!

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đến lúc thì "Thuyết An úy" ấy sẽ như thế nào? Này Ca-diếp! Ví như ven thành ấp, ruộng gần đường đi bị mọi người, các giống voi, ngựa chiếm ăn. Khi ấy, chủ ruộng sai một người trông nom. Người trông nom chẳng siêng năng giữ gìn. Người chủ lại tăng thêm hai, ba, bốn, năm... rồi mười, hai mươi... thậm chí cả trăm người. Nhưng người giữ càng nhiều thì kẻ lấy càng đông. Sau cùng có một người nghĩ: "Thật ra kẻ giữ gìn trông nom ấy không phải tất cả đều giữ gìn, phải có phương tiện khéo léo mới khiến cho không còn bị xâm hại." Rồi ông liền tự tay lấy lúa ruộng ban cho. Những người kia sinh tâm cảm động hổ thẹn, lúa ruộng được an toàn. Này Ca-diếp! Nếu có thể được phương tiện khéo léo như vậy thì sau khi ta diệt độ kinh này sẽ được giữ gìn.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không hề có khả năng thu nhiếp những người ác ấy, con thà dùng hai vai gánh vác núi Tu-di đến trăm ngàn kiếp chứ không thể chịu đựng để cho bọn người ác kia phạm giới cấm, hủy diệt đạo pháp, phỉ báng chánh pháp, làm hoen ố đạo pháp, những điều ác, không đúng pháp như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con thà lệ thuộc kẻ khác làm kẻ nô bộc sai khiến chứ không thể chịu đựng nghe những điều ác, không đúng pháp như vậy của bọn người ác phạm giới, trái pháp, xa pháp, hoại pháp kia.

Bạch Thế Tôn! Con thà đầu đội quả đất, núi biển suốt trăm ngàn kiếp chứ không thể chịu đựng nghe những điều ác, không đúng pháp như vậy của bọn người ác phạm giới, diệt pháp, tự cao hủy kẻ khác kia.

Bạch Thế Tôn! Con thà luôn luôn chịu thân đui điếc, câm ngọng chứ

không thể chịu đựng nghe những âm thanh ác, không đúng pháp như vậy của bọn người ác hủy phạm tịnh giới, vì lợi xuất gia thọ nhận của tín thí.

Bạch Thế Tôn! Con thà xả thân, chóng nhập Niết-bàn chứ không thể chịu nhịn nghe những âm thanh ác, không đúng pháp như vậy của bọn người ác hủy phạm tịnh giới, rêu rao tu hành mà thân làm những điều tà vạy, miệng nói lời hư dối kia.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông nhập Niết-bàn, ấy là Niết-bàn Thanh văn không phải là rốt ráo.

Ca-diếp bạch Phật:

–Nếu nhập Niết-bàn của Thanh văn, Duyên giác không phải là rốt ráo, thì bạch Thế Tôn! Vì sao nói có ba thừa: Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa.

Bạch Thế Tôn! Sao đã vào Niết-bàn rồi lại còn vào Niết-bàn nữa?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Bậc Thanh văn cho Thanh văn vào Niết-bàn nhưng vào Niết-bàn chẳng phải là rốt ráo. Bích-chi-phật cho Bích-chi-phật nhập Niết-bàn nhưng nhập Niết-bàn chẳng phải là rốt ráo. Cho đến khi được tất cả các thứ công đức, được tất cả các thứ trí tuệ Đại thừa vào Niết-bàn, sau đó mới rốt ráo, không còn rốt ráo nào khác.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nghĩa ấy ra sao?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ví như từ sữa lấy ra được bơ, từ bơ lấy ra được tô sống, từ tô sống lấy ra được tô chín, từ tô chín lấy ra được đề hồ. Kẻ phàm phu tà kiến như sữa mới sinh, sữa máu lẫn lộn. Người thọ Tam quy giống như sữa thuần. Kẻ tin theo tu hành và Bồ-tát mới phát tâm trụ địa vị Giải hạnh giống như sữa đã thành bơ. Bảy hạng người học và Bồ-tát Thất địa trụ giống như bơ sinh tô. Bậc ý sinh thân A-la-hán, Bích-chi-phật được năng lực tự tại và bậc Bồ-tát cửu trụ, Thập trụ giống như tô chín. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác giống như đề hồ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Đức Như Lai nói có ba thừa?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ví như người dẫn đường mạnh mẽ dẫn các người thân thuộc và

nhiều người khác, từ chỗ mình ở đến một địa phương khác mà phải đi qua vùng hoang vắng nguy hiểm bèn nghĩ: "Những người này mệt mỏi thiếu thốn sẽ sợ sệt mà lui về"; để giúp cho mọi người ngưng ngay ý ấy nên ở phía trước đường kia ông hóa ra một ngôi thành lớn. Từ xa ông dùng tay chỉ cho mọi người thấy và nói rằng đàng trước có ngôi thành lớn, hãy mau đến đó đi. Mọi người đều thấy dần dần đến gần ngôi thành kia. Họ đều nói với nhau rằng đó là chỗ nghỉ của chúng ta. Rồi họ liền cùng nhau vào thành nghỉ ngơi sung sướng. Họ mãi vui trong ấy chẳng muốn tiếp tục đi nữa.

Lúc bấy giờ, người dẫn đường bèn nghĩ: "Những người này mới được chút vui này đã cho là đủ. Họ yếu đuối, lười nhác, nghỉ ngơi, không muốn tiếp tục đi nữa."

Lúc bấy giờ, người dẫn đường liền diệt ngôi thành hóa hiện ấy. Bọn người kia thấy thành đã bị diệt rồi bèn nói với người dẫn đường:

–Đây là gì? Là huyễn, là mộng hay là chân thật?

Người dẫn đường nghe thế liền bảo mọi người:

–Ngôi thành lớn vừa rồi vì dừng nghỉ ngơi tạm nên ta hóa ra vậy thôi, còn có ngôi thành khác nữa, giờ đây nên tiếp tục đi nữa, phải mau đến đó để được an ổn vui sướng.

Mọi người đáp:

–Xin vâng, vì sao lại ưa cái chỗ thấp hèn nhỏ nhoi này? Chúng tôi sẽ cùng nhau tiếp tục đi nữa để đến ngôi thành lớn an vui.

Người dẫn đường đáp:

–Hay lắm, hãy đi đi.

Họ liền cùng nhau tiến bước về phía trước. Người dẫn đường lại bảo mọi người:

–Ngôi thành lớn mà chúng ta phải đến đã hiện ra rồi. Các vị hãy quan sát ngôi thành lớn trước mặt kia hết mực giàu có an vui.

Họ đi dần đi về phía trước thì thấy ngôi thành lớn kia. Lúc bấy giờ, người dẫn đường bảo mọi người:

–Các vị nên biết, đây là ngôi thành lớn.

Mọi người thấy xa xa một ngôi thành lớn, yên ổn vui sướng, tâm đầy vui mừng. Mọi người đều nhìn nhau sinh tâm ít có nghĩ: "Thành này là thật là hay lại là hư dối?"

Người dẫn đường đáp:

–Đây là ngôi thành chân thật, tất cả đều đặc biệt yên ổn giàu có an vui. Liền bảo mọi người vào thành và nói đây là ngôi thành lớn rốt ráo bậc nhất, qua chỗ này rồi không còn ngôi thành nào khác nữa.

Mọi người đều vào thành, liền sinh tâm ít có, lòng đầy vui mừng khen ngợi người dẫn đường kia:

–Lành thay, lành thay! Bậc Đại Trí, Đại Bi chân thật, dùng phương tiện thương xót cứu vớt chúng con.

Này Ca-diếp! Ông nên biết ngôi thành biến hóa đầu tiên kia chỉ cho trí tuệ thanh tịnh của hàng Thanh văn thừa, Duyên giác thừa. Còn cái trí tuệ Không, Vô tướng, Vô tác giải thoát là ngôi thành lớn chân thật, chính là Như Lai giải thoát. Cho nên Như Lai mở bày ba thừa, thị hiện hai Niết-bàn, lại giảng nói Nhất thừa.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu có người nói không có kinh này thì đó chẳng phải là đệ tử của ta và ta cũng chẳng phải là Thầy của người ấy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các kinh Đại thừa nói nhiều về nghĩa Không.

Phật bảo Ca-diếp:

–Tất cả kinh nói về Không là còn có dư thừa, chỉ có kinh này là Vô thượng thuyết, chẳng còn dư thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như vua Ba-tư-nặc thường vào tháng mười một lập hội đại thí. Trước tiên bố thí thức ăn cho ngạ quỷ, kẻ cô độc, người nghèo, tiếp đến bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn. Các món ngon đủ vị cứ theo sự ưa thích của mọi người. Các Đức Phật Thế Tôn cũng giống như vậy, vì thuận theo các sở thích của chúng sinh mà giảng nói các thứ kinh pháp cho họ nghe. Như có chúng sinh lười biếng, phạm giới, chẳng siêng tu tập, bỏ diệu điển Như Lai tạng thường trụ, thích tu học các kinh nói về Không, hoặc theo câu chữ lời nói, hoặc thêm câu chữ khác. Vì sao? Vì người ấy nói như vầy: "Tất cả kinh Phật đều nói vô ngã." Nhưng người ấy chẳng biết cái nghĩa "không vô ngã". Người không có trí tuệ kia hướng về sự tận diệt hoàn toàn, nhưng thuyết "không, vô ngã" cũng là do Phật nói. Vì sao? Vì Niết-bàn vô lượng trần cấu các phiền não tạng, thường không tất cả câu Niết-bàn như vậy, kia thường trụ an lạc, đó là câu đại Bát-niết-bàn sở đắc của Phật.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là xa lìa đoạn, thường?

Phật bảo Ca-diếp:

–Cho đến chúng sinh sinh tử luân hồi, chẳng được tự tại. Vậy nên ta nói nghĩa vô ngã cho họ nghe. Nhưng sở đắc của chư Phật là Đại Bát-niết-bàn thường trụ an vui. Do nghĩa này nên phá hoại cái đoạn, thường kia.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy là tái chuyển vô ngã thành ngã vĩnh cữu.

Phật bảo Ca-diếp:

–Vì phá ngã thế gian nên ta nói nghĩa vô ngã. Nếu không nói như vậy thì làm sao khiến cho họ lãnh thọ giáo pháp của Đại sư. Phật nói vô ngã, các chúng sinh kia mới sinh ý tưởng lạ lùng là nghe điều chưa từng nghe, mới đến chỗ Phật. Sau đó, Phật dùng trăm ngàn nhân duyên khiến họ đến với Phật pháp. Đến với Phật pháp rồi lòng tin mới tăng trưởng, siêng tu, tinh tấn, khéo học pháp không. Sau đó ta mới giảng nói về thường trụ an lạc hữu sắc giải thoát cho họ nghe.

Lại nữa, có thuyết thế tục cho hữu là giải thoát. Để phá thuyết đó nên ta nói:

–Giải thoát đều là vô sở hữu. Nếu không nói như vậy thì làm sao khiến họ lãnh thọ pháp Đại sư. Vậy nên ta dùng trăm ngàn nhân duyên nói giải thoát là diệt tận vô ngã. Sau đó ta lại thấy chúng sinh kia cho diệt rốt ráo diệt là giải thoát. Những người không có trí tuệ kia hướng về diệt tận, sau đó ta lại dùng trăm ngàn nhân duyên để nói giải thoát là hữu.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Được giải thoát tự tại phải biết chúng sinh ắt là hữu thường. Ví như thấy khói biết chắc có lửa. Nếu có ngã chắc chắn có giải thoát. Nếu nói có ngã thì là đã nói giải thoát hữu sắc. Chẳng phải thân kiến thế tục, cũng chẳng phải nói đoạn, thường.

Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai chẳng vào Niết-bàn mà thị hiện vào Niết-bàn? Chẳng sinh mà thị hiện sinh?

Phật bảo Ca-diếp:

–Để phá cái tư tưởng chấp thường của chúng sinh nên Như Lai chẳng vào Niết-bàn mà thị hiện Niết-bàn, chẳng sinh mà thị hiện sinh. Vì sao? Vì chúng sinh cho là Phật mà còn có chết đi, chẳng được tự tại, huống gì là

chúng ta còn ngã và ngã sở. Ví như có vị vua bị nước bên cạnh bắt được, trói buộc kềm kẹp, nghĩ rằng: "Nay ta còn là vua là chúa chăng? Nay ta chẳng phải là vua, chẳng phải là chúa. Vì sao đến nỗi chịu các khổ nạn như vậy? Do ta buông lung vậy." Cũng giống như vậy, chúng sinh sinh tử luân hồi, ngã chẳng tự tại. Vì chẳng tự tại nên ta nói nghĩa vô ngã. Ví như có người bị cướp rượt, vung đao muốn hại, bèn nghĩ: "Bây giờ ta không có sức mạnh để thoát khỏi cái nạn chết này." Do những tư tưởng không đúng về chúng sinh đã có đủ các thứ khổ, sinh, già, bệnh, chết nên họ nguyện làm Đế Thích, Phạm vương. Như Lai vì phá cái tư tưởng đó nên thị hiện có chết. Như Lai là trời trong các trời, nếu nhập Niết-bàn đều tiêu diệt hết thì thế gian lẽ ra phải diệt. Nếu không diệt thì thường trụ an vui mà thường trụ an vui thì chắc chắn có ngã, như có khói thì chắc chắn có lửa. Nếu lại vô ngã mà còn có ngã thì thế gian phải đầy khắp 'thật hữu' 'ngã phi', vô ngã cũng chẳng hoại. Nếu thật vô ngã thì ngã chẳng thành."

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hữu là gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Hữu chỉ cho hai mươi lăm cõi chúng sinh hạnh, phi hữu ấy là vật vô tư. Nếu phi hữu là chúng sinh thì phải từ người khác đến, nếu vật hữu tư bị hoại thì chúng sinh sẽ giảm. Nếu phi hữu là chúng sinh thì chúng sinh phải đầy khắp vì chúng sinh chẳng sinh chẳng hoại nên chẳng giảm chẳng đầy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có ngã thì sao sinh ra các cấu trược phiền não kia?

Phật bảo Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay! Nên đem câu hỏi này để hỏi Như Lai. Ví như người thợ vàng thấy tánh vàng kia bèn suy nghĩ rằng: "Tánh vàng này do đâu mà sinh ra chất bám bẩn. Nay phải tìm tòi cái nguồn gốc sinh ra chất bám bẩn." Người kia có tìm ra được nguồn gốc chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu suốt đời suy nghĩ tìm tòi cái tướng nhân ban đầu cho đến được cái bản tế vô thỉ chăng nữa thì đã chẳng được gốc cũng chẳng được

vàng. Nếu bằng phương tiện khéo léo, siêng năng chẳng lười biếng, chùi đi chất bám bẩn của vàng kia thì mới được vàng ròng.

Phật bảo Ca-diếp:

–Như vậy ngã sinh ra khách trần phiền não. Người muốn thấy ngã bèn nghĩ: "Nay phải tìm tòi ngã và gốc của chất bám bẩn. Người kia có tìm được gốc chăng?"

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu họ siêng năng dùng phương tiện để chùi rửa chất bẩn phiền não thì mới được ngã. Nghĩa là nghe được kinh này trong thâm tâm kính tin, ưa thích chẳng hoãn, chẳng gấp, dùng phương tiện khéo léo chuyên tinh ba nghiệp. Do cái nhân duyên này mới được ngã.

Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có ngã thì sao chẳng thấy?

Phật bảo Ca-diếp:

–Bây giờ ta sẽ nói ví dụ: Ví như người mới học, học câu năm chữ, giới hạn thành câu kệ, muốn biết nghĩa trước, sau đó mới học thì có biết chăng? Hay phải học trước, sau đó mới biết. Người kia khéo học rồi sau đó thầy dạy, giới hạn thành nghĩa của câu, dẫn ví dụ để trình bày thì người kia có thể nghe nhận. Nhờ thầy mà được rõ giới hạn thành nghĩa của câu nên sẽ kính tin ưa thích.

Như vậy, nay ta vì chúng sinh bị phiền não che lấp mà nói:

–Này thiện nam! Như Lai tạng như vậy, như vậy... họ liền muốn thấy thì sẽ được thấy chăng?

Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn, không!

Phật bảo Ca-diếp:

–Như họ chẳng biết giới hạn thành nghĩa của câu sẽ nhờ thầy mà tin như vậy. Này Ca-diếp phải biết! Như Lai là người có lời nói thành thật, dùng lời thành thật nói có chúng sinh, về sau ông sẽ biết, như người kia học đã thành. Nay sẽ vì ông, ta lại nói ví dụ. Như thí dụ bốn loại chúng sinh giới bị ngăn che. Đó là màng da che mắt, mây dầy ẩn trăng, như người đào giếng, đèn sáng trong bình. Phải biết bốn nhân duyên có

Phật tạng này. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, có vô lượng tướng tốt trang nghiêm chiếu sáng. Do cái tánh đó cho nên tất cả chúng sinh đều được vào Niết-bàn. Như mắt bị màng che kia là bệnh có thể trị được, chưa gặp thầy thuốc thì mắt kia thường tối tăm, đã gặp thầy thuốc rồi thì chúng thấy được màu sắc.

Vô lượng phiền não tạng như thế là màng che Như Lai tánh. Cho đến khi chưa gặp chư Phật, Thanh văn, Duyên giác thì chấp ngã, phi ngã, ngã sở là ngã. Nếu gặp chư Phật, Thanh văn, Duyên giác rồi mới biết được chân ngã.

Như trị lành bệnh thì mắt được mở sáng. Màng che ấy là các phiền não. Mắt ấy là tánh Như Lai.

Như mây che mặt trăng, trăng chẳng trong sáng, các phiền não tạng che lấp tánh Như Lai, tánh chẳng trong sáng. Nếu lìa tất cả mây phiền não che đậy thì tánh Như Lai thanh tịnh như mặt trăng tròn.

Như người đào giếng nếu gặp đất khô thì biết nước còn xa, nếu thấy đất ướt thì biết nước gần kề. Nếu được nước rồi thì đó là rốt ráo. Như vậy gặp được chư Phật, Thanh văn, Duyên giác tu tập thiện hạnh, đào đất phiền não được nước tánh Như Lai.

Như đèn sáng trong bình, ánh sáng ấy không lọt ra ngoài, đối với chúng sinh trở nên vô dụng. Nếu đập bể bình thì ánh sáng kia chiếu khắp. Như vậy bình chứa các phiền não che đèn Như Lai tạng, tướng tốt trang nghiêm chẳng trong sáng, đối với chúng sinh trở nên vô dụng. Nếu lìa tất cả các phiền não tạng thì tánh Như Lai kia dứt hết phiền não, tướng tốt chiếu sáng, làm các Phật sự, như đập bình, đèn sáng thì chúng sinh thọ dụng.

Như bốn thứ ví dụ nhân duyên này, nếu ngã có chúng sinh giới thì phải biết tất cả chúng sinh đều cũng giống như vậy. Chúng sinh giới kia trong sáng vô biên.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Như Lai tạng một tánh, một thừa thì vì sao Như Lai nói có ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Bây giờ ta sẽ nói ví dụ! Như có vị trưởng giả giàu có, chỉ có một

đứa con trai. Người con đi theo người vú bị lạc mất ở chỗ đông người. Đến lúc gần chết, vị Trưởng giả nghĩ: "Ta chỉ có một đứa con đã bị lạc mất từ lâu, không còn đứa con nào khác, kể cả cha mẹ thân thuộc. Nếu một mai sau khi ta chết thì tất cả của cải vua đều lấy đi hết."

Trong lúc ông đang suy nghĩ thì đứa con vốn thất lạc đi ăn xin đến ngay cửa nhà ấy mà nó chẳng biết là nhà của cha mình. Vì sao? Vì thất lạc lúc còn nhỏ quá vậy. Người cha biết đó là con mình mà chẳng dám nhận vì sao? Vì sợ nó bỏ chạy nên cho nhiều của cải mà nói với nó:

–Ta vốn không có con cái, ngươi hãy làm con ta, đừng đi nơi khác.

Đứa con đáp:

–Tôi không thể ở đây. Vì sao? Vì ở đây thường khổ sở như bị trói buộc.

Trưởng giả nói:

–Ngươi muốn làm gì?

Người con lại đáp:

–Thà dọn dẹp đồ dơ uế, thả trâu, làm ruộng.

Ông trưởng giả nghĩ: "Đứa con này bạc phước, ta phải biết lúc, chiều theo ý nó." Ông liền cho nó hốt dọn phân dơ.

Sau một thời gian lâu, đứa con kia thấy vị trưởng giả tự vui chơi năm thứ dục lạc nên tâm sinh vui sướng nghĩ: "Xin ông đại trưởng giả thương nhận mình, cho nhiều của báu, nhận ta làm con." Nghĩ vậy rồi nó chẳng siêng năng làm việc.

Vị trưởng giả thấy vậy bèn nghĩ: "Như vậy thì chẳng bao lâu nữa chắc chắn nó sẽ làm con ta."

Khi ấy, vị trưởng giả tìm đến nó nói với nó:

–Nay sao ngươi khởi tâm tưởng khác lạ, chẳng siêng năng làm việc.

Nó liền đáp:

–Ý nguyện muốn làm con nên sinh tâm như vậy.

Vị trưởng giả nói:

–Tốt lắm! Ta là cha ngươi, ngươi là con ta. Ta thật sự là cha ngươi nhưng ngươi chẳng biết. Các kho tàng ta có đều giao hết cho ngươi.

Rồi ở trước mọi người nói:

–Đây là đứa con của ta thất lạc lâu rồi, nay trở về nhà mà mình không tự biết. Ta bảo làm con mà lại chẳng chịu. Hôm nay tự xin làm con ta.

Này Ca-diếp! Vị trưởng giả kia dùng phương tiện dẫn dụ ý chí đứa con thấp hèn. Trước tiên sai hắn quét dọn phân nhơ, sau đó mới giao của cải, ở trước mọi người ông nói: "Đây vốn là đứa con của ta thất lạc đã lâu, nay nó may mắn tự tìm tìm đến làm con ta."

Này Ca-diếp! Cũng giống như vậy, người chẳng ưa một thừa thì nói cho họ nghe ba thừa. Vì sao? Vì đây là Như Lai khéo dùng phương tiện. Các Thanh văn này đều là con ta, như người quét dọn phân nhơ nay mới tự biết.

Ca-diếp bạch Phật:

–Ôi lạ thay! Thanh văn thừa này sao quá thấp hèn, thật là con Phật mà chẳng biết cha.

Phật bảo Ca-diếp:

–Nên học như vậy. Nếu ông chẳng kham quở trách hủy mắng thì nên lìa bỏ. Về sau khi thuần thục rồi thì ông sẽ biết.

Lại nữa, này Ca-diếp! Thanh văn và Đại thừa thường trái ngược nhau như thế tục với vô lậu, ngu si với thông minh.

Lại nữa, này Ca-diếp! Nếu kẻ hủy báng kinh này nên phải nhiếp hóa họ. Vì sao? Vì kẻ kia hủy báng nên khi xả thân phải đọa vào nơi đen tối vô biên. Thương xót bọn họ nên phải lập ra phương tiện, dùng pháp Đại thừa làm cho họ thành thục. Nếu người không thể trị được sẽ bị đọa địa ngục. Nếu có người tin thì tự người tự sẽ tin. Còn các chúng sinh khác nên dùng nhiếp sự để nhiếp hóa cho họ giải thoát.

Lại nữa, này Ca-diếp! Nếu có sĩ phu lúc mới bị bệnh chẳng nên cho thuốc và các trị liệu khác. Vì sao? Vì chưa đến lúc. Cần phải đợi đúng lúc mới trị liệu được. Chẳng biết hai điều đó thì là lang băm. Vậy nên bệnh thành thục mới trị liệu được. Nếu chưa thành thục thì cần phải đợi đúng lúc. Cũng giống như vậy, chúng sinh hủy báng kinh này, khi lỗi lầm thành thục mới tự hối trách: "Ôi, khổ thay! Việc mà ta làm nay mới rõ biết." Đến lúc này nên dùng nhiếp sự mà nhiếp hóa họ.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như có sĩ phu đi qua một vùng hoang vắng rộng lớn, nghe bầy chim kêu vang thì sĩ phu kia sợ hãi tiếng chim này, cho là có cướp bóc bèn đi qua đường khác. Đường ấy dẫn ông vào trong đầm trống, đến chỗ cọp, sói bị cọp ăn thịt. Cũng giống như vậy, này Ca-diếp! Trong đời đương lai Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đối với tiếng hữu ngã, vô ngã, sợ tiếng hữu ngã mà vào "đại không đoạn

kiến", tu tập vô ngã. Đối với Như Lai tạng như thế là kinh điển sâu xa của chư Phật không sinh kính tín, ưa thích.

Lại nữa, này Ca-diếp! Những lời ông hỏi ta, vì A-nan giảng nói, hễ có "hữu" thì có khổ vui, không có "hữu" thì không có khổ vui. Bây giờ ông hãy lắng nghe.

Này Ca-diếp! Như Lai chẳng phải hữu, chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng hoại diệt.

Ca-diếp bạch Phật:

–Sao gọi là Thế Tôn?

Phật bảo Ca-diếp:

–Như dưới núi Tuyết có phát ra ánh sáng thanh tịnh, tánh quý báu của ngọc Ma-ni. Có người khéo biết tướng quý báu của ngọc Ma-ni thì thấy tướng là biết ngay, liền lấy mang đi. Như cách luyện vàng, loại bỏ cặn dơ, bỏ chất bẩn được trong sạch, hễ để ở bất cứ chỗ nào, gốc bẩn cũng chẳng nhiễm ô. Vì sao? Ví như sĩ phu cầm đèn mà đi, hễ đến chỗ nào, thì bóng tối đều xua tan, ánh đèn sáng tỏ. Ngọc báu Ma-ni kia cũng giống như vậy. Như luyện vàng ròng thì chất nhơ bẩn chẳng làm nhiễm ô được, trăng sao chiếu soi thì mưa nước sạch. Ánh sáng mặt trời chiếu soi liền sinh ra lửa.

Cũng giống như vậy, này Ca-diếp! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, lìa hẳn tất cả sinh, già, bệnh, chết, phiền não tạp cấu, tất cả đều tiêu diệt, thường chiếu sáng rực rỡ như hạt châu sáng kia. Tất cả chẳng nhiễm ô như hoa sen trong sạch chẳng dính nước.

Lại nữa, này Ca-diếp! Thời của Như Lai như vậy, như vậy. Loại hình của Như Lai như vậy, như vậy. Như Lai sẽ xuất hiện ở thế gian, hễ Ngài ứng hiện nơi nào thì thị hiện phàm thân, chẳng bị các thứ phàm phẩm thế gian của nơi sống kia làm nhiễm ô cấu bẩn, cũng lại chẳng thọ khổ vui của thế gian. Vui ấy là công đức năm thứ dục lạc của người, trời, đó chính là khổ. Chỉ có giải thoát mới là rốt ráo thường vui.

Ca-diếp bạch Phật:

–Lành thay, lành thay! Bạch Thế Tôn! Con tự suy nghĩ, nay mới xuất gia, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thành A-la-hán. Đối với Đức Như Lai con biết ân và báo đền ân đức, vì ngày trước Như Lai đã chia cho con nửa chỗ ngồi, hôm nay lại còn ở trước bốn đại chúng, rót nước pháp Đại thừa vào đỉnh đầu của con.

Lúc bấy giờ, trong chúng có người giữ sắc tượng nghi thức của Tỳ-kheo, hoặc có người giữ sắc tượng nghi thức của Ưu-bà-tắc, hoặc có người giữ sắc tượng nghi thức chẳng phải Ưu-bà-tắc đổ nghiêng, cúi ngửa, tất cả đều là việc làm của ma.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nay đại chúng này đã dứt bỏ phiền não, vững chắc chân thật, như một rừng Chiên-đàn ở trong chúng như thế người kia an trụ ra sao?

Đức Phật bảo A-nan hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp. A-nan thưa:

–Lành thay, vâng con sẽ hỏi!

Rồi liền hỏi Tôn giả Ca-diếp:

–Ở trong chúng đây, người kia an trụ ra sao?

Ca-diếp đáp:

–Những người ngu si kia là quyến thuộc của ma, đã cùng với ma đến đây. Cho nên này A-nan! Trước đây tôi đã nói rằng không có khả năng sau khi Như Lai diệt độ, dùng phương tiện khéo léo để giữ gìn chánh pháp, như khéo giữ ruộng vườn, cho nên trước tôi đã nói rằng thà gánh vác quả đất... nói rộng như trên.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo tôi là sau khi Ngài diệt độ tôi phải chịu đựng giữ gìn chánh pháp cho đến khi chánh pháp diệt tận. Bấy giờ, tôi bạch Phật rằng mình có khả năng đảm nhận giữ gìn chánh pháp trong bốn mươi năm thì Đức Phật trách là sao tôi lười biếng không thể giữ gìn chánh pháp cho đến khi chánh pháp diệt tận.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đi tìm ma, nếu tìm được thì có khả năng giữ gìn chánh pháp.

Ca-diếp liền dùng mắt trời quan sát mà chẳng thấy. Đức Phật bảo:

–Như ở nước Xá-vệ có một dã nhân, con nó lạc mất trong đám đông người, tìm con chẳng được, nó mệt mỏi quay về. Này Ca-diếp! Dùng mắt trời, ở trong đại chúng tìm ma chẳng được cũng giống như vậy.

Ngài Ca-diếp liền bạch Phật:

–Con chẳng đủ sức tìm ác ma. Cũng như vậy, tám mươi vị đại Thanh văn đều nói rằng không có khả năng.

Đức Phật lại bảo năm trăm vị Bồ-tát như Tôn giả Hiền Hộ… trừ một

vị Bồ-tát tên là Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến, tìm kiếm ác ma cũng chẳng tìm được.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Ca-diếp:

–Ông không có khả năng khi chánh pháp sắp diệt tận giữ gìn chánh pháp trong hơn tám mươi năm. Các Bồ-tát ở phương Nam sẽ giữ gìn được, ông phải ở trong chúng năm trăm vị Bồ-tát như Hiền Hộ… làm người đi tìm cuối cùng.

Ca-diếp đáp:

–Lành thay, con sẽ tìm!

Rồi tìm được Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa chính là người ấy.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy đến khuyến khích nhờ đồng tử ấy tìm kiếm ác ma.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp liền cùng tám mươi các đại Thanh văn và năm trăm vị Bồ-tát như Hiền Hộ đều cùng khuyến khích Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa:

–Này đồng tử! Đức Thế Tôn nói rằng ông đủ sức tìm kiếm ác ma.

Lúc bấy giờ, đồng tử ở giữa đại chúng bạch Tôn giả Ca-diếp:

–Nay tôi có khả năng tìm kiếm ác ma. Nhưng có tám mươi vị Đại Thanh văn, năm trăm vị Đại Bồ-tát như Hiền Hộ… và Văn-thù-sư-lợi, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế dứt bỏ các đường ác, Bồ-tát Di-lặc,... vì sao chẳng tìm mà bảo tôi tìm vậy? Phải bảo các vị ấy tìm trước sau đó mới đến tôi.

Ca-diếp nói:

–Hàng phục ác ma không có phước sao?

Đồng tử đáp:

–Này Ca-diếp! Tôn giả biết có phước thì nên tự mình làm đi, tôi không thể làm được.

Lúc bấy giờ, Ca-diếp bạch việc này lên Đức Phật. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đồng tử này nói như thế nào?

Ca-diếp bạch Phật:

–Đồng tử nói rằng các vị Đại đức tìm trước, sau đó mới đến mình, mình là người tục, căn tánh lại thấp kém. Các vị Đại đức đó là tám mươi vị Thanh văn và năm trăm vị thượng thủ như ngài Hiền Hộ... Họ đều là bậc trên trước, sau đó mới đến mình.

Khi ấy, các vị Thanh văn và Hiền Hộ... tất cả đều tìm kiếm nhưng đều không thể tìm được như dã nhân kia tìm con chẳng được, đều nói rằng chẳng có khả năng, rồi họ đứng sang một bên. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Ca-diếp:

–Nay ông được nghe kinh Đại Pháp Cổ này, sau khi ta diệt độ trong vòng bốn mươi năm, ông phải khéo giữ gìn chánh pháp như hiện nay. Ông hãy đánh trống đại pháp, thổi loa đại pháp, thiết lập đại pháp hội, xây dựng ngọn cờ đại pháp, sau đó Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa, khi chánh pháp sắp diệt tận sẽ dùng năm điều ràng buộc trói ác ma kia và quyến thuộc của chúng trong hơn tám năm như trói con thỏ nhỏ, rồi sẽ giảng nói kinh Đại Pháp Cổ. Ông sẽ đánh trống đại pháp, thổi loa đại pháp, thiết lập đại pháp hội, xây dựng ngọn cờ đại pháp.

Ca-diếp bạch Phật:

–Vào lúc nào?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Vào lúc chánh pháp sắp diệt tận còn hơn tám mươi năm nữa.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn thấy ác ma.

Phật bảo đồng tử:

–Hãy mau chỉ ác ma cho đại chúng thấy.

Bấy giờ, đồng tử chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn rồi liền chỉ:

–Hãy xem ác ma này từ phương khác đến như các vị Bồ-tát mang dáng vẻ Tỳ-kheo, ngồi trong đại chúng, đại chúng đều thấy, hiện bị năm thứ trói buộc.

Ma nói với đồng tử:

–Ta đối với kinh này không còn làm trở ngại.

Ma nói như vậy ba lần.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo chúng Bồ-tát như Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa...

–Ma-ha Ca-diếp đã có khả năng giữ gìn Chánh pháp trong vòng bốn

mươi năm sau khi ta diệt độ. Các vị ai là người cuối cùng có khả năng giữ gìn Chánh pháp sau khi ta diệt độ.

Phật nói như vậy ba lần, không ai có khả năng.

Đức Phật bảo đại chúng:

–Các vị chớ khởi lên tư tưởng khinh mình yếu kém. Trong chúng này của ta có nhiều đệ tử có khả năng giữ gìn chánh pháp, giảng nói kinh này sau khi ta diệt độ. Trong năm trăm vị Bồ-tát, như Hiền Hộ… cuối cùng có một người, là Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa, sau khi ta diệt độ sẽ đánh trống đại pháp, thổi loa đại pháp, thiết lập đại pháp hội, xây dựng ngọn cờ đại pháp.

Lúc bấy giờ, đồng tử liền thả ác ma ra. Khi đó, các đại chúng nói với đồng tử:

–Ông đã được thọ ký.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Đại Ca-diếp:

–Nay Ca-diếp! Như người giữ ruộng, không phương tiện khéo léo, không có khả năng giữ gìn kinh này. Nay đồng tử này nghe kinh này rồi, có khả năng đọc tụng, hiện tiền giữ gìn, giảng nói cho người nghe, thường thị hiện làm thân phàm phu, trụ ở địa thứ bảy. Khi chánh pháp sắp diệt còn hơn tám mươi năm nữa, ở tại phương Nam, nước Văn-trà-la, thôn Đại-ba-lợi, bên bờ sông Thiện phương tiện, đồng tử sinh ra trong họ Ca-da-lê, sẽ làm Tỳ-kheo trì niệm danh hiệu ta. Như người canh giữ ruộng lúa có phương tiện khéo léo, đối với các thứ ngã mạn, trì trệ, biếng nhác lìa tục xuất gia, dùng bốn Nhiếp pháp mà nhiếp hóa chúng ấy. Được kinh sâu này đọc tụng thông suốt khiến cho Tăng chúng thanh tịnh, xả bỏ những vật vốn bất tịnh đã thọ trước đây. Giảng kinh Đại Pháp Cổ cho họ nghe, lần thứ hai giảng nói kinh Đại Thừa Không cho họ nghe, lần thứ ba giảng nói kinh Chúng Sinh Giới Như Lai Thường Trụ Đại Pháp Cổ cho họ nghe. Ông đánh trống đại pháp, thổi loa đại pháp, thiết lập đại pháp hội, xây dựng ngọn cờ đại pháp. Ông sẽ ở trước ta mặc giáp thệ nguyện rộng lớn, suốt trăm năm tuổi thọ thường rải mưa pháp, giảng nói kinh này. Sau trăm năm thì thị hiện năng lực thần thông rộng lớn mà vào Niết-bàn.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nói lời ký như vậy, những người đến đây hôm nay đều phải cung kính chiêm ngưỡng lễ bái. Đức Phật lại nói tiếp:

–Như vậy Như Lai thường trụ an lạc. Các nhân giả hãy quán sát chân

thật thường lạc như ta đã nói.

Lúc bấy giờ, trên không trung chư Phật mười phương đều hiện thân nói như vầy:

–Đúng vậy, đúng vậy, như lời Thế Tôn nói! Tất cả đều phải kính tin lời nói khéo léo ấy.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thành tựu bao nhiêu công đức mới thấy được Pháp thân Như Lai thường trụ bất hoại, khi sắp qua đời hiện năng lực thần thông rộng lớn?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu được tám công đức thì hiện tiền thấy được Pháp thân Như Lai thường trụ bất hoại. Tám công đức ấy:

1. Giảng nói kinh sâu này tâm không lười biếng.

2. Giảng nói thuyết "Tam thừa tam chủng" kia chẳng biết mỏi mệt.

3. Không bao giờ lìa bỏ người đáng hóa độ.

4. Nếu Tăng bị hủy hoại thì làm cho hòa hợp thành một vị.

5. Không bao giờ gần gũi Tỳ-kheo-ni, người nữ, huỳnh môn.

6. Không gần gũi quốc vương và người có thế lực lớn.

7. Thường ưa thích thiền định.

8. Suy nghĩ quan sát bất tịnh vô ngã.

Đó là thành tựu tám thứ công đức.

Lại có bốn việc, bốn việc ấy:

1. Có khả năng giữ gìn chánh pháp.

2. Thường tự vui mừng "Lành thay! Vui sướng với việc lành to lớn mà ta đã làm."

3. Tự quy y, nghĩ: "Ta được lợi ích tốt lành".

4. Đối với Như Lai thường trụ, quyết định không nghi ngờ, ngày đêm thường nhớ nghĩ công đức của Như Lai. Do cái nhân duyên này hiện tiền được thấy Pháp thân thường trụ, hiện năng lực thần thông rộng lớn sau đó mới mạng chung.

Này Ca-diếp! Các thiện nam, thiện nữ như thế tùy theo chỗ đã ở, thành ấp xóm làng, ta vì những người ấy thị hiện Pháp thân mà nói lời này: "Này thiện nam, thiện nữ! Như Lai thường trụ. Từ hôm nay các vị nên

thường thọ trì đọc tụng kinh này, giải thích cho người khác nghe."

Rồi Đức Phật nói:

–Phải biết Như Lai thường trụ an vui, chánh tâm hy vọng chớ làm những điều tà vạy, phải biết Thế Tôn thường trụ như thế, người có hy vọng thanh tịnh, ta sẽ hiện thân.

Này Đại Ca-diếp! Nên tin tưởng, nên quán xét. Nếu chẳng tu hành theo pháp như vậy thì do đâu mà thấy được ta? Làm sao có thể thị hiện được thần thông?

Như ta vì Thanh văn thừa mà nói nếu Tỳ-kheo xả bỏ được một pháp thì ta bảo nhận cho họ chứng được quả A-na-hàm. Cái gọi là công đức mà người ấy thực hành thành tựu cũng giống như vậy. Như ta trước có nói Tỳ-kheo giữ giới thì suốt đời được Thiên thần thường theo cúng dường, thờ phụng. Vậy nên các ông chớ tham lợi dưỡng, nên phải nhàm lìa trụ trong Thân niệm xứ.

Lại nữa, này Ca-diếp! Tỳ-kheo trì niệm danh hiệu ta thường khiến cho chúng Tăng thanh tịnh.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đây gọi là gì?

Phật bảo Ca-diếp:

–Khi thực hành nhiếp thủ thì đầy đủ những việc phạm giới, tham ô, như phương tiện khéo léo kia giữ gìn bốn Nhiếp pháp. Năm trăm Bồ-tát như Hiền Hộ... trước chẳng có khả năng, nay họ do dự nên không có khả năng. Sau khi ta diệt độ việc giữ gìn chánh pháp sau này cùng khi Tỳ-kheo trì niệm danh hiệu ta thực hành bốn Nhiếp pháp để nhiếp hóa các Tỳ-kheo buông lung, biếng nhác thì phải tu tập, gần gũi, cúng dường kinh này, giữ gìn những tin tức về phiền não, như cách nuôi trâu, khi biết có thể hàng phục, thì mới điều phục. Nếu nhiếp lấy điều phục mà chẳng sửa đổi thì phải bỏ đi, chớ để cho mũi tên độc gây thương tổn cho điều lành thanh tịnh. Tỳ-kheo thực hành bốn Nhiếp pháp kia lại nghĩ: "Chớ làm cho Tỳ-kheo tịnh hạnh nhân đó mà phạm giới. Bọn kia nói chẳng phải pháp, làm những việc ác thì chẳng nên cung kính cùng nhóm họp pháp hội làm các việc." Tăng như Bố-tát, Tự tứ, Yết-ma đều chẳng nên cùng làm. Như vị vua diệt kẻ địch kia cũng giống như vậy. Dùng phương tiện như thế để điều phục người ấy rồi thì trong trăm năm thường rưới mưa pháp. Đánh trống đại pháp, thổi loa đại pháp, thiết lập đại pháp

hội, xây dựng ngọn cờ đại pháp, thị hiện năng lực thần thông rộng lớn, mạng chung Niết-bàn. Đã qua một ngàn Đức Phật, sáu mươi hai kiếp, trải qua trăm ngàn Duyên giác và sau khi tám Đức Như Lai nhập Niết-bàn mới thành Phật đạo, danh hiệu Trí Tích Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Khi ấy, vị Tỳ-kheo trì niệm danh hiệu ta là Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Ly-xa, sẽ ở cõi này thành Đẳng chánh giác.

Này Ca-diếp phải biết! Đạo Vô thượng Bồ-đề thật là khó được. Này Ca-diếp! Đã là người phàm có thể được chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, không được vậy!

Phật bảo Ca-diếp:

–Một cõi Phật có một Đức Phật làm việc Phật. Cõi Phật thứ hai, thứ ba cũng giống như vậy. Như trong một hạt cải có nhiều thế giới, tới lui qua lại mà không tự biết. Ai giữ đi lại? Ai an ta đây? Tùy chỗ nên biết, tùy thuận mà làm. Như vậy hoặc có người biết ta, hoặc có người chẳng biết ta; thế giới này trong núi Kỳ-xà-quật có Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tức là trong đó có Phật A-dật-đa. Ở thế giới này hoặc thấy kiếp thiêu hoặc thấy nói pháp. Điều đặc biệt lạ lùng như vậy rất là ít có.

Lại có những điều tối thượng đặc biệt gì? Gọi là Đồng tử Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến chẳng sinh ra ở nhà phàm tục vì người sinh ra vị ấy đều là Bồ-tát.

Này Ca-diếp phải biết! Người cúng dường, cung cấp kia thảy đều vui mừng, bà con thương yêu nhớ nghĩ, đều nói: "Trong dòng họ ta sinh ra được người như vậy. Tất cả những người này đều chịu sự sai khiến của ta."

Này Ca-diếp nên biết! Vị Đại Bồ-tát kia nếu bốn chúng khác làm quyến thuộc, đều nghe nói kinh Đại Pháp Cổ này thì tất cả đều được đạo Vô thượng Bồ-đề.

Này Ca-diếp! Thuở xưa, cách nay rất lâu xa, tại thành Tỳ-xá-ly ta làm vua Chuyển luân tên là Nan-đề-tư-na. Lúc bấy giờ, thành Tỳ-xá-ly như tứ thiên hạ cõi Diêm-phù-đề, như thế giới Nhẫn. Các thiên hạ khác cũng giống như vậy. Cứ như vậy tam thiên đại thiên thế giới, tuổi thọ của ta khi ấy dài lâu không thể suy nghĩ bàn luận. Ta làm vua Chuyển luân thánh vương như vậy, thực hành a-tăng-kỳ việc bố thí thù thắng và các công đức, giữ giới thanh tịnh, tu các hạnh lành, tập hợp vô lượng phước đức như vậy. Nếu có

thiện nam, thiện nữ nghe giảng nói kinh Nhất Thừa Đại Pháp Cổ bèn cười đùa mà đến, nghe, dù cho chỉ một niệm thôi thì cũng được công đức hơn cả phước nghiệp của ta trước kia, không thể, ghi chép, đo lường, thí dụ, tính kể. Như có vua thần chú tên là Diễm Chiêu, tụng chú này một biến được che chở giữ gìn bốn tháng.

Này Ca-diếp phải biết! Thế lực phàm chú của thế gian mà còn như vậy huống chi một lần đọc kinh Đại Pháp Cổ mà năng lực không thể che chở trọn đời hay sao. Vậy nên có người cúng dường kinh này thì các chúng sinh này vì đạo Vô thượng Bồ-đề đã tạo cái nhân quyết định, cho đến Bồ-đề rốt ráo chẳng lìa kinh này.

Khi ấy, các đại chúng đồng thanh nói:

–Lành thay, lành thay, rất kỳ lạ, bạch Thế Tôn! Nay Đồng tử này sẽ là Tỳ-kheo trì niệm danh hiệu Phật. Nếu ông nhập Niết-bàn thì thần cây cỏ rừng Kỳ hoàn không chỗ nương cậy. Vì sao? Vì ông ấy từ phương Nam đến chỗ Đức Phật mà vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo đại chúng:

–Ông ấy cũng chẳng đến đây, ta tự đến chỗ ông ấy. Thị hiện thân kia, trước để lại kinh này, sau đó mới đến. Vì sao? Vì nếu kinh này chẳng đến trong tay ông ấy thì ông ấy sẽ sinh tâm thoái chuyển. Nếu chỗ ấy có chúng sinh nên điều phục thì ta cùng đại chúng đến trụ trước vị ấy, vị ấy thấy ta rồi sẽ trở về, đến đón rước vị ấy rồi bèn vào Niết-bàn. Tùy theo chỗ mong muốn hóa độ chúng sinh mà vào Niết-bàn.

Lúc bấy giờ, con trai trời Đế Thích tên là A-tỳ-mạn-nhu sẽ nương thần thông mà đến cõi này. Người kia tuy trẻ thơ nhưng chân tâm thanh tịnh kính tin ưa thích Đại thừa. Chỉ riêng một người không có ai bằng, ở trong các trời, người thọ trì kinh điển Đại thừa sâu xa này. Cho nên người ấy giảng nói cái nhân giải thoát, được Đức Phật thọ ký. Khi ấy, đại chúng đồng thanh nói kệ:

Lạ thay Nhất thiết
Thế gian nhạo kiến
Hiện dáng Tỳ-kheo
Đánh trống đại pháp
Giữ gìn Phật pháp
Khiến ở đời lâu
Sau khi Niết-bàn

Thế gian trống rỗng
Vị ấy diệt độ
Không ai sánh bằng
Tỳ-kheo như vậy
Thế gian ít khó
Vì người thế gian
Nói đạo rốt ráo.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-nan, Bồ-tát Hiền Hộ... vô lượng đại chúng nghe lời Phật nói, vui mừng thực hành.

-oOo-

SỐ 271

KINH BỒ-TÁT HÀNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la, người xứ Thiên Trúc.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ngự trong vườn vua Chiên-đà-bát-thọ-đề, thuộc nước Ưu-thiền-diên. Trong vườn này được trang nghiêm bằng nhiều cây Ta-la, cây Đa-la, cây Ca-ni-ca-la, cây Ni-câu-la, cây Bác-xoa, cây Ưu-đàm-bát-la. Lại có hoa Bà-sư, hoa Đà-nhị-ca, hoa Chiêm-bà, cây A-phúc-ca, cây Ba-sất-la… Lại trang nghiêm bằng suối, giếng, ao hồ, sông nước trong veo chảy quanh. Lại có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng khắp trên mặt nước. Chim ngỗng, chim nhạn, chim uyên ương, chim Câu-na-la, chim Bát-tra-quân-đà, chim anh vũ, chim khách... đủ các loài chim, hót lên đủ thứ âm thanh. Có nhiều ong đen kêu lên những âm thanh hay lạ. Có nhiều cỏ êm ái mềm mại mọc khắp trong rừng rộng.

Đức Phật ngự ở đây với mười hai ức vị đại Tỳ-kheo, như Đại đức Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, A-ni-kiền-đà, Tu-bồ-đề, Đại Ca-chiên-diên, Ma-ha Kiếp-tân-na, Ly-bà-đa, Ba-tân-na, Nan-đề-xí-na-na-đề Ca-diếp, Dà-da Ca-diếp, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Kiều-phạm-ba-đề, Na-đà-xí-na, Châu lợi bàn đặc, Thát-bà-ma-la-tử, Khư-đà-bà-lâm, Nan-đà, Ma-ha Câu-hy-la, La-hầu-la, Đại đức A-nan... đều là bậc Thượng thủ. Mười hai ức vị Tỳ-kheo tất cả đã nhập "Nhất pháp giới xứ hành", tiến nhập tất cả các pháp như tánh hành, hư không hành. Họ không y chỉ xứ, không y chỉ hành, lìa tất cả kết phược chướng ngại che lấp, đã sinh khởi nhập vào Như Lai độ, không có pháp giới gần một pháp giới, hướng về đạo Nhất thiết trí không bỏ phế. Đối với Nhất thiết trí tâm không thoái chuyển, trí tuệ phân biệt rõ ràng, được đến bờ bên kia, tinh tấn tu hành cảnh giới phương tiện.

Tại đây có cả Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Da-du-đà-la... cùng tám ức Tỳ-kheo-ni, tất cả đều thành tựu pháp Bạch tịnh, đều có các hạnh lành, tất cả trí đạo gần Nhất thiết trí. Thiện hạnh tiến lên nhập vào pháp tánh vô hữu, quán tất cả pháp không có tánh tướng, tự giải các pháp thật tế không bờ mé, được trí tuệ vô ngại giải thoát, tùy theo chúng sinh mà có phương cách điều phục, khéo léo thị hiện.

Tại nơi đây lại có bảy mươi hai ức chúng Đại Bồ-tát, các vị đó là: Bồ-tát Đại Lực, Bồ-tát Đại Lực Trì, Bồ-tát Đại Biến Hóa, Bồ-tát Đại Biến Hóa Vương, Bồ-tát Đại Tinh Tấn Thú, Bồ-tát Đại Tinh Tấn Kiện, Bồ-tát Đại Hống, Bồ-tát Đại Hống Ý, Bồ-tát Đại Chúng Chủ, Bồ-tát Đại Hương Thượng, Bồ-tát Đại Nguyệt, Bồ-tát Thiện Nguyệt, Bồ-tát Công Đức Nguyệt, Bồ-tát Bảo Nguyệt, Bồ-tát Phổ Chiếu Nguyệt, Bồ-tát Pháp Vô Cấu Nguyệt, Bồ-tát Nguyệt Chiếu, Bồ-tát Diệu Danh Nguyệt, Bồ-tát Phóng Quang Nguyệt, Bồ-tát Mãn Nguyệt, Bồ-tát Phạm Âm, Bồ-tát Phạm Vương Lôi Âm, Bồ-tát Địa Âm, Bồ-tát Pháp Giới Âm Thanh, Bồ-tát Hành Nhất Thiết Ma Trường Âm, Bồ-tát Diệu Âm Thanh, Bồ-tát Phổ Cáo Âm, Bồ-tát Vô Vọng Tưởng Phân Biệt Âm, Bồ-tát Địa Luân Âm, Bồ-tát Nhất Thiết Vô Chướng Âm, Bồ-tát Phổ Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Phổ Tạng, Bồ-tát Đức Tạng, Bồ-tát Chiếu Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Xí Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Liên Hoa Đức Tạng, Bồ-tát Đại Ý, Bồ-tát Ích Ý, Bồ-tát Diệu Ý, Bồ-tát Hảo Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Vô Biên Ý, Bồ-tát Quảng Ý, Bồ-tát Giác Ý, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Tu-di Đăng, Bồ-tát Đại Đăng, Bồ-tát Pháp Cự Đăng, Bồ-tát Chiếu Nhất Thiết Phương Đăng, Bồ-tát Phổ Đăng, Bồ-tát Diệt Nhất Thiết Âm Đăng, Bồ-tát Chiếu Nhất Thiết Đạo Đăng, Bồ-tát Nhất Chiếu Minh Đăng, Bồ-tát Nguyệt Đăng, Bồ-tát Nhật Đăng, Bồ-tát Ly Nhất Thiết Ác Đạo, Bồ-tát Ma Bất Hàng Phục, Bồ-tát Đại Ma Bất Hàng Phục, Bồ-tát Oai Đức, Bồ-tát Vô Hàng Phục, Bồ-tát Vô Năng Trắc, Bồ-tát Oai Đức Giác Càn Ác, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Bồ-tát ma-ha-tát... gồm bảy mươi hai ức vị. Họ đều trong một đời chứng được Đà-la-ni, được các Tam-muội, được Vô biên nhạo thuyết, được Vô ngại, Vô sở úy, được thần thông đến bờ bên kia, có khả năng đi qua vô biên cõi Phật, dạo chơi với thần thông, thân tâm giải thoát. Thành tựu các tri kiến ngại vô ngại. Thế giới không có Phật thì thị hiện

Phật ra đời, khéo quay bánh xe pháp, không có lầm lẫn, tùy theo cái tất cả chúng sinh hiểu mà nói pháp, nói pháp vô tác cho họ nghe. Ở trong pháp tánh không có phát động, cũng không phải không phát động, tâm các vị ấy nhập độ đến bờ bên kia, giảng nói pháp không. Rống lên tiếng rống của sư tử, hàng phục phá tan tất cả ngoại đạo, hàng phục kẻ thù được thần thông mà Bồ-tát thực hành, dứt bỏ sân, ái, tâm kia bình đẳng, như đất, nước, lửa, gió. Vào chỗ bí mật của tất cả Như Lai, vì tất cả chúng sinh mà làm các Phật sự, thường được các Đức Phật khen ngợi, thọ trì tất cả kiếp đời vị lai, thọ trì tất cả pháp tánh của Như Lai, mưa xuống Pháp bảo. Khen ngợi tất cả công đức, không thể cùng tận, làm chủ thế giới, bản nguyện thành tựu, thực hành hạnh giải thoát của Như Lai. Trước đã khéo tu, thực hành Đại thừa, mắt tin thanh tịnh không có cấu bẩn, thường tinh tấn cúng dường, thờ phụng các Đức Phật Như Lai. Trang nghiêm bằng điều lành, trang nghiêm bằng sự không lui sụt hướng về đại Bi. Tánh chất giải thoát trong tâm các vị ấy không thể tỷ dụ, dứt bỏ tâm nghi ngờ Đức Phật, tâm do dự mê lầm, được chư Phật quá khứ che chở, giữ gìn.

Ở nơi vườn này lại có vô lượng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-tư, uy đức không thể ví dụ trong tam thiên đại thiên thế giới này, các Trời và chúa Trời, các Rồng và Rồng đầu đàn, Dạ-xoa và chúa Dạ-xoa, Càn-thát-bà và chúa Càn-thát-bà, A-tu-la và chúa A-tu-la, Ca-lâu-la và chúa Ca-lâu-la, Ma-hầu-la và chúa Ma-hầu-la, Khẩn-na-la và chúa Khẩn-na-la, Nhân phi nhân, và chúa Nhân phi nhân... tất cả cùng trăm ngàn đại quyến thuộc đều đến ngồi trong hội này.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh. Thế Tôn ngồi trên tòa Đức tạng sư tử, ánh sáng trên thân Thế Tôn che lấp ánh sáng trên thân các đại chúng.

Giống như ánh sáng núi Tu-di hiển hiện giữa biển lớn che lấp ánh sáng các núi. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử ánh sáng che lấp phủ tất cả trời, người như ánh trăng rằm tròn đầy chiếu sáng thanh tịnh che kín các vì sao. Cũng vậy, ánh sáng của Đức Thế Tôn che kín tất cả người, trời, chiếu sáng thanh tịnh.

Giống như hư không trong sáng tịnh khiết không có mây che, mặt trời chiếu ánh sáng che lấp ánh sáng của núi, lửa đom đóm mờ đi trong sự soi sáng thanh tịnh. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử, hàng phục

che kín các trời, người đời rất là sáng chói còn che kín ánh sáng của Đế Thích, Phạm Thiên vương, Tứ Thiên vương Hộ thế...

Giống như trong đêm tối, lửa cháy rực rỡ trên đỉnh núi cao, chiếu sáng thanh tịnh. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử hàng phục che kín các trời, người đời bằng thứ ánh sáng rất sáng thanh tịnh, vô cấu.

Như sư tử đứng đầu các loài thú hàng phục tất cả các loài cầm thú nhỏ. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử hàng phục che kín tất cả trời, người.

Như ngọc báu như ý tỳ-lưu-ly tám cạnh không cấu bẩn phát ra ánh sáng thanh tịnh. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử trang nghiêm khác thường chiếu sáng mười phương, như vua Chuyển luân hàng phục tất cả chúng sinh trong bốn cõi. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử hàng phục che kín các trời, người đời.

Như Thích Đề-hoàn Nhân đeo chuỗi ngọc báu Thích-ca Tỳ-lăng-già, ở trong Thiện pháp đường hàng phục, che kín các trời bằng ánh sáng. Cũng vậy, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử hàng phục che kín các trời, người đời bằng ánh sáng thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đã biết tâm đại chúng, thấy oai đức rạng rỡ của Đức Như Lai, bèn nghĩ: "Đây là điềm ánh sáng gì? Nay Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử rất sáng chói thanh tịnh khác thường, đại chúng rất nhiều, nay ta phải hỏi Như Lai ý nghĩa việc này."

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, sửa y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng bài kệ khen ngợi:

Đấng Thập Lực soi sáng
Hàng phục trời, người đời,
Ba cõi không ai bằng
Chúng sinh không qua được
Như trên núi Tu-di
Các phương đều chiếu sáng
Hàng phục che các núi
Mạnh mẽ soi các núi
Phật trì đức cũng vậy
Núi trí vượt thế gian
Hàng phục che các chúng
Thường thanh tịnh chiếu sáng

Như trăng trên hư không
Tháng ngày công đức soi
Viên mãn rất tròn đủ
Hàng phục che các sao
Đấng Thập Lực cũng vậy
Sao đệ tử vây quanh
Phát ánh sáng bạch tịnh
Chiếu sáng cả trời, người
Như cung điện mặt trời
Soi sáng hàng phục hết
Đấng Nhân Tôn cũng vậy
Hàng phục trời, người đời
Giống như lửa đỉnh núi
Đêm tối chiếu các phương
Ánh sáng trí cũng vậy
Điều ngự phát ánh sáng
Như sư tử vua thú
Bày uy đức hàng thú
Chúng ngoại đạo cũng vậy
Bày chiếu sáng hàng phục
Vua Chuyển luân, chúa người
Uy đức hàng phục đời
Đấng Điều Ngự cũng vậy
Hàng phục chiếu sáng đời
Vua trời Tam thập tam
Hàng phục hơn các trời
Đấng Vô Đẳng cũng vậy
Hàng phục soi các chúng.

Lúc bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi dùng kệ khen ngợi xong, chắp tay bạch Phật:

–Giờ đây cúi xin Thế Tôn, vì đại chúng này giảng nói kinh Bồ-tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa. Nếu chúng sinh nghe rồi hướng thượng tu hành thì sẽ phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, còn họ hướng xuống tu hành thì được dừng lại ở bậc Thắng tấn, rồi phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tăng thêm lợi ích cho cảnh giới Vô thượng Bồ-đề. Chúng sinh lười biếng phát sinh dục lạc dữ dội. Chúng sinh thoái chuyển đạo pháp thì an trụ trong đạo Bồ-đề. Các chúng sinh hướng về đạo Bồ-đề...

thì đầy đủ trí độ trang nghiêm của Như Lai.

Văn-thù-sư-lợi thỉnh như vậy rồi, Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Lời của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nói rất khó hiểu, phải có duyên gì để nói? Duyên gì để tinh tấn nhập? Đây là vấn đề khó biết, khó hay, khó có thể đo lường, khó dạy, khó độ. Các trời, người đời, những kẻ phá hoại oai nghi, và những người phá giới không thể rõ biết, chúng sinh thấp kém không thể hiểu, các kẻ tâm tánh bại hoại không thể kính tin. Kẻ bị bạn xấu lôi cuốn thì không thể vào. Kẻ rời khỏi bạn tốt thì chẳng thể biết. Kẻ chẳng được chư Phật che chở thì chẳng thể nghe nhận, huống là hiểu rõ ý thú, không bao giờ có việc ấy, chỉ trừ người đã được chư Phật che chở.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Văn-thù nghe ta nói
Sự nghĩa ngươi đã hỏi
Người kém không thể làm
Không biết pháp tánh này.
Điều Phật trước chẳng làm
Đấng Điều Ngự chẳng hộ
Nếu người nghe pháp này
Không có tâm cung kính,
Bị bạn xấu lôi cuốn
Người xa lìa bạn tốt
Nếu nghe pháp như thế
Mau rớt xuống núi lớn,
Hẹp hòi không tiến hành
Không có tâm thẳng diệu
Người kém không tín hiểu
Bọn ấy nghe chẳng mừng,
Phật thương họ chẳng nói
Chớ nhiễu chúng sinh kia
Vì chẳng tin pháp này
Đêm dài không ích lợi.

Lúc bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng nhóm họp nơi đây đều thanh tịnh, trước có hạnh lành thường, cúng dường, giúp việc cho các Đức Phật đời quá khứ, được bạn lành che chở, khéo giữ căn lành tịnh tín, cung kính giáo pháp giải thoát, xuất thế, khéo biết tâm thanh tịnh, rốt ráo, khéo hiểu những lời dạy

tốt lành; các chúng đều nhóm họp ở đây, có khả năng hiểu biết được pháp này.

Lành thay, bạch Đức Thế Tôn! Giờ đây xin Thế Tôn giảng nói để che chở làm lợi ích cho các chúng sinh!

Rồi Văn-thù nói lại bằng bài kệ rằng:

Nhiều chúng sinh đây cầu pháp lợi
Khéo hiểu biết rõ pháp tánh này
Điều chư Phật quá khứ tu hành
Cho nên Đấng Điều Ngự nói pháp,
Thảy đều cung kính chắp tay đứng
Chiêm ngưỡng ngắm nhìn Điều Ngự Sư
Điều Ngự vì thế sinh thương xót
Nguyện xin Đại Giác nói pháp mầu,
Nay con đều thỉnh với vua pháp
Nguyện xin giảng nói pháp thắng diệu
Vì lợi ích che chở Bồ-tát
Nguyện Nhân Tôn mở kho Pháp tạng.

Văn-thù-sư-lợi thỉnh như vậy rồi, Đức Phật liền khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ý nghĩa như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông đều biết tất cả pháp hạnh. Đối với các pháp không có nghi ngờ, ông khéo biết phương tiện trí tuệ. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông có nhiều công hạnh làm lợi ích cho các chúng sinh. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông làm vầng ánh sáng lớn cho các Bồ-tát ở đời vị lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bây giờ ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ giảng nói kinh Bồ-tát Sở Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa.

Văn-thù-sư-lợi và các vị Bồ-tát bạch:

–Xin vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ dốc lòng lắng nghe!

Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu có người đầy đủ mười hai pháp công đức thì thiện nam, thiện nữ này sẽ phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, mười hai pháp gồm:

1. Có tánh khéo hiểu lìa hạnh hạ giải.

2. Có tánh hành Từ bi phát sinh bạch tịnh.

3. Có tâm chuyên tu hành thọ trì vững vàng, pháp vô vi.

4. Có thiện trang nghiêm tu tập hạnh lành lâu đời.

5. Có tâm lành cung kính cúng dường các Đức Phật, nhóm họp các pháp bạch tịnh.

6. Có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp không tạo tác, dứt bỏ tất cả điều ác.

7. Xa lìa bạn xấu, gần gũi bạn lành.

8. Lời nói đi đôi với việc làm, không có nịnh hót, lừa dối.

9. Khéo hiểu biết các pháp, chẳng tham đắm mùi vị, ăn uống tiết chế.

10. Được Như Lai che chở không bị ma lôi cuốn.

11. Thường đối với tất cả chúng sinh sinh tâm Từ bi, cũng không buông bỏ tất cả chúng sinh, tâm cũng chẳng tham.

12. Có năng lực nhân duyên công đức trang nghiêm.

Này thiện nam! Đó là đầy đủ mười hai pháp công đức. Thiện nam, thiện nữ phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, tâm lợi ích này có công năng đem đến sự an vui cho tất cả chúng sinh, tâm thương xót không làm các việc ác. Tâm đại Bi có khả năng gánh vác các chúng sinh. Tâm đại Từ tiêu diệt tất cả các đường ác. Tâm bạch tịnh chẳng cầu các thừa khác. Tâm không ái nhiễm lìa tất cả kết sử vẩn đục. Tâm thanh tịnh này tánh chất nó thanh tịnh. Tâm như huyễn thì không có vật. Tâm vô sở hữu thì lìa bỏ sở hữu. Tâm vững chắc thì không lay động. Tâm không thoái chuyển thì đạt được các pháp. Tâm độ tất cả chúng sinh thì thực hành như lời nói.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu có Phật tử khéo tu hành
Pháp mầu thanh tịnh đầy trong tâm
Tất cả chúng sinh tâm Từ bi
Tâm mềm mỏng vì đạo Bồ-đề
Vốn trước tiên xa lìa bạn xấu
Gần gũi Bồ-đề và bạn lành
Thề nguyện tinh tấn quả Bồ-đề
Sinh tâm Bồ-đề luôn hiểu biết
Thường chẳng sinh tâm mệt mỏi chán
Điều tu hành đúng như bản tế

Giống như kim cang không thoái tâm
Như vậy cùng sinh tâm Bồ-đề
Có Từ bi tâm với chúng sinh
Đặt các chúng sinh vào chỗ vui
Xa lìa tất cả các điều ác
Hãy cùng chóng phát tâm Bồ-đề
Người tuệ chẳng cầu các thừa khác
Suy nghĩ Bồ-đề công đức mầu
Tịnh tâm không bẩn, cũng không ái
Như thế đều muốn tâm Bồ-đề
Lìa vật, phi vật không có ái
Tánh nó giống như lằn chớp huyễn
Lìa tất cả vật không có tướng
Phật nói tâm Bồ-đề cũng vậy
Lìa tất cả sử, mọi điều ác
Không nhơ sáng rõ như hư không
Tất cả văn tự không thấy được
Đây nói tâm Bồ-đề thanh tịnh.
Là gốc Bồ-đề, hạnh thắng diệu
Cũng là các biện Đà-la-ni
Cũng là các căn cùng vẻ đẹp
Đây là đầy đủ công Đức Phật.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Bồ-tát an trụ thấy mười hai công đức như thế phải tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

Mười hai công đức gồm:

1. Thấy đạo Bồ-đề an hòa thích hợp thì tinh tấn tu hành pháp.

2. Thấy được sự giàu sang thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

3. Thấy sinh trong dòng họ đáng yêu thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

4. Thấy lìa được sự bẩn của bỏn xẻn thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

5. Thấy tâm bố thí đầy đủ thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

6. Thấy đóng bít cửa quỷ đói thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

7. Thấy của cải chung nhiều muốn cầu bền chắc thì phải tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

8. Thấy các thứ cần dùng đầy đủ, tự tại thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

9. Thấy tu tập thực hành xả bỏ tất cả thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

10. Thấy lìa tham tiếc, xả bỏ tất cả vật thì tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

11. Thấy ta sẽ đầy đủ Đàn-ba-la-mật thì phải tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

12. Thấy nên cẩn thận thực hành lời dạy bảo của Đức Như Lai thì phải tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

Tất cả sự bố thí đều hồi hướng về đạo A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thấy mười hai công đức như thế mà tinh tấn tu hành pháp Đàn ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng:

Thí cầu trí Nhất thiết vô đẳng
Tay, chân, hai mắt, đầu, xương, tủy
Chẳng tiếc trong ngoài, bỏ tất cả
Sau không tham, tiếc, thêm công đức
Sẽ thành giàu đẹp, sinh nhà tốt
Hàng phục tham cấu, Bồ-đề tăng
Sau thêm Bồ-đề, bỏ nhơ tham
Được tự tại, đầy đủ đàn độ
Tất cả các Phật đều khen thí
Tuệ kiến là các công đức lợi
Ta sẽ tu hành, bỏ tất cả.

Lại nữa, này các thiện nam! Nếu Bồ-tát thấy mười hai việc công đức như vầy thì phải siêng năng tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

Mười hai công đức gồm có:

1. Vì thấy mình phải giữ gìn giới pháp đầy đủ nên tinh tấn tu hành

Thi ba-la-mật.

2. Vì thấy mình phải hướng về đạo Bồ-tát nên tinh tấn tu hành Thi ba-la-mật.

3. Vì thấy mình phải cởi mở sự ràng buộc của kết sử nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

4. Vì thấy mình phải ra khỏi tất cả đường ác nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

5. Vì thấy mình phải diệt trừ tất cả đường ác nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

6. Vì thấy mình phải thành tựu việc thân, miệng, ý không tạo nghiệp nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

7. Vì thấy mình phải làm cho người có trí tuệ chẳng quở trách nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

8. Vì thấy mình phải tu tập chẳng để buông lung nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

9. Vì thấy mình phải bố thí cho tất cả chúng sinh sự không sợ hãi nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

10. Vì thấy mình phải ngăn ngừa lỗi của thân, miệng, ý thì phải tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

11. Vì thấy mình phải đối với các pháp được tự tại nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

12. Vì thấy mình phải tu học giới luật của Đức Như Lai Vô thượng nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật.

Này người thiện nam! Đó là Bồ-tát thấy mười hai việc công đức nên tinh tấn tu hành pháp Thi ba-la-mật. Công đức tu hành giới này hồi hướng về Nhất thiết trí.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Ta sẽ được cởi mở kết sử
Ta phải đóng bít cửa đường ác
Ta phải nghĩ đến việc tốt đẹp
Như trâu giữ đuôi, ta giữ giới.
Ta phải an trụ như Phật dạy
Ta phải được người trí khen ngợi
Ta phải giữ gìn, thường không lìa

Ta phải an trụ giới công đức.
Thân, miệng ta phải được vô tác
Ta sẽ hành pháp ý vô tác
Ta phải khéo giữ thân, miệng, ý
Ta phải không đi trong đường ác,
Nếu không buông lung được Phật khen
Tất cả các gốc nghiệp lành này
Ta phải thường an trụ trong đó
Dứt bỏ tất cả các buông lung.
Ta phải hành Thi ba-la-mật
Ta phải đầy đủ các Phật pháp
Ta phải thanh tịnh giới Như Lai
Tất cả giới này đều vô thượng,
Không hy vọng cầu công đức này
Nếu như Bồ-tát cầu thắng đạo
Giữ giới như trâu yêu đuôi nó
Phải được tất cả công đức lợi.

Lại nữa, các thiện nam! Bồ-tát nhớ nghĩ mười hai hạnh này, tu hành nhẫn.

Mười hai hạnh gồm có:

1. Tất cả "hành không" nên tu hành nhẫn.

2. Không được chấp ngã nên tu hành nhẫn.

3. Chẳng được chúng sinh nên tu hành nhẫn.

4. Chẳng thiên vị ta, người nên tu hành nhẫn.

5. Rốt ráo không giận tức nên tu hành nhẫn.

6. Vì bị kết sử che lấp nên tu hành nhẫn, dứt hẳn tham, sân nên tu hành nhẫn.

7. Vì thành tựu tướng tốt nên tu hành nhẫn.

8. Muốn sinh cõi Phạm nên tu hành nhẫn.

9. Lìa sự áp bức của kẻ khác nên tu hành nhẫn.

10. Vì muốn được trí vô tận, trí vô sinh nên tu hành nhẫn.

11. Vì muốn hàng phục các ma nên tu hành nhẫn.

12. Vì muốn thấy biết thân Như Lai vô biên nên tu hành nhẫn. Hồi

hướng công đức nhẫn nhục này về trí Nhất thiết.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát thấy mười hai hạnh tu nên hành nhẫn nhục.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng:

Pháp này không, vô hữu
Cầu không được chúng sinh
Biết rõ ràng pháp này
An trụ công đức nhẫn
Xa lìa cả hai bên
Ta, người không có giận
Người trí tu sức nhẫn
Đại Bi dạy như vậy
Rốt ráo không có sân
Tiến tu nhẫn, không lo
Biết rõ đến tận cùng
Tu nhẫn kết sử dứt
Tướng tốt, sắc trang nghiêm
Là sinh nơi cõi Phạm
Bền tiến gần sức nhẫn
Ưa suy nghĩ điều nhẫn
Không có sức đại nhẫn
Khiến sức ma chẳng sức
Tất cả đức chưa đủ
Vậy nên tu diệu nhẫn.

Lại nữa, các thiện nam! Bồ-tát có mười hai thứ trang nghiêm để trang nghiêm tinh tấn.

Mười hai thứ trang nghiêm gồm có:

1. Biết rõ tất cả Phật pháp, siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

2. Đi đến tất cả chỗ Phật để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

3. Cúng dường, giúp việc cho tất cả các Đức Như Lai để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

4. Giáo hóa tất cả chúng sinh để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

5. An trụ tất cả chúng sinh trong Phật pháp để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

6. Dứt bỏ vô minh cho các chúng sinh để siêng năng tu hành tinh tấn

trang nghiêm.

7. Ban cho chúng sinh trí Phật để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

8. Làm thanh tịnh tất cả các cõi Phật để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

9. Tận kiếp vị lai, tu hạnh Bồ-tát mà chẳng biết mệt mỏi, chán ngán để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

10. Muốn trong thời gian búng ngón tay đến khắp các cõi Phật để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

11. Tất cả cảnh giới Phật, thành đạo Vô thượng.

12. Chuyển bánh xe pháp mầu để siêng năng tu hành tinh tấn trang nghiêm.

Này các thiện nam! Đó là thứ trang nghiêm để siêng năng tu hành tinh tấn.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ tụng rằng:

Mạnh mẽ vô thượng, không biếng nhác
Ấy là Phật tử hướng Bồ-đề
Đến nhiều cõi Phật cũng vẫn dứt
Ấy là hành xứ không chán mỏi,
Vì hóa chúng sinh bền tinh tấn
Chịu nhóm khổ trăm ngàn ức hiếp
Thường luôn tinh tấn không lười biếng
Thí cho chúng sinh vui diệt độ.
Ta nguyện tịnh tu các cõi Phật
Biết rõ tất cả các phật pháp
Pháp luân ta hơn trong nhiều cõi
Xoay rồi hàng ức chúng sinh thuần,
Một niệm tâm giáo được Bồ-đề
Khiến cho nhiều cõi được điều phục
Phật tử thường vượt qua bờ kia
Vì chúng sinh hiện các trang nghiêm.

Lại nữa, này các thiện nam! Bồ-tát có mười hai hạnh tu thiền định. Mười hai hạnh ấy gồm có:

1. Hạnh đốt cháy các kết sử vì rốt ráo không phát sinh.

2. Hạnh chánh tâm trụ vì chẳng theo cảnh giới.

3. Hạnh không y chỉ vì lìa cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

4. Hạnh vượt ra thế gian, vì hàng phục định của phàm phu chẳng phải Thánh.

5. Hạnh tăng thêm sự thù thắng vì không có tâm chấp ngã.

6. Hạnh thiền định theo thứ lớp, vì phân biệt thiền.

7. Hạnh vô sở hữu, vì lìa khỏi hữu tưởng.

8. Hạnh thiền vô biên vì quở trách Tam-muội thiền hữu biên. Dùng hạnh thiền định này khéo vắng lặng.

9. Hạnh điều tâm vì không có gì chẳng biết.

10. Hạnh vắng lặng vì giữ gìn các căn.

11. Hạnh cảnh giới phương tiện.

12. Bồ-tát tu thiền chẳng bỏ, chẳng phế, phi tuệ, phi mạn, phi kiến, phi ái, phi niệm tu.

Cho nên, Bồ-tát hàng phục tất cả những người tu thiền.

Này các thiện nam! Đó là Bồ-tát thấy mười hai hạnh tu thiền định.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Thiền định này cao quý
Là hạnh Bồ-tát kia
Đốt tất cả kết sử
Rốt ráo không còn sinh,
Chuyên tu thiền vắng lặng
Chẳng tu theo cảnh giới
Nếu có tâm chẳng trụ
Khuyên phải trụ định thiền.
Tu thiền Vô y chỉ
Kia không chỗ nương tựa
Cõi Dục, cõi Vô sắc
Suy nghĩ không mê đắm,
Là thiền siêu thế gian
Là điều Bồ-tát biết
Nên hàng phục tất cả
Các định chẳng phải Thánh.
Thực hành thiền thứ lớp

Muốn được tự tại vậy
Cho nên xả thiền định
Trở lại sinh cõi Dục,
Tăng thêm hạnh thắng diệu
Người trí tuệ tu thiền
Là thiền tâm vô ngã
Vì Bồ-tát mà nói,
Vô lượng, vô biên hạnh
Tu hành thiền tối thượng
Vậy nên ít phần thiền
Soi sáng khiến hàng phục.
Trí tuệ cùng phương tiện
Tu thiền vang tiếng tăm
Đều không chỗ thấy được
Một bề hạnh bạch tịnh
Không có chỗ y chỉ
Cũng chẳng trụ với vật
Người trí tuệ tu thiền
Lìa bỏ các vật tướng
Hành các hạnh như thế
Người trí tuệ tu thiền
Đối Duyên giác tự tại
Cho nên không chỗ hành.

Này thiện nam! Bồ-tát có mười hai hạnh để cho trí nhập vào Bát-nhã ba-la-mật.

Mười hai hạnh gồm:

1. Hạnh sáng suốt rõ ràng chẳng bị tối tăm che lấp.
2. Hạnh đuốc lớn, soi sáng tất cả kết sử.
3. Hạnh bủa lưới sáng trí tuệ, lìa khỏi vô trí.
4. Hạnh móc câu trí tuệ, nhổ hết gốc rễ vô minh.
5. Hạnh giáo bén thiện lợi, xé rách lưới ái.
6. Hạnh kim cang phá tan núi kết sử.
7. Hạnh cung điện của vua mặt trời, đốt khô bùn kết sử.
8. Hạnh lửa lớn, thiêu cháy cây sống.
9. Hạnh báu ma-ni, chẳng mê hoặc.
10. Hạnh không, không có vật.

11. Hạnh vô tướng, không có tướng.

12. Hạnh vô nguyện, vượt qua ba cõi.

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát có mười hai hạnh Bồ-tát tu hành để cho trí tuệ nhập vào Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Tuệ này hơn thế gian
Chiếu sáng xua tối tăm
Đuốc mặt trời thanh tịnh
Soi sáng các kết sử
Tuệ lợi diệt vô minh
Giác tri phá hoại ái
Phá các núi kết sử
Chày kim cang Thiên chủ
Phá tan A-tu-la
Tất cả các quân chúng
Được chiếu sáng lìa tối
Tuệ thị hiện như đèn
Mặt trời nung bùn khô
Thắng tuệ như mặt trời
Vượt biển kết đến bờ
Giống như thuyền vượt sông
Chặt đứt cây vô trí
Như dao đốn các cây
Được ma-ni, không mê
Không có vật, tướng tánh
Thường lìa khỏi giác quán
Không nương các "hữu đạo"
Phá tan các nghi ngờ
Hay luận ra lời nói
Thị hiện khổ sinh tử
Thị hiện đuốc Niết-bàn
Tuệ này chữa mắt tục
Hiện sự tướng không mê
Nhân tuệ Bồ-tát khỏe
Lìa tối, tu Bồ-đề.

Này các thiện nam! Bồ-tát thấy biết mười hai cảnh giới thị hiện phương tiện.

Mười hai cảnh giới gồm những gì?

Này thiện nam! Đó là:

1. Bồ-tát đến cảnh giới Niết-bàn, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới sinh tử.

2. Đến cảnh giới vắng lặng, dùng phương tiện thị hiện ở chỗ đông người náo động.

3. Đến cảnh giới thiền, dùng phương tiện thị hiện cảnh cung điện, hoàng hậu, thế nữ.

4. Đến cảnh giới vô tác, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới tạo tác.

5. Đến cảnh giới vô sinh, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới sinh tử.

6. Lìa cảnh giới bốn ma, dùng phương tiện thị hiện cảnh hàng phục các ma.

7. Đến cảnh giới bậc Thánh, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới cận phi Thánh.

8. Lìa cảnh giới thế tục, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới thế gian.

9. Đắc được cảnh giới trí, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới phàm phu.

10. Hiện đã thấy rõ cảnh giới thật tế, dùng phương tiện thị hiện cảnh giới chẳng rơi vào Thanh văn, Duyên giác.

11. Đạt đến được pháp giới vô tướng, dùng phương tiện thị hiện thân trang nghiêm tướng tốt.

12. Vì hóa độ cảnh giới chúng sinh nên vào cảnh giới Phật dùng phương tiện thị hiện cảnh giới các ma.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát thấy biết mười hai cảnh giới phương tiện thị hiện.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài tụng rằng:

Cảnh giới này phương tiện
Bồ-tát tịnh chúng sinh
Các vị trụ cảnh giới
Thị hiện mọi cảnh giới
Được cảnh giới Niết-bàn
Phương tiện hiện hữu vi
Lại đến cảnh giới này
Không có hai quá hoạn
Được đến chỗ vắng lặng

Phương tiện hiện ồn náo
Cả hai điều không đắm
Hạnh không đắm như ong
Thị hiện trong thể nữ
Vui chơi ở trong cung
Họ được sự vắng lặng
Người giữ đức phương tiện
Chẳng lui mất thiền định
Phương tiện hiện tâm loạn
Thấy không các việc hoảng
Trí phương tiện thị hiện
Cũng không có cung kính
Không vọng tưởng hý luận
Không vọng, cảnh giới vọng
Trí phương tiện thị hiện
Chẳng sinh cũng không biết
Pháp vô sinh quý giá
Thị hiện với chết sống
Trí phương tiện mạnh mẽ
Vượt ra cảnh giới ma
Trụ cõi Phật oai đức
Mà hiện cảnh giới ma
Là phương tiện Phật tử
Đến đỉnh công đức Thánh
Hạnh phàm phu phương tiện
Chúng sinh tịnh trí lực
Trí phương tiện biến hóa
Tất cả pháp không bờ
Biết vốn mé gốc rốn
Không mong cầu diệt độ
Được phương tiện giữ gìn
Tất cả pháp vô tướng
Là đạt "không", "vô hữu"
Vì hóa độ chúng sinh
Thị hiện thân tướng hảo
Là cảnh giới phương tiện
Phật tử uy đức lớn
Là Phật tử an trụ

Thị hiện trăm biến hóa.

Này thiện nam! Nay ông phải biết Như Lai phương tiện sinh ra mười hai công đức thành tựu tinh luyện cõi Phật, thành đạo Vô thượng Chánh chân rồi, thị hiện kiếp trược, kiến trược, chúng sinh trược, phiền não trược, mạng trược, hiện các thừa khác nhau, thị hiện cõi Phật ô uế, bất định, thị hiện chúng sinh ngu độn, hiện nói pháp khác, hiện chúng sinh khác, thị hiện dị đạo tranh chấp, hiện ma, nghiệp ma, đều không lỗi lầm, phải biết tất cả điều đó là phương tiện của Như Lai.

Đức Phật nói như thế rồi, khi ấy Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn nói về mười hai công đức thành tựu tinh luyện cõi Phật. Các Đức Phật Thế Tôn đối với công đức tinh luyện cõi Phật này đã thành đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Tinh luyện cõi Phật là tinh luyện "kiếp" thành tựu đầy đủ, chẳng bỏ tinh luyện các công đức. Các Đức Phật, Thế Tôn tức đã ở chỗ này thành đạo Vô thượng chánh chân, tinh luyện cõi Phật có tinh luyện "thời" thành tựu đầy đủ chẳng trái lỗi với lúc hành pháp. Tinh luyện cõi Phật này có tinh luyện "chúng sinh" thành tựu, không ai không biết pháp. Tinh luyện cõi Phật này có tinh luyện rộng phước đầy đủ, khéo nhiệm mầu thanh tịnh. Tinh luyện cõi Phật có tinh luyện dị giải chúng sinh, thành tựu đầy đủ, chẳng đần độn. Tinh luyện cõi Phật có tinh luyện "thừa", thành tựu đầy đủ, phát xuất nhất thừa. Tinh luyện cõi Phật có tinh luyện diệu địa thành tựu, không có vật. Tinh luyện cõi Phật là tinh luyện diệu địa thành tựu, tất cả không ngoài hạnh đạo. Tinh luyện cõi Phật này có tinh luyện công đức thành tựu, không dối lừa. Tinh luyện cõi Phật có tinh luyện có tinh luyện tâm rốt ráo thành tựu, là chúng sinh an trụ tánh bạch tịnh. Tinh luyện cõi Phật là có tinh luyện bậc Thánh nhân thành tựu, ruộng phước bất không. Tinh luyện cõi Phật này có tinh luyện đạo tràng thành tựu, chỗ các Đức Phật quá khứ trước kia an trụ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là mười hai công đức thành tựu tinh luyện cõi Phật, nơi đây tất cả các Đức Phật Như Lai thành đạo Vô thượng Chánh chân.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông phải biết, ở đây ta không có chỗ an trụ cho Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì Như Lai lìa bỏ các dị tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Như Lai kia, hoặc có người muốn chúng sinh Đại thừa, hoặc có người muốn chúng sinh Tiểu thừa thì Như Lai có tâm bất tịnh, có tâm bất bình đẳng, có lỗi chấp trước, có ít phần đại Bi, có lỗi dị tưởng, thế thì ta có lỗi bỏn xẻn giáo pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ta vì chúng sinh có nói pháp thì đều hướng họ về đạo Bồ-đề, đều hướng họ về Đại thừa, vào Nhất thiết trí, đạt đến Nhất thiết trí. Do ý nghĩa này nên không có chỗ cho các thừa khác an trụ.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu kia không có chỗ cho các thừa khác an trụ thì tại sao Đức Như Lai nói ra ba thừa, nói pháp cho chúng sinh nghe? Đây là Thanh văn thừa, đây là Duyên giác thừa, đây là Đại thừa.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Thừa là chỗ dừng nghỉ. Như Lai làm ra cõi đất để dừng nghỉ an ổn. Không phải thừa là chỗ đích dừng lại, chẳng phải pháp tướng tạo ra chỗ "an chỉ trụ" mà Như Lai vì người tạo ra chỗ dừng nghỉ yên ổn. Nếu chỗ "an chỉ" kia, thiếu trang nghiêm huy vô lượng trang nghiêm thì đó là thừa không sai, pháp giới không khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai giảng nói không có cửa chướng ngại, theo thứ lớp đến với "chỗ dừng nghỉ, an ổn".

Này Văn-thù-sư-lợi! Giống như người thợ mới học việc, theo thầy giỏi khéo. Đạt đến bờ trí tuệ khéo léo, nhiều thứ phương tiện, tùy theo người đệ tử muốn học việc nào, khiến cho tuệ khéo léo kia thị hiện đủ các việc tinh tấn siêng năng. Trí tuệ khéo léo này là bậc nhất.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Thế Tôn cũng vậy, là bậc Thầy có pháp lành khéo léo là bậc Nhất thiết trí, tạo ra ba thứ để nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Giống như lửa ít, dần dần thêm nhiều, có thể thiêu cháy đến tận kiếp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhất thiết trí, sáng này cũng lại như vậy, dần dần tăng trưởng cho đến đạt được Đại trí Như Lai, ánh sáng trí tuệ thiêu đốt tất cả kết sử của chúng sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Núi chúa Tu-di không có phân biệt, nếu có chúng sinh đến chỗ ấy thì tất cả cùng một màu, đó là một màu vàng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Là Vô Thượng Như Lai Đại Trí Tu-di cũng vậy, không có phân biệt. Nếu có người quán pháp tánh Như Lai thì đều cùng

một màu, đó là màu Nhất thiết trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ở tại chỗ của viên ngọc báu Đại ma-ni xanh biếc. Bên trong cảnh giới của viên ma-ni báu này có ánh sáng dị sắc, đó là các thứ màu sắc, các thứ hình tượng lạ lùng. Do năng lực oai đức của viên báu ma-ni này đều là một màu, đó là màu xanh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Viên ngọc báu ma-ni xanh biếc Vô thượng Như Lai cũng vậy. Nếu có chúng sinh tiếp xúc với ánh sáng Như Lai thì tất cả đều một màu, đó là màu Nhất thiết trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như biển cả tuy có các cửa vào của các dòng nước nhưng khi nước đã vào biển rồi thì chỉ có một vị, đó là vị mặn, vị mặn này thường trụ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Biển cả ấy là Đại Trí Như Lai. Các dòng nước chảy vào là tất cả các pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát vào rồi thì đồng một vị, đó là vị Nhất thừa không sai biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Do là phương tiện này mà nên biết Như Lai an trụ nơi đất hư vọng, Như Lai phân biệt dẫn đường, giảng nói tạo nơi "an chỉ", vào chỗ "Như Lai pháp an trụ". Như Lai thị hiện thứ lớp để vào trong Phật pháp. Để khiến cho tiểu trang nghiêm, Đại trang nghiêm được an trụ trong Phật pháp, Như Lai dùng phương tiện trí biện này, các thứ biến hóa để giảng nói việc ra đời, đó là nghĩa bậc nhất, nhất thừa không hai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ở cõi Phật này nếu các ngoại đạo có hạnh xuất gia thì Như Lai ở trong đó thị hiện hạnh phương tiện, Như Lai che chở, tự tại dẫn đường. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai khéo léo hàng phục tất cả các oán thù. Như Lai đối với tất cả thường không oán thù.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT HÀNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA

QUYỂN TRUNG

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vua Chuyển luân thành tựu công đức nhỏ, có đức tụ lại hết, có tham, có sân, có si, có thủ, có kết, có sử. Vua Chuyển luân này tất cả không có gây thù oán. Vì sao?

Này Văn-thù-sư-lợi! Vua Chuyển luân này không có tranh chấp, phiền não.

Này Văn-thù-sư-lợi! Huống chi Như Lai xoay bánh xe pháp lớn vô lượng Đại trí, công đức trang nghiêm thành tựu đầy đủ, đạt được vô đoạn đại Bi, dạo chơi trong hư không pháp vô lậu, thành tựu pháp báu "Thất trợ Bồ-đề" vì chẳng quên pháp nên quay bánh xe pháp lớn. Mà bên ngoài có các kẻ thù sợ hãi, thì không có việc ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi nên biết! Nếu thấy ngoại đạo trong cõi Phật này xuất gia, thì thiện nam phải biết tất cả an trụ trong một đạo, đó là Phật đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như các cầm thú không có khả năng an trụ trước sư tử đầu đàn. Cũng vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Các ngoại đạo xuất gia không thể tự tiện xâm nhập vào cảnh giới Như Lai, cũng chẳng thể tranh luận với Như Lai. Bậc Sư Tử Đại Nhân giữ gìn mười lực, được bốn vô úy ở trước Ngài mà rống lên, việc này không có, chỉ trừ khi đã có sự gia trì của Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như cung của vua mặt trời phát ra màn ánh sáng thì tất cả lửa đom đóm thảy đều bị lấn át, tất cả trân bảo, ánh lửa, các sao thảy không chiếu sáng. Cũng vậy, này Văn-thù sư-lợi! Khi cung mặt trời lớn Như Lai Vô thượng xuất hiện, phát ra ánh sáng Đại trí thì các ngoại đạo xuất gia thảy đều bị che khuất, không còn chiếu sáng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như chỗ vua Thắng Thiết xuất hiện thì tại địa phương ấy tất cả các thứ sắt không có ở đó, vì các thứ sắt tụ lại không chung cùng vậy. Cũng vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có cõi Phật đã có Phật ra đời thì phải biết, tất cả các ngoại đạo… không xuất gia hành đạo.

Vì sao? Vì chẳng cùng chung với Đức Phật ra đời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như nơi đã xuất hiện Như ý bảo vương thì không sinh ra tất cả các thứ báu ma-ni giả ngụy. Cũng vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Nơi đã xuất hiện "Vật báu Đại trí Như Lai" thì phải biết. Nơi ấy chẳng xuất hiện các ngoại đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như nơi "tánh báu" có xuất hiện vàng "Diêm-phù-đàn" thì chỗ ấy chẳng sản sinh những thứ đồng thau giá rẻ. Cũng vậy này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thế giới có Phật ra đời thì nơi ấy chẳng xuất hiện các ngoại đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nên biết phương tiện tùy theo chỗ Phật xuất hiện, chẳng nên xuất hiện các ngoại đạo xuất gia.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông phải biết Như Lai thọ trì cảnh giới phương tiện nhiều không thể suy nghĩ bàn luận. Vì cớ ấy nên ở cõi Phật này xuất hiện tất cả ngoại đạo xuất gia. Vì sao? Vì tất cả bậc thượng thủ ngoại đạo đều an trụ trong giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, từ Bát nhã ba-la-mật mà ra, dạo chơi trong phương tiện, cũng chẳng lìa bỏ niệm Phật, Pháp, Tăng, giáo hóa chúng sinh đến được bờ kia. Như Lai thọ trì hóa độ chúng sinh.

Khi nói pháp này, tám ngàn Thiên tử nương thừa Thanh văn nghe nói Nhất thừa, phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Năm trăm Tỳ-kheo chứng được Tam-muội Nhất thừa đăng. Một ngàn hai trăm vị Bồ-tát chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Khắp tam thiên đại thiên thế giới này chấn động sáu cách, các vị trời ở trên hư không mưa xuống các thứ hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, rải bột chiên-đàn cõi trời. Ở trước Đức Phật trăm ngàn Thiên tử đứng trong hư không cất tiếng hô xướng. Áo trời trong hư không, tự xoay chuyển, các vị trời tấu nhạc nói:

–Vốn chưa từng nghe kinh này ra đời, bạch Thế Tôn! Xin để cho kinh điển này lưu hành lâu dài ở cõi Diêm-phù-đề.

Tám trăm vị Tỳ-kheo-ni cởi Ưu đa-la-tăng dâng lên Đức Phật. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại ý nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Cảnh giới phương tiện không nghĩ bàn
Văn-thù-sư-lợi phải biết ta
Khi ta tinh luyện giác Bồ-đề
Ta lại thị hiện như lúc ấy

Lỗi lầm thời tiết ta không có
Phải thường khi có pháp nhiệm mầu
Chúng sinh nghe pháp ta được độ
Chúng sinh có lỗi, ta không lỗi
Kiếp tinh luyện hết vật công đức
Ruộng phước tinh luyện tịnh vô cấu
Khi ta tinh luyện được Bồ-đề
Cho nên biết ta không có trược
Ta đã từ nhiều ức kiếp qua
Thành tựu vô lượng trí tuệ Phật
Như ta đắc đạo mạng cũng thế
Trong thời gian đó không diệt độ
Ta phương tiện thị hiện diệt độ
Có thường tưởng, nên hiện vô thường
Ta nay thị hiện sự dư tàn
Thọ mạng ta bằng kiếp vị lai
Ta chỉ một thừa một diệt độ
Thừa sai biệt ta không ai được
Nói ba thừa ba thuyết như thế
Phải biết là cảnh giới phương tiện
Kẻ tâm biếng nhác và hẹp hòi
Nghe đến liền sinh lòng sợ hãi
Thị hiện ba thừa vì hạng ấy
Chỉ có một thừa, không có hai
Ta giảng nói tùy người ưa pháp
Vì nhập vào pháp sự Phật đạo
Cho nên một thừa, mà nói ba
Nhưng đối thừa này, không thương tổn
Như trí khéo độ đến bờ kia
Cho nên trí thị hiện có ba
Thế Tôn cũng vậy biết thắng pháp
Do đó một thừa giảng nói ba
Tâm bình đẳng điều phục chúng sinh

Ta đều không có các dị tưởng
Ý ta vui kính đối hạ thừa
Thì ta có lỗi lầm bỏn xẻn
Ngọc biếc lưu ly trên các báu
Tùy theo chỗ có ngọc báu ấy
Tất cả đều cùng một sắc màu
Đó là màu biếc không khác nhau
Trí báu Thế Tôn cũng như thế
Tất cả cõi Phật đều phát sáng
Tất cả chúng sinh đều một màu
Màu Bồ-đề không khác nhau
Như đốm lửa nhỏ đã cháy lên
Dần dần thêm mạnh thành cháy lớn
Lửa trí Thanh văn cũng như thế
Cũng phát ra ánh công đức Phật
Núi chúa Tu-di quy hướng đến
Do uy đức nên cùng sắc màu
Quy y Đức Phật cũng như vậy
Người nhu nhẫn được màu Bồ-đề
Giống như tất cả các miệng ong
Hút lấy tinh anh các loài hoa
Tất cả các chất hòa hợp lại
Trở thành một chất mật mà thôi
Bậc trí dạy đời cũng như thế
Thị hiện tạo ra ba thừa rồi
Tất cả sạch trong hòa hợp lại
Tạo tưởng Bồ-đề, không tưởng khác
Vua người chuyển luân không lo buồn
Không có kẻ thù các nơi khác
Ta dùng pháp giới bảo ban khắp
Thì sao lại có hàng ngoại đạo
Giống như khi mặt trời mới mọc
Át lửa đom đóm và các sao

Cung trí tuệ hiện ra cũng thế
Ắt chen ngoại đạo không chiếu sáng.
Hễ chỗ nào có quặng sắt tốt
Thì tất cả sắt khác không có
Nước có Như Lai ra độ đời
Là nơi không có các ngoại đạo.
Hễ nơi nào có mặt vàng ngọc
Thì chỗ ấy chẳng có đồng thau
Nếu nước có người chứng Bồ-đề
Thì chỗ ấy không các ngoại đạo
Ngọc Như ý, ngọc giả không hòa
Quá khứ, vị lai chẳng lẫn lộn,
Phật bảo, đạo ngoài cũng như vậy
Trong một cõi, thường không lẫn lộn
Thiền định thần thông, tự tại, nhẫn
Tất cả trí môn ngoại đạo này
Người tuệ phương tiện hành trí tuệ
Thị hiện đủ thứ các biến hóa
Sau khi nghe cảnh giới phương tiện
Bấy giờ, Phật tử rất vui mừng
Phát sinh vui mừng hỷ vô lượng
Rải hoa cúng dường Đấng Điều Ngự
Mặt đất rung chuyển mạnh sáu phương
Trên không kỹ nhạc tấu vang xa
Chư Thiên hàng ức chắp tay kính,
Khen ngợi: Lành thay, lời Phật nói!

Khi Đức Phật nói kệ này rồi thì Tát-già Ni-kiền Tử cùng tám mươi ức Ni-càn từ phương Nam tuần tự du hành qua các cõi nước, thẳng đến Đại thành Ưu-thiền-ni. Hàng trăm ngàn đại chúng vây quanh trang nghiêm tiền hô hậu ủng.

Lúc bấy giờ, vua Chiêu-trà-bát-thọ-đề từ xa thấy Tát-già Ni-kiền Tử đến sinh lòng ưa thích, sinh tâm thanh tịnh đối với Tát-già. Nhà vua cùng các Đại thần, nội cung quyến thuộc, nhân dân trong cõi nước, vợ con bốn thứ binh, Đại vương oai đức, Đại vương thần lực... dùng trăm ngàn vật báu

để trang nghiêm, trăm ngàn kỹ nhạc, cầm cờ phướn lọng báu để trang nghiêm. Họ liền kéo đến đón nước Tát-già Ni-kiền Tử.

Lúc bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử xa thấy vua Chiên-trà-bát-thọ-đề dùng lời êm ái gọi:

–Lành thay, Đại vương! Trong cõi nước của ông không có kẻ thù áp bức nhau. Không có bệnh hoạn, khổ não nóng bức. Ở nước này bề tôi, thân thuộc, các kỹ tốt, người hư đốn xấu xa, bọn thần giữ quan thuế... tất cả bọn này không làm rối loạn bại hoại đất nước chăng?

Này Đại vương! Đất nước đại vương các bậc Sa-môn, Bà-la-môn được an lạc tu hành chăng? Này Đại vương! Đại vương thường dùng an pháp để cai trị đất nước chăng? Này Đại vương! Không nên sát hại chúng sinh, như săn bắn, chài lưới bức bách các chúng sinh. Vì sao? Này Đại vương phải biết! Tất cả chúng sinh đều yêu mạng sống của mình. Cho nên này Đại vương! Nên thọ giới không sát sinh, không trộm cắp, đối với đất nước của mình nên biết đủ, chẳng nên tà dâm, tự thấy đủ với sắc đẹp của vợ mình. không bao giờ nói dối mà nói lời chân thật. Chẳng nên nói hai lưỡi, nói lời khác lạ. Chẳng nên ác khẩu, thường nói êm dịu, chẳng nên nói thêu dệt mà nghĩ sao nói vậy. Đối với của cải của người khác chớ sinh lòng tham.

Này Đại vương! Nên phải lìa bỏ tức giận, dùng từ bi trang nghiêm thân, miệng, ý. Này Đại vương! Chẳng nên sinh khởi tà kiến, nên tu hành theo chánh kiến của bậc Thánh. Này Đại vương! Nay ông chẳng nên buông lung, khéo quán tưởng vô thường.

Này Đại vương nên biết! Thọ mạng ngắn ngủi chóng sang đời khác. Này Đại vương! Nay nên sợ hãi cho đời sau, nên tin nghiệp báo.

Rồi Tát-già lập lại bằng bài thắng kệ như sau:

Vua người thường nên không buông lung
Giữ gìn đất nước chẳng buông lung
Nếu buông lung phải đọa đường ác
Còn không buông lung sinh cõi lành.
Cũng không giết uổng mạng chúng sinh
Tất cả chúng sinh yêu mạng sống
Người tuệ không nên hại chúng sinh
Che chở chúng sinh như thân mình,

Thường nên xa lánh việc trộm cắp
Thường không nên nói lời hư dối
Thường nên giữ gìn lời chân thật
Đời sau vua sẽ sinh đường lành.
Nói ra lời nói người thích nghe
Không nên nói những lời thô ác
Nên nói lời dịu dàng êm ái
Đại vương không nên nói hai lưỡi
Vua người không nên nói thêu dệt
Có nói lời gì phải lựa lời
Xa lìa sân si, lỗi lầm sấu
Như voi đầu đàn sinh đường lành.
Vua cũng chẳng nên hành tà dâm
Không ham muốn vợ con của người
Thường biết đủ sắc đẹp vợ mình
Đời sau vua sinh vào đường lành.
Đại vương không nên giữ tà kiến
Thường an trụ trong diệu thiện kiến
Phải tu hành chánh pháp như thế
Thì vua sẽ hưởng thú vui trời.
Sa-môn, Bà-la-môn giữ giới
Và hiếu thuận nuôi nấng mẹ cha
Được lìa xa hẳn đường ác rồi
Sẽ hưởng được vui trên cõi đời.

Tát-già Ni-kiền Tử đem pháp không buông lung này khuyên vua Bát-thọ-đề xong, lúc bấy giờ, vua Chiên-trà-bát-già-thọ-đề hướng về Tát-già Ni-kiền Tử nói với giọng êm ái an vui:

–Ta chẳng làm những việc như vầy. Này Bà-la-môn! Ông nên đến nhà ta. Vì sao? Vì nay ta thỉnh ông và các quyến thuộc là muốn thiết đãi một bữa cơm.

Ni-kiền Tử nói:

–Lành thay, lành thay! Ông nên làm như vậy! Vì sao? Này Đại vương! Ta đi đường xa đến, đói khát cần phải ăn. Như vậy này Đại vương, ta cần như ông thỉnh.

Lúc bấy giờ, nhà vua đi theo sau Tát-già Ni-kiền Tử và quyến thuộc, trước vào cung vua, Tát-già Ni-kiền Tử vào ngồi trên tòa ngự, còn các Ni-càn theo thứ lớp mà ngồi. Lúc bấy giờ, nhà vua tâm lành cung kính tự tay lo liệu, Tát-già Ni-kiền Tử và quyến thuộc của ông ăn uống no nê rồi.

Lúc bấy giờ, nhà vua nghĩ: "Nay ta sẽ hỏi vị Tát-già Ni-kiền Tử này đối với Đức Như Lai có lòng kính tín chăng?" Nghĩ thế, vua liền lấy cái ghế thấp mà ngồi trước Tát-già-nhi-càn-tử rồi nói:

–Này Bà-la-môn! Ta muốn bàn luận ít vấn đề, nếu ông bằng lòng thì ta sẽ hỏi. Xin ông giảng nói cho ta nghe.

Tát-già Ni-càn Tử nói với Đại vương:

–Đại vương muốn hỏi điều gì cứ tự nhiên, ta sẽ giải đáp để làm vui lòng ông.

Vua nghe xong liền hỏi:

–Này Bà-la-môn! Trong thế giới chúng sinh có thứ chúng sinh trí tuệ sáng suốt, không rối loạn tâm trí, nhưng họ còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Vua lại hỏi:

–Bà-la-môn, này là ai vậy?

Tát-già đáp:

–Đó là Bà-la-môn Bạt-sa.

Nhà vua lại hỏi:

–Bà-la-môn Bạt-sa có lỗi lầm gì?

Tát-già đáp:

–Bà-la-môn Bạt-sa giỏi xem tinh tú niên lịch, giỏi về tiết hội, giỏi học xướng thuyết, giỏi về nguyệt thực, giỏi về động đất, giỏi về năm được mùa, mất mùa, giỏi về thế tục, giỏi học xem tướng, nhưng quả thật ông phạm tà dâm, yêu vợ người khác.

Này Đại vương! Người trí tuệ không nên làm điều tà dâm. Vì sao? Thưa Đại vương! Vì kẻ làm điều tà dâm thì đời này, đời sau phải chịu khổ dữ dội. Thậm chí còn bị người, trời quở trách.

Rồi nói kệ như sau:

Tham dục vợ con người
Chẳng bỏ cảnh giới ác

Không đủ sắc vợ mình
Bị người đời quở trách.

Nhà vua nói:

–Này Bà-la-môn! Trong các chúng sinh ở thế gian lại có thứ chúng sinh trí tuệ sáng rõ, tâm trí không loạn nhưng họ còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Ai đó?

Tát-già đáp:

–Đó là Bà-la-môn Phả-la-đọa, là người trí tuệ sáng rõ biết lúc nào đúng giờ, lúc nào không đúng giờ mà ông ấy vẫn có lỗi lầm.

Nhà vua lại hỏi:

–Ông ấy có lỗi gì vậy?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Vị Bà-la-môn này ngủ nhiều quá. Thưa Đại vương! Kẻ trí tuệ không nên ngủ nhiều. Vì sao? Thưa Đại vương! Vì ngủ nhiều làm lui mất các pháp thế gian, xuất thế gian như trí tuệ, như chí quyết đoán.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu thích ngủ nghỉ nhiều
Bị biếng nhác che lấp
Ngủ nghỉ, buông lung che
Phàm phu mất các lợi.

Nhà vua lại hỏi:

–Này Bà-la-môn! Trong các chúng sinh ở thế gian có chúng sinh nào thành tựu các pháp như vậy, nhưng còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Vua nói:

–Ai vậy?

Đáp:

–Thưa Đại vương, chính là Hắc vương tử.

Vua lại hỏi:

–Hắc vương tử có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Ông ấy thường ganh tỵ. Thưa Đại vương! Người trí tuệ chẳng nên thường hay ganh tỵ. Vì sao? Thưa Đại vương! Vì nếu được thành tựu ở một ấp giàu có mà có hành vi ganh tỵ thì ấp giàu có của người này chẳng được vững bền, rồi tay không mà chết, chết rồi phải đọa vào thế giới quỷ đói.

Rồi nói kệ rằng:

Ganh tỵ phủ che lòng
Người kia được ấp giàu
Rồi hắn tay không chết
Đọa vào cõi quỷ đói.

Vua lại hỏi:

–Lại có chúng sinh nào thành tựu công đức bậc thượng như trên mà còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là vương tử Cát Quân.

Nhà vua lại hỏi:

–Vương tử Cát Quân có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Vương tử Cát Quân này rất thích sát sinh. Thưa Đại vương! Người trí tuệ chẳng nên ưa thích sát sinh. Vì sao? Vì sát sinh thì yểu mạng. Khi chết sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Rồi nói kệ rằng:

Vua người mà sát sinh
Yếu đuối và chết yểu
Khi chết đọa địa ngục
Vậy nên chẳng sát sinh.

Vua lại hỏi:

–Này Bà-la-môn! Lại có chúng sinh trí tuệ sáng rõ tâm trí không loạn

động, họ có lỗi lầm, chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là vương tử Vô úy.

Vua lại hỏi:

–Vương tử Vô Úy có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Hay thương xót người khác. Thưa Đại vương! người trí tuệ chẳng nên thương xót kẻ khác nhiều quá. Vì sao? Thưa Đại vương! Thường thương xót người khác, nếu tự tại quá là nước nhiều giặc khó có thể hàng phục vì có quá nhiều lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Thường thương xót người khác
Nếu người được tự tại
Không thể hàng phục được
Không thể cầm đuốc to.

Vua lại hỏi:

–Trong chúng sinh lại có chúng sinh trí tuệ được khen ngợi là trí tuệ thì còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là vương tử Thiện Lực đó. Người tuệ được khen là tuệ, nhưng thật ra vẫn có lỗi.

Nhà vua nói:

–Này Bà-la-môn! Vương tử Thiện Lực có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Vương tử Thiện Lực hay uống rượu buông lung.

Thưa Đại vương! Người trí tuệ không nên thường uống rượu. Vì sao? Thưa Đại vương! Vì rượu thường làm mất sự nhớ nghĩ, chướng ngại thượng nghĩa. Cũng mất nghĩa thế và xuất thế.

Rồi nói kệ rằng:

Thường hay buông lung
Tất cả việc vua
Rượu buông lung che
Lùi nghĩa xuất thế.

Vua lại hỏi:

–Này Bà-la-môn! Lại có chúng sinh trí tuệ được khen là trí tuệ còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là vương tử Thiên Huân. Được người tuệ khen là trí tuệ song còn có lỗi lầm.

Nhà vua nói:

–Này Bà-la-môn! Vương tử Thiên Huân có lỗi lầm gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Vương tử Thiên Huân thường suy nghĩ. Thưa Đại vương! Người trí tuệ chẳng nên suy nghĩ mãi. Vì sao? Thưa Đại vương! Vì người suy nghĩ mãi làm trở ngại lợi ích khiến cho việc quan trọng khởi lên chẳng được vắng lặng. Cho nên, thưa Đại vương! Người rất thông minh chẳng nên suy nghĩ mãi.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu có suy nghĩ mãi
Việc mất không tốt lành
Dùng đây khéo trang nghiêm
Trở ngại việc phát tâm.

Vua lại hỏi:

–Này Tát-già! Lại có chúng sinh được người trí tuệ khen ngợi là trí tuệ còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là vương tử Đại Quân. Được người trí tuệ khen ngợi là trí tuệ, nhưng vẫn có lỗi lầm.

Vua lại hỏi:

–Vương tử Đại Quân có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Ông có cái lỗi là bị tánh bỏn xẻn che lấp, cướp đoạt của cải của người khác. Thưa Đại vương! Người trí tuệ không nên có tánh bỏn xẻn.

Rồi nói bài kệ rằng:

Nếu vua người bỏn xẻn
Giàu có chẳng biết đủ
Tài sản chứa nhóm này
Đến đời khác lo buồn.

Vua lại hỏi:

–Này Tát-già! Nếu có người trí tuệ được khen ngợi là trí tuệ nhưng còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Là vua Ba-tư-nặc được người trí tuệ khen là có trí tuệ nhưng còn có lỗi lầm.

Nhà vua nói:

–Này Bà-la-môn! Vua Ba-tư -nặc có lỗi lầm gì?

Đáp:

–Vua Ba-tư-nặc có cái lỗi ăn nhiều. Thưa Đại vương! Người có trí tuệ chẳng nên ăn nhiều. Vì sao? Thưa Đại vương! Nếu ăn nhiều thì trở nên lười biếng, thân thể nặng nề, đồ đã ăn khó tiêu.

Rồi nói kệ rằng:

Vua người ăn nhiều
Biếng nhác thân nặng
Lại tổn hiểu biết
Dung nhan chẳng tươi.

Vua lại hỏi:

–Này Bà-la-môn! Trong các chúng sinh ở thế gian có người trí tuệ được khen là trí tuệ nhưng còn có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Là Đại vương đó. Người trí tuệ ở thế gian vẫn khen ngợi Đại vương là trí tuệ nhưng Đại vương cũng có lỗi.

Nhà vua nói:

–Này Bà-la-môn! Ta có lỗi gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Ngài quá bạo ngược, tánh ác, hấp tấp, hung tợn, không có tâm Từ bi. Thưa Đại vương! Phàm người có trí tuệ chẳng nên hung tợn. Nếu người trí tuệ mà hung tợn thì người thường chẳng nương cậy, thậm chí cha mẹ cũng chẳng vừa ý, huống gì là chúng sinh khác. Thưa Đại vương! Nếu là người thông minh thì chẳng nên hung bạo. Thưa Đại vương! Người có trí tuệ nên suy nghĩ sâu xa.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu có thô bạo
Chẳng biết nghĩ sâu
Ắt bị quở trách
Người không gần gũi.

Lúc bấy giờ, vua Chiên-trà-bát-thọ-đề nghe người nói lỗi mình trước mặt mình, liền giận dữ, phẫn nộ, không vừa ý. Rồi không chịu được, nhà vua nói với Tát-già Ni-kiền Tử:

–Ông có nên ở trước mặt mọi người mà quở trách ta chăng?

Rồi vì tức giận nên vua ra lệnh xử chém.

Lúc bấy giờ, Tát-già kinh sợ hướng về vua nói:

–Thưa Đại vương! Chẳng nên có thái độ hung ác như vậy. Hãy cho tôi sự không sợ hãi, xin nghe tôi thưa.

Nhà vua nói:

–Ta cho phép ông không sợ, ông muốn nói điều gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Tôi cũng có lỗi là dám trước mặt đức vua mà nói lỗi xấu của vua là quá bạo ngược, tánh ác, hấp tấp, hung tợn, không có tâm Từ bi, cứ như sự thật mà nói. Thưa Đại vương! Người có trí tuệ không nên lúc nào cũng nói ra sự thật của người khác. Thưa Đại vương! Người trí tuệ nên phải biết lúc nào nên nói, lúc nào chẳng nên nói. Thưa Đại vương! Nói sự thật kẻ khác thường không làm vừa ý họ, người sẽ chẳng gần gũi. Kẻ không trí tuệ thì trách mắng.

Rồi nói kệ rằng:

Như thật nói vua người
Kẻ phàm phu bị hủy
Do đó người trí tuệ
Suy nghĩ rồi mới nói.

Lúc bấy giờ, vua khen rằng hay lắm, vua lại bàn bạc hỏi han:

–Này Bà-la-môn! Trong các chúng sinh ở thế gian, có chúng sinh nào trí tuệ, sáng rõ, tâm trí không rối loạn mà không có lỗi lầm chăng?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại vương, thật có!

Nhà vua nói:

–Là ai?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm. Ngài thuộc dòng họ Thích bỏ ngôi đi xuất gia. Như chúng tôi xét thấy thì Ngài không lỗi lầm. Dòng họ Ngài cao quý nên không có lỗi lầm. Ngài sinh trong dòng họ vua Chuyển luân nên không có lỗi lầm. Ngài chẳng sinh trong dòng họ thấp hèn nên không có lỗi lầm. Ngài sinh trong dòng họ Thích nên không có lỗi lầm. Tướng mạo, uy đức Ngài rất trang nghiêm nên không có lỗi lầm. Ngài có tướng tốt trang nghiêm nên không có lỗi lầm. Vì những ý nghĩa đó nên không có lỗi lầm.

Nếu Ngài Cù-đàm họ Thích không xuất gia thì sẽ làm vua đại Chuyển luân, bảy thứ báu đầy đủ. Đó là bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, nữ báu, tàng báu, thân báu, chủ binh báu. Ngài có đầy đủ một ngàn người con trai mạnh mẽ khôi ngô, có khả năng hàng phục mọi người, cũng có đầy đủ tướng mạo của vua Chuyển luân. Ngài ở trong bốn châu thiên hạ thống lãnh tự tại, làm vua chánh pháp vương. Ngài chẳng dùng binh trượng mà cai trị đất nước bằng chánh pháp. Nhưng Ngài đã xuất gia, tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày ăn một hột mè, một hạt gạo, ngồi dưới cội Bồ-đề hàng phục các ma. Sau khi hàng phục, Ngài nhất tâm niệm tuệ, sở tri chân như, sở đắc chân như, sở xúc chân như, sở giác chân như, sở chứng chân như, giác ngộ tất cả. Không có chúng sinh nào ngang bằng Ngài, huống là hơn Ngài. Không có ai ngang bằng được vị Sa-môn Cù-đàm này. Vậy nên Ngài không có lỗi lầm. Vì sao?

Thưa Đại vương! Vì vị Sa-môn Cù-đàm này có gia tộc không ai bằng, oai đức trang nghiêm không ai bằng, uy đức trí tuệ không ai bằng, vậy nên Ngài không có lỗi.

Rồi ông nói kệ:

Giữ gìn ba mươi hai tướng tốt
Sinh ra họ Thích sư tử người
Là thái tử con vua Tịnh Phạn
Thế Tôn, Nhất thiết trí không lỗi.

Tát-già Ni-kiền Tử nói xong, vua Bát-thọ-đề hỏi:

–Này Đại Bà-la-môn! Bây giờ ông hãy nói những gì là ba mươi hai tướng Đại trượng phu của Đức Như Lai?

Vị Bà-la-môn nói:

–Giờ đây tôi sẽ nói.

Nhà vua hỏi:

–Là những gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là:

1. Sa-môn Cù-đàm có chân đứng vững vàng trên bàn chân đầy đặn.
2. Bánh xe ngàn căm tròn đủ.
3. Tay chân mềm mại.
4. Ngón tay dài thon thả.

5. Tay chân có màng mỏng nối liền.
6. Đó là Sa-môn Cù-đàm có gót chân đầy đặn.
7. Đó là Sa-môn Cù-đàm có xương chân móc liền nhau.
8. Đó là Sa-môn Cù-đàm có đùi như đùi nai.
9. Đó là Sa-môn Cù-đàm có thân ngay thẳng.
10. Đó là Sa-môn Cù-đàm có âm tàng ẩn kín.
11. Đó là tóc Sa-môn Cù-đàm từng sợi, từng sợi đều xoắn về bên phải.
12. Đó là Sa-môn Cù-đàm có lông đều hướng lên.
13. Đó là Sa-môn Cù-đàm có tóc xanh biếc.
14. Đó là Sa-môn Cù-đàm có da dẻ màu vàng rất mịn màng.
15. Đó là Sa-môn Cù-đàm có bảy chỗ đầy đặn.
16. Đó là Sa-môn Cù-đàm có thân thể vạm vỡ.
17. Đó là Sa-môn Cù-đàm có các chi tiết rất đẹp.
18. Đó là Sa-môn Cù-đàm khi đi thân chẳng xiêu vẹo.
19. Đó là Sa-môn Cù-đàm có thân thể cao lớn.
20. Đó là Sa-môn Cù-đàm có thân tròn lẳng như thân cây Ni-câu-đà.
21. Đó là Sa-môn Cù-đàm có thân như thân vua sư tử.
22. Đó là Sa-môn Cù-đàm có đủ bốn mươi cái răng.
23. Đó là Sa-môn Cù-đàm có răng khít với nhau.
24. Đó là Sa-môn Cù-đàm có hàm răng bằng đều.
25. Đó là Sa-môn Cù-đàm có hàm răng trắng tươi.
26. Đó là Sa-môn Cù-đàm có được vị giác tuyệt vời.
27. Đó là Sa-môn Cù-đàm có lưỡi rộng dài.
28. Đó là Sa-môn Cù-đàm có âm thanh Phạm thiên.
29. Đó là Sa-môn Cù-đàm có mắt pháp hiền từ.
30. Đó là Sa-môn Cù-đàm có đôi mắt xanh biếc.
31. Đó là Sa-môn Cù-đàm có sợi lông trắng.
32. Đó là Sa-môn Cù-đàm trên đỉnh đầu có bướu thịt.

Thưa Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm có đủ ba mươi hai tướng Đại trượng phu. Vì ý nghĩa này nên Ngài không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Sinh từ họ Thích, đỉnh bướu thịt

Tóc xoăn về phải màu xanh biếc
Mắt như trâu chúa màu sen xanh
Vậy nên Thế Tôn không lầm lỗi
Tiếng nói như Ca-lăng-tần-già
Lưỡi dài rộng, mỏng sạch tươi tắn
Thế Tôn loài người răng bằng khít
Đủ bốn mươi răng sạch trắng trong
Tất cả người đời và các trời
Nhìn ngắm thân Ngài đều mừng vui
Lưỡi Đức Thế Tôn che khắp mặt
Cho nên chúng sinh không ai bằng
Tất cả các vị đều gom lại
Tiết ra từ tướng lưỡi Như Lai
Tất cả các vị hòa một vị
Vậy nên Thế Tôn không lầm lỗi
Thân như sư tử, môi đỏ thắm
Hai vai vạm vỡ, rộng đầy đẹp
Thân Phật nào khác cây Ni-câu
Giáp vòng tròn trịa, khéo an trụ
Thân Thế Tôn trang nghiêm, ngay thẳng
Thân Sư tử, người rất to cao
Bảy chỗ bằng đầy không ai bằng
Màu vàng thượng diệu tươi sạch trong
Lông như Sư tử hướng lên trên
Da dẻ thân Ngài rất mịn màng
Các sợi tóc xoắn thành trôn ốc
Cho nên chúng sinh không ai bằng
Dáng như sư tử không xiêu vẹo
Âm tàng ẩn kín như ngựa chúa
Vế đùi tròn trịa giống đùi nai
Nhìn Ngài ai ai cũng vui mừng
Chân tay Thế Tôn có màng mỏng
Ngon tay thon dài màu đồng đỏ

Gót chân bằng phẳng, xương móc nhau
Lòng bàn chân thẳng không cao thấp
Tay chân Đức Phật khỏe mềm mại
Ngón tay dài thon có bánh xe
Chân Đấng Nhân Tôn thật vững vàng
Khi đi trên đất không nghiêng động
Tướng như vậy, không có ai bằng
Ngọn đèn thế gian khéo trang nghiêm
Rất nhiệm mầu ngự giữa đại chúng
Giống như mặt trăng, sao vây quanh
Đại tướng phu này sắc như vầy
Thế Tôn làm đèn sáng cho đời
Huống chi pháp vô lậu của Ngài
Nhờ pháp này mà tự giác ngộ.

Thưa Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm có sắc thân nhiệm mầu, tất cả chúng sinh không ai sánh bằng. Vì ý nghĩa này nên Ngài không có lỗi lầm. Này Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm đầy đủ năng lực đại Bi. Đối với các chúng sinh, tâm Ngài không hề ngăn ngại. Ngài thường hành đại Từ không ngăn ngại, không mê đắm. Tự nhiên chan hòa khắp tất cả thế giới, thâm nhập vào các chúng sinh.

Thưa Đại vương! Như ngọc báu Ma-ni có công năng làm lắng trong nước bẩn. Tánh báu thanh tịnh có công năng làm cho tất cả nước dơ bẩn trở thành trong sạch. Thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm cũng vậy. Bên trong bản thân Ngài thanh tịnh cho nên có khả năng làm thanh tịnh bùn lầy kết sử ô uế của tất cả chúng sinh, cho nên Ngài không có lỗi.

Rồi nói kệ rằng:

Lòng từ trùm thế gian
Các thế giới ba đời
Tất cả tâm chúng sinh
Đức Phật rải tâm Từ.
Không chỗ nào chẳng khắp
Tâm từ không ai bằng
Trùm khắp hư không giới
Nhất thiết trí không lỗi
Báu Ma-ni thanh tịnh

Làm trong sạch nước bẩn
Thế Tôn tịnh ba cõi
Sạch kết tử chúng sinh.

Thưa Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm đầy đủ ba mươi hai hạnh đại Bi, ba mươi hai hạnh đại Bi gồm:

1. Thấy chúng sinh ở thế gian chìm đắm trong bóng tối ngu si nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh thực hành hạnh đại Bi.

2. Thấy chúng sinh ở thế gian sống trong vỏ vô minh nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh thực hành hạnh đại Bi.

3. Thấy chúng sinh ở thế gian rơi vòng sinh tử nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh thực hành hạnh đại Bi.

4. Thấy chúng sinh ở thế gian thường siêng làm những việc bất thiện, không vắng lặng nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh thực hành hạnh đại Bi.

5. Thấy chúng sinh ở thế gian rơi vào dòng nước lớn bị cuốn trôi đi, nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi.

Thấy chúng sinh ở thế gian rớt xuống núi lớn bị khổ não dữ dội ép bức, nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi.

6. Thấy chúng sinh ở thế gian lìa xa Thánh đạo rơi vào tà đạo, nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi.

7. Thấy chúng sinh ở thế gian bị giam trong ngục lớn, tự nhiên bị ràng buộc cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này khởi tâm đại Bi.

8. Thấy chúng sinh ở thế gian tham đắm sắc, thanh, hương, vị, xúc nên không biết chán, không biết đủ, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này khởi tâm đại Bi.

9. Thấy chúng sinh ở thế gian thích làm tôi đòi, thường lệ thuộc người khác, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh mày mà khởi tâm đại Bi.

10. Thấy chúng sinh ở thế gian bị sinh, già, chết ép ngặt, khốn khổ nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này khởi tâm đại Bi.

11. Thấy chúng sinh ở thế gian thường bị bệnh ép ngặt cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

12. Thấy chúng sinh ở thế gian bị ba thứ lửa thiêu đốt, thường phải

tiếp xúc với lửa cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

13. Thấy chúng sinh ở thế gian bị ba thứ lửa thiêu đốt, thường phải tiếp xúc với lửa cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

14. Thấy chúng sinh ở thế gian bị hạ triền trói buộc, sinh tử, thêm dài cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

15. Thấy chúng sinh ở thế gian tâm thường kinh hãi sợ sệt, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

16. Thấy chúng sinh ở thế gian tham đắm chút mùi vị chẳng thấy lỗi lầm cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

17. Thấy chúng sinh ở thế gian mãi ngủ, buông lung, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

18. Thấy chúng sinh ở thế gian chịu sự đói khát, thường hại lẫn nhau, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

19. Thấy chúng sinh ở thế gian thường bị suy tổn, cướp đoạt lẫn nhau, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

20. Thấy chúng sinh ở thế gian bị vô minh che lấp thường không thấy rõ, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

21. Thấy chúng sinh ở thế gian tranh chấp lẫn nhau, não loạn chẳng ngừng, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

22. Thấy chúng sinh ở thế gian như cỏ lan, đậu bò, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

23. Thấy chúng sinh ở thế gian giao hội bất tịnh, lìa xa thanh tịnh, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

24. Thấy chúng sinh ở thế gian làm những việc khó khăn, xa lìa những việc không khó khăn, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

25. Thấy chúng sinh ở thế gian nhiều nghi ngờ, mê đắm các tà kiến, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

26. Thấy chúng sinh ở thế gian như hoa Đầu-la nương theo các thứ "thấy", cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

27. Thấy chúng sinh ở thế gian tâm tưởng đảo kiến, vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là vui, bất tịnh tưởng là tịnh, vô ngã tưởng là ngã, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

28. Thấy chúng sinh ở thế gian mang vác cái gánh nặng nề thường chịu đau khổ thiếu thốn, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

29. Thấy chúng sinh ở thế gian nương cậy sự yếu kém, không có ý tưởng vững chắc, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

30. Thấy chúng sinh ở thế gian thường sống trong sự nhơ bẩn, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

31. Thấy chúng sinh ở thế gian bị ràng buộc trong Dục hữu mà lòng sinh tham đắm, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

Thấy chúng sinh ở thế gian bị lợi dưỡng che lấp, thường cầu lợi dưỡng, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

Thấy chúng sinh ở thế gian bị các thứ bệnh khổ, lo buồn, khóc lóc, sầu não... các khổ dồn dập nhóm họp, cho nên Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh này sinh khởi tâm đại Bi.

Thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm này đã thành tựu ba mươi hai hạnh đại Bi như vậy. Nên Ngài không có lỗi.

Rồi nói kệ rằng:

Vô minh, ngu si rất đen tối
Thấy vô minh che đậy chúng sinh
Thấy chúng sinh hướng ngục sinh tử
Nên Đấng Nhân Tôn sinh đại Bi.
Chúng sinh thường siêng tu các hạnh
Đức Phật thấy chúng sinh nổi trôi
Thường hay thuận theo dòng trôi ấy
Đấng Thập Lực sinh tâm đại Bi.
Rớt vào trong núi lớn rất cao
Thấy chúng sinh đi theo đường tà
Khéo đem an trụ trong Thánh đạo

Ở nơi vắng lặng không phiền não
Bị các thứ tà kiến buộc ràng
Cảnh giới giận, yêu không thỏa mãn
Bị sự sinh, già chết nhận chìm
Nên Đấng Thập Lực khởi đại Bi
Bị các thứ khổ luôn ép ngặt
Thấy ba lửa thế gian cháy rực
Kinh sợ người đắp tấm da nai
Vì thế Phật sinh tâm đại Bi.
Chúng sinh tham đắm ưa thích vị
Buông lung tham đắm các cảnh giới
Thấy họ rơi vào đường quỷ đói
Đấng Điều Ngự cứu giúp oán hại.
Thấy các chúng sinh hại lẫn nhau
Bị vô minh tối tăm che phủ
Giống như cỏ lan bò tươi tốt
Đấng Thập Lực vì duyên cớ ấy,
Dâm dục sinh ra các buộc ràng
Thấy các chúng sinh làm việc khó
Thực hành tà kiến trong rừng rậm
Đấng Thập Lực vì duyên cớ đó,
Đối với bất tịnh tưởng là tịnh
Vô thường, hữu thường, vô ngã, ngã
Thấy các chúng sinh mang vác nặng
Nên Đấng Thập Lực sinh Từ bi.
Thấy gánh vác những vật nặng nề
Phàm phu thường nương cậy yếu kém
Thường bị kết sử làm ô nhiễm
Nên Đấng Thập Lực phát đại Bi.
Thấy bị lợi dưỡng làm che lấp
Lại nữa cảnh giới không nhàm đủ
Bị rơi vào biển lớn cõi Dục
Cho nên Phật phát tâm đại Bi.

Có rất nhiều thứ bệnh lo buồn
Thấy các chúng sinh khổ não rồi
Vì tất cả các khổ não đó
Cho nên Phật phát tâm đại Bi.
Biết là phi hữu cũng phi vô
Ngài thường có tâm đại Từ bi
Tất cả chúng sinh tâm trùm khắp
Cho nên Nhất thiết trí không lỗi.

Thưa Đại vương! Nay tôi lại nói lược về Sa-môn Cù-đàm thành tựu được bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, bốn Thiền, năm Căn, năm Lực, bảy Pháp trợ đạo, tám phần Thánh đạo, Ngài thành tựu đầy đủ. Vậy nên thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm này không có lầm lỗi.

Rồi nói kệ rằng:

Thường siêng tinh tấn tu Niệm xứ
Đại Giác khéo biết bốn Chánh cần
Đại Tiên thiền định được tự tại
Hơn hẳn chúng sinh, không lỗi lầm,
Điều Ngự thành tựu các thần thông
Biện tài tự tại, đến bờ kia
Như Lai khéo biết chú giải thoát
Đạt giác khéo thông đạt các Đế,
Đối với phạm hạnh được tự tại
Tu tập Từ, Bi và Hỷ, Xả
Khéo léo an trụ trong định tuệ
Vậy nên thường không có lỗi lầm.
Đại Tiên khéo biết giúp Bồ-đề
Như Lai khéo biết tám đường Thánh
Thấy chúng sinh khổ đối Thánh đạo
Rốt ráo an trụ bền an vui,
Tất cả cõi đời không chúng sinh
Nào bằng được như Đấng Điều Ngự
Nhất thiết trí có mọi công đức
Thường hay chẳng hủy báng người khác.

Thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm này có đủ mười Lực.

Nhà vua nói:

–Này đại Bà-la-môn! Mười Lực của Như Lai gồm những gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Đó là:

1. Phật Như Lai chỗ này biết như thật, chỗ này chẳng phải chỗ biết như thật.

2. Biết như thật chẳng phải chỗ quá khứ, vị lai, hiện tại tạo nghiệp, thọ nghiệp, chỗ ở, nhân quả, báo ứng.

3. Biết như thật vô lượng các cõi, các thứ thế giới.

4. Biết như thật những người khác, chúng sinh khác... các thứ loại sở giải.

5. Biết như thật chúng sinh khác, người khác... có căn tánh thù thắng, không có căn tánh thù thắng.

6. Biết như thật tất cả đến với đạo.

7. Biết rõ như thật các Căn, các Lực, trợ Đạo, các Thiền định Giải thoát định, Thứ lớp định, tất cả các kết sử ô nhiễm hay bạch tịnh... tùy từng chỗ của các chúng sinh khác, của những người khác.

8. Biết như thật những điều mà người ta làm, người ta nói ở một đời hay ở vô lượng đời. Khi nghĩ nhớ đến các thứ túc mạng nhiều vô lượng.

9. Biết như thật các thứ sinh tử, đến cả việc sinh lên đường lành hay đường ác của các chúng sinh bằng mắt trời thanh tịnh vượt hơn mắt thường.

10. Biết như thật các lậu đã hết, tâm vô lậu giải thoát và trí tuệ giải thoát.

Thưa Đại vương! Đó là Như Lai đầy đủ mười Lực, vì đầy đủ Lực nên gọi là Trì thập lực, Vô hàng phục. Vậy nên Như Lai không lỗi. Rồi nói kệ rằng:

Là xứ, phi xứ
Biết đúng như thật
Đại nhân nói thật
Ngài không có lỗi.
Quá khứ không chướng
Kia có trí tuệ
Hiện tại, vị lai
Biết không có lỗi,
Khéo biết nghiệp báo

Biết có nhân duyên
Đúng thật, chẳng lầm
Đấng Điều Ngự biết,
Biết đến vô lượng
Các thứ thế giới
Khéo biết các cõi
Người đời không bằng.
Các thứ kiến giải
Vô lượng chư Phật
Soi đời biết rõ
Đúng thật, không khác
Biết kẻ căn chậm,
Cũng biết trung căn
Lại biết căn thục
Đến bờ bên kia
Tất cả đến đạo
Biết đúng như thật
Căn, Lực giúp đạo
Thần thông giải thoát
Trong sạch, nhiễm ô
Mỗi mỗi biết rõ
Không có chướng ngại
Tri kiến vô ngại
Nghĩ nhớ bình đẳng
Xứng thật vô lượng
Thân mình, thêm người
Như thật không khác
Mắt trời sạch trong
Hơn mắt người đời
Chúng sinh sinh chết
Điều Ngự thấy hết
Biết các lậu hết
Cũng biết giải thoát
Vô lậu có khác
Cũng đều thấy biết
Sức Đấng Nhân Tôn
Biết rõ tự tại
Một niệm có này

Tâm không phân biệt
Phát động, chẳng phát
Tự nhiên mà có
Mới quay pháp luân
Không phân biệt hành
Nhất tâm mà biết
Ý nghĩ chúng sinh
Và tâm chúng sinh
Không có hai tướng
Cho nên không lỗi
Phật được tự tại
Tất cả pháp lành
Sinh các công đức.

–Thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm này có đủ bốn Vô úy.

Nhà vua lại hỏi:

–Này Đại Bà-la-môn! Bốn vô úy của Như Lai gồm những gì?

Đáp:

–Thưa Đại vương! Sa-môn Cù-đàm này tự nói ta chứng được Chánh biến tri. Nếu có Sa-môn, các Bà-la-môn, Thiên ma, Đại phạm và người đời nói là ông đối với các pháp chẳng Chánh biến tri, thì ta chẳng thấy tướng đó, vì chẳng thấy tướng nên được hạnh an ổn, được hạnh vô úy. Ngài tự nói ta đạt được hạnh Tối thắng xứ, ở trước đại chúng, chánh thức rống lên tiếng rống sư tử, có khả năng quay bánh xe Phạm. Sa-môn, Bà-la-môn và các thế gian khác không thể quay được bánh xe chánh pháp này.

Đức Phật có thệ nguyện: "Ta đã dứt hết các lậu. Nếu có ai nói là ta chưa dứt hết các lậu thì Phật không thấy tướng đó, vì không thấy tướng nên Như Lai đắc được hạnh an vui, được hạnh vô úy, được hạnh Thắng xứ, ở trước đại chúng chánh thức rống lên tiếng rống sư tử, có khả năng quay bánh xe Phạm. Sa-môn, Bà-la-môn và các thế gian khác không thể quay được bánh xe chánh pháp này.

Đức Phật nói pháp chướng đạo. Nếu có người nói là gần gũi pháp này không bị chướng ngại, Phật chẳng thấy tướng đó, vì không thấy tướng nên được hạnh an vui, được hạnh vô úy, được hạnh Thắng xứ, ở trước đại chúng chánh thức rống tên tiếng rống sư tử, quay bánh xe "Phạm". Sa-môn, Bà-la-môn và các thế gian khác không thể quay được bánh xe chánh pháp này. Ta nói "Đạo xuất thế của bậc Thánh". Nếu có người nói là gần gũi này

chẳng thể xuất thế thì Phật chẳng thấy tướng này, vì chẳng thấy tướng này được hạnh an vui, được hạnh vô úy, được hạnh Thắng xứ, ở trước đại chúng chánh thức rống lên tiếng rống Sư tử, có khả năng quay bánh xe "Phạm". Sa-môn, Bà-la-môn và các thế gian khác không thể quay được bánh xe chánh pháp này.

Thưa Đại vương! Đây là bốn việc không sợ hãi của Như Lai. Đức Như Lai có đủ bốn việc không sợ hãi này, ở trước đại chúng chánh thức rống lên tiếng rống sư tử... cho nên Như Lai không có lỗi.

Rồi nói kệ rằng:

Trước chúng rống sư tử
Phật không hề sợ hãi
Lại không ai bằng ta
Huống chúng sinh lỗi lầm
Nếu ta đã ngộ pháp
Là chân thật không dối
Là Chánh Biến Tri Kiến
Vua nai, sư tử rống
Nếu có kẻ trái ngược
Chẳng thấy có tướng ấy
Vì không thấy tướng nên
Phật không hề sợ hãi
Ta hết tất cả lậu
Thân ta là vô lậu
Không có người bằng ta
Các trời và người đời
Có pháp chướng ngại ấy
Đấng Điều Ngự đã nói
Là chân thật không dối
Không có thể thay đổi
Ta nói đạo xuất thế
Tự giác rồi giảng nói
Người tu hành pháp này
Không có chướng ngại gì
Phật biết điều đó rồi
Như Lai được an vui
Đắc an vui không sợ
Hạnh hơn Đại trượng phu

Quay bánh xe chánh pháp
Kẻ khác không quay được
Thế gian không thể quay
Trừ Đấng Lưỡng Túc Tôn.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT HÀNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA

QUYỂN HẠ

Lại nữa, này Đại vương! Vị Sa-môn Cù-đàm này thành tựu mười tám pháp Phật bất cộng.

Thưa Đại vương! Những gì là mười tám pháp Phật bất cộng?

Thưa Đại vương! Đó là:

1. Đức Phật Như Lai không có thác loạn.
2. Miệng không lời nói.
3. Không có mất niệm.
4. Không có dị tưởng.
5. Không lúc nào chẳng định tâm.
6. Không lúc nào chẳng biết mình.
7. Bỏ dục không thoái giảm.
8. Tinh tấn không thoái giảm.
9. Niệm không thoái giảm.
10. Tuệ không thoái giảm.
11. Giải thoát không thoái giảm.
12. Giải thoát tri kiến cũng không thoái giảm.
13. Tất cả hành động của thân lấy trí tuệ làm đầu, theo trí tuệ mà hành động.
14. Tất cả hành động của miệng lấy trí tuệ làm đầu, theo trí tuệ mà hành động.
15. Tất cả hoạt động ý của lấy trí tuệ làm đầu, theo trí tuệ mà hành động.
16. Biết quá khứ tri kiến không ngăn ngại.
17. Biết vị lai tri kiến không ngăn ngại.
18. Biết hiện tại tri kiến không ngăn ngại.

Đó gọi là Như Lai thành tựu mười tám pháp Phật bất cộng. Vậy nên Như Lai không lầm lỗi.

Rồi nói kệ rằng:

Thế Tôn không thác loạn
Miệng không có nói lời
Ngài luôn không thất niệm
Vậy nên không lỗi gì.
Lòng không có dị tưởng
Chánh trí không loạn tâm
Theo thời chẳng sinh, xả
Như Lai không lỗi lầm,
Xả dục, không thoái giảm
Thiện Thệ tiến không suy
Niệm Ngài không bị mất
Kia không thể hủy đi
Trí tuệ không tổn giảm
Giải thoát không thoái giảm
Giải thoát tri kiến nguyên
Trí kia không não phiền
Tất cả các thân nghiệp
Khẩu nghiệp và ý nghiệp
Lấy trí lực làm đầu
Trí cũng không lầm đâu
Biết đến đời quá khứ
Trí kia không ngại ngăn
Vị lai cũng không ngại
Hiện tại có gì ngăn
Có công đức như vậy
Chính Sa-môn Cù-đàm
Việc hơn thế vô vàn
Ta chẳng thể nói hết.

Lúc bấy giờ, vua Chiên-trà-bát-thọ-đề nghe các công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai như vậy rồi thì rất là thích ý, vui mừng nhảy nhót, phát sinh lòng ái lạc đối với Tát-già Ni-kiền Tử. Nhà vua sở đắc vô lượng hoan hỷ, sở đắc không thể nghĩ bàn tưởng, sở đắc Thế Tôn tưởng, sở đắc Thiện tri thức tưởng, sở đắc thị Bồ-đề tưởng, sở đắc độ đáo bỉ ngạn Nhất thiết trí tưởng, sở đắc khải thỉnh tưởng, sở đắc niệm

tưởng. Vua lại sở đắc cái tưởng của Bồ-tát bất khả tư nghì giải thoát. Vua sở đắc các tưởng tâm như vậy rồi, đem chuỗi ngọc chân châu trị giá hàng trăm ngàn, lại còn đem áo quý giá vô thượng để cúng dường Tát-già Ni-kiền Tử. Rồi ông tán thán lời như vầy:

–Lành thay, lành thay! Tát-già Ni-kiền Tử! Ông đã khéo nói pháp thứ lớp phương tiện.

Nhà vua lại nói:

–Này Tát-già! Ông đã nói pháp thuận Nhất thiết trí. Ông đã nói pháp đạt đến Nhất thiết trí. Ông đã nói pháp ra khỏi sinh tử. Ông đã nói pháp diệt hết dơ bẩn kết sử. Ông đã nói pháp có thể phá hoại núi ma. Ông đã nói pháp có thể làm khô biển ái. Ông đã nói pháp soi sáng rừng ngu si. Ông đã nói pháp khi giáo hóa chúng sinh chẳng lầm lỗi.

Nhà vua nói như vậy rồi, Tát-già Ni-kiền Tử nói với nhà vua lời như vầy:

–Này Đại vương! Uy nghi của Bồ-tát không bao giờ lại không điều phục các chúng sinh, không có nói pháp trái ngược với Đại thừa. Nếu chẳng có thể tăng thêm Nhất thiết trí, nếu chẳng có thể hết tất cả kết sử, nếu chẳng có thể thị hiện lỗi hoạn sinh tử, nếu chẳng có thể đến với Niết-bàn, nếu chẳng có thể gần hạnh Bồ-tát, nếu chẳng có thể đạt đến tự lợi, lợi tha và đều có lợi cả... tất không hề có việc đó.

Này Đại vương! Nếu có, khi tất cả vừa phát khởi ý bèn đạt đến tự lợi, lợi tha và đều lợi cả.

Khi Tát-già Ni-kiền Tử nói việc này thì vua Chiên-trà-bát-thọ-đề đạt được đoạn nghi, rồi được bất hoại tín. Mười tám vương tử được cảnh giới của hoan hỷ tín hạnh. Tám ngàn Thiên tử thu hoạch được Tam-muội tên là Trang nghiêm Phật hạnh. Có một vạn ba ngàn Ni-càn ngồi ở trong cung vua này phát tâm đạo Vô thượng chánh chân. Tất cả đều cởi áo cúng dường Tát-già Ni-kiền Tử xong, nói lời như vầy:

–Chúng tôi nay được thiện lợi, được thấy Tát-già đại thiện nam tử, lại được nghe diễn thuyết pháp tùy thuận.

Họ lại nói:

–Thưa ngài Tát-già! Ngài nên cùng chúng tôi đến yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Phật Như Lai này nay đang ở tại vườn của ta.

Tát-già đáp:

–Tất cả đều hòa hợp lại cùng đến.

Khi ấy, Đại vương cùng quyến thuộc, đại thần, thần dân thiết lập Đại trang nghiêm. Lúc bấy giờ Đại vương xướng lệnh đi khắp trong thành như vầy:

–Nếu ai không đến chỗ Đức Như Lai sẽ bị chết chém.

Cả thành, tất cả nam tử, nữ nhân, đồng nam đồng nữ nghe lệnh vua rồi, ai nấy đều mang các thứ hoa thơm, hương xoa, bột hương, các thứ kỷ nhạc... ra đến bên ngoài thành Ưu-thiền rồi đứng hướng về khu vườn mà đợi Đại vương.

Lúc bấy giờ, vua Bát-thọ-đề cùng với Tát-già Ni-kiền Tử, các Đại thần, vương tử, binh chúng, thể nữ nội cung, thần dân trong nước... cỡi xe vây quanh. Đại vương Uy Đức, vua Đại Thần Lực, Vua Đại Biến Hóa, vua Đại Du Hý, tràng phan bảo cái giương lên, trăm ngàn thứ âm nhạc, ca múa, xướng kỹ, sáo địch nhịp nhàng, tạo ra các thứ diệu âm. Voi ngựa mua vui, trăm ngàn bình tốt đẹp xếp hàng ở phía trước. Xe voi, xe ngựa dùng vàng mạ trang trí. Chín mươi tám ức dân chúng vây quanh, tự hướng về khu vườn để đến chỗ Đức Thế Tôn.

Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Đức Phật, đi quanh bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên. Tát-già Ni-kiền Tử cùng quyến thuộc đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi đều đi quanh vô lượng trăm ngàn vòng xong, họ đứng thẳng, chắp tay nhìn Đức Phật không nháy mắt.

Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất thấy Tát-già Ni-kiền Tử đứng trước Đức Phật, nhìn Đức Phật không chớp mắt liền suy nghĩ: "Tát-già Ni-kiền Tử vì nhân duyên gì đến đây?" Nghĩ như vậy rồi nói với Tát-già Ni-kiền Tử:

–Này Tát-già! Ông vì duyên cớ gì mà đến chỗ Đức Như Lai? Vì muốn gặp Đức Như Lai hay vì muốn nghe pháp?

Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Ta nay chẳng thấy Phật, chẳng vì nghe pháp. Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Ta nay chẳng dụng tất cả pháp nên đến chỗ Đức Như Lai. Vì sao vậy? Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Vì thấy sắc chẳng gọi là thấy Như Lai, thấy thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại thì gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy bằng ngã mới gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy chúng sinh, chẳng thấy thọ mạng, chẳng thấy dưỡng dục mới gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy trượng phu mới gọi là thấy Như Lai. Chẳng

thấy "ngã thắng", "ngã sở thắng" mới gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy tướng mới gọi là thấy Như Lai.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Chẳng thấy tất cả tướng ấy mới gọi là thấy Như Lai. Chẳng thấy chấp trước mới gọi là thấy Như Lai. Thấy không có vật mới gọi là thấy Như Lai. Thấy được tánh nên gọi là thấy Như Lai. Thấy đến bản tế nên gọi là thấy Như Lai. Mắt thấy sắc lìa dục mới gọi là thấy Như Lai. Tai nghe tiếng không bị sai khiến mới gọi là thấy Như Lai. Mũi ngửi hương chẳng hòa hợp mới gọi là thấy Như Lai. Lưỡi nếm vị không biết mới gọi là thấy Như Lai. Thân chạm xúc không đắm trước mới gọi là thấy Như Lai. Thấy pháp, ý không phân biệt mới gọi là thấy Như Lai.

Xá-lợi-phất nói:

–Bằng những tướng như thế để thấy Như Lai thì làm sao thấy được Như Lai?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Không phải dùng 'chủng' nên đến với Như Lai, chẳng dùng tánh nên đến với Như Lai. Phi tướng, phi vô tướng; phi pháp, phi vô pháp; phi thật, phi bất thật; phi cảnh giới, phi bất cảnh, phi tư duy, phi bất tư duy; phi phân biệt, phi bất phân biệt; phi hữu vi, phi vô vi; phi vật, phi bất vật; phi tụ, phi tán; phi sắc, phi thọ; phi tưởng, phi hành, phi thức; phi thủ, phi bất thủ, nên gọi là thấy Như Lai.

Xá-lợi-phất nói:

–Này Tát-già! Ông dùng những tướng như vậy để thấy Đức Như Lai. Này thiện trượng phu, vậy làm sao thấy được Như Lai?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi chẳng phải dùng sắc để thấy được Như Lai, chẳng rời khỏi sắc để thấy được Như Lai, cũng chẳng hủy hoại sắc để thấy được Như Lai. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không phải nhờ đến thức để thấy được Như Lai, chẳng rời khỏi thức để thấy được Như Lai, cũng chẳng hủy hoại thức để thấy được Như Lai. Không phải phần hiện thế thấy Như Lai; không phải phần quá khứ thấy Như Lai. Không phải dùng phần ấm thấy Như Lai, không phải dùng phần giới để thấy Như Lai. Ta dùng như vậy thấy được Như Lai. Ta thấy tất cả lời nói không phải lời nói gọi là thấy Như Lai. Ta không phải thấy, không phải chẳng thấy; không phải "hữu", không phải chẳng "hữu"; không phải phân biệt, không phải chẳng phân biệt; không phải nhớ

tưởng, không phải tranh, không phải não, không phải khởi, không phải lấy, không phải bỏ, không phải hý luận, không phải tác tưởng, không phải chẳng tác tưởng, không phải tác vật, không phải chẳng tác vật, không phải động phát, không phải chẳng động phát; không phải tác kiến, không phải không tác kiến; không phải cảnh giới kiến, không phải chẳng cảnh giới kiến; không phải ngôn ngữ, không phải chẳng ngôn ngữ để thấy được Như Lai. Rời khỏi tất cả sở hữu lời nói, đàm luận, âm thanh gọi là thấy được Như Lai, cũng không có sở kiến.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Bồ-tát thấy Như Lai như thế, ta cũng như thế thấy Như Lai.

Xá-lợi-phất nói:

–Ông dùng như thế để thấy Như Lai. Ông lại nghe thuyết pháp như thế nào vậy?

Tát-già đáp:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu ta nghe Đức Như Lai nói pháp mà phát sinh pháp tưởng thì không phải là pháp tưởng. Vì sao vậy? Này Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả lời nói sở hữu của Bồ-tát đều phát xuất từ pháp nhưng không chấp trước, cũng chẳng sinh trưởng. Vì sao? Vì rời pháp tưởng vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Này Tát-già! Nay ông chẳng cầu nghe pháp thì đến với Như Lai làm gì vậy?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tôi không phải cầu pháp, không phải chẳng cầu pháp mà lại đến với Như Lai ư? Vì sao? Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Phàm cầu pháp ấy gọi là chẳng cầu đến tất cả các pháp.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Phàm cầu pháp thì chẳng chấp trước nơi Phật mà cầu, chẳng chấp trước nơi Pháp mà cầu, chẳng chấp trước nơi Tăng mà cầu, chẳng biết khổ cầu, không phải đoạn tập cầu, không phải tu đạo cầu, không phải chứng diệt cầu. Không phải qua Dục giới, qua Sắc giới, Vô sắc giới cầu. Không phải sinh tử cầu, không phải Niết-bàn cầu.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức phải biết đối với tất cả các pháp tôi đều chẳng cầu, nên tôi đến chỗ Đức Như Lai.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì nhân duyên gì nên ông nói như vậy?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp không nhân duyên nên ta nói như vậy. Hơn nữa, pháp giới tánh không có nhân duyên, không phải không nhân duyên, đều không thể nắm bắt được vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Nay ông lưu chuyển ở các đường vậy ư?

Tát-già đáp:

–Này Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu có đường thì tôi lưu chuyển, nếu có sinh thì tôi có sinh, nếu có chết thì tôi có chết.

Này Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp không mất đi, không sinh tử.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Này Tát-già! Như Đức Phật đã nói: "Này các Tỳ-kheo, sinh lão bệnh tử" thì sao?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả chúng sinh y chỉ nơi "hữu đạo" và kiêu mạn vậy. Vì phá cái y chỉ đó nên Đức Như Lai Thế Tôn nói ra như thế. Tánh chân như của pháp không có sinh, lão, bệnh, tử như vậy.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Này ông Tát-già! Ông nói nghĩa Đại thừa biết phân biệt.

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nay tôi có thể biết thế nào là nghĩa, thế nào là phân biệt chăng?

Xá-lợi-phất nói:

–Này thiện nam! Ta không nói mà ta nay muốn nghe thôi. Này thiện nam! Ông phải diễn thuyết cho chúng ta nghe thế nào là nghĩa, thế nào là phân biệt.

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Nghĩa ấy là không lời nói. Nếu có lời nói thì gọi là phân biệt. Lại nữa, nghĩa ấy là chẳng thể nói, nếu có lời nói thì gọi là phân biệt. Lại nữa, nghĩa ấy gọi là mặc nhiên, nếu có lời nói gọi là phân biệt. Lại nữa, nghĩa ấy là không lay động, không các hý

luận, không có phân biệt, không có trang nghiêm, không phải hữu, không phải vật, không có ngã tưởng, không phải dũng, chẳng thể lấy, chẳng thể thấy, không có chỗ ở, rời xa tất cả chỗ ở, lời nói. Lại nữa, phân biệt ấy nghĩa là sổ quán không lường đến tận lòng kẻ khác. Lại nữa, nghĩa ấy gọi là biện nghĩa. Phân biệt ấy nghĩa là biện pháp, biện từ, ưa biện thuyết. Này Đại đức Xá-lợi-phất! Đó gọi là lược nói về nghĩa và phân biệt.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán Tát-già Ni-kiền Tử:

–Hay thay, hay thay! Này thiện nam, đúng như lời ông đã nói!

Khi ông Tát-già nói pháp này thì ba ngàn Thiên tử đắc được Vô sinh pháp nhẫn. Hai vạn chúng sinh nghe được Đại biện này đã phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Lúc bấy giờ, Đại đức Mục-liên bạch Đức Thế Tôn:

–Thiện nam Tát-già này mặc y phục ngoại đạo Ni-kiền Tử đó đã hóa độ được bao nhiêu chúng sinh rồi?

Đức Phật bảo Mục-liên:

–Nếu nghe việc này thì tất cả trời, người đều sẽ mê hoặc, chỉ trừ những vị Đại Bồ-tát.

Này Mục-liên! Ông hãy lắng nghe, ta nay diễn thuyết về việc Tát-già Ni-kiền Tử giáo hóa một phần chúng sinh dưới đủ các hình thức ăn mặc và dáng vẻ oai nghi.

Này Mục-liên! Tát-già thiện nam tử này đã ăn mặc y phục ngoại đạo giáo hóa chúng sinh nhiều như số vi trần, khiến họ phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Thiện nam tử này mặc y phục dưới dạng Di-lặc hóa độ được số chúng sinh nhiều như vi trần trong bốn thiên hạ, phát đạo tâm Vô thượng chánh chân. Bằng hình tướng xuất gia ở các đạo khác, thiện nam tử này đã hóa độ được số chúng sinh nhiều gấp tám mươi tư lần số cát sông Hằng, khiến họ phát đạo tâm Vô thượng chánh chân.

Thị hiện hình dáng Thanh văn, thiện nam tử này đã hóa độ được số chúng sinh nhiều bằng mười lần số cát sông Hằng. Thị hiện Thanh văn thừa rồi, sau đó mới hóa độ, khiến họ phát đạo tâm Vô thượng chánh chân. Làm dáng vẻ Duyên giác, thiện nam tử này đã hóa độ được số chúng sinh lại nhiều hơn thế. Ăn mặc hình thức Bồ-tát, thiện nam tử này giáo hóa số chúng sinh nhiều hơn thế nữa.

Thiện nam tử này còn làm dáng vẻ Đế Thích, dáng vẻ Phạm vương, dáng vẻ Chuyển luân vương, dáng vẻ bốn vua hộ thế, dáng vẻ Khẩn-na-la, dáng vẻ A-tu-la, dáng vẻ Ca-lâu-la, dáng vẻ Ma-hầu-la, dáng vẻ người, dáng vẻ không phải người, dáng vẻ người nam, dáng vẻ người nữ, dáng vẻ đồng tử, dáng vẻ đồng nữ, dáng vẻ Địa thiên, dáng vẻ Tức hóa sinh thiên, dáng vẻ người tiên, dáng vẻ Bà-la-môn tuổi trẻ, dáng vẻ Tỳ-kheo, dáng vẻ Tỳ-kheo-ni, dáng vẻ Ưu-bà-tắc, dáng vẻ Ưu-bà-di...

Này Mục-liên! Thiện nam Tát-già như thế giáo hóa được chúng sinh rất nhiều.

Lúc bấy giờ, ngài Mục-liên bạch Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Tát-già Ni-kiền Tử phụng sự cúng dường bao nhiêu Đức Như Lai vậy?

Đức Phật bảo Mục-liên:

–Giả sử hư không kia còn có biên giới, nhưng không thể có được giới hạn các loại hình cúng dường phụng sự các Đức Phật Như Lai của thiện nam Tát-già.

Này Mục-liên! Giả sử khiến ta có được biên giới của địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, chúng sinh giới, nhưng không thể có được giới hạn việc thiện nam Tát-già này phụng sự cúng dường các Đức Phật Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đại đức Ca-diếp nói với thiện nam Tát-già:

–Này thiện nam! Ông phụng sự cúng dường nhiều các Đức Phật, công đức của ông thành tựu đầy đủ, vì cớ gì mà ông không thành đạo Vô thượng chánh chân?

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Ca-diếp! Nếu có Bồ-đề, có người giác ngộ Bồ-đề thì ta sẽ giác đạo Vô thượng chánh chân.

Đại đức Ca-diếp nói với Tát-già:

–Hằng hà sa số các vị Đại Bồ-tát đều phát nguyện Bồ-đề, giác ngộ đạo Vô thượng chánh chân. Họ đã giác ngộ, đang giác ngộ và sẽ giác ngộ.

Tát-già đáp:

–Thưa Đại đức Ca-diếp! Vì chúng sinh kiêu mạn nên kể ra như vậy. Nhưng trong "Đệ nhất nghĩa" thì không có Bồ-đề, không có người giác ngộ Bồ-đề. Vì sao vậy? Thưa Đại đức Ca-diếp! Bồ-đề là vô vi, lìa

tất cả số. Bồ-đề không phải sắc, không thể thấy vậy. Bồ-đề chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải tía, chẳng phải màu pha lê (trong suốt); không có hình tượng, không tướng không mạo, vượt qua tất cả tướng, không có chỗ đến, dứt tất cả chỗ đến; không phải hữu; lìa tất cả hữu; không phải tướng lìa tất cả tướng. Không có lời nói, khẩu nghiệp bất cập vậy. Chẳng phải thấy, chẳng phải trụ, cũng chẳng phải có vật. Chẳng phải tối, chẳng phải sáng, không hình không thể. Chẳng có thể nói lời, không phải chẳng thể nói. Chẳng phải xúc, chẳng phải tri, chẳng phải nghe, chẳng phải tiếng, chẳng phải câu, chẳng phải trói, chẳng phải buộc, chẳng phải mở. Chẳng phải nhiễm, chẳng phải sân, chẳng phải si, chẳng phải tất cả các việc. Chẳng phải giả danh, chẳng phải chẳng giả danh.

Thưa Đại đức Ca-diếp! Đó là tánh Bồ-đề. Lại nữa, Bồ-đề không phải sở giác của thân. Lại nữa, Bồ-đề không phải sở giác của tâm. Vì sao vậy? Thưa Đại đức Ca-diếp! Thân si không trí giống như cỏ cây, tường vách, khối đất. Vậy nên chẳng có thể giác ngộ được tâm Bồ-đề không sắc. Lại chẳng thấy được, cũng chẳng thể giác ngộ được Bồ-đề.

Thưa Đại đức Ca-diếp! Tất cả pháp tánh thảy đều như vậy. Đại đức làm sao nói được đạo Vô thượng chánh chân? Đại đức làm sao thành tựu được đạo Vô thượng Chánh chân?

Lúc bấy giờ, chúng Bồ-tát, chúng Đại Thanh văn, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Đế Thích, Phạm vương, bốn vua trời Hộ thế suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn biết lòng chúng sinh như thật, theo đó mà cởi mở sự hiểu biết. Đức Như Lai sẽ đoạn dứt lòng do dự, nghi hoặc của chúng ta. Đức Như Lai sẽ nói lời ký cho thiện nam Tát-già bao nhiêu lâu nữa ông sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân. Thế giới của ông ấy tên là gì? Đắc đạo Bồ-đề rồi, danh hiệu ông ấy là gì? Ông ấy trụ thọ bao nhiêu năm? Có bao nhiêu đại chúng?"

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý niệm trong lòng của các Bồ-tát, Thanh văn, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Đế Thích, Phạm vương, bốn vua trời Hộ thế nên liền bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Thiện nam Tát-già đó khi kiếp Hiền này qua rồi, về sau trải qua một số kiếp nhiều không tính toán được sẽ được làm Phật hiệu là Thật Ý Tướng Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Thế giới của vị Phật đó tên là Thiện quán xưng, kiếp tên là Diệt thứ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Thiện quán xưng đó đoan nghiêm, rất

đáng yêu thích. Hàng trăm ngàn bảy báu trang nghiêm giáp vòng. Tường cao, tường thấp trang nghiêm bằng bảy báu. Có hàng trăm ngàn hào sâu, trong đó đầy nước thơm của bảy loại hương. Lại có hàng trăm ngàn đài quan sát cao lớn làm bằng bảy thứ lưu ly rất quý. Có hàng trăm ngàn vạn lưới bằng vàng Diêm-phù-đàn dùng để trang nghiêm khắp nơi trên cõi ấy. Có hàng trăm ngàn vạn tiên báu ma-ni xen lẫn trong các đài quan sát. Có hàng trăm ngàn vạn ngọc sư tử ma-ni báu hơn dùng trang nghiêm cửa sổ. Có hàng trăm ngàn vạn ngọc báu ma-ni sư tử tràng dùng trang nghiêm bảo tòa. Có hàng trăm ngàn vạn ngọc báu Ma-ni Đại tràng chiếu sáng tất cả. Có hàng trăm ngàn vạn lưới chuông rung phát ra những âm thanh nhiệm mầu, êm dịu, hài hòa, thích hợp khắp trong cõi ấy. Lủng lẳng giữa không trung là hàng trăm ngàn vạn lưới vàng trân báu. Dựng đứng lên hàng trăm ngàn vạn loại tướng tràng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Thiện quán xưng này đất bằng phẳng như bàn tay, cây báu bao phủ khắp, mọc cỏ mềm mại. Cỏ cõi ấy đều xoay về bên phải, màu như màu cổ chim Khổng tước Nan-đê-bạt-đán. Cỏ này mọc khắp cõi Thiện quán xưng. Có hàng trăm ngàn vạn ngôi vườn để trang nghiêm cõi ấy. Mỗi một ngôi vườn ấy lại dùng trăm ngàn vạn ngôi vườn nhỏ vây quanh để trang nghiêm. Cõi đó có trăm ngàn vạn ao trang nghiêm khắp mọi nơi. Mỗi một cái ao này xen lẫn vào bằng ngọc báu Ma-ni tám cạnh, thềm bậc làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, đáy hồ trải cát vàng, chứa đầy nước tám vị. Hoa báu lan cùng khắp, có ngỗng, nhạn, uyên ương cùng hòa điệu hót.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ở thế giới Thiện quán xưng ấy có trăm ngàn vạn quốc độ, thành ấp, thôn xóm đều rất trang nghiêm. Trong mỗi đại thành ấy lại có trăm ngàn vạn thành nhỏ cũng rất trang nghiêm. Các thôn xóm, tụ lạc ở cõi ấy cũng như vậy. Đó là thế giới mà các quốc độ, thành ấp, làng mạc có số lượng người sinh sống cực kỳ sung mãn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong thế giới Thiện quán xưng đó có bốn hạng người đều có tên là "Thích ý kiến" hết sức đặc thù, rất mực đoan trang, rất giàu có và con cháu rất đông đúc. Như Lai Thật Ý Tướng Vương Ứng Cúng Chánh Biến Tri đang trụ thế ở đó.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Thật Ý Tướng Vương ấy xuất thân từ trong dòng họ Bà-la-môn. Thân mẫu tên là Dũng Mãnh, như Ma-gia mẹ ta ngày nay; thân phụ tên là Phạm-ma-bà-tú, như phụ vương ta nay

tên là Tịnh Phạn vậy. Con tên là Biến Thanh, như nay con ta tên La-hầu-la vậy. Vợ tên là Đại Ý, như hiền thê của ta nay là người con gái thuộc dòng họ Thích có tên là Cù-bà-già vậy. Nhũ mẫu có tên là Đại Xứng, như nhũ mẫu của ta nay tên là Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di vậy. Đức Phật ấy có người thị vệ tên là Thường Thuận Hành, như thị vệ của ta nay có tên là Xiển-đà vậy. Đức Phật Như Lai ấy có đại Mã vương tên là Đại Lực, và Đức Thật Ý Tướng Vương đã cỡi nó để đi xuất gia, như Mã vương của ta nay có tên là Kiền-trì-ca vậy. Đức Phật Như Lai ấy có đạo tràng tên là Pháp dũng, và Đức Phật ấy đã thành tựu đạo Vô thượng chánh chân tại đạo tràng đó. Xung quanh đạo tràng ấy có đến tám mươi ức cây Bồ-đề bao bọc rất trang nghiêm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bấy giờ chỗ Đức Phật ấy không còn chúng Ma và Thiên ma quấy nhiễu nữa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vào thời vị lai, khi Đức Thật Ý Tướng Vương ấy thành tựu đạo quả Vô thượng chánh chân thì tất cả chúng sinh ở cõi Phật đó liền mang vô số hương hoa và nhạc cụ, trỗi lên vô số các thứ âm nhạc và cùng nhau đi đến chỗ đạo tràng Pháp dũng ấy. Trên từ chúng trời A-ca-nị, thảy đều đến tập hội. Tất cả chúng Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cũng đều đến tập hội. Tất cả chúng Đại Bồ-tát khắp bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc thảy đều về tập hội.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lúc Đức Thật Ý Tướng Vương vừa chứng quả Bồ-đề, thì liền ở trong hội chúng đó mà thuyết giảng kinh Bồ-tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa này, cùng vô lượng trăm ngàn ức các kinh khác nữa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Đức Như Lai Thật Ý Tướng Vương giảng nói kinh này thì có hằng hà sa số các chúng sinh đều được không thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đức Thật Ý Tướng Vương Như Lai chẳng nói đến pháp Tam thừa vì cõi Phật này không có Thanh văn và Duyên giác chỉ có chúng sinh Nhất thừa diệu giải sinh ở thế giới ấy thôi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đức Thật Ý Tướng Vương Như Lai Thế Tôn mở hội thuyết pháp lần đầu sẽ có hằng hà sa số Bồ-tát đạt được địa vị không thoái chuyển. Đức Phật mở hội thuyết pháp lần thứ hai có tám mươi na-do-tha Bồ-tát sẽ chứng được bậc Nhất sinh và mở hội thuyết pháp lần thứ ba sẽ có sáu mươi tần-bà-la số Bồ-tát. Từ đó về sau sẽ có số Bồ-tát nhiều

không tính toán được, an trụ không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh chân.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đức Thật Ý Tướng Vương Phật thành đạo rồi thọ được sáu mươi trung kiếp. Sau khi Đức Phật Niết-bàn, chánh pháp trụ thế tám mươi ức trăm ngàn na-do-tha năm. Xá-lợi của Đức Phật sẽ lưu bố rộng rãi, đã điều hóa số chúng sinh nhiều như trước.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Đức Phật kia sắp diệt độ thì thọ ký cho Đại Tướng Bồ-tát xong rồi mới diệt độ. Vị Đại Tướng Bồ-tát này xếp ở sau ta và sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân hiệu là Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Khi ấy, đại chúng ở đây lòng sinh kinh nghi là ai lúc ấy là Đại Tướng Bồ-tát, kế tiếp sau Đức Thế Tôn kia sẽ thành đạo Vô thượng chánh chân hiệu là Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đây?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết được lòng đại chúng nên liền bảo Văn-thù-sư-lợi Đồng tử:

–Đó chính là Tiểu đồng tử ngoại đạo ngồi trước thiện nam Tát-già, tên là Thật Hoan Hỷ, hơn hẳn các đồng tử khác. Đồng tử ấy sẽ thành Phật hiệu là Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Việc trang nghiêm thế giới Đức Phật kia giống như thế giới Đức Phật Thật Ý Tướng Vương Như Lai không khác.

Mọi người ở đây nghe uy đức của cõi Phật Công đức trang nghiêm kia thì trong pháp hội có sáu mươi ức trăm ngàn na-do-tha các vị Bồ-tát phát tâm nguyện sinh vào cõi Phật ấy, nên bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Khi Đức Thật Ý Tướng Vương được thành đạo, chúng con sẽ nguyện sinh vào cõi Phật kia.

Đức Thế Tôn liền thọ ký cho họ sẽ sinh vào cõi đó. Có tám mươi ức các Ni-càn đồng thanh xướng lên:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con sẽ sinh vào cõi Phật kia.

Đức Phật thọ ký cho tất cả sẽ sinh vào cõi Phật kia. Khi ấy ở trên không trung có chín mươi ức trăm ngàn na-do-tha các Thiên tử nói lên như vầy:

–Thưa Thế Tôn! Khi Đức Phật Thật Ý Tướng Vương kia đắc đạo Bồ-đề, chúng con sẽ sinh trong thế giới Thiện quán xưng kia để sẽ chứng kiến được công đức trang nghiêm như vậy.

Đức Phật liền nói lời ký:

–Này các Thiên tử! Các ông cũng sẽ sinh vào cõi Thiện quán xưng kia để phụng sự Đức Phật đó.

Này các Thiên tử! Các ông cũng sẽ ở tại cõi Thiện quán xưng kia mà thành đạo Vô thượng chánh chân. Mỗi người có tên khác nhau nhưng thọ mạng bằng nhau.

Ngay khi ấy, khắp tam thiên đại thiên thế giới liền có sáu thứ chấn động. Tự nhiên trên mặt đất ấy mọc ra vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha hoa sen báu lớn, cánh sen bằng vàng Diêm-phù-đàn, đài sen bằng ngọc biếc lưu ly ma-ni, tua sen bằng xa cừ, cành sen bằng lưu ly. Trong các hoa sen có các vị Bồ-tát hiện ra ngồi kiết già, thân tướng hảo trang nghiêm cung kính lễ Phật, đem các thứ chuỗi ngọc như lưới mây để cúng dường Đức Phật Thế Tôn. Tất cả đều nói:

–Chúng con mỗi người đều ở tại các cõi Phật khác nhau xa nghe Phật thuyết giảng kinh Công Đức Bồ-Tát chẳng thể nghĩ bàn này nên đi đến đây yết kiến Đức Thế Tôn, cung kính làm lễ đi quanh bên phải Đức Phật. Chúng con cũng vì muốn gặp gỡ thiện nam Tát-già và các đại chúng nữa.

Tất cả lại nói:

–Thưa Thế Tôn! Có vô số chúng sinh trong các cõi Phật nhiều không thể nghĩ bàn, nghe kinh này rồi đều không thoái chuyển đối với đạo Vô thượng chánh chân.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn muốn trùng tuyên ý nghĩa kinh này nên nói kệ rằng:

Nghe ta nói nghĩa này
Lắng lòng chớ tán loạn
Lời Như Lai không dối
Điều Ngự chẳng nói sai
Phật Tát-già ra đời
Hơn ức kiếp về trước
Hiệu Thật Ý Tướng Vương
Kiếp thanh tịnh chẳng cấu
Không có hại dâm dục
Không có các tội ác
Cùng các nghiệp ngu si
Không có trong kiếp đó.
Thế giới Thiện quán xưng

Nhiều sắc đẹp trang nghiêm
Trời người xem hoan hỷ
Cõi Phật ấy hiện có
Đài cao báu dạo xem
Thảy đều rất nghiêm tịnh
Lưới vàng bủa hư không
Rung lên tiếng vi diệu
Có bảo tràng sư tử
Mắc trên lưới báu vàng
Thành trân bảo cao ngất
Trong có cung điện trời
Có sông, hồ và giếng
Tất cả đều trang nghiêm
Sen xanh vàng mọc khắp
Nước đầy đủ tám vị
Bốn hạng người cõi đó
Tên là Thích Ý Kiến.
Phật ấy vốn xuất thân
Dòng giỏi Bà-la-môn
Mẹ tên là Dũng Mãnh
Cha: Phạm Ma-bà-tú
Con tên là Biến Thanh
Như La-hầu con ta,
Phật ấy có vợ đẹp
Nàng tên là Đại Ý
Như Cù-bà vợ ta,
Nhũ mẫu tên Đại Xưng
Như nhũ mẫu ta nay
Là Cù-đàm-di vậy
Thị vệ tên Thuận Hành
Theo hầu Đức Phật ấy
Cung phụng Bậc Thiện Thệ
Như Xiển-đà của ta
Phật ấy cõi Mã vương
Có tên là Đại Lực
Vượt thành đi xuất gia
Như Kiền-trắc của ta.
Đạo tràng của Phật ấy

Có tên là Pháp Dũng
Tám mươi ức trăm ngàn
Cây Bồ-đề bao bọc
Đức Thế Tôn ngồi đó
Thật Ý chẳng ai bằng
Đạo vô thượng vô ưu
Dưới cây chứng đạo lành
Không có các chúng ma
Trọn không còn ma nghiệp
Cõi Phật đó nhu hòa
Chỉ gồm bậc Trượng phu
Chúng sinh ở cõi đó
Đủ công đức trời, người
Mang hoa và kỹ nhạc
Đến đạo tràng Phật ấy
Phật rõ biết chúng hội
Tâm tánh đều thanh tịnh
Nên thuyết kinh vương này
Cùng ức kinh khác nữa.
Khi nghe Đức Thế Tôn
Thuyết giảng Thắng kinh này
Hằng sa ức chúng hội
Được Phật trí không thoái,
Không cầu nghe Hạ thừa
Cùng với Duyên giác thừa
Kiện toàn Bồ-tát tuệ.
Thế giới của Phật ấy
Mở pháp hội lần đầu
Có hằng sa chúng hội
Được công đức không thoái
Đều gọi là Bồ-tát.
Mở pháp hội lần hai
Tám mươi na-do-tha
Chúng hội trụ Nhất sanh.
Trong pháp hội thứ ba
Sáu mươi tần-ba-la
Bồ-tát được lợi ích.
Đức Phật ấy thọ mạng

Trong sáu mươi trung kiếp
Khi Phật diệt độ rồi
Chánh pháp vẫn lưu bố
Đến tám mươi ức ngàn
Na-do-tha năm nữa.
Rộng lưu bố xá-lợi
Điều phục khắp chúng sinh.
Lúc Phật ấy diệt độ,
Truyền Đại Tướng Bồ-tát
"Ông đời sau thành Phật
Hiệu là Đại Trang Nghiêm"
Đại Trang Nghiêm cũng vậy
Vì lợi ích chúng sinh
Thực hành đạo Vô thượng
Của Phật Đại Chánh giác.
Ta tri kiến vô thượng
Biết rõ vô lượng kiếp
Dù loài nào hiện ra
Trí nhất thiết đều rõ.
Hãy vững tin lời ta
Lời Như Lai chẳng dối
Ai ở trong đạo ta
Nên nhớ điều ta dạy.
Nghe Thế Tôn giảng xong
Đại chúng rất hoan hỷ
Đối với cõi Phật kia
Đều nguyện sanh về đó
Đức Thế Tôn dạy rằng
Muốn sanh cõi vô cấu
Các ông nên ngộ đạo
Rộng lợi ích chúng sinh.
Khi thuyết kinh vương này
Sáu lần đất rung chuyển
Trong hoa hiện Bồ-tát
Chắp tay lễ Điều Ngự:
"Lành thay! Bậc Trượng Phu
Khéo nói pháp bất đoạn
Phật thuyết, chúng con nghe

Xa đến đây vì pháp.”

Vào lúc bấy giờ, tất cả đại chúng rất vừa ý kinh ấy nên vui mừng nhảy nhót, ái lạc, thọ trì. Họ chỉ lưu lại trên người một manh áo, bao nhiêu áo còn lại đều đem dâng lên cúng dường Đức Phật. Họ nói lời như vầy:

–Đức Thế Tôn ra đời chuyển pháp luân một lần nữa, ở thành Ba-la-nại lần đầu chuyển pháp luân, nay lại chuyển tối Đại pháp luân nữa.

Tất cả đều nói rằng:

–Thưa Thế Tôn! Nay chúng con nguyện thường không rời Pháp bảo như thế này, cũng thường không rời thiện trượng phu này.

Khi ấy trên không trung tấu lên các thứ Thiên nhạc, mưa các hoa sen lớn xanh, vàng, đỏ, trắng xuống trước Đức Phật. Áo trời của chư Thiên ở giữa hư không bay đi bay lại, họ xướng lên lời như vầy:

–Quả là bậc Thiện trượng phu trong đời đương lai thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn. Được gọi thế, nếu có thọ trì kinh này như đọc tụng thông lợi, vì người khác thuyết giảng rộng rãi.

Nói lời đó rồi, Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Vậy những thiện nam, thiện nữ... biên chép kinh này, thọ trì đọc tụng cho thông lợi, rồi vì người khác thuyết giảng rộng rãi thì được bao nhiêu công đức?

Hỏi như vậy rồi, Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có một thiện nam hay thiện nữ đối với tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, trong các cõi hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng mà có chúng sinh giới, chỉ có Đức Phật mới có thể biết các “hữu” tất cả, chưa được làm thân người, đều được làm thân người, đã thành đạo Vô thượng chánh chân, mà một thiện nam hay thiện nữ đó cung kính cúng dường, tôn trọng lễ bái họ như là tất cả Phật, bố thí cho họ các điều kiện sống an lạc, kéo dài thọ mạng trong một kiếp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ý ông như thế nào? Người thiện nam hay thiện nữ này do cái nhân duyên đó được phước nhiều chăng?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Rất nhiều, thưa Đấng Thiện Thệ. Nhiều đến nỗi không có thể tính toán, đo lường được.

Đức Phật bảo:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Người thiện nam hay thiện nữ chép tả, thọ trì,

đọc tụng thông lợi, vì người khác thuyết giảng rộng rãi kinh này, phước nhiều hơn người thiện nam hay thiện nữ cúng dường các Đức Phật kia.

Ngài Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thưa Thế Tôn! Thật chưa từng có vậy! Đức Thế Tôn đã vì lợi ích cho tất cả thế gian mà thuyết giảng kinh này. Thưa Đức Thế Tôn! Kinh này sẽ lưu bố ở cõi Diêm-phù-đề trong bao lâu?

Đức Phật nói:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Sau khi ta vào Niết-bàn, xá-lợi của ta sẽ lưu bố rộng rãi. Lúc bấy giờ tám vị vua sẽ dùng hòm báu chứa đựng xá-lợi của ta. Xá-lợi của ta được chia làm tám phần, rồi ở mỗi nước tự kiến tạo đại tháp. Vua A-xà-thế lấy phần xá-lợi thứ tám của ta đựng trong cái hộp hương báu. Ở ngoài thành Vương xá, nhà vua cho đào xuyên qua đất để giấu kín xá-lợi, đặt để đủ thứ các loại diệu hương, dựng lên đủ loại tràng phan bảo cái, tung các hoa báu, thắp đèn giữ trăm năm. Nhà vua cất giữ hòm xá-lợi để đợi vua A-thúc-ca. Kinh vương này viết trên lá bằng vàng, cất giữ theo hòm xá-lợi đó. Này Văn-thù-sư-lợi! Sau khi ta vào Niết-bàn một trăm năm, sẽ có vua A-thúc-ca, vua này xuất thân từ dòng Mộ-sát-lợi, làm vua Diêm-phù-đề, được tự tại ở bốn cõi chuyển luân. Lúc bấy giờ vị vua kia tu niệm theo hạnh của ta, ở trong Phật pháp, ông được tâm thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo tên Nhân-đà-xá-ma, đắc đại thần thông, có đại uy đức, nhiếp trì chánh pháp, thọ trì kinh Phương đẳng, xuất gia từ dòng vua, thường ra vào trong cung của Đại vương A-thúc-ca.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì lưu bố rộng rãi xá-lợi của ta nên đại vương tự trong uy đức, đem theo rất nhiều các quý nhân..., đem theo các hoa mạn, bột thơm, hương xoa, các thứ kỹ nhạc đến thành Vương xá, thiết Đại lễ cúng dường, đào vỡ chỗ đất ấy, lấy hòm xá-lợi. Trong bảy ngày, nhà vua thiết đủ thứ lễ cúng dường, dùng tất cả hoa hương, tất cả vòng hoa, tất cả bột thơm, tất cả hương xoa, tất cả kỹ nhạc làm Đại lễ cúng dường như vậy rồi, sau đó theo từng chỗ dân chúng cư trú đông đúc, trong một ngày, một giờ, cho khởi dựng tám muôn bốn ngàn tháp. Lúc bấy giờ Pháp sư Nhân-đà-xá-ma từ nơi hòm báu đã lấy ra quyển kinh này. Pháp sư đem an trí kinh này ở phương Bắc, một trụ xứ có nhiều người. Kinh này lại không nhiều người hiểu biết, không nhiều người giải được, không nhiều người thọ được, nên ít người thọ trì đọc tụng kinh này.

Này Văn-thù-sư-lợi! Kinh này ẩn lâu ở trong cái hòm nhỏ. Tại sao

vậy? Vì không người nhận vậy. Chẳng phải pháp khí của họ vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông phải biết kinh này khó giải, khó tin, khó được chỗ thâm áo của kinh. Không phải là chỗ người thường có thể tín thọ, không phải kẻ phàm thấp hèn mà có thể đọc tụng, có thể thâm nhập được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Sau thời gian năm mươi năm, nếu lại có người nghe kinh điển này tín giải, cung kính.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông chẳng nên nghi ngờ mà phải biết đây là người đã cúng dường nhiều Đức Phật, giỏi hành trì kinh điển Đại thừa này, là người có chân thật khí. Nếu có ai biên chép, thọ trì kinh này, đọc tụng thông lợi thì những chúng sinh đó nên phải tự biết rằng chúng ta đã thấy hằng hà sa số các Đức Phật Như Lai đã phụng sự cúng dường đi nhiễu bên phải, lễ bái; và cũng thấy ta khi thuyết giảng kinh này tại trong vườn đây.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo A-nan:

–Ông thọ kinh này, đọc tụng thông lợi. Hãy thận trọng, chớ thuyết giảng kinh này trước kẻ thấp hèn, chẳng biết căn vậy. Vì sao? Vì đây là Như Lai nói thuần túy không tạp pháp. Đây là ấn Như Lai, đây là kiên pháp Như Lai. Đây là thắng tài của Như Lai.

Này A-nan! Ông phải kiên trì, chớ đem cho người bừa bãi trừ trưởng tử của ta, người giữ Pháp tạng của ta, người hộ Pháp tạng của ta mà thôi.

A-nan bạch Đức Phật:

–Con đã giữ kinh này rồi. Thưa Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Thọ trì ra sao?

Đức Phật bảo A-nan:

–Kinh này tên là kinh nói về Bồ-tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Thần Thông Biến Hóa. Cũng có tên là Như Lai Mật Xứ, cũng có tên là Như Lai Thuyết Thuần Vô Tạp Pháp, cũng có tên là Như Lai Thuyết Xuất Nhất Thừa, cũng có tên là Văn-thù-sư-lợi Sở Vấn, cũng có tên là Tát-đà Thọ Ký, cũng có tên là Tát-đà Phẩm. Cứ như vậy mà thọ trì.

Khi Đức Như Lai diễn thuyết kinh pháp này, có ba mươi na-do-tha các chúng sinh... vốn chưa từng phát tâm thọ Vô thượng chánh chân thì nay đều phát tâm hết. Có sáu vạn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Có vô lượng chúng sinh đều định được nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Đức Phật thuyết kinh đó xong, Đại đức A-nan hoan hỷ thích ý, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, tất cả Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-

di, Đế Thích, Phạm vương, trời Hộ thế và người đời nghe Đức Phật thuyết giảng xong thảy đều hoan hỷ tín thọ.

-oOo-

SỐ 272

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

Hán dịch: Đầu đời Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người xứ Thiên Trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Phần Tựa

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ở trong vườn vua Nghiêm Sí thuộc thành Uất-xà-diên. Trong vườn ấy, có nhiều cây cối tươi đẹp và kỳ lạ vô cùng như: cây Bà-la, cây Đa-la, cây Đa-ma-la, cây Ca-ni-ca-la, cây Ni-câu-luật, cây Ba-la-xoa, cây hoa Uất-đàm-bát, cây hoa Bà-sư-ca, cây hoa Đà-nậu-ni-ca, cây hoa A-đề-mục-đa-la, cây hoa Chiêm-bặc, cây hoa Thâu-la, cây hoa Ba-tra-la. Như vậy, khu vườn ấy được trang hoàng vô số trăm ngàn cây cối tươi đẹp.

Lại có các dòng nước khác nhau, như nước suối, nước biển, dòng nước chảy thẳng, dòng nước uốn lượn, nước A-la-ca, nước ao, nước từ trên chảy xuống, nước từ dưới phun lên. Như vậy, có vô lượng trăm ngàn các dòng nước vi diệu tô điểm.

Lại có các loại hoa nhiều màu sắc rất đẹp, như hoa Ưu-ba-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Tha-la, hoa Ma-ha tha-la, hoa Lô-giá, hoa Ma-ha lô-giá. Như vậy, có vô lượng, vô biên trăm ngàn loại hoa đẹp trang trí.

Lại có những loài chim có tiếng hót rất hay, như chim Thiên nga, chim Côn-lôn-già, chim Câu-chỉ-la, chim Câu-na-la, chim Cu-đa, chim Quật-đa, chim Anh vũ, chim Cà-dục, chim Xà-bà-xà-bá, chim Ca-lăng-tần-già. Như vậy, có vô lượng, vô biên các loài chim có tiếng hót hay.

Lại có những loài ong với nhiều màu sắc rất đẹp, bay trên hư không, xen lẫn nối liền nhau, giống như một tấm lưới được kết lại, che khắp trên

bầu trời để làm trang trí.

Lại có các loại cỏ nhiều màu sắc, mềm mại, có hương thơm, cùng với vô lượng trăm ngàn màu sắc đẹp khác nhau, tô điểm trên mảnh đất ấy. Có những thứ trang hoàng đẹp đẽ ở trong vườn như thế.

Ở đây, cũng có đại chúng Tỳ-kheo gồm bảy mươi hai trăm ngàn vạn ức vị, như là: Tuệ mạng Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, A-nậu-lâu-đà, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Kiếp-tân-na, Nan-đà, Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Kiều-phạm-ba-đề, Bàn-tha-ca, Châu-la-bàn-tha-ca, Đà-phiêu-ma-la-tử, Khước-đà-lâm-thuần-đà, Ma-ha Câu-hy-la, La-hầu-la và Tuệ mạng A-nan. Đó là những vị làm Thượng thủ trong đại chúng gồm bảy mươi hai trăm ngàn vạn ức vị.

Tất cả các vị đều tu tập các hạnh ở trong các cảnh giới của pháp giới như thật, đã nhập vào thật tánh pháp giới. Tất cả đều đạt được hạnh vi diệu thù thắng của cảnh giới hư không không chướng ngại, đạt được hạnh không đắm trước, xa lìa các cấu nhiễm phiền não và tất cả kết sử; tất cả đều vào nơi ánh sáng pháp tánh của Như Lai chiếu đến, cùng chứng một trí tuệ lớn bình đẳng pháp tánh, đạt được các môn Nhất thiết trí của Như Lai trong hiện tại, đạt được khả năng bằng không ngừng trong đạo Bồ-đề tâm; tất cả đều không thoái lui, đi thẳng đến đại Bồ-đề; tất cả đều chứng được bất thoái chuyển đại Bồ-đề tâm, đạt Đệ nhất tri kiến Bát-nhã, đi đến bờ kia. Tất cả đều đạt được trí tuệ phương tiện cứu cánh đi đến bờ kia.

Lại có Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Da-thâu-đà-la... có tám ngàn vị Tỳ-kheo-ni làm thượng thủ trong năm ngàn vạn ức Tỳ-kheo-ni. Tất cả đều đầy đủ hoàn hảo các thiện pháp thắng vi diệu; tất cả đều đi vào đạo Nhất thiết trí hoàn toàn; tất cả đều gần với trí Nhất thiết trí; tất cả đều nhập vào tánh không sở hữu; tất cả đều có khả năng quán sự vô thường của các pháp; tất cả đều có lòng tin hoàn toàn đối với pháp hữu hạn và vô hạn; tất cả đều đạt được giải thoát không chướng ngại; tất cả đều đạt được sự tùy theo nhân duyên có thể giáo hóa chúng sinh, để họ thấy được sắc thân của chư Phật.

Lại có bảy mươi hai trăm ngàn vạn ức Đại Bồ-tát đang tập hợp, như là: Bồ-tát Đại Tốc Hành, Bồ-tát Đại Tốc Hành Trụ Trì, Bồ-tát Phấn Tấn, Bồ-tát Đại Phấn Tấn Vương, Bồ-tát Đại Tinh Tấn Phấn Tấn, Bồ-tát Đại Dũng Phấn Tấn, Bồ-tát Hiện Đại Dũng Thế, Bồ-tát Đại Lực Phấn Tấn, Bồ-

tát Đại Chúng Tự Tại, Bồ-tát Đại Hương Tượng, Bồ-tát Đại Nguyệt, Bồ-tát Thiện Nguyệt, Bồ-tát Nguyệt Công Đức, Bồ-tát Bảo Nguyệt, Bồ-tát Nguyệt Quang Phổ Chiếu, Bồ-tát Pháp Vô Cấu Nguyệt, Bồ-tát Phổ Chiếu, Bồ-tát Nguyệt Danh Xưng, Bồ-tát Phóng Nguyệt Quang Minh, Bồ-tát Mãn Nguyệt, Bồ-tát Phạm Thinh, Bồ-tát Phạm Tự Tại Hống Thinh, Bồ-tát Địa Hống Thinh, Bồ-tát Pháp Giới Hống Thinh, Bồ-tát Kinh Bố Nhất Thiết Quỹ Cung Hống Thinh, Bồ-tát Xuất Pháp Cổ Thinh, Bồ-tát Phổ Thức Thinh, Bồ-tát Vô Phân Biệt Ly Phân Biệt Thinh, Bồ-tát Sư Tử Hống Địa Dũng Thinh, Bồ-tát Bế Tắc Nhất Thiết Thinh, Bồ-tát Phổ Tạng, Bồ-tát Công Đức Tạng, Bồ-tát Phổ Chiếu Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Nguyệt Tạng, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Nhật Quang Tạng, Bồ-tát Ba Đầu Ma Tạng, Bồ-tát Phước Đức Tạng, Bồ-tát Trí Thắng Tạng, Bồ-tát Đại Tuệ, Bồ-tát Thắng Tuệ, Bồ-tát Danh Xưng Tuệ, Bồ-tát Khoái Tuệ, Bồ-tát Thượng Tuệ, Bồ-tát Tăng Trưởng Tuệ, Bồ-tát Vô Biên Tuệ, Bồ-tát Quảng Tuệ, Bồ-tát Phật Tuệ, Bồ-tát Vô Tận Tuệ, Bồ-tát Di Lưu Sơn Đăng Minh, Bồ-tát Nhiên Đại Đăng Minh, Bồ-tát Pháp Đăng Minh, Bồ-tát Biến Thập Phương Đăng Minh, Bồ-tát Phổ Chiếu, Bồ-tát Phổ Diệt Nhất Thiết Ám Đăng Minh, Bồ-tát Phổ Chiếu Chư Thúc Đăng Minh, Bồ-tát Thường Phóng Hỏa Quang Đăng Minh, Bồ-tát Nguyệt Quang Đăng Minh, Bồ-tát Nhật Quang Đăng Minh, Bồ-tát Ly Ác Đạo, Bồ-tát Hàng Ma, Bồ-tát Đại Hàng Ma, Bồ-tát Hy Sinh, Bồ-tát Nan Hàng, Bồ-tát Nan Lường, Bồ-tát Nan Tri Trí, Bồ-tát Kiệt Ác Đạo, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử. Những vị này làm Thượng thủ trong bảy mươi hai trăm ngàn vạn chúng.

Như vậy, tất cả các Đại Bồ-tát đều đắc Nhất sinh bổ xứ, đạt được Đà-la-ni, đạt đến các biển Tam-muội, đạt được vô biên lạc thuyết, vô ngại biện tài, đạt được khả năng thuyết pháp không còn sợ hãi. Tất cả đều đạt được đệ nhất đến bờ kia, rừng công đức tự tại như ý. Tất cả đều đạt được đại đạo thần thông, tự do nhanh chóng đi đến các quốc độ chư Phật. Tất cả đều đạt được thân tâm giải thoát, tự do không còn chướng ngại. Tất cả đều đạt được tri kiến rốt ráo không còn chướng ngại. Tất cả đều đạt khả năng thị hiện thân Phật đi khắp mười phương, đến những quốc độ không có Phật. Tất cả đều đạt được chánh trí như thật, chuyển đại pháp luân không còn lỗi lầm. Tất cả đều đạt được sự tùy thuận khắp mười phương, lắng nghe tiếng chúng sinh để thuyết pháp cho họ. Tất cả đều đạt được môn Đà-la-ni, không nói

phi pháp. Tất cả đều đạt được pháp giới như thật, không thủ không xả. Tất cả đều đạt được khả năng thuyết pháp về nghĩa "Không" của các pháp không còn bị chướng ngại. Tất cả đều có thể rống lên tiếng rống sư tử, có khả năng thu phục ngoại đạo, có khả năng phá tan kẻ thù ma oán. Tất cả đều đạt được thần thông của Bồ-tát và các hạnh tốt đẹp thù thắng, đều đã xa lìa các sự hận thù, ghen ghét. Tất cả đều đạt được tâm rộng lớn bình đẳng như địa, thủy, hỏa, phong. Tất cả đều vào nơi sâu xa bí mật của các Đức Như Lai, vì chúng sinh giữ gìn Phật sự. Tất cả đều đạt hạnh thù thắng, được các Đức Như Lai khen ngợi, tán thán, tùy hỷ nói về hạnh của những vị ấy và có thể tồn tại vô lượng, vô biên kiếp, có khả năng giữ gìn pháp luân của Đức Như Lai đã thuyết giảng và được phóng ra ánh thù thắng không thể nói hết được. Tất cả đầy đủ sự tự tại ở trong các thế gian, những lời nguyện trong quá khứ đều được thành tựu. Tất cả đều đạt được cảnh giới tánh hạnh của các Đức Như Lai và có đủ hạnh tốt đẹp đã tu trong quá khứ. Tất cả đều đạt được trí vô cấu thanh tịnh của Đức Phật, không dừng nghỉ, thường dũng mãnh tinh tấn cúng dường tất cả các Đức Phật Như Lai. Tất cả đều phát khởi dũng mãnh, giữ gìn vững chắc quả vị không thoái chuyển. Tất cả đều được đại Bi hiện tiền, được tự tánh thanh tịnh thâm tâm giải thoát. Tất cả đều xa lìa các phiền não như nghi, hối, giới thủ, được thần lực của các Đức Phật trong quá khứ gia hộ.

Lại có rất nhiều Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Lại có các vị đầy đủ oai đức thù thắng như Thiên vương ở các cõi Trời, các vị Long vương, Dạ-xoa và vua Dạ-xoa, các Càn-thát-bà và vua Càn-thát-bà, các A-tu-la và vua A-tu-la, các Ca-lâu-la và vua Ca-lâu-la, các Khẩn-na-la và vua Khẩn-na-la, các Ma-hầu-la-già và vua Ma-hầu-la-già, người và vua người.

Lúc bấy giờ, tất cả các đại chúng đều có trăm ngàn vạn ức bà con quyến thuộc đều có mặt đầy đủ trong chúng hội.

Bấy giờ, vì vô lượng trăm ngàn vạn ức đại chúng cung kính vây quanh, Đức Thế Tôn ngồi kiết già ở trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, chứa đầy công đức thù thắng. Sắc thân nhiệm mầu của Như Lai toát lên uy đức sáng ngời. Tướng ấy rất thù thắng hiển hiện rực rỡ, che khắp cả trời, rồng,… tám bộ chúng.

Ví như núi chúa Tu-di mọc lên giữa biển lớn, ánh sáng uy nghi rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ làm che các núi nhỏ. Cũng vậy, Đức Như Lai Thế Tôn là vua đại Tu-di, ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn

vạn phước báu, uy nghi chói lọi, toát lên rực rỡ thật hiếm có che khắp cả đại chúng.

Giống như trăng đầu tháng, vầng ánh sáng lớn dần dần, cho đến khi mặt trăng tròn, ánh sáng của nó rất đặc biệt tỏa ra rực rỡ làm lu mờ tất cả ánh sáng của các vì sao. Cũng vậy, Đức Như Lai Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu uy nghi sáng chói rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ sáng khắp tất cả đại chúng trời, người.

Giống như hư không trong sáng, không bụi nhơ, xa lìa tất cả những đám mây che mờ, bụi bặm nhiễm ô. Trong hư không kia, mặt trời phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy rất vượt lên tất cả, tỏa ra rực rỡ sáng che khuất tất cả ánh sáng của các loại côn trùng, đom đóm. Cũng vậy, vầng mặt trời của Đức Thế Tôn khi ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn uy nghi sáng chói rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ, ánh sáng bao phủ khắp cả làm cho ánh sáng của Thích Đề-hoàn Nhân, các trời Phạm thiên và Tứ Thiên vương không thể xuất hiện.

Giống như đêm tối tăm ở trên đỉnh núi lớn bỗng đốt một vầng lửa lớn, ánh sáng rất rực rỡ, chiếu sáng làm hiện ra tất cả đều thấy. Cũng như ánh sáng của vầng lửa lớn ấy, Đức Như Lai khi ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, ánh sáng đặc biệt tỏa ra rực rỡ, những ai có nhân duyên đều thấy được.

Giống như vua trong các loài thú ở trong núi sâu, uy lực hùng mạnh, toát lên sự hiển hách, hàng phục được tất cả các loài côn trùng cầm thú. Cũng vậy, Đức Như Lai là Sư tử chúa của các pháp, ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, uy nghi chói lọi tỏa ra rực rỡ, thu phục tất cả ngoại đạo và các chúng sinh tà kiến.

Cũng như viên bảo châu như ý ma-ni tám cạnh trong suốt, gắn ở trên phướn cao chiếu ánh sáng rực rỡ, tùy theo tâm nguyện của chúng sinh, mưa xuống các thứ khiến cho họ được đầy đủ. Ánh sáng ấy rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ chiếu khắp mười phương. Cũng vậy, Đức Như Lai như ngọc ma-ni, ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, ánh sáng trí tuệ rất lớn, uy nghi chói sáng rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ chiếu khắp mười phương, khiến cho ước nguyện của chúng sang được thỏa mãn.

Giống như bậc Chuyển luân thánh vương tự tại, uy đức thù thắng, tỏa ra rực rỡ, có khả năng vững chắc chinh phục khắp bốn thiên hạ, không ai có thể đối địch được. Cũng vậy, Đức Như Lai Thế Tôn như vua Chuyển

pháp luân, ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, uy nghi chói sáng rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ hàng phục tất cả ma quỷ, oán thù.

Giống như Thích Đề-hoàn Nhân trang điểm báu ma-ni, anh lạc của Đế Thích trên cổ, rồi ngồi trên Thiện pháp đường trong các chúng trời, uy đức thù thắng tỏa ra rực rỡ, thu phục tất cả đại chúng chư Thiên. Cũng vậy, Đức Như Lai như Đế Thích ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, uy đức sáng chói rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ che khắp trời người.

-oOo-

Phẩm 2: Vấn Nghi

Lúc bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử thấy vô số đại chúng vân tập, thấy Đức Thế Tôn thị hiện tướng rất thù thắng hiếm có, mới nghĩ: "Hôm nay, vì nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn lại thị hiện tướng này trước? Hôm nay có điều nghi vấn, ta phải nên hỏi. Vì sao Đức Như Lai Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử được trang nghiêm bằng trăm ngàn vạn phước báu, uy nghi sáng chói rất đặc biệt, tỏa ra rực rỡ và có vô lượng đại chúng tập hợp như thế? Đây là điều khó có thể gặp được."

Nghĩ như vậy rồi, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, quỳ gối phải chạm đất, chắp tay hướng về Đức Phật dùng kệ tán thán Đức Như Lai:

Thế Tôn tỏa mười Lực
Trời người các thế gian
Ba cõi không ai bằng
Lẽ đâu có người hơn?
Như núi chúa Tu-di
Vượt biển lớn, núi nhỏ
Vững chắc không lay động
Các trời nhờ an ổn
Như Lai vua Tu-di
Vượt qua biển sinh tử
Đầy đủ các công đức
An trụ không lay động
Thân Tu-di công đức
Hiện trong các thế gian
Tất cả nương Như Lai

An ổn trụ Niết-bàn
Như hư không không chướng
Trăng tròn chiếu sáng nhất
Ánh sáng những vì sao
Lại tắt không xuất hiện
Như Lai mười Lực tịnh
Trăng trí tuệ sáng trong
Thần thông các đệ tử
Chỉ như sao lập lòe
Như ánh sáng mặt trời
Chiếu sáng các thế gian
Trừ sạch mọi tối tăm
Làm mờ ánh sáng nhỏ
Trí mặt trời Như Lai
Trừ si ám thế gian
Ánh sáng các Phạm vương
Lụi tắt không xuất hiện
Như đóm lửa trong đêm
Cháy trên đỉnh núi cao
Vì thể ánh sáng trong
Mười phương tối đầu thấy
Lửa Như Lai sáng rực
Trí tuệ tỏa núi cao
Chiếu cõi tối phiền não
Pháp tánh được hiện ra
Giống như vua sư tử
Hùng mạnh át các thú
Không hiện tướng uy hiếp
Nhưng các thú quy phục
Như Lai vua sư tử
Đầy đủ Lực; Vô úy
Tâm từ với ngoại đạo
Tự nhiên đều quy phục
Giống như ngọc ma-ni
Tỏa sáng chiếu thế gian
Theo các nguyện chúng sinh
Mưa thỏa mãn tất cả
Như Lai ngọc ma-ni

Cờ trí tuệ chiếu xa
Hay tuôn mưa đại pháp
Đầy đủ nguyện chúng sinh
Giống như vua Chuyển luân
Đầy đủ bảy phước báu
Đi khắp bốn thiên hạ
Oán thù thành bằng hữu
Như Lai vua Chuyển luân
Đầy đủ báu mười Lực
Thu phục bốn chúng ma
Đều về đạo Như Lai
Giống như vua Đế Thích
Chủ trời Tam thập tam
Xếp đặt Thiện pháp đường
Chư Thiên vui mừng thọ
Như Lai trời Đế Thích
Vua đại pháp ba cõi
Yêu thương nhìn các cõi
Ngồi pháp đường Niết-bàn
Khởi mây Từ bi lớn
Mưa xuống pháp cam lồ
Trời người vui thọ nhận
Tu tập đạo Vô thượng.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nói các kệ tụng khen ngợi Đức Phật xong, chắp tay bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai có thể vì đại chúng nói về pháp môn hạnh Bồ-tát nhanh chóng trong cảnh giới phương tiện. Vì khi nghe kinh này các chúng sinh có thiện căn ưa tin Đại thừa Vô thượng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và những chúng sinh tin theo Tiểu thừa thấp kém cũng phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Chúng sinh đã phát tâm lớn đối với Vô thượng Bồ-đề thì có thể tăng trưởng niệm Bồ-đề. Những chúng sinh hạnh thấp kém, thấy hẹp hòi cũng có khả năng phát khởi hạnh lớn, từ bỏ con đường chúng sinh, tiến lên nhận lấy đạo lớn Bồ-đề. Những chúng sinh đã nhận lấy đạo thù thắng Bồ-đề, thì có khả năng đi vào pháp thâm mật trang nghiêm trí tuệ của Như Lai.

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thâm mật của các Đức Phật Như Lai Ứng

Cúng Chánh Biến Tri rất khó tin, khó biết, khó hiểu, khó nhận thức, khó suy tính và rất khó thể nhập. Tất cả trời người đều không biết Như Lai dựa vào đâu để nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như đối với pháp cao xa vi diệu này, nếu có chúng sinh nào thực hành ác hạnh thì không biết pháp này, không hiểu pháp này. Những người phá giới cũng không biết pháp này, không hiểu pháp này. Người thích hạnh Tiểu thừa là không tin pháp này; người phá hoại tâm là không thích pháp này, người bị ác tri thức dẫn dắt là không nhập vào pháp này. Những người không được Thiện tri thức dẫn dắt thì không vào được pháp này. Những chúng sinh nào không được chư Phật giữ gìn là không nghe pháp này. Nếu người không được năng lực Như Lai gia trì mà tin được pháp này thì không có chuyện đó.

Bấy giờ, vì muốn lặp lại nghĩa này, Đức Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Pháp tử bằng lời hay
Khéo hỏi ta việc này
Nay ông hãy lắng nghe
Ta sẽ nói cho ông
Chúng sinh vô minh che
Chỉ tin hạnh Tiểu thừa
Nghe pháp Đại thừa này
Không tin nên không nói
Nếu trong vô lượng đời
Quá khứ các Đức Phật
Tu hành các hạnh thiện
Thiện căn đã thành thục
Các chúng sinh như thế
Thường được Như Lai hộ
Nghe nói sinh vui mừng
Khéo tin thọ vững chắc
Nếu vì ác tri thức
Như nọc của rắn độc
Từ bỏ Thiện tri thức
Không nghe pháp cam lồ
Ở trong các thắng pháp
Khởi lên tâm phóng dật
Rơi hầm lớn tà kiến
Nghe nói không tin theo

Tâm chúng sinh hẹp hòi
Không thể nhận pháp lớn
Nghe thời sinh bất tín
Khởi lên tâm chê bai
Vĩnh viễn rơi đường ác
Mãi không nghe Phật pháp
Vì kia khởi tâm Từ
Nên ta không nói vội.

Bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại chúng trong hội này đều thanh tịnh hoàn toàn, giỏi thực hành các hạnh; có thể cúng dường chư Phật Như Lai, hay phục vụ các Thiện tri thức; khéo tu tập tín căn thanh tịnh; giỏi nhập vào các cảnh giới đại trí tín; khéo thanh tịnh đầy đủ tâm sâu xa, rộng lớn. Đại chúng trong hội này, tất cả đều có khả năng thấy rõ các cảnh giới, có thể biết pháp này và nhận thức được pháp này.

Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin hãy vì tấm lòng khao khát muốn nghe của con và đại chúng mà khéo nói pháp này.

Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nói kệ rằng:

Chúng sinh trong hội này
Trải qua vô lượng kiếp
Ở nơi các Đức Phật
Gieo đầy đủ thiện căn.
Những chúng sinh như vậy
Vào được cảnh giới Phật
Là đầy đủ pháp khí
Nay xin Phật nói mau.
Tất cả đều chiêm ngưỡng
Dung nhan Thầy trời, người
Cung kính chắp tay nhìn
Khát ngưỡng không rời mắt.
Xin Thế Tôn thương đây
Tâm chúng sinh khát ngưỡng
Mưa xuống pháp vi diệu
Khiến sinh mầm pháp thiện.
Nay con thỉnh Như Lai
Vua đại pháp Vô thượng

Xin mở cửa cam lồ
Chuyển xe pháp tối thắng.
Tất cả những chúng sinh
Nếu được nghe Phật thuyết
Sẽ sinh đạo Vô thượng
Pháp cứu cánh Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 3: Nhất Thừa (Phần 1)

Lúc bấy giờ, sau khi nghe Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử hỏi như thế rồi, Đức Thế Tôn bảo:

–Lành thay, này Pháp vương tử! Lành thay, này Văn-thù-sư-lợi! Nay ông khéo hỏi Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri về pháp môn thực hành sâu xa của Bồ-tát. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì ông thấy thật nghĩa các pháp bảo đang hiện hữu rõ ràng, không có nghi ngờ, hoàn toàn đạt đến đến bờ kia của Đệ nhất Trí tuệ ba-la-mật. Nay, vì muốn đem lại lợi ích cho vô số chúng sinh để họ đi vào đạo Vô thượng của Bồ-tát nên mới hỏi điều đó.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông lại có thể vì chúng sinh trong đời vị lai mà đốt lên ngọn đuốc lớn, quét sạch tăm tối nên mới hỏi pháp này.

Hay thay, hay thay, này Văn-thù-sư-lợi! Giờ ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói pháp môn hạnh phương tiện nhanh chóng rốt ráo của Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn thuyết giảng, con rất muốn nghe.

Bấy giờ, các đại chúng Bồ-tát nhất tâm đồng thanh bạch Đức Phật:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Chúng con rất muốn được nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuyết pháp này, nên bảo đại chúng rằng:

Này các thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thành tựu hoàn toàn mười hai pháp thì có khả năng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Những gì là mười hai pháp?

1. Tự tánh tin pháp Đại thừa, để từ bỏ tâm Tiểu thừa thấp kém nên phát tâm Bồ-đề.

2. Tự tánh thành tựu đại Bi rộng lớn, để muốn đầy đủ các bạch pháp nên phát tâm Bồ-đề.

3. Tâm ngay thẳng, hạnh căn bản vững chắc, để nhàm chán sinh tử, hướng đến bờ kia nên phát tâm Bồ-đề.

4. Khéo tích tập các công đức, vì muốn tu đầy đủ các hạnh nguyện nên phát tâm Bồ-đề.

5. Khéo cúng dường các Đức Phật, vì muốn phát khởi tốt các bạch pháp nên phát tâm Bồ-đề.

6. Ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, để lìa bỏ tất cả ác hạnh nên phát tâm Bồ-đề.

7. Xa lìa những bạn ác, vì muốn gần gũi những bạn tốt nên phát tâm Bồ-đề.

8. Nghe pháp, rồi y theo pháp tu hành, vì không dối gạt chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề.

9. Vì muốn lợi ích cho tất cả, tích chứa của cải nhưng không tham lam keo kiệt nên phát tâm Bồ-đề.

10. Vì được các Đức Phật gia hộ, vì xa lìa các ma oán nên phát tâm Bồ-đề.

11. Đối với những chúng sinh thường khởi lòng Từ bi rộng lớn, có thể xả bỏ tất cả trong ngoài các vật, để xa lìa tánh keo kiệt, đố kỵ nên phát tâm Bồ-đề.

12. Vì đầy đủ năng lực pháp hành có thể thành tựu các công đức, nên phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam tử! Đó gọi là mười hai pháp vi diệu. Nếu thiện nam hay nữ nào thành tựu được mười hai pháp này mới có thể phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Lại có mười hai pháp thù thắng, nếu Bồ-tát thành tựu được thì mới gọi là phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Những gì là mười hai?

1. Tâm an ổn, làm cho tất cả chúng sinh được an lạc nên phát tâm Bồ-đề.

2. Tâm thương xót, tức là khi người khác mang đến đến cho mình thêm nhiều điều xấu thì ta hãy nhẫn nhục giúp đỡ họ, chớ sinh ý nghĩ khác, nên phát tâm Bồ-đề.

3. Tâm đại Bi, vì gánh nặng cho chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề.

4. Tâm đại Từ rộng lớn, vì nhổ sạch tất cả khổ đau trong đường ác nên phát tâm Bồ-đề.

5. Tâm thanh tịnh, đối với các thừa khác không sinh tâm thỏa mãn, lạc thú nên phát tâm Bồ-đề.

6. Tâm không nhiễm, vì xa lìa tất cả cấu đục phiền não nên phát tâm Bồ-đề.

7. Tâm trong sáng, vì cầu tự tánh Vô thượng thanh tịnh sáng chiếu nên phát tâm Bồ-đề.

8. Tâm huyễn, có khả năng biết các pháp hoàn toàn không có gì cả nên phát tâm Bồ-đề.

9. Tâm không vật, có thể biết tất cả đều không có sở hữu nên phát tâm Bồ-đề.

10. Tâm vững chắc, đối với trong các pháp không bị lay động nên phát tâm Bồ-đề.

11. Tâm không thoái lui, có thể chứng các pháp hoàn toàn rốt ráo nên phát tâm Bồ-đề.

12. Tâm cứu độ tất cả chúng sinh mà không nhàm chán, theo giáo pháp tu hành nên phát tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lại kệ rằng:

Hỡi các Thiện nam tử
Nếu có chúng sinh nào
Muốn tu các pháp thắng
Thành tựu pháp vô cấu
Ở giữa oán và thân
Tâm Từ bi bình đẳng
Những Bồ-tát như thế
Đúng phát tâm Bồ-đề.
Nếu có chúng sinh nào
Đã trong vô lượng kiếp
Dẫn dắt ác tri thức
Cúng dường Thiện tri thức
Giữ gìn pháp Bồ-tát
Khởi các hạnh nguyện lớn
Những Bồ-tát như thế

Đúng phát tâm Bồ-đề.
Nếu có chúng sinh nào
Nghĩ về đời quá khứ
Việc vô lượng ức kiếp
Vững chắc như núi chúa
Tâm siêng năng không chán
Thường tu hành không nghĩ
Những Bồ-tát như thế
Đúng phát tâm Bồ-đề.
Nếu có chúng sinh nào
Xa lìa các pháp ác
Tâm Từ bi đầy đủ
Tâm an ổn thành tựu
Dạy bảo các chúng sinh
Tất cả các đường thiện
Những Bồ-tát như thế
Đúng phát tâm Bồ-đề.
Nếu có chúng sinh nào
Thấy những bậc Thắng trí
Nghĩ đến đại Bồ-đề
Công đức Vô thượng thắng
Muốn đổi các thừa khác
Tâm sạch không chút uế
Những Bồ-tát như thế
Đúng phát tâm Bồ-đề.
Bồ-tát được tâm tịnh
Lìa hư dối phân biệt
Xem thế gian, Niết-bàn
Bình đẳng không sai khác
Tuy hành hóa chúng sinh
Như thấy cảnh trong gương
Người phát tâm như thế
Thật là tâm Bồ-đề.
Đã lìa lỗi phiền não
Tất cả những trần lao
Trí thanh tịnh hư không
Không bị nhuốm dơ bẩn
Các tướng hằng tịch diệt

Ra khỏi đường ngôn ngữ
Đó gọi tu đầy đủ
Tâm Bồ-đề thanh tịnh.
Những Bồ-tát như thế
Không lâu ngồi đạo tràng
Đắc đại Đà-la-ni
Biện tài không ai bằng
Đủ ba hai tướng quý
Thân tám mươi vẻ đẹp
Được ở trong công đức
Bản tánh của chư Phật.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Đại Bồ-tát có thể trụ trong công đức thù thắng như thế, thì có mười hai hạnh bố thí vi diệu, có lợi ích lớn mau chóng đến Bồ-đề. Bồ-tát nên thực hành Bố thí ba-la-mật.

Những gì là mười hai?

1. Bố thí có thể mau chóng tăng trưởng lợi ích, công đức Vô thượng Bồ-đề, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

2. Bố thí được sinh ở nơi giàu có đầy đủ, trong tay tuôn ra vô số của báu, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

3. Bố thí tùy theo lời nguyện sẽ được sinh ở nơi Đế Thích, Phạm thiên, vua và những nhà quyền quý, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

4. Bố thí lìa tất cả lỗi tâm keo kiệt, tham lam, xả bỏ các hữu, không sinh lời nguyện hưởng lạc, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

5. Bố thí có thể xả bỏ sự trói buộc tham đắm ở thế gian, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

6. Bố thí được ra khỏi loài ngạ quỷ, lìa các đường ác, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

7. Bố thí được xa lìa nhiều người cùng với súc vật thế gian, có khả năng đạt được Bồ-đề, không chung cùng với súc vật, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

8. Bố thí được chúng sinh khen ngợi, tâm rất vui mừng, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

9. Bố thí có thể xả bỏ trong ngoài, thực hành theo hạnh Đức Phật, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

10. Bố thí thì đối với trong mọi việc ái dục có thể xa lìa tâm trói buộc, cấu uế, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

11. Bố thí có thể thực hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật Vô thượng, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

12. Bố thí có thể thực hành theo lời dạy của Như Lai và thành tựu sở nguyện, cho nên Bồ-tát phải thực hành Bố thí ba-la-mật.

Này thiện nam! Đó là mười hai pháp tu hành Bố thí ba-la-mật, được lợi ích lớn của Đại Bồ-tát, hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ tụng khen ngợi Bố thí ba-la-mật như sau:

Muốn cầu đạo Vô thượng
Tu hành các công đức
Bỏ keo kiệt, tham lam
Bố thí là bậc nhất.
Phật tử hành tâm Xả
Thấy người đến cầu xin
Hãy sinh tâm vui mừng
Tất cả không luyến tiếc
Đất nước và vợ con
Cho đến chức vua trời
Da thịt và tay chân
Đầu mắt các tủy não
Mắt thanh tịnh trong sáng
Cho rồi tâm vui vẻ
Hành tâm xả như thế
Là thí Ba-la-mật,
Tất cả chư Như Lai
Đầy đủ các công đức
Trọn vẹn đạo Niết-bàn
Đều do bố thí vậy!
Cho nên những Phật tử
Muốn cầu đạo Vô thượng
Thường phải tu tâm Xả
Hành Thí ba-la-mật.
Bố thí được Bồ-đề
Không trụ ở thế gian

Cho nên các Bồ-tát
Thường thực hành tâm Xả.
Bố thí hết nghèo khó
Giàu đủ bảy tịnh tài
Hết keo kiệt, ghen ghét
Thanh tịnh Phật Bồ-đề,
Bố thí được đầy đủ
Thành tựu mười tự tại
Cho nên chư Như Lai
Khen ngợi hạnh bố thí.
Bồ-tát thấy lợi này
Được thành Ba-la-mật
Cho nên tu tâm Xả
Bố thí tất cả vật.

Này thiện nam! Bồ-tát lại có mười hai phương pháp trì giới được lợi ích lớn. Bồ-tát nên thực hành Trì giới ba-la-mật.

Mười hai lợi ích của Trì giới ba-la-mật là gì?

1. Trì giới có thể giữ gìn các thiện căn, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

2. Trì giới được vào đạo Bồ-tát, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

3. Trì giới được giải thoát các sự trói buộc của phiền não, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

4. Trì giới có thể vượt qua tất cả các đường ác, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

5. Trì giới có thể dứt hết đau khổ của chúng sinh trong đường ác, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

6. Trì giới thì nghiệp thân, khẩu, ý không bị chư Phật Như Lai quở trách, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

7. Trì giới được chư Phật Như Lai thường khen ngợi, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

8. Trì giới có thể vào trong các cõi nhưng không buông lung, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

9. Trì giới thì đem bố thí cho chúng sinh việc không sợ hãi, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

10. Trì giới được thành tựu nghiệp thiện của thân, miệng và ý, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

11. Trì giới có thể đối với các pháp được tùy thuận tự tại, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

12. Trì giới thành tựu nghiệp của Ba-la-mật công đức đến đệ nhất bờ kia, cho nên Bồ-tát phải thực hành Trì giới ba-la-mật.

Này thiện nam tử! Đó là mười hai pháp tu hành Trì giới ba-la-mật được lợi ích lớn, hồi hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng kệ khen ngợi Trì giới ba-la-mật như sau:

Muốn lìa các sinh tử
An ổn đến Niết-bàn
Tất cả Như Lai nói
Trì giới là đệ nhất.
Giới như ao nước mát
Hay sinh các hoa đẹp
Giới như lửa cháy mạnh
Thiêu đốt những cỏ xấu.
Giới, người khéo hành trì
Như chim bay trên không
Không sợ đạo sinh tử
Trong những nẻo đường ác.
Đường ác rồng độc lớn
Vô minh các La-sát
Thấy người trì tịnh giới
Cung kính bỏ tâm hại,
Tất cả chư Như Lai
An ổn trụ Niết-bàn
Chấm dứt các đường ác
Đều do trì giới vậy.
Vì thế, các Phật tử
Muốn cầu đạo Vô thượng
Giữ vững các gốc thiện
Trì giới ba-la-mật.
Bồ-tát nên tư duy
Sống hoàn toàn theo giới

Cởi bỏ dây phiền não
Đóng cửa những đường ác.
Nếu muốn trì tịnh giới
Phải nên như trâu đen
Vì giữ một chiếc lông
Thà chết không tiếc mạng,
Giữ các nghiệp cũng vậy
Đó chính là trì giới
Như Lai thường khen ngợi
Chỗ cầu được thành tựu.
Người hay trì tịnh giới
Có công đức như vậy
Cho nên các Bồ-tát
Thường phải giữ tịnh giới,
Thân, khẩu, ý thanh tịnh
Không làm các điều ác
Có thể đến Niết-bàn
Nhất thiết trí hiện tiền.
Trì giới không phóng dật
Các điều thiện vững chắc
Trong pháp được tự tại
Giữ sạch giới chư Phật,
Bồ-tát trì tịnh giới
Xem vật không oán, thân
Bình đẳng với quần sinh
Người thấy không sợ hãi.
Ta sống theo trì giới
Thường tu không phóng dật
Cho nên nay được lìa
Tất cả mọi đường ác,
Đến bờ kia đệ nhất
Như chỗ báu công đức
Vì thế, các Bồ-tát
Thường phải trì tịnh giới.
Bồ-tát nếu muốn cầu
Công đức Bồ-đề Phật
Trì giới như trâu đen
Chánh niệm không buông lung,

Những Bồ-tát như thế
Chính đó là người trí
Mau chóng đến bờ kia
Trụ Bồ-đề quả Phật.

Này thiện nam! Bồ-tát đã tu hành các pháp như thế, lại có mười ba cách quán tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật, được lợi ích lớn. Bồ-tát nên thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Mười ba lợi ích của Nhẫn nhục ba-la-mật là gì?

1. Hạnh nhẫn tức là nhẫn nại, chịu đựng mọi buồn phiền, có khả năng chứng tất cả pháp không, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

2. Hạnh nhẫn là không thấy có ta bị người khác hại, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

3. Hạnh nhẫn là không thấy chúng sinh có kẻ thân người oán, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

4. Hạnh nhẫn là không thấy thân ta, người bị tổn hại, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

5. Hạnh nhẫn là khi bị người lăng nhục hay khen ngợi tâm thường không bị dao động, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

6. Hạnh nhẫn có thể đoạn trừ phiền não và các kết sử, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

7. Hạnh nhẫn có thể đoạn trừ sân hận và các kết sử, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

8. Hạnh nhẫn có thể đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

9. Hạnh nhẫn là có khả năng từ bỏ con đường ác, sinh lên cảnh giới Phạm thiên, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

10. Hạnh nhẫn có thể vượt qua các cảnh giới tổn hại, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

11. Hạnh nhẫn có thể chứng đắc được Tận trí và Vô sinh trí, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

12. Hạnh nhẫn có khả năng thu phục tất cả ma ác ở các cảnh giới, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

13. Hạnh nhẫn có khả năng thấy thân Như Lai có vô lượng công

đức trang nghiêm, cho nên Bồ-tát phải thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này thiện nam! Đó là mười ba cách quán chiếu, tu hành Nhẫn nhục ba-la-mật được lợi ích lớn, hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền dùng kệ khen ngợi Nhẫn nhục ba-la-mật như sau:

Muốn vì các chúng sinh
Làm nơi về nương tựa
Khiến sinh tâm không sợ
Nhẫn nhục là đệ nhất.
Người hay hành nhẫn nhục
Người thấy đều vui vẻ
Kẻ thù bỏ tâm ác
Xem nhau là bằng hữu.
Tất cả các Như Lai
Thành tựu tâm bình đẳng
Chỗ chúng sinh nương tựa
Đều do hành nhẫn vậy.
Vì thế, các Phật tử
Muốn cầu đạo Vô thượng
Để mọi loài nương tựa
Nên nhẫn nhục vững chắc.
Nếu Bồ-tát muốn nương
Tất cả Bồ-đề Phật
Nên quán các pháp không
Chúng sinh không thể đắc.
Hành nhẫn nhục như thế
Đầy đủ công Đức Phật
Vì thế, các Bồ-tát
Thường phải tu nhẫn nhục.
Nếu Bồ-tát tu nhẫn
Nên lìa hai biên kiến
Không thấy thân ta, người
Có kẻ mất người được,
Như Lai từ bi lớn
Khen ngợi quán như thế
Cho nên các Bồ-tát

Thường phải tu nhẫn nhục.
Nếu muốn được Tận trí
Diệt các sử phiền não
Tu nhẫn không hèn nhát
Tâm thường không phân biệt.
Quán các pháp như thế
Thành Nhẫn ba-la-mật
Cho nên các Bồ-tát
Thường phải tu nhẫn nhục.
Bồ-tát muốn trang nghiêm
Tướng tốt thân Như Lai
Lại sinh thế giới Phạm
Ra khỏi các đường ma
Vui hành hạnh nhẫn nhục
Tất cả đều thành tựu
Cho nên các Bồ-tát
Phải nhẫn nhục vững chắc.
Sức nhẫn nhục tối thượng
Không hạnh nào qua được
Tất cả các công đức
Đều trong hạnh nhẫn nhục
Lực bốn ma khó định
Sức nhẫn tiêu diệt nó
Cho nên các Bồ-tát
Thường phải tu nhẫn nhục.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 2

Phẩm 3: Nhất Thừa (Phần 2)

Này thiện nam! Bồ-tát lại có mười hai cách phát tâm dũng mãnh, tu hành Tinh tấn ba-la-mật, được lợi ích lớn. Bồ-tát nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Những gì là mười hai?

1. Tinh tấn có thể mau hiểu rõ những biển Phật pháp, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

2. Tinh tấn có thể mau đến nơi của Đức Phật, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

3. Tinh tấn có khả năng đi khắp mười phương cung kính cúng dường các Đức Phật, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

4. Tinh tấn thì những việc làm của mình hay xứng hợp với ý của tất cả chư Phật, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

5. Tinh tấn có thể chuyên cần giáo hóa tất cả chúng sinh, không sinh sự nhàm chán, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

6. Tinh tấn có khả năng đưa chúng sinh vào trong pháp của chư Phật, đến thẳng cửa giải thoát, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

7. Tinh tấn có thể mau chóng khiến cho tất cả chúng sinh lìa khỏi những ngu si, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

8. Tinh tấn có thể nhanh chóng làm cho chúng sinh được trí tuệ của các Đức Phật, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-

mật.

9. Tinh tấn có thể nhanh chóng tâm thanh tịnh các cõi Phật, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

10. Thực hành tinh tấn, có thể lập nguyện đến hết tất cả kiếp số tận đời vị lai, vì tất cả chúng sinh thực hành Bồ-tát hạnh, không sinh tâm mệt mỏi hay từ bỏ, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

11. Tinh tấn có khả năng chỉ trong một niệm đi đến khắp các cõi Phật gieo trồng các căn lành, cho nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

12. Thực hành tinh tấn có khả năng đi đến khắp các cõi Phật, thành đạo Vô thượng, xoay chuyển bánh xe đại pháp, nên Bồ-tát phải phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật.

Này thiện nam! Đó là mười hai cách phát tâm dũng mãnh tu hành Tinh tấn ba-la-mật, được lợi ích lớn, hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng kệ khen ngợi hạnh Tinh tấn ba-la-mật như sau:

Nếu muốn vì chúng sinh
Tu hành hạnh Bồ-tát
Mau thành đạo Vô thượng
Tinh tấn là đệ nhất.
Như Lai vô lượng kiếp
Đã tu các hạnh khổ
Tất cả đều nhẫn nhục
Không sinh sợ hãi vậy.
Vì thế, các Phật tử!
Muốn mau thành Phật đạo
Luôn siêng năng tu hành
Tinh tấn ba-la-mật.
Bồ-tát hành tinh tấn
Mau đến chỗ thù thắng
Trải qua trăm ngàn nước
Cúng dường hầu chư Phật.
Bồ-tát cầu Đại thừa
Vì dứt khổ chúng sinh

Tu hành đạo Bồ-tát,
Vững chắc không lay chuyển,
Vô số trăm ngàn kiếp
Luôn vì các chúng sinh
Chịu khổ không lười biếng
Đều do tinh tấn vậy.
Ta nguyện thường tinh tấn
Làm thanh tịnh cõi Phật
Kế đến nguyện hiểu rõ
Tất cả pháp chư Phật
Biến khắp các cõi Phật
Chuyển xe lớn diệu pháp
Nguyện các loài chúng sinh
Tất cả đều hiểu biết,
Vào hết trong Đại thừa
Lìa thừa khác, cõi ma
Đầy đủ các nguyện lớn
Mau đến chỗ vô úy.
Bồ-tát tinh tấn thế
Chỉ ở trong một niệm
Ngộ pháp lớn Bồ-đề
Khai mở cửa Niết-bàn,
Hóa làm vô số thân
Biến khắp mười phương cõi
Vì lợi ích chúng sinh
Chỉ dạy việc thù thắng.

Này thiện nam! Bồ-tát lại có mười hai cách quán hạnh Thiền ba-la-mật, được lợi ích lớn. Vậy, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật.

Những gì là mười hai?

1. Thiền định có khả năng diệt trừ tất cả những cấu nhiễm phiền não, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật, luôn luôn không có tâm phân biệt.

2. Thiền định tâm trụ nơi vắng lặng, niệm không tán loạn, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật, không chấp các cảnh giới.

3. Thiền định tâm không chấp trước, đầy đủ các hạnh, Bồ-tát nên học Thiền ba-la-mật vì có khả năng vượt qua ba cõi.

4. Thiền định có thể vượt ra khỏi thế gian, không chấp vào các cõi, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật để vượt qua thế gian.

5. Thiền định có thể quán chiếu pháp thù thắng, tâm không mệt mỏi, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật không bao giờ cho là đầy đủ.

6. Thiền định được nhu hòa, tự tại, nhưng không lệ thuộc vào các thiền, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật, tự tại thay đổi các bậc thiền.

7. Thiền định đạt được tâm vô tướng, không thấy các vật, Bồ-tát nên tu Thiền ba-la-mật để lìa các tướng.

8. Thiền định tâm được trong sáng, thấu tỏ vô số cảnh giới, Bồ-tát phải tu Thiền ba-la-mật, để vượt qua các Tam-muội hữu lượng và vượt các điều đáng chê trách.

9. Thiền định có khả năng chấm dứt tâm quán, không thấy có năng quán, Bồ-tát phải tu Thiền ba-la-mật vì được tâm vắng lặng.

10. Thiền định chứng được tâm điều hòa, diệt các giác và quán, các căn không còn dao động, Bồ-tát phải tu Thiền ba-la-mật, vì đắc được tâm điều phục.

11. Thiền định thì tâm được tịch diệt, nhất quán, các căn không dao động, Bồ-tát phải tu Thiền ba-la-mật vì nó chế ngự được những căn bất thiện.

12. Thiền định thì tâm đối với các pháp có được phương tiện lớn, Bồ-tát phải tu Thiền ba-la-mật, vì không xả tâm đại Bồ-đề. Vì sao? Vì các Bồ-tát luôn ở trong Thiền định ba-la-mật thì không phát khởi tâm kiêu mạn; vì ở trong Thiền định ba-la-mật thì không khởi tâm tà kiến; vì ở trong Thiền định ba-la-mật thì không khởi tâm thương ghét. Vì thế, các vị Bồ-tát có thể học và hàng phục tất cả thiền định của Thanh văn, Bích-chi-phật, ngoại đạo phạm hạnh để đưa vào thiền Tam-muội.

Này thiện nam! Đó là mười hai cách tu hành Thiền định ba-la-mật, được lợi ích lớn, hồi hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng kệ ca ngợi Thiền ba-la-mật như sau:

Muốn tu trí vô lậu
Ra khỏi bùn lầy dục
Diệt trừ các nghiệp chướng
Thiền định là đệ nhất.
Thiền định khó nghĩ bàn
Là cảnh giới chư Phật
Nhị thừa, các phàm phu

Tam-muội không thể biết.
Đất lớn các núi biển
Kiếp lửa có thiêu hết
Nếu tâm trụ thiền định
An ổn không tổn hại,
Mặt trời tuệ của Phật
Ngọc ma-ni vô lậu
Không từ nơi khác sinh
Sinh từ biển thiền định,
Cho nên các Phật tử
Cầu báu đại trí Phật
Nên trừ tâm tán loạn
Niệm Thiền Ba-la-mật.
Thiền định các Bồ-tát
Diệt trừ những phiền não
Cho nên người trí nói
Tu thiền là bậc nhất.
Tâm sâu thường vắng lặng
Không thích các cảnh giới
Hay gom những loạn tâm
Trụ nơi thắng Niết-bàn,
Bồ-tát tu thiền định
Không sinh trong tam giới
Cho nên không dựa vào
Không phải chỗ nương ở,
Thiền, Bồ-tát vượt qua
Thế gian xuất thế gian
Bởi thế, thắng Tam-muội
Vượt thế gian Nhị thừa.
Vì thế, xoay chuyển qua
Sinh ở trong cõi Dục
Thiền của Bồ-tát tu
Hơn hẳn mọi thù thắng,
Các thừa chẳng cứu cánh
Nên Phật nói thù thắng
Lìa các tướng chúng sinh
Và lìa các pháp nhơ.
Cho nên, các Bồ-tát

Tu thiền định thù thắng
Chinh phục thiền định khác
Và các thiền nông cạn
Bồ-tát một mực quán
Thanh tịnh các cảnh giới
Tu thiền định như vậy
Từ phương tiện tuệ sinh,
Chánh trí làm căn bản
Không khởi tâm tà kiến
Cho nên thiền Bồ-tát
Không thể nào nghi ngờ.
Bồ-tát nhập thiền định
Không trụ có và không
Vì quán thật cảnh vậy
Hay lìa tướng có, không,
Thiền thắng trí như thế
Không giống cảnh giới khác
Tuệ La-hán, Bích-chi
Không thể so sánh được.

Này thiện nam! Bồ-tát lại có mười hai cách quán tu hành Bát-nhã ba-la-mật, được lợi ích lớn. Vậy, Bồ-tát nên tu Bát-nhã ba-la-mật.

Những gì là mười hai?

1. Bát-nhã có thể xa lìa nhơ bẩn, phát ra ánh sáng, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật vì có khả năng lìa các pháp đen tối.

2. Tu Bát-nhã chắc chắn hiểu rõ một cách thông suốt về những điều mờ mịt, chướng ngại, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì hay chiếu sáng, dẹp sạch rừng phiền não.

3. Bát-nhã có thể phóng ra ánh sáng trí tuệ, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì xa lìa tất cả các điều không trí tuệ.

4. Bát-nhã như cày ruộng diệt trừ các loại cỏ xấu, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì có khả năng nhổ sạch gốc rễ vô minh.

5. Bát-nhã như chiếc móc sắt sắc bén, tùy ý móc rách Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì có khả năng móc sạch các lưới ái dục.

6. Bát-nhã như chày Kim cang không bị các vật làm hư hoại, Bồ-tát phải tu Tuệ ba-la-mật, vì có khả năng đập nát núi phiền não.

7. Bát-nhã như vầng mặt trời lớn, vượt ra khỏi những đám mây che

lấp, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì có khả năng làm khô cạn tất cả các bùn ướt phiền não.

8. Bát-nhã như đống lửa lớn thiêu đốt những cỏ xấu, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật, vì có khả năng thiêu đốt rừng cây phiền não.

9. Bát-nhã như ngọc Ma-ni chiếu sáng khắp tất cả, Bồ-tát phải tu Tuệ ba-la-mật, vì tâm không tối tăm, không mê mờ các pháp.

10. Bát-nhã có thể trụ ở địa vị chân thật hoàn toàn tịch diệt, Bồ-tát phải nên tu Tuệ ba-la-mật, vì không có sở hữu.

11. Bát-nhã diệt trừ các hình tướng, tâm không phân biệt, Bồ-tát nên tu Tuệ ba-la-mật vì không có hình tướng vậy.

12. Bát-nhã có thể thành mà không nguyện, tâm không cầu khoái lạc, Bồ-tát phải tu Tuệ ba-la-mật, vì vượt qua ba cõi vậy.

Này thiện nam! Đó gọi là mười hai cách tu hành Trí tuệ ba-la-mật, được lợi ích lớn của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ ca ngợi Trí tuệ ba-la-mật:

Rốt ráo đoạn các hữu
An ổn vào Niết-bàn
Trong các Ba-la-mật
Trí tuệ là đệ nhất.
Như ngọn đèn thế gian
Phá tan các bóng tối
Như ngọn lửa bốc cao
Quán tối thắng trong đời,
Tất cả Đức Như Lai
Ra khỏi nghiệp sinh tử
Thu phục bốn chúng ma
Trí tuệ là mãnh tướng.
Nếu các Phật tử muốn
Tự lợi và lợi tha
Thường phải siêng tu nghiệp
Bát-nhã ba-la-mật,
Giống như người cày đất
Hay trừ các cỏ xấu
Trí diệt cỏ ngu, ái
Như người cày sạch đất.
Chày Kim cang Đế Thích

Diệt A-tu-la ác
Trí phá núi phiền não
Hoại sạch cũng như thế,
Tất cả Đức Như Lai
Nói năng lực trí tuệ
Như trăng vào mùa hạ
Cũng như đèn thế gian,
Khô cạn biển phiền não
Chiếu trừ tối vô minh
Vì thế vượt thế gian
Ngọn lửa sáng vô lậu,
Trí tuệ hay chặt đứt
Cây vô minh tăm tối
Như cây dao sắc bén
Cắt tiệt các cỏ xấu,
Trí như ngọc ma-ni
Bình đẳng chiếu thế gian
Như không chẳng phân biệt
Không trụ cõi Niết-bàn,
Trí tuệ tâm tự tại
Quyết định ở tất cả
Đoạn trừ các nghi hối
Dứt hẳn các hoài nghi,
Nói nghiệp ác thế gian
Và nêu quả Niết-bàn
Thấy khắp các chúng sinh
Như tối thấy ánh sáng,
Chư Phật mặt trăng sáng
Hiện thấy các pháp tướng
Các Bồ-tát cũng vậy
Tu tập trí vô cấu,
Như đi đêm cầm đuốc
Đến đâu đều sáng cả
Trong sinh tử tối tăm
Tuệ sáng vượt qua khỏi.

Này thiện nam! Bồ-tát lại có mười hai cảnh giới tu hành phương tiện sẽ được lợi ích lớn. Vì thế, Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

Những gì là mười hai?

1. Phương tiện không lìa cảnh giới Niết-bàn thanh tịnh mà vẫn thị hiện trong các cảnh giới dơ uế của thế gian, vì thế Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

2. Phương tiện không xa lìa một cảnh giới vắng lặng nào, nhưng vẫn thị hiện trong cảnh giới quen náo nhiệt của thế gian, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

3. Phương tiện không xa lìa cảnh giới thiền định sâu xa mà vẫn thị hiện ở cảnh giới cung vua trong thế gian, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

4. Phương tiện không lìa cảnh giới vô công dụng thanh tịnh, mà vẫn thị hiện trong cảnh giới có hoạt động ở thế gian, nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

5. Phương tiện không lìa cảnh giới chân thật vô sinh nhưng lại thị hiện ở nơi các cảnh giới, sinh đấy chết kia, chết đấy sinh kia của thế gian, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

6. Phương tiện có khả năng vượt qua tất cả cảnh giới bốn ma nhưng vẫn thị hiện trong đó để thu phục ma ở thế gian, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

7. Phương tiện không lìa tất cả cảnh giới Thánh nhân mà vẫn thị hiện ở cảnh giới phàm phu ở thế gian, nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

8. Phương tiện không rời cảnh giới xuất thế gian mà vẫn hiện diện trong các cảnh giới của thế gian, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

9. Phương tiện không lìa các cảnh giới trí tuệ mà vẫn thị hiện trong cảnh giới vô trí ở thế gian, nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

10. Phương tiện không lìa thế giới thật tế của Bồ-tát mà vẫn thị hiện ở các cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

11. Phương tiện là có năng lực khéo biết tất cả các pháp đều vô tướng nhưng vẫn thị hiện ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để giáo hóa chúng sinh, cho nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-mật.

12. Phương tiện có năng lực đi vào các cảnh giới ma bình đẳng mà vẫn có thể thị hiện các cảnh giới ma, nên Bồ-tát phải tu Phương tiện ba-la-

mật.

Này thiện nam! Đó là mười hai Phương tiện ba-la-mật mà Bồ-tát trụ ở trong đó thì được lợi ích lớn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ ca ngợi Phương tiện ba-la-mật như sau:

Tất cả những Bồ-tát
Hành các Ba-la-mật
Nếu không có phương tiện
Không thể đến bờ kia
Tự lợi và lợi tha
Ở đời và Niết-bàn
Không tịnh nhiễm như thế
Đều do phương tiện cả.
Tất cả Đức Như Lai
Các cảnh giới hành động
Nhị thừa chẳng nghĩ bàn
Đều do sức phương tiện.
Vì thế, các Phật tử
Muốn hành việc Như Lai
Thường siêng năng tu hành
Phương tiện ba-la-mật
Bồ-tát luôn thanh tịnh
Phương tiện giúp chúng sinh
Thật không các dục cấu
Thị hiện làm hạnh xấu
Tắm trong ao Niết-bàn
Phương tiện hiện các cõi
Gọi là các Bồ-tát
Không trụ ở hai biên.
Thường giữ thân, khẩu, ý
Vắng lặng nghĩa đệ nhất
Vì lợi ích chúng sinh
Phương tiện đồng thế gian
Như ong vào vườn hoa
Không chỉ hút một hoa
Bồ-tát hành phương tiện
Tất cả các cảnh giới.

Hoặc hiện các loại tướng
Tuyệt đẹp trang nghiêm thân
Khắp trong các cung nữ
Thực hành hạnh phóng dật
Hoặc hiện ở địa ngục
Cứu khổ các chúng sinh
Tuy hiện tướng như vậy
Thường không bỏ thiền định,
Không xả các Tam-muội
Mà hiện trong tán loạn
Thị hiện hành tổn hại
Chính là sức phương tiện.
Bồ-tát đã lìa xa
Tất cả hạnh hữu vi
Nhưng trong hữu và vô
Cũng không tâm phân biệt
Lìa hiện hành các nhiễm
Không sinh lửa dâm dục
Thị hiện trong phương tiện
Phân biệt tướng hữu vi.
Bồ-tát trong các cõi
Không sinh cũng không mất
Thị hiện việc sinh mất
Sức trí phương tiện vậy
Từ bỏ chốn ma nghiệp
Ở trong cảnh giới Phật
Trí tuệ không khiếp sợ
Thị hiện các việc ma.
Bồ-tát sức đại Bi
Trí phương tiện nhanh chóng
Trụ nơi Thánh Vô thượng
Nhưng hiện việc phàm phu
Do nhập tướng các pháp
Biết thể các pháp không
Thường ở nơi Niết-bàn
Mà không bỏ thế gian
Tự thể các pháp không
Vắng lặng không tướng trạng

Vì lợi ích chúng sinh
Thân trang nghiêm tướng tốt
Không ngu hiện không trí
Không giận hiện không thương
Để lợi ích chúng sinh
Chính đó là phương tiện.
Các vị Đại Bồ-tát
An trụ vào nơi ấy
Đó gọi là Thánh nhân
Hiện các loại phương tiện.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng có phương tiện, các ông phải nên biết. Vì sao? Này thiện nam! Các Đức Phật Như Lai có mười hai công đức thù thắng vi diệu, giống như đề hồ đối với các vị thì ngon bổ hơn cả, là vị hàng đầu có thể làm tịnh tất cả cõi của chư Phật. Như Lai ở trong ấy thành tựu Bồ-đề giải thoát vô thượng.

Những gì là mười hai?

1. Thị hiện kiếp xấu xa.
2. Thị hiện thời gian xấu xa.
3. Thị hiện chúng sinh xấu xa.
4. Thị hiện phiền não vẩn đục.
5. Thị hiện mạng sống xấu xa.
6. Thị hiện ba thừa khác nhau xấu xa.
7. Thị hiện cõi Phật bất tịnh xấu xa.
8. Thị hiện chúng sinh xấu xa khó giáo hóa.
9. Thị hiện nói các loại phiền não xấu xa.
10. Thị hiện ngoại đạo xấu xa, lộn xộn.
11. Thị hiện ma xấu xa.
12. Thị hiện nghiệp ma xấu xa.

Này thiện nam! Tất cả quốc độ của chư Phật đều là công đức xuất thế trang nghiêm đầy đủ thanh tịnh, không có các thứ xấu xa. Như lỗi lầm này đều do năng lực phương tiện của các Đức Phật thị hiện để làm lợi ích cho chúng sinh. Các ông nên biết như vậy!

Lúc bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Đức Thế Tôn:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nói về mười hai cõi Phật có công đức thanh tịnh tối thắng này. Vậy thì, Như Lai đang ở cõi nào để thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Một là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành kiếp thanh tịnh tối thắng, xa lìa các kiếp xấu xa và có đầy đủ công đức. Cõi thanh tịnh như thế, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hai là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu thời gian tối thắng vi diệu, hành theo pháp của chư Phật không mất thời tiết. Cõi sạch như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ba là, chúng sinh ở cõi Phật, kia đã hoàn toàn thành tựu pháp khí tối thắng, nhận lấy Chánh giác của Đức Phật. Cõi tịnh như thế, Như Lai ở trong ấy thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bốn là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu biển trí trong sạch tuyệt đẹp, làm thanh tịnh tất cả các phiền não xấu xa. Cõi tịnh như thế, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn có khả năng thành tựu tâm nhu hòa, ở trong đó thường là các chúng sinh đã được thu phục. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sáu là, chúng sinh ở cõi Phật kia đã hoàn toàn thành tựu cỗ xe tối thắng vi diệu, có thể dùng cứu cánh Nhất thừa đạt Niết-bàn Vô thượng. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bảy là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu khí thế gian thù thắng, không có các tướng trạng khác. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tám là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu Chánh giáo của Như Lai, không có các pháp tà của ngoại đạo. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chín là, chúng sinh ở cõi Phật kia đã hoàn toàn thành tựu tâm ngay thẳng, không quanh co. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mười là, chúng sinh ở cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu công đức không cấu uế, thành tựu tất cả pháp thắng thanh tịnh. Cõi tịnh như vậy, Như

Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mười một là, chúng sinh của cõi Phật kia hoàn toàn thành tựu các pháp Thánh nhân, ở trong ấy luôn có những ruộng phước thù thắng. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mười hai là, chúng sinh của cõi Phật kia rốt ráo thành tựu đạo tràng thắng diệu mà chư Phật trong quá khứ đã thành đạo ở đó. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đó là mười hai công đức tối thắng, thanh tịnh cõi Phật. Cõi tịnh như vậy, Như Lai ở trong ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi Phật của ta không nói về sự sai biệt của Thanh văn hay Bích-chi-phật… Vì sao? Vì chư Phật Như Lai đã xa lìa những lỗi lầm chấp tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Như Lai nói pháp Đại thừa cho một loại chúng sinh, nói Duyên giác thừa cho một loại chúng sinh, nói Thanh văn thừa cho một loại chúng sinh. Nói như thế thì Như Lai đã có tâm không thanh tịnh, Như Lai có tâm không bình đẳng, Như Lai có tâm đấu tránh lỗi lầm, Như Lai có tâm không từ bi bình đẳng, Như Lai có tâm các tướng lỗi lầm, Như Lai đối với các pháp sinh tâm keo kiệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta đã nói những pháp gì cho chúng sinh, thì tất cả những pháp ấy đều tùy thuận Bồ-đề, tùy thuận Đại thừa mà giữ lấy Nhất thiết trí. Nhất định hoàn toàn đến một nơi, nghĩa là đi đến chỗ Nhất thiết trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì thế cõi của ta không có thừa sai khác.

Lúc bấy giờ, Thánh giả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không có ba thừa khác nhau thì tại sao Đức Như Lai nói pháp ba thừa cho chúng sinh, và cho rằng: "Thanh văn học thừa này, Duyên giác học thừa này và Bồ-tát học thừa này?"

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Chư Phật Như Lai nói ba thừa là chỉ bày quả vị khác nhau chứ chẳng phải thừa khác nhau. Chư Phật Như Lai nói ba thừa là nói pháp tướng khác nhau, chẳng phải thừa khác nhau. Chư Phật Như Lai nói ba thừa là nói người khác nhau, chẳng phải thừa khác nhau. Chư Phật Như Lai nói ba thừa

là chỉ bày ít công đức và biết nhiều công đức, nhưng Phật pháp thì không có thừa khác nhau. Vì sao? Vì tánh pháp giới vốn không có sự khác nhau.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai nói ba thừa để khiến cho các chúng sinh đều được đi vào pháp môn của chư Phật Như Lai, làm cho các chúng sinh dần dần đi vào pháp môn Đại thừa của Như Lai, cũng như người học nghề phải theo thứ tự để luyện tập.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như thợ bắn cung đối với sự hiểu biết về bắn cung đã hoàn toàn đạt đến tài bắn cung số một và có thể dùng vô số phương pháp để dạy những đệ tử, khiến tất cả hoàn toàn có khả năng hiểu biết như mình.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng vậy, Như Lai như thợ bắn cung, ở trong các pháp đều hoàn toàn đến bờ kia. Như Lai liền dùng Nhất thiết trí phân biệt để nói, để chỉ dạy các chúng sinh ở ba thừa khác nhau, như người thợ bắn cung dạy các đệ tử.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như một đóm lửa nhỏ của đống lửa lớn, nó dần dần lớn lên lan khắp cả thế giới, cho đến thành một kiếp lửa thiêu đốt. Văn-thù-sư-lợi! Lửa trí tuệ của Như Lai cũng như vậy. Tánh sáng suốt của trí kia dần dần tăng trưởng thành tựu tất cả ánh sáng tri kiến của đại trí Như Lai. Ánh sáng đại trí có thể đốt cháy tất cả các phiền não xấu xa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như các núi lớn Tu-di không có tâm phân biệt, chúng sinh đến đó đều đồng một màu sắc, đó là màu vàng. Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng vậy, vua núi Tu-di Như Lai Thế Tôn Vô thượng đại trí đối với các chúng sinh không có tâm phân biệt. Nếu chúng sinh nào vào pháp của Đức Phật thì những chúng sinh ấy đều thành một màu sắc, đó là màu sắc vi diệu Nhất thiết chủng trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như ngọc báu ma-ni Nhân-đà-la có màu xanh trong sạch vi diệu; đem nó đặt trong tất cả vật đựng ở trong thế giới. Tất cả các màu sắc tướng trạng trong những cảnh giới có đặt ngọc ma-ni kia, do năng lực của ngọc ma-ni đều trở thành một màu, đó là màu xanh. Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng vậy, Như Lai Thế Tôn như là ngọc báu ma-ni màu xanh vô thượng, trí tuệ sáng suốt, khi chiếu đến thì chúng sinh đều đồng một màu sắc, đó là màu sắc Nhất thiết chủng trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như biển lớn, nước từ vô lượng trăm ngàn con sông chảy vào đó. Khi chảy vào biển rồi thì tất cả đều đồng một vị mặn và giữ nguyên như vậy. Văn-thù-sư-lợi! Nước trong biển lớn như

là Nhất thiết trí tuệ của Như Lai, còn nước từ những con sông chảy vào biển tượng trưng cho Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Khi chảy vào biển thì tất cả đều đồng một vị mặn gọi là Nhất thừa, thường trụ gọi là Nhất thiết chủng trí không phân biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Căn cứ vào nghĩa này, ông nên biết không có thừa khác nhau.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bởi thế, Đức Phật nói quả vị khác nhau là nhằm chỉ cho các chúng sinh tu tập trong ba thừa rồi thứ tự đi vào. Nói pháp tướng sai biệt là chỉ dạy cho chúng sinh về Như Lai chủng trí để thứ tự đi vào. Nói ít công đức, biết nhiều công đức là chỉ cho các chúng sinh có ba hạng khác nhau, chỉ dạy Như Lai phương tiện nhanh chóng bằng biện tài không ngăn ngại.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai dựa vào Tục đế để nói ba thừa, chư Phật Như Lai dựa vào Đệ nhất nghĩa đế để nói Nhất thừa; nhưng Đệ nhất nghĩa chỉ là Nhất thừa, không có thừa thứ hai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ngoại đạo ở cõi Phật ta như là Tăng-khư, Tỳ-thế-sư, Già-lê-ca Ni-kiền Tử… đều là do phương tiện của các Đức Như Lai, đều là thần lực của Như Lai muốn hộ trì thế gian mà hiện ra. Vì sao? Vì các Đức Như Lai khéo trừ tất cả các oán thù.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai được gọi là Thiện Thệ. Nếu có oán thù thì không được địa vị ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như vua Chuyển luân thánh vương trong thế gian, chỉ thành tựu một phần nhỏ công đức thiện căn, căn lành đoạn dứt, chẳng phải pháp cứu cánh, vẫn còn đầy đủ tất cả tham, sân, si…, các kết phiền não, không lìa ba cõi, không từ bỏ tất cả sử phiền não, không lìa tất cả cấu nhiễm phiền não. Vua Chuyển luân kia vẫn hoàn toàn không có những oán đối, rốt ráo không có những kẻ thù. Vì sao? Vì vua Chuyển luân không còn oán thù.

Này Văn-thù-sư-lợi! Huống nữa Như Lai đã thành tựu tất cả công đức trí tuệ, đạt đến tâm đại Từ, đại Bi không gián đoạn, hành động nơi pháp giới hư không vô lậu, đầy đủ các công đức thiện của bảy Giác chi, rốt ráo thành tựu pháp không quên mất, và có khả năng vận chuyển bánh xe chánh pháp vi diệu vô thượng, hoàn toàn thành tựu Bồ-đề vô thượng mà lại còn có những gai nhọn của ma oán, đâm chém của kẻ thù, thì không thể có.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những ngoại đạo ở cõi Phật này như Tăng-khư,

Tỳ-thế-sư, Già-lê-ca Ni-kiền Tử… sở dĩ có là đều do năng lực giữ gìn của Như Lai mà phương tiện hiện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những thiện nam tử ngoại đạo này, tuy thực hành các tướng của Nhị thừa, nhưng đều đồng Phật pháp, cùng đi qua một chiếc cầu, không có một con đường nào khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả cầm thú không thể đứng rống trước sư tử chúa. Văn-thù-sư-lợi! Như Lai là Sư tử chúa Đại trượng phu, đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy. Tất cả ngoại đạo Ni-kiền Tử không có một ai dám ở trong cảnh giới Như Lai tranh luận phải trái với Phật Thế Tôn để rống lên tiếng rống Sư tử, đó là điều không thể có. Chỉ trừ khi năng lực phương tiện của các Đức Như Lai thị hiện mà thôi!

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như mặt trời mọc lên tỏa ánh sáng lớn bao trùm khắp nơi, tất cả những ánh sáng của những loài côn trùng, đom đóm đều lụi tắt; tất cả ánh sáng ngọc ma-ni và ánh sáng của lửa đều không xuất hiện.

Văn-thù-sư-lợi! Như Lai xuất hiện ở thế gian, phóng ánh sáng mặt trời đại trí tuệ thì các ánh sáng trí tuệ đom đóm của các ngoại đạo Ni-kiền Tử đều lụi tắt không thể xuất hiện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như sắt chúa tên là A-tắc-kiền-đà. Ở chỗ nào các thứ sắt phàm đều không dám ở. Vì sao? Vì tướng nó riêng biệt nên không cùng chung một chỗ với sắt phàm. Văn-thù-sư-lợi! Cũng vậy, Như Lai như sắt chúa xuất hiện ở thế gian; dù bất cứ quốc độ nào thì tất cả sắt phàm phu ngoại đạo đều không phát sinh được. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai có tướng xuất thế riêng biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bất cứ ở nơi nào có ngọc báu ma-ni Như ý xuất hiện thì ở nơi đó không sinh những ngọc lưu ly giả. Văn-thù-sư-lợi! Như Lai chúa như ngọc báu Như ý đại trí xuất hiện ở thế gian, dù bất cứ quốc độ nào thì nơi ấy đều không phát sinh ngoại đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như những vật báu nào mà được làm ra từ vàng ròng thì nơi ấy không thể lấy ra các loại đồng sắt… Văn-thù-sư-lợi! Cũng vậy, bảo tánh của Như Lai xuất hiện ở thế gian, dù ở bất cứ quốc độ nào thì nơi ấy không thể phát sinh ngoại đạo.

Này Văn-thù-sư-lợi! Căn cứ vào nghĩa này, ông nên biết, Như Lai xuất hiện ở thế gian, dù ở quốc độ nào thì nơi đó ngoại đạo không xuất hiện. Vì sao? Văn-thù-sư-lợi! Quốc độ của ta sở dĩ có các ngoại đạo Ni-

kiền Tử là đều do năng lực bảo trì của Như Lai, để muốn chỉ bày cảnh giới phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì những ngoại đạo này đều ở trong pháp môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, đều là môn trí cứu cánh Bát-nhã ba-la-mật; tất cả đều được năng lực lớn phương tiện tự tại, nhanh chóng; tất cả được niệm không lìa bỏ Phật, Pháp, Tăng; tất cả đều rốt ráo đến bờ kia, dùng thần lực lớn giáo hóa chúng sinh; tất cả đều được Như Lai trợ giúp năng lực giáo hóa chúng sinh.

Khi Như Lai nói pháp môn Nhất thừa này, có tám ngàn Thiên tử nương vào hạnh Thanh văn được Nhất thừa, rồi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Năm trăm Tỳ-kheo được ở trong Tam-muội, ngọn đuốc sáng Nhất thừa bình đẳng đại trí. Một ngàn hai trăm vạn Bồ-tát được Vô sinh nhẫn. Tam thiên đại thiên thế giới này đều chấn động sáu cách. Tất cả chư Thiên ở giữa hư không mưa xuống hoa trời Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi; mưa xuống hương bột Chiên-đàn của cõi trời; tất cả đều đầy khắp dưới chân Như Lai. Vô lượng trăm ngàn Thiên tử ở giữa hư không tấu lên trăm ngàn loại âm nhạc, phát ra những âm thanh thật vi diệu cúng dường Như Lai. Lại mưa xuống những tấm vãi thượng diệu, đánh các loại trống trời và thưa rằng:

–Chúng con ở trong thế gian chưa từng được nghe pháp môn hy hữu tối thắng thượng diệu này.

Rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin pháp môn này mãi mãi ở trong cõi Diêm-phù-đề để tất cả chúng sinh được lợi ích lớn.

Tám ngàn Tỳ-kheo-ni, mỗi người tự cởi Thượng y trên thân cúng dường Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Văn-thù, ông nên biết
Thắng phương tiện của Phật
Ta ra đời thuyết pháp
Phương tiện hiện thời trược
Tất cả thời có pháp
Rốt ráo thường thanh tịnh
Tùy chúng sinh nhận pháp
Nên hiện chúng sinh trược
Chư Phật, Bậc Thắng Trí

Xuất hiện kiếp vi diệu
Quốc độ thường thanh tịnh
Cho nên nói không trược
Ta ở vô lượng kiếp
Tu đủ các khổ hạnh
Thanh tịnh các nghiệp chướng
Được công đức thắng trí
Ở trong vô lượng kiếp
Tuổi thọ không cùng tận
Ngoài sức phương tiện Phật
Thì không có mạng trược
Chúng sinh khởi tưởng thường
Nên ta hiện vô thường
Vì sống vô số kiếp
Thị hiện tướng đoản thọ
Như Lai công đức thắng
Tu từ vô lượng kiếp
Chúng sinh phước mỏng manh
Nghe sinh tâm sợ hãi
Vì những chúng sinh này
Phân biệt nói khác nhau
Cuối cùng đều thành Phật.
Lại không có thừa khác
Ta vì độ chúng sinh
Phân biệt nói đạo khác
Độ khiến vào Nhất thừa
Không có ba thừa khác
Như thầy bắn cung giỏi
Thích biết lực của tên
Vì dạy các đệ tử
Một nghề nói các cách
Như Lai cũng như vậy
Vì chúng sinh thành tựu
Mà ở trong một pháp
Nói những loại khác nhau
Ta đối với chúng sinh
Không có tâm sai khác
Vì trình độ không đồng

Nên nói có phân biệt
Nếu không tâm bình đẳng
Người nói ta ghen ghét
Tự giữ thừa Tối thượng
Cho chúng sinh pháp thấp
Thượng báu Nhân-đà-la
Tùy chỗ sắc sáng xanh
Chiếu sáng khắp các vật
Nhưng báu không phân biệt
Phật trí báu Vô thượng
Ánh sáng chiếu thế gian
Đồng một màu Bồ-đề
Lìa các tâm phân biệt.
Giống như đóm lửa nhỏ
Tăng trưởng thành sáng lớn
Trí nhỏ của La-hán
Tăng trưởng thành Phật tuệ
Tất cả các chúng sinh
Đi đến núi Tu-di
Nương lực sáng Tu-di
Tất cả đồng một màu
Các chúng sinh cũng vậy
Trụ pháp Phật Tu-di
Nhờ pháp lực Như Lai
Sắc thân đồng như Phật.
Giống như ong hút mật
Tập hợp các loài hoa
Đặt chung trong một nơi
Hòa hợp chung một vị
Vậy, Phật nói ba thừa
Vì thuần căn chúng sinh
Nói ra các loại pháp
Thành vị Bồ-đề Phật.
Giống như vua Chuyển luân
Ra ngoài không oán thù
Ta pháp ứng ra đời
Ngoại đạo cũng không có.
Giống như mặt trời mọc

Ánh sáng khác lụi tắt
Mặt trời Phật mọc rồi
Ngoại đạo tự tiêu diệt
Chỗ đã sinh chúa sắt
Không sinh sắt phàm khác
Chỗ Đức Phật ra đời
Không sinh các ngoại đạo
Nơi sinh vàng quý đẹp
Đồng và sắt ẩn mất
Nơi nào Phật thành đạo
Tự nhiên không ngoại đạo.
Giống như báu ma-ni
Không chung với tạp uế
Chỗ sinh ra như vậy
Ngọc lưu ly không giả,
Như Lai ngọc ma-ni
Xuất hiện đâu cũng vậy
Không lẫn các ngoại đạo
Cùng đồng một quốc độ,
Thần thông lớn ngoại đạo
Bồ-tát đều tự tại
Ông nên biết phương tiện
Thị hiện tướng như vậy.
Tất cả các Bồ-tát
Nghe thấy các ngoại đạo
Đầy đủ Lực phương tiện
Đều phát tâm vui mừng,
Tất cả đều tôn trọng
Hiến dâng lòng cung kính
Rải hoa cúng dường Phật
Các hương thơm vi diệu.
Chỗ ấy khi nói pháp
Đại địa động sáu cách
Hư không phát tiếng rằng
"Hiếm có chưa từng nghe"
Vô số các Thiên tử
Giữa không chắp tay khen
Đồng thanh nói "Lành thay!"

"Hay thay, Tu-già-đà!"

-oOo-

Phẩm 4: Đến Chỗ Vua Nghiêm Sí

Bấy giờ, tại quốc độ phương Nam, Đại Tát-già Ni-kiền Tử cùng với tám mươi tám ngàn vị Ni-kiền Tử khác đi khắp các quốc độ để giáo hóa chúng sinh rồi sau đó, họ đến thành Uất-xà-diên. Lại có vô số quần chúng ca hát hoặc nhảy múa, thổi sáo, xướng họa, tấu lên trăm ngàn vạn các loại âm nhạc; kẻ trước người sau hầu hạ Đại Tát-già Ni-kiền Tử đến thành Uất-xà-diên.

Lúc đó, đại vương chủ nước ấy là vua Nghiêm Sí, nghe nói có chúng Đại Tát-già Ni-kiền Tử cùng vô lượng chúng từ quốc độ phương Nam đến thành Uất-xà-diên. Khi nhà vua nghe như vậy, liền sinh tâm tôn trọng Đại Tát-già Ni-kiền Tử. Đã sinh tâm tôn trọng, vì muốn được chiêm ngưỡng Đại Tát-già Ni-kiền Tử, nên nhà vua bèn dùng uy lực của một bậc đại vương, năng lực thần thông, năng lực tốc hành, cùng với các đại thần và các vương tử, những vị sư trưởng, các vị đại trưởng giả quyến thuộc ở trong nước, các vị chủ ở thành nhỏ, ấp, tụ lạc và đại chúng, bằng phương tiện voi, ngựa, xe, đi bộ. Tất cả kẻ trước người sau cùng nhau, cung kính đi theo, khua chuông đánh trống, trỗi lên vô lượng trăm ngàn âm nhạc. Họ đánh trăm ngàn các loại trống âm thanh thật vi diệu; thổi trăm ngàn loại ốc âm thanh vi diệu; trương lên trăm ngàn vạn những loại tràng phan bảo cái được thêu bằng những loại có màu sắc xen lẫn nhau; rải trăm ngàn vạn các thứ hoa thượng diệu khắp những con đường, như hoa Ưu-bát-la, hoa Đầu-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Thâu-ca, hoa Bạc-câu-la, hoa Tỳ-ca-la, hoa A-đề-mục-đa-già. Lại có bình vàng, bình bạc đựng đầy trăm ngàn các loài hoa tuyệt đẹp khác nhau; dùng trăm ngàn những loại lư hương báu đốt hương vô giá, trang nghiêm ở phía trước để đi đến chỗ Tát-già Ni-kiền Tử.

Khi ấy, Đại Tát-già Ni-kiền Tử trông thấy vua Nghiêm Sí và đại chúng đi đến, Tát-già Ni-kiền Tử rẻ qua một bên đường, ở dưới gốc cây trải tọa cụ ngồi. Trong khi đó, vua Nghiêm Sí cũng trông thấy Tát-già Ni-kiền Tử ngồi dưới gốc cây, liền xuống voi đi bộ đến đó, rồi ngồi trên giường báu Như ý được trang nghiêm bằng ngọc báu ma-ni với trăm ngàn vẻ đẹp vô giá bất tuyệt.

Lúc ấy, Đại Tát-già Ni-kiền Tử vấn an nhà vua:

–Quý hóa thay, đại vương đến đây! Hôm nay Đại vương khéo gieo trồng công đức vô thượng hiếm có này, phước báo rất nhiều. Vì sao? Vì đại vương đã chế ngự được tâm tự tôn quý trọng của bậc Thiên vương, cho nên hạ thấp mình, chiếu cố đến đây hỏi thăm sức khỏe của một Sa-môn.

Này Đại vương! Trong nước Đại vương trị vì không có trộm cướp, phóng đảng và những bè đảng quấy nhiễu nhân dân chăng? Không có các quan lại tâm bạo xâm phạm lương thực nhân dân chăng? Không có các nhóm người làm nghề xấu xảo trá, giả dối lừa gạt người dân trong thế gian chăng? Không có những kẻ làm phản, quấy rối các người dân trong quốc độ chăng? Không có những kẻ trộm cướp cùng ăn cắp của nhau chăng? Các quan triều đình của nước chư hầu có khinh thường Đại vương, có thi hành theo mệnh lệnh của Đại vương chăng?

Này Đại vương! Trong nước Đại vương cai trị, có Sa-môn nào tu tịnh hạnh, được sống an lạc chăng? Cung cấp tất cả những đồ cần dùng, như y phục, thức ăn uống, phòng ốc, giường chiếu, thuốc men và những đồ cần dùng không thiếu thốn chăng? Nhân dân trong nước đều có tâm thiện, tôn trọng, cúng dường các Sa-môn tu tịnh hạnh không?

Đại vương! Hiện nay, đất nước Đại vương trị vì, không có các việc mổ giết, săn bắn, giăng lưới ở sông núi, thiêu đốt gò đầm, thả chim ưng, chó săn; thả câu bắt, dùng tên, đạn bắn cầm thú; đào hầm sâu, dùng độc, nỏ, bẫy đi giết hại chim chăng?

Đại vương làm chủ một nước, pháp chế quyền lực, mệnh lệnh dù thiện hay ác không ai dám chống đối. Khi lên vương vị đưa ra mệnh lệnh có đúng với lẽ phải không? Những việc làm thiện ác của dân có biết được không? Người làm điều thiện, có khuyến khích họ phát triển hơn nữa không? Những người làm việc xấu, có khuyến nhắc họ từ bỏ không?

Đại vương có khởi tâm ác mà giết hại tất cả những chúng sinh hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân không? Vì sao? Vì tất cả loài chúng sinh đều là loài có tình thức, quý trọng thân mạng và đều sợ chết. Khi nghiệp đã đến, tuổi thọ trăm năm đã hết thì không kể già hay trẻ, không có một lời lẽ nào mang đi. Vì sao? Vì ai cũng rất yêu quý tánh mạng, tại sao còn hại người khác để sinh khổ não. Sau khi chết, ghen ghét oán thù qua lại với nhau, quả báo ác không biết khi nào được chấm dứt.

Đại vương nên phải chấm dứt tội sát sinh, buông bỏ dao gậy, xả bỏ

của cải, mình phải sống đời sống biết đủ, đối với của cải của người khác không khởi lòng ham muốn.

Đại vương nên tránh xa tội tà dâm, sống chung thủy bằng lòng với vợ mình, không mong cầu vợ người khác, không khởi tâm tà loạn.

Đại vương nên tránh xa tội nói dối, thường nói lời chân thật, vì khi mở lời là thành phép tắc, không phát ngôn vô ích.

Đại vương phải nên tránh xa tội nói hai chiều, không nói những lời gây phá hoại. Đối với những người bị chia rẽ nên tìm cách hòa hợp, không khởi tâm phá hoại.

Đại vương nên từ bỏ tội nói lời thô ác, thường nói những lời yêu thương, nói những lời hòa nhã, không nói những lời thô thiển.

Đại vương nên chấm dứt nói lời phù phiếm, thường nói lời quyết định, lời nói có suy nghĩ, không đánh mất chánh ngữ.

Đại vương nên từ bỏ tội tham dục, đối với vật dụng của người khác không có tâm mong cầu, vật của người khác không sinh tâm cướp đoạt nên sinh tâm vui vẻ.

Đại vương phải nên từ bỏ tội giận dữ, thường khởi tâm từ, tâm thanh tịnh, không sinh tâm oán hận.

Đại vương nên chấm dứt tội tà kiến, thấy vào quả báo của chính mình để tùy thuận vào Thánh nhân mà phát khởi chánh kiến, không có cái nhìn sai lạc. Vì sao? Vì tội sát sinh có thể khiến chúng sinh đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh vào trong loài người thì mắc phải hai loại quả báo, đó là chết yểu và nhiều bệnh tật.

Tội trộm cắp cũng khiến cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh trong loài người thì mắc phải hai quả báo: Một là nghèo khổ, hai là có của cải nhưng không được tự do sử dụng.

Tội tà dâm cũng làm cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu được sinh vào trong loài người thì mắc phải hai quả báo: Một là vợ không nghe lời mình, hai là vợ mình bị người khác chiếm đoạt.

Tội vọng ngữ cũng làm cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là thường bị người khác vu khống, hai là thường bị người khác lừa gạt.

Tội nói hai chiều cũng khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là

quyến thuộc tan rã, hai là quyến thuộc xấu ác.

Tội nói lời độc ác cũng khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là không nghe tiếng tốt, hai là thường khởi lên sự đấu tranh.

Tội nói dua nịnh có thể khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là lời nói không được tôn trọng; hai là ngôn ngữ không chân thật, không được người khác ưa thích.

Tội tham dục cũng khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là không biết đủ, hai là thường sinh tâm tham lam.

Tội giận dữ cũng làm cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là tâm không được an ổn, hai là thường nghĩ đến sự tổn hại, không có tâm từ.

Tội tà kiến cũng khiến chúng sinh bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Nếu được sinh làm người thì mắc phải hai quả báo: Một là thường sinh ở trong nhà tà kiến, hai là tâm luôn không dối trá.

Đại vương! Có vô lượng, vô biên đau khổ hội tụ như vậy đều do nguyên nhân tích tập của mười nghiệp bất thiện. Vì thế, Đại vương chớ nên buông thả, tự do làm nghiệp ác, mà phải nên quán các pháp hữu vi đều là vô thường, tất cả thế gian không thể bảo tồn mãi được. Nhân mạng vô thường chỉ tồn tại trong thời gian ngắn ngủi nhất, ngài chớ sinh ý tưởng thường còn.

Đại vương nên quán chiếu rằng: Từ xưa đến nay, ngay cả Thiên tôn, vương vị, đất nước, nhân dân đều phải chịu quy luật vô thường, không có một thứ gì tồn tại mãi mãi. Nên biết rằng, thân này không bền chắc, nó như sóng nắng, như tiếng vang, như tia chớp, như trăng trong nước, như bóng trong gương, như khối bọt nước, như bong bóng, như nước, như lõi cây chuối, như lửa trong đá mài ra, như thấy cảnh trong mộng, như nước lũ từ trong hang núi đổ xuống thật nhanh, lan khắp khe rãnh chỉ trong khoảng khắc để hết và khô cạn.

Đại vương! Cũng vậy, nhân mạng không bền vững, vô thường, chỉ trong chốc lát đã héo rụng, đến đời vị lai cũng không thể thoát khỏi. Vì thế, Đại vương chớ ỷ vào hiện tại, mà phải nên lo nghĩ đến tương lai.

Đại vương! Quả báo thiện ác cùng đi theo ta, như tiếng vang theo âm

thanh, như bóng theo hình, không ai có thể thoát được. Cũng như cái vòng xích sắt, không có đầu mối chấm dứt. Chớ tùy ý gây nghiệp báo để rồi tự mình chuốc lấy khổ đau nặng nề.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử nói kệ rằng:

Hỡi Đại vương từ nay
Chớ nên hành phóng dật
Nếu không bỏ điều ác
Chết ắt đọa địa ngục
Người làm các điều ác
Nhất định xuống địa ngục
Giữ tâm không phóng dật
Sinh chỗ trời Đế Thích
Tất cả các chúng sinh
Ai cũng yêu mạng sống
Nếu vua cầu sống mãi
Không nên gây giết hại
Đại vương biết, người đời
Gian khổ đoạt của cải
Thường lo không sống được
Không nên nghĩ chiếm đoạt
Vì không có chiếm đoạt
Sinh nơi thường giàu có
Nếu có xâm phạm người
Thường sinh nhà nghèo khó
Đứng đắn chớ dâm người
Biết đủ với vợ mình
Cho nên yêu vợ mình
Chớ xâm phạm vợ người
Không nói lời dối trá
Thường nghĩ lời chân thật
Nói thật sinh Đế Thích
Nói dối sinh ngạ quỷ
Thường nghĩ lìa hai lưỡi
Hòa hợp người chưa rõ
Quyến thuộc thường hòa thuận
Qua đời sinh Phạm thiên
Phát ngôn chớ thô ác
Nói ra người thích nghe

Lời thiện sinh cõi trời
Thường nghe tiếng vi diệu
Nghĩ lìa lời phù phiếm
Khéo nhớ lời tốt đẹp
Phước báo sinh Đế Thích
Chư Thiên kính thọ giáo
Nếu muốn mình lợi ích
Chớ xâm phạm của người
Sinh tham đời sau bị
Tiền tài thuộc năm nhà
Nếu không tu Từ bi
Hay buông tâm giận, hại
Tuy làm các hạnh tốt
Chết đọa chốn địa ngục
Nay đại vương phải nên
Từ bỏ giận, dữ, ngu
Thường thương yêu chúng sinh
Chớ sinh giận dữ hại
Vua nên bỏ tà kiến
Tâm chánh kiến vững chắc
Thường giữ pháp thanh tịnh
Cõi trời thọ thân vui
Tỳ-kheo tu phạm hạnh
Hãy nên thường cúng dường
Bởi thế, bỏ đường ác
Hưởng vui ở cõi trời.

Bấy giờ, Đại Tát-già Ni-kiền Tử thăm hỏi nhà vua và nói cho vua Nghiêm Sí những pháp tương ứng với không phóng dật và mười thiện nghiệp, rồi im lặng.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 3

Phẩm 5: Vương Luận (Phần 1)

Bấy giờ, quốc vương Nghiêm Sí nghe Đại Tát-già Ni-kiền Tử nói chánh pháp rồi, rất vui mừng tin nhận. Ngay lúc đó, nhà vua hỏi Đại Tát-già Ni-kiền Tử:

–Đại Tát-già từ nơi xa xôi đến giáo hóa chúng sinh, trên đường nhiều hiểm trở, không biết Đại sư thân thể, khí lực có an ổn không? Chúng sinh dễ giáo hóa không? Các đại đệ tử có thực hành theo lời dạy của Đại sư không? Hân hạnh, nhờ Đại sư không chê đất nước của con nên được phụng kiến và được nghe chánh pháp, trong lòng vô cùng vui sướng. Như được gặp mẹ hiền, như đói được thức ăn, như khát gặp nước, như trần truồng gặp y phục, như người nghèo gặp của báu, như lúc nóng gặp mát, như lạnh gặp lửa, như mù được thấy, như điếc được nghe, như kẻ ngồi tù được phóng thích, như bần tiện được tôn quý, như kẻ lạc đường được trở về, như người học trò gặp được thầy. Lòng con vui sướng cũng như thế.

Thưa Đại sư! Từ xưa tới nay, con cứ nghĩ rằng: "Chánh pháp khó được nghe, thầy giỏi khó gặp, thân người khó được, các căn khó vẹn toàn, chánh kiến khó sinh, lòng tin khó phát, khó được hội họp, tự do khó được, thái bình khó gặp." Như thế, những điều khó khăn ấy con đã vượt cả. Hôm nay gặp được Đại sư, như người vào biển muốn nhặt trân bảo liền gặp được một vùng báu lớn. Hôm nay con có sự nghi ngờ, xin được hỏi, cúi mong Đại sư thương xót giải quyết cho con!

Lúc ấy, Tát-già Ni-kiền Tử bảo vua Nghiêm Sí:

–Nay nhà vua có điều gì nghi ngờ hãy cứ hỏi, ta sẽ phân biệt giải nói, khai thông, trừ hết sự nghi ngờ để nhà vua được hiểu rõ.

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí thấy Tát-già Ni-kiền Tử đã cho phép mình hỏi, trong lòng rất vui mừng rồi đưa ra điều nghi vấn:

–Thưa Đại sư! Những gì là sinh pháp? Những gì là trụ trì? Ở trong những pháp nào mà có tên này?

Đại Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Đại vương nên biết! Gọi là sinh nghĩa là các chúng sinh; nói trụ trì nghĩa là các quốc độ thế giới. Nói chúng sinh nghĩa là năm thủ ấm. Như vậy, những pháp nào gọi là năm thủ ấm? Đó là sắc thủ ấm, thọ thủ ấm, tưởng thủ ấm, hành thủ ấm và thức thủ ấm. Đại vương! Dựa vào năm pháp này gọi là chúng sinh, gọi là khí thế gian. Nói đến chúng sinh nghĩa là bao gồm bốn loại sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh. Nói khí thế gian nghĩa là bao gồm hư không, đất, nước, gió và lửa.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Ai có khả năng che chở cho tất cả chúng sinh và ai có thể giữ gìn giới này?

Đáp:

–Này Đại vương! Tất cả đều do quả báo nghiệp của chúng sinh và năng lực của nhà vua làm chủ quốc gia, với khả năng đó có thể giữ gìn.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao do quả báo nghiệp chúng sinh có thể bảo hộ chúng sinh?

Đáp:

–Này Đại vương! Do năng lực báo tăng thượng của nghiệp mình cho nên sinh ở nơi tốt đẹp. Nhưng những chúng sinh ấy đối với các vật không có tâm nuối tiếc, giữ gìn; không sinh tâm đây, kia, ta, người. Bởi thế, tất cả các vật để sinh sống, không cần phải thêm công sức mà chỉ tùy theo ý nghĩ là được đầy đủ, đến trọn đời thường sống ở nơi an ổn, hưởng lạc. Lìa khỏi những đau khổ về bệnh thô như lạnh, nóng, đói khát và các thứ đau đớn hành hạ. Họ cũng không có ác tâm xâm lấn, gây thêm sự thiệt thòi cho nhau; cũng không có tâm lường gạt, dối trá nhau. Những thôn xóm, thành ấp đều có bảy báu trang nghiêm, họ thường đi lại ở trong cảnh giới thù thắng vi diệu; sống thọ đến một ngàn tuổi. Khi thọ mạng của họ hết, liền xả thân sinh lên cõi trời hưởng lạc trong đường thiện. Như thế, những chúng sinh này được nghiệp Uất-đơn-việt hộ trì.

Đại vương nên biết! Lại có chúng sinh nhờ năng lực quả báo nghiệp của chính mình, nên được sinh ở nơi thù thắng, thân có ánh sáng, bay trên

hư không, lấy niềm vui ở trong thiền định làm món ăn ngon bổ, không sinh vào thai, tuổi thọ vô lượng, sống ở thế gian mãi mãi. Đây gọi là kiếp đầu của chúng sinh.

Đại vương nên biết! Lại có chúng sinh nhờ vào nhân năng lực nghiệp báo của họ trong quá khứ, có công đức thù thắng nên sinh ở trong thế gian, có tâm kính trọng cha mẹ và những bậc trưởng thượng trong gia tộc, cùng các Sa-môn, người tu tịnh hạnh, lấy đó làm ruộng phước. Họ thường làm các việc thiện, làm điều đáng thì nên làm, bỏ hạnh ác, thường thọ trì tốt năm giới và tám giới, thực hành bố thí, tích chứa phước đức. Đây là những chúng sinh có thiện căn ở kiếp thứ hai. Đại vương! Bấy giờ, chúng sinh thiện căn đầy đủ, không khởi lên những điều ác, cho nên thế gian chưa lập vương pháp. Vì thế, gọi là tự nghiệp quả báo có thể che chở chúng sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Được nghiệp bảo hộ như thế con đã biết rồi. Vì sao gọi là năng lực của một người làm chủ đất nước có thể bảo hộ chúng sinh?

Đáp:

–Này Đại vương! Các vua chúng sinh là người làm chủ của chúng sinh mà năng lực của các vị ấy có thể che chở cho chúng sinh.

Nhà vua hỏi:

–Những vị ấy, sao gọi là vua?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Vua là cha mẹ của dân. Vì dựa vào phép tắc để bảo hộ chúng sinh, khiến cho họ được sống an lạc, nên gọi là vua. Đại vương! Nhà vua nuôi dưỡng dân như con đỏ, đưa họ từ nơi ẩm ướt đến chỗ khô ráo, không chờ họ kêu gọi. Vì sao? Đại vương nên biết! Vua được đứng vững là nhờ lấy dân làm nền tảng. Tâm nhân dân một khi đã không yên ổn thì nước ắt sẽ diệt vong. Vì thế, nhà vua phải nghĩ đến nhân dân như con đỏ, không bỏ tâm niệm ấy. Phải biết khổ, vui của người dân trong nước, làm việc kịp thời; biết lũ lụt, khô hạn, biết gió, mưa; biết nóng và không nóng; biết thời thịnh vượng, biết nơi thiếu thốn, biết có, biết không; biết buồn, biết vui; biết già, biết trẻ; biết bệnh, biết không bệnh của người dân. Nhà vua phải biết đúng các việc kiện tụng, biết có tội, hay không tội; biết nhẹ hay nặng. Đối với các vương tử, đại thần và các quan, phải biết người có công và người không có công. Người biết như vậy gọi là không lìa tâm.

Đại vương! Người làm vua khi đã biết trong nước như thế, rồi đem khả năng giúp đỡ. Người nên cho thì cấp cho kịp thời, người nên thu thì phải suy nghĩ kỹ. Sai khiến biết đúng thời, không đoạt danh lợi, phải nghiêm ngặt đối với kẻ tham nhũng để nhân dân được yên ổn. Đó là người giúp đỡ, cũng gọi là vua.

Đại vương nên biết! Vua có bốn hạng:

1. Vua Chuyển luân.

2. Vua của từng quốc độ.

3. Vua chư hầu.

4. Vua biên địa.

Vua Chuyển luân nghĩa là vua Sát-lợi có quán đảnh, quán xuyến bốn châu thiên hạ, là bậc Pháp vương độc tôn tối thắng cao quý nhất giữ gìn pháp. Vua Chuyển luân ấy có đầy đủ bảy báu:

1. Báu phu nhân.

2. Báu Ma-ni.

3. Xe báu.

4. Voi báu.

5. Ngựa báu.

6. Đại thần báu.

7. Chủ kho báu.

Vua Chuyển luân ấy đã có đầy đủ bảy báu, đi khắp mọi nơi không có ai đối địch, không có người oán ghét, không có điều buồn phiền, không dùng các loại binh khí. Chỉ dựa vào chánh pháp, bình đẳng không thiên vị để an ủi và thu phục.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao gọi Chuyển luân thánh vương là người thống lãnh bốn cõi?

Đáp:

–Này Đại vương! Vì vua ấy có quyền lực khắp bốn châu thiên hạ vậy!

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao gọi vua ấy là bậc cao quý tối thắng nhất?

Đáp:

–Đại vương! Vì lệnh của vua Chuyển luân thánh không ai dám chống

lại.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao gọi vua ấy là vị Hộ pháp?

Đáp:

–Đại vương! Vì vua ấy tu theo mười pháp thiện, không làm theo tà pháp, giết hại… nên gọi là Hộ pháp.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Tại sao gọi là Pháp vương?

Đáp:

–Này Đại vương! Vua Chuyển luân thánh dùng mười pháp thiện giáo hóa bốn châu thiên hạ, khiến cho tất cả đều giữ gìn, xa lìa mười nghiệp ác, thực hành mười pháp thiện đầy đủ và thành tựu, nên được gọi là Pháp vương.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì mà được đệ nhất phu nhân, và vì sao được thành tựu?

Đáp:

–Này Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ nghiệp bất thiện, cho nên được báu phu nhân cùng ở bên mình thọ hưởng niềm vui tối thắng, đó gọi là thành tựu. Vì sao gọi là thọ hưởng niềm vui tối thắng? Đại vương! Phu nhân của vua Chuyển luân thánh ấy trong thân toát ra hương Chiên-đàn vi diệu vô giá; hơi trong miệng thường bay ra hương vô giá của loài hoa Ưu-bát-la; thân thể mềm mại như chim Ca-lăng-già. Nếu có loài chúng sinh khác xúc phạm vào thân chim Ca-lăng-già ấy thì thân thể vĩnh viễn không còn mỏi mệt nữa, xa lìa sự đói khát cùng với những nỗi lo âu, buồn phiền; được thọ hưởng sự vui sướng vô cùng tối thắng. Cũng vậy, vua Chuyển luân thánh gặp phu nhân ấy cũng thọ hưởng vui sướng.

Đại vương nên biết! Thân thể phu nhân ấy, lúc thời tiết lạnh có thể làm cho ấm áp, khi thời tiết nóng có thể làm cho mát mẽ. Tay của những người trong thế gian không thể đụng chạm đến thân của phu nhân. Vì sao? Vì nhờ thiện căn, xa lìa tâm tham dục và nghiệp bất thiện. Tất cả chúng sinh chỉ quan sát, kính trọng, như mẹ, như con gái, như chị em. Nhưng phu nhân ấy phát sinh ba tâm đối với vua Chuyển luân thánh:

1. Tâm thường tôn trọng vua, không sinh tâm khác.

2. Tâm thường cung kính vua.

3. Tâm thường nghĩ đến vua Chuyển luân. Vì sao thế? Vì đã xa lìa tâm tham dục cấu bẩn.

Lại nữa, này Đại vương! Phu nhân báu của vua Chuyển luân đã xa lìa năm loại pháp ác của người nữ:

1. Lìa tâm hời hợt không có chí hướng của người nữ.

2. Lìa tâm ham muốn người nam khác.

3. Xa lìa tâm keo kiệt, ghen ghét.

4. Đối với chỗ phi xứ xa lìa tâm dâm dục điên đảo.

5. Khi vua Chuyển luân thánh lâm chung thì người ấy cũng đi theo.

Đại vương! Phu nhân báu ấy có năm công đức:

1. Biết nghĩ đúng với tâm của nhà vua.

2. Có thể sinh đầy đủ ngàn người con.

3. Tự nhiên dòng họ được tôn quý.

4. Làm cho chỗ ở đầy đủ tất cả vật dụng.

5. Nếu khi nhà vua cùng với người nữ khác thụ hưởng dục lạc thì không phát sinh tâm ghen ghét, sân hận.

Đại vương! Phu nhân của vua Chuyển luân thánh ấy đã thành tựu ba công đức.

1. Không nói lời ác.

2. Không tà kiến.

3. Nếu vua đi nơi khác thì không ở trong cảnh giới ngũ dục và không động tâm.

Đại vương! Phu nhân của vua Chuyển luân thánh khi xả thân sẽ sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì đã lìa khỏi tham dục, ghen ghét, đó gọi là công đức của phu nhân vua Chuyển luân thánh là như vậy, khiến cho nhà vua hưởng vui tối thắng hơn hết.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được báu Ma-ni ấy?

Đáp:

–Này Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ,

nghiệp bất thiện, nên được ngọc báu Ma-ni thứ hai, được thọ hưởng ánh sáng tối thắng và vật dụng an lạc tối thượng. Vì sao tối thắng? Đại vương nên biết! Vì ngọc báu Ma-ni của vua Chuyển luân thánh có tám công đức:

1. Ngọc báu Ma-ni ấy, khi trong đêm tối thì phóng ra ánh sáng lớn, như trăng rằm vào mùa thu; ánh sáng có thể chiếu đến một trăm do tuần. Đến mùa hè chúng sinh bị nóng bức, nhờ ánh sáng báu Ma-ni chiếu đến, thân thể khi tiếp xúc thì được mát mẽ.

2. Nếu vua Chuyển luân thánh đi ở trong đồng vắng, chỗ không có nước, lại gặp các chúng sinh đói khát, báu Ma-ni ấy sẽ phóng ra nước công đức có đầy đủ tám vị thì không còn đói khát.

3. Khi vua Chuyển luân thánh cần điều gì thì tất cả đều phát ra từ báu Ma-ni.

4. Báu Ma-ni có tám cạnh, trong mỗi cạnh phát ra các thứ ánh sáng, như xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng, tía.

5. Báu Ma-ni kia đặt ở đâu thì chúng sinh ở xung quanh trong khoảng một trăm do-tuần đều được xa lìa những khổ đau, bệnh tật, thường định tâm, làm những điều thiện đều có kết quả.

6. Báu Ma-ni ở cảnh giới nào thì không có các loài rồng phóng ra khí độc, sấm chớp, gió dữ, mưa lâu ngày làm tổn hại chúng sinh.

7. Khi nước ở tất cả núi, sông, khe, hang, rãnh, suối khô cạn, ngọc ma-ni làm cho nó được hồi phục trở lại. Khi rừng cây, hoa quả bị khô héo, có thể khiến cho tươi tốt phồn thịnh, hoa ở trong ao và rừng tất cả đều đầy đủ.

8. Báu Ma-ni ở chỗ nào thì chỗ đó người dân không có đau ốm, bệnh tật, bị những chất độc hay chết, và cho đến không bị các loài súc sinh cọp, chó sói, sư tử, rắn, chuột, mèo, hồ ly, chim cắt, diều hâu cùng ăn chung một thức ăn, không sinh tâm hại nhau.

Lại nữa, này Đại vương! Vua Chuyển luân thánh có đủ ngàn người con, thân thể cao lớn, khỏe mạnh, hùng dũng, có tài sức xuất chúng, chinh phục thế gian, vâng lời vua dạy, có thể giữ gìn đại pháp, thực hành theo pháp, tâm thương yêu tất cả chúng sinh. Đó là nhờ công dụng báu Ma-ni của vua Chuyển luân thánh khiến cho nhà vua hưởng thọ niềm vui tối thượng thù thắng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được xe báu thứ ba?

Đáp:

–Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ xa lìa tâm giận dữ, nghiệp bất thiện nên được xe báu ấy. Xe báu đi đến chỗ nào thì chinh phục tất cả, được vui đại thắng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là được vui đại thắng?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Xe báu của vua Chuyển luân thánh, có đầy đủ năm công đức:

1. Xe báu kia toàn thân bằng vàng Diêm-phù-đàn, có đầy đủ ngàn căm, lớn năm do-tuần, hiển hiện ở thế gian như mặt trời thứ hai.

2. Xe báu kia bay thẳng lên hư không không bị chướng ngại, một ngày có thể đi tám ngàn do-tuần.

3. Tùy theo suy nghĩ của vua Chuyển luân thánh, muốn đi đến chỗ Tứ Thiên vương, đi đến bốn châu thiên hạ, Nam Diêm-phù-đề, Tây Cù-già-ni, Bắc Uất-đơn-việt, Đông Phất-ba-đề. Khi đó, tùy theo suy nghĩ của nhà vua liền bay lên hư không đi về phía trước. Nương vào năng lực của bánh xe kia, bốn đội binh voi, ngựa, xe, bộ tất cả đều bay vụt lên hư không.

4. Chỗ nào không phục tùng theo vua Chuyển luân thánh, theo sự suy nghĩ của nhà vua, xe báu kia liền bay đến khiến cho họ phải quy phục.

5. Sức mạnh của xe báu kia không có đối thủ, tất cả vua nhỏ thấy nó đều hàng phục. Vì vua Chuyển luân thánh nương vào pháp mà tu hành, lìa bỏ tâm giận dữ.

Đó gọi là công dụng của xe báu của vua Chuyển luân thánh, làm cho nhà vua hưởng thọ niềm vui đại thắng tối thượng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được voi báu thứ tư?

Đáp:

–Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ, nghiệp bất thiện nên được voi báu, hưởng thọ niềm vui ở cỗ xe tối thắng đệ nhất.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là niềm vui ở trên cổ xe tối thắng.

Đáp:

–Đại vương nên biết! Voi báu lớn kia, giống như con ngựa tốt đã được điều phục thuần thục, dùng nó đi chinh phục các nước khác. Nó có đầy đủ bảy chi vững vàng là: bốn chân, vòi, âm căn và đuôi. Bảy chi ấy trụ vững vàng và rất hùng mạnh, sức lực có thể địch nổi đến mấy ngàn con voi bình thường. Nó có màu trắng giống như tuyết, như voi Y-ta, Ba-la của trời Đế Thích. Tất cả các con voi thường không thể xuất hiện đến trước mặt nó ngửi hương. Đại vương! Con voi kia có khả năng sử dụng tự do ở ba nơi là trên không, đường bộ và đường thủy. Voi ấy đi rất nhanh, một ngày đi quanh Diêm-phù-đề ba vòng.

Đại vương nên biết! Khi vua Chuyển luân cỡi trên voi chúa, nó biết được tâm của nhà vua và đi theo sự suy nghĩ đó. Nó đi rất vững vàng, giống như ngỗng chúa, không nhanh, không chậm, không cong quẹo, không ngang ngược. Người nếu đi cùng đường với nó thì nó không làm người ta sợ, cho đến ngay cả người phụ nữ nào xúc phạm đến nó thì nó cũng không giận dữ. Nhưng khi chiến đấu thì nó thể hiện tướng vô cùng hung dữ, không ai dám đến gần. Lúc bình thường, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, ăn đều do chủ điều khiển, chỉ dùng sợi dây như sợi tơ là dẫn nó đi, thuận theo không trái lệnh. Đó là voi báu của vua Chuyển luân thánh sử dụng, khiến cho nhà vua thọ hưởng niềm vui tối thắng khi cỡi nó.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được ngựa báu thứ năm?

Đáp:

–Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ, nghiệp bất thiện nên được ngựa báu, hưởng thọ niềm vui tối thượng nhanh chóng khi cỡi lên nó.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là rất nhanh chóng?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Ngựa báu kia có màu sắc trắng như hoa Câu-nâu-đầu, có những xoáy tròn như cỡi trời khắp toàn thân. Thân thể không lớn, không nhỏ, không cao, không thấp, rất sung mãn, tâm tánh thuần hậu

rất dễ điều phục. Giống như ngựa Bà-la-hà của trời Đế Thích, tự do đi lại. Một ngày có thể đi quanh Diêm-phù-đề ba vòng không biết đến mệt mỏi. Đại vương! Đó gọi là công dụng ngựa báu của vua Chuyển luân thánh, khiến cho nhà vua hưởng thọ niềm vui nhanh chóng tối thượng khi cỡi trên nó.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được đại thần báu thứ sáu?

Đáp:

–Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ nên được đại thần báu để nhà vua đi dạo chơi thoải mái, thọ hưởng niềm vui vô sự thù thắng đệ nhất.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là niềm vui vô sự thù thắng đệ nhất?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Các vị đại thần kia thay nhà vua xử lý đất nước như ý nghĩ của vua. Họ vì nước quên thân, không cầu tư lợi, nghĩ đến việc giúp đỡ trăm họ cũng như hộ vệ đôi mắt của mình. Làm việc theo ý của nhà vua; thực hiện ngay theo suy nghĩ không trở ngại, không lệ thuộc. Họ tu hành theo chánh đạo, từ bỏ phi pháp, tùy thời, tùy nơi không làm tổn hại. Y theo đúng mệnh lệnh của nhà vua thực hành mười pháp thiện, không trái điều thiện, không trái chánh pháp, không trái y nghĩa đúng pháp, đều thực hành đầy đủ tất cả. Đại vương! Như thế gọi là nhờ công dụng của đại thần báu của vua Chuyển luân thánh, làm cho nhà vua thọ hưởng niềm vui đệ nhất tối thắng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Chuyển luân thánh nhờ nhân duyên gì được làm chủ kho báu thứ bảy?

Đáp:

–Đại vương! Vua Chuyển luân thánh nhờ từ bỏ tâm giận dữ, nghiệp bất thiện nên được làm chủ kho báu, thỏa mãn tâm nguyện nhà vua, yên ổn hưởng thọ vui sướng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là đầy đủ, thỏa mãn, yên ổn hưởng thọ sự vui

sướng?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Chủ kho báu ấy có công đức rất lớn. Tất cả các núi lớn, khe sâu, hang tối, đồng hoang, sông, đầm, gò, đồng bằng, bến bãi, hầm hố, những chỗ cao thấp không bằng nhau, thì dùng các trân báu như báu Kim cương, báu Nhân-đà-la, báu Ma-la-ca-đa, báu Mã não lấp đầy hết những nơi kia mà báu vẫn không hết; huống gì còn vàng bạc, lưu ly, pha lê không kể số lượng. Chủ kho báu ấy, tâm luôn luôn vui vẻ, không có thái độ dối trá, không có tướng hai lòng, không làm người khác buồn phiền, ai thấy cũng đều hoan hỷ.

Đại vương nên biết! Đó gọi là công dụng của vua Chuyển luân thánh làm chủ kho báu, khiến cho nhà vua vui sướng, thỏa mãn ước nguyện.

Đại vương nên biết! Vua Chuyển luân thánh nhờ có đầy đủ bảy báu như thế, cho nên vua trong bốn thiên hạ và các vua rồng, hai loại vua trời, là Tứ Thiên vương và cõi trời Tam thập tam, cùng với Đế Thích phân chia tòa ngồi. Họ nhờ từ bỏ sân hận, tâm ác, nghiệp bất thiện nên được đầy đủ bảy báu như thế, hưởng thọ niềm vui thù thắng, huống gì thực hành đầy đủ mười thiện nghiệp ư!

Đại vương nên biết! Vua Chuyển luân thánh còn có bảy thứ gọi là báu mềm mại, công đức của nó không bằng bảy báu ở trước. Bảy báu đó là:

1. Kiếm báu.
2. Da báu.
3. Giường báu.
4. Vườn báu.
5. Nhà báu.
6. Y phục báu.
7. Đầy đủ các đồ dùng báu.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là kiếm báu đệ nhất của vua Chuyển luân thánh, nó có công dụng như thế nào?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Kiếm báu ấy, các vua chư hầu trong nước của vua Chuyển luân thánh, nếu người nào có tâm niệm trái lệnh nhà vua thì

ngay lúc ấy kiếm báu từ trên hư không bay đến nơi người ấy. Những Tiểu vương trông thấy liền quy phục, đảnh lễ kiếm báu, mà kiếm báu kia không khởi tâm giết hại. Cho nên đó được gọi là công đức kiếm báu của vua Chuyển luân thánh. Tất cả các quốc sĩ không cần dùng dao gậy, tự nhiên tuân theo.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là da báu của vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Da báu của vua Chuyển luân thánh chính là da của vua rồng lấy từ trong biển ra. Chủ thương buôn mang về từ trong biển lớn, dâng lên nhà vua Chuyển luân thánh. Tấm da báu ấy rộng trăm do-tuần, dài mười do-tuần. Thể chất của nó sạch sẽ, tinh khiết, chiếu sáng lóng lánh như mặt trời, lửa đốt không cháy, ngâm nước không mục, gió thổi bạt núi nhưng không lay động được nó, luôn điều hòa nhiệt độ, khử trừ nóng và lạnh. Khi nhà vua đi đến chỗ nào thì nó cũng đi theo đến đấy. Tùy theo số lượng binh lính của vua Chuyển luân thánh, da báu ấy trải rộng mười do tuần che khắp ở trên. Có thể làm nhà đầy đủ cho mọi người ở. Những người ấy đều ở riêng từng phòng, không trở ngại nhau. Đó là công dụng của công đức da báu.

Hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là giường báu của vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Giường báu của vua Chuyển luân thánh được kiến tạo rất bằng phẳng, vững chắc không lay động, không cao, không thấp; không rộng, không hẹp; không dài, không ngắn; không khôn, không điệt; không cứng, không mềm; không rít, không trơn mà chỉ mềm mại dịu dàng. Nếu khi nhà vua ngồi tọa thiền ở trên giường báu kia thì liền nhập vào thiền định Tam-muội giải thoát. Nếu khi nhà vua phát khởi tâm tham, sân, si ngồi trên giường báu kia thì tức thời liền chấm dứt. Người nữ nào thấy vua ngồi trên giường báu ấy thì liền từ bỏ tâm tham, sân, si. Đó là công dụng của công đức giường báu.

Hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là vườn báu của vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Nếu khi vua Chuyển luân thánh muốn nhập thiền định thì đi vào trong vườn ấy, liền được định tâm. Nếu lúc nhà vua muốn thọ hưởng năm thứ dục lạc, đi vào trong vườn ấy và nhờ công đức làm điều thiện của vua thì những thú vui của các cõi trời như hoa quả, các loài chim, nước suối, nước dòng, nước ao, nước sông và tất cả các nhạc cụ, kỹ nhạc, hát múa, xướng ca; những thứ kia đang ở nơi cõi trời tự nhiên biến mất rồi liền hiện ra trước mặt nhà vua. Khi đó, vua Chuyển luân hưởng thọ dục lạc cũng như các vị trời khác. Đó là dụng của công đức vườn báu.

Hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là nhà báu của vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Nếu khi vua Chuyển luân thánh ngồi trong ngôi nhà ấy muốn thấy mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao thì liền thấy được tất cả ngay trong ngôi nhà đó, và thấy được cả các thứ ngọc báu kỳ lạ của cung trời không trở ngại. Ở trong ngôi nhà này cũng nghe được các loại âm nhạc. Khi nghe những kỹ nhạc này thì buông bỏ những nỗi ưu phiền, mệt mỏi; ở trong giấc ngủ rất sảng khoái, rất hy hữu và có thể mơ thấy các điềm lành. Khi thời tiết lạnh thì lại ấm áp, gió thoang thoảng đưa hương thơm. Khi thời tiết nóng thì lại mát mẻ, gió nhè nhẹ thoảng đưa thật là thích thú và thọ hưởng sự vui sướng. Vào canh hai thì ngủ, canh ba thức dậy hưởng thọ pháp lạc, đến canh tư nói pháp giáo hóa. Đó là dụng của công đức nhà báu.

Hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là y báu của vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Y báu của vua Chuyển luân thánh không như tơ lụa, hay vải vóc ở thế gian, mà nó lại có những đường hoa văn ngang dọc rất tuyệt đẹp, cực kỳ mềm mại, tất cả trần cấu không thể làm nhiễm ô dù một tí nhỏ. Khi mặc y báu ấy thì không còn nóng, lạnh, đói khát, bệnh tật, buồn phiền, mỏi mệt. Đại vương! Y báu đó lửa không thể đốt cháy, dao cắt không đứt, nước ngậm không mục. Đó là dụng của công đức y báu.

Hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là vật dụng báu dưới của chân vua Chuyển luân thánh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Vật dụng báu dưới chân của chân vua Chuyển luân thánh đó là đôi giày. Khi nhà vua mang nó vào đi trên nước cũng giống như đi trên đất, vào lửa không bị cháy giống như vào ao nước sạch sẽ, mát mẻ. Nhà vua muốn đi thưởng ngoạn, dù đi trăm ngàn do tuần cũng không cảm thấy mệt mỏi. Đó là dụng của công đức vật dụng báu dưới chân.

Đại vương! Đó là bảy thứ báu uyển chuyển của vua Chuyển luân thánh, đó chỉ là phần nhỏ quả báo, tập khí công đức trong mười điều thiện, chứ thực sự chưa nói đầy đủ quả báo của mười thiện nghiệp đạo.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào gọi là đi khắp trời đất không có đối địch?

Thế nào gọi là không có những mũi nhọn?

Thế nào là không có phiền não?

Thế nào là không có đao trượng?

Thế nào là nương theo chánh pháp?

Thế nào là bình đẳng?

Thế nào là an ủi những kẻ hàng phục?

Thế nào là không có sự buồn giận?

Đáp:

–Đại vương! Đi khắp trời đất không có đối địch, vì khắp mọi nơi đều được tự tại.

Không có những mũi nhọn là vì không có những mũi nhọn ác đối với xấu ác oán địch vậy.

Không có sự buồn giận, là vì không dùng sức mạnh, thế lực để uy hiếp người.

Không có binh khí, là vì từ bỏ dao gậy, không làm tổn hại.

Nương theo chánh pháp là vì xa lìa phi pháp tham, sân và si; thực hành theo chánh pháp, cải hóa ngu si tối tăm.

Bình đẳng là đem lòng thương đến khắp tất cả chúng sinh đều như nhau, như nghĩ đến một người con, không thiên vị ai.

An ủi kẻ hàng phục tức là như các vua khác nhau trong chúng sinh, mỗi người đều có phần đất làm chủ, không dời đổi, không chiếm đoạt, sống trong sự an ổn

Vì sao? Vì vua Chuyển luân thánh là vua trong bốn châu thiên hạ. Những thành ấp trong thời đại, trong xứ sở của vua Chuyển luân thánh đều có các vua nhỏ.

Những vị vua nhỏ này phải đón rước vua Chuyển luân thánh và tâu lên:

–Đại vương biết cho! Khắp mọi nơi trong bốn châu thiên hạ đều được yên ổn, đầy đủ, thịnh vượng và rất sung sướng. Như thế là không có bệnh tật; y phục, ăn uống tự nhiên đầy đủ, không có các sự đau khổ. Có rất nhiều các chúng sinh, nhân dân, voi, ngựa, tất cả đều đầy đủ, đều thuộc sở hữu của Đại thiên thánh, tùy ý nhà vua thọ dụng. Chúng con xin vâng theo lời dạy của Đại vương, không dám trái nghịch.

Bấy giờ, vua Chuyển luân bảo các vua:

–Này các chư hầu! Mỗi vị phải làm cho quốc gia của mình được thái bình. Ta đến là vì chư vị, chứ không vì đất nước. Các vị phải y theo chánh pháp cai quản và xây dựng đất nước, không theo tà pháp, phải có tâm bình đẳng, không thiên vị. Trong nước của các vị, nếu có tà pháp thì mau chóng trừ diệt đi, đó là tuân theo lệnh của ta, mới gọi là các vị yêu nước. Nếu không trừ diệt đi thì ta và các vị mắc tội rất nặng.

Đại vương nên biết! Như thế mới gọi là Chuyển luân thánh vương bảo hộ các chúng sinh.

Các tiểu vương là vua cai quản phần nhỏ, dưới vua cai quản phần nhỏ là vua ở biên địa. Hai hạng vua ấy đều tuân theo mệnh lệnh của vua Chuyển luân thánh. Đại vương nên biết! Như thế gọi là vua làm chủ quốc độ giáo hóa chúng sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Các tiểu vương khác, nương theo những pháp gì để cai trị đất nước, chăm lo đời sống nhân dân?

Đáp:

–Đại vương! Các vua nhỏ phải y theo pháp Vương luận, lấy đạo đức cai trị đất nước, bảo hộ các chúng sinh, trừ vua Chuyển luân. Vì sao? Khi vua Chuyển luân thánh xuất hiện ở thế gian, khi ấy các chúng sinh từ bỏ pháp bất thiện, tâm tham ác, lìa tâm tham điên đảo, lìa tâm tà kiến. Từ đó các quốc độ ấy không còn phi pháp, không có thợ săn, mổ giết… Vì sao? Vì họ sống theo vương pháp, nhận thức rõ ràng về tội và phước; đối với

pháp không mê mờ, lầm lẫn, thực hành hợp với lý, không gây ra lỗi lầm.

Đại vương nên biết! Như thế, vua Chuyển luân thánh chỉ dựa theo công đức nghiệp lực của chính mình để bảo hộ thế gian. Lúc bấy giờ, các vua nhỏ bàn luận với nhau về những việc không nên làm.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 4

Phẩm 5: Vương luận (Phần 2)

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Ở trong thời kỳ nào, các tiểu vương thực hành pháp vương luận?

Đáp:

–Đại vương! Vào thời kỳ mạt pháp, vua Chuyển luân thánh ẩn mất, không xuất hiện, chánh pháp bị coi thường, chỉ thực hành theo tà pháp, khởi lên sự đấu tranh. Tâm chúng sinh xấu xa, phát sinh ba sự sai lầm:

1. Tâm tham ưa thích phi pháp.

2. Tâm tham khởi lên điên đảo.

3. Mạng lưới tà pháp che khuất tâm.

Những tiểu vương kia chính họ không có trí tuệ, đánh mất sự sáng suốt. Vì thế, Thánh nhân nói: "Các tiểu vương cai trị đất nước bằng luận pháp là thực hành chánh pháp và bảo hộ chúng sinh trong thế gian."

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm tham ưa thích phi pháp?

Đáp:

–Đại vương! Đối với mười bất thiện nghiệp đạo mà sinh tâm ưa thích, đó gọi là tâm tham ưa thích phi pháp.

Hỏi:

–Thế nào là tâm tham điên đảo?

Đáp:

–Của cải do năng lực của chính mình làm ra, hoặc nhờ thời tiết mà có được, nhờ chánh pháp mà có được, nhờ như pháp mà được, nhưng tâm tham lam lại vô cùng, còn mong cầu của cải của người khác. Như vậy, gọi

là tâm tham điên đảo.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm bị màng lưới tà kiến trói buộc?

Đáp:

– Đại vương! Đối với những lập luận không đúng của ngoại đạo mà lại khởi lên tưởng là luận đúng; đối với luân không lợi ích lại khởi tưởng lợi ích; đối với phi pháp mà khởi tưởng là chánh pháp. Vào đời mạt pháp, chẳng phải là bậc trí đã làm ra luận này mà lại cho là chánh luận rồi sinh lòng tin, tu tập theo tà kiến cho là được phước. Đó gọi là màng lưới tà pháp che khuất tâm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những pháp nào gọi là Vương luận? Nay các tiểu vương theo pháp luận này để cai trị đất nước, dạy dỗ nhân dân, đó có thể bảo hộ chúng sinh như pháp chăng?

Đáp:

–Đại vương! Lìa bỏ các tâm tham dục điên đảo, lìa bỏ các tâm giận dữ điên đảo, lìa bỏ các tâm ngu si điên đảo, nương theo đối trị, nương theo thật thể, nương theo sai biệt, nương theo lợi ích. Nương theo đối trị, nương theo thật thể là thiện căn không tham, không sân và không si. Vì sao có thể phát khởi pháp bị đối trị và pháp đối trị? Pháp bị đối trị là tâm buông thả và tâm không từ bi. Pháp để đối trị là nhà vua thực hành pháp hạnh, tâm vua không buông thả. Có Từ bi rộng lớn, biết thân là vô thường, của cải là vô thường, khéo tự quán sát thân thấy nhiều lỗi lầm; có thể biết như thật, thấy như thật, từ bỏ thọ hưởng của cải, thực hành pháp hạnh của vua; dẫu được tự do nhưng không làm phi pháp. Như thế gọi là tâm không buông lung.

Đại vương nên biết! Theo pháp luận của vương pháp, không nên được vật, được thì không nên lấy; chỗ đáng được nhưng chẳng phải thời thì không lấy. Nếu theo thời tiết, vật đáng được nhưng đối với người nghèo khổ thì không nên cưỡng ép lấy. Cho đến như nạn nguy hiểm, nạn giặc cướp, nạn phản nghịch, nạn tàn sát lẫn nhau, khi có những nạn như thế nên khởi lòng Từ, không xa lánh sự nguy hại để bảo hộ các chúng sinh. Đối với những người nghèo khổ nên ban phát cho họ cơm ăn, áo mặc; đối với người làm ác thì dùng pháp thiện dạy bảo họ. Đó gọi là lòng Từ.

Đại vương nên biết! Nương theo hai pháp này gọi là vua thực hành pháp hạnh, đúng là bảo hộ chúng sinh, tâm không buông thả, tâm Từ bi rộng lớn.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh thì phải có lòng Từ bi. Như thế làm sao xử trị những chúng sinh ác hạnh kia?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh, nếu muốn tự phạt những chúng sinh ác hạnh kia, trước hết phải khởi tâm Từ, dùng trí tuệ quán sát, suy nghĩ về năm pháp rồi sau đó mới trị phạt.

Năm pháp đó là:

1. Dựa theo sự thật, chẳng phải không thật.

2. Dựa theo thời, chẳng phải không đúng thời.

3. Theo nghĩa, chẳng phải vô nghĩa.

4. Phải nói những lời từ tốn, không nên nói những lời thô thác.

5. Nương theo lòng Từ bi, chẳng phải tâm giận dữ.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là y theo sự thật, chẳng phải không thật?

Đáp:

–Đại vương! Phải nên như pháp mà tra hỏi, căn cứ vào lời họ tự khai rồi y theo đúng tội trị phạt họ, chứ không theo điều không thật. Đó gọi là y theo sự thật chẳng phải không thật.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là y theo thời, chẳng phải không đúng thời?

Đáp:

–Đại vương! Khi nhà vua có năng lực, người kia trái lệnh vua thì nên trị tội người ấy. Nếu nhà vua không có năng lực thì nên dừng lại không trị. Đó gọi là y theo thời, chẳng phải không đúng thời.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là y theo nghĩa, chẳng phải vô nghĩa?

Đáp:

–Đại vương! Nên hỏi người đối địch rằng họ gây nên tội lỗi với tâm như thế nào? Nếu phát xuất từ tâm ác thì nên như pháp mà trị, còn nếu

chẳng tâm ác thì không nên trị tội. Đó gọi là dựa theo nghĩa, chẳng phải vô nghĩa.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là lời nói từ tốn, không nói những lời thô ác?

Đáp:

–Đại vương! Khi biết chúng sinh này đã phạm vương pháp, nhưng chỉ quở trách không cần trị phạt gì cả, nên như tội ấy khai báo đúng không che dấu, khéo nói những lời hòa thuận, khéo nói lời nhã nhặn, quở trách như thế mới đúng là quở trách. Đó là gọi là lời nói không thô thác.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm Từ chẳng phải tâm giận dữ?

Đáp:

–Đại vương! Người trí biết tội này không chỉ quở trách, nhưng phán xét tội này đáng bị tử hình thì không được chặt tay, chân, móc mắt, cắt tai, mũi, lưỡi, mà nên y theo tâm đại Từ bi ra lệnh bắt nhốt họ vào nhà lao; hoặc gông, cùm, trói, đánh; dùng những lời lẽ để trách mắng; lấy hết của cải đuổi đi nơi khác. Làm như vậy là để họ hối cải, chẳng phải đem lòng ác từ bỏ chúng sinh này. Đó gọi là tâm Từ, chẳng phải tâm giận dữ.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao vua thực hành pháp hạnh trói nhốt, đánh đập, làm khổ những chúng sinh khác như thế, mà lại còn nói là có lòng đại Từ bi? Hai điều này đều mâu thuẫn nhau.

Vậy, thế nào là vua thực hành pháp hạnh?

Bấy giờ, Đại Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Đại vương! Theo như nghĩa ở trên, nay ta nói với ông ví dụ này: Ví như cha mẹ có một người con làm điều ác. Vì nghĩ đến con, muốn để nó ăn năn hối cải nên buộc lòng phải trị phạt thật. Ngoại trừ ra không giết, không đoạn dứt các chi phần trên thân thể, mà chỉ trị phạt bằng cách trách mắng, đánh đập, tùy theo tội đó mà trị thật nặng. Đó không thể gọi là vô lương tâm, tâm ác hay tâm làm hại mà chỉ vì quá thương đến con nên phải làm như thế để khiến nó hối cải không tiếp tục làm ác nữa. Người cha mẹ ấy không thể gọi là phi pháp mà gọi là nghĩ đến con, không đánh mất tâm Từ.

Đại vương nên biết! Vua thực hành pháp hạnh phải trị phạt tất cả những chúng sinh làm việc ác cũng như vậy. Với lòng Từ sâu nặng, vì

khiến người ác hối cải, tuyệt đối không tử hình, không hủy hoại thân thể. Vì lòng Từ, lòng Bi nên giam cầm, đánh, trói, mắng nhiếc, thu lấy của cải, đuổi đi nơi khác. Đó là muốn khiến cho họ hối cải, bỏ điều ác, làm điều thiện, và cũng khiến những chúng sinh khác có ý nghĩ ác thì không làm phi pháp. Đấy chẳng phải chỉ bình thường đối với tâm ác bỏ những chúng sinh này, cũng không cố tâm làm cho chúng sinh đau khổ và hành hạ họ. Đó là vua thực hành pháp hạnh, vì lòng Từ bi buông ra những lời nói không tốt đẹp để trị tội chúng sinh.

Vì thế, hai hành động này tuy là mâu thuẫn nhau nhưng không trái ngược nhau.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những chúng sinh nào là ác hạnh?

Đáp:

– Đại vương! Chúng sinh ác hạnh nói sơ lược có năm hạng:

1. Chúng sinh đó đối với vua không có lợi ích.

2. Những chúng sinh đó cùng nhau tụ họp làm những việc không lợi ích.

3. Chúng sinh ấy khởi lên sự chống đối.

4. Chúng sinh tà hạnh.

5. Chúng sinh tà mạng.

Đại vương nên biết! Những chúng sinh đối với nhà vua không lợi ích có mười một hạng:

1. Chúng sinh đó chống đối nhà vua.

2. Chúng sinh đó dạy người khác làm phản.

3. Chúng sinh đó cho nhà vua uống thuốc độc.

4. Chúng sinh đó cướp đoạt của cải của nhà vua.

5. Chúng sinh đó phá hoại những công việc của nhà vua đang làm.

6. Chúng sinh đó xâm phạm hoàng hậu và cung nữ của nhà vua.

7. Chúng sinh đó trái với mệnh lệnh của nhà vua.

8. Chúng sinh đó tiết lộ bí mật của nhà vua.

9. Chúng sinh đó dò xét đất nước.

10. Chúng sinh đó chửi mắng nhà vua.

11. Chúng sinh đó nói xấu hủy nhục nhà vua.

Như vậy, này Đại vương! Đó là những chúng sinh đối với nhà vua không có lợi ích.

Đại vương nên biết! Những chúng sinh cùng nhau tụ họp làm những việc không có lợi ích, có mười hạng:

1. Những chúng sinh tụ họp giết hại lẫn nhau.

2. Những chúng sinh tụ họp cướp đoạt của nhau.

3. Những chúng sinh tụ họp xâm chiếm vợ của nhau.

4. Những chúng sinh dối trá làm chứng cho người khác.

5. Chúng sinh đó không thật, lừa dối người khác.

6. Những chúng sinh đó phá sự thân thiết bạn bè của người khác.

7. Những chúng sinh đó dùng lời ác khẩu mạt sát người khác.

8. Những chúng sinh đó hành ác nghiệp, cân đo đong đếm luôn lường gạt, thu góp của người khác.

9. Những chúng sinh đó tụ họp để hủy báng nhau.

10. Những chúng sinh đó tụ họp thiêu đốt lẫn nhau.

Đại vương! Đó là những chúng sinh quây quần, tụ họp làm những việc không có lợi ích.

Đại vương nên biết! Những chúng sinh phản nghịch, nghĩa là các tiểu vương ở biên địa, thành ấp, hoặc chủ tụ lạc… không tuân mệnh lệnh căn bản của Đại vương đã đưa ra. Đó gọi là những chúng sinh phản nghịch.

Đại vương nên biết! Những chúng sinh tà hạnh là những chúng sinh không có giới. Sao gọi là không có giới? Chúng sinh đó có đầy đủ luật nghi ác, như làm đồ tể, thợ săn, nuôi heo, dê, gà, chó, ngỗng, vịt, mèo, hồ, chim, cú, diều; dùng câu bắt cá, ba ba; giăng lưới, đào hầm, đốt lửa, tên độc để đánh bắt cầm thú, giết hại người khác. Tự mình buông lung làm những việc độc ác. Đó là những chúng sinh có hạnh sai trái.

Đại vương nên biết! Những chúng sinh tà mạng là những chúng sinh đó tuy đã xuất gia, cạo bỏ râu tóc, từ bỏ các thứ của cải, tu hạnh không tham đắm, mặc những thứ y phục khác đời, nhưng lại không có giới, khởi lên tà kiến, làm những việc lạ lùng, tìm mọi phương tiện để cầu lợi dưỡng, đời sống không đúng với chánh pháp; tất cả những ý nghĩ và hành động của họ đều không có trong chánh pháp. Đó là những chúng sinh có đời sống sai trái.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vì sao vua thực hành pháp hạnh lại tự phạt năm hạng chúng sinh kia?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh trị phạt tội nhân kia, nhưng không tử hình, không thi hành những hình phạt hủy hoại thân thể như móc mắt, cắt tai, mũi, lưỡi, tay chân. Có ba hình thức trị phạt:

1. Trị tội bằng cách quở trách.

2. Trị tội bằng cách tịch thu tài sản của người đó.

3. Trị tội bằng cách dùng dây trói nhốt vào lao, hoặc gông cùm, đánh đập, trách mắng rồi đuổi đi.

Tùy theo những việc làm ác của chúng sinh kia thuộc tội nặng, vừa hay nhẹ mà tự phạt họ trong ba phương pháp này. Đó là vua thực hành pháp hạnh trị phạt năm loại chúng sinh làm ác kia.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh lại trị phạt những chúng sinh đối với nhà vua không có lợi ích như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Những tội nhân như thế, trị tội bằng cách không tử hình, không hủy hoại thân thể mà được dùng dây trói, nhốt vào nhà lao, gông cùm, đánh đập, tịch thu tài sản, đuổi đi nơi khác. Đại vương! Đó là vua thực hành pháp hạnh trị tội những chúng sinh đối với nhà vua không có lợi ích.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh trị phạt những chúng sinh cùng nhau tụ họp làm việc không lợi ích như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Ngoài việc không tử hình, không hủy hoại thân thể ra, họ được dùng dây trói, nhốt vào nhà lao, gông cùm, đánh đập. Không nên đoạt hết tất cả tài sản của họ, mà trong sáu phần chỉ tịch thu một phần rồi đuổi đi nơi khác. Đại vương! Đó là vua thực hành pháp hạnh trị tội những chúng sinh cùng nhau tụ họp làm việc không lợi ích kia.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh trị phạt những chúng sinh nổi lên chống đối nhà vua kia như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh, trước hết dùng lời nói tốt đẹp như pháp hướng dẫn chỉ dạy họ. Nếu họ nghe theo lệnh vua liền bỏ tâm chống đối, xin vua trị tội mình thì vua nên ban bố đại ân, tha thứ trọng tội cho họ; dựa vào nơi quốc thổ mà nhà vua quản lý, không giảm, không đoạt, không đuổi đi. Vì sao? Vì để họ biết vua có ba việc:

1. Có tánh.

2. Có ân.

3. Có thế lực mạnh.

Để những người chưa hàng phục khiến họ hàng phục, người đã hàng phục khiến họ không làm nữa, người có ý đồ chống lại khiến họ không dám phát khởi.

Đại vương nên biết! Những người có tội kia được miễn tội, họ trở lại kính phục nhà vua, nhân dân an ổn. Nhà vua như pháp kia được phước vô lượng, tiếng tốt lưu truyền khắp nơi. Nếu như người có tội ấy khi nghe lệnh của nhà vua mà không chịu nhận tội thì nên tăng thêm hình phạt nặng, nhưng không được tử hình, không được hủy hoại thân thể, chỉ tịch thu hết tài sản, quốc độ nhân dân và đuổi đến nơi khác. Vì sao? Vì khiến những chúng sinh khác không còn nổi lên phản nghịch. Đại vương! Đó là vua thực hành pháp hạnh, trị phạt những chúng sinh phản nghịch.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, trị tội những chúng sinh tà hạnh như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Người ác như vậy, không tử hình, không hủy hoại các chi tiết trên thân, không được đuổi đi, không được tịch thu tài sản của người đó, mà chỉ trách mắng để trị tội, và nói như thế này: "Nếu còn làm việc như thế, sẽ bị tội nặng". Đó là vua thực hành pháp hạnh trị tội những chúng sinh tà hạnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh trị phạt những chúng sinh có đời sống sai trái như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Phải nên tùy thuận chúng Tăng như pháp, nếu vị Tỳ-

kheo kia phá giới tà kiến, không theo chánh pháp, như thật để tu hành. Tỳ-kheo sống không đúng chánh pháp như thế, Tăng nên hòa hợp gọi họ đến trước Tăng bắt họ phải nói lên lỗi của mình. Nếu người kia tự biết việc của mình làm là có tội, tùy theo phạm nặng hay nhẹ nên như pháp mà trị. Hoặc Tỳ-kheo kia chống lại lệnh của Tăng, không nghe theo lời dạy bảo của Thầy bạn, của Thiện tri thức mà còn quấy phá chúng Tăng, không để cho ai tu hành được. Nếu quốc chủ kia là người pháp vương thì Tăng nên đến thưa để nhà vua dạy bảo họ phải tuân theo lệnh của Tăng.

Bấy giờ, vua mới thực hành pháp hạnh. Trước hết, phải gọi Tỳ-kheo phá giới kia đến, dùng lời khéo léo khuyến khích, dẫn dụ để họ tuân theo lệnh của Tăng. Nếu Tỳ-kheo ấy không tuân theo, nên tập hợp hai chúng lại để họ có mặt trước Tăng trả lời sự thật. Nếu có tội thì nên theo pháp của Tăng trị tội Tỳ-kheo kia, nhưng không được tử hình, không được hủy hoại thân thể, không giam cầm, không xiềng xích, không đánh đập, không được cởi bỏ ca-sa, không tịch thu tài sản mà chỉ quở trách rồi đuổi đi.

Đại vương nên biết! Nếu có hai nhóm bè đảng tranh nhau kiện tụng, dựa vào sự phá giới, theo tà kiến, dựa vào tà hạnh điên đảo, dựa vào những việc làm sai trái, khởi lên những cố chấp sai lầm, và những lời nói ngôn ngữ kỳ quái; vua thực hành pháp hạnh tự biết pháp, tự biết nghĩa nên như pháp để chấm dứt sự tranh cãi đó. Nếu quốc vương là kẻ ngu muội, không có trí, không tự biết pháp, không biết nghĩ, không biết chánh pháp, không biết tà pháp, không biết đúng pháp luật, không biết phi pháp luật, không biết đúng pháp ngữ, không biết phi pháp ngữ. Thì nhà vua nên hỏi các vị Sa-môn có đạo đức biết pháp, biết nghĩa, có trí tuệ, thường tu theo chánh pháp, làm lợi ích chúng sinh, khéo biết chấm dứt sự tranh cãi, có thể nói như pháp; nên hỏi các vị ấy, vì đối với chánh pháp các ngài biết phạm hay không phạm. Biết như vậy, rồi sau đó theo đúng như pháp chấm dứt sự tranh cãi đó. Đại vương! Đó là vua thực hành pháp hạnh trị tội những chúng sinh có đời sống sai trái.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nếu quốc vương kia là một hôn quân, không có trí, trong nước có rất nhiều Sa-môn, Bà-la-môn mà những việc làm của họ đều khác nhau, đúng sai lẫn lộn. Mỗi người tự nói rằng: "Ta là Sa-môn tu hành chánh đạo, có thể làm lợi ích cho chúng sinh. Ta là ruộng phước, đáng được dành cúng dường." Những điều đúng sai lẫn lộn như vậy, làm sao biết được

vị nào là Sa-môn chân chánh, vị nào là chẳng phải Sa-môn? Đâu là chánh đạo, đâu là tà đạo? Ai là người nói đúng pháp, ai nói phi pháp?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Có một vị Đại Sa-môn con dòng họ Thích, vì đạo xuất gia, chứng đắc thần thông, có đại danh xưng là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; ở trong pháp của vị Cù-đàm kia đều là những Sa-môn chân chánh, thường hành chánh đạo, làm lợi ích cho chúng sinh. Họ là ruộng phước biết rõ chánh pháp, nói đúng như pháp.

Đại vương nên biết! Ngoài pháp của Sa-môn Cù-đàm ra, tất cả các Bà-la-môn khác đều là tà đạo, chẳng phải Sa-môn chân chánh, họ đều nói lời phi pháp. Đại vương không nên nghe theo lời nói ấy. Vì sao? Vì họ không phải chánh pháp thì làm sao nói như pháp?

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nếu quốc vương kia là một kẻ hôn quân, không có trí, không biết pháp vua, không thực hành theo chánh pháp, tự do làm ác. Vậy thì quốc vương ấy có tội ai trị phạt ông ta?

Đáp:

–Đại vương! Vua kia tự thân làm ác thì chính ông ta trị tội mình.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào gọi là tự thân gây tội, rồi tự thân trị tội?

Đáp:

–Đại vương! Vị vua kia nên theo hai pháp để tự trị tội mình:

1. Nương vào nội lực.

2. Nương vào ngoại lực.

Nương vào nội lực, vị vua phải nên suy nghĩ rằng: "Nay hành động của ta là buông lung hay chẳng phải buông lung; có lòng Từ hay không có lòng Từ; là việc nên làm hay không nên làm; là thiện nghiệp hay ác nghiệp." Nếu người biết việc đó không nên làm, là ác nghiệp liền chấm dứt không làm, sinh tâm hổ thẹn, tự hối hận ăn năn, sợ mang phải tiếng xấu, sợ đọa vào các đạo, nên nương hai pháp để bảo vệ, giữ gìn thân mình:

1. Không lung.

2. Không có tâm Từ.

Như vậy, gọi là nương vào trí lực tự trị tội mình.

Nếu vua không có trí, không có khả năng tư duy như thế, nên đi khắp mọi nơi trong nước tìm cầu các Sa-môn có trí tuệ lớn, khéo biết vương luận, thường thực hành chánh pháp, có thể nói đúng sự thật. Vị vua kia nên đích thân đến chỗ những vị Sa-môn ấy. Nếu nhà vua không đích thân đến được thì nên sai đại thần, vương tử, người tôn quý, hoặc người được tôn trọng đi đến chỗ Sa-môn ấy thưa rằng: "Nhà vua rất quý trọng và mong muốn được gặp, các vị có thể đến chỗ nhà vua". Nếu những Sa-môn ấy đến thì vua nên ra nghinh đón, đảnh lễ, thăm hỏi, và phải hết lòng cung kính tôn trọng hỏi Sa-môn: "Những gì là việc làm thiện? Những gì là hành động ác? Thực hành những pháp nào có thể được lợi ích? Thực hành những pháp nào không có lợi ích? Tâm ta ám muội, không có trí tuệ, xin vì ta giảng nói."

Khi ấy, vị Sa-môn nên thuyết giảng rõ ràng cho nhà vua về những pháp các vua trong quá khứ đã làm và các pháp vương luận; dùng lời nói từ tốn nói với nhà vua rằng: "Pháp này nên phụng hành, có lợi ích lớn, đó là mười pháp thiện như không sát sinh… Những pháp thế này không nên thực hành, không có ích lợi, gọi là mười pháp ác, như: sát sinh,… Những pháp thế này là vua thực hành pháp hạnh đã làm. Nay vua chưa biết thì nên bỏ mười pháp ác thực hành mười pháp thiện." Khi vua đã nghe như vậy rồi phải thọ trì, như pháp hối cải. Nếu được như vậy, gọi là nương vào năng lực bên ngoài tự trị tội mình.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh phải bảo hộ thế gian như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh không thiêu đốt, không phá hoại, không úng nước, đó là hạnh giữ gìn khí thế gian. Vì sao? Vì tất cả những việc làm đó đều là nghiệp bất thiện. Vì thế, vua thực hành pháp hạnh không nên thiêu đốt, phá hoại, úng nước thành ấp, tụ lạc, núi rừng, sông đầm, vườn tược, cung điện trang nghiêm, lầu các. Tất cả đường sá, cầu cống, hang ổ, nhà cửa tự nhiên; tất cả các thứ lúa, đậu, mè, ngô, hoa quả, cỏ cây, rừng rú đều không nên thiêu đốt, phá hoại, úng nước, chặt phá. Vì sao? Vì các vật ấy là vật chung của các chúng sinh ở đó, chúng không có tội lỗi gì, không nên làm mất đi vật thọ dụng của chúng, khiến chúng phải đau khổ.

Lại nữa, ngoài tất cả những rừng cây, các trời thiện tịnh và tất cả quỷ

thần đều sống chung ở trong đó và cùng có nhà cửa, cung điện, lầu đài trang nghiêm của các vị trời đó. Vườn, ao, nhà cửa, cung điện, lầu các trang nghiêm nên xem tất cả dưới nước hay trên cạn đều có các côn trùng sinh sống. Đó là các loài chim sẻ, chuột, gà, chó, chim gáy gù, bồ câu, oanh vũ, voi, ngựa, trâu, dê, mèo, hổ, rắn, mọt, ngỗng, vịt, các, ba ba…, cho đến tất cả các loài côn trùng nhỏ bé. Vua thực hành pháp hạnh và các chúng sinh cùng nương vào nơi thế gian này để sinh sống, không nên phá hoại. Như vậy, gọi là vua thực hành pháp hạnh bảo hộ thế gian, làm cho chúng sinh được an lạc.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh có vô lượng chư Thiên hầu hạ, đi theo che chở cho vua, bởi vì năng lực của trời tự trị, có quyền che chở cho người. Nhưng vì sao nói người lại che chở cho trời?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh có thể cho trời ăn thức ăn trong sạch để đời sống chân chánh. Nghĩa là, vua nói cho họ về thiền định, giải thoát và mười điều thiện trong pháp môn cam lồ chánh giáo của Như Lai, khiến họ ra khỏi sự đau khổ trong đường ác. Đó gọi là che chở, trừ các sự sát sinh bất thiện, xấu xa… Vì sao? Vì ở trong nghiệp ác để đời sống của mình có một phần của chúng sinh. Cho nên, vua thực hành pháp hạnh, tức là thân có thể tích tập vô lượng công đức, có lợi ích trong hiện tại và vị lai, cũng có thể tích tập các quả thiện.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh không nên thiêu đốt, phá hoại, hủy diệt tháp miếu của Như Lai, cho đến phòng ốc, nhà cửa, các vật sinh sống của những vị Sa-môn tịnh hạnh. Vườn tược, lầu các, quán xá, cây rừng, hoa quả không nên chiếm đoạt, không nên phá. Ngoài ra là còn vì muốn có lợi ích cho Phật, Pháp, Tăng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh có quan phụ tá nhà vua là vị quan tể tướng đứng đầu trong triều đình. Nhưng ông ta lại không lo việc nước mà chỉ mưu lợi cho mình; hoặc vì tư thù mà hại đến việc công, hoặc nhận hối lộ bẻ cong pháp luật; để nhân dân tụ họp bè đảng tăng thêm sự khinh thường, làm loạn; dùng sức mạnh uy hiếp kẻ yếu đuối; lấy quyền quý khinh thường sự thấp hèn; lấy sự giàu sang khinh chế người nghèo khổ; lấy việc quanh co, dua nịnh để dối gạt điều ngay thẳng. Kẻ giàu có thì huênh

hoang vênh váo, còn người nghèo khổ phải chịu thiệt thòi; kẻ dối trá dua nịnh lại lên nắm chính quyền, còn bậc trung hiền phải lui về ở ẩn; hoặc khi còn ở chốn quan trường sợ lụy đến mình nên phải im lặng, hoặc tìm cầu tiền của hối lộ để được yên thân. Trăm họ bần cùng khốn khổ, không biết đâu để cứu vãn. Vì chán chường sự đau khổ nên họ nghĩ đến việc làm loạn, không nghe theo lệnh vua. Ấy là do các quan lại hành xử không trung tiết, dối gạt người trên, nhiễu loạn kẻ dưới, hô hào để nhận bổng lộc của vua. Những người ác như thế, nên ghép họ vào số những chúng sinh nào?

Đáp:

–Đại vương! Những người ác như thế nên ghép họ vào trong số những chúng sinh cướp đoạt bậc nhất để trị tội. Vì sao? Vì họ nhậm chức quan lớn, hưởng bổng lộc rất nhiều của nhà vua, lại bỏ việc công lo việc tư, không giữ đúng phép tắc, cho nên tai họa làm loạn cũng chính là phát sinh từ đấy. Đây là kẻ giặc rất lớn của quốc gia. Vua là bậc Pháp vương không xử tội họ bằng cách tử hình, cho nên ghép họ vào trong số chúng sinh cướp đoạt ở bậc cao nhất để trị tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, nếu trong nước có chúng sinh bất hiếu, không nghĩ đến ân dưỡng dục của cha mẹ, bỏ cha mẹ để ở với vợ con. Những thứ y phục, thức ăn, thuốc men dùng khi bệnh tật chỉ nghĩ đến cung cấp cho vợ con, không cho cha mẹ. Cha mẹ già yếu không còn sức lực ra vào thì chưa từng lo lắng, gần gũi giúp đỡ, hầu hạ, thế mà đối với vợ con họ ngày đêm không lìa; được một chút ngon ngọt không dám ăn một mình để dành cho vợ con; hoặc trộm của cha mẹ cung cấp cho vợ con ăn chơi thỏa thích. Cha mẹ nói điều tốt không chịu nghe theo, vợ con nói điều ác thì tin dùng không bỏ. Hoặc vì vợ con mà chửi mắng cha mẹ. Hoặc cùng với những người trong thân tộc như cô, chị, em gái sang hèn, trên dưới cùng với họ làm việc dâm dục, không biết hổ thẹn. Những người như thế nên ghép họ vào trong số những chúng sinh nào?

Đáp:

–Đại vương! Những người ác như thế, nên ghép họ vào trong số những chúng sinh cướp đoạt bậc nhất để trị tội họ. Vì sao? Vì ân cha mẹ sâu nặng như thế, hết lòng hiếu dưỡng còn không đền đáp hết, huống gì từ bỏ chống lại mệnh lệnh. Đó gọi là giặc cướp rất lớn trong thế gian.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, trong nước có người buông lung, không có lòng Từ. Đối với vợ con, tôi tớ, bà con, họ thường làm những điều bất nhẫn, sai khiến phi pháp, sai khiến phi thời. Người nào không làm, cưỡng bức khiến họ phải làm, đến cả đánh đập, chửi mắng không có điều gì không làm. Còn áo cơm không đủ ăn mặc, ngủ nghỉ không có chỗ, gọi chưa kịp đến thì thù ghét, lánh mặt; xuất ngôn toàn là những lời mắng chửi giống như oan gia. Những người như thế, nên giúp họ trong thành phần chúng sinh nào?

Đáp:

–Đại vương! Nên ghép họ vào hạng chúng sinh tà hạnh bậc trung để trị tội. Vì sao? Vì nhà cửa, của cải, nô tỳ cùng làm ra nên họ có nửa phần ở trong đó, nên phần thực ấy họ tự ý ăn mặc. Nhưng lại phần của nô tỳ thì tiếc giữ không cho, giả sử có cho đi nữa thì không đúng thời tiết, được nhiều thì cho ít, thường làm cho thiếu thốn. Đó là tà hạnh lớn nhất trong thế gian.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, trong nước có người đối với Phật, Pháp, Tăng làm việc không lợi ích, như là: thiêu đốt, phá hoại chùa tháp, tượng Phật và các kinh sách; dùng lời nói hủy nhục, nói xấu, nói rằng: "Làm việc này không có lợi lộc gì. Những người cúng dường trong hiện tại bị hao tổn, trong tương lai cũng không có lợi ích". Hoặc ghét chùa tháp, và các hình tượng nên làm chướng ngại chỗ đó bằng cách phá hoại, trừ diệt hay đưa đi đặt ở chỗ khác. Hoặc đập phá phòng ốc, nhà cửa của những người Sa-môn tịnh hạnh. Hoặc lấy của Phật, Pháp, Tăng như vườn ruộng, rừng, nhà, voi, ngựa, xe, bò, lừa, lạc đà, nô tỳ, tôi tớ, y phục, đồ ăn thức uống, vàng bạc, lưu ly, xà cừ, mã não và tất cả trân bảo. Hoặc bắt Sa-môn sai khiến làm việc, moi móc những lỗi lầm, cởi áo ca-sa. Hoặc khinh khi xem thường, đùa bỡn các Sa-môn, muốn làm trò cười nên không để họ chuẩn bị lúc đó hỏi cung. Hoặc dối gạt, mời thỉnh đến nhưng không cho ăn uống; dẫu có cho ăn uống thì không đúng lúc, cho thức ăn phi pháp. Hoặc có khi xem thường hủy nhục, chửi mắng và dùng những lời thô tục để phỉ báng. Hoặc dùng gậy, hòn đất, gạch đá, đến cả tự tay đánh các Sa-môn. Hoặc cầm dao, mác, cung tên, giáo, kích để chặt, bắn làm thương tổn. Hoặc xô xuống nước. Hoặc đẩy vào lửa, hoặc đẩy từ trên núi xuống hố, hầm nguy hiểm. Hoặc thả voi, ngựa, cọp, beo,

sư tử, chó dữ, thú độc làm hại thương tích thân thể họ.

Những người ác như thế thì nên ghép họ vào loại chúng sinh nào?

Đáp:

–Đại vương! Những người ác như thế phải ghép họ vào trong số những chúng sinh ác nghịch bậc cao để trị tội. Vì sao? Vì họ gây nên tội căn bản rất nặng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư, những gì gọi là tội căn bản?

Đáp:

– Đại vương! Tội căn bản có năm loại:

1. Phá hoại chùa tháp, thiêu đốt kinh tượng; hoặc lấy vật của Phật, Pháp và Tăng; hoặc dạy người làm, hoặc thấy người làm thì hỗ trợ vui mừng. Đó là tội nặng căn bản thứ nhất.

2. Hoặc phỉ báng pháp Thanh văn, Bích-chi-phật và pháp Đại thừa; hủy nhục, nói xấu, gây sự khó khăn, ngăn cản, che giấu. Đó là tội nặng căn bản thứ hai.

3. Hoặc có Sa-môn với lòng tin xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, hoặc có người trì giới, hoặc có người không trì giới đều bị họ trói nhốt vào lao ngục, gông cùm đánh đập, bắt sai khiến làm việc, moi móc những lỗi lầm, chửi mắng đủ điều rồi đuổi đi gấp; hoặc cởi ca-sa bức hiếp khiến cho họ hoàn tục, hoặc giết chết. Đó là tội nặng căn bản thứ ba.

4. Gây nên một tội trong năm tội Ngũ nghịch, đó là tội nặng căn bản thứ tư.

5. Phỉ báng, phủ nhận tất cả nghiệp thiện ác, thường làm mười điều bất thiện, không sợ đời sau; đích thân làm, dạy người làm khiến họ giữ mãi không bỏ. Đó là tội nặng căn bản thứ năm.

Đại vương! Nếu người phạm những tội nặng căn bản như thế nhưng lại không tự mình sám hối, nhất định sẽ thiêu đốt tất cả thiện căn, thẳng đến địa ngục lớn, chịu khổ vô cùng.

Đại vương! Vì trong nước của nhà vua thực hành nghiệp bất thiện rất nặng này, cho nên các vị La-hán phạm hạnh, các vị Tiên, Thánh nhân đều bỏ nước ra đi. Chư Thiên thương xót, khóc lóc. Tất cả quỷ thần thiện, các vị thần có sức mạnh lớn không bảo hộ nước ấy. Các đại thần giết hại lẫn nhau, các quan đứng đầu triều đình tranh nhau, nghịch tặc khắp nơi cùng

nhau nổi dậy, vua trời không xuống, vua rồng ẩn mất, nắng mưa bất thường, mưa gió trái mùa. Các rồng đều bỏ đi hết nên suối, khe, ao, sông đều khô cạn, cỏ cây cháy rụi, ngũ cốc mất mùa, nhân dân đói khát, giặc cướp hoành hành, ăn thịt lẫn nhau, xương trắng phơi đầy đồng; bệnh hủi, bệnh dịch, tử vong vô số. Khi đó, những người dân không biết tự suy nghĩ là mình đã làm nên tội mà còn oán giận các trời, trách mắng quỷ thần. Vì thế, vua thực hành pháp hạnh, vì cứu những nỗi khổ này nên thực hành pháp trị tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, nếu người với tâm không nhiễm ô, tâm không ác độc, vì sao với tâm Từ lại không được tử hình hoặc hủy hoại thân thể.

Đáp:

–Đại vương! Vì vua thực hành pháp hạnh tâm không nhiễm ô, tâm không ác độc, không thể khởi lên những ý nghĩ như: giết hại chúng sinh hoặc hủy hoại thân thể. Vì sao? Vì vua thực hành pháp hạnh, thấy chúng sinh kia đến nỗi khi chết cũng nương theo kết quả hành động của chính mình, sinh tâm sân hận, chết rồi lại sinh vào đường ác, tâm ác cứ đi theo mãi, không bao giờ chấm dứt. Cho nên, vua thực hành pháp hạnh không tử hình, không hủy hoại thân thể. Vì sao? Vì việc này thật nguy hiểm. Nếu giết hoặc hủy hoại thân thể, một khi đã làm rồi thì sau không thể cứu vãn được. Còn trói nhốt vào nhà lao, hoặc gông cùm, đánh đập, la mắng…, thì không phải từ bỏ vĩnh viễn. Vì thế, Đức Phật dạy: "Vua thực hành pháp hạnh là bảo hộ chúng sinh. Nếu giết họ, hoặc hủy hoại thân thể họ thì không gọi bảo hộ chúng sinh đầy đủ được."

Đại vương! Giết hoặc hủy hoại thân thể thật là việc sợ hãi lớn nhất ở thế gian. Đức Phật không cho phép vị vua thực hành pháp hạnh làm những việc như thế!

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, những người trong nước phải nộp vật thuế khóa cho nhà vua thì đó là vật của vua hay của người khác?

Đáp:

–Đại vương! Đó chẳng phải vật của vua cũng chẳng phải vật của người khác. Vì sao? Vì vật đó do chính công sức của họ làm ra, cho nên chẳng phải vật của riêng nhà vua. Chẳng phải vật của người khác là vì vua

bảo hộ những người này, cho nên chẳng phải vật thuộc về họ. Những chúng sinh kia lập pháp như thế vì thế nên nhà vua cũng được phần, chẳng phải vật của người khác.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh, nếu có người dân đóng nộp vật cho nhà vua mà không nộp thì người đó là kẻ ăn cắp vật của nhà vua hay không ăn cắp vật của nhà vua?

Đáp:

–Đại vương! Chẳng phải ăn cắp vật của nhà vua, nhưng người ấy tham tiếc của, coi thường nhà vua không nộp thuế thì bị vô số tội. Vì sao? Vì đóng nộp thuế cho nhà vua mà lại không nộp.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Tất cả mọi người ở trong nước đều nộp thuế cho nhà vua nhưng không cần nộp. Như vậy, nhà vua liền thi hành biện pháp dùng roi gậy đánh đập, chửi mắng, hoặc lấy vật của họ. Hành động như vậy gọi là cướp đoạt hay không cướp đoạt?

Đáp:

–Đại vương! Đó chẳng phải cướp đoạt. Vì sao? Vì vua có khả năng bảo hộ những hoạn nạn, do đó đời sống của họ được yên ổn, thì phải nộp thuế cho nhà vua. Đó chẳng phải cướp đoạt.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nếu người nghèo khổ phải nộp vật cho nhà vua, nhưng vì không có vật để nộp nên bị cưỡng ép đánh đập, buộc họ phải nộp thuế, đó là cướp đoạt hay chẳng phải cướp đoạt?

Đáp:

–Đại vương! Có người bị coi là cướp đoạt, nhưng có người không phải cướp đoạt. Có người không phải là cướp đoạt, khi người ấy lười biếng, giải đãi, không chuyên cần làm ăn, sống phi pháp, tà dâm, cờ bạc. Với những sự ăn chơi như thế nên cướp đoạt của cải người khác, đến nỗi làm cho họ nghèo khổ. Những người như thế, vua thực hành pháp hạnh phải dùng roi trừng phạt họ, tịch thu hết tài sản, để họ đi vay mượn vật nộp cho nhà vua. Đó gọi là vua chẳng phải cướp đoạt. Vì sao? Vì nhà vua nghĩ rằng, để cho người kia không dám làm việc phi pháp, làm tổn thất của cải. Như vậy, cả vua lẫn dân đều được lợi ích, là đời sống được thành tựu

và lại không có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Với những hạng người nào, vua là kẻ cướp đoạt?

Đáp:

–Đại vương! Tất nhiên nhà vua được quyền thu góp. Nhưng nếu biết rõ gia nghiệp của người kia bị giặc cướp đoạt, người thân dối gạt lấy, chủ phi pháp cướp đoạt; hoặc bị lửa thiêu đốt, bị gió dữ, mưa hung, bảo cát, mưa đá làm hư hoại gia nghiệp; hoặc họ ở nơi không được an ổn, nhân dân bỏ đi mất hết gia nghiệp; hoặc bị sâu bọ, chim sẻ, chuột, chim oanh vũ ăn hết ngũ cốc; hoặc gặp thời buổi hạn hán, hoa màu không chín, nước ngập thu hoạch không được. Có những nguyên nhân như thế, không xây dựng được cơ nghiệp, của cải hết sạch. Với những người này thì nên miễn, không nên bắt họ nộp tài sản. Nếu như nhà vua lấy tài sản của họ thì gọi là cướp đoạt. Vì sao? Vì không có lòng thương yêu đối với những người nghèo khổ này, nên không gọi là bảo hộ chúng sinh đầy đủ được.

Đại vương nên biết! Ta nêu ra một ví dụ để minh họa việc này, người trí thì ở ngay nơi ví dụ này sẽ hiểu được. Như có người muốn đem đồ ăn thức uống cúng dường những người Sa-môn tịnh hạnh. Khi đã chuẩn bị đầy đủ những đồ ăn thức uống ngon bổ, nhưng bỗng nhiên nhà ấy bị cháy, gió thổi ngã, nước cuốn trôi; hoặc bị giặc cướp lấy hết đồ ăn, thức uống; hoặc bị đồ bất tịnh làm dơ, không thể ăn được. Đến giờ thọ trai, các vị Sa-môn đến nhà thí chủ, nhưng thấy gia đình họ bị tổn thất, nên trở lại giúp đỡ, chia xẻ khổ đau và khất thực về cho họ. Lòng dạ nào lại dám lấy đồ ăn của thí chủ nữa? Nhưng người thí chủ kia không cúng dường thức ăn cũng không có tội.

Đại vương! Cũng vậy, vua thực hành pháp hạnh tuy nhiên được quyền thu góp, những người ấy không nộp cũng không phạm vương pháp, không nên tịch thu, đánh đập. Vua thực hành pháp hạnh ở trong thế gian cai trị nhân dân là luôn luôn mong muốn họ được hạnh phúc.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 5

Phẩm 5: Vương luận (Phần 3)

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Như thế, vua thực hành pháp hạnh không buông lung, họ thành tựu được mấy pháp thì gọi là vua thực hành pháp hạnh?

Đáp:

–Đại vương! Thành tựu mười pháp mới được gọi là vua thực hành pháp hạnh.

Mười pháp đó là:

1. Tự tánh thành tựu.

2. Quyến thuộc có lễ nghĩa.

3. Trí tuệ thành tựu.

4. Thường siêng năng tinh cần.

5. Tôn trọng pháp.

6. Mạnh mẽ lanh lợi.

7. Ân nghĩa sâu nặng.

8. Hiểu rõ mọi hoạt động của sự vật trong thế gian.

9. Có thể chấp nhận những sự đau khổ.

10. Không giữ pháp điên đảo.

Đại vương! Vua thành tựu tự tánh sẽ được thành tựu hai công đức:

1. Thái tử, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và nhân dân trong thành ấp, tụ lạc đều yêu mến, và quý trọng nhà vua.

2. Nhà vua không có những thứ bệnh tật.

Vua có quyến thuộc biết lễ nghĩa cũng được thành tựu hai công đức:

1. Đối với những việc làm của nhà vua, các sự tranh luận, nhà vua không cần phải lo âu.

2. Cẩn thận không phạm vương pháp.

Vua thành tựu trí tuệ cũng được thành tựu hai công đức:

1. Biết giỏi phương tiện, dựa theo pháp để bảo hộ chúng sinh.

2. Muốn làm việc gì thì với trí tuệ của mình vua có thể biết được, không cần nhờ người khác.

Vua thường siêng năng chuyên cần cũng có thành tựu hai công đức:

1. Tất cả các kho lẫm đều đầy ắp.

2. Không có giặc cướp, sống an ổn hạnh phúc.

Vua tôn trọng pháp cũng có thành tựu hai công đức:

1. Luôn luôn thực hành theo pháp thiện không gián đoạn.

2. Có khả năng giáo hóa những chúng sinh làm việc ác.

Vua mạnh mẽ, lanh lợi cũng có thành tựu hai công đức:

1. Trong tâm mong cầu việc gì thì mau được đầy đủ.

2. Muốn phát tâm làm việc gì, suy nghĩ không lâu liền thành như pháp.

Ân nghĩa sâu nặng cũng có thành tựu hai công đức:

1. Quyến thuộc đều ưa thích nhà vua.

2. Các đại thần và tất cả nhân dân đều kính tin và tôn trọng nhà vua.

Hiểu rõ mọi hoạt động của sự vật trong thế gian cũng có thành tựu hai công đức:

1. Có khả năng biết những chúng sinh làm ác, chúng sinh làm thiện.

2. Vua giúp người dân ở xa được vật không để mất mát.

Vua có chịu đựng những đau khổ cũng có thành tựu hai công đức:

1. Nhà vua muốn thực hiện điều gì thì có thể thành tựu đầy đủ.

2. Không sợ những sự đau khổ và buồn bực.

Vua không giữ pháp điên đảo cũng có thành tựu hai công đức:

1. Tự mình đạt đến đạo thù thắng.

2. Không bao giờ xa lìa các bậc Thiện tri thức.

Đại vương! Người đầy đủ mười công đức như vậy, gọi là vua thực hành pháp hạnh thành tựu.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thành tựu mười loại công đức như thế mới gọi vua thực hành pháp hạnh. Nếu như trong nước ấy có vua chư hầu phản nghịch,

chuẩn bị bốn loại binh mã để chiến đấu tranh giành đất nước với vua pháp hạnh. Hoặc ngay cả vua nước ngoài đến xâm lăng; họ muốn mở một cuộc đại chiến, tập bốn bộ binh mã, tất cả đều sẵn sàng thì vua thực hành pháp hạnh bằng cách nào để đối phó với cuộc chiến tranh này?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh nên suy nghĩ ở trong ba thời điểm, đưa ra ba phương tiện để vào trận chiến đấu. Ba thời điểm đó là: vào lúc đầu, vào lúc giữa và vào lúc cuối.

Đại vương! Lúc đầu muốn vào khởi phương tiện, nếu vua thực hành pháp hạnh thấy vua chư hầu phản nghịch thì ngay lúc ấy nên suy nghĩ ba điều này:

1. Suy nghĩ rằng: "Binh mã của vua chư hầu phản nghịch là cũng của chúng ta và họ sẽ chiến thắng ta. Nếu ta cũng chiến đấu với họ thì sẽ tổn thất rất lớn, không có lợi ích gì. Nếu họ chiến thắng ta thì họ sống còn ta chết." Nhà vua suy nghĩ như thế rồi, nên đi tìm những người bạn thân hoặc người quen của vị vua phản nghịch kia, nhờ họ hòa giải để chấm dứt cuộc chiến này.

2. Vua thực hành pháp hạnh thấy thế lực của vua phản nghịch kia ngang mình hoặc hơn mình, trong tâm tự nghĩ: "Không nên chiến đấu với họ, nên cung cấp của cải cho họ để chấm dứt chiến tranh".

3. Nếu thấy vua phản nghịch kia có nhiều binh sĩ, quyến thuộc, bè đảng; thế lực bốn binh voi, ngựa, xe và bộ rất hùng mạnh. Còn binh sĩ của vua thực hành pháp hạnh tuy ít, nhưng có thể dùng phương tiện hiện đại hùng mạnh chống cự, làm cho vua phản nghịch kia sinh tâm sợ hãi, chấm dứt chiến tranh.

Đó là trong thời gian đầu suy nghĩ về dụng của ba phương tiện.

Đại vương! Nếu như dùng ba việc bạn thân, của cải và uy hiếp làm cho sợ hãi này mà không dập tắt được cuộc chiến tranh kia. Lúc này, vua thực hành pháp hạnh nên suy nghĩ ba điều rồi, đi thẳng vào trận chiến.

Ba điều suy nghĩ:

1. Nghĩ rằng: "Đây là vua phản nghịch không có tâm Từ bi, tự mình giết hại chúng sinh và thấy người khác giết hại chúng sinh cũng không ngăn chặn. Hôm nay, ta không thể để cho họ giết hại lẫn nhau như thế này." Đây là tâm ban đầu bảo hộ chúng sinh.

2. Nghĩ rằng: "Ta nên dùng phương tiện thu phục vua phản nghịch để quân sĩ binh mã hai bên không chiến đấu."

3. Nghĩ rằng: "Ta nên dùng phương tiện bắt sống, trói lại không để họ giết hại lẫn nhau."

Khởi lên tâm Từ bi này rồi, sau đó chuẩn bị bốn loại binh mã phân bố ra. Các tướng sĩ đọc hiệu lệnh, tuyển chọn binh lính, phân ra làm ba phẩm. Ở trong phẩm thượng thì có thượng, trung và hạ. Chọn những người dũng mãnh của bậc thấp trong phẩm thượng đặt ở phía trước. Tiếp theo, chọn những người khỏe mạnh trong phẩm trung đứng ở thứ hai. Tiếp theo, chọn những binh lính có sức khỏe mạnh nhất của phẩm thượng phân ra ở hai bên bảo hộ các bộ binh, để cho họ sợ hãi.

Lúc ấy, vua thực hành pháp hạnh ở giữa quân ra lệnh cho đại quân hùng mạnh voi, ngựa, xe và bộ của phẩm tối thượng đi vào trận chiến. Vì sao? Vì có năm việc khiến cho đại quân hùng mạnh không thối chí.

Năm việc đó là:

1. Biết hổ thẹn với vua.

2. Tất cả phải sợ vua.

3. Nắm được ý của vua.

4. Làm cho binh lính ở sau không sợ hãi.

5. Khiến cho mọi người nghĩ đến việc báo ân quốc vương.

Với thế lực phân chia như vậy, không sinh sự thoái lui, có khả năng dũng mãnh chiến đấu.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh đã thiết lập phương tiện vào trận chiến đấu, lúc ấy dẫu có giết hại chúng sinh thì vị ấy chỉ mắc tội rất nhẹ, không cần sám hối cũng có thể tiêu trừ được. Vì sao? Vì vua thực hành pháp hạnh kia trước khi muốn vào trận chiến đấu đã khởi ba tâm Từ bi, thì dầu cho có làm điều ác này cũng chỉ mắc tội nhẹ, không hẳn chịu quả báo.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh kia vì chúng sinh, vì bảo hộ Sa-môn, vì bảo hộ pháp Sa-môn, vì bảo hộ vợ con, dòng họ và những tư thức mà có thể xả bỏ thân mình và của cải. Nhân tạo những nghiệp như thế, nên vua thực hành pháp hạnh kia được vô lượng phước.

Đại vương! Nếu vì bảo vệ đất nước, chăm lo đời sống nhân dân mà khởi binh chiến đấu, trong lúc ấy, quốc vương trước hết phải khởi ba tâm ở trên, rồi mới ra lệnh vua chư hầu phải một mực tuân theo lệnh của vua,

chiến đấu như thế là có phước không có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua thực hành pháp hạnh thường sinh bao nhiêu tâm để bảo hộ chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh đối với các chúng sinh khởi lên tám tâm.

Tám tâm đó là:

1. Nghĩ đến tất cả chúng sinh như nhớ nghĩ về con của mình.

2. Nghĩ đến những chúng sinh làm việc ác như nghĩ đến đứa con bệnh hoạn của mình.

3. Thường nghĩ chịu khổ thay cho chúng sinh, sinh tâm đại Bi.

4. Nghĩ chia xẻ niềm vui thù thắng của chúng sinh, sinh tâm hoan hỷ.

5. Nghĩ đối với những chúng sinh oan gia, sinh ý tưởng bảo hộ.

6. Có thể đối với những chúng sinh bạn bè thân thuộc thì sinh ý tưởng bảo hộ che chở.

7. Đối với của cải sinh ý tưởng như thuốc.

8. Đối với chúng sinh, sinh ý tưởng vô ngã.

Đại vương! Nghĩ đến các chúng sinh, sinh ý tưởng như con, nên phát khởi hai tâm:

1. Như cha mẹ nghĩ đến con, ngăn ngừa các điều ác.

2. Đối với tất cả chúng sinh thường không bỏ tâm Từ bi.

Nghĩ đến những chúng sinh làm việc ác như nghĩ về đứa con bệnh tật, nên phát khởi hai tâm:

1. Có khả năng chịu đựng, như người bệnh ở thế gian chửi mắng các thầy thuốc giỏi, những thầy thuốc vẫn không tức giận.

2. Vì muốn đoạn dứt tất cả lỗi lầm, nên thực hành tâm như thế.

Nghĩ chịu khổ đau thay cho chúng sinh, sinh tâm đại Từ, nên phát khởi hai tâm:

1. Ở trong hoạn nạn nguy cấp, cứu chúng sinh thoát khỏi khổ đau.

2. Có khả năng hưởng niềm vui an ổn thù thắng.

Đối với những chúng sinh thọ lạc, sinh tâm hoan hỷ, nên phát khởi hai tâm:

1. Đối với của cải và đời sống của người khác không sinh tâm tham.

2. Đối với hạnh phúc và sự giàu sang của người khác không sinh tâm đố kỵ.

Đối với những chúng sinh oan gia sinh ý tưởng bảo hộ, nên phát khởi hai tâm:

1. Thường nghĩ diệt trừ lỗi lầm cho họ, nhân đó xa lìa oan gia.

2. Đối với những chúng sinh oan gia sinh ý nghĩ như bè bạn thân thích, huống gì những chúng sinh khác chẳng phải oan gia?

Đối với những chúng sinh bạn bè thân thích, sinh ý tưởng bảo hộ che chở, nên khởi hai tâm:

1. Nghĩ làm cho tình bạn càng thêm vững chắc.

2. Nghĩ đến cho tất cả chúng sinh không oán thù nhau.

Đối với vật dụng sinh ý tưởng như thuốc, nên khởi hai tâm:

1. Có ái dục nhưng không tà dâm.

2. Đối với sắc, thanh, hương, vị và xúc tùy theo thế gian thọ dụng, không sinh tâm tham đắm.

Đối với tự thân không sinh ý tưởng là ngã, nên khởi hai tâm:

1. Thường đi đến những bậc Sa-môn, người đại trí để nghe Phật pháp.

2. Nghe pháp rồi, y theo lời dạy mà tu hành.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh thường tư duy tám pháp như thế, không mong cầu của cải mà người thế gian tự nhiên hiến dâng. Những châu báu, kỹ vật kỳ lạ ở trong nước không có mà kho lẫm vẫn đầy dẫy. Dù cho những vị vua làm việc ác, phi pháp trong thế gian dùng roi đánh đập, bức hiếp nhân dân nộp của cải thì cũng không bằng một phần của vua pháp hạnh.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh thực hành tám pháp này, đối với những việc làm thì ở năm tháng, mặt trời, mặt trăng và sao thường hiện điềm lành. Tất cả phi nhân, các loại tà ác quỷ muốn tìm chỗ sơ hở cũng không thể được. Ở trong nước ấy, thời tiết mưa hòa gió thuận, ngũ cốc được mùa, nhân dân no đủ, không còn nghĩ đến việc đói khát nữa. Tất cả những loài có thể mang đến cho thế gian những điều bất lợi như trùng sâu, chim sẻ, chuột, rồng, mưa đá thảy đều tiêu diệt hết. Nếu trong nước ấy có giặc cướp, tất cả đều y theo tội lỗi do hành động của chính mình mà chịu những sự đau khổ, hành động của mình chấm dứt thì quả báo cũng không còn.

Đại vương! Vua thực hành pháp hạnh có thể bảo hộ chúng sinh như thế, bảo vệ thế gian, không phụ tất cả chúng sinh. Tất cả mọi người làm việc thiện, người trí tuệ và bậc Thánh trong thế gian đều không thể quở trách. Vì sao? Vì không có tội.

Đại vương! Vua thực hành các hạnh thiện như thế, sau khi mạng chung sẽ sinh lên cõi trời và hưởng thọ cảnh giới an lạc vi diệu ở các cõi trời kia.

Rồi nói bài kệ rằng:

Trọng pháp không buông lung
Thường nghĩ lợi chúng sinh
Quyến thuộc có lễ phép
Biết giỏi hạnh lợi tha
Chính mình thường thanh tịnh
Lìa những việc vô ích
Vua kia hơn thế gian
Gọi vua hành pháp hạnh.
Tướng quý, nói hòa nhã
Siêng chuyên cần làm thiện
Biết giỏi việc thế gian
Tất cả các nghề nghiệp,
Vì thường không biếng nhác
Phương tiện hộ tất cả
Chúng sinh được an vui
Không có người đau khổ,
Thường thích việc lợi tha
Tâm muốn hộ tất cả
Phát ngôn lời ái ngữ
Quyết định nói an ổn,
Biết lỗi, có công đức
Biết hơn và biết kém
Vua đều cũng như thế
Chúng sinh sống an lạc.
Với người tâm bình đẳng
Hay thí vật, giải nghĩa
Các quan và quyến thuộc
Tất cả yêu mến vua,
Nhóm đầy đủ điều thiện

Thường có thế lực mạnh
Vua chánh pháp như thế
Ở lâu trên vương vị.
Tâm Từ lìa giết hại
Bố thí diệt trộm cắp
Chánh hạnh phòng tà dâm
Lời thật dứt nói dối,
Hòa hợp lìa chia rẽ
Nói nhẹ ngăn ác khẩu
Nói ngay trị phù phiếm
Sống sạch bỏ uống rượu,
Tịnh tâm bỏ ba độc
Thọ vương vị cõi trời
Đại vương phải nên biết
Thường khéo hộ các giới.

-oOo-

Phẩm 6: Thỉnh Thọ Trai

Lúc bấy giờ, vua Nghiêm Sí nghe Tát-già Ni-kiền Tử thuyết pháp xong, trong lòng rất vui mừng, liền thưa:

–Đại sư nhân từ không bỏ nước ta. Nay ở nơi hoang dã này không thể dừng chân được, xin hãy giáng thần đức cùng đại chúng trở về cung điện nghỉ ngơi. Vì sao? Vì nay ta muốn thiết lễ cúng dường Đại sư và đại chúng.

Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Lành thay, lành thay! Đại vương! Người muốn cúng thức ăn cho ta, nay đã đúng lúc. Vì sao? Vì ta từ xa đến, trên đường đi rất mệt, và đói khát. Lúc này giờ ngọ đã đến, ta nhận lời thỉnh của nhà vua.

Khi ấy, vua Nghiêm Sí nghe Tát-già Ni-kiền Tử nhận lời, trong lòng rất vui mừng, liền thỉnh Tát-già Ni-kiền Tử và đại chúng đi phía trước, vua cùng bốn binh chủng theo hầu trước sau, cùng đi về cung. Khi đã vào cung, nhà vua thỉnh Tát-già Ni-kiền Tử ngồi trên giường báu vô giá, trang hoàng bảy báu xen lẫn nhau. Ngoài ra, tất cả các chúng Ni-kiền Tử đều ngồi xuống tùy theo địa vị của mình.

Sau khi Tát-già Ni-kiền Tử an tọa, vua Nghiêm Sí chí tâm cung kính tôn trọng vô cùng, và sinh tâm hy hữu. Nhà vua tự tay dâng thức ăn cúng

dường Tát-già Ni-kiền Tử và đại chúng, với đầy đủ trăm vị thức ăn đồ uống, tùy ý thọ dụng no đủ.

Khi Tát-già Ni-kiền Tử thọ trai xong, vua Nghiêm Sí liền đem trăm ngàn vạn ức thượng y và hạ y có giá trị cúng dường Tát-già Ni-kiền Tử. Các chúng đệ tử, tùy theo ý muốn của mình, tất cả cũng được cúng dường y phục.

Lúc bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử thọ trai đã xong, thu bát rửa, súc miệng sạch sẽ rồi nói với vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Nay người chí thành cúng dường thức ăn, thức uống và y phục cho Sa-môn, phước báo này không thể tính hết được. Nay ta chỉ lược nói về mười lăm công đức.

Những gì là mười lăm?

1. Chấm dứt tâm keo kiệt tham lam.
2. Mở bàn tay bằng tâm bố thí.
3. Diệt trừ tâm tà kiến, cho là bố thí không có phước.
4. Phát sinh quả báo không đánh mất chánh kiến.
5. Tùy thuận theo các bậc Thiện tri thức.
6. Xa lìa kẻ thấp hèn không có trí tuệ.
7. Mở cửa các đường thiện.
8. Đóng cửa các đường ác.
9. Gieo trồng hạt giống thiện.
10. Nhổ sạch gốc bất thiện.
11. Làm mỏng dần những kết sử phiền não.
12. Làm tăng trưởng các chi phần thiện căn.
13. Làm cho tất cả những người trì giới được no đủ.
14. Có thể làm những việc mình muốn làm.
15. Đã làm việc lợi ích cho người khác.

Vì sao? Này Đại vương! Làm việc bố thí thì được quả báo rất giàu có. Bố thí thức ăn có màu sắc đẹp, về sau có sắc đẹp vi diệu, người nhìn không nhàm chán. Bố thí thức ăn có hương thơm, về sau được danh tiếng vang khắp thế gian. Bố thí thức ăn có mùi vị ngon, về sau được của cải hơn các báu vật thắng diệu trong thế gian. Bố thí thức ăn mà khi mới tiếp xúc cảm thấy thích thú, về sau được tay chân nhỏ nhắn, mềm mại. Trong khi

bố thí tâm rất chí thành, về sau được tất cả mọi người trong thế gian yêu thương, cung kính cúng dường. Tự tay bố thí, về sau được nhiều tôi tớ vây quanh hầu hạ. Bố thí đúng thời, tùy theo tâm mình cần gì thì về sau được đáp ứng đúng theo thời. Đem vật mình yêu thích bố thí, về sau được của cải ở cảnh giới thắng diệu. Không làm tổn hại sự bố thí, về sau được của cải kiên cố, không hư hoại, không mệt nhọc. Bố thí chỗ ngồi yên ổn, về sau được quả báo quyến thuộc thường yêu thương. Cho người ăn uống, về sau được sức mạnh tự tại vô ngại. Cho y phục, về sau được sắc thân rất đẹp, thế gian yêu kính. Bố thí đèn sáng, về sau được mắt trong sáng, không có các bệnh tật, hư hoại.

Người bố thí âm nhạc về sau được tai không điếc, thường nghe âm thanh vi diệu.

Người bố thí các loại xe, về sau thường được ngồi trên xe kiệu an lạc.

Người bố thí thuốc men, về sau được thân thể mập mạnh, tươi tắn, không bệnh tật.

Người bố thí nhà cửa thì được sống an ổn hạnh phúc, xa lìa khỏi sự khủng bố.

Người bố thí pháp, về sau được pháp được cam lồ bất tử.

Người lìa sát sinh, về sau được sống lâu, không chết yểu.

Người xa lìa đời sống trộm cắp, về sau rất giàu có, của cải không bao giờ hết.

Người xa lìa tà dâm, về sau được vợ đẹp, không bị người khác chiếm đoạt.

Người lìa vọng ngữ, về sau được quả báo chân thật, không bị người khác phỉ báng.

Người lìa nói hai chiều, về sau quyến thuộc được hòa hợp, về sau thường được nghe âm thanh thắng diệu.

Người lìa bỏ lời nói phù phiếm thì về sau lời nói của mình được người khác ghi nhận.

Người lìa tâm tham, về sau không tăng thêm sự tham lam trầm trọng.

Người lìa tâm giận dữ, về sau không tăng thêm tâm giận dữ trầm trọng.

Người xa lìa tà kiến, về sau không tăng thêm tâm ngu si trầm trọng.

Người xa lìa sự kiêu mạng, về sau được sinh trong nhà hào quý, được

mọi người tôn kính.

Người xa lìa tâm sân hận, về sau được thân đoan chánh, người thấy đều ưa thích.

Người xa lìa tâm đố kỵ, về sau được uy lực lớn, thành tựu sở nguyện.

Người xa lìa tâm keo kiệt, về sau được sinh ở nơi giàu có, của cải không thiếu.

Người xa lìa sự dâm dục phi xứ thì về sau được các căn thù thắng, đầy đủ tướng trượng phu.

Đại vương! Người bố thí thức ăn thức uống tức là cho sự sống, cho sắc đẹp, cho sức lực, cho niềm vui, cho tài giỏi. Thí chủ yêu mến chúng sinh được người trí khen ngợi, danh tiếng vang khắp mười phương, đi vào trong đại chúng tâm không sợ hãi. Đến khi mạng chung liền được sinh lên cõi trời, hưởng thọ cảnh giới vi diệu và thân sau cùng đắc đạo Vô thượng.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử nói kệ rằng:

Người hết lòng trì giới
Hay sinh tâm hoan hỷ
Bố thí cho Sa-môn
Đời sau được bảy phước.
Sống lâu, đẹp, khỏe mạnh
Ưa biện tài thuyết giảng
Sinh trong cõi trời thiện
Cuối cùng đạt Niết-bàn.
Bởi vì hành bố thí
Chắc chắn được việc kia
Vì ưa cầu bố thí
Đời sau được an lạc.
Phước thí vui tối thắng
Người cầu ắt thành tựu
Sẽ sinh trong trời người
Cõi Sắc và Vô sắc.
Thí chủ Thánh trí tuệ
Nếu tu hạnh tinh tấn
Dứt hoàn toàn các khổ
Được trí tuệ thượng thắng.
Vì tạo vô lượng phước
Thiên ma và quyến thuộc

Người làm ác bất thiện
Không thể gây trở ngại.
Vì thế, thường bố thí
Cầu ba việc thù thắng
Đường tốt và giàu sang
Sẽ chứng đạo Vô thượng.

-oOo-

Phẩm 7: Hỏi Về Tội Lỗi

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí nghĩ rằng: "Pháp của Tát-già Ni-kiền Tử đã nói đều là tùy thuận theo chánh pháp của Như Lai." Rồi vua lại nghĩ: "Hôm nay, ta nên hỏi Tát-già Ni-kiền Tử, Như Lai có tâm tôn trọng không?"

Khi vua Nghiêm Sí nghĩ như vậy rồi, liền rời chỗ ngồi, xuống ngồi chỗ thấp hơn, cung kính hỏi Tát-già Ni-kiền Tử:

–Thưa Đại sư! Nay ta có một chút nghi ngờ, muốn xin hỏi. Đại sư cho phép được hỏi không?

Khi ấy, Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Đại vương! Có vấn đề gì, xin cứ hỏi. Ta sẽ phân biệt giảng thuyết để nhà vua được hiểu rõ.

Vua Nghiêm Sí nghe Tát-già Ni-kiền Tử cho phép mình hỏi liền thưa rằng:

–Đại sư! Trong thế gian, có chúng sinh nào ở cảnh giới chúng sinh, thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà lại có tội lỗi không?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đấy là những người Năng vũ Bà-la-môn. Họ thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ; biết giỏi về tinh tú, biết giỏi về cúng tế các loại trời, biết giỏi chú thuật, biết giỏi việc thờ lửa; biết giỏi thiên văn, mặt trời, mặt trăng, tám ngôi sao; biết rõ về tai họa của mưa đá; biết giỏi về động đất, lành dữ và thay đổi; biết giỏi về nhật thực, nguyệt thực; biết giỏi những năm trong nước mất mùa hay được mùa; biết giỏi về thế gian

an ổn hay hoại diệt, nhưng những vị Bà-la-môn ấy cũng có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những vị Bà-la-môn kia có tội lỗi gì?

Đáp:

–Đại vương! Những người Bà-la-môn này thường nhiều dâm dục, thích chiếm đoạt vợ người khác. Những người thông tuệ không nên xâm phạm vợ người khác. Vì sao? Vì chiếm đoạt vợ của người khác thì đời hiện tại cũng như trong tương lai phải chịu rất nhiều đau khổ, và bị tất cả trời người trách mắng.

Rồi nói kệ rằng:

Vợ mình không biết đủ
Ưa gần vợ người khác
Là người không hổ thẹn
Thường bị đời oán trách,
Đời hiện tại, vị lai
Chịu khổ và đánh đập
Xả thân vào địa ngục
Chịu khổ đau mãi mãi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là Phả-la-đọa Bà-la-môn. Họ thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ, biết pháp, biết lễ mà lại có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những vị Phả-la-đọa Bà-la-môn kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Những vị Phả-la-đọa Bà-la-môn này thường ngủ nhiều. Người thông tuệ không nên ngủ nhiều. Vì sao? Vì ngủ nhiều sẽ làm thoái mất các hạnh, đánh mất pháp thế gian và xuất thế gian, làm chướng ngại trí

tuệ, xa lìa các phiền não.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu người ngủ quá nhiều
Lười biếng ngăn sở chứng
Người chưa chứng không chứng
Đã chứng làm thoái mất,
Nếu muốn đạt thắng đạo
Trừ ngủ, nghỉ, phóng dật
Tinh tấn giữ các niệm
Lìa ác, công đức nhóm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Hắc. Ông ta thông minh, lợi căn, đại trí và thông tuệ, có uy lực lớn nhưng cũng có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Hắc kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Hắc này có nhiều sự ganh tỵ. Người thông tuệ không nên ganh tỵ. Vì sao? Nếu có người giàu sang phú quý, của cải dẫy đầy, không chịu bố thí mà còn ôm lòng ganh tỵ, những người như thế của cải không thể giữ lâu bền được. Và người ấy lúc chết chỉ bàn tay trắng, sinh vào loài ngạ quỷ chịu đói khát, khổ đau.

Rồi nói kệ rằng:

Tiếc của không bố thí
Cất giấu sợ người biết
Xả thân đi tay không
Chịu khổ trong ngạ quỷ
Đói khát, lạnh và nóng
Khổ đau thường nung nấu

Người trí không tích chứa
Biết bỏ sự tham lam.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Thắng Tiên. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ, có uy lực lớn, không hèn yếu, thích làm việc bố thí và cũng có công đức lớn nhưng cũng có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Thắng Tiên kia có tội lỗi gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Thắng Tiên này sát sinh rất nhiều. Người thông tuệ không nên làm việc giết hại. Vì sao? Vì tội sát sinh mắc quả báo đoản mạng, sau khi chết sinh vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

Rồi nói kệ rằng:

Sát sinh quả không tốt
Đoản mạng, nhiều bệnh tật
Tương lai sinh đường ác
Chịu đủ thứ khổ đau,
Muốn rũ bỏ khổ đau
Cầu vui thắng tương lai
Nên giúp đỡ thân khác
Như yêu chính thân mình.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Vô Úy. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ nhưng lại có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Vô Úy kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Vô Úy này từ bi thái quá. Người thông tuệ không nên từ bi thái quá. Vì sao? Nếu vương tử của vua từ bi thái quá thì trong nước có rất nhiều giặc cướp nổi lên, quấy nhiễu nhân dân, không thể ngăn chặn được và có rất nhiều hoạn nạn.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu vua và vương tử
Tâm Từ bi thái quá
Giặc nổi, nhiều dối gạt
Dân sợ, vua lâm nguy,
Vua nên nghĩ họa này
Cân nhắc hạnh Từ bi
Nghĩ đời chịu khổ đau
Từ bỏ tâm thái quá.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Thiên Lực. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ nhưng cũng có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Thiên Lực kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Thiên Lực này uống rượu thái quá. Người

thông tuệ không nên uống rượu thái quá. Vì sao? Uống rượu thái quá sẽ quên mất mọi việc, làm trở ngại tu tập đạo lớn, đánh mất lợi ích thế gian và xuất thế gian.

Rồi nói kệ rằng:

Uống rượu nhiều phóng dật
Hiện đời thường ngu si
Bỏ quên hết mọi việc
Thường bị người trí trách,
Tương lai thường ngu tối
Đánh mất nhiều công đức
Vì thế người thông tuệ
Không uống các thứ rượu.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Bà-tẩu Thiên. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ, có uy lực lớn, tâm không hèn yếu, thường ưa bố thí, có đại uy đức nhưng vẫn có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Bà-tẩu Thiên kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Bà-tẩu Thiên này thông hiểu mọi việc nhưng làm việc rất chậm chạp. Người thông tuệ không nên làm việc quá chậm chạp. Vì sao? Vì người làm việc chậm chạp không đúng tiết thì sẽ mất nhiều lợi ích. Làm cho việc đấu tranh rất khó diệt được. Vì thế, người thông tuệ làm việc phải đúng thời, không nên chậm chạp.

Rồi nói kệ rằng:

Người thi hành chậm chạp
Công việc bị mất nhiều
Việc chưa được không được

Việc được rồi lại mất
Không làm việc chậm nữa
Hãy làm việc đúng lúc
Quá thời không lợi ích
Cho nên, mất mát nhiều.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Đại Tiên. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ, có uy lực lớn nhưng cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Đại Tiên có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Đại Tiên này tâm tham thái quá. Do sự điên đảo che lấp tâm nên thường cướp đoạt của cải của người khác. Người thông tuệ không nên quá tham lam. Vì sao? Vì người tham lam thái quá thì sẽ không gần gũi chúng sinh. Khi xả thân này liền sinh vào địa ngục.

Rồi nói kệ rằng:

Người tham chứa góp nhiều
Không bao giờ biết đủ
Tâm vô minh điên đảo
Thường nghĩ cướp đoạt người
Hiện tại nhiều oán ghét
Xả thân sinh địa ngục
Cho nên người có trí
Phải nghĩ đến tri túc.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vương tử Đại Thiên. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ có uy lực lớn nhưng lại có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vương tử Đại Thiên kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vương tử Đại Thiên này cười đùa vô độ, phóng túng quá mức. Người thông tuệ không nên đùa giỡn vô độ, phóng túng quá mức. Vì sao? Vì người buông lung quá độ sẽ làm chướng ngại pháp chỉ và pháp quán. Tội đùa giỡn này là nhân của đường ác.

Rồi nói kệ rằng:

Cười đùa tâm cấu uế
Tâm không trụ Tam-muội
Bị người trí quở trách
Hành thiện không giải thoát
Muốn được mau lợi ích
Nên lìa những buông lung
Hiện tại không an ổn
Mất danh tiếng công đức.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là vua Ba-tư-nặc ở nước Kiều-tát-la. Ông ta thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ nhưng cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Vua Ba-tư-nặc kia có tội gì?

Đáp:

–Đại vương! Vua Ba-tư-nặc này ăn uống quá nhiều. Người thông tuệ không nên ăn uống quá nhiều. Vì sao? Vì ăn uống quá nhiều thì thân thể đi lại khó khăn, biếng nhác và thức ăn khó tiêu hóa. Hơn nữa, người ấy xa lìa lợi ích pháp thiện trong hai đời hiện tại và vị lai.

Rồi nói kệ rằng:

Người ăn uống thái quá
Thân nặng, nhiều biếng nhác
Đời hiện tại vị lai
Thân mất lợi ích lớn
Ngủ nghỉ tự chuốc khổ
Cũng làm phiền người khác
Mê mờ khó tỉnh thức
Phải thời ăn vừa đủ.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Trong thế gian lại có các chúng sinh thông minh, đại trí, lợi căn và thông tuệ mà có tội lỗi nữa chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ cũng có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những chúng sinh như thế?

Đáp:

–Đại vương! Chúng sinh này chính là nhà vua vậy. Đại vương cũng rất thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ, có uy lực lớn, tâm không hèn kém, thích bố thí và có đầy đủ uy đức nhưng lại có tội.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Con mắc phải tội gì?

Đáp:

–Tội của Đại vương thật bạo ác. Đại vương ăn quá nhiều, rất nôn nóng, vội vã và quá cứng nhắc. Người thông tuệ không nên có những điều xấu như thế. Vì sao? Nếu vua hoặc vương tử tánh tình quá xấu thì mọi người không nghe theo, nhiều người không yêu quý, nhiều người không thích, cho đến cả cha mẹ cũng không muốn nhìn thấy mặt, huống gì người khác như đại thần, vương tử, trưởng giả, cư sĩ…! Vì thế, người thông tuệ không nên quá ác. Người thông tuệ muốn làm việc gì phải bình

tĩnh, hiểu rõ tường tận, không nên từ tốn.

Rồi nói kệ rằng:

Nếu vua hành ác hạnh
Tâm sân không thấy việc
Hành động chúng sinh hãi
Ngay cả cha mẹ sợ,
Huống gì đến người khác
Nên có niệm Từ bi
Đại vương phải nên biết
Người trí bỏ giận dữ.

Lúc bấy giờ, vua Nghiêm Sí đang ngồi đối diện, nghe Tát-già Ni-kiền Tử phỉ báng mình, sinh tâm giận dữ, tâm sân hận, buồn bực, không vui, lại còn sinh tâm độc ác nói:

–Tát-già Ni-kiền Tử! Tại sao hôm nay trong đại chúng, người nói tội lỗi của ta và hủy nhục ta như thế? Từ xưa tới nay, không ai dám nhìn thẳng mặt ta. Nay người hủy nhục ta là đáng tội chết.

Nói xong, vua rất tức giận bảo các đại thần:

–Các ngươi nên bắt Sa-môn ngu si nói lời không ái ngữ này giết đi!

Lúc ấy, Tát-già Ni-kiền Tử kinh hãi, lông trên người dựng đứng, nói với vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Xin chớ vội vàng làm việc ác như thế sẽ bất lợi cho ta. Ta có lời thiện, xin nhà vua tạm thời cho tôi sự không sợ sệt tôi sẽ nói.

Nhà vua bảo:

–Sa-môn! Ta cho người sự không sợ sệt, muốn nói gì thì hãy nói mau.

Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Đại vương! Tôi cũng có tội vậy.

Nhà vua hỏi:

–Sa-môn, ông có tội gì?

Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Tội của tôi, do khi nói đến việc gì là nói lời quá chân thật, không nói lời giả dối mà chỉ lời nói đúng sự thật. Vì tôi nói lời chân thật trước người ác hạnh, trước một người đáng sợ, trước người có tánh tình vội vã, trước người không Từ bi và trước người làm việc gấp gáp như thế. Đối với người ác như thế mà nói lời chân thật. Đại vương nên biết! Người thông

tuệ không nên lúc nào hay ở đâu cũng đều nói lời chân thật. Vì sao? Vì không có lợi ích.

Đại vương! Người thông tuệ phải nên khéo quán sát, người nào có thể nói, người nào không thể nói; phải nên khéo biết có lúc nên nói, có lúc không nên nói; phải khéo biết có chỗ nên nói, có chỗ không nên nói rồi sau đó mới nói. Vì sao? Vì lời nói chân thật người đời không yêu, không thích; người trí không khen ngợi và người ngu ở thế gian sân giận.

Rồi nói kệ rằng:

Người trí không biết lúc
Vội buông ý nói thật
Bị người trí quở trách
Huống gì người vô trí,
Người trí ở mọi nơi
Không nên nói thật hết
Thật là Kiều-thi-ca
Nói thật vào đường ác.

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí nghe Tát-già Ni-kiền Tử nói lỗi mình liền được hiểu rõ, tâm rất vui mừng thưa rằng:

–Thưa Đại sư! Đại sư không có tội, do tôi quá khinh suất. Nay được thầy chỉ dạy, như trong tăm tối được đèn, như người mù được mắt sáng, tôi luôn luôn ghi nhớ. Nay xin sám hối, xin đừng vì tôi mà bỏ lời nói chân thật!

Rồi nhà vua nói kệ rằng:

Tôi thật là ngu tối
Không biết lời tri thức
Bởi thế sinh tâm ác
Buông lời ác như vậy
Nay ở trước Thánh nhân
Sám hối tội lỗi mình
Nguyện thương các chúng sinh
Khiến cho được hết tội.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 6

Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 1)

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí đã nghe Tát-già Ni-kiền Tử nói rồi, tâm rất vui mừng, liền hỏi điều nghi ngờ:

–Thưa Đại sư! Nay những chúng sinh sống trong thế giới này, có người nào thông minh, đại trí, lợi căn, thông tuệ, biết pháp và phi pháp mà không có tội chăng?

Đáp:

–Đại vương! Có những chúng sinh này và họ không có tội lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Nay ai là những người như thế?

Đáp:

–Đại vương! Đó là Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, sinh ra ở trong Vương gia họ Thích, vì đạo xuất gia.

Đại vương nên biết! Ở trong kinh Từ-vi-đà có nói: "Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích kia không có tội lỗi. Bởi vì sinh trong Vương gia, không có sự ganh tỵ. Vì sao? Vì sinh ở trong nhà vua Chuyển luân, thuộc dòng họ cao quý nên không thể ganh tỵ. Vì sao? Vì sinh ở trong nhà thuộc dòng họ Cam giá, phước đức trang nghiêm nên không thể có sự ganh tỵ. Vì sao? Vì thân có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, đầy đủ sự thật không thể ganh tỵ. Vì sao? Vì đầy đủ hoàn toàn thành tựu trì giới, mười Lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng. Như thế, biết Sa-môn Cù-đàm kia không có tội."

Đại vương! Sa-môn Cù-đàm con của dòng họ Thích kia, nếu không vì đạo bỏ nhà xuất gia thì sẽ thành bậc Chuyển luân thánh vương, làm vua trong bốn châu thiên hạ, sẽ làm vị Pháp vương thực hành pháp hạnh. Ngài có đầy đủ bảy báu, như xe báu, voi báu, ngựa báu, phu nhân báu

như ý, đại thần báu, chủ kho báu và có đầy đủ ngàn người con, dũng mãnh tuấn kiệt, lại có tướng trượng phu. Thân của Ngài có đầy đủ uy đức, không thể chê bai được; có năng lực hàng phục các quân đội khác; thành tựu đầy đủ tướng Chuyển luân vương ở trong bốn thiên hạ, đều được tự tại, không có ai hơn Ngài. Ở trong đại địa này không có oán thù, không có não hại, không có vũ khí mà chỉ dựa theo pháp cai trị, sống trong sạch, bình đẳng tự tại.

Hơn thế nữa, Vương tử Sa-môn Cù-đàm kia cũng không thích thú vui ở thế gian, lại bỏ nhà xuất gia, dũng mãnh tinh tấn, thực hành đại khổ hạnh, ngày ăn một hạt vừng hay một hạt gạo, tâm không lười biếng. Trải qua sáu năm tu khổ hạnh, thành Đẳng chánh giác, ngồi nơi đạo tràng tu khổ hạnh, thu phục ma lực, nhất tâm nghĩ về điều mình đã biết, điều mình đã đắc, đã thấy và điều đã chứng ngộ tương ứng với trí tuệ. Tất cả pháp đã chứng ngộ kia không bởi học từ thầy mà chính tự trí của mình thể chứng được giác trí như thật ấy. Cho nên biết rằng, tất cả thế gian Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn không ai có thể bằng Sa-môn Cù-đàm, huống gì có người hơn Sa-môn Cù-đàm là Bậc Vô Đẳng Đẳng, Vô Thắng Đẳng! Bởi thế, Ngài không có lỗi lầm. Vì sao? Vì dòng họ của Sa-môn Cù-đàm kia không ai bằng, thân tướng không ai bằng, trí tuệ không ai bằng, nên không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Thân sinh dòng họ quý
Các tướng trăm phước quý
Tám mươi vẻ đẹp diệu
Trang nghiêm tự thân Phật
Sáu năm tu khổ hạnh
Ngồi dưới cây Bồ-đề
Thu phục các chúng ma
Đạt đến Nhất thiết trí
Là Thầy các trời người
Thường nghĩ lợi thế gian
Từ bi tâm bình đẳng
Cứu khổ không oán thân
Thành Ba-la-nại nói
Pháp tương ứng Tứ đế
Vô ngã, mạng, chúng sinh

Cho nên không lỗi lầm.

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí thưa Tát-già Ni-kiền Tử:

–Thưa Đại sư! Nên nói cho chúng tôi biết thế nào là ba mươi hai tướng Đại trượng phu của Như Lai, và cách dùng ba mươi tướng này trang nghiêm thân và được tên Đại trượng phu sư tử chúa.

Khi ấy, Đại Tát-già Ni-kiền Tử bảo vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Xin chí thành lắng nghe, tôi sẽ nói.

Nhà vua trả lời:

–Thưa Đại sư! Tôi xin được nghe.

Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Đại vương! Ba mươi hai tướng tốt của Sa-môn Cù-đàm, đó là:

1. Dưới bàn chân của Sa-môn Cù-đàm rất bằng phẳng, đứng vững vàng trên đất.

2. Dưới bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có đầy đủ tướng "Thiên bức luân" *(bánh xe ngàn căm)*.

3. Sa-môn Cù-đàm tay, chân mềm mại giống như vải hoa trời.

4. Các ngón tay của Sa-môn Cù-đàm dài và rất thon thả.

5. Giữa các ngón tay của Sa-môn Cù-đàm có màng lưới.

6. Gót chân của Sa-môn Cù-đàm rất tròn trịa.

7. Mu bàn chân của Sa-môn Cù-đàm đầy đặn.

8. Sa-môn Cù-đàm có đùi nai chúa.

9. Sa-môn Cù-đàm thân tướng đoan nghiêm.

10. Âm tàng của Sa-môn Cù-đàm như ngựa chúa.

11. Sa-môn Cù-đàm mỗi một lỗ chân lông trên người, chỉ mọc một sợi lông không lẫn lộn nhau.

12. Tóc của Sa-môn Cù-đàm có màu sắc như lưu ly tinh diệu.

13. Lông trên thân Sa-môn Cù-đàm mọc hướng lên trên rất mềm mại.

14. Da của Sa-môn Cù-đàm có màu sắc như vàng.

15. Da của Sa-môn Cù-đàm mịn màng và mềm mại.

16. Bảy chỗ của Sa-môn Cù-đàm bằng phẳng.

17. Hai vai của Sa-môn Cù-đàm tròn dầy.

18. Hai vai của Sa-môn Cù-đàm cao và ngang bằng như núi vàng.

19. Thân thể của Sa-môn Cù-đàm rất cao lớn.

20. Thân thể của Sa-môn Cù-đàm thon thả, ngay thẳng như chúa Ni-câu.

21. Má của Sa-môn Cù-đàm như má của Sư tử.

22. Sa-môn Cù-đàm có đủ bốn mươi chiếc răng.

23. Răng của Sa-môn Cù-đàm khít và sát.

24. Răng của Sa-môn Cù-đàm đều và bằng phẳng.

25. Răng của Sa-môn Cù-đàm trắng như tuyết.

26. Lưỡi của Sa-môn Cù-đàm thưởng thức được vị tối thặng.

27. Lưỡi của Sa-môn Cù-đàm che hết cả mặt.

28. Tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm như tiếng Phạm.

29. Mắt của Sa-môn Cù-đàm như mắt trâu chúa, trên dưới đều có thể nhìn lên xuống được.

30. Con mắt của Sa-môn Cù-đàm tươi sáng như cánh hoa sen xanh.

31. Trên trán của Sa-môn Cù-đàm có sợi lông dài thể hiện tướng công đức đầy đủ.

32. Đầu của Sa-môn Cù-đàm rất cao, không thấy đảnh.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm dùng ba mươi hai tướng tốt này trang nghiêm thân, nên gọi là Đại trượng phu sư tử chúa.

Rồi nói kệ rằng:

Đảnh cao tướng vi diệu
Thân trang nghiêm tối thắng
Tóc như lưu ly xanh
Màu đẹp xoáy bên phải.
Mắt đẹp giống trâu chúa
Như cánh hoa sen xanh
Cho nên, thân Cù-đàm
Chỉ khen không ganh tỵ.
Giọng Cù-đàm vi diệu
Vượt các tiếng Phạm thế
Như chim Ca-lăng-già
Các chim đều không bằng.
Lưỡi che khắp cả mặt
Sạch như cánh hoa sen
Diệu tướng vượt quần sinh
Cho nên, đời không bằng.

Lưỡi nếm đến thượng vị
Các vị không sai khác
Mau thành thân tướng đẹp
Nên Phật không lỗi lầm.
Răng công đức Cù-đàm
Tất cả không ai bằng
Trong sáng như ngọc tuyết
Ngang bằng không lồi lõm.
Gò má cao và rộng
Vuông như Sư tử chúa
Môi hồng ai cũng khen
Giống như trái Tần-bà.
Hai vai cao và bằng
Trước sau đều tròn trịa
Thần quang chiếu các mắt
Cao đẹp như núi vàng.
Các tướng thân Cù-đàm
Trang nghiêm ba mươi hai
Trên dưới thân tròn đầy
Như cây chúa Ni-câu.
Thân Cù-đàm cao lớn
Đứng vững không chê được
Trí giả thường mong đợi
Ưa nhìn không biết chán.
Cù-đàm thân công đức
Bảy chỗ đều đầy đủ
Màu da luôn tươi sáng
Như vàng Diêm-phù-đàn.
Lông thân nhỏ mềm mại
Bụi trần không làm nhơ
Mọc xoáy về bên phải
Dựa nhau hướng lên trên.
Tóc sạch màu xanh đẹp
Dày rậm không thưa thớt
Cho nên tướng Cù-đàm
Hơn các tướng thế gian.
Thân Cù-đàm ngay thẳng
Ngồi đứng không cong quẹo

Âm tàng tướng ngựa chúa
Cũng như Đại Long vương.
Đùi như chân nai chúa
Lớn nhỏ trên dưới đều
Cho nên người trí nhìn
Không có tâm nhàm chán.
Ngón tay, chân có màng
Trong ngoài thường tươi sáng
Móng như lá đồng đỏ
Ngón như hình đốt đồng.
Thân mu chân đầy cao
Dáng tròn như viên ngọc
Gót bàn chân rất đẹp
Ngang bằng không cao thấp.
Các ngón nhỏ và dài
Co duỗi rất mềm mại
Dưới chân phẳng đứng vững
Dẫm đất thường an ổn.
Đây là phước Cù-đàm
Công đức như các núi
Theo nhóm công đức đây
Hiện thành thân Cù-đàm.
Thân công đức như vậy
Hơn thế gian trời người
Như trăng tròn sáng kia
Xuất hiện giữa các sao.
Cù-đàm tướng Trượng phu
Công đức trang nghiêm thân
Đại Bi tự tại hiện
Lợi ích các thế gian.
Pháp thanh tịnh không dơ
Vô lượng các công đức
Các diệu tướng như thế
Chỉ cảnh giới Cù-đàm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Tám mươi vẻ đẹp của Như Lai là những nghiêm thân, nên nói Như Lai có trăm phước tướng trang nghiêm thân công đức?

Đáp:

–Đại vương! Nay tôi nói ví dụ về sự thành tựu của việc này. Nếu gom hết chúng sinh thuộc bốn loại sinh trong tam thiên đại thiên thế giới; nghĩa là những loài sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh bằng ẩm ướt, sinh bằng biến hóa. Tất cả những chúng sinh này, giả sử cùng một lúc được làm thân người. Khi đã được làm thân người rồi, mỗi mỗi chúng sinh ấy đều tu mười thiện nghiệp, thành tựu phước đức của vua Chuyển luân thánh.

Những chúng sinh ấy đã tu thành tựu phước đức hội tụ của vua Chuyển luân thánh rồi, mỗi mỗi phước đức ấy lại tăng lên gấp trăm lần thì chỉ mới thành tựu tướng công đức của một lỗ chân lông Cù-đàm. Đó là công đức trong một lỗ chân lông, còn công đức trong mỗi mỗi lỗ chân lông khác cũng như thế.

Đại vương nên biết! Công đức trong tất cả lỗ chân lông lại tăng lên trăm lần thì chỉ mới thành tựu một công đức tốt ở thân Sa-môn Cù-đàm. Đó là một công đức tốt, còn mỗi công đức khác cũng lại như thế.

Như vậy, tất cả các công đức tốt lại tăng lên trăm lần thì chỉ mới thành tựu một tướng công đức Đại trượng phu trong thân Sa-môn Cù-đàm. Đó là một tướng công đức, còn các tướng công đức khác cũng lại như thế.

Như vậy, ba mươi hai tướng công đức lại tăng lên trăm lần thì chỉ mới thành tựu một tướng công đức giữa lông trắng chân mày của Sa-môn Cù-đàm. Như vậy, tướng công đức lông trắng giữa chân mày lại tăng lên trăm lần mới được thành tựu một tướng đỉnh đầu công đức trong tướng Đại trượng phu của Sa-môn Cù-đàm.

Như vậy, công đức tướng đảnh đầu lại tăng thêm trăm, ngàn, vạn, ức lần mới được thành tựu một âm thanh như tiếng ốc công đức trong tướng Đại trượng phu của Sa-môn Cù-đàm.

Sa-môn Cù-đàm với công đức tiếng ốc này, tất cả những âm thanh của tất cả chúng sinh trong cảnh giới chúng sinh, với ngôn ngữ không đồng nhau, cùng một lúc đưa ra trăm ngàn câu hỏi khác nhau. Có những sự việc mà chúng sinh này hỏi rồi, chúng sinh khác không hỏi nữa. Nhưng có thể bằng trí tuệ, chỉ trong một niệm dùng một âm thanh trả lời tất cả các câu hỏi của chúng sinh ấy và có thể khiến cho họ cùng một lúc hiểu rõ vấn đề mình hỏi.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm dùng công đức này trang

nghiêm thân, nên gọi là thành tựu tướng Đại trượng phu. Bởi thế, Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu thân tướng trăm phước công đức, nên Sa-môn Cù-đàm thành tựu âm thanh vi diệu của Phạm vương.

Rồi nói kệ rằng:

Thân công đức Cù-đàm
Chứa nhóm trăm phước tướng
Giáo hóa các quần sinh
Nên gọi Thầy trời người.
Thấy, nghe và nhận vật
Phước ấy không thể lường
Cù-đàm xuất thế gian
Lợi ích các chúng sinh.
Cõi chúng sinh sai khác
Tùy loài hỏi khác nhau
Cù-đàm chỉ một niệm
Một âm đáp liền hiểu.
Cù-đàm hiện thế gian
Hay dùng âm thanh Phạm
Chuyển pháp luân tối thượng
Khiến trời người hết khổ.

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí hỏi Tát-già Ni-kiền Tử bằng bài kệ:

Đại sư hãy nói tên
Các tướng nhỏ Như Lai
Xin vì các chúng sinh
Và tôi, phân biệt nói.

Lúc đó, Tát-già Ni-kiền Tử trả lời vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Người có thể vì các chúng sinh xiển dương thiểu tướng công đức của Như Lai sẽ có lợi ích lớn. Nay người lắng nghe, ta phân biệt nói rõ từng tướng một:

Sa-môn Cù-đàm có tám mươi tướng hảo. Theo những tướng hảo ấy, ta nói rộng về tướng công đức của Sa-môn Cù-đàm, giống như trăng rằm mùa thu xuất hiện giữa các sao.

Tám mươi tướng ấy là:

1. Tướng đầu của Sa-môn Cù-đàm rất uy nghiêm, trên dưới đều tương ứng.

2. Tướng đầu của Sa-môn Cù-đàm tròn đẹp như trái cây Ma-đà-la.

3. Tóc của Sa-môn Cù-đàm dài, đẹp và mềm mại như tơ Uy hắc.

4. Tóc của Sa-môn Cù-đàm suôn thẳng, không rối rắm.

5. Lông và tóc của Sa-môn Cù-đàm uyển chuyển xuôi theo một mái về bên phải.

6. Tóc và da của Sa-môn Cù-đàm có màu sắc bóng loáng như lưu ly xanh.

7. Chân mày của Sa-môn Cù-đàm trắng xóa như trăng mới mọc.

8. Mắt của Sa-môn Cù-đàm dài lớn như cánh hoa sen xanh.

9. Trái tai của Sa-môn Cù-đàm thòng dài như giọt sương nhiễu xuống.

10. Mũi của Sa-môn Cù-đàm dài, cao và thẳng không thấy lỗ.

11. Miệng của Sa-môn Cù-đàm có hương thơm thanh khiết, người ngửi không biết chán.

12. Lưỡi của Sa-môn Cù-đàm có màu sắc sáng đỏ như lá đồng đỏ.

13. Lưỡi của Sa-môn Cù-đàm nhỏ, mỏng, láng sắc và mềm mại.

14. Môi của Sa-môn Cù-đàm có màu sắc đỏ hồng như quả Tần-bà.

15. Răng của Sa-môn Cù-đàm trắng, nhỏ và rất sắc bén, có ánh sáng phản chiếu trong miệng.

16. Sắc mặt của Sa-môn Cù-đàm tươi sáng rực rỡ như tấm gương sáng.

17. Khuôn mặt của Sa-môn Cù-đàm trên dưới, rộng hẹp đều rất tương xứng.

18. Khuôn mặt của Sa-môn Cù-đàm tươi đẹp như vầng trăng tròn.

19. Khuôn mặt của Sa-môn Cù-đàm uy nghiêm thù thắng, ai nhìn cũng thích.

20. Thân thể của Sa-môn Cù-đàm sạch sẽ, bụi trần không làm dơ.

21. Thân thể của Sa-môn Cù-đàm trong sạch, mềm mại, như tấm lụa, trắng như hoa, xanh tươi rực rỡ.

22. Thân Sa-môn Cù-đàm cao lớn, ngay thẳng như cờ Đế Thích.

23. Các vằn chỉ trên thân Sa-môn Cù-đàm có tướng phước đức siêu việt.

24. Thân thể Sa-môn Cù-đàm mềm mại, trơn láng như bôi dầu.

25. Thân thể Sa-môn Cù-đàm to nhỏ như cây chúa Ni-câu thẳng

thẳng, tròn trịa.

26. Các tướng tốt trên thân Sa-môn Cù-đàm người không thể chê được.

27. Sức mạnh của Sa-môn Cù-đàm không ai địch nổi, như Na-la-diên.

28. Sa-môn Cù-đàm dung mạo, cử chỉ rất uy nghi, tiến hoặc lùi đều có phép tắc.

29. Các tướng tốt ở trên thân Sa-môn Cù-đàm, tất cả chúng sinh thích ngắm không nhàm chán.

30. Các hình tướng trên thân Sa-môn Cù-đàm, các chúng sinh ác trông thấy sẽ sinh tâm vui mừng.

31. Bước đi của Sa-môn Cù-đàm rất uy nghiêm, chúng sinh nhìn không biết chán.

32. Sa-môn Cù-đàm mỗi khi xoay người lại nhìn giống như voi chúa.

33. Sa-môn Cù-đàm cử động thân thể hiện tướng uy nghi như sư tử chúa.

34. Thân Sa-môn Cù-đàm vững vàng luôn ổn định.

35. Thân tướng Sa-môn Cù-đàm cao lớn không thể đo lường được.

36. Thân Sa-môn Cù-đàm cao lớn, không có tướng thấp nhỏ.

37. Vầng ánh sáng khắp trên thân Sa-môn Cù-đàm tỏa ra với chu vi một trượng.

38. Thân Sa-môn Cù-đàm có các tướng ánh sáng chiếu soi khắp mười phương.

39. Sa-môn Cù-đàm thân tướng tôn quý, người thấy đều quy phục.

40. Da của Sa-môn Cù-đàm mịn màng, thường có ánh sáng.

41. Da của Sa-môn Cù-đàm trơn láng bằng phẳng, không có tướng già nhăn.

42. Ánh sáng trên thân Sa-môn Cù-đàm chiếu đến thì mắt chúng sinh không dám nhìn thẳng.

43. Thân Sa-môn Cù-đàm sáng tỏ, ban ngày cũng như ban đêm.

44. Những lỗ chân lông trên thân Sa-môn Cù-đàm tiết ra mùi thơm vi diệu.

45. Tướng mạo và uy đức của Sa-môn Cù-đàm vượt hẳn thế gian.

46. Các đường gân, mạch máu trên thân Sa-môn Cù-đàm ẩn sâu,

không lộ ra.

47. Các đốt xương của Sa-môn Cù-đàm nối liền nhau như mắt xích.

48. Lông trên thân Sa-môn Cù-đàm nhỏ nhắn, mịn màng và tất cả đều xoáy về bên phải.

49. Lông trên thân Sa-môn Cù-đàm có màu sắc sáng rực rỡ như vàng Diêm-phù-đề.

50. Sa-môn Cù-đàm chân tay có màu sắc đỏ trắng như hoa.

51. Tay chân Sa-môn Cù-đàm tươi tắn, sạch sẽ và luôn luôn mềm mại.

52. Mười ngón tay Sa-môn Cù-đàm nhỏ thon, dài rất đẹp.

53. Mắt cá chân của Sa-môn Cù-đàm không lộ ra, ngang bằng không cao, không thấp.

54. Xương đùi của Sa-môn Cù-đàm cứng dài trên dưới đều đầy đặn đẹp.

55. Tay chân Sa-môn Cù-đàm đều đặn không cao thấp.

56. Các ngón tay của Sa-môn Cù-đàm mềm mại, trong ngoài đều nắm được.

57. Các đường chỉ trong bàn tay Sa-môn Cù-đàm nhỏ, hiện rất rõ và kín đáo.

58. Chỉ tay Sa-môn Cù-đàm ngay thẳng rõ ràng.

59. Chỉ tay của Sa-môn Cù-đàm không đứt đoạn.

60. Móng tay Sa-môn Cù-đàm mỏng, láng bóng và có màu sắc như đồng đỏ.

61. Sa-môn Cù-đàm đứng ngay thẳng, vững vàng không nghiêng ngửa.

62. Sa-môn Cù-đàm đứng rất vững vàng, không ai có thể lay chuyển được.

63. Thân Sa-môn Cù-đàm cử động có uy lực giống như sư tử chúa.

64. Sa-môn Cù-đàm quay thân lại nhìn giống như voi đại chúa.

65. Bước đi của Sa-môn Cù-đàm thẳng thắng không xiêu vẹo.

66. Bước đi của Sa-môn Cù-đàm bình thản như voi chúa.

67. Sa-môn Cù-đàm mỗi khi nhấc bước chân đi như ngỗng trắng chúa.

68. Sa-môn Cù-đàm bước đi không chạm đất, nhưng thân tướng in rõ trên đất.

69. Sa-môn Cù-đàm chín lỗ đầy đủ và đều.

70. Bụng của Sa-môn Cù-đàm nhỏ, không lộ ra.

71. Lỗ rốn của Sa-môn Cù-đàm sâu và tròn.

72. Âm thanh của Sa-môn Cù-đàm hòa nhã lớn nhỏ đều hay.

73. Tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm rất vi diệu, vang xa, ai nghe cũng đều hiểu được.

74. Giọng nói của Sa-môn Cù-đàm tùy theo ý nghĩ của chúng sinh khi nghe đều được vui vẻ.

75. Giọng nói của Sa-môn Cù-đàm tùy theo phương hướng, không tăng không giảm.

76. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp đúng lúc, đúng trình độ không sai.

77. Sa-môn Cù-đàm có khả năng nói theo tiếng của địa phương ở khắp mọi nơi.

78. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp bằng một thứ tiếng mà khiến cho tất cả mọi loài khác nhau đều hiểu được.

79. Sa-môn Cù-đàm tùy theo nhân duyên thứ tự thuyết pháp.

80. Giữa ngực Sa-môn Cù-đàm có chữ vạn biểu hiện tướng công đức.

Đại vương nên biết! Đó gọi là Sa-môn Cù-đàm thành tựu thân tướng công đức, với tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm. Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, các Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và các ngoại đạo không ai có được như thế, vì vậy, ta nói không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Đại vương nghe ta nói
Phật tám mươi vẻ đẹp
Đó là các tướng tốt
Trang nghiêm thân Cù-đàm.
Móng tay Ngài tròn đẹp
Hình như nửa ống trúc
Màu đồng đỏ tuyệt vời
Sáng tươi như bôi dầu,
Thịt giữa ngón bằng phẳng
Thứ tự rất đều nhau
Chỉ tay đều ngay thẳng
Sâu nhỏ tướng rõ ràng,
Mạch sâu không tướng khác
Môi đỏ quả Tần-bà
Chân khéo trụ đều nhau

Cho nên thường an ổn.
Mắt cá ẩn không hiện
Cao thấp khó phân biệt
Trong tay phát ánh sáng
Biểu hiện tướng công đức.
Tướng lưỡi rất mềm mại
Như lụa hoa trời mới
Mỏng như lá đồng đỏ
Sắc sáng thường tươi tắn.
Các đốt xương ẩn sâu
Diệu tướng thật khó thấy
Hai tay quá đầu gối
Trời, người đều khen ngợi.
Tiếng diệu vang rất xa
Giống như rồng chúa lớn
Như mưa sấm giữa trời
Tiếng vi diệu vượt hơn.
Cù-đàm thân trăng tròn
Hợp với thật tướng tinh
Hình đẹp rất đoan nghiêm
Trên dưới đều tròn đầy.
Dứt hẳn thân tướng xấu
Đầy đủ các công đức
Ngực nở như Sư tử
Mỗi tướng đẹp khác nhau.
Tay chân ánh sáng đẹp
Da như màu vàng tươi
Cho nên các công đức
Mỗi đức không thể chê.
Thân tướng đẹp thứ tự
Lìa các tướng thô xấu
Tướng rốn tròn và thẳng
Lỗ sâu không quanh co,
Tất cả các phần thân
Công đức tụ hợp thành
Các hạnh đều thanh tịnh
Sáng sạch lìa tối dơ.
Thân công đức như thế

Thiện đủ không nghi ngờ
Vì vậy các thế gian
Thích nhìn không nhàm chán.
Đứng dậy như rồng chúa
Mạnh mẽ động hang sâu
Bước đi như trâu chúa
Uy như sư tử chuyển.
Thân tướng rất mềm mại
Khớp xương không rời nhau
Bước tới như ngỗng chúa
Không mau cũng không chậm.
Bụng thon không lộ ra
Sườn mềm mại bằng phẳng
Lông sáng bóng xuôi phải
Ánh sáng như điện chớp.
Bước đi tới hoặc lui
Các tướng hiện điềm lành
Lìa các màu đen tối
Không có nốt ruồi xấu.
Mày như trăng đầu tháng
Cũng như vàng đen huyền
Mắt trong không đục dơ
Mắt lớn sáng như sao.
Miệng Ngài vuông tròn đẹp
Tiếng hay phát âm hòa
Các tướng vượt quần sinh
Lìa những dây phiền não.
Lông mày rất tươi đẹp
Mũi thẳng ống treo ngược
Hai mắt lớn và dài
Như cánh hoa sen xanh,
Mi đều giáp liền nhau
Tướng tròn đầy như khuôn
Răng dài sắc đều nhau
Răng sáng tỏa trong miệng,
Lông thân ngang bằng nhau
Cổ, họng không cao thấp
Cho nên tướng Cù-đàm

Người, trời không bằng được.
Đầu tròn như chiếc dù
Xương trên đỉnh ngang bằng
Da trán không nhăn nheo
Như viên ngọc thật tròn.
Lông Cù-đàm mịn màng
Không rối, không phân tán
Uyển chuyển xoáy về phải
Thường xuất tỏa hương thơm,
Lông Cù-đàm tươi sạch
Trần cấu không thể nhiễm
Như lưu ly trong sáng
Không bị vẫy bùn dơ,
Lông Cù-đàm đầy đủ
Từng sợi thứ tự mọc
Như cây cỏ Lăng chỉ
Đều mịn không rối nhau,
Lông Cù-đàm mềm mại
Như lông bụng ong chúa
Lìa tướng bệnh yếu già
Tóc đen không đổi trắng.
Ngực Cù-đàm nở nang
Giống như sư tử vương
Như voi, như lộng cao
Cũng như mốc Kim cang,
Như bình vàng đứng thẳng
Như bức tranh cuốn tròn
Như hoa Bát-đầu-ma
Như ngọc công đức trời,
Như ngồi xếp kiết già
Mỗi mỗi trong các đốt
Sức như Na-la-diên
Vì vậy, vượt thế gian.
Cù-đàm, ngực chữ vạn
Đầy đủ ngàn căm xe
Tay chân tướng không khác
Ngàn căm không khác nhau,
Chủ nhân chính là đây

Các tiểu tướng Cù-đàm
Nhị thừa và ngoại đạo
Trời người đều không bằng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu thân với các tướng đẹp như thế. Tất cả chúng sinh không ai có được như vậy, nên ta nói Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu năng lực tâm đại Từ, có thể làm đến lợi ích rất lớn cho tất cả chúng sinh, không có tâm hại. Tâm đại Từ ấy không bị ngăn ngại, không bị cách trở, luôn luôn vận hành, tự nhiên tỏa chiếu khắp các cảnh giới trong thế gian, đi thẳng vào phiền não sử của các chúng sinh.

Đại vương nên biết! Giống như nước trong sạch, nhờ ngọc báu Ma-ni, vì bản chất của nó làm trong sạch nước, tự nó là trong sáng mà làm cho tất cả nước đục thành trong. Cũng vậy, nước tâm đại Từ, tự thân thanh tịnh, lại có khả năng làm cho thanh tịnh tất cả nước đục kiến chấp, bùn phiền não của tất cả chúng sinh. Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu rộng lớn như thế, nên ta nói Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Cù-đàm đại Từ bi
Xem khắp mười phương cõi
Tâm đối các chúng sinh
Không lúc nào rời bỏ,
Nên gọi Phật Thế Tôn
Thành tựu tâm đại Bi
Vì thế, Nhất thiết trí
Không có những lỗi lầm.
Như nước trong sạch kia
Ngọc như ý ma-ni
Tự thể vốn sáng trong
Làm sạch các nước đục,
Cũng vậy, Đức Cù-đàm
Tự tánh lìa cấu bẩn
Dùng nước tâm đại Từ
Sạch tâm nhơ chúng sinh.

Đại vương nên biết! Đối với chúng sinh, Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu ba mươi hai quán tâm đại Bi.

Ba mươi hai quán tâm đó là:

1. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi vào chỗ tối tăm, ngu si, nên khởi tâm Từ bi.

2. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi vào sự ràng buộc của vô minh, nên khởi tâm đại Bi.

3. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị rơi vào nơi rất nguy hiểm trong thế gian, nên khởi tâm đại Bi.

4. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh từ bỏ chốn tịch tịnh, đi theo thế gian, nên khởi tâm đại Bi.

5. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi xuống thác dữ, trôi theo dòng, nên khởi tâm đại Bi.

6. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi vào chốn điên đảo, nguy hiểm đau khổ tột cùng, nên khởi tâm đại Bi.

7. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh đi theo đường ác, từ bỏ Thánh đạo, nên khởi tâm đại Bi.

8. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị dây phiền não lớn trói buộc và luôn luôn bị các lưới phiền não vây bủa, nên khởi tâm đại Bi.

9. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh ở trong các cảnh giới thường không đầy đủ, không thỏa mãn, nên khởi tâm đại Bi.

10. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị các ái nhiễm làm chủ, không được tự tại, nên khởi tâm đại Bi.

11. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường bị khổ đau lớn của già, chết dày vò, nhưng không sinh nhàm chán, nên khởi tâm đại Bi.

12. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh không thoát khỏi bệnh tật, thường bị đau khổ bởi những căn bệnh hành hạ, nên khởi tâm đại Bi.

13. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị ba ngọn lửa thiêu đốt suốt ngày đêm, không bao giờ dừng nghỉ, nên khởi tâm đại Bi.

14. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị trói buộc trong nghề nghiệp thấp hèn làm tăng trưởng sự khổ đau ở thế gian, nên khởi tâm đại Bi.

15. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường ôm lòng sợ hãi không an ổn, nên khởi tâm đại Bi.

16. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị lợi nhỏ cám dỗ mà quên đi họa lớn, nên khởi tâm đại Bi.

17. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị say sưa theo những điều buông lung, không biết rắn độc từ xưa đang ngủ trong tâm, trên đường, đồng trống; thường bị oan gia năm ấm theo đuổi, nên khởi tâm đại Bi.

18. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường bị các triền cái cướp đoạt tài sản thiện, nên khởi tâm đại Bi.

19. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị vô minh che mắt, thường mờ mịt không thấy được bậc thiện tri thức, nên khởi tâm đại Bi.

20. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường bị mọi việc làm rối loạn tâm, giống như tơ rối không ai gỡ ra được, nên khởi tâm đại Bi.

21. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường ở chỗ ồn ào náo nhiệt, xa lìa nơi tịch tĩnh, nên khởi tâm đại Bi.

22. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường ở chỗ hoạn nạn, lìa chốn bình an, nên khởi tâm đại Bi.

23. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị tà kiến trói buộc, nên khởi tâm đại Bi.

24. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi vào sự cám dỗ của miếng mồi ngon, nương theo tà kiến sử, nên khởi tâm đại Bi.

25. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh ở trong đêm dài chấp tưởng điên đảo, tâm điên đảo; ở trong pháp vô thường mà khởi ý tưởng là thường, ở trong pháp đau khổ khởi ý tưởng là vui; ở trong pháp bất tịnh sinh ý tưởng là tịnh, ở trong pháp vô ngã mà sinh ý tưởng là ngã, nên khởi tâm đại Bi.

26. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh từ vô thỉ đến nay phải nhận lấy việc sinh tử, gánh vác những điều ác xa, chịu đau khổ vô cùng mà không hề mỏi mệt, nên khởi tâm đại Bi.

27. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh nương theo thế gian, sức lực yếu kém, chẳng phải vững chắc mà cho là vững chắc, nên khởi tâm đại Bi.

28. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị nhiễm ô làm bẩn, thường ở trong vô số những cấu uế, nên khởi tâm đại Bi.

29. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị sự tham ái trói buộc, không biết nhàm chán xa lìa, nên khởi tâm đại Bi.

30. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh bị các việc cúng dường, cung kính chinh phục mà thường mong cầu của cải và các vật cúng dường, nên khởi tâm đại Bi.

31. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh thường bị các cảnh giới trói buộc, sinh tâm lo âu và bực bội, nên khởi tâm đại Bi.

32. Sa-môn Cù-đàm thấy các chúng sinh rơi vào chỗ kiêu căng, ngã mạn, nên khởi tâm đại Bi.

Đại vương nên biết! Đó là Sa-môn Cù-đàm đối với chúng sinh đã thành tựu hoàn toàn ba mươi hai tâm quán đại Bi. Cho nên ta nói Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Cù-đàm thấy chúng sinh
Nhốt trong ngục thế gian
Luân chuyển đi các cõi
Thường chịu mọi đau khổ,
Ngu tối che tâm họ
Không biết sinh chán lìa
Cho nên Vô Thượng Tôn
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Ưa đắm các thế gian
Bốn dòng trời về đâu?
Trôi xuôi không trở lại,
Thường chìm biển sinh tử
Không biết cầu ra khỏi
Cho nên Đấng Mười Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Rơi vào hiểm họa lớn
Đi theo con đường tà
Không có người cứu giúp,
Cho nên Cù-đàm quán
Phát khởi tâm đại Bi
Dẫn đến Bồ-đề Phật
Chỗ tối thắng không sợ.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Bị trói trong lao ngục
Làm tôi tớ cho ái
Sai đi các cảnh giới,
Trôi lăn biển già chết

Không hay biết gì cả
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Đốt mạnh ba loại lửa
Thường ở các đường ác
Bao điều khổ hành hạ,
Rất sợ các đường ác
Không có nơi nương tựa
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Ưa đắm trong các cõi
Tâm tự do buông thả
Tham đắm các cảnh giới,
Thường bị mọi điều hại
Nhưng không sinh sợ hãi
Cho nên Đấng Mười Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Vô minh tăm tối che
Các thứ lộng che chắn,
Không lìa khỏi triền cái
Tà kiến rối như tơ
Không có người tháo mở
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Rơi vào đường tà kiến
Vì ở chỗ ái lâu
Tâm thường bị trói buộc,
Trong các nạn như thế
Thích thú không nhàm chán
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Khởi lên tâm điên đảo
Ở trong khổ bất tịnh

Sinh vui ý tưởng tịnh,
Trong vô thường vô ngã
Lại cho thật ngã thường
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Nương theo sức yếu kém
Thường mang vác nặng nhọc
Không sinh tâm chán lìa,
Khởi ý tưởng cố chấp
Đắm nhiễm không buông bỏ
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Ở trong biển tham ái
Lợi dưỡng che mất tâm
Thường cầu cảnh giới dục,
Tâm tham như lửa rừng
Cháy mãi không dừng nghỉ
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm thấy chúng sinh
Tạo đủ mọi nghiệp khổ
Thường bị mọi buồn bực
Khổ đau dày xéo mãi,
Vì cứu chúng sinh kia
Các phiền não làm hại
Cho nên Đấng Thập Lực
Thường khởi tâm đại Bi.
Cù-đàm luôn quán sát
Tất cả giới chúng sinh
Thường khởi tâm đại Bi
Cho nên không tội lỗi.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu ba niệm xứ.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những gì là ba niệm xứ của Như Lai?

Đáp:

–Này Đại vương! Đó là tâm không vui, tâm không giận và tâm không giận không vui.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm không vui?

Đáp:

–Đại vương! Tâm không vui tức là khi Sa-môn Cù-đàm ở trong nội chúng thuyết pháp, nếu có chúng sinh với thân tâm đoan chánh cung kính, im lặng nghe, tùy thuận tiếp nhận lời dạy và theo lời dạy tu hành, thì đối với chúng sinh này, Sa-môn Cù-đàm cũng không sinh tâm vui mừng, không thích thú, không hớn hở. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có tâm xả, bình đẳng an trụ trong nhất tâm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm không giận?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm ở trong chúng thuyết pháp. Nếu có chúng sinh thân không cung kính, không chuyên tâm lắng nghe, quay lòng lại với Thánh giáo, thực hành không đúng lời dạy, thì đối với chúng sinh này Sa-môn Cù-đàm cũng không tức giận, chỉ khởi tâm nhẫn, không sinh tâm không tin, cũng không sinh tâm nghĩ người kia không nghe theo lời dạy của mình. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đã có tâm xả, bình đẳng và an trụ trong nhất tâm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tâm không giận, không vui?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm ở trong chúng thuyết pháp. Trong chúng ấy, có người thân nghiêm chỉnh cung kính, lắng tai nghe, tùy thuận ghi nhớ lời dạy và theo lời dạy để tu hành; hoặc có người không cung kính, để ngoài tai, quay lưng với Thánh giáo, không tu hành như pháp. Đối với hai hạng người này, Sa-môn Cù-đàm không sinh tâm vui mừng, thích thú, hớn hở và cũng không sinh tâm giận, không khởi tâm bất nhẫn, không khởi tâm không tin, cũng không nghĩ rằng người kia trái với lời dạy của ta. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đã có tâm xả, bình đẳng và an trụ trong nhất tâm. Đại vương! Sa-môn Cù-đàm trụ tâm vào ba niệm này, không ô nhiễm. Cho

nên ta nói, Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Cù-đàm khi thuyết pháp
Người nhất tâm tiếp nhận
Thường trụ ở chánh niệm
Không khởi tâm vui mừng.
Cù-đàm khi thuyết pháp
Người không lắng tâm nghe
Thường trụ ở chánh niệm
Cũng không khởi tâm giận.
Cù-đàm khi thuyết pháp
Người nghe hay không nghe
Thường trụ ở bình đẳng
Không giận cũng không vui.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu ba nghiệp không giữ gìn.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Như Lai hoàn toàn thành tựu ba nghiệp không giữ gìn là những gì?

Đáp:

–Đại vương! ba nghiệp đó là:

1. Không cần giữ gìn thân nghiệp.

2. Không cần giữ gìn khẩu nghiệp.

3. Không cần giữ gìn ý nghiệp.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là không cần giữ gìn thân nghiệp?

Đáp:

–Đại vương! Những hành động về thân của Sa-môn Cù-đàm đều thanh tịnh. Sa-môn Cù-đàm không có các hạnh bất tịnh. Cho nên Sa-môn Cù-đàm không nghĩ rằng, hành động về thân của ta bất tịnh, sợ người khác biết nên khởi tâm giữ gìn đề phòng. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm không có hành động về thân bất tịnh. Đó là không giữ gìn thân nghiệp thứ nhất.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là không giữ gìn khẩu nghiệp?

Đáp:

–Đại vương! Miệng của Sa-môn Cù-đàm thanh tịnh. Sa-môn Cù-đàm là người có khẩu nghiệp thanh tịnh, cho nên không nghĩ rằng hành động của miệng là bất tịnh, sợ người khác biết nên giữ gìn đề phòng. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có khẩu nghiệp thanh tịnh. Đó là không cần giữ gìn khẩu nghiệp thứ hai.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là không cần giữ gìn ý nghiệp?

Đáp:

–Đại vương! Ý nghiệp của Sa-môn Cù-đàm thanh tịnh. Sa-môn Cù-đàm là người có ý nghiệp thanh tịnh, cho nên Sa-môn Cù-đàm không nghĩ rằng ý nghĩ của là bất tịnh, sợ người khác biết nên khởi tâm đề phòng giữ gìn. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có ý nghiệp thanh tịnh. Đó là không cần giữ gìn ý nghiệp thứ ba.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu ba việc không cần giữ gìn nghiệp. Cho nên ta nói Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Ba nghiệp của Cù-đàm
Lìa vọng và vô úy
Cho nên thường thanh tịnh
Ra đời hộ thế giới,
Vì các chúng đệ tử
Tâm bình đẳng thuyết pháp
Người có lỗi thì bỏ
Người không lỗi khiến giữ.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Sa-môn Cù-đàm, có bốn thứ.

1. Thân Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

2. Quán Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

3. Tâm Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

4. Trí Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là Thân Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Thân Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Sa-môn Cù-đàm là lìa các phiền não; tất cả những tập khí đều chấm dứt không còn nữa, tùy ý muốn hay xả, sinh khởi hay thoái lui, ở trong tất cả mọi nơi thân được tự tại. Đó là Thân Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là Quán Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Như Lai.

Đáp:

–Đại vương! Quán Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Sa-môn Cù-đàm là đối với thân ứng hóa đã lìa khỏi tất cả phiền não và tập khí phiền não, chấm dứt không còn sự luân chuyển chìm nổi, trong các quán được tự tại. Đó là Quán Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là Tâm Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tâm Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Sa-môn Cù-đàm là đã xa lìa hết tất cả phiền não, tập khí phiền não và tâm nhiễm ô, tâm được tự tại, chứa đầy đủ các thiện căn. Đó là Tâm Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là Trí Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Trí Nhất thiết chủng trí thanh tịnh của Sa-môn Cù-đàm là tất cả các phần vô minh và các phiền não và tập khí phiền não đều đã dứt trừ không còn nữa, được tự tại trong các pháp, không còn chướng ngại. Đó là Trí Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu Nhất thiết chủng trí thanh tịnh như thế. Cho nên ta nói, Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Cù-đàm Nhất thiết trí
Nương theo bốn tịnh pháp
Cho nên thấy vô cấu
Trí tuệ thân tự tại
Cù-đàm tuệ thanh tịnh
Đầy đủ bốn loại trí
Phiền não tập khí diệt
Cho nên không lỗi lầm.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 7

Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 2)

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Như Lai tự tại như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm có mười sự tự tại.

1. Mạng tự tại.
2. Tâm tự tại.
3. Vật tự tại.
4. Nghiệp tự tại.
5. Sinh tự tại.
6. Như ý tự tại.
7. Tín tự tại.
8. Nguyện tự tại.
9. Trí tự tại.
10. Pháp tự tại.

Đại vương nên biết! Được cam lồ thượng diệu, nên gọi là Thọ mạng tự tại. Có thể biết tất cả chỉ trong một tâm, nên gọi Tâm tự tại. Ở trong hư không nắm được trân báu gọi là Vật tự tại. Xa lìa tất cả phiền não và tập khí vô minh các sử gọi là Nghiệp tự tại. Ở trong thiền định sâu xa, giải thoát Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, tùy ý vận hành, đó gọi là Sinh tự tại. Đối với tất cả mọi hành động thực hành một cách tự nhiên gọi là Như ý tự tại. Ở trong các nhập đạt được quán tự tại gọi là Tín tự tại. Khi mới vừa khởi tâm thì ngay lúc đó thành tựu tất cả mọi việc, đó gọi là Nguyện tự tại. Ba nghiệp thân, khẩu, ý lấy trí làm căn bản nên gọi là Trí tự tại. Hiện tại trụ trong pháp giới bình đẳng, chân như thật tế vô cấu đó là Pháp tự tại.

Đại vương nên biết! Xa lìa sát sinh, không có tâm giận hại, đó là nhân của Mạng tự tại. (1) Tâm bình đẳng, xả bỏ tất cả sự vật, cầu đại Bồ-đề, đó là nhân của Vật tự tại. Hành động của ba nghiệp thanh tịnh không nhiễm ô, đó là nhân của Nghiệp tự tại. Dùng tâm Bồ-đề giữ gìn các thiện căn, đó là nhân của Sinh tự tại. Xả bỏ tất cả những sự cúng dường, cung kính, lễ bái, khen ngợi mà bố thí như voi ngựa, xe cộ cho chúng sinh, đó là nhân của Như ý tự tại. Thường nói về Tam bảo, giáo hóa chúng sinh, đó là nhân của Tín tự tại. Tùy theo sự mong cầu của tất cả chúng sinh để đáp ứng kịp thời cho họ, đó là nhân của Nguyện tự tại. Thường thực hành bố thí pháp, không vì lợi dưỡng, tiếng tăm và sự cung kính, đó là nhân của Trí tự tại. Thường vì chúng sinh nói về lấy Pháp thân bình đẳng như của các chúng sinh và các Đức Như Lai làm thể, chứ không phải thân ăn uống, đó là nhân của Pháp tự tại.

Đại vương nên biết! Đạt được Thọ mạng tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về sinh tử. Đạt được Tâm tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về phiền não. Đạt được Vật tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về nghèo khổ. Đạt được Hành động tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về đường ác. Đạt được Sinh tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về trói buộc của sinh. Đạt được Như ý tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về sự truy cầu. Đạt được Tín tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về sự hủy báng pháp. Đạt được Nguyện tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về sự trói buộc của tâm niệm. Đạt được Trí tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi về ngu si. Đạt được Pháp tự tại để đối trị tất cả nỗi sợ hãi ở trong đại chúng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu sự tự tại như thế, cho nên ta nói Sa-môn Cù-đàm không có lỗi lầm.

Rồi nói kệ rằng:

Cù-đàm tu chánh hạnh
Vì lợi các quần sinh
Nên đối với các pháp
Tất cả được tự tại.
Nghĩ hộ các chúng sinh
Không hành tâm giết, trộm
Bởi thế với tài mạng
Sinh đâu cũng tự tại.

---

[1] Bản Hán không có "Nhân của Tâm tự tại".

Thường hành thiền, thí pháp
Dứt hẳn các nhân ác
Nghiệp tâm không chướng ngại
Sinh nơi thường tự tại.
Thường nghĩ gốc Bồ-đề
Tâm không buồn chúng sinh
Khen ngợi phước Tam bảo
Lợi ích khắp chúng sinh,
Ba nghiệp hành theo trí
Tâm thường trụ pháp giới
Sinh nơi Ý, Tánh, Nguyện
Trí, Pháp thường tự tại.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu pháp ba mươi bảy phẩm Bồ-đề phần, đó là: Bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần và tám Thánh đạo.

Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu pháp thanh tịnh như thế. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Niệm xứ của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn Niệm xứ của Sa-môn Cù-đàm là:

1. Thân niệm xứ.

2. Thọ niệm xứ.

3. Tâm niệm xứ.

4. Pháp niệm xứ.

Đại vương nên biết! Thân niệm xứ của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là quán chiếu trong thân, ngoài thân và trong ngoài thân. Ngay ở thân này khởi lên hai cách quán: Một là quán bất tịnh, hai là quán tịnh.

Quán bất tịnh là quán sát thân này không thanh tịnh, đầy dẫy ô uế, dối gạt phàm phu.

Quán tịnh là suy nghĩ rằng, nay ta nhờ thân bất tịnh này mà được thân thanh tịnh của Phật, được pháp thân thanh tịnh, được thân công đức thanh tịnh, được thân mà tất cả chúng sinh thích nhìn.

Quán như thế rồi, biết thân thanh tịnh có hai hạnh; đó là vô thường và thường.

Thế nào là vô thường? Quán rồi, không vì tấm thân này mà tạo những nghiệp ác, mưu sống bằng tà mạng. Vì thân này tu tập ba pháp kiên cố: Một là tu thân vững chắc; hai là tu mạng vững chắc; ba là tu tài của vững chắc.

Quán như thế rồi, xa lìa tất cả mọi sự quanh co về thân, khẩu và ý, làm theo tâm chánh trực.

Thế nào là thường? Quán vô thường rồi được thân thường. Nhân vô thường nên đạt được thân công đức. Nhờ vô thường nên không đoạn hạt giống Phật, Pháp, Tăng. Vì sao? Tu Thân niệm xứ, quán sát tất cả thân chúng sinh rốt ráo được thành tựu Pháp thân chư Phật. Vì có Pháp thân nên khi khởi quán chiếu đạt được tâm bình đẳng, không có tâm phân biệt; không khởi các lậu; nghĩa là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu; không thấy có ngã và ngã sở, trụ ở cảnh giới như thật, thành Nhất thiết trí. Đó gọi là Thân niệm xứ.

Đại vương nên biết! Thọ niệm xứ của Sa-môn Cù-đàm, nghĩa là quán nội cảm thọ, ngoại cảm thọ và nội ngoại cảm thọ. Ở trong sự cảm thọ đó khởi lên hai cách quán: thường và vô thường. Khởi tâm Từ bi quán các chúng sinh. Nếu khi cảm thọ vui thì sinh tâm tham đắm, còn khi cảm thọ khổ đau thì sinh tâm sân hận. Nếu khi thọ nhận cái cảm thọ không khổ, không vui thì sinh tâm si. Ta suy nghĩ rằng: "Hễ có cảm thọ đều đau khổ". Người muốn an lạc hoàn toàn phải đoạn dứt mọi cảm thọ, tức là thường lạc, tùy chỗ thọ sinh và thường sinh lòng Từ bi. Nếu khi thọ nhận cảm thọ vui của mình hay cảm thọ vui của người thì phải xa lìa tâm nhiễm ô và sinh tâm Từ bi. Nếu khi thọ khổ nên quán chiếu ba đường ác, xa lìa tâm sân hận và sinh tâm Từ bi. Nếu khi thọ cái cảm thọ không khổ, không vui, thì xa lìa tâm vô minh, phát sinh tâm xả. Quán chiếu tất cả mọi cảm thọ đều vô thường, khổ và vô ngã. Khi thấy người thọ vui liền biết là khổ. Khi thấy người thọ khổ thì biết như ung nhọt, lở loét. Khi thấy người thọ cái cảm thọ không khổ không lạc là không phải tịch tịnh. Quán thọ lạc liền biết vô thường; quán khổ liền biết là không; quán thọ không khổ, không vui liền biết là vô ngã. Người quán như thế gọi là Thọ niệm xứ.

Đại vương nên biết! Tâm niệm xứ của Sa-môn Cù-đàm, nghĩa là quán nội tâm, ngoại tâm và nội ngoại tâm. Ở trong tâm khởi lên hai cách quán: thường và vô thường. Quán thường là quán tánh Bồ-đề của tự thân, không quên, không mất, chánh niệm không loạn, quán tâm như thế. Lại quán chỗ phát tâm Bồ-đề, tánh của tâm là sinh rồi liền diệt, niệm niệm

không dừng; không ở nội nhập, không ở ngoại nhập và không ở nội ngoại nhập; không ở trong ấm, không ở trong giới. Lúc này, khởi suy nghĩ: duyên tâm như thế là khác hay không khác. Nếu tâm khác duyên thì trong lúc ấy sẽ có hai tâm. Nếu tâm là duyên thì không được trở lại quán ở tự tâm. Cũng như đầu ngón tay không tự tiếp xúc. Cũng vậy, tâm khởi quán rồi, thấy tâm không trụ, vô thường và biến đổi thì mới biết rằng, tâm này chẳng phải từ duyên sinh, không phải không từ duyên sinh, không thường, không đoạn, không trong, không ngoài, không có, không không. Tâm Bồ-đề cũng vậy. Nó là tâm chẳng phải sắc nên không thể thấy được, như huyễn, như hóa, không có chướng ngại. Tự quán tâm rồi, quán tâm tánh của tất cả các chúng sinh, cũng như tánh tâm của chính mình, như tướng tâm của chính mình thì tánh tâm và tướng tâm của tất cả chúng sinh cũng đều như vậy. Biết tự tâm vốn không thì tâm tất cả chúng sinh cũng đều không. Tự quán tâm bình đẳng và quán tâm bình đẳng của các chúng sinh cũng đều như vậy. Đó gọi là Tâm niệm xứ.

Đại vương nên biết! Pháp niệm xứ của Sa-môn Cù-đàm, nghĩa là quán nội pháp, ngoại pháp và nội ngoại pháp. Ở trong pháp ấy khởi lên hai cách quán: thường và vô thường. Thường là dùng Phật nhãn để thấy tất cả các pháp, cho đến lúc ngồi trong đạo tràng chưa từng mất. Khi quán các pháp không thấy có một pháp nào, dầu cho tất cả các tướng vi tế cũng không lìa Không, Vô tướng, Vô nguyện; không tạo tác, không sinh, không diệt, không vật. Không thấy tất cả pháp cho đến một tướng vi tế, mà không nằm trong mười hai duyên khởi. Thấy pháp, phi pháp đều là pháp.

Thế nào là pháp? Nghĩa là không có ta, không có chúng sinh, không có thọ mạng và không có người, đó gọi là pháp.

Thế nào là phi pháp? Nghĩa là thấy có ta, thấy có chúng sinh, thấy có thọ mạng, thấy có người, thấy đoạn, thấy thường, thấy có và thấy không, đó gọi là phi pháp.

Sa-môn Cù-đàm thấy tất cả pháp là pháp và phi pháp. Vì sao? Quán Không, Vô tướng và Vô nguyện, đó gọi là tất cả pháp là pháp. Quán ngã mạn, kiêu mạn, ngã và ngã sở, bao gồm các kiến hoặc, đó gọi là quán tất cả pháp là phi pháp. Khởi quán chiếu tánh các pháp như thế rồi, không thấy pháp nào mà chẳng phải là nhân Bồ-đề, chẳng phải là nhân đạo xuất thế, chắc chắn là pháp xuất thế. Nếu không như vậy mà cầu các pháp thì gọi là diệt pháp. Nhưng người xuất ly từ duyên, diệt cũng từ duyên.

Khi quán như thế thì phải quán ba hạnh: hạnh ác, hạnh thiện và hạnh bất động. Ở trong ba hạnh này thường thực hành hạnh phước; thực hành mười thiện pháp làm thanh tịnh ba nghiệp. Thanh tịnh thân nghiệp vì cầu ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp chư Phật, người khác không thể hại. Thanh tịnh khẩu nghiệp thì khi thuyết pháp chúng sinh thích nghe. Thanh tịnh ý nghiệp, tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, thường nhập vào thiền định. Dùng phương tiện như vậy để quán chiếu Pháp niệm xứ, lìa bỏ tất cả những sự chướng ngại làm cấu nhiễm Bồ-đề; không chấp thường kiến, không rơi vào đoạn kiến, thực hành trung đạo kiến. Trung đạo như vậy thì trí tuệ thế gian không thể thấy được, không thể tuyên thuyết và không thể chỉ bày, không có tướng trạng, không có cảnh sắc, không có chỗ, không lấy và không bỏ mà thanh tịnh vắng lặng. Không thể dùng mắt để thấy, cho đến không thể tiếp xúc, cũng không có chỗ đến, không ở tại thế gian, không ra khỏi thế gian, không thể tuyên thuyết; chẳng nhiều, chẳng ít; chẳng thường, chẳng đoạn; chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng; chẳng phải giác, chẳng phải không giác; không hư, không thật; không đây, không kia; chẳng có chẳng không; không hữu vi, không vô vi; chẳng phải hạnh, chẳng phải phi hạnh; không sinh không diệt; không Niết-bàn không tác pháp. Đó gọi là Trung đạo.

Không thể dùng Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn để quán Pháp niệm xứ. Vì sao? Vì ba mắt này không có tướng trạng. Cho nên quán pháp phải dùng Pháp nhãn để quán, nhưng không đắm trước, không đánh mất các pháp. Đó gọi là Pháp niệm xứ.

Đại vương nên biết! Tu tập bốn Niệm xứ thì đạt được bốn cách lìa pháp: Quán thân bất tịnh để ra khỏi sự thanh tịnh điên đảo. Quán thọ là khổ để ra khỏi cái vui điên đảo. Quán tâm vô thường để ra khỏi cái thường điên đảo. Quán pháp vô ngã để ra khỏi cái ngã điên đảo.

Lại nữa, quán Thân niệm xứ xa lìa đoàn thực; quán Thọ niệm xứ xa lìa xúc thực; quán Tâm niệm xứ xa lìa thức thực; quán Pháp niệm xứ xa lìa tư thực.

Đại vương! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu Niệm xứ như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Những gì là bốn pháp Chánh cần của Đức Như Lai?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Bốn pháp Chánh cần của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là bốn pháp tinh tấn để ngăn ngừa hai loại ác pháp và tích tập hai loại pháp thiện. Sa-môn Cù-đàm thành tựu tánh thiện, tâm trụ trong pháp thiện. Những pháp ác chưa sinh và đã sinh, không cần tinh tấn khiến nó tiêu diệt. Những pháp thiện chưa sinh và đã sinh cũng không cần dùng tinh tấn khiến nó phát sinh. Vì sao? Vì ở trong vô lượng đời, Sa-môn Cù-đàm thường tu tánh thiện, tất cả pháp ác tự nhiên không sinh và tất cả pháp thiện tự nhiên đầy đủ. Pháp ác, là bè đảng với phi giới uẩn, bè bạn với phi định uẩn, bè bạn với tuệ uẩn. Khi quán bốn Niệm xứ thì phải lìa các tâm biếng nhác, và năm triền cái phiền não ngăn che tâm mắt. Nếu xa lìa năm thiện căn như Tín…, tức là các pháp ác chưa sinh thì không để phát sinh, sinh rồi liền diệt, đó là siêng cần tinh tấn vậy. Pháp thiện là đối với các thiện căn chưa sinh khiến sinh, sinh rồi làm tăng trưởng, đó là cầu tinh tấn vậy. Đó gọi là bốn pháp Chánh cần.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu hoàn toàn bốn pháp Chánh cần như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn phần Như ý của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn phần Như ý của Sa-môn Cù-đàm là:

1. Dục như ý.

2. Tinh tấn như ý.

3. Tâm như ý.

4. Tư duy như ý.

Đó là bốn pháp, lấy Từ, Bi, Hỷ, Xả làm căn bản, là thường gần gũi bốn Vô lượng tâm. Thường gần gũi nên tâm đạt được sự điều hòa. Tâm điều hòa nên được nhập vào Sơ thiền, đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền. Nhập vào các thiền định thân được khinh an, thành tựu được thân thanh thoát. Tâm điều hòa như thế thì đã nhập vào phần Như ý. Nhập vào phần Như ý liền sinh thần thông, hoặc dục, hoặc tinh tấn là thành tựu được pháp ấy. Tâm là quán sát pháp ấy. Tư duy là phương tiện thành tựu pháp ấy. Phần Như ý như thế thì đã đạt được thần thông. Dục là trang nghiêm, Tinh tấn là thành tựu, Tâm là trụ trong chánh niệm, Tư duy là có khả năng phân biệt hoàn toàn.

Sa-môn Cù-đàm đã đạt được bốn điều Như ý, hiểu theo pháp ấy và hành động như pháp ấy. Tâm được tự tại, tùy ý đi lại, làm các nghiệp thiện, hoàn toàn thành tựu tất cả bốn hạnh, như gió bay giữa hư không bị chướng ngại và đạt được bốn pháp tự tại:

1. Thọ mạng tự tại.

2. Thân tự tại.

3. Pháp tự tại.

4. Thần lực tự tại.

Thọ mạng tự tại là điều phục chúng sinh, tùy theo chỗ thọ sinh, hoặc trời, hoặc người; ở trong tuổi thọ ngắn thì thể hiện sự trường thọ, ở trong chỗ trường thọ thể hiện sự tuổi thọ ngắn. Đó gọi là Mạng tự tại.

Thân tự tại là vì tự tại nên theo tâm mà hiện thân, theo tâm khởi các cảnh sắc, thể hiện oai nghi; vì chúng sinh nên muốn cùng với tất cả chúng sinh đồng thân tướng ấy, thường đều làm được. Đó gọi là Thân tự tại.

Pháp tự tại là có khả năng biết tất cả pháp xuất thế, nhưng vẫn thị hiện việc thế gian chúng sinh, khéo biết sâu xa mười hai nhân duyên, đạt được biện tài vô ngại, có khả năng nói tùy theo từng ngôn ngữ của chúng sinh, khiến họ trụ trong chánh tín. Đó gọi là Pháp tự tại.

Thần thông tự tại là có khả năng làm cho nước trong bốn biển lớn hợp thành một biển, không đến, không đi, không có tướng xao động. Có thể khiến cho các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới hợp thành một hòn núi, không đến, không đi và không có sự tăng giảm, như cũ không thay đổi. Ở địa vị Tứ Thiên vương của cõi trời Tam thập tam không bị chướng ngại; muốn khiến cho tam thiên đại thiên thế giới đều được trang nghiêm bằng bảy báu, vàng bạc, chiên-đàn, hương hoa đều hiện ra để làm, có thể làm theo ý muốn. Đó gọi là Thần lực tự tại.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm rốt ráo thành tựu bốn phần Như ý như thế. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Đại vương! Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu bốn phần Như ý như thế rồi, có thể nhập vào tất cả các cảnh giới thiền định, thần thông, giải thoát, bốn Vô lượng tâm, không còn ngăn ngại.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là thiền định của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm có chín bậc thiền định theo thứ tự nhập vào Tam-ma-bạt-đề:

1. Sơ thiền.
2. Nhị thiền.
3. Tam thiền.
4. Tứ thiền.
5. Không xứ.
6. Thức xứ.
7. Bất dụng xứ.
8. Phi hữu tưởng và phi vô tưởng xứ.
9. Diệt tận định xứ.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã xa lìa các dục, pháp ác bất thiện; có giác, có quán, lìa sự phát sinh hỷ lạc, nhập vào hạnh Sơ thiền.

Lìa các dục ác nghĩa là Sơ thiền đối trị các pháp ái nhiễm, xa lìa pháp ấy gọi là lìa các dục. Lìa các pháp bất thiện, nghĩa là nhân lúc tham, sân, si khởi lên mười nghiệp bất thiện như sát sinh…, đó gọi là pháp bất thiện. Lìa bỏ pháp ấy gọi là Sơ thiền.

Có giác, nghĩa là có đủ giác vậy. Vậy giác là cái gì? Nương vào cảnh giới nào để tùy thuận Sơ thiền? Giác có nhiều loại, nghĩa là tri giác, tư duy, quán thiền định…, đó gọi là giác. Thế nào là quán? Tức là nói tùy thuận theo Sơ thiền giác hạnh, tư duy quán, thọ dục định và tri giác, đó gọi là quán. Nương vào hạnh nhàm chán cùng với nó có giác, có quán mà thành Sơ thiền y. Đối với hạnh nhàm chán cùng với nó có hỷ có lạc mà thành Sơ thiền hành. Đó gọi là có hỷ, có lạc, nhập vào Sơ thiền hành. Hành là thọ trì, niệm, hộ, hỷ, lạc và tri, đó gọi là hành.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm trụ trong Sơ thiền đạt được Vô sinh pháp nhẫn, Tăng thượng dục tâm. Cho nên nhập vào Sơ thiền cầu Vô sinh pháp nhẫn.

Vì cầu chuyển thắng vô sinh nhẫn nên ở trong Sơ thiền sinh tưởng không kiên cố, phát khởi tâm mong muốn hướng lên trên, nên xả bỏ Sơ thiền ấy và cầu Nhị thiền. Vì muốn vào đệ Nhị thiền ấy nên lìa bỏ tâm có giác có quán của Sơ thiền kia; diệt tận tâm ấy, xa lìa tâm ấy và thanh tịnh tâm ấy, tịch tĩnh tâm ấy. Thanh tịnh bên trong, tâm gồm một chỗ, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, nhập vào đệ Nhị thiền hành.

Thanh tịnh bên trong là đối trị pháp kia làm chướng ngại Nhị thiền; tịch tĩnh, pháp ấy thanh tịnh không cấu dục. Đó gọi là thanh tịnh bên trong. Tâm một chỗ là diệt trừ tất cả giác quán của Sơ thiền kia, vắng lặng chỉ một vị. Thí như biển lớn, tất cả các dòng nước chỉ chảy vào đó đều thành một vị đó là vị mặn. Vào đệ Nhị thiền diệt trừ tất cả giác quan của Sơ thiền kia, vắng lặng một vị không giác không quán. Cho nên gọi đạt được Tam-muội không giác, không quán. Nương vào Tam-muội ấy phát sinh hỷ lạc, nghĩa là ở trong Phật, Pháp, Tăng sinh tâm hoan hỷ; nương vào tâm hoan hỷ ấy mà các công đức thiện tự nhiên đầy đủ.

Vì muốn làm cho Vô sinh pháp nhẫn kia chuyển dần đến chỗ cao hơn, chuyển dần đến ánh sáng, chuyển dần đến chỗ thắng diệu, chuyển dần đến chỗ nhu nhuyến; đạt được tâm dục hướng lên và đối với đệ Nhị thiền không trụ, không lạc. Lại mong cầu đệ Tam thiền hành thắng thượng. Sinh tâm như thế, mới biết tâm hỷ kia vẫn làm chướng ngại đệ Tam thiền và Vô sinh pháp nhẫn. Cho nên lìa bỏ hạnh hỷ hành xả, bặt dứt sự ghi nhớ, an trụ trong tuệ, thân thọ lạc. Lạc này Thánh nhân cũng gọi là xả. Nương vào tâm dục thắng thượng Vô sinh pháp nhẫn của Nhị thiền kia, lìa hỷ lạc kia, nhập vào Tam thiền hành, đạt được lạc Tam-muội và nhàm chán hỷ trước. Sinh tâm như thế này mới biết là không có hỷ lạc nữa mà là vô thường lạc, là pháp tận diệt, chẳng có lạc chân thật, không thường không hằng.

Biết như vậy rồi! Lại chuyển dần tâm dục tăng thượng của Vô sinh nhẫn. Nương vào tâm dục thắng thượng ở trên không thích, khổ hay lạc, xa lìa khổ lạc. Diệt ưu hỷ ở trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập vào thiền hành thứ tư, đạt được tâm Tam-ma-bạt-đề của thiền thứ tư, tâm nhu nhuyến, tâm tự tại, tâm tịch tĩnh, tâm sáng suốt, tâm ngay thẳng. Xả bỏ tất cả những lạc sự ấy cho các chúng sinh, và khi đoạn cho các chúng sinh kia an ổn thì ngay lúc ấy được thắng Vô sinh nhẫn sáng suốt kia xuất hiện. Đạt được thắng nhẫn sáng suốt kia xuất hiện nên khiến cho hành mau chóng. Ở trong thiền thứ tư thắng diệu lạc không sinh tâm lạc, xa lìa tâm lạc kia, xả niệm thanh tịnh, chỉ thấy hư không vô biên xuất hiện. Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hết tất cả các tướng hữu đối và không nghĩ đến các tướng; biết vô biên hư không tức là nhập vào vô biên hư không. Quán sắc như thế, đại khái có hai loại: một là bốn đại, hai là nương gá vào bốn đại phát sinh. Bốn đại là đất, nước, gió, lửa. Nương gá vào bốn đại là sắc, hương, vị và xúc. Như vậy, rộng có tám

loại sắc tướng. Lìa những sắc tướng ấy, không còn những sắc tướng ấy, diệt trừ tất cả các sắc tướng ấy gọi là vượt qua tất cả sắc tướng.

Theo những pháp nào có sắc tướng ấy? Pháp ấy chắc có tướng đối ngại. Diệt tất cả tướng đối ngại ấy, không nghĩ, không hành các tướng khác mà có thể vượt qua các tướng khác, mà cũng không nghĩ đến các tướng khác đó, chỉ thấy tướng hư không. Cho nên biết rằng, vô biên hư không tức là nhập vào vô biên hư không hạnh. Do đó mà nói là vượt qua tất cả sắc tướng. Nhập vào vô biên hư không Tam-muội kia rồi, sinh tâm như vầy: hư không vô biên, hư không không biên giới, hư không không bờ bến, theo những pháp nào? Vì vô biên nên pháp ấy không có sinh giới trước, sinh giới giữa và sinh giới sau. Như vậy, quán tất cả pháp đều không có sinh giới trước, giữa và sau. Nhập vào Tam-muội. Như thế, liền đối với tất cả chúng sinh khởi tâm đại Từ bi, xả bỏ tất cả pháp, đạt được trí bình đẳng hiện tiền. Lúc bấy giờ, ở trong pháp Vô sinh nhẫn kia mới đạt được thắng tiến sáng suốt hiện tiền.

Vượt qua tất cả tướng vô biên hư không và hiện tại biết tướng vô biên thức nhập vào hạnh Thức vô biên xứ. Sinh tâm thế này là tướng vô biên hư không, chỉ là do phân biệt thức tưởng. Đạt được tâm như thế này thì biết rằng các pháp chỉ là tướng của thức, thức là thức vô lượng. Nhập vào Tam-muội như thế, đạt được Vô sinh pháp nhẫn, nhưng chưa phải hoàn toàn thành tựu Vô sinh pháp nhẫn.

Vượt qua tất cả chỗ vô biên thức tướng, hiện tại biết chỗ vô sở hữu, nhập vào hạnh chỗ vô sở hữu thiểu xứ. Vô sở hữu là không bị sở hữu bởi tâm tham, sân, si…, phân biệt, các loại phân biệt, hư vọng phân biệt. Tất cả pháp hữu vi ở trong thế gian đều phát sinh từ tâm hư vọng phân biệt. Không sở hữu ấy nên nói là vô sở hữu. Thiểu là như trước đã nói, tướng ít, tướng nhỏ, tướng vi tế ở trong pháp…, gọi là tướng thiểu. Vì không có thiểu tướng ấy nên nói không thiểu.

Vượt qua tất cả tưởng thô tế nên nói vô sở hữu, vô sở thiểu, trú vào Tam-muội này, Vô sinh pháp nhẫn chuyển thắng có ánh sáng hiện tiền. Vì được thắng vô sinh nhẫn ấy rồi mà không còn thích Tam-muội vô sở hữu, vô thiểu kia; sinh tâm thắng dục cầu tăng thượng hạnh thù thắng Tam-muội. Sinh tâm như thế là tướng vô sở hữu, vô thiểu hạnh, cũng là tướng vi tế hư vọng phân biệt.

Tiếp theo quán Phi tưởng và phi phi tưởng xứ. Những gì là phi tưởng,

phi phi tưởng xứ? Phi tưởng là không. Phi phi tưởng là từ nhân duyên sinh. Lúc ấy, phi tưởng phi phi tưởng Tam-muội hiện tiền. Vượt qua tất cả thiểu tướng Vô sở hữu xứ, nhập vào phi tưởng phi phi tưởng xứ Tam-muội rồi, trú ở chỗ ấy. Sinh tâm như thế thì phi tưởng phi phi tưởng xứ kia không thể vui được, nên xa lìa pháp ấy, tức là chứng nghiệm được các pháp không sinh, không diệt Tam-muội hiện tiền. Biết được tất cả pháp không sinh, không diệt, thấy các pháp tự tánh tịch diệt, không hành, không trụ. Khi đó, gọi là đạt được Vô sinh pháp nhẫn thanh tịnh thắng thượng. Đó gọi là chín thứ tự nhập vào Tam-ma-đạt-đề.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu hoàn toàn định pháp như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tướng giải thoát của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tướng giải thoát của Sa-môn Cù-đàm có tám loại:

1. Có sắc thấy sắc.

2. Trong có sắc tướng thấy sắc ở ngoài.

3. Tín thanh tịnh.

4. Vượt tất cả sắc tướng, diệt trừ tất cả các tướng hữu đối, không nghĩ các tướng khác; biết hư không vô biên tức là nhập vào hạnh Hư không vô biên.

5. Vượt qua tất cả tướng hư không vô biên; biết vô biên thức tức là nhập vào hạnh Vô biên thức.

6. Vượt qua tất cả tướng vô biên thức, biết không còn một chỗ nào cả, tức nhập vào hạnh Vô sở hữu xứ.

7. Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, biết phi hữu tưởng phi vô tưởng an ổn, tức là nhập vào hạnh Hữu tưởng và vô tưởng xứ.

8. Vượt qua tất cả hạnh phi hữu tưởng và phi vô tưởng, diệt trừ tất cả thọ tưởng, nhập vào hạnh Diệt tận định. Đó gọi là tám giải thoát.

Có sắc thấy sắc: Có sắc là pháp do nhân duyên sinh, thấy không là không tuổi thọ. Có khả năng thấy như vậy thì được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Trong có sắc tướng thấy sắc ở ngoài thấy sắc ở ngoài là thấy không, không có tuổi thọ đều là pháp do nhân duyên sinh. Có khả năng thấy như

vậy, được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Tín thanh tịnh, là nếu phân biệt tướng tịnh và bất tịnh thì gọi là kiến. Vì tin thanh tịnh, nên được giải thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Vượt qua tất cả sắc tướng là diệt trừ tất cả tướng hữu, đối đãi, không nghĩ phân biệt tướng khác, thoát khỏi trói buộc, nên gọi là giải thoát.

Người biết hư không vô biên, liền nhập vào hạnh Hư không vô biên, có thể biết vô lượng hư không như thế thì được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Vượt qua tất cả tướng hư không vô biên, biết vô biên thức liền nhập vào hạnh Vô biên thức, vô lượng thức, vô biên thức. Vô biên thức này tức là không. Có khả năng biết như vậy thì được thoát khỏi sự trói buộc, đó gọi là giải thoát.

Vượt qua vô biên thức, biết không có chút nào cả liền nhập vào hạnh Vô sở hữu. Sở hữu là phiền não tham, sân, si. Nhập vào hạnh Vô sở hữu thì diệt trừ được phiền não kia. Có khả năng biết như vậy thì được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Vượt qua vô sở hữu, biết an ổn ở trong phi hữu tưởng, phi vô tưởng liền nhập vào hạnh Phi hữu tưởng, phi vô tưởng. Phi hữu tưởng là tánh vốn rỗng không, vắng lặng. Phi vô tưởng là do nương vào nhân duyên mà có. Có khả năng nhận biết như vậy thì được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Vượt qua tất cả phi hữu tưởng, phi vô tưởng, chấm dứt tất cả tưởng thọ, nhập vào hạnh Diệt tận định. Như vậy, thấy tưởng như ánh nắng, thọ như bong bóng nước, tưởng tức là thọ, thọ tức là tưởng, không thể thọ, không người biết. Có khả năng thấy như vậy thì được thoát khỏi sự trói buộc, gọi là giải thoát.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu giải thoát như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là thần thông trí hạnh của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Thần thông của Sa-môn Cù-đàm có sáu thứ:

1. Thiên nhãn thông.

2. Thiên nhĩ thông.

3. Tha tâm thông.

4. Túc mạng thông.

5. Như ý thông.

6. Lậu tận thông.

Đại vương! Thiên nhãn của Sa-môn Cù-đàm vượt hẳn Thiên nhãn của tất cả trời, rồng, tám bộ, Thanh văn và Duyên giác. Thấy rõ tất cả trong mười phương do công đức trí tuệ mà thành, đều thấy cảnh sắc, ánh sáng. Những hình tượng hoặc thô, hoặc tế, hoặc gần hoặc xa trong mười phương, tất cả đều thấy, phân biệt rõ ràng ở trong ấy có các chúng sinh, sinh tử tương trụ khắp mọi nẻo. Hoặc nghiệp quả phân biệt, các căn đều biết không sót và cũng thấy được quốc độ trang nghiêm tịnh diệu của chư Phật trong mười phương thế giới. Ở trong ấy đều thấy không khác việc tu tịnh nghiệp của Bồ-tát, Thanh văn và chúng sinh trong năm đường. Vì sao? Vì mắt thanh tịnh thấy không còn bị ngăn ngại, vì mắt không cấu đục, không đắm trước sắc; vì mắt đã giải thoát, xa lìa sự trói buộc của các kiến hoặc phiền não; vì mắt thanh tịnh, tánh sáng suốt thông tỏ; vì mắt không thiển cận, lìa bỏ sở duyên; vì mắt không phát khởi, đoạn dứt phiền não; vì mắt không cấu nhiễm, đoạn đứt các điều ác; vì mắt không bị màng, cắt đứt lưới nghi; vì mắt không sinh khởi, dứt chướng ngại; mắt này không tham, sân, si, đoạn trừ tất cả các kết sử vì mắt sáng suốt, thấu tỏ được pháp; vì mắt do niệm mà biết, không hành theo thức; vì mắt này Vô thượng rốt ráo đạo Thánh; vì mắt không ngại bình đẳng chiếu khắp chúng sinh; vì mắt không nhiễm, tánh thanh tịnh. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm bằng tâm đại bi, khéo phân biệt nghĩa, không có sự tranh luận, nói theo sự thấy và nghe, bỏ tâm bất thiện, thẳng đến đạo tràng, tâm không chướng ngại. Thấy người keo kiệt, tham lam có thể dạy họ đem tài sản bố thí; thấy người phạm giới khuyên họ giữ gìn các căn; thấy người sân hận khuyên họ nhẫn nhục, không tranh cãi; thấy người lười biếng khuyên họ siêng năng tinh tấn; thấy người tán loạn dạy họ niềm vui trong thiền định; thấy người ngu si dạy họ tu trí tuệ, cho nên đạt được Thiên nhãn thanh tịnh, không chướng ngại. Đó gọi là Thiên nhãn thần thông trí hạnh.

Đại vương! Thiên nhĩ thông của Sa-môn Cù-đàm, đối với tất cả những tiếng nói trong các thế giới khắp mười phương như tiếng nói của Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-

hầu-la-già, Nhân phi nhân thảy đều phân biệt được. Và biết được tiếng của chư Phật thuyết pháp, tiếng nói của Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác. Tất cả những tiếng nói có thể dùng tai nghe được. Cho đến các tiếng của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, muỗi mòng, ruồi nhặng và bọ chét đều có thể nghe được. Nếu tâm các chúng sinh duyên với đối tượng nào rồi phát ra âm thanh từ thiện ác hay vô úy thì cũng đều biết rõ cả; các âm thanh quá khứ, hiện tại và vị lai đều nghe hết đến tận ngọn ngành. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm an trụ trong đại Bi, có thể nghe các âm thanh không bị chướng ngại, đoạn diệt các phiền não tập khí. Đó gọi là Thiên nhĩ thần thông trí hạnh.

Đại vương! Tha tâm thần thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm, thâu nhiếp toàn bộ chúng sinh và tâm niệm của họ. Nghĩa là, tâm thiện, tâm bất thiện, tâm vô úy, tâm thuận theo phiền não, tâm trái với phiền não, tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật, tâm Bồ-tát, tâm Phật, tâm Trời, tâm Rồng, tâm Dạ-xoa, tâm Càn-thát-bà, tâm A-tu-la, tâm Ca-lâu-la, tâm Khẩn-na-la, tâm Ma-hầu-la-già, tâm người, tâm chẳng phải người, tâm địa ngục, tâm súc sinh, tâm ngạ quỷ, tâm Diêm-la xử chúng sinh, tâm quá khứ, tâm vị lai… thảy đều phân biệt biết được. Sa-môn Cù-đàm an trụ trong tâm đại Bi có thể biết tâm người khác không chướng ngại, không có những phiền não, đoạn trừ những tập khí, thấu tỏ các pháp. Có khả năng hiểu rõ như thế gọi là Tha tâm thần thông trí hạnh.

Đại vương! Túc mạng thần thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm là nghĩ biết được trong quá khứ một đời, hai đời, cho đến mười đời, ngàn đời, vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Biết sự thành hoại của trời đất, vô lượng thế giới hình thành rồi hoại diệt, vô lượng kiếp hình thành hoại diệt. Biết các chúng sinh ở trong đó có dòng họ như thế, tên như thế, thân hình như thế, thọ mạng như thế, chịu đau khổ như thế và thọ hưởng vui sướng như thế, sống ở nơi như thế, y phục, ăn uống như thế; chết ở trong đó rồi sinh trở lại trong đó, chết ở chỗ kia rồi sinh trở lại chỗ kia, chết đây sinh kia, chết kia sinh đây. Lại biết hết quá khứ, biết các Đức Phật trong tận quá khứ này đến quá khứ khác. Như vậy, quyến thuộc, cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, từ lúc mới phát tâm xuất gia cầu đạo, cho đến tu tập hạnh nguyện cúng dường chư Phật, giáo hóa điều phục tất cả chúng sinh, ngồi dưới cội Bồ-đề thành Đẳng chánh giác. Những danh hiệu như thế, trụ xứ như thế, ngồi tòa thù thắng,

Thanh văn, thị giả, trời, người, đại chúng, hoặc ngoại đạo như thế.

Lại nữa, thuyết pháp, độ chúng sinh, thọ mạng, diệt độ, thời kỳ chánh pháp tồn tại, thời kỳ tượng pháp tồn tại như thế, tất cả đều có khả năng nghĩ biết được. Vì sao? Vì Như Lai an trụ trong đại Bi, khéo hiểu rõ khởi nghiệp; là trí không có phiền não, vì an trụ trong thiền định; là trí không sợ hãi, khéo giữ gìn trí tuệ; là trí tự nhiên, không tìm cầu từ người khác, hiện tại khéo biết được; là trí hoàn toàn không quên; là trí công đức, Đại thừa cứu cánh; là trí thiện căn, từ Ba-la-mật sinh đến bờ kia. Đây gọi là biết bằng Túc mạng thần thông trí hạnh.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 8

Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 3)

Đại vương nên biết! Như ý thần thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm là vì muốn điều phục những chúng sinh tà kiến, kiên cường khó giáo hóa, khiến họ theo chánh pháp. Cho nên Sa-môn Cù-đàm thị hiện các loại thần thông để giáo hóa, hoặc bằng sắc tướng, hoặc bằng thế lực, hoặc bằng biến hóa. Sắc tướng là thị hiện thân Phật, thân Bồ-tát, thân Duyên giác, thân Thanh văn, thân Thích Đề-hoàn Nhân, thân Phạm, vua trời và vua bốn cõi trời. Hoặc thân Chuyển luân thánh vương và các thân khác, cho đến thân súc sinh. Tùy theo chúng sinh mà ứng hiện để giáo hóa, đều có thể thị hiện để thuyết pháp. Nếu có chúng sinh tự ỷ vào sức mạnh của tự thân mà khởi lên thái độ kiêu mạn, sân giận, cống cao, vì muốn giáo hóa những chúng sinh như thế, nên Ngài thị hiện đại lực Na-la-diên, lấy núi Tu-di đặt ở đầu ngón tay, rồi ném vào trong vô lượng thế giới ở các phương khác. Hoặc có khi gom nắm tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến tận cùng thủy tế rồi dùng một tay nhấc cao lên đến trời Hữu đảnh, trải qua một kiếp. Thị hiện năng lực như vậy để làm cho chúng sinh kia dứt bỏ tâm kiêu mạn, tự đại và cống cao mà thuyết pháp cho họ.

Biến hóa là dùng năng lực biến hóa, có thể biến biển lớn kia thành nước trong lỗ dấu chân trâu, biển lớn không giảm mà lỗ chân trâu cũng không lớn ra. Ngược lại, biến nước trong lỗ dấu chân trâu trở thành biển lớn. Hoặc khi kiếp số sắp kết hỏa tai nổi lên cầu ứng hiện nước thì liền biến làm nước; cầu ứng hiện gió thì liền biến làm gió. Khi thủy tai nổi lên, cầu ứng hiện lửa thì liền biến làm lửa, cầu ứng hiện gió thì liền biến làm gió. Khi phong tai nổi lên, cầu ứng hiện nước thì liền biến làm nước, cầu ứng hiện lửa thì liền biến làm lửa. Thể hiện những loại biến hóa như thế, chỉ dạy các chúng sinh, khiến họ sinh tâm vui mừng mà thuyết pháp cho họ. Vì sao? Vì sức thần thông Như Lai bao gồm các pháp tín, dục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ; điều phục tâm nhu hòa, đạt được sự tự tại, tu tập hoàn

hảo. Đó gọi là Thần thông như ý.

Đại vương nên biết! Lậu tận thông trí hạnh của Sa-môn Cù-đàm là các lậu hoặc đã hết, xa lìa tất cả phiền não tập khí; đó là dục lậu, hữu lậu, kiến lậu và vô minh lậu. Nó không giống chỗ đạt được lậu tận của tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật. Vì sao? Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật tuy đạt được lậu tận, nhưng đối với các sinh xứ vẫn còn bị chướng ngại, không đủ sức tự tại giáo hóa chúng sinh. Vì thế, họ còn có sự chướng ngại. Sa-môn Cù-đàm không còn có sự chướng ngại, nên gọi là Lậu tận trí thông.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu thần thông trí hạnh như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Trí vô ngại của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn Trí vô ngại của Như Lai là:

1. Pháp vô ngại.

2. Nghĩa vô ngại.

3. Từ vô ngại.

4. Nhạo thuyết vô ngại.

Đại vương! Pháp vô ngại của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là quán chúng sinh mới phát tâm, hành tâm nhiều dục, hành tâm ít dục và pháp thiện, pháp ác, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có thể làm, pháp không thể làm, có pháp hữu lậu và pháp vô lậu, có pháp hữu vi và vô vi, pháp đen và pháp trắng, pháp sinh tử và pháp Niết-bàn, Bồ-đề bình đẳng, pháp tánh bình đẳng. Biết đúng như thật, tùy theo đối tượng nghe để thuyết pháp. Đó gọi là Pháp vô ngại.

Đại vương nên biết! Nghĩa vô ngại của Sa-môn Cù-đàm là đối với các pháp nhận thức bằng trí đệ nhất nghĩa, là vô ngã trí, vô chúng sinh trí, vô nhân trí, vô thọ mạng trí; biết về quá khứ bằng trí không chướng ngại; biết về vị lai bằng trí vô biên; biết hiện tại bằng trí Nhất thiết chủng. Biết rõ về trí của bốn Đế, đó là Khổ không hòa hợp trí, biết Tập không tạo tác trí, biết Diệt tự tánh trí, biết Đạo có thể không tạo tác trí; biết tâm các chúng sinh thực hành theo trí. Tất cả đều đúng như thật, tùy theo đối tượng nghe để thuyết pháp. Đó gọi là Nghĩa vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Trí của Sa-môn Cù-đàm đối với ngôn từ không

ngại là hoàn toàn hiểu rõ các âm thanh, ngôn ngữ. Nghĩa là, biết được âm thanh, ngôn ngữ văn tự của Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la-già, người và chẳng phải người. Tùy theo đối tượng nghe của từng loại khác nhau, tùy theo từng loại với âm thanh khác nhau của từng địa phương mà thuyết pháp thuyết nghĩa. Đó gọi là Từ vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Nhạo thuyết vô ngại trí của Sa-môn Cù-đàm là tùy theo đối tượng nghe và người cầu hỏi, tất cả ngôn ngữ văn tự, ngay trong miệng phân biệt mà trả lời thẳng ngay. Tâm không nhàm chán mệt mỏi, nghĩa là tất cả thiền định Tam-ma-bạt-đề, biện thuyết ba thừa, tùy theo những tâm hạnh của chúng sinh để trả lời đúng như yêu cầu. Ngôn ngữ bóng bẫy, nói không trở ngại, giống như dòng nước chảy không bao giờ cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại trí.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu bốn vô ngại trí như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Tâm vô lượng của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Bốn Tâm vô lượng của Như Lai là tâm Từ vô lượng, tâm Bi vô lượng, tâm Hỷ vô lượng và tâm Xả vô lượng. Đại vương! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Từ vô lượng:

1. Tâm Từ rộng lớn bình đẳng, đối với chúng sinh không có sự lựa chọn.

2. Tâm Từ rộng lớn làm lợi ích; có khả năng khai mở con đường thiện Niết-bàn cho trời và người, đóng cửa những con đường ác.

3. Tâm Từ rộng lớn cứu độ, hoàn toàn có khả năng đưa tất cả chúng sinh qua khỏi hiểm nạn của sinh tử.

4. Tâm Từ rộng lớn thương xót, không bỏ tất cả chúng sinh, nuôi dưỡng các căn.

5. Tâm Từ rộng lớn giải thoát, diệt trừ những phiền não nóng bức của chúng sinh.

6. Tâm Từ rộng lớn phát sinh Bồ-đề, dạy các chúng sinh về Bồ-đề Niết-bàn Vô thượng.

7. Đối với chúng sinh tâm Từ rộng lớn không bị trở ngại, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả cảnh giới của chúng sinh.

8. Tâm Từ rộng lớn như hư không, cứu hộ tất cả chúng sinh.

9. Tâm Từ rộng lớn duyên với pháp, giác ngộ tất cả chúng sinh cùng biết được pháp chân thật.

10. Vô duyên đại Từ, chứng được tánh thật pháp, xa lìa sinh tử.

Đại vương nên biết! Đó gọi là tâm Từ vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Bi vô lượng:

1. Đại Bi bất cộng, vì tánh đại Bi.

2. Đại Bi không nhàm chán, thay tất cả chúng sinh chịu mọi sự đau khổ.

3. Đại Bi đi vào tất cả đường ác, ở trong sinh tử giáo hóa chúng sinh.

4. Đại Bi thọ sinh trong các cõi trời người, thị hiện các pháp đều vô thường.

5. Đại Bi không bỏ các tà định của chúng sinh, ở trong vô lượng kiếp khởi tâm thệ lớn trang nghiêm thành tựu.

6. Đại Bi không đắm trước niềm vui của chính mình mà đem cho niềm vui của tất cả chúng sinh.

7. Đại Bi không cần báo đáp, tự tâm thanh tịnh.

8. Đại Bi diệt trừ tâm điên đảo của tất cả chúng sinh, để nói pháp chân thật.

9. Đại Bi nói pháp tánh chân thật, biết các pháp giới tự tánh thanh tịnh.

10. Đại Bi nói về không, không có sở hữu, không bị các khách trần phiền não làm ô nhiễm.

Đại vương! Đó gọi là tâm Bi vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm đại Hỷ vô lượng:

1. Tâm đại Hỷ vui mừng các chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

2. Tâm đại Hỷ nghĩ đến các chúng sinh đã từ bỏ các cõi.

3. Tâm đại Hỷ đối với người phạm giới, không sinh tâm ác, giáo hóa họ được thành tựu.

4. Tâm đại Hỷ đối với tất cả các chúng sinh hay đấu tranh, kiện tụng đều khiến cho họ hòa hợp và được trí Vô thượng.

5. Tâm đại Hỷ vì các chúng sinh thường hộ chánh pháp.

6. Tâm đại Hỷ vì xa lìa thế gian và xuất thế gian.

7. Tâm đại Hỷ khiến cho các chúng sinh không đắm trước mọi thứ của cải, thường vui trong chánh pháp.

8. Tâm đại Hỷ không để cho những khó khăn khuất phục.

9. Tâm đại Hỷ không hoại diệt pháp giới, làm cho các chúng sinh thường ưa thích thiền định, giải thoát Tam-muội liên tục không gián đoạn.

10. Tâm đại Hỷ khiến các chúng sinh chuyên cầu sự tịch tĩnh, diệt trừ tâm loạn, đạt được trí tuệ Vô thượng, xa lìa tà kiến và có đầy đủ các hạnh nguyện.

Đó gọi là tâm đại Hỷ vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm có mười loại tâm xả vô lượng:

1. Tâm đại Xả là tất cả chúng sinh cung kính, cúng dường mà vẫn không tăng thêm tâm vui mừng. Còn đối với tất cả những chúng sinh khinh mạn, hủy nhục cũng không sinh tâm buồn giận.

2. Tâm đại Xả là thường sống ở trong thế gian nhưng không bị nhiễm bởi tám pháp của thế gian.

3. Tâm đại Xả là biết khả năng, biết thời, đối với khả năng hay chẳng phải khả năng, tâm vẫn thực hành bình đẳng.

4. Tâm đại Xả không đem cho chúng sinh pháp học và vô học của Thanh văn, Bích-chi-phật.

5. Tâm đại Xả là lìa xa tất cả phiền não tập khí.

6. Tâm đại Xả không vui tu hành Bồ-đề Nhị thừa để nhàm chán sinh tử.

7. Tâm đại Xả là xa lìa ngôn ngữ thế gian và Niết-bàn, ngôn ngữ chẳng lìa dục, ngôn ngữ cười đùa, ngôn ngữ làm người khác buồn bực, ngôn ngữ Thanh văn và Duyên giác, cho đến tất cả các ngôn ngữ làm chướng ngại Bồ-đề.

8. Tâm đại Xả, nếu có chúng sinh đợi thời cơ được giáo hóa thì lúc đó Như Lai tạm thời xả bỏ cho họ.

9. Tâm đại Xả, nếu có chúng sinh đáng được Đức Phật giáo hóa thì tùy theo đó liền thấy các sắc thân ứng hiện.

10. Tâm đại Xả là lìa xa hai pháp không cao và không thấp, không giữ không bỏ, không hư không thật, quán sát bình đẳng, an trụ ở chân thật

và đạt được nhẫn thanh tịnh.

Đó gọi là tâm đại Xả vô lượng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô lượng tâm như vậy. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! thế nào là tướng năm Căn của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! tướng năm Căn của Như Lai là: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

Đại vương nên biết! Tín căn của Sa-môn Cù-đàm là tin ở bốn pháp. Bốn pháp ấy là:

1. Ở trong sinh tử thực hành chánh kiến, tin ở nghiệp báo, thậm chí bị mất mạng cũng không làm điều ác.

2. Tin hạnh Bồ-tát, không theo tà kiến, chuyên cầu Bồ-đề, không cầu các thừa khác.

3. Tin hiểu các pháp, đồng với Không, Vô tướng và Vô nguyện, đồng với Đệ nhất nghĩa đế; đồng với hiểu rõ nghĩa lý nhân duyên sâu xa, không có ta không có người, không có chúng sinh, không có phân biệt.

4. Tin vào mười Lực, bốn pháp Vô úy, mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Khi tin như thế rồi, cắt bỏ những lưới nghi, tóm thâu tất cả giáo pháp của Đức Phật.

Đó gọi là Tín căn.

Đại vương nên biết! Tinh tấn căn của Sa-môn Cù-đàm là nếu pháp nào thuộc về Tín căn thì pháp ấy chính là pháp tu Tinh tấn căn, do đó gọi là Tinh tấn căn.

Nếu pháp nào thuộc về Tinh tấn căn thì pháp ấy không bao giờ bị quên mất, do đó gọi là Niệm căn.

Nếu pháp nào được thuộc về Niệm căn thì pháp ấy không quên, không mất và nhất tâm bất loạn, do đó gọi là Định căn.

Nếu pháp nào được thuộc về Định căn là đối tượng quán của tuệ, là thể tánh của tuệ, bên trong tự chiếu tỏ, không biết do người khác, tự trụ trong chánh hạnh, đó gọi là Tuệ căn.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu Năm căn như vậy, cho nên ta nói là không có lỗi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tướng năm Lực của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tướng năm Lực của Như Lai là: Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực.

Đại vương nên biết! Tín lực của Sa-môn Cù-đàm là tin vào một mục đích không bao giờ thay đổi; đến nỗi trời ma biến làm thân Phật, thị hiện ra vào thiền định giải thoát cũng không lay chuyển được, đó gọi là Tín lực.

Ở trong các pháp thiện đạt tâm kiên cố. Đạt được sức như thế, tu các thiền định, các trời và người không thể phá hoại, đều được thành tựu như sở nguyện, đó gọi là Tinh tấn lực.

Trụ ở trong các pháp nhưng không bị phiền não phá hoại. Vì sao? Vì có năng lực chánh niệm nên có thể thu phục được. Bởi vậy, không đánh mất năng lực của niệm, đó gọi là Niệm lực.

Xa lìa nơi ồn ào náo nhiệt, thích độc hành. Tuy có nói ngôn ngữ, âm thanh, nhưng không làm chướng ngại Sơ thiền, khéo trụ ở giác quán, không chướng ngại Nhị thiền. Tâm sinh hoan hỷ không chướng ngại Tam thiền; dẫu thích giáo hóa tất cả chúng sinh nhưng không bỏ Phật pháp và cũng không làm chướng ngại Tứ thiền. Khi thực hành Tứ thiền không bị chướng ngại bởi các pháp chướng ngại định, không bỏ các định cũng không theo định mà có thể tự tại thọ sinh bất cứ ở đâu, đó gọi là Định lực.

Biết pháp thế gian và pháp xuất thế gian, không có một pháp nào có thể hoại đó là trí. Trong đời sống, tất cả nghề nghiệp không học từ thầy mà chỉ tự nhiên biết. Tất cả hạnh khổ của thế gian và ngoại đạo, vì giáo hóa chúng sinh nên đều thọ nhận thực hành, là pháp xuất thế gian. Nó có khả năng vượt qua thế gian, thành tựu năng lực tuệ, đó gọi là Tuệ lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu năm lực như thế, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tướng bảy Giác phần của Sa-môn Cù-đàm?

Đáp:

–Đại vương! Bảy Giác phần của Sa-môn Cù-đàm là: Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Ỷ giác phần, Định giác phần và Xả giác phần.

Đại vương nên biết! Niệm giác phần của Sa-môn Cù-đàm là khả năng quán các pháp, có khả năng phân biệt các pháp và cũng có khả năng quán sát tự tướng các pháp. Thế nào là tự tướng? Quán các pháp tự tánh vốn không. Niệm biết tường tận tất cả như thế, gọi là Niệm giác phần.

Nếu có khả năng phân biệt hiểu rõ tám vạn bốn ngàn pháp tụ (pháp môn). Hiểu được pháp như thế, hiểu nghĩa là hiểu nghĩa, không hiểu nghĩa là không hiểu nghĩa, thế đế là thế đế, Đệ nhất nghĩa đế là Đệ nhất nghĩa đế, giả danh là giả danh, hiểu chính chắn không nghi. Phân biệt chọn lựa được những pháp như thế, đó gọi là Trạch pháp giác phần.

Nếu Niệm pháp, Trạch pháp, Hỷ pháp, Ỷ pháp, Định pháp và Xả pháp thì dùng trí tuệ gom lấy, tinh tấn dũng mãnh; muốn không thoái chuyển nên siêng năng tu tiến lên, không xả bỏ ý mình, thực hành chánh đạo, đó gọi là Tinh tấn giác phần.

Đối với việc tu hành ở trong pháp vô lượng thanh tịnh thắng lạc, tâm sinh phấn chấn không lười biếng, thì là vui mừng hớn hở, có khả năng dứt trừ phiền não, đó gọi là Hỷ giác phần.

Nếu diệt trừ các phiền não cấu uế trong thân tâm thì lìa khỏi các triền cái, nhập vào cảnh giới định, khiến tâm trụ vững, đó gọi là Ỷ giác phần.

Như chỗ nhập định đều có thể liễu giác. Hễ nhập định là hiểu rõ pháp, lại hiểu rõ sự trói buộc của các kiến hoặc phiền não, tâm ấy bình đẳng, tất cả các pháp không có tướng sai khác. Có khả năng biết rõ như thế, đó gọi là Định giác phần.

Nếu đối với pháp vui, buồn mà tâm ấy không mất, lại cũng không bị pháp thế gian lôi kéo, không cao, không thấp, trụ vững không lay động, không có các lậu, không vui, không đắm, không có các sự chướng ngại, tùy thuận chân đế, thẳng đến chánh đạo, đó gọi là Xả giác phần.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu bảy Giác phần như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là tám phần Thánh đạo của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Tám phần Thánh đạo của Như Lai là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Đại vương nên biết! Chánh kiến của Sa-môn Cù-đàm là nếu thấy xuất thế là không khởi ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, đàn ông, đoạn kiến, thường kiến, hữu kiến, vô kiến. Lại cũng không khởi cái thấy thiện, bất thiện và vô úy; cho đến không khởi lên thấy hai tướng Niết-bàn và sinh tử, đó gọi là Chánh kiến.

Nếu các phiền não tham dục, sân hận, ngu si kia thường sinh khởi thì gọi là bất chánh. Không sinh khởi việc ấy, chỉ suy nghĩ về giới, định, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Có khả năng suy nghĩ, trụ trong giới uẩn như thế, gọi là Chánh tư duy.

Phàm khi nói năng không làm cho chính mình và người khác buồn phiền, tổn thương. Thành tựu lời nói tốt đẹp như thế, sinh khởi chánh đạo, đó gọi là Chánh ngữ.

Nếu nghiệp đen thì có quả báo đen; nghiệp trắng thì có quả báo trắng; hoặc nghiệp vừa đen vừa trắng thì cũng có quả báo vừa đen vừa trắng, rốt cuộc không dám làm. Nếu nghiệp không đen, không trắng thì quả báo không đen không trắng. Nếu hành động nào có khả năng dứt nghiệp thì hành động đó nên làm, đó gọi là Chánh nghiệp.

Tu hành theo Thánh chủng, Đầu-đà, oai nghi, không vọng động, không thay đổi, không dối gạt quanh co, không bị chi phối bởi lợi dưỡng của thế gian. Thấy người khác được lợi dưỡng tâm không sinh buồn bã, mình được lợi dưỡng thường nên biết đủ. Hạnh chân chánh như thế sẽ được Thánh nhân khen ngợi, đó gọi là Chánh mạng.

Nếu như tinh tấn hướng đến điều sai trái, không được bậc Thánh khen ngợi; vì đó là phiền não, tham dục, sân hận và ngu si. Là người có Chánh tinh tấn thì hoàn toàn không làm việc ấy. Nếu pháp nào có thể đi vào Thánh đạo vững chắc, tịch diệt Niết-bàn, đó gọi là Chánh tinh tấn.

Nếu không đánh mất chánh niệm, ở trong pháp không bị dao động, ngay thẳng không quanh co, vì thấy họa sinh tử nên cầu tiến đến Niết-bàn; buộc tâm không quên, không mất chánh đạo, đó gọi là Chánh niệm.

Nếu định không tán loạn, khi trụ ở trong các pháp là định, thành tựu quyết định, đó gọi là Chánh định.

Đại vương nên biết! Trụ chính là Tam-muội, vì tất cả chúng sinh đạt được giải thoát, thành chánh quyết định, đó gọi là Chánh định. Tám Thánh đạo này chính là chỗ thực hành của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, cho nên gọi là Thánh đạo.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề. Sa-môn Cù-đàm nương vào pháp này nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Cù-đàm bốn Niệm xứ
Và đến bốn Chánh cần
Thiền định các Tam-muội
Được tự tại trong ấy,
Chỉ Cù-đàm hoàn hảo
Lại không người thứ hai
Cho nên nói Cù-đàm
Không có các lỗi lầm.
Đạo như ý Cù-đàm
Tối thắng không gì hơn
Tu tập bốn vô ngại
Đầy đủ đến bờ kia.
Đại Thánh hay hiểu rõ
Vượt khỏi mọi sai biệt
Cho nên biết như thật
Làm thanh tịnh chúng sinh,
Phạm hạnh được tự tại
Từ, Bi và Hỷ, Xả
Được chánh kiến tịch tĩnh
Cho nên không lỗi lầm.
Nước tám Thánh chánh đạo
Trong sạch không đục nhơ
Rửa các tội chúng sinh
Mặc y báu bảy Giác,
Đem đặt chỗ không động
Chỗ vô úy Niết-bàn
Cho nên nói Cù-đàm
Không có các lỗi lầm.
Cù-đàm như trâu chúa
Riêng vượt hẳn quần chúng
Thánh chúng đều kính ngưỡng
Thế gian không ai bằng,
Lìa hết mọi điều ác
Đầy đủ các công đức

Thường nghĩ lợi thế gian
Cho nên không lỗi lầm.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm rốt ráo thành tựu mười thứ trí lực.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là mười thứ trí lực của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Mười trí lực của Như Lai là: Biết Xứ chẳng phải xứ trí lực; biết Tập nghiệp trí lực; biết Tánh trí lực; biết Tín trí lực; biết Căn trí lực; biết Chí xứ đạo trí lực; biết Định trí lực; biết Túc mạng trí lực; biết Thiên nhãn trí lực; biết Lậu tận trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Xứ chẳng phải xứ lực tức là, trí đối với nhân quả quyết định hiểu rõ. Biết từ nhân này có thể sinh là quả kia, không sinh quả khác; biết hành bất thiện nhất định bị quả báo khổ, không sinh quả báo vui, tu hành nhân thiện nhất định được quả vui, không sinh quả báo khổ. Thị xứ là có quả báo, phi xứ là không có quả báo, đó gọi là biết rõ về Trí lực thị xứ, phi xứ.

Đại vương! Sa-môn Cù-đàm biết Tập nghiệp trí lực tức là có khả năng biết đúng như thật quả báo của các nghiệp (hành động) trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Biết chỗ, biết việc, biết nhân, biết quả, hoặc là việc quá khứ đoạn diệt không còn. Sa-môn Cù-đàm nói ở quá khứ tuy không hiện tướng, nhưng nghiệp đó có thể đưa đến quả báo trong đời vị lai. Nếu có tác nghiệp là nhân Thanh văn, nhân Bích-chi-phật, nhân Bồ-tát, nhân Như Lai. Sa-môn Cù-đàm đều có khả năng biết rõ, cho nên gọi là biết Tập nghiệp trí lực.

Sa-môn Cù-đàm biết Dục trí lực là có khả năng biết đúng như thật về tất cả những thứ dục lạc của chúng sinh. Biết rõ chúng sinh vui trong năm dục, biết rõ chúng sinh vui trong đường tu tập, biết rõ chúng sinh ở trong định tà tụ, biết rõ chúng sinh ở trong các bất định tụ, biết rõ chúng sinh thích đạo Thanh văn, biết rõ chúng sinh thích đạo Bích-chi-phật, biết rõ chúng sinh thích đạo Vô thượng. Biết như vậy rồi, tùy nghi để thuyết pháp, giáo hóa khắp tất cả chúng sinh, đó gọi là biết Dục trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Tánh trí lực là có khả năng biết đúng như thật vô lượng chủng tánh của tất cả chúng sinh. Có chủng tánh vô lậu; có chủng tánh hữu lậu, chủng tánh thế gian và chủng

tánh xuất thế gian; tánh thường và tánh vô thường; tánh pháp giới, tánh không sai biệt. Lại biết sở thích của chúng sinh thành thói quen khó cải đổi từ tánh sinh dục, biết chỗ ưa thích ấy phát khởi từ tánh dục, và biết chỗ phát khởi tánh thiện và bất thiện, khởi tánh Thanh văn, tánh Bích-chi-phật và tánh Vô thượng Bồ-đề đều biết đúng như thật, tùy nghi để thuyết pháp, đó gọi là biết Tánh trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Căn trí lực là có khả năng biết rõ đúng như thật những căn sai biệt của tất cả chúng sinh. Biết căn hữu lậu, căn vô lậu, căn lanh lợi, căn chậm lụt, biết tăng, biết giảm. Có khả năng biết đúng như thật về tham dục, sân hận, ngu si có vô số loại; mỗi thứ có nặng, có nhẹ. Biết rõ những căn nào có thể làm tăng trưởng sinh tử; biết có những căn nào làm giảm bớt sinh tử, biết căn thiện và căn bất thiện, biết căn phi thiện và phi bất thiện; biết nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn; biết nam căn, nữ căn, mạng căn, khổ căn, lạc căn, ưu căn, lạc căn, hỷ căn, xả căn; biết tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Biết vị tri dục tri căn; biết tri dĩ tri căn; biết nhân nhãn căn cho đến nhân ý căn; biết nhân nhĩ căn làm duyên nhãn căn, biết nhân tỷ căn làm duyên thiệt căn; biết nhân thiệt căn là duyên thân căn, biết giới trang nghiêm có thể tu tập ở bố thí; biết bố thí trang nghiêm tu tập ở giới. Có thể biết ai nói thí, nói giới, cho đến trí tuệ cũng như vậy. Có khả năng biết ai nói bốn Niệm xứ, cho đến tám Chánh đạo phần; biết ai có thể nói được Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Vô thượng thừa. Biết căn Duyên giác học Thanh văn thừa; biết căn Chánh giác học Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa. Biết người hạ căn có thể tu tập thượng căn, người thượng căn có thể tu tập hạ căn; biết căn chúng sinh người chưa điều phục được thì sinh tâm xả, người có thể điều phục thì thuyết pháp chánh pháp; biết căn thuần thục, tướng không thuần thục; biết căn không thuần thục, tướng thuần thục; biết căn không thuần thục tướng không thuần thục, căn thuần thục có tướng thuần thục. Biết căn sinh tử, biết căn giải thoát; biết căn trang nghiêm, biết căn đầy đủ. Biết như thế rồi, thuyết pháp cho họ, đó gọi là biết Căn trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Chí xứ đạo trí lực tức là có khả năng biết đúng như thật người thực hành đạo như thế nào thì đọa ở địa ngục, hay là sinh lên cõi trời; người thực hành đạo như thế nào thì được đạt đến Niết-bàn. Những nghiệp như vậy đều phát sinh từ tánh căn

dục. Biết có nghiệp hữu lậu cho nên sinh ở năm đường, nghiệp vô lậu nên đạt đến Niết-bàn. Như vậy, có khả năng biết các chánh định tụ, các tà định tụ và những bất định tụ. Biết năng lực của nhân, năng lực quả báo; biết nhân duyên phước đức đời quá khứ; biết nhân duyên trang nghiêm đời hiện tại, biết khó điều phục, dễ điều phục, nói lược hiểu rộng, nói rộng hiểu lược. Biết chúng sinh ấy có thể đạt giải thoát, biết chúng sinh như thể không đạt được giải thoát. Biết người chưa được định lại gặp Thiện tri thức được trụ ở các chánh định tụ, không gặp được bạn tốt thì không giải thoát. Biết như vậy rồi, tùy theo khả năng nghe của họ mà thuyết pháp, đó gọi là biết Chí xứ đạo trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Thiền định trí lực, tức là có khả năng biết đúng như thật thiền định, giải thoát Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề. Biết cấu, biết tịnh, biết trụ, biết tăng; biết các chúng sinh do nhân duyên nào mà ham thích sinh tử, do nhân duyên nào lại ham thích Niết-bàn. Thế nào là nhân? Thế nào là duyên? Biết các chúng sinh suy nghĩ điều bất thiện là nhân duyên sinh tử. Do suy nghĩ bất thiện nên sinh trưởng vô minh, vì thế bất thiện là nhân, vô minh là duyên. Do nhân vô minh nên phát sinh ra hành, cho nên vô minh là nhân, các hành là duyên. Như vậy, cho đến do sinh mà có những đau khổ về già và chết, cho nên sinh là nhân, già chết là duyên; phiền não là nhân, năm cái là duyên, cho nên gọi là nhân duyên. Vì thế, các chúng sinh do nhân duyên ham thích sinh tử. Do nhân duyên gì mà ham thích Niết-bàn? Có hai nguyên nhân và hai pháp làm cho các chúng sinh ưa thích Niết-bàn, đó là Chỉ và Quán. Lại biết thuyết pháp nhân duyên, đắc Thanh văn Tam-muội, Duyên giác Tam-muội, Bồ-tát Tam-muội. Biết như thế rồi, thuyết pháp cho họ, đó gọi là biết Định trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Túc mạng trí lực, tức là có khả năng biết đúng như thật tất cả mọi nơi mình đã thọ sinh trong quá khứ, có sắc, không sắc, dòng họ, tên, ăn uống, sắc đẹp, hình tướng, khổ, vui và tuổi thọ dài ngắn; nghĩ nhớ chết nơi cõi kia và sinh ở nơi cõi khác. Biết thân ta và thân người cũng như vậy. Biết nghiệp nhân của chúng sinh do các chúng sinh ấy tạo những nghiệp nhân này nên được thân ở cõi khác; biết tâm và nhân duyên của các chúng sinh, tâm diệt như thế rồi thì tuần tự sinh; biết rõ ba đời không có bắt đầu và cuối cùng. Khuyên các chúng sinh nên quán các quả báo thiện ác, khổ vui trong quá khứ. Biết như thế rồi, tùy theo người nghe mà thuyết pháp, đó gọi là biết Túc mạng trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Thiên nhãn trí lực, tức là biết đúng như thật. Thấy tất cả chúng sinh sinh diệt đọa lạc, hoặc thọ hình sắc thiện hoặc thọ hình sắc ác, hoặc sinh cõi thiện, hoặc sinh cõi ác. Biết rõ tất cả các nghiệp nhân, biết thân, miệng, ý của chúng sinh làm ác và phỉ báng Thánh nhân, tăng thêm tà kiến. Vì nghiệp ác nên bỏ thân này liền đọa vào địa ngục. Biết thân, miệng, ý của chúng sinh thiện là không phỉ báng Thánh nhân, tăng thêm chánh kiến. Do nghiệp duyên, do bỏ thân này liền sinh ở cõi thiện. Có thể thấy thế giới mười phương chư Phật không cùng tận, giống như hư không không có giới hạn. Thấy rõ chúng sinh lúc sinh, lúc diệt, thấy lúc thành lúc hoại của các thế giới; cũng biết tâm Bồ-đề của các chúng sinh lúc sinh lúc diệt. Thấy tất cả chư Phật từ khi mới thành chánh giác, chuyển bánh xe chánh pháp cho đến lúc nhập Niết-bàn; thấy các bậc Thanh văn khi chứng giải thoát rồi thì nhập Niết-bàn; thấy các bậc Duyên giác dùng sức thần thông bảo các chúng sinh ở ân bố thí. Những việc như thế, tất cả năm phép thần thông của Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát không thể thấy được. Thiên nhãn Sa-môn Cù-đàm thành tựu công đức như thế. Dùng Thiên nhãn quán các chúng sinh, ai đáng được Phật hóa độ, ai đáng được Thanh văn, Duyên giác hóa độ. Thấy như vậy rồi, tùy theo người được độ mà hiện thân ấy để thuyết pháp, đó gọi là biết Thiên nhãn trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm biết Lậu tận trí lực, các lậu hoặc đã hết, giải thoát hoàn toàn. Cho nên tuyên bố rằng: Ta đã chấm dứt việc thọ sinh, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, lại không có đời sau. Trí lậu tận của Phật thanh tịnh vi diệu. Nói thanh tịnh là không còn tập khí. Trí Thanh văn còn có giới hạn. Vì sao? Vì còn có tập khí. Trí Bích-chi-phật cũng còn có giới hạn. Vì sao? Vì không có đại Bi. Trí lậu tận của Phật vô lượng, vô biên. Vì sao? Biết tất cả các hạnh, thành tựu đầy đủ Nhất thiết trí, đoạn sạch tất cả những tập khí, có đủ đại Từ, đại Bi, trang nghiêm bằng bốn Vô sở úy. Đối với tất cả pháp không thủ tướng, tất cả thế gian không thể hơn được; đi, đứng, nằm, ngồi không có những lỗi lầm. Giống như hư không trong sạch, không chướng ngại, không có xen lẫn những khói mây. Cũng vậy, Lậu tận trí của Đức Phật không lẫn những tập khí phiền não; thường thuyết pháp cho tất cả chúng sinh, khiến người nghe đoạn dứt các phiền não, đó gọi là Lậu tận trí lực.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm thành tựu hoàn toàn mười loại

trí lực như thế để trang nghiêm, nên được gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Thị xứ và phi xứ
Chư Phật biết như thật
Lời Thế Tôn chân thật
Nên không có lỗi lầm.
Các đời trong quá khứ
Thánh chiếu không chướng ngại
Vị lai và hiện tại
Trí tuệ không chìm mất,
Nghiệp và quả báo nghiệp
Trí về nhân và quả
Đều hay biết như thật
Cho nên gọi là Phật.
Thế gian vô số tánh
Từng loại biết như thật
Trong tánh khéo hiểu rõ
Cho nên người không bằng.
Thế gian nhiều loại tin
Và vô số người tin
Trí tuệ biết như thật
Cho nên nói lời thật.
Như thật biết căn thuần
Với căn được tự tại
Sức thần thông thiền định
Giác phần và giải thoát,
Biết nhiễm và thanh tịnh
Như thật hiểu sai khác
Như Lai không cách trở
Vì lìa mọi chướng ngại,
Quá khứ vô số đời
Mỗi mỗi trí lực thấy
Chính mình và thân người
Trí ấy biết như thật.
Mắt Phật trong không đục
Vượt thế gian trời người
Dùng mắt thanh tịnh ấy

Thấy chúng sinh sinh diệt,
Biết các Lậu tận trí
Và biết chỗ giải thoát
Là cảnh giới vô lậu
Thánh nhân biết như thật.
Năng lực không ai bằng
Phật Thế Tôn tự tại
Hiện ở trong nhất tâm
Mà tâm không sai khác,
Không lấy cũng không bỏ
Tự nhiên ở hiện tiền
Như bánh xe theo nghiệp
Tự nhiên mà xoay chuyển,
Nhất niệm biết như thật
Các tâm niệm chúng sinh
Ở tâm và chúng sinh
Không khởi có hai tướng,
Ở trong tất cả pháp
Đầy đủ các công đức
Cho nên nói Cù-đàm
Tự tại không lỗi lầm.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 9

Phẩm 8: Công Đức Không Lỗi Lầm Của Như Lai (Phần 4)

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô sở úy.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là bốn Vô sở úy của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Đó là Nhất thiết trí vô úy, Lậu tận vô úy, Chướng đạo vô úy và Tận khổ đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Nhất thiết trí vô úy tức là Sa-môn Cù-đàm đều biết rõ hết tất cả pháp. Nếu Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm không thể biết rõ tất cả các pháp". Nếu lời nói ấy đúng như thật, là điều không thể có. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết rõ tất cả các pháp. Cho nên gọi là Bình Đẳng Chánh Giác, nghĩa là biết rõ các pháp phàm phu, pháp Thánh nhân, pháp Thanh văn, pháp Duyên giác, pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp học, pháp vô học, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp thiện, pháp bất thiện, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, cho nên gọi là Chánh Giác. Nói Bình Đẳng tức là thấy bình đẳng, vì pháp chân thật, nói vô tướng bình đẳng, vì không có các tướng; nói vô nguyện bình đẳng, vì không đắm nhiễm ba cõi, không sinh bình đẳng vì tánh vô sinh; không hành bình đẳng, vì tánh vô hành, vô xuất bình đẳng, vì tánh vô xuất, vô chí xứ bình đẳng vì tánh vô chí xứ; chân thật bình đẳng vì không có ba đời; giải thoát bình đẳng vì tánh vô minh; Niết-bàn bình đẳng vì không sinh tử. Vì thế, Sa-môn Cù-đàm đều có khả năng biết rõ tất cả pháp đến chỗ không còn sợ hãi. Với tâm thương yêu rộng lớn, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, vận chuyển bánh xe pháp Phật, tất cả Trời,

Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian không ai có khả năng chuyển vận chánh pháp như thế. Đó gọi là Nhất thiết trí vô úy.

Đại vương nên biết! Lậu tận vô úy là Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết, cho nên đã tuyên bố rằng: "Ta lậu hoặc đã hết." Nếu như Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian nói rằng: "Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc chưa hết." Nếu nói lời như thế thì không đúng sự thật. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết. Đối với dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu tâm đạt được giải thoát, các tập khí đã diệt. Cho nên, Sa-môn Cù-đàm các lậu hoặc đã hết, đến chỗ vô úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp. Tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian, chưa từng có ai có khả năng vận chuyển như thế, đó gọi là Lậu tận vô úy.

Đại vương nên biết! Chướng đạo vô úy là Sa-môn Cù-đàm biết các pháp dục có thể chướng ngại Thánh đạo, cho nên đã nói rằng: "Dục có thể làm chướng ngại đạo." Nếu như Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói rằng; "Các pháp dục không làm chướng ngại đạo." Nếu nói lời như vậy là không đúng sự thật. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm biết rõ đúng như thật là pháp chướng đạo. Pháp chướng đạo nghĩa là mười nghiệp bất thiện, có thể làm chướng ngại Thánh đạo. Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết đúng như thật đến chỗ vô úy. Ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp, tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian chưa từng có ai có khả năng chuyển vận bánh xe Phật pháp như thế, đó gọi là Chướng đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Tận khổ đạo vô úy là Sa-môn Cù-đàm nói: "Tu tập đạo Thánh tận diệt ngọn nguồn khổ đau, đạt giải thoát vô thượng." Nếu như tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn trong thế gian đều nói, tu tập Thánh đạo không thể chấm dứt hoàn toàn ngọn nguồn các đau khổ. Nếu nói như vậy thì không đúng sự thật. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đã chứng Vô thượng giải thoát, chấm dứt mọi đau khổ.

Thế nào gọi là Thánh đạo chân thật? Đó là Nhất thừa. Nó có hai loại: Chỉ và Quán. Lại có ba loại: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô nguyện Tam-muội. Lại có bảy pháp: Từ bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, đó gọi là Thánh đạo hoàn toàn chân thật. Đạo rốt ráo là không tăng, không giảm, không giữ, không bỏ, không nắm, không

buông, không chánh, không tà, không một, không hai, đó gọi là Chánh đạo chân thật hoàn toàn. Sa-môn Cù-đàm có khả năng biết đúng như thật đến chỗ vô úy, ở trong đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, xoay chuyển bánh xe Phật pháp, tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chưa từng có người nào có khả năng xoay chuyển bánh xe pháp như vậy nên gọi là Tận khổ đạo vô úy.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm đã hoàn toàn thành tựu trí bốn Vô úy như thế, có khả năng rống lên tiếng rống sư tử, cho nên ta nói là không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Cù-đàm như sư tử
Trong chúng nói vô úy
Thế gian không ai bằng
Làm gì có người hơn?
Cù-đàm chứng các pháp
Như thật không hư vọng
Do thấy đúng như thật
Rống tiếng sư tử chúa.
Nếu có ai nói rằng:
"Cù-đàm nói không đúng"
"Cù-đàm không thể thấy"
Là không có điều đó.
Vì người không thấy tướng
Ở trong trời và người
Sư tử rống tự tại
Phát tiếng diệu vô úy.
Cù-đàm hết lậu hoặc
Đã đắc thân vô lậu
Vượt thế gian trời người
Nên nói không ai bằng.
Cù-đàm vì chúng sinh
Nói các pháp chướng đạo
Tất cả đều như thật
Nên không nói hư vọng.
Cù-đàm nói tiến thủ
Tự chứng nói như thế
Người tu hành pháp ấy

Không có các chướng ngại.
Cù-đàm biết như vậy
Đến chỗ thắng vô úy
Đạt diệu lạc vô úy
Cù-đàm trụ an ổn.
Chuyển bánh xe chánh pháp
Chưa ai từng xoay chuyển
Thế gian không thể chuyển
Trừ Bậc Lưỡng Túc Tôn.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu pháp Bất cộng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là pháp Bất cộng của Như Lai?

Đáp:

–Đại vương! Pháp Bất cộng của Sa-môn Cù-đàm nghĩa là Ngài không có những lỗi lầm, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì thân nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có các lỗi lầm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khẩu nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có những hư dối nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì ý nghiệp của Sa-môn Cù-đàm không sai trái, không có các tưởng, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm khi được cúng dường không sinh tâm tự cao; hoặc bị hủy nhục cũng không sinh tâm thấp hèn, luôn luôn định tâm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm hoặc đi, đứng, nằm, ngồi; hoặc nói hoặc im lặng thường ở trong định, luôn trú trụ tâm, xả tâm nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm tu thân, tu giới, tu tâm và tu tuệ, đoạn ngu si nên gọi là bậc Thánh, xả bỏ dục không dừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đại Từ, đại Bi, thuyết pháp độ người, an trụ nơi vắng lặng, không tăng, không giảm, siêng năng không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì tất cả chúng sinh, mà Sa-môn Cù-đàm ở trong vô số kiếp

chịu khổ đau rất lớn mà vẫn không sinh nhàm chán mệt mỏi, niệm không dừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm khi vừa mới thành đạo, Ngài quán sát khắp tâm của tất cả chúng sinh ở quá khứ, vị lai và hiện tại, sau đó thuyết pháp không cần quán lại mà vẫn không đánh mất niệm ban đầu, trí tuệ không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì đối với trong ba đời; Sa-môn Cù-đàm nhớ nghĩ không quên, giải thoát không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm không học từ Thầy mà giác ngộ tự nhiên; không như Nhị thừa phải nghe từ người khác, do quán nhân duyên sinh mà giải thoát tri kiến không ngừng nghỉ, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được trí vô ngại, biết tất cả nghĩa, tất cả chữ, tất cả câu. Đối với một câu pháp trải qua vô số kiếp Ngài nói nghĩa không cùng tận. Tất cả trí của thân nghiệp, nhờ bản trí biến chuyển, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân nghiệp của Sa-môn Cù-đàm đều hành động theo trí. Tất cả trí khẩu nghiệp triển chuyển theo căn bản trí, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khẩu nghiệp của Sa-môn Cù-đàm hành động theo trí. Tất cả trí ý nghiệp vì triển chuyển theo căn bản trí, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì ý nghiệp của Sa-môn Cù-đàm thực hành theo trí, biết đời quá khứ không chướng, không ngại, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đầy đủ Túc mạng minh mà biết đời tương lai không chướng ngại, nên gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được Thiên nhãn minh nên biết đời hiện tại không chướng ngại, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm đạt được Lậu tận minh, người không ác thấy được đảnh đầu, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân Sa-môn Cù-đàm vô biên nên người không thể hơn được, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm vượt hẳn các trời, người, Thanh văn, Bích-chi-phật nên chúng sinh mỗi người đều thấy Ngài ở trước mình, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Thân Sa-môn Cù-đàm chẳng thể nghĩ bàn nên lời nói của Ngài, người nghe sinh thiện, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu tất cả các công đức, nên tiếng thuyết pháp tùy theo người nghe, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo biết người khác nghĩ điều mà không lợi ích gì nên lời nói phát ra thanh tịnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Miệng Sa-môn Cù-đàm thường không nói lời phi nghĩa, nên khi phát ra giọng nói nhẹ nhàng, khiến cho người nghe ưa thích, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Tâm của Sa-môn Cù-đàm bình đẳng, lìa bỏ oán thân, nên Ngài nói ra âm thanh khiến người nghe không nhàm chán, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm nói vi diệu, nên ở trong chúng không sợ, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thanh tịnh tất cả các trí chướng, nên những lời nói của Ngài không sinh sự sợ hãi, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu bốn Vô úy, nên tùy ý nói năng, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo biết tâm tất cả chúng sinh nên đệ tử tịch tịnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Đồ chúng của Sa-môn Cù-đàm đều tùy thuận theo lời dạy nên tự lìa bỏ bực bội, trừ các pháp bất thiện, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thường nguyện thân mình như cây thuốc chúa, nên thấy không nhàm chán, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm có khả năng khiến người thấy biết rõ tất cả pháp, nên khi cử động thân quay lại như voi chúa, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm nhìn như rồng chúa, oai nghi thanh tịnh, nên ở trong bốn chúng có thể rống lên tiếng rống sư tử, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm đầy đủ mười Lực, khéo quyết định những điều nghi ngờ của đại chúng, nên thường nhận sự cúng dường của bậc trên, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm là ruộng phước vô thượng, nên công đức vô tận, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm tu tập các hạnh không cầu quả báo, nên tất cả Trời, Người, Ma vương, Phạm vương không phá hoại được, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Trong mỗi mỗi thời đều có Na-la-diên hộ vệ nên ghi nhớ mọi việc không sai lầm, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì khéo biết tất cả các căn nên biết được các hạnh, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm biết rõ tất cả các pháp nên trí tuệ của Ngài không trở ngại, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm biết rõ ba đời, trí tuệ thanh tịnh, nên tập khí phiền não đã tận diệt hết, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm khéo thanh tịnh nhân phiền não, nên ở trong thế gian làm Thầy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thông đạt tất cả pháp tướng, nên đạt được Pháp thân, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thọ mạng vô tận, nên ai được thấy nghe, gần gũi thì được lợi ích lớn, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu pháp thiện, ba nghiệp bất không, nên người nào làm thân là chảy máu thì phạm tội nghịch ác, gọi là pháp Bất cộng.

Vì sao? Sa-môn Cù-đàm thành tựu thiện căn Vô thượng thù thắng.

Đại vương nên biết! Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn thành tựu pháp Bất cộng như thế, cho nên ta nói Ngài không có lỗi lầm.

Rồi nói bài kệ rằng:

Cù-đàm không lỗi lầm
Cũng không có tập khí
Các niệm đều thanh tịnh
Bậc trí ấy không lỗi.
Tất cả tướng không khác
Nhưng tâm không quên mất
Xả bỏ tâm tạo tác
Các dục đều không giảm.
Tinh tấn không lười biếng
Có niệm chưa từng quên
Không thoái tuệ giải thoát
Chánh kiến không mất giảm.
Trí tuệ không dao động

Nghiệp thân khẩu cũng vậy
Lấy trí làm căn bản
Thường triển chuyển như thế.
Trí thường không lỗi lầm
Đời quá khứ cũng vậy
Vị lai và hiện tại
Các nơi không chướng ngại.
Cù-đàm là người trí
Các công đức như thế
Lại có pháp thắng khác
Làm chủ rất nhiều nơi.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Như Lai thành tựu thân trang nghiêm bằng công đức như thế là thường hay là vô thường? Công đức như thế là có giới hạn hay không có giới hạn?

Đáp:

–Đại vương! Sa-môn Cù-đàm trụ ở công đức ấy, chấm dứt ngọn nguồn sinh tử. Thân sau cùng là thân thường trụ, chẳng phải vô thường. Đại vương! Ngài chớ quán sát thân Cù-đàm đồng với vô thường.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thân thường trụ như vậy, nên quán như thế nào?

Đáp:

–Đại vương! Như tự quán chiếu thân pháp tánh của mình, quán thân Cù-đàm cũng như thế. Thân ấy là sắc, vì không giống như sắc thấy được. Thân ấy là tâm, vì không giống như tâm biết được. Thân ấy là cây đuốc, vì tánh không tối tăm. Thân ấy cường tráng, vì thu phục các điều ác. Thân ấy có sức mạnh, vì không thể bị hàng phục. Thân ấy không trái ngược, vì tánh bình đẳng. Thân ấy là không, vì lìa thấy nghe. Thân ấy là vô tướng, vì lìa giác quán. Thân ấy là vô nguyện, vì ra khỏi ba cõi. Thân ấy là một tướng, vì không có tướng khác. Thân ấy như hư không, vì không giống nhau. Thân ấy chẳng phải sinh, bởi vì từ duyên sinh. Thân ấy chẳng diệt, vì nó vốn không sinh. Thân ấy chẳng trụ, vì không có ba đời. Thân ấy chẳng có phương hướng, nên không lìa phương hướng. Thân ấy chẳng phải chúng sinh nên không lìa tất cả chúng sinh.

Đại vương nên biết! Người nào quán như thế gọi là quán thân thường

trụ, gọi là thấy Pháp thân. Người nào quán như thế gọi là chánh quán. Người nào quán khác gọi là quán tà.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là chẳng phải sinh mà từ duyên sinh?

Đáp:

–Đại vương! Pháp thân chẳng phải sinh mà từ duyên sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là từ duyên sinh?

Đáp:

–Đại vương nên biết! Nói từ duyên sinh tức là sinh từ công đức trí tuệ ở vô số kiếp; sinh từ Giới, sinh từ Định, sinh từ Tuệ, sinh từ Giải thoát, sinh từ Giải thoát trí kiến; sinh từ Từ, Bi, Hỷ, Xả; sinh từ Bố thí, sinh từ Trì giới, sinh từ Nhẫn nhục, sinh từ Tinh tấn, sinh từ Thiền định, sinh từ Trí tuệ, sinh từ Giải thoát Tam-muội, sinh từ các Phương tiện ba-la-mật, sinh từ sáu phép thần thông, sinh từ ba Minh, sinh từ bốn Vô ngại; sinh từ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng; sinh từ đoạn dứt các pháp bất thiện, tích tập các pháp thiện, sinh từ trí tuệ chân thật, sinh từ không phóng dật.

Đại vương nên biết! Sinh pháp vô lượng công đức thanh tịnh như thế, nên thân của Cù-đàm có công đức vô tận, Pháp thân vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp sinh có cùng tận. Như vậy, thế nào là có sinh mà không tận?

Đáp:

–Đại vương! Vì vốn không sinh nên không có tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là vốn không sinh?

Đáp:

–Pháp thân chẳng sinh, vì bản thân nó có, vì duyên sinh nên gọi là sinh.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp thân sinh từ duyên vô lượng, vô biên như thế. Nếu muốn thực hành nó thì lấy gì làm gốc và bắt đầu làm từ đâu?

Đáp:

–Đại vương! Tất cả những công đức là hạnh trợ giúp đạo. Nói tóm lại là lấy giới làm căn bản và bắt đầu bằng trì giới. Nếu không trì giới, thậm chí đến thân dã can cũng không được, huống gì được thân công đức.

Đại vương! Vì giới thanh tịnh nên không đoạn giống Phật, thành Đẳng chánh giác không đoạn giống Pháp, phân biệt pháp tánh không đoạn giống Tăng, tu đạo vô biên. Vì trì giới thanh tịnh liên tục không gián đoạn nên công đức vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Tất cả giới thiện đều không cùng tận và cũng có cùng tận chăng?

Đáp:

–Đại vương! Tất cả không có cùng tận mà cũng có cùng tận. Vì sao? Vì sự liên tục gián đoạn nên có cùng tận, vì không gián đoạn nên vô tận.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Thế nào là liên tục gián đoạn? Thế nào là liên tục không gián đoạn?

Đáp:

–Đại vương! Giới thanh tịnh liên tục không gián đoạn nên công đức không cùng tận. Vì sao? Giới của người phạm ở chỗ thọ sinh gián đoạn nên có chấm dứt. Người ở trong giới thập thiện đạt được quả báo gián đoạn nên có chấm dứt. Công đức phước báo của các trời ở cõi Dục gián đoạn nên có sự chấm dứt. Chư Thiên cõi Sắc đi vào các định mà tâm còn gián đoạn nên có chấm dứt. Chư Thiên cõi Vô sắc đi vào các thiền định có gián đoạn nên có chấm dứt. Tất cả các Thanh văn giới Học, Vô học đi vào cõi Niết-bàn có gián đoạn nên có chấm dứt. Giới Bích-chi-phật không có tâm đại Bi có gián đoạn nên có chấm dứt. Các giới Bồ-tát đạt đến Bồ-đề, thành tựu tâm đại Bi nên công đức không cùng tận. Vì sao? Vì ở trong giới đó phát sinh ra tất cả các giới phàm tục, nhị thừa. Như vậy, hạt giống vô tận nên quả cũng vô cùng.

Nhà vua hỏi:

–Thưa Đại sư! Pháp thân này, nên nương vào pháp gì để khởi lên sự quán chiếu như thế?

Đáp:

–Đại vương! Nên nương vào tất cả thân phiền não của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào trong tham dục, sân hận, ngu si của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào bốn cái thấy điên đảo của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào trong ấm, giới, các nhập của chúng sinh để quán chiếu; nên nương vào các thân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến A-tu-la để quán chiếu. Vì sao? Vì những thân này tức là Như Lai tạng. Ở trong tất cả tạng phiền não, các cấu nhiễm đều có tánh Như Lai hiển nhiên đầy đủ, như vàng ở trong đá, như lửa ở trong cây, như nước ở trong đất, như bơ ở trong dừa, như dầu ở trong mè, như mầm ở trong hạt, như báu ở trong kho, như tượng ở trong khuôn, như thai ở trong bào thai, như mặt trời trong mây, cho nên, ta nói trong thân phiền não có Như Lai tạng.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử nói kệ:

Cù-đàm thân Pháp tánh
Sắc diệu thường sáng ngời
Thanh tịnh thường vắng lặng
Thân ấy như hư không,
Cho nên thân pháp tánh
Chúng sinh không gì khác
Cảnh giới này thậm thâm
Nhị thừa làm sao biết?

Lúc bấy giờ, vua Nghiêm Sí nghe Đại Tát-già Ni-kiền Tử nói về Pháp thân công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, sinh tâm vui mừng, thích thú, hớn hở và tâm vô cùng hoan hỷ; sinh tâm kính ngưỡng vô lượng, sinh tâm ái niệm vô lượng và sinh tâm vui mừng vô lượng. Đối với Đại Tát-già Ni-kiền Tử, nhà vua lại sinh tâm chẳng thể nghĩ bàn, sinh tâm không thể lường, sinh tâm tôn kính, sinh tâm tôn trọng, sinh tâm cung kính, sinh tâm biết rõ đạo Bồ-đề, sinh tâm Nhất thiết trí, sinh tâm đến bờ kia, sinh tâm như ngủ say thức dậy, sinh tâm khởi niệm, sinh tâm trụ Bồ-đề giải thoát chẳng thể nghĩ bàn.

Khi sinh những tâm chẳng thể nghĩ bàn như thế rồi, nhà vua lấy trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ anh lạc có giá trị và vô số y phục đẹp có giá trị tự tay dâng lên cúng dường Đại Tát-già Ni-kiền Tử.

Nhà vua lại thưa:

–Lành thay, thưa Đại sư Tát-già! Đại sư có khả năng nói pháp môn

khéo léo đại thắng phương tiện.

Thưa Đại sư Tát-già! Pháp ngài nói rất khéo léo, tùy thuận trí Nhất thiết trí. Pháp này có khả năng đến địa vị Nhất thiết trí. Pháp thầy nói có thể vượt qua các dòng thế gian. Pháp của Đại sư nói có thể rửa sạch tất cả cấu nhiễm phiền não. Pháp của Đại sư nói có khả năng phá vỡ cánh cửa tật đố. Pháp của Đại sư nói có khả năng nhổ sạch những khổ đau trong đường ác. Pháp của Đại sư nói là phương tiện rất tốt phá hoại tất cả các núi lớn kiêu mạn. Pháp của Đại sư nói đều có thể làm khô cạn tất cả biển lớn ái dục trong thế gian. Pháp của Đại sư nói có khả năng chiếu đến những khu rừng rậm vô trí. Pháp của Đại sư nói không mất thời gian, không mất khi tiếp nhận.

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử bảo với vua Nghiêm Sí:

–Đại vương! Đúng như vậy. Các Đại Bồ-tát không có oai nghi thì không giáo hóa chúng sinh; không có một pháp thì không thể tùy thuận theo pháp môn Đại thừa; không có một pháp thì không thể đến được địa vị Nhất thiết trí; không có một pháp thì không thể đoạn tất cả phiền não; không có một pháp thì không thấy các lỗi lầm thế gian; không có một pháp thì không thấy công đức vô thượng của Niết-bàn; không có một pháp thì không thấy hạnh thù thắng vô thượng của Bồ-tát.

Đại vương! Tất cả hạnh mà các Đại Bồ-tát thực hành đều vì tự lợi và lợi tha, phải có đầy đủ hai sự lợi ích ấy.

Khi Tát-già Ni-kiền Tử nói pháp môn này, vua Nghiêm Sí đạt được tâm kiên cố, không thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề.

Mười sáu người con của vua đạt được chỗ gọi là cảnh giới tín tâm vui mừng, hớn hở. Tám ngàn Thiên tử được gọi là quán Phật Tam-muội trang nghiêm.

Bấy giờ, mười ba ngàn quyến thuộc của vua Nghiêm Sí và quyến thuộc của Đại Tát-già Ni-kiền Tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những chúng sinh ấy, mỗi người tự cởi y ngoài trên thân mình mang đến cúng dường Tát-già Ni-kiền Tử và thưa rằng:

–Hôm nay chúng con được lợi ích rất lớn, vì chúng con được thấy Tát-già Ni-kiền Tử, được nghe nói pháp môn thắng diệu Nhất thiết trí tuệ này.

-oOo-

Phẩm 9: Đến Gặp Như Lai

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí cùng các quyến thuộc thưa:

–Thưa Đại Tát-già Ni-kiền Tử! Nay Đại sư nên đi đến chỗ Đức Như Lai, gặp Phật Thế Tôn, lễ bái Như Lai, cúng dường Như Lai. Vì sao? Nay Đức Phật Thế Tôn đang ở tại nước con, đang thuyết pháp vi diệu cho đại chúng.

Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Lành thay, này Đại vương! Ta cũng muốn gặp Đức Như Lai, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ, cùng với tất cả các vua nhỏ trong nước, thành ấp, chủ các tụ lạc, đại thần, vương tử, trưởng giả, cư sĩ và phu nhân của vua, cung phi, mỹ nữ, cùng với vương đại thần của vua, tất cả mọi người đều đồng tâm đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ, vua Nghiêm Sí hạ chiếu cho tất cả thành ấp, cho đến chủ tụ lạc ở trong nước, mỗi nơi phải thống lĩnh tất cả quyến thuộc của mình và đều trang nghiêm để cùng đi đến chỗ Đức Phật. Nếu người nào không đi đến chỗ Đức Như Lai sẽ bị chém đầu.

Bấy giờ, tất cả những thiện nam, thiện nữ và các đồng nam, đồng nữ ở trong nước khi nghe lệnh của nhà vua ban ra thì đều muốn cùng với Đại Tát-già Ni-kiền Tử đến chỗ Đức Phật, trong lòng họ rất vui mừng. Mọi người trang hoàng các thứ rất đẹp, chuẩn bị đầy đủ các loại hương hoa, như: hương bột, hương xoa, vòng hoa, lộng và mang các loại âm nhạc ra khỏi thành Uất-xà-diên, từ bên đường lớn đợi vua Nghiêm Sí.

Lúc đó, vua Nghiêm Sí ngự giá trên chiếc xe được trang hoàng bằng bảy báu, lấy vô số những bình vàng bình bạc đựng các loại hoa đặt ở hai bên thùng xe, thể hiện sức mạnh của Đại vương, thể hiện thế lực của Đại vương, thể hiện thần thông và sự mạnh mẽ của Đại vương. Voi, ngựa, xe, bộ là thể hiện sự vui chơi thỏa thích của bậc Đại vương. Dựng các thứ tràng phan, lộng hoa, đánh tám ngàn loại trống khác nhau, có tiếng rất hay và các loại ca múa.

Đại Tát-già Ni-kiền Tử cùng với đại thần, vương tử, Vương Đại Lực phu nhân, cung phi và các tiểu vương, trưởng giả, cư sĩ, những người giữ cửa, giữ cung. Tất cả chín vạn tám ngàn vạn người vây quanh

trước sau nhà vua cùng đi đến chỗ Đức Phật. Khi đến rồi, họ đảnh lễ dưới chân Đức Phật và đi nhiễu quanh ba vòng. Còn Tát-già Ni-kiền Tử cùng với các quyến thuộc đảnh lễ dưới chân Đức Phật và đi nhiễu quanh Ngài vô số trăm ngàn vòng rồi ngồi xuống một bên, chí thành chắp tay trụ quán Đức Phật im lặng không rời mắt.

-oOo-

Phẩm 10: Thuyết Pháp (Phần 1)

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất thấy Tát-già Ni-kiền Tử ngồi trước Đức Phật chí thành chắp tay trụ im lặng, quán Đức Phật không rời mắt, tự nghĩ rằng: "Tát-già Ni-kiền Tử này vì chuyện gì mà đến chỗ Đức Phật?" Nghĩ như vậy rồi, Xá-lợi-phất liền hỏi Tát-già Ni-kiền Tử:

–Ông đến chỗ Phật vì chuyện gì? Vì để gặp Đức Phật, hay vì nghe pháp chăng?

Khi ấy, Tát-già Ni-kiền Tử nói với Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Hôm nay tôi đến chỗ Đức Thế Tôn không phải vì được diện kiến Phật, cũng không vì nghe pháp. Đại đức Xá-lợi-phất! Hôm nay tôi không phải vì tất cả pháp mà đến chỗ Đức Phật. Vì sao? Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Không thấy sắc, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy thọ, tưởng, hành, thức nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy tánh đất, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy tánh nước, gió, lửa nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy ngã, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy chúng sinh, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy thọ mạng, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy người, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy chủ thể, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy ngã sở, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy cái việc thấy, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy tướng, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy vô tướng, nên mới gọi là thấy Như Lai. Vì sao?

Thưa ngài Xá-lợi-phất! Không thấy tất cả tướng, mới gọi là thấy Như Lai; không chấp trước cái thấy mới gọi là thấy Như Lai; không thấy vật mới gọi là thấy Như Lai. Thấy đúng như thật tế, nên mới gọi là thấy Như Lai; thấy thật tế chẳng phải thật tế, nên mới gọi là thấy Như Lai; chán ghét mắt, chán ghét sắc, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy tai, không nghe âm thanh, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy mũi, không ngửi

được hương, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy lưỡi, không nếm mùi vị, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy thân, không thấy xúc, nên mới gọi là thấy Như Lai; không thấy ý pháp, không thấy phân biệt ý pháp, nên mới gọi là thấy Như Lai.

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Đại đức Tát-già! Nếu thấy như thế gọi là thấy Như Lai. Vậy thì, làm sao gọi là thấy Phật Thế Tôn?

Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Không thấy nhà nên gọi là thấy Như Lai; chẳng thấy họ nên gọi là thấy Như Lai; không tướng nên gọi là thấy Như Lai; không phi tướng nên gọi là thấy Như Lai; phi pháp nên gọi là thấy Như Lai; không phi pháp nên gọi là thấy Như Lai; không thật nên gọi là thấy Như Lai; không phải không chân thật nên gọi là thấy Như Lai; không quán nên gọi là thấy Như Lai; không phải không quán nên gọi là thấy Như Lai; không niệm nên gọi là thấy Như Lai; không phải không niệm nên gọi là thấy Như Lai; chẳng phân biệt nên gọi là thấy Như Lai; không phải không phân biệt nên gọi là thấy Như Lai; không hữu vi nên gọi là thấy Như Lai; chẳng phải vô vi nên gọi là thấy Như Lai; chẳng phải có vật nên gọi là thấy Như Lai; chẳng phải không vật nên gọi là thấy Như Lai; không hòa hợp nên gọi là thấy Như Lai; không biệt ly nên gọi là thấy Như Lai; không phải sắc nên gọi là thấy Như Lai; không phải thọ, tưởng, hành và thức nên gọi là thấy Như Lai; không phải thủ nên gọi là thấy Như Lai; không phải không thủ nên gọi là thấy Như Lai; không phải sinh nên gọi là thấy Như Lai; không phải không sinh nên gọi là thấy Như Lai.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất nói với Đại Tát-già Ni-kiền Tử:

–Thưa Đại đức Tát-già! Nếu người thấy như thế gọi là thấy Như Lai. Vậy thì thế nào là thấy Phật Thế Tôn?

Tát-già Ni-kiền Tử đáp:

–Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Ta chẳng phải thấy sắc là thấy Như Lai, cũng không phải lìa sắc thấy Như Lai.

Ta không hủy diệt sắc gọi là thấy Như Lai. Như vậy, không phải thấy thọ, tưởng, hành và thức gọi là thấy Như Lai; không lìa thọ, tưởng, hành và thức gọi là thấy Như Lai.

Ta không hoại diệt thọ, tưởng, hành, thức gọi là thấy Như Lai. Ta không thấy Như Lai thuộc về thế gian, cũng không thấy Như Lai thuộc về xuất thế gian.

Ta không thấy Như Lai thuộc về ấm, cũng không thấy Như Lai thuộc về giới, không thấy Như Lai thuộc về nhập.

Ta không thấy Như Lai lìa tất cả âm thanh, ngôn ngữ. Nay, đối với Như Lai ta thấy như vậy, không thấy và chẳng không thấy như vậy; không biết, không phân biệt, không khởi, không thị hiện, không sinh, không tăng trưởng, không giữ, không bỏ, không lý luận, không tạo ra tướng, không làm cũng chẳng không làm, không tạo ra vật cũng chẳng không tạo ra vật, không thọ nhận, không giữ gìn, không khởi tâm thấy, không tự nhiên thấy, không quán thấy, không phải không quán thấy, không thể nói thấy, không thể không nói thấy.

Lìa bỏ tất cả ngôn ngữ, danh tự, âm thanh, chương cú mới gọi là thấy Như Lai. Vì sao? Vì không thể dùng tướng như thế để thấy Như Lai.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Các Đại Bồ-tát thấy Phật như thế. Ta đối với Như Lai cũng thấy như vậy.

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Đại đức Tát-già! Người có thể thấy Như Lai như thế. Vậy thì, Như Lai thuyết pháp làm sao để nghe được?

Đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu ta khởi lên ý nghĩ pháp tướng chẳng phải pháp tướng mới đúng là nghe pháp Như Lai thuyết. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát đối với những âm thanh của tất cả danh tự, chương cú, ngôn ngữ để nghe âm thanh của Như Lai thuyết pháp không tạo tác tâm pháp tướng, chẳng phải pháp tướng. Vì sao? Vì xa lìa tất cả pháp tướng.

Xá-lợi-phất nói:

–Thưa Đại đức Tát-già! Người đến chỗ Đức Phật chẳng phải vì pháp chăng?

Đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Ta đến chỗ Đức Phật không vì pháp cũng không không phải không vì pháp. Vì sao? Đại đức Xá-lợi-phất! Phàm người vì pháp thì không vì tất cả pháp mới gọi là vì pháp. Nếu có người nói rằng,

vì pháp mà đến thì người ấy không nên chấp trước pháp này mới gọi là vì Phật, không thấy pháp này mới gọi là vì Pháp, không chấp trước sinh tử mới gọi là vì Tăng.

Phàm người vì pháp, không vì biết khổ, không vì dứt tập, không vì tu đạo, không vì chứng diệt, không vì ra khỏi Dục giới, không vì vượt ra khỏi Sắc giới, không vì ra khỏi Vô sắc giới, không vì đạt được Niết-bàn.

Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Dựa trên những pháp này thì cũng đủ biết rằng, nay ta không phải vì pháp mà đến chỗ Đức Phật.

Bấy giờ, Đại đức Xá-lợi-phất bảo Đại Tát-già Ni-kiền Tử:

–Đại đức Tát-già! Nay Đại đức dựa vào pháp gì mà nói như thế?

Đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nay ta hoàn toàn không dựa vào một pháp nào để nói như thế. Vì sao? Vì trong pháp giới không nương dựa, trong pháp giới nương dựa không thể được. Trong pháp giới không nương dựa thì cũng không thể được. Vì sao? Vì không thấy có hai vậy.

Xá-lợi-phất nói:

–Đại đức Tát-già! Hôm nay, Đại đức nương dựa vào sáu đường đến đi chăng?

Đáp:

–Thưa Đại đức! Nếu ta thấy có tướng sáu đường ấy thì phải có đến đi. Nếu ta thấy có sinh cũng phải thọ sinh, thấy có thoái lui thì phải có thoái lui, có đi thì phải đi. Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả pháp không động, không chuyển, không tới, không lui và không sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Tát-già Ni-kiền Tử! Nếu quả như vậy, tại sao Đức Như Lai nói: "Này các Tỳ-kheo! Sinh, lão, bệnh, tử cũng có sinh cũng có diệt?"

Đáp:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Như Lai căn cứ vào chúng sinh trong sáu đường mà nói như thế. Vì muốn phá bỏ sự lệ thuộc vào sáu đường của chúng sinh, cho nên Như Lai nói như thế.

Đại đức Xá-lợi-phất! Ở trong Phật pháp không có đến, không đi, không sinh, không diệt.

Xá-lợi-phất nói:

–Lành thay, lành thay! Đại đức Tát-già! Như điều Đại đức nói thì

người thực hành Đại thừa phải biết nghĩa, biết chữ.

Tát-già Ni-kiền Tử nói:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức có biết thế nào là nghĩa, thế nào là chữ không?

Xá-lợi-phất nói:

–Đại đức Tát-già! Tôi không muốn nói. Tôi muốn nghe Đại đức nói. Đại đức nên nói thế nào là nghĩa và thế nào là chữ?

Bấy giờ, Tát-già Ni-kiền Tử bảo Xá-lợi-phất:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Nói về nghĩa là không thể nói, nhưng nói rằng không thể nói thì tên của nó là văn tự. Nếu nói nghĩa là tên không phải ngôn ngữ, nói ngôn ngữ ấy thì tên của nó là văn tự. Nói nghĩa là tên không phải tên, thì nói tên ấy của nó là văn tự. Nói nghĩa, là không thể chuyển động, không thể biết, không thể hý luận, không thể phân biệt, không thể sinh, không thể tụ hội, chẳng phải vật, chẳng phải thật, vô ngã, không khởi, không giữ, không nương tựa, xa lìa tất cả những bám víu vào ngôn ngữ danh tự.

Nói văn tự suy nghĩ, luôn cân nhắc quán sát, làm cho người khác hiểu gọi là chữ. Nói về nghĩa là vì nghĩa vô ngại. Nói về văn tự là tên pháp vô ngại, từ ngữ vô ngại, nói giỏi vô ngại.

Đại đức Xá-lợi-phất! Đó gọi là nói sơ lược về nghĩa, nói sơ lược về văn tự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tát-già Ni-kiền Tử:

–Hay thay, hay thay! Này Tát-già! Ông nói rất hay. Nếu có thiện nam tử nào muốn nói pháp thì nên nói như vậy, như ông đã nói pháp môn này.

Khi ấy, trong đại chúng có ba ngàn Thiên tử nghe Đại Tát-già Ni-kiền Tử nói năng tài giỏi rất hay liền đạt được Vô sinh pháp nhẫn. Hai mươi ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN TỬ SỞ THUYẾT

QUYỂN 10

Phẩm 10: Thuyết Pháp (Phần 2)

Bấy giờ, Tuệ mạng Đại Mục-kiền-liên bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn! Nay Tát-già Ni-kiền Tử thị hiện tướng ngoại đạo này giáo hóa được bao nhiêu chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Mục-liên! Nay ông hỏi ta việc này, trời người nghe nói thảy đều hoang mang, chỉ trừ chúng Đại Bồ-tát.

Mục-liên! Nay ta chỉ nói về phần nhỏ ấy khiến chúng sinh dễ hiểu. Thiện nam tử Tát-già dùng những loại hình tướng, những loại sắc, các thứ oai nghi để giáo hóa chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mục-liên! Số chúng sinh nhiều như vi trần của núi Tu-di ở trong pháp ngoại đạo, thiện nam tử Tát-già thực hành pháp ngoại đạo, giáo hóa khiến cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Số chúng sinh nhiều như vi trần trong bốn thiên hạ ở trong pháp ngoại đạo Già-la-già, thiện nam tử Tát-già thực hành pháp Già-la-già giáo hóa khiến cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tám vạn bốn ngàn hằng hà sa số những chúng sinh sống ở trong pháp ngoại đạo Ba-lợi-bà-xà.

Thiện nam tử Tát-già thực hành pháp ngoại đạo Ba-lợi-bà-xà giáo hóa, khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười hằng hà sa những chúng sinh thích hạnh Thanh văn, thiện nam tử Tát-già thị hiện hạnh Thanh văn giáo hóa, khiến họ trụ trong Bồ-đề Thanh văn rồi, sau đó phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vượt hơn vô số những thân Thanh văn ấy, thị hiện hạnh hình tướng Bích-chi-phật giáo hóa, khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người nào cần thị hiện thân Đế Thích để giáo hóa, thì liền hiện thân Đế Thích giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Phạm vương để giáo hóa, liền thị hiện thân Phạm vương giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân vua Chuyển luân để giáo hóa thì liền hiện thân vua Chuyển luân giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân vua bốn cõi trời để giáo hóa thì liền hiện thân vua bốn cõi trời giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Khẩn-na-la để giáo hóa thì liền hiện thân Khẩn-na-la giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân A-tu-la để giáo hóa, liền hiện thân A-tu-la để giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Ca-lâu-la để giáo hóa, liền hiện thân Ca-lâu-la giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Ma-hầu-la-già để giáo hóa, liền hiện thân Ma-hầu-la-già giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân người để giáo hóa, liền hiện thân người giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân người nữ để giáo hóa, liền hiện thân người nữ giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân đồng nam, đồng nữ để giáo hóa, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân trời đất để giáo hóa, liền hiện thân trời đất để giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân cùng sinh ở cõi trời, liền hiện thân cùng sinh ở cõi trời giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Thánh nhân để giáo hóa, liền thị hiện thân Thánh nhân giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Ma-na-bà để giáo hóa, liền hiện thân Ma-na-bà giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni để giáo hóa, liền hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni để giáo hóa chúng sinh.

Cần phải thị hiện thân Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di để giáo hóa, liền hiện thân Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di giáo hóa chúng sinh.

Mục-liên! Thiện nam tử Tát-già đã thị hiện vô số những loại thân tướng như thể, giáo hóa vô số chúng sinh như thế phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Mục-liên bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam tử Tát-già cúng dường bao nhiêu chư Phật?

Đức Phật bảo Mục-liên:

–Này Mục-liên! Cõi đất, cõi gió và cõi hư không… đều có thể tính được. Còn thiện nam tử Tát-già dùng các loại thân cúng dường chư Phật thì không thể nào tính được số lượng.

-oOo-

Phẩm 11: Thọ Ký

Bấy giờ, Đại đức Ma-ha Ca-diếp bảo thiện nam tử Tát-già:

–Thiện nam tử! Người đã cúng dường vô số chư Phật, thành tựu đầy đủ vô lượng, vô biên các công đức, nhưng vì sao chưa thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tát-già đáp:

–Đại đức Ca-diếp! Nếu tôi có thấy Bồ-đề như thế, thấy chứng như thế thì tôi mới chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ca-diếp nói:

–Thiện nam tử Tát-già! Có vô lượng, vô biên Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đang thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tát-già đáp:

–Đại đức Ca-diếp! Hôm nay Đại đức nói có vô lượng, vô biên các chúng sinh thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là số chúng sinh kiêu mạn. Vì sao? Đại đức Ca-diếp! Vì trong Đệ nhất nghĩa, Bồ-đề không thể đắc, Bồ-tát không thể đắc. Vì sao? Vì Bồ-đề gọi là vô vi, Bồ-đề là lìa bỏ tất cả số, Bồ-đề chẳng phải sắc pháp, Bồ-đề không thể thấy. Bồ-đề là không phải xanh, không phải vàng, không phải đỏ, không phải trắng, không phải hồng, không phải đen, không phải màu sắc pha lê. Nó không có sắc, không có hình, không có tướng, không có biểu hiện, vượt qua tất cả tướng; không nương tựa, lìa tất cả nương tựa; không vật lìa

tất cả vật, vô tướng lìa tất cả tướng. Không thể nói, không thể thuyết, không thể thấy, không thể hòa hợp để biết, không thể riêng biệt để biết; chẳng tối, chẳng sáng. Không có hình, không có tướng, không thể quán. Không ngôn ngữ, lìa ngôn ngữ, không thể tiếp xúc, không thể biết, không thể nghe; chẳng phải âm thanh, chẳng phải miệng, không ngăn, không ngại, không trói buộc, không giải thoát, không giận dữ, không ngu si. Không thể đem tất cả mọi việc thị hiện, không thể nói.

Đại đức Ca-diếp! Thể của Bồ-đề có tướng trạng như thế. Nó không thể dùng thân để chứng, không thể dùng tâm để biết. Vì sao? Vì thân ấy vô tri như cỏ cây, thân ấy không hiểu như vách đá, thân ấy không nhận thức như tấm gương. Vì thế, không thể dùng thân để chứng đắc Bồ-đề. Tâm cũng không thể thấy, không thể hiện ra, cho nên không thể dùng tâm chứng đắc Bồ-đề.

Đại đức Ca-diếp! Chúng sinh không thể thấy, vì không có chúng sinh cho nên không đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả các pháp cũng đều như thế.

Đại đức Ca-diếp! Đại đức nghĩ như thế nào mà nói rằng, tôi đã cúng dường vô số chư Phật, đầy đủ vô lượng, vô biên công đức mà sao không thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bấy giờ, trong chúng hội, các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thích Đề-hoàn Nhân, vua bốn cõi Trời, Phạm và vua trời… Tất cả đại chúng cùng nghĩ rằng: "Như Lai Thế Tôn vì trừ tâm nghi hoặc của chúng ta, tuy thuận theo lòng tin của chúng ta mà Ngài đã thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho thiện nam tử Tát-già, với thời gian bao nhiêu sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở trong kiếp nào? Dòng họ gì? Gia đình nào? Quyến thuộc nào? Xuất gia như thế nào? Ở dưới cây gì thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Sau khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, danh hiệu Phật là gì? Trụ thế được bao lâu? Có bao nhiêu chúng hội?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết tâm nghĩ của các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thích Đề-hoàn Nhân, vua bốn cõi Trời, Phạm, vua trời… trong chúng hội rồi, liền bảo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử rằng:

Văn-thù-sư-lợi! Thiện nam tử Tát-già, trải qua hiền kiếp này, lại trải qua vô lượng vô số kiếp sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với

danh hiệu Phật là Bảo Tuệ Tràng Vương, thế giới tên Thiện quán danh xưng. Trong thế giới ấy, không có những sự oán thù. Thế giới Thiện quán danh xưng ấy được trang nghiêm bằng những thứ hiếm có, đặc biệt rất cực đẹp và thật sung sướng. Đất ấy được trải bảy báu trang hoàng. Tường xung quanh thành quách được làm bằng bảy báu, che chắn trăm ngàn vạn lớp. Trong ấy lại có bảy trăm ngàn vạn lớp biển đại hương thủy chảy bao bọc xung quanh; lấy bảy báu trăm ngàn vạn đại Tỳ-lưu-ly, Ma-ni, bảo châu làm cửa và cổng, lấy mười trăm ngàn vạn vàng Diêm-phù-đàn làm lưới che khắp thế giới; dùng mười trăm ngàn Ma-ni lát trải ở ngoài cổng ấy; dùng mười trăm ngàn vạn báu Ma-ni sư tử ái treo khắp các cung điện để trang hoàng; dùng mười trăm ngàn vạn báu Ma-ni sư tử tràng trang hoàng những ngã tư đường; có mười trăm ngàn vạn báu vạn báu Ma-ni hỏa tràng suốt ngày đêm thường sáng chiếu khắp thế giới; có mười trăm ngàn vạn báu vạn linh hòa bảy báu thường phát ra âm thanh rất vi diệu, khắp các thế giới; dựng mười trăm ngàn vạn cờ cao báu Ma-ni, khắp các thế giới treo mười trăm ngàn vạn lộng vàng ở trên cờ cao.

Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Thiện quán danh xưng kia đất bằng phẳng như bàn tay, có cây báu che phủ. Các loại cỏ mềm mại mọc xoay về bên hữu giống như một bức họa tuyệt đẹp, như lông ở cổ chim Khổng tước. Khi xúc chạm vào nó rất mềm mại, như chim Ca-lăng-tần-già trải khắp cả thế giới; có mười trăm ngàn vạn khu vườn được trang hoàng rất đẹp khắp cả thế giới; trong mỗi khu vườn ấy có mười trăm ngàn vạn những ao báu lớn trang hoàng khắp cả; trong mỗi cái ao đó lại có tám con đường chảy theo mỗi hướng, dùng loại báu lăng Ma-ni tám mặt đan nhau, lấy vàng cát bằng Diêm-phù-đàn trải ở dưới đáy. Trong mỗi ao đều có đủ nước có tám mùi hương thơm; dùng hoa Bát-đầu-ma bảy báu rải che ở trên mặt nước. Những loài chim như chim Côn loan, chim Xà-bà-xà-bà thường hót với âm thanh rất vi diệu vang khắp thế giới.

Văn-thù-sư-lợi! Thế giới Thiện quán danh xưng kia có tám ngàn vạn thành, ấp, tụ lạc khắp cả đất nước để làm trang nghiêm. Trong một thành lớn lại có mười trăm ngàn vạn các thành nhỏ làm trang nghiêm. Tất cả những thành ấp khác cũng đều như thế. Mỗi mỗi thành ấp, tụ lạc đều có đầy đủ trăm ngàn vạn người, đồng nam, đồng nữ.

Văn-thù-sư-lợi! Trong thế giới Thiện quán danh xưng kia, có một Tứ thiên hạ gọi là thế giới người thấy ưa thích. Xinh đẹp thù thắng nhất trong

các bốn thế giới, nhân dân phồn thịnh, an ổn hạnh phúc. Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương ứng Cúng Chánh Tri xuất hiện ở trong thế giới đó.

Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương kia sinh trong gia đình Bà-la-môn. Thân mẫu tên là Tốc Hành, giống như mẹ ta hiện tên là Ma-da. Thân phụ tên là Phạm Tài, giống như cha của ta hiện nay tên Bạch Tịnh. Con tên Diệu Xưng, giống như con của ta hiện nay tên La-hầu-la. Vợ tên Đại Tuệ, giống như vợ của ta hiện đời tên là Cù-di dòng họ Thích. Nhũ mẫu tên Đại Xưng, giống như Ma-ha-ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di của ta hiện nay. Người hầu tên là Thường Tùy Thuận, giống như Đàn-đà-ca của ta hiện nay. Ngựa tên là Đại Tốc, giống như ngựa chúa Kiền-trắc của ta hiện nay.

Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương cỡi trên con ngựa Đại Tốc, vượt thành xuất gia, giống như ta hiện nay cỡi ngựa chúa Kiền-trắc vượt thành xuất gia. Đạo tràng của Đức Phật Thật Tuệ Tràng Vương tên là Pháp thượng và ở trong đạo tràng ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giống như ta ở đạo tràng Tịch diệt. Ở trong đạo tràng kia lại có tám mươi vạn trăm ngàn vạn ức cây cối làm quyến thuộc.

Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương, khi ra đời, ở kiếp ấy không có các ma oán và quyến thuộc của ma. Khi Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả các chúng sinh trong thế giới ấy mang các loại hương hoa, hương thoa, hương bột, hương tán và thổi các loại âm nhạc, ca múa, một lúc cùng nhau đi đến đạo tràng Pháp thượng. Thậm chí trời Hữu đảnh và các chúng trời trổi lên các âm nhạc vi diệu của trời, tập hợp ở đạo tràng ấy. Tất cả chúng Dạ-xoa cũng trổi các âm nhạc tập trung ở đạo tràng ấy. Tất cả chúng Càn-thát-bà, tất cả chúng A-tu-la, tất cả chúng Ca-lầu-la, tất cả chúng Khẩn-na-la, tất cả chúng Ma-hầu-la-già ở trong thế giới ấy, mỗi mỗi đều trổi lên những loại âm nhạc và cùng với quyến thuộc của họ tập hợp ở đạo tràng ấy. Các vị Bồ-tát ở vô lượng, vô biên thế giới khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía, trên dưới đều đến tập hợp.

Văn-thù-sư-lợi! Khi Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương vừa mới thành Chánh giác, đại chúng đã được tập hợp, Đức Như Lai nói pháp môn lớn Bồ-tát Hành phương tiện cảnh giới phấn tấn này. Có vô số trăm ngàn vạn ức na-do-tha Tu-đa-la làm quyến thuộc. Khi Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương kia nói pháp môn này, có hằng hà sa những chúng sinh đạt

được địa vị không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương kia ra đời không nói pháp ba thừa để giáo hóa. Vì sao? Vì cõi Phật kia không có hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Chúng sinh ở trong thế giới ấy đều tin Nhất thừa, đều tịnh hạnh thượng diệu thù thắng của Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương kia, hội thuyết pháp đầu tiên có vô lượng hằng hà sa những vị Bồ-tát bất thoái đến tập hội. Hội thuyết pháp thứ hai có tám mươi ức trăm ngàn vạn na-do-tha vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ đến tập hội. Hội thuyết pháp thứ ba có sáu mươi Tần-bà-la Bồ-tát đến tập hội. Hội thuyết pháp sau cùng có vô lượng, vô biên chúng sinh đạt địa vị không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương kia, khi chứng địa vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, trụ thế ở thế gian thuyết pháp đến sáu mươi tiểu kiếp, sau đó nhập vào Niết-bàn. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, chánh pháp tồn tại ở thế gian tám mươi vạn trăm ngàn ức na-do-tha kiếp. Chánh pháp lưu hành giáo hóa chúng sinh, số lượng chúng sinh được lợi ích bằng với số lượng được độ khi Đức Phật còn tại thế.

Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương trước khi sắp Niết-bàn đã thọ ký cho Bồ-tát Đại tràng vương rồi, sau đó mới nhập Niết-bàn. Ngài thọ ký rằng: "Đại Tràng Vương Bồ-tát sẽ kế thừa ta và sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với danh hiệu Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chánh Giác Biến Tri."

Bấy giờ, đại chúng muốn biết trong chúng này người nào là Bồ-tát Đại Tràng Vương sẽ tiếp thừa kế Đức Như Lai Thật Tuệ Tràng Vương thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người nào có danh hiệu là Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của chúng sinh lúc ấy. Biết tâm niệm chúng sinh như thế rồi, Ngài bảo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Văn-thù-sư-lợi! Thiện nam tử Tát-già này đang ngồi trước mặt đây tên là Đồng tử Thật Hỷ, tối thắng đệ nhất ở trong chúng đệ tử. Vào thời đó, Đồng tử này sẽ thành Đại Trang Nghiêm Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Thế giới Trang nghiêm diệu lạc của Đức Phật đó cũng giống như thế giới của Thật Tuệ Tràng Vương không khác.

Bấy giờ, trong chúng hội nghe Đức Phật nói về công đức thù thắng

vi diệu trang nghiêm ở quốc độ Đức Phật kia thì có sáu mươi trăm ngàn vạn ức na-do-tha Bồ-tát nguyện được sinh về quốc độ ấy mà thưa rằng: Khi Thật Tuệ Tràng Vương Như Lai này thành Phật, chúng con nguyện được sinh về quốc độ của Đức Phật ấy. Khi ấy, Đức Thế Tôn liền thọ ký cho họ đều được vãng sinh về quốc độ của Đức Phật ấy. Có tám mươi ngàn vạn chúng Ni-kiền Tử đồng thời cùng nhau thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện sinh về quốc độ của Đức Phật ấy.

Đức Thế Tôn cũng liền thọ ký cho họ:

–Thiện nam tử! Các ông đều sẽ được sinh về quốc độ của Đức Phật ấy.

Có tám ngàn vạn ức na-do-tha Thiên tử ở giữa hư không thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Khi Thật Tuệ Tràng Vương Như Lai đạt được Bồ-đề, chúng con nguyện đều được sinh về thế giới Thiện quán danh xưng kia, được thấy quốc độ với công đức chẳng thể nghĩ bàn trang nghiêm thanh tịnh của Đức Phật ấy.

Lúc đó, Đức Phật liền bảo các Thiên tử:

–Các thiện nam! Các ông đều sẽ sinh về thế giới Thiện quán danh xưng kia để cúng dường Đức Phật ấy. Các ông cũng ở trong thế giới Thiện quán danh xưng ấy thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, với các loại danh hiệu, tuổi thọ ở đời kiếp số bao nhiêu, giống như Thật Tuệ Tràng Vương Như Lai kia trụ thế, không khác.

Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, đại địa xuất hiện trăm ngàn vạn ức hoa Bát-đầu-ma; lá bằng Diêm-phù-đàn, đài bằng báu đại thanh Nhân-đà-la ni, tua hoa bằng báu mã não nhật quang, cọng hoa bằng báu đại Tỳ-lưu-ly ma-ni. Ở trên tất cả các đóa hoa Bát-đầu-ma ấy thấy có trăm ngàn vạn ức những vị Bồ-tát ngồi kiết già, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Tất cả đều cùng quy mạng Đức Như Lai.

Những vị Bồ-tát ấy, mỗi người dùng các loại lưới mây báu cúng dường Đức Như Lai rồi thưa rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con từ các thế giới đến chỗ Đức Phật để nghe ngài nói về pháp môn công đức chẳng thể nghĩ bàn thị hiện Bồ-tát; vì được yết kiến Như Lai, đảnh lễ Như Lai và cúng dường Như Lai; để thấy được

thiện nam tử Tát-già, vì muốn thấy các chúng Bồ-tát ở trong đại hội này.

Khi Đức Như Lai thuyết pháp môn vi diệu này, vô lượng, vô biên các Bồ-tát ở trong quốc độ Phật chẳng thể nghĩ bàn đều đạt được địa vị không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói bài kệ rằng:

Nhất tâm giữ các căn
Nghe ta nói pháp diệu
Như Lai không vọng ngữ
Chư Phật nói chân thật.
Tát-già và đại chúng
Vô lượng đời tương lai
Trải qua vô số kiếp
Trong kiếp Vô thích tịnh.
Vị ấy sẽ thành Phật
Hiệu Thật Tuệ Tràng Vương
Đời ấy không dơ, bại
Nên gọi kiếp Vô thích.
Thế giới Phật lúc đó
Hiệu Thiện quán danh xưng
Đầy đủ các công đức
Trời người đều kính ngưỡng,
Đồ trang hoàng thế giới
Tất cả đều thù thắng
Cổng cửa các lầu gác
Trăm ngàn các thành báu,
Lưới vàng Diêm-phù-đàn
Che khắp, phát tướng sáng
Ánh sáng thường chiếu khắp
Ngày đêm không sai khác,
Treo trăm ngàn châu báu
Kiến lập cờ sư tử
Linh báu phát tiếng hay
Thuyết pháp đúng như thật,
Báu vô cấu làm tường
Hơn cung điện các trời
Dòng suối, các ao nước
Đầy đủ tám mỹ vị,

Các hoa Bát-đầu-ma
Và Câu-ca-na-đà
Tươi sáng đầy các ao
Không nhiễm những bụi nhơ,
Trụ xứ thế giới ấy
Vượt hẳn bốn thiên hạ
Trang hoàng đẹp đầy đủ
Cho nên gọi Lạc kiến,
Chỗ ấy Như Lai sinh
Bà-la-môn xuất gia
Mẹ tên là Tốc Hành
Cha tên là Phạm Tài,
Con tên là Diệu Xưng
Như nay La-hầu-la
Phu nhân tên Đại Tuệ
Như Cù-di vợ ta
Dì tên Đại Danh Xưng
Như là Ba-xà-đề
Người hầu tên Tùy Thuận
Cũng gọi Đàn-ni-ca
Như là Đàn-ni-ca
Cung kính tùy tâm ta
Ngựa đệ nhất tối thắng
Tên gọi là Đại Tốc
Nó đưa Như Lai đi
Như ta cỡi Kiền-trắc
Cây Bồ-đề Phật kia
Có tên là Pháp thượng
Nhiều cây làm quyến thuộc
Tám mươi trăm ngàn vạn
Pháp Vương dưới cây ấy
Tên là Thật Tuệ Phật
Ngồi dưới đạo tràng kia
Thành tựu đại Bồ-đề
Không ma làm quyến thuộc
Không có các nghiệp ma
Trong quốc độ Phật kia
Không có các oán thù

Vô lượng các trời, người
Tập hợp cõi tịnh ấy
Đều cầm vòng hoa đẹp
Trăm ngàn các âm nhạc
Họ với tâm cung kính
Cùng nhau đến chỗ Phật.
Như Lai biết tâm họ
Nên thuyết các diệu pháp
Vô lượng Tu-đa-la
Lấy làm các quyến thuộc,
Hội thứ nhất của Phật
Người nghe pháp môn này
Vượt hằng sa trần chúng
Không thoái quả Bồ-đề,
Không có Thanh văn thừa
Và không Bích-chi-phật
Các Bồ-tát dũng mãnh
Đầy khắp cõi tịnh ấy.
Trong pháp hội thứ hai
Có các chúng Bồ-tát
Tám mươi na-do-tha
Một đời trụ Bổ xứ.
Trong pháp hội thứ ba
Các đại thắng Bồ-tát
Sáu mươi Tần-bà-la
Trụ ở chỗ như thật,
Như Lai kia trụ thế
Tuổi thọ sáu mươi kiếp
Sau khi Phật diệt độ
Đàn pháp trụ thế gian,
Xá-lợi lưu bố khắp
Tám mươi ức ngàn vạn
Trụ na-do-tha kiếp
Lợi ích các chúng sinh,
Phật thọ ký Đại Tràng
Sau mới nhập Niết-bàn
Phật tên Đại Trang Nghiêm
Danh tiếng khắp thế gian,

Thế giới kia xinh đẹp
Giống cõi Phật Thật Tuệ
Ở trong quốc độ ấy
Thành Bồ-đề vô cấu.
Các ông nên tin ta
Trí tuệ như hư không
Tánh vô tận thường trụ
Ở khắp không chướng ngại
Thảy đều thấy tương lai
Việc chưa có sẽ có
Huống gì kiếp quá khứ
Từng có mà không nhớ,
Ta trụ nghĩa đệ nhất
Bằng trí tuệ như thật
Phát ngôn không hư dối
Không thể nói lời khác,
Nay ta nói chân thật
Pháp cam lồ tuyệt mỹ
Nên ông và đại chúng
Nghe tin thọ vững chắc.
Đại chúng nghe Phật thuyết
Đều sinh tâm vui mừng
Khi Phật kia thành đạo
Nguyện sinh về nước ấy.
Thế Tôn thọ ký họ
Vô lượng các chúng sinh
Phật kia hiện ở đời
Các ông đều sinh về,
Ông cùng thế giới đó
Giáo hóa các chúng sinh
Ở đó thành Bồ-đề
Thế giới cũng không khác.
Khi nói pháp môn này
Đại địa động sáu cách
Bồ-tát trong hoa sen
Chắp tay hướng Phật thưa:
Lành thay. Phật Thế Tôn!
Thật không thể nghĩ bàn

Vì vô lượng các chúng
Khéo nói pháp môn này,
Chúng con, các đại chúng
Đến từ vô số cõi
Đều muốn nghe pháp này
Pháp luân tối thượng diệu.

-oOo-

Phẩm 12: Công Đức Của Tín Thọ Trì Kinh

Bấy giờ, tất cả đại chúng trong hội đều rất vui mừng hớn hở, mỗi người tự cởi chiếc áo ngoài trên thân mình cúng dường Đức Như Lai rồi thưa rằng:

–Như Lai Thế Tôn! Nay đối với thế gian chuyển pháp luân lần hai, khi xưa ở thành Ba-la-nại, Như Lai đã sơ chuyển pháp luân. Và bây giờ, Như Lai lại ở thành Uất-xà-diên này chuyển đệ nhị pháp luân.

Lại thưa:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con thường nghe, không bao giờ bỏ pháp môn báu vi diệu này; chúng con nguyện mãi mãi ở bên cạnh thiện nam tử Tát-già.

Bấy giờ, ở trong hư không, âm nhạc tiếng trống vi diệu phát ra của chư Thiên; mưa trời các loài hoa, như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-nâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Bà-sư-ca đầy cả dưới chân Đức Phật.

Trời ở trong hư không rải xuống các loại y báu đầy cả trời giống như mây và thưa:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có khả năng thọ trì, đọc tụng, biên chép, vì người khác giải nói pháp môn vi diệu này thì người kia nhất định được vô lượng, vô biên công đức.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử thưa Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào có khả năng thọ trì, đọc tụng, biên chép và nói rộng pháp môn vi diệu này cho người khác thì thành tựu được bao nhiêu công đức?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử:

–Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đến được những chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, hoặc có sắc, hoặc không có sắc, hoặc có tưởng, không tưởng. Đối với chúng sinh ở trong thế giới chúng

sinh, trí tuệ Đức Phật biết tất cả chúng sinh ở trong thế giới chúng sinh, cùng một lúc đều được sinh làm người. Khi được sinh làm người rồi, họ đều cùng nhau tu hạnh Ba-la-mật, cùng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật kia trụ một kiếp ở thế gian. Có thiện nam, thiện nữ nào, suốt một kiếp đó cúng dường các chư Phật Như Lai ấy, lễ bái, cung kính, tôn trọng, khen ngợi; đầy đủ tất cả những sự cúng dường thù thắng, cho đến tất cả các thứ hoa, hương và âm nhạc.

Văn-thù-sư-lợi! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ kia được phước nhiều không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thưa Thế Tôn, rất nhiều! Thưa Thiện Thệ, rất nhiều! Thiện nam, thiện nữ kia được vô lượng, vô biên công đức không thể tính được, không thể đếm được, không thể biết, không thể nói.

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nếu có thiện nam! Thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, xiển dương và vì người khác nói rộng pháp môn Bồ-tát Hành Phương Tiện Công Đức này thì được công đức vượt hơn công đức của thiện nam, thiện nữ cúng dường chư Phật vô lượng, vô biên không thể kể hết, không thể so sánh kia.

Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, thật là hiếm có. Đức Như Lai vì muốn tất cả chúng sinh đều được an lạc, nên nói pháp môn này.

Lại thưa Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với cõi Diêm-phù-đàn Thế Tôn trụ thế được bao lâu?

Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Khi ta nhập Niết-bàn, có tám đại quốc vương vì muốn lưu bố xá-lợi của ta nên lúc đó chia làm tám phần cho tám nước, đặt trong tám chiếc hộp. Mỗi người giữ lấy một hộp mang về nước mình, lập tháp miếu tôn thờ, cúng dường. Bấy giờ, vua A-xà-thế cũng được một phần xá-lợi của ta. Chép kinh này ở trên bảng vàng, cùng với xá-lợi; tất cả đều đặt ở trong hộp bảy báu. Ở phía ngoài thành Vương xá đào đất làm hồ, ở giữa xây tháp trang hoàng rất đặc biệt, đặt hộp xá-lợi ở trong tháp ấy; treo trăm ngàn vạn a-tăng-kỳ cờ báu, lộng báu, rải tất cả những loại

hương hoa vô giá, bình hương bảy báu đựng đầy nước hoa thơm, đèn đuốc lớn sáng mãi một trăm năm không tắt.

Văn-thù-sư-lợi! Sau một trăm năm ta nhập Niết-bàn, có vua A-thâu-ca, xuất hiện ở thế gian, sinh vào trong nhà Mao-lê, làm vua Chuyển luân thánh vương ở Diêm-phù-đề, đạt được tự tại và có năng lực đầy đủ, khéo hàng phục các chúng sinh kiên cường. Lúc ấy, vị vua kia chắc chắn quan sát ta, có thể nghĩ về ta, hộ trì pháp của ta, tôn trọng, cung kính đối với pháp thân của ta.

Văn-thù-sư-lợi! Vua A-thâu-ca kia có một Tỳ-kheo tên là Tịnh Tự Tại, sinh ở trong hàng vương tử, rồi xuất gia cầu đạo. Vua A-thâu-ca nhận làm Thầy. Vị ấy có năng lực thần thông rất lớn, có năng lực uy đức rất lớn, hộ trì pháp chư Phật, hộ trì đại phương quảng. Vua A-thâu-ca rất tôn trọng Tỳ-kheo Tịnh Tự Tại nên không để cho Tỳ-kheo ấy đi nơi khác, thường ở trong cung, nhà vua đích thân cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi! Vua A-thâu-ca vì muốn lưu bố xá-lợi của ta, vì muốn tất cả chúng sinh được lợi ích nên muốn mở hộp đựng xá-lợi ra nên cùng với vô lượng đại thần, vương tử, trưởng giả, cư sĩ quyến thuộc vây quanh nhà vua; trần thiết rất trang nghiêm, thể hiện uy lực lớn của nhà vua, rồi mang các loại hương hoa, hương bột, hương tán và trỗi lên trăm ngàn loại âm nhạc vi diệu, cùng nhà vua đi đến thành Vương xá; thiết lập tất cả sự cúng dường vi diệu thù thắng vô lượng, vô biên không thể tính được. Nhà vua cho đào đất lấy hộp báu xá-lợi, để bảy ngày, dùng tất cả các loại hương thơm, tất cả các loại hoa, tất cả vòng hoa, tất cả hương tán, tất cả hương hoa và tất cả các loại âm nhạc cung kính cúng dường. Trải qua bảy ngày, tất cả các quốc độ trong Diêm-phù-đề, chẳng phải lúc trước, lúc sau mà ở trong một lúc, một ngày, trong một khoảng khắc, khắp cả Diêm-phù-đàn cùng xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp thờ xá-lợi Phật.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tịnh Tự Tại lấy pháp môn này từ ở trong hộp đựng xá-lợi mang đến cõi nước lớn Bắc cương để truyền bá rộng rãi.

Văn-thù-sư-lợi! Mặc dù Tỳ-kheo Tịnh Tự Tại kia nỗ lực truyền bá, nhưng người lãnh hội thọ trì pháp môn này rất ít. Có nhiều người không biết, nhiều người không hiểu, nhiều người không giữ gìn, nhiều người không thọ trì đọc tụng pháp môn này. Vì sao? Vì đây là pháp môn thù thắng, chúng sinh bạc phước không thể nghe được. Nhiều người giấu

kín đặt ở trong hộp kinh, trong các kho lẩm. Vì sao? Vì không có pháp khí thì không thể gieo trồng thiện căn Vô thượng được. Vì sao? Vì pháp môn này khó tin, khó thực hành và khó lường.

Văn-thù-sư-lợi! Phàm người nào không có thiện căn đời trước, đã từng nghe Đại thừa sinh tâm nghi ngờ phỉ báng. Cho nên, khi nghe pháp môn vô thượng này không thể sinh lòng tin, không thể hội nhập được.

Văn-thù-sư-lợi! Đến thời kỳ mạt pháp, khi tượng pháp sắp diệt, nếu có người nghe pháp môn này có thể sinh lòng tin, người có khả năng tìm cầu, người có khả năng ngộ nhập thì nên biết rằng, những người này trong quá khứ đã từng cúng dường vô lượng, vô biên chư Phật, khéo thực hành các hạnh nên mới có khả năng tin hiểu và ngộ nhập pháp môn Đại thừa này.

Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ở trong thời kỳ mạt pháp nghe tên kinh này. Nghe rồi có thể sinh lòng tin, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói. Biên chép rồi tôn trọng cúng dường quyển kinh. Những chúng sinh ấy nên tự suy nghĩ biết rằng, trong quá khứ đã từng gặp vô lượng hằng sa chư Phật, cung kính cúng dường hằng sa chư Phật.

Văn-thù-sư-lợi! Những chúng sinh ấy cũng thấy ra ở tại nước này thuyết pháp môn này và cũng thấy các chúng trong đại hội này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

–Này A-nan! Ông nên thọ trì, đọc tụng pháp môn vi diệu này, tuyên thuyết rộng rãi cho các chúng sinh. Ông nên quán chúng sinh, xem người nào có căn Đại thừa, có thể tin thọ rồi mới thuyết pháp môn này cho họ, không được sơ xuất, không quán mà nói. Vì sao? Vì những chúng sinh ít phước nghe pháp môn này sẽ sinh tâm bất tín, chịu tội vô lượng.

Này A-nan! Pháp môn này gọi là Công đức chân thật của Như Lai, gọi là Tạng bí mật của Như Lai, gọi là Tạng thuần tịnh vi diệu của Như Lai, gọi là Tạng pháp ấn của Như Lai, gọi là Tạng hộ tâm của Như Lai, gọi là Tạng hiện thật tánh của Như Lai. Vì vậy, ông nên giữ kỹ, chớ vội vàng tuyên thuyết, ngoại trừ các Phật tử Đại Bồ-tát. Vì sao? Vì thiện nam ấy, đối với chư Phật đã gieo trồng thiện căn sâu xa, có khả năng hộ trì tạng pháp, có thể lợi mình và lợi người thì ông nên nói cho người đó.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã lãnh hội pháp môn vi diệu này. Thưa Thế Tôn! Nay pháp môn này gọi tên là gì? Thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

–Pháp môn vi diệu này gọi là Pháp Môn Bồ-tát Hành Phương Tiện Cảnh Giới Phấn Tấn, gọi là Tạng Bí Mật Sâu Xa Của Như Lai, gọi là Như Lai Đầy Đủ Công Đức, gọi là Cảnh Giới Sâu Xa Của Như Lai, gọi là Thuyết Nhất Thừa, gọi là kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết, gọi là kinh Tát-già Ni-kiền Tử Thọ Ký, gọi là kinh Tát-già Ni-kiền Tử Sở Thuyết. Nay ông nên tụng trì như vậy!

Khi Đức Như Lai nói pháp môn này, có ba mươi ức na-do-tha chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có sáu mươi ngàn Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn; có vô lượng, vô biên chúng sinh rốt ráo không thoái tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi Đức Phật thuyết kinh này xong, Tuệ mạng A-nan, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử và tất cả các Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ Thiên vương, Phạm Thiên vương, Trời, Người, A-tu-la… đều rất hoan hỷ tin thọ phụng hành.

-oOo-

SỐ 273

KINH KIM CANG TAM-MUỘI

Hán dịch: Mất tên người dịch. Dựa theo bản sao lục đời Bắc Lương.

Phẩm 1: Phần tựa

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc đại thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một vạn người đông đủ, chư vị đều là những bậc đã chứng quả A-la-hán, như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Tu-bồ-đề…

Lại có chúng Đại Bồ-tát gồm hai vạn người như các vị: Bồ-tát Giải Thoát, Bồ-tát Tâm Vương, Bồ-tát Vô Trụ…

Lại có tám vạn Trưởng giả, như các Trưởng giả Phạm Hạnh, Trưởng giả Đại Phạm, Trưởng giả Thọ Đề…

Còn có tám bộ chúng hộ pháp: Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân số lượng đến sáu mươi vạn ức.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng giảng nói kinh Đại thừa tên là Nhất Vị Chân Thật Vô Tướng Vô Sinh Quyết Định Thật Tế Bản Giác Lợi Hành. Nếu người nghe kinh này, cho đến chỉ thọ trì một bài kệ gồm bốn câu, thì người ấy sẽ được hội nhập vào cõi trí tuệ của Đức Phật, có thể dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh, vì tất cả các loài làm bậc Đại tri thức. Đức Phật giảng nói kinh này xong ngồi kiết già, nhập Tam-muội Kim cang, thân tâm không động.

Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo tên là A-già-đà, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay nhằm lập lại nghĩa này nên nói bài kệ rằng:

Đấng đầy đủ đại Từ
Trí tuệ thông, không ngại
Vì độ khắp chúng sinh
Nói Đệ nhất nghĩa đế.

Đều dùng đạo nhất vị
Quyết không dùng Tiểu thừa
Giảng nói nghĩa Nhất thừa
Đều xa lìa hư vọng.
Vào trí tuệ chư Phật
Quyết định cõi chân thật
Người nghe vượt thế gian
Tất cả được giải thoát.
Vô lượng các Bồ-tát
Thảy đều độ chúng sinh
Vì chúng hỏi rộng sâu
Biết pháp tướng tịch diệt.
Vào nơi chốn quyết định
Trí Như Lai phương tiện
Sẽ chân thật giảng nói
Tùy thuận đạo Nhất thừa.
Không có các thừa khác
Giống như một trận mưa
Cỏ cây đều tươi tốt
Tùy căn tánh khác nhau.
Thấm nhuần một pháp vị
Tất cả đều sung mãn
Như trận mưa pháp kia
Nuôi lớn mầm Bồ-đề.
Vào Tam-muội Kim cang
Chứng pháp định chân thật
Quyết định dứt nghi hối
Thành tựu trọn nhất pháp.

-oOo-

Phẩm 2: Pháp Vô Tướng

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ Tam-muội đứng dậy nói với đại chúng:

–Cõi trí tuệ của chư Phật nhập vào pháp tướng chân thật, vì là tánh quyết định nên phương tiện thần thông đều không cùng có lợi. Diệu nghĩa của Nhất thừa vốn khó hiểu, khó vào, hàng Nhị thừa chẳng thể nhận biết được, chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể thấu đạt, vì độ chúng sinh nên giảng nói Nhất thừa.

Lúc ấy, Bồ-tát Giải Thoát từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chắp tay thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp cách xa, tượng pháp trụ thế, vào thời kiếp mạt, chúng sinh ở trong năm trược phần nhiều tạo nghiệp ác, bị luân hồi trong ba cõi không có lúc nào ra khỏi. Xin Phật từ bi vì chúng sinh sau này mà giảng nói rõ về Nhất thừa quyết định chân thật, khiến cho các chúng sinh đều được giải thoát.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông đã có thể hỏi, nguyên nhân ra đời của ta là nhằm giáo hóa chúng sinh, khiến họ được quả xuất thế, đây là một việc lớn không thể nghĩ bàn, vì lòng đại Từ, đại Bi, nếu không giảng nói thì ta sẽ bị rơi vào chỗ tham lam keo kiệt. Các ông hãy nhất tâm lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng nói.

Này thiện nam! Nếu giáo hóa chúng sinh mà không có chúng sinh để hóa độ, không chúng sinh, không giáo hóa thì sự giáo hóa ấy rất lớn, khiến cho chúng sinh đều xa lìa tâm chấp ngã. Tất cả tâm ngã xưa nay đều vắng lặng, nếu đắc tâm không thì tâm không phải là huyễn hóa, không huyễn không hóa tức được vô sinh, tâm vô sinh ở nơi vô hóa.

Bồ-tát Giải Thoát thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm tánh của chúng sinh vốn lặng không, thể của tâm lặng không, không có sắc tướng, vậy làm thế nào tu tập để được tâm không? Xin Đức Phật từ bi giảng nói cho con.

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Tướng của tất cả tâm xưa nay vốn không, không nguồn gốc, không xứ sở, vắng lặng vô sinh. Nếu tâm vô sinh tức vào chỗ không tịch, cõi tâm không tịch tức đắc tâm không. Thiện nam, tâm vô tướng, không tâm, không ngã, tất cả pháp tướng cũng như vậy.

Bồ-tát Giải Thoát thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh nếu chấp ngã, chấp tâm thì dùng pháp gì để khiến cho chúng sinh ấy ra khỏi sự trói buộc ấy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người nào chấp ngã thì nên quán mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên vốn từ nhân quả, chỗ phát khởi của nhân quả ở nơi tâm hành. Tâm còn không có huống nữa là có thân. Nếu người chấp

hữu ngã thì khiến diệt trừ hữu kiến; nếu chấp vô ngã thì khiến diệt vô kiến. Nếu là tâm sinh thì khiến diệt tánh sinh; nếu là tâm diệt thì khiến diệt tánh diệt. Diệt thì thấy tánh, tức hội nhập vào thật tế. Vì sao? Vì sinh vốn không diệt, diệt vốn không sinh. Không diệt, không sinh; không sinh, không diệt, tất cả các pháp cũng đều như vậy.

Bồ-tát Giải Thoát thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh, khi thấy pháp sinh nên diệt kiến chấp nào? Khi thấy pháp diệt nên diệt kiến chấp nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát! Nếu có chúng sinh khi thấy pháp sinh nên diệt vô kiến, khi thấy pháp diệt nên diệt hữu kiến. Nếu diệt hết kiến này thì được pháp chân không, nhập vào tánh quyết định, quyết định vô sinh.

Bồ-tát Giải Thoát liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khiến cho chúng sinh ấy trụ nơi vô sinh là vô sinh chăng?

Đức Phật dạy:

–Trụ nơi vô sinh tức là hữu sinh. Vì sao? Vì không trụ, không sinh, chính là vô sinh. Bồ-tát, nếu sinh nơi vô sinh, là do sinh diệt sinh. Sinh diệt đều diệt, sinh vốn vô sinh. Tâm thường không tịch, không tánh là vô trụ, tâm không có trụ chính là vô sinh.

Bồ-tát Giải Thoát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm không có chỗ trụ thì có gì phải tu học, vì hữu học là vô học.

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Tâm vô sinh, tâm chẳng ra vào. Bản tánh của Như Lai tạng là vắng lặng, không động, cũng chẳng phải là hữu học, cũng chẳng phải là vô học; không có học nào mà chẳng học, đó tức là vô học; chẳng phải là không hữu học đó là chỗ cần học.

Bồ-tát Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tánh của Như Lai tạng vắng lặng, bất động?

Đức Phật dạy:

–Như Lai tạng là tướng nhận biết suy xét về sinh diệt, lý ấn không hiện rõ. Đó là tánh Như Lai tạng vắng lặng, không động.

Bồ-tát Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là tướng nhận biết suy xét về sinh diệt?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Lý không thể đạt được chăng? Nếu có thể đạt được tức sinh khởi các niệm, ngàn suy vạn xét là tướng sinh diệt. Bồ-tát quán tướng của bản tánh lý tự đầy đủ. Ngàn suy vạn xét không làm tăng lý đạo, chỉ theo động loạn mất gốc nơi tâm vương. Nếu không suy xét thì không sinh diệt, như thật, không sinh khởi, các thức vắng lặng, sự trôi chảy chẳng sinh, được năm pháp tịnh, đó là Đại thừa. Bồ-tát nhập vào năm pháp tịnh, tâm tức không vọng. Nếu không có vọng thì nhập vào cảnh giới Thánh trí tự giác của Như Lai. Người nhập vào trí địa thì khéo biết tất cả vốn từ chẳng sinh, biết vốn không sinh thì không vọng tưởng.

Bồ-tát Giải Thoát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người không vọng tưởng nên không dừng dứt?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát! Vọng vốn không sinh, nên không vọng có thể dứt; biết tâm là vô tâm, thì vô tâm có thể dừng. Không phân không biệt thì hiện thức không sinh, vô sinh có thể dừng. Đó tức là không dừng, cũng chẳng phải là không dừng. Vì sao? Vì dừng là không dừng.

Bồ-tát Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu dừng là không dừng, dừng tức là sinh, sao gọi là vô sinh?

Phật bảo:

–Bồ-tát nên biết! Dừng là sinh, dừng rồi thì không dừng, cũng chẳng trụ nơi không dừng, cũng chẳng trụ nơi vô trụ, thì sao gọi là sinh.

Bồ-tát Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tâm đã vô sinh thì có gì để lấy và bỏ? Trụ nơi pháp tướng nào?

Đức Phật dạy:

–Tâm vô sinh, thì không lấy, không bỏ, trụ ở chỗ không tâm, trụ nơi không pháp.

Bồ-tát Giải Thoát thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là trụ nơi không tâm, trụ nơi không pháp?

Đức Phật dạy:

–Không sinh nơi tâm là trụ nơi không tâm, không sinh nơi pháp là trụ nơi không pháp. Thiện nam, tâm và pháp không sinh tức không nương dựa, không trụ nơi các hành, tâm thường vắng lặng, không có thể khác. Ví như hư không kia không có động, dừng, không sinh khởi, không tạo tác, không đây, không kia. Đắc Nhãn tâm không, đắc Pháp tâm không. Năm ấm, sáu nhập thảy đều vắng lặng. Này thiện nam, người tu pháp không, không nương nơi ba cõi, không trụ nơi tướng giới, thanh tịnh vô niệm, không thâu giữ, không phóng xả, tánh như Kim cang, không hoại Tam bảo, tâm rỗng lặng bất động, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Giải Thoát thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sáu pháp Ba-la-mật đều là hữu tướng, pháp của hữu tướng có thể xuất thế gian chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nói sáu pháp Ba-la-mật là vô tướng, vô vi. Vì sao? Nếu người lìa dục, tâm thường thanh tịnh, phương tiện của thật ngữ, lợi mình lợi người là Bố thí ba-la-mật. Chí niệm vững chắc, tâm thường không trụ, thanh tịnh vô nhiễm, không chấp vướng nơi ba cõi, là Tịnh giới ba-la-mật. Tu pháp không, dứt trừ kết sử, không nương vào các cõi, ba nghiệp tịch tĩnh, không trụ nơi thân tâm, đó là Nhẫn nhục ba-la-mật. Xa lìa phiền não, đoạn trừ chấp có và không, vào sâu nơi không ấm, đó là Tinh tấn ba-la-mật. Đều lìa không tịch, chẳng trụ các không, tâm ở nơi vô trụ, chẳng trụ nơi không đại, là Thiền định ba-la-mật. Tâm không tướng tâm, không chấp thủ hư không, các hành chẳng sinh, không thủ chứng tịch diệt, tâm không ra vào, tánh thường bình đẳng, các pháp nơi thật tế đều là tánh quyết định, không nương nơi các địa, không trụ nơi trí tuệ, là Trí tuệ ba-la-mật.

Này thiện nam! Sáu pháp Ba-la-mật này đều đạt lợi ích cho mình, vào tánh quyết định, siêu việt thế gian, giải thoát vô ngại. Này thiện nam, Pháp tướng giải thoát như vậy đều là hành không tướng, cũng không nẻo nào là không giải, đấy gọi là giải thoát. Vì sao? Vì tướng của giải thoát là không tướng, không hành, không động, không loạn, là Niết-bàn tịch tĩnh, cũng không chấp thủ tướng Niết-bàn.

Bồ-tát Giải Thoát nghe lời Phật dạy rồi, tâm rất vui mừng được điều chưa từng, muốn nhắc lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Đấng đầy đủ Đại Giác

Vì chúng diễn nói pháp
Đều nói đạo Nhất thừa
Không có đạo Nhị thừa.
Một vị không tướng lợi
Cũng giống như hư không
Đều dung chứa tất cả
Tùy căn tánh khác nhau,
Đều được nơi chốn gốc
Như xa lìa tâm ngã
Một pháp được thành tựu
Các hữu, hành đồng khác,
Thảy đều được lợi ích
Đoạn dứt tướng nhị kiến
Nơi Niết-bàn tịch tĩnh
Không chấp thủ chứng đắc,
Nhập vào chỗ quyết định
Không tướng, không có hành
Cõi tâm không, vắng lặng
Tâm tịch diệt, vô sinh,
Đồng tánh Kim cang kia
Không hoại nơi Tam bảo
Đủ sáu Ba-la-mật
Độ tất cả chúng sinh,
Siêu vượt khỏi ba cõi
Đều không dùng Tiểu thừa
Pháp ấn của một vị
Thành tựu đạo Niết-bàn.

Lúc ấy, đại chúng nghe ý nghĩa này rồi, đều rất vui mừng, xa lìa tâm ngã, hội nhập vào pháp không, vô tướng, mở ra nẻo rộng lớn vô biên, tất cả đều được quyết định, đoạn trừ hết các phiền não lậu hoặc.

-oOo-

Phẩm 3: Hành Vô Sinh

Bấy giờ, Bồ-tát Tâm Vương nghe Đức Phật thuyết giảng pháp ra ngoài ba cõi không thể nghĩ bàn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay dùng kệ, hỏi:

Nghĩa Như Lai thuyết giảng
Xuất thế không có tướng

Có tất cả chúng sinh
Đều dứt hết hữu lậu,
Đoạn kiết, không tâm, ngã
Gọi là không có sinh
Vì sao không có sinh
Mà đắc Nhẫn vô sinh?

Đức Phật bảo Bồ-tát Tâm Vương:

–Thiện nam! Pháp Nhẫn vô sinh là pháp vốn không sinh. Các hành là vô sinh chẳng phải là hành vô sinh, thủ đắc Nhẫn vô sinh tức là hư vọng.

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thủ đắc Nhẫn vô sinh tức là hư vọng. Không đắc, không nhẫn nên chẳng phải là hư vọng?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải vậy. Vì sao? Vì không đắc, không nhẫn tức là có đắc. Có đắc, có nhẫn, tức là có sinh. Có sinh nơi đắc, có pháp sở đắc, thì đều là hư vọng.

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao vô nhẫn, tâm vô sinh mà chẳng phải là hư vọng?

Đức Phật dạy:

–Vô nhẫn, tâm vô sinh, tâm không hình tướng, cũng như tánh của lửa, tuy ở trong cây nhưng tánh của lửa đó không chỗ quyết định nên chỉ là danh tự, tánh đó không thể thủ đắc. Muốn giải rõ nghĩa lý này chỉ giả nêu về tên gọi. Danh không thể thủ đắc thì tướng của tâm cũng vậy. Không thấy nơi chốn, biết tâm như thế tức là tâm vô sinh. Thiện nam, tướng tánh của tâm ấy lại như quả A-ma-lặc vốn không tự sinh, không từ nơi khác sinh, không cùng sinh, không nhân sinh nên là vô sinh. Vì sao? Vì duyên thay đổi. Duyên khởi chẳng phải là sinh, duyên dứt chẳng phải là diệt, ẩn hiện đều là không tướng, lý gốc tịch diệt, ở chỗ không nơi chốn, không thấy chỗ trụ vì tánh quyết định. Tánh quyết định ấy cũng chẳng một, chẳng khác, chẳng đoạn, chẳng thường, không nhập, không xuất, không sinh, không diệt, xa lìa bốn luận chứng, bặt dứt nẻo ngôn ngữ. Tánh của tâm vô sinh cũng lại như vậy. Vì sao nói sinh chẳng sinh, có nhẫn không nhẫn? Nếu có người cho rằng tâm có thủ đắc, có trụ cùng có thấy, thì không chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Trí tuệ đó là trong đêm dài sinh tử hiểu rõ, phân

biệt về tâm tánh, biết tâm tánh như vậy, tánh cũng như vậy là đạt được vô sinh, vô hành.

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tâm vốn như như, không sinh nơi hành, các hành không sinh thì sinh, hành không sinh, chẳng sinh vô hành tức là hành vô sinh.

Đức Phật dạy:

–Thiện nam! Ông dùng vô sinh mà chứng hành vô sinh chăng?

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Chẳng phải vậy. Vì sao? Vì như hành vô sinh, tánh tướng vắng lặng, không thấy, không nghe, không được, không mất, không ngôn, không thuyết, không biết, không tướng, không lấy, không bỏ thì làm sao thủ chứng được. Nếu người thủ chứng tức là tranh luận, không tranh không luận chính là hành vô sinh.

Đức Phật hỏi:

–Ông đã chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng?

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con không chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Vì sao? Vì trong tánh Bồ-đề không có tướng được, mất, giác, tri, phân biệt. Trong chỗ không phân biệt tức là tánh thanh tịnh. Tánh ấy không xen tạp, không có ngôn từ. Chẳng phải là có, chẳng phải là không, chẳng phải là biết, chẳng phải là không biết. Các pháp có thể hành cũng lại như vậy. Vì sao? Vì tất cả pháp hành là không thấy xứ sở và tánh quyết định, vốn không có đắc hay không đắc, thì sao lại có chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như lời ông nói! Tất cả tâm hành không lỗi, thể của nó là vô tướng, vắng lặng, vô sinh. Các thức hiện có cũng lại như vậy. Vì sao? Vì nhãn, nhãn xúc đều là không tịch, thức cũng không tịch, không có tướng động, bất động, bên trong không có ba thọ, ba thọ vắng lặng. Tai, mũi, lưỡi, thân, tâm ý, ý thức và thức Mạt-na, thức A-lại-da cũng lại như vậy, đều cũng không sinh nên tâm tịch diệt và tâm không sinh. Nếu sinh tâm tịch diệt, nếu sinh tâm vô sinh là có sinh hành, chẳng phải là hành vô sinh.

Này Bồ-tát! Bên trong sinh ba thọ, ba hành, ba giới. Nếu do sinh tâm

tịch diệt là không sinh, vì tâm thường vắng lặng, không công, không dụng, không chứng tướng tịch diệt, cũng không trụ nơi không chứng, cũng không chỗ trụ, thâu giữ vô tướng, tức không có ba thọ, ba hành, ba giới, thảy đều tịch diệt, thanh tịnh không trụ, không vào Tam-muội, không trụ tọa thiền, vô sinh, vô hành.

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Thiền có thể thâu giữ nẻo động, an định các thứ huyễn loạn, vì sao nói không thiền?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Thiền tức là động. Không động, không thiền là Thiền vô sinh. Tánh của thiền là vô sinh, lìa tướng sinh khởi về thiền. Tánh của thiền là vô trụ, lìa chỗ động của trụ thiền. Nếu biết tánh của thiền là không có động tĩnh, tức đạt vô sinh. Trí tuệ vô sinh cũng không nương trú, tâm cũng không động. Nhờ trí tuệ này mà được Bát nhã ba-la-mật vô sinh.

Bồ-tát Tâm Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trí tuệ vô sinh nơi tất cả xứ, không trụ nơi tất cả xứ, tâm không lìa, không trụ xứ, tâm vô xứ trụ, không trụ không tâm, tâm trụ vô sinh, tâm trụ như vậy, tức trụ vô sinh. Bạch Đức Thế Tôn! Tâm trụ vô sinh là không thể nghĩ bàn, trong sự không thể nghĩ bàn ấy cũng không thể nêu bày.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy!

Bồ-tát Tâm Vương nghe lời này rồi, tán thán là điều chưa từng có, liền nói bài kệ rằng:

Đấng đầy đủ Đại Trí
Giảng nói pháp Vô sinh
Nghe việc chưa từng nghe
Chưa nói mà nay nói,
Như cam lồ thanh tịnh
Lâu mới có một lần
Khó gặp, khó nghĩ bàn
Người nghe cũng lại khó.
Ruộng phước tốt Vô thượng
Thuốc thắng diệu bậc nhất
Vì hóa độ chúng sinh

Nên nay Phật giảng nói.

Bấy giờ, trong chúng hội nghe giảng nói điều này rồi đều chứng được Bát-nhã vô sinh.

-oOo-

Phẩm 4: Bản Giác Lợi

Bấy giờ, Bồ-tát Vô Trụ nghe Đức Phật giảng dạy về Nhất thừa chân thật không thể nghĩ bàn, bèn từ xa đến gần nơi tòa ngồi của Đức Như Lai, chuyên niệm lắng nghe, nhập vào cõi thanh tịnh, thân tâm không động.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Vô Trụ:

–Ông từ đâu đến? Nay đến đây để làm gì?

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Thưa Thế Tôn! Con vốn từ chỗ không đến, nay đến chỗ vốn không.

Đức Phật bảo:

–Ông vốn chẳng từ đâu đến, nay cũng đến chỗ vốn không, ông được lợi ích không thể nghĩ bàn.

Đại Bồ-tát này liền phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp cả đại thiên thế giới, rồi nói kệ rằng:

Lành thay! Bồ-tát,
Trí tuệ đầy đủ
Thường dùng bản lợi
Lợi ích chúng sinh.
Trong bốn oai nghi
Thường trụ bản lợi
Dắt dẫn muôn loài
Không đi, không đến.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Trụ thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Dùng lợi gì để chuyển tất cả tình thức của chúng sinh nhập vào A-ma-la (thức thanh tịnh vô cấu).

Đức Phật dạy:

–Chư Phật Như Lai thường dùng nhất giác mà chuyển các thức vào thức thanh tịnh vô cấu. Vì sao? Vì hết thảy các chúng sinh đều có bản giác, thường dùng nhất giác để giác ngộ các chúng sinh, khiến cho muôn loài kia đều đạt được bản giác, biết các tình thức đều vắng lặng vô sinh. Vì sao? Vì bản tánh quyết định, vốn không có động.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Hết thảy các thức đều duyên nơi cảnh để khởi, vì sao lại không động?

Đức Phật dạy:

–Tất cả cảnh vốn không, tất cả thức vốn không, tánh không không duyên tánh, như vậy thì do duyên gì sinh khởi?

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Tất cả cảnh đều không, như thế thì sao gọi là thấy?

Đức Phật bảo:

–Thấy tức là vọng. Vì sao? Vì tất cả vạn hữu đều không sinh, không tướng, vốn không có tên gọi, đều là vắng lặng. Tướng của tất cả các pháp cũng lại như vậy, thân của hết thảy chúng sinh cũng lại như vậy. Thân hãy còn không có làm sao có thấy?

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Tất cả cảnh đều không, tất cả thân đều không, tất cả thức đều không thì giác cũng phải là không chăng?

Đức Phật dạy:

–Nhất giác là không hủy, không hoại, vì tánh quyết định nên chẳng phải là không chẳng phải là chẳng không, không gì là chẳng không.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Các cảnh cũng như vậy. Chẳng phải là không tướng, chẳng phải là không không tướng?

Phật bảo:

–Đúng vậy! Các cảnh giới ấy, tánh vốn quyết định, tánh căn quyết định, không có xứ sở.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Giác cũng như vậy, không có xứ sở?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Giác không xứ sở cho nên thanh tịnh, thanh tịnh không giác. Vật không xứ sở nên thanh tịnh, thanh tịnh vô sắc.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Nhãn thức nơi tâm cũng lại như vậy, không thể nghĩ bàn?

Phật dạy:

–Nhãn thức nơi tâm cũng lại như vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì sắc không xứ sở, thanh tịnh, không tên, không vào bên trong. Mắt không xứ sở, thanh tịnh, không thấy, không ra bên ngoài. Tâm không xứ sở, thanh tịnh không dứt, không có chỗ sinh khởi. Thức không xứ sở, thanh tịnh không động, không có duyên khác, tánh đều lặng không, tánh không có giác, giác tức là giác.

Thiện nam! Giác biết là không giác thì hội nhập vào các thức. Vì sao? Vì trí địa Kim cang đoạn dứt con đường giải thoát, đoạn rồi thì nhập vào địa vô trụ, không có ra vào, cõi tâm không ở trong tánh quyết định, cõi ấy thanh tịnh như lưu ly trong sạch, tánh thường bình đẳng giống như mặt đất. Giác vi diệu quan sát như ánh sáng của mặt trời trí tuệ, bản lợi thành tựu như trận mưa pháp lớn. Người được vào trí này là vào trí địa của Phật. Người vào trí địa của Phật thì các thức không sinh.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Như Lai đã nói: Thánh lực của Nhất giác bốn trí địa rộng lớn tức là gốc rễ giác, lợi vốn có của tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì trong thân ấy của tất cả chúng sinh xưa nay đều đầy đủ.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Vì sao? Vì tất cả chúng sinh xưa nay không có lậu, hoặc, mà vốn có các thiện lợi, ngày nay do dục trói buộc nên chưa thể hàng phục.

Bồ-tát Vô Trụ hỏi:

–Nếu có chúng sinh chưa đạt được bản lợi, còn phải gom nhặt, tích tập, làm thế nào hàng phục được những điều khó hàng phục?

Phật dạy:

–Hoặc đông đảo hoặc một mình hành hóa phân biệt, và do bị nhiễm tạp, tâm thức xoay chuyển trụ nơi chốn không thì hàng phục được những điều khó hàng phục, giải thoát khỏi sự trói buộc của ma, thức ấm Bát-niết-bàn, siêu việt hiện bày rõ ngay tại chỗ ngồi.

Bồ-tát Vô Trụ thưa:

–Tâm được Niết-bàn một mình không bạn, thường trụ nơi Niết-bàn nên được giải thoát?

Phật dạy:

–Niết-bàn thường trụ là Niết-bàn trói buộc. Vì sao? Vì Niết-bàn vốn là giác lợi, giác lợi vốn là Niết-bàn. Phần giác Niết-bàn tức là phần

bản giác, tánh giác không khác, Niết-bàn cũng không khác. Bản giác không sinh, Niết-bàn cũng không sinh. Bản giác không diệt, Niết-bàn cũng không diệt. Niết-bàn và bản giác không khác. Niết-bàn vô đắc là không thủ đắc về Niết-bàn, vậy làm sao có thể trụ?

Thiện nam! Người giác ngộ là không trụ nơi Niết-bàn. Vì sao? Vì giác ngộ vốn là vô sinh, lìa mọi thứ cấu uế của chúng sinh. Giác ngộ vốn không tịch, xa lìa tánh động của Niết-bàn. Trụ vào địa như vậy thì tâm không chỗ trụ, không có ra vào, nên nhập vào thức Thanh tịnh vô cấu.

Bồ-tát Vô Trụ hỏi:

–Thức Thanh tịnh vô cấu là có nhập, xứ, có chỗ chứng đắc hay là pháp đạt được?

Đức Phật bảo:

–Chẳng phải vậy. Vì sao? Ví như người con mê muội, trên tay cầm đồng tiền vàng mà không biết là mình đang có, chạy khắp mười phương, trải qua năm mươi năm, nghèo cùng khốn khổ, lo tìm các việc để nuôi thân mà chẳng được đầy đủ. Cha người ấy thấy con như vậy, bảo: "Con cầm đồng tiền vàng trên tay tại sao không biết lấy dùng, tùy ý sử dụng cho những việc cần thiết đều được đầy đủ." Người con tỉnh ra, biết mình có tiền vàng, lòng rất vui mừng, cho rằng mình được tiền. Người cha liền bảo: "Này người con mê muội, con chớ vui mừng, tiền vàng này là vật vốn có của con, chẳng phải do con lượm được, tại sao lại vui mừng?"

Này thiện nam! Thức Thanh tịnh vô cấu cũng như vậy. Vốn không có tướng hiện ra, tức chẳng phải là nhập vào. Xưa mê muội nên chẳng phải là không. Nay giác ngộ nên chẳng phải là bên ngoài vào.

Bồ-tát Vô Trụ hỏi:

–Người cha kia biết đứa con mình mê muội, vì sao trải qua năm mươi năm, đi khắp mười phương, nghèo cùng khốn khổ mới bảo cho biết?

Đức Phật dạy:

–Trải qua năm mươi năm là một niệm tâm động, mười phương đi khắp là biến kế sở chấp đi xa.

Bồ-tát Vô Trụ hỏi:

–Thế nào là một niệm tâm động?

Phật dạy:

–Một niệm tâm động là năm ấm cùng sinh. Trong năm ấm sinh gồm

đủ năm mươi điều ác.

Bồ-tát Vô Trụ hỏi:

–Biến kế sở chấp đi xa khắp cả mười phương, một niệm tâm sinh gồm đủ năm mươi điều ác, làm sao khiến cho các chúng sinh kia không sinh một niệm?

Đức Phật dạy:

–Khiến cho các chúng sinh kia tâm thần an tọa, trụ vào địa Kim cang vắng lặng không khởi niệm, tâm thường an ổn tức không sinh một niệm.

Bồ-tát Vô Trụ nói:

–Biết niệm không sinh là không thể nghĩ bàn, tâm được an ổn tức là phần lợi của bản giác, lợi không có động thường ở chỗ chẳng không, không có chẳng không, chẳng không chẳng giác, giác biết không giác, bản lợi, bản giác. Giác ấy thanh tịnh không nhiễm, không chấp, không biến đổi, không khác, là tánh quyết định không thể nghĩ bàn.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy!

Bồ-tát Vô Trụ nghe lời này rồi, đạt được điều chưa từng có, liền nói kệ rằng:

Đấng Đại Giác, Thế Tôn
Thuyết nêu pháp vô niệm
Tâm không niệm, không sinh
Tâm thường sinh không diệt.
Nhất giác, bản giác lợi
Lợi nơi các bản giác
Như người được tiền vàng
Chỗ đạt tức phi đắc.

Lúc ấy, đại chúng nghe lời này rồi đều được Bát-nhã ba-la-mật của bản giác lợi.

-oOo-

Phẩm 5: Nhập Thật Tế

Bấy giờ, Đức Như Lai bảo:

–Này các Bồ-tát! Vào sâu nơi bản lợi, có thể hóa độ chúng sinh. Nếu sau này chẳng phải thời, nên như thời mà thuyết pháp lợi ích, không những thuận hợp mà không thuận hợp cũng thuyết, chẳng phải đồng, chẳng phải

khác, ứng hợp như vậy mà giảng nói, dẫn dắt trí của hữu tình nhập vào biển Nhất thiết trí, không để cho chúng như gió thổi vào hư không, mà làm cho nhiều thứ trở về một vị. Thế gian chẳng phải là thế gian, trụ chẳng phải chỗ trụ, có năm không, ra, vào, không có, lấy, bỏ… Vì sao? Vì các pháp là không tướng, tánh chẳng phải là có không, phi không chẳng không, chẳng không chẳng có, không có tánh quyết định, không trụ vào có không. Chẳng phải là hữu vô kia. Trí của Thánh phàm có thể suy lường được. Này các Bồ-tát! Nếu nhận biết lợi ấy thì chứng được Bồ-đề.

Khi ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên là Đại Lực, từ chỗ ngồi đứng dậy thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy: Có năm không ra, vào, có, không, lấy, bỏ. Thế nào là năm không mà không lấy bỏ?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Năm không là: Ba cõi là không, hình ảnh của sáu đường là không, pháp tướng là không, danh tướng là không, nghĩa của tâm thức là không. Này Bồ-tát! Các thứ không như thế, không chẳng trụ nơi không, không chẳng trụ nơi tướng, pháp không có tướng thì có gì để nắm bắt, xả bỏ? Vào cõi không chấp thủ tức hội nhập nơi ba không.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Thế nào là ba không?

Đức Phật dạy:

–Ba không là: Không tướng cũng không, không không cũng không, đối tượng không cũng không. Những không như vậy không trụ nơi ba tướng, đều là chân thật, con đường ngôn từ dứt bặt nên không thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Chẳng phải không chân thật là tướng nên có?

Đức Phật dạy:

–Vô không trụ nơi vô, hữu không trụ nơi hữu; không hữu, chẳng vô, chẳng hữu. Pháp của chẳng hữu tức chẳng trụ nơi vô. Tướng của chẳng vô tức chẳng trụ nơi hữu. Chẳng phải đem chỗ hữu, vô mà hiển bày được lý. Này Bồ-tát! Nghĩa tướng không tên, nên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì danh của vô danh, chẳng phải không nơi danh. Nghĩa của vô nghĩa, chẳng phải không nơi nghĩa.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Danh, nghĩa như vậy là như tướng chân thật, như tướng của Như Lai. Như chẳng trụ nơi như, như không có tướng như, vì như là vô tướng, nên chẳng phải là không. Thưa Như Lai, tướng tâm của chúng sinh cũng là tướng Như Lai, nên tâm của chúng sinh không có cảnh khác.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, tâm của chúng sinh thật không khác biệt. Vì sao? Vì tâm vốn thanh tịnh, lý không có ô uế, do nhiễm cảnh trần gọi là có ba cõi. Tâm của ba cõi gọi là cảnh khác. Cảnh ấy hư vọng, từ tâm hóa sinh. Nếu tâm không vọng, thì không có cảnh khác.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Tâm nếu đang tịnh thì các cảnh không sinh. Khi tâm này tịnh thì tức không có ba cõi.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, này Bồ-tát! Tâm không sinh cảnh, cảnh không sinh tâm. Vì sao? Vì chỗ thấy nơi các cảnh chỉ là chỗ thấy nơi tâm, tâm không huyễn hóa tức không chỗ thấy. Này Bồ-tát! Bên trong không có chúng sinh, vì ba tánh vắng lặng nên không có mình cũng không có người khác, cho đến hai nhập tâm cũng không sinh. Được lợi như vậy thì không có ba cõi.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Thế nào là hai nhập không sinh nơi tâm? Tâm vốn không sinh sao lại có nhập?

Đức Phật dạy:

–Hai nhập: Một là nhập của Lý, hai là nhập của Hành.

Lý nhập (Nhập của lý) là tin chắc chúng sinh chân tánh không khác, không một, không nhiều, chỉ do bị khách trần che lấp làm chướng ngại. Không đi, không đến, dừng trụ nơi giác quán, thấy được Phật tánh; không hữu, không vô, không tự, không tha, phàm Thánh không hai, tâm địa Kim cang trụ vững, không dời đổi, vắng lặng vô vi, không có phân biệt, đó gọi là Lý nhập.

Hành nhập (Nhập của hành) là tâm không điên đảo, ảnh tượng không dời đổi. Đối với nơi chốn có, tâm thanh tịnh không mong cầu, gió thổi không động, giống như mặt đất, xa lìa tâm ngã, cứu độ chúng sinh không sinh, không tướng, không thủ, không xả.

Này Bồ-tát! Tâm không ra vào, không có tâm xuất nhập, nhập mà

không nhập nên gọi là nhập.

Này Bồ-tát! Pháp nhập như vậy là pháp tướng chẳng không, pháp của chẳng không, pháp không xả bỏ. Vì sao? Vì pháp của chẳng không, công đức đầy đủ, chẳng phải tâm, hình, vì pháp vốn thanh tịnh.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Thế nào là chẳng phải tâm, chẳng phải hình, pháp vốn thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Pháp của không và như chẳng phải là pháp của tâm, hay thức. Chẳng phải do tâm mà có, vì pháp chẳng phải là tướng không, pháp chẳng phải là sắc tướng, pháp chẳng phải là tâm hữu vi, là pháp không tương ưng, chẳng phải là tâm vô vi, là pháp tương ưng. Chẳng phải là chỗ hiện hình ảnh, chẳng phải là chỗ để chỉ dạy, chẳng phải là tự tánh, chẳng phải là sai biệt, chẳng phải là danh, tướng, nghĩa. Vì sao? Vì nghĩa không có như, pháp của vô như cũng không vô như, chẳng có vô như, chẳng phải không có như. Vì sao? Vì pháp của căn và lý chẳng phải lý, chẳng phải căn, lìa xa các tranh luận, không thấy tướng của chúng. Này Bồ-tát! Pháp tịnh như vậy, sinh chẳng phải là sinh của chỗ sinh, diệt chẳng phải là diệt của chỗ diệt.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Pháp tướng như vậy là không thể nghĩ bàn, vì không hợp thành, không riêng thành, không cậy nhờ, không ràng buộc, không tụ tán, sinh diệt, cũng không có tướng đến đi, nên không thể nghĩ bàn.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Không thể nghĩ bàn, là tâm không nghĩ bàn nên tâm cũng như vậy. Vì sao? Vì tâm không khác như, tâm vốn là như. Phật tánh, chúng sinh là không một, không khác. Tánh của chúng sinh vốn không sinh diệt. Tánh của sinh diệt, vốn là tánh Niết-bàn. Tướng của tánh vốn như, vì như không động. Tất cả pháp tướng không từ duyên khởi. Tướng tánh của như khởi, như không chuyển động. Tánh tướng của nhân duyên, tướng vốn không vô, duyên duyên không không, không có duyên khởi. Tất cả pháp duyên, do tâm mê vọng thấy, hiện vốn không sinh, vì duyên vốn không. Tâm như pháp lý, vì tự thể là không, vô. Như không vương kia vốn không trụ xứ. Tâm của hàng phàm phu vọng phân biệt thấy. Tướng của như như, vốn chẳng có và không. Tướng của có và không, chỉ do tâm thức thấy.

Này Bồ-tát! Tâm pháp như vậy, tự thể chẳng không, tự thể chẳng có, tức chẳng có chẳng không. Này Bồ-tát! Thảy đều là vô tướng, nằm ngoài lĩnh vực ngôn thuyết. Vì sao? Vì pháp của chân như, như hư không vô tướng, hàng Nhị thừa chẳng thể nhận biết được. Cảnh giới của hư không, trong ngoài không thể suy lường, người tu tập sáu hành mới có thể nhận biết.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Thế nào là sáu hành?

Đức Phật dạy:

–Một là hành Thập tín, hai là hành Thập trụ, ba là hành Thập hạnh, bốn là hành Thập hồi hướng, năm là hành Thập địa, sáu là hành Đẳng giác. Người hành hóa như vậy mới có thể nhận biết.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Giác lợi của thật tế không có vào ra, thì những tâm pháp gì được hội nhập vào thật tế?

Đức Phật dạy:

–Pháp của thật tế là pháp không có biên vực, bến bờ, tâm của vô tế tức hội nhập vào thật tế.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Trí của tâm vô tế, trí ấy không bến bờ, tâm không bến bờ, tức tâm được tự tại. Trí của tự tại có thể nhập vào thật tế, như hàng phàm phu kia, với chúng sinh tâm yếu kém, tâm ấy đa đoan nên dùng pháp nào để chế ngự, khiến tâm được kiên cố để nhập vào thật tế?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Tâm người đa đoan, khiến cho bên trong và ngoài tùy tiện trôi chảy, tích chứa lâu dần thành biển, gió to sóng lớn, đại long kinh sợ, do tâm kinh sợ nên khiến thành nhiều mối.

Này Bồ-tát! Phải khiến cho chúng sinh lưu lại ba giữ lấy một, nhập vào thiền Như Lai, nhờ thiền định, tâm tức không còn nhiều mối.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Thế nào là nhập thiền Như Lai lưu lại ba mà giữ lấy một?

Phật dạy:

–Lưu lại ba là ba giải thoát, giữ lấy một là giữ một tâm như. Người vào thiền Như Lai, tâm như quán lý, vào cõi tâm như vậy tức là hội nhập

thật tế.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Những gì là ba giải thoát? Thiền định như lý quan sát, từ pháp nào hội nhập?

Đức Phật dạy:

–Ba giải thoát là: Hư không giải thoát, Kim cang giải thoát và Bát-nhã giải thoát. Người đúng quan sát như lý, tâm như lý thanh tịnh, không thể không tâm.

Bồ-tát Đại Lực hỏi:

–Thế nào là tồn dụng? Thế nào là quan sát?

Đức Phật dạy:

–Tâm sự (cảnh) không hai, gọi là tồn dụng. Trong hành, ngoài hành, xuất nhập không hai, chẳng trụ vào một tướng, tâm không được mất, một chẳng phải một cõi, tâm tịnh hội nhập, đó gọi là quán sát.

Này Bồ-tát! Người hành hóa như vậy không trụ nơi hai tướng, tuy không xuất gia mà chẳng vướng tại gia, tuy không mặc pháp phục, không thọ trì đầy đủ giới Ba-la-đề-mộc-xoa, không vào Bồ-tát nhưng có thể điều phục tự tâm đạt vô vi, tự tứ chứng được quả Thánh, không trụ nơi hai thừa, nhập đạo Bồ-tát, sau đấy sẽ viên mãn các địa, thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bồ-tát Đại Lực nói:

–Thật không thể nghĩ bàn! Người như vậy chẳng phải là xuất gia, chẳng phải là không xuất gia. Vì sao? Vì vào nhà Niết-bàn, mặc y phục của Như Lai, ngồi nơi tòa Bồ-đề, những người như vậy thậm chí hàng Sa-môn cũng phải cung kính, cúng dường.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Vì sao? Vì vào nhà Niết-bàn thì tâm vượt khỏi ba cõi. Mặc y của Như Lai là nhập vào chốn pháp không, ngồi nơi tòa Bồ-đề chứng Thập địa Chánh giác. Người như vậy tâm siêu việt Nhị thừa, huống chi là hàng Sa-môn không cung kính, cúng dường.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Như một địa kia cùng với biển không, người của hàng Nhị thừa không thể thấy được?

Phật dạy:

–Đúng vậy! Người của hàng Nhị thừa kia mê chấp nơi Tam-muội, chứng được Tam-muội, thân đối với một địa của biển không kia như người mắc bệnh uống rượu say sưa hôn mê không tỉnh, cho đến nhiều kiếp hãy còn không giác ngộ. Tới khi rượu hết mới tỉnh, tìm cách tu hành, về sau chứng được thân Phật. Như người kia từ chỗ lìa bỏ hàng Xiển-đề tức hội nhập nơi sáu hành, ở trong cõi hành, niệm chuyên nhất, tâm thanh tịnh, quyết định sáng suốt rõ ràng, từ diệu lực của trí Kim cang được không thoái chuyển, độ thoát chúng sinh, hiện bày Từ bi vô tận.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Người như vậy, nếu không trì giới thì đối với người ấy, hàng Sa-môn chẳng nên kính ngưỡng.

Đức Phật dạy:

–Vì người ấy thuyết giới, không hoàn toàn kiêu mạn, như biển có sóng lớn, tâm địa người ấy cũng vậy, lúc này tám thức lắng trong, chín thức trôi chảy thanh tịnh, gió chẳng thể động, sóng không sinh khởi, tánh của giới bình đẳng như hư không, chấp giữ là điên đảo mê muội. Người như vậy, thức thứ bảy, thứ tám không sinh các tập, tu diệt định mà không xa lìa ba thân Phật, phát tâm Bồ-đề; ở trong ba vô tướng, tâm tùy thuận hội nhập vào chỗ thâm diệu, cung kính sâu xa đối với Tam bảo, không mất oai nghi. Đối với người ấy hàng Sa-môn đều phải cung kính.

Này Bồ-tát! Nhân giả này chẳng trụ chấp nơi thế gian, pháp động và chẳng động, tâm nhập vào ba không, diệt hết ba cõi.

Bồ-tát Đại Lực thưa:

–Người này đối với Phật đầy đủ quả đức, đối với Phật của Như Lai tạng, đối với Phật hình tượng, ở chỗ các Đức Phật như thế phát tâm Bồ-đề, vào Tam tụ giới, chẳng trụ chấp nơi tướng, diệt hết tâm của ba cõi, không ở trong cõi tịch tĩnh, không xả bỏ chúng sinh, hội nhập cõi không thuận hợp không thể nghĩ bàn.

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy nói kệ rằng:

Biển trí tuệ đầy đủ
Chẳng trụ thành Niết-bàn
Như hoa sen đẹp quý
Chẳng nở từ vùng cao,
Chư Phật vô lượng kiếp
Không bỏ các phiền não

Độ đời nên sau đạt
Như từ bùn hoa nở,
Đối với cõi sáu hành
Bồ-tát đã tu tập
Tích tụ ba không kia
Đạo Bồ-đề chân thật,
Nay ta trụ chẳng trụ
Như lời của Phật thuyết
Lại đến chỗ đã đến
Đầy đủ, sau mới xuất,.
Lại khiến các chúng sinh
Như ta, một không hai
Người đến trước đến sau
Đều chứng Đẳng chánh giác.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thật không thể nghĩ bàn! Ông đời sau sẽ được thành tựu đạo quả Bồ-đề, hóa độ vô lượng chúng sinh, đều vượt khỏi biển khổ sinh tử.

Khi ấy, đại chúng đều giác ngộ đạo Bồ-đề, các hàng Thanh văn đều nhập vào biển cả của năm không.

-oOo-

Phẩm 6: Chân Tánh Không

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tu tập đạo Bồ-tát không có danh tướng, ba giới không có oai nghi, làm thế nào để thâu nhận vì chúng sinh nêu giảng? Xin Đức Phật từ bi giảng rõ cho con.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông nên lắng nghe, ta sẽ giảng nói cho ông.

Này thiện nam! Pháp thiện và bất thiện từ tâm mà sinh, tất cả cảnh giới dùng ý nghĩ, lời nói phân biệt, thâu gồm lại một chỗ, đoạn dứt các duyên. Vì sao? Này thiện nam! Một gốc không sinh, ba dụng không bỏ, trụ nơi như lý, ngăn cửa của sáu đường, tùy thuận bốn duyên, ba giới đầy đủ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là tùy thuận bốn duyên, đầy đủ ba giới?

Đức Phật dạy:

–Bốn duyên:

1. Tác trạch diệt lực thủ duyên, theo giới nhiếp luật nghi.

2. Bản lợi tịch căn lực sở tập khởi duyên, theo giới nhiếp Thiện pháp.

3. Bản tuệ đại Bi lực duyên, theo giới nhiếp chúng sinh.

4. Nhất giác thông trí lực duyên, tùy thuận nơi như an trụ.

Đó là bốn duyên. Thiện nam! Diệu lực của bốn đại duyên này chẳng trụ nơi sự tướng, chẳng phải không có công dụng, xa lìa một xứ thì không thể cầu.

Thiện nam! Một việc như vậy thâu tóm được sáu hành, là biển Nhất thiết trí giác ngộ của Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng trụ nơi sự tướng, chẳng phải không có công dụng, là pháp chân không; thường, lạc, ngã, tịnh, siêu việt nơi hai ngã, là Đại Bát-niết-bàn, tâm không bị lệ thuộc; là đại lực quán, trong giác quán ấy gồm đủ ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ đạo. Vì sao? Vì bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo…, có nhiều tên gọi nhưng là một nghĩa, chẳng một, chẳng khác. Dùng nhiều tên gọi chỉ là danh tự, vì pháp không thể nắm bắt. Pháp không thể nắm bắt được ấy không chứng một nghĩa không văn tự, nghĩa của tướng không văn tự là không tánh chân thật, nghĩa của không tánh, là như thật, như như; lý của như như gồm đủ tất cả các pháp. Thiện nam, người trụ nơi lý như, vượt khỏi biển ba khổ.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Tất cả vạn pháp đều là ngôn ngữ văn tự; tướng của văn tự, ngôn ngữ tức chẳng phải là nghĩa, vì nghĩa của như thật, thì không thể giảng nói, nay tại sao Như Lai giảng nói pháp?

Đức Phật dạy:

–Ta thuyết pháp là do các chúng sinh như ông ở nơi sinh tử mà nêu bày, thuyết mà không thể thuyết giảng, đó gọi là thuyết giảng. Chỗ thuyết giảng của ta, ý nghĩa, lời nói chẳng phải là văn tự; còn chúng sinh nêu bày thì văn tự, ngôn ngữ chẳng phải là ý nghĩa. Chẳng phải là nghĩa của ngôn ngữ vì tất cả đều là không, vô. Ngôn ngữ của không, vô tức vô ngôn nơi nghĩa. Chẳng phải nghĩa ngôn ngữ vì đều là vọng ngữ. Như nghĩa nơi ngôn

ngữ thì thật không chẳng không, không thật chẳng thật, xa lìa nơi hai tướng, trung gian chẳng giữa, pháp không chặng giữa, xa lìa ba tướng, không thấy có nơi chốn. Như nói về như như, như không hữu vô, không có đối với không, như không hữu vô, có không đối với có, không ở nơi chỗ có hay không, vì thuyết mà không ở nơi thuyết giảng, không ở nơi như, như không có như, chẳng không như thuyết.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Tất cả chúng sinh từ Nhất-xiển-đề, tâm của Nhất-xiển-đề trụ ở bậc nào để đạt đến Như Lai, thật tướng của Như Lai?

Đức Phật bảo:

–Từ tâm của Xiển-đề cho đến Như Lai, thật tướng của Như Lai trụ trong năm vị:

1. Tín vị: Tín trong thân này là hạt giống của chân như, bị vọng tưởng che lấp. Xa lìa tâm vọng tưởng thì tâm được thanh tịnh, nhận biết các cảnh giới, ý lời phân biệt.

2. Tư vị: Tư là quán xét các cảnh giới, chỉ là ý nghĩ, lời nói. Ý nghĩ, lời nói phân biệt, tùy nơi tâm mà hiện bày, cảnh giới được nhận thấy chẳng phải là thức gốc của ngã. Nhận biết thức gốc này chẳng phải là pháp, chẳng phải là nghĩa, chẳng phải là chủ thể chấp thủ và đối tượng được chấp thủ.

3. Tu vị: Tu là thường khởi có thể dấy khởi, khởi tu đồng một lúc, trước dùng trí dẫn dắt, bỏ các chướng nạn, xa lìa mọi thứ trói buộc, che lấp.

4. Hành vị: Hành là xa lìa các cõi hành, tâm không lấy, bỏ, lợi căn thanh tịnh, tâm như không động, thật tánh quyết định, Đại Bát-niết-bàn chính là tánh lớn lao rỗng lặng.

5. Xả vị: Xả là không trụ nơi tánh không, chánh trí lưu chuyển đại Bi như tướng, tướng chẳng trụ nơi như, Bồ-đề Vô thượng, tâm rỗng lặng không chứng, tâm không biên vực, không thấy nơi chốn, là đạt đến chỗ Như Lai.

Năm vị một giác từ bản lợi nhập vào. Nếu giáo hóa chúng sinh thì từ nơi chốn căn bản này.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế nào là từ nơi bản Xứ?

Phật dạy:

–Xưa nay vốn không gốc, xứ ở nơi chỗ không xứ, nhập vào chỗ

không nơi thật tế, phát tâm Bồ-đề, thành tựu đầy đủ Thánh đạo. Vì sao? Này thiện nam! Như đưa tay nắm bắt hư không, không được cũng chẳng phải là không được.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thế Tôn đã dạy, việc làm trước hết là phải giữ lấy bản lợi, là niệm về tịch diệt, tịch diệt như vậy là thâu giữ chung các đức, tất cả vạn pháp viên dung không hai, không thể nghĩ bàn, nên biết pháp này là đại Trí tuệ ba-la-mật, là chú Đại thần, là chú Đại minh, là chú Vô thượng, là chú không gì hơn, không gì có thể so sánh.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Tánh không của chân như, lửa của trí tánh không đốt cháy tất cả các kết sử, phiền não, bình đẳng, ba địa đẳng giác, ba thân diệu giác, ở trong chín thức, sáng tỏ thanh tịnh, không có các ảnh tượng.

Này thiện nam! Pháp này chẳng phải là nhân, chẳng phải là duyên, trí tự hoạt dụng chẳng phải động tĩnh, diệu dụng nơi tánh không nên nghĩa chẳng phải là có không, vì không có tướng không. Này thiện nam, nếu giáo hóa chúng sinh nên khiến cho chúng sinh quán nhập vào nghĩa này, người được hội nhập nơi nghĩa ấy là thấy Như Lai.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Nghĩa quán của Như Lai không trụ nơi các dòng, nên lìa bốn thiền, vượt khỏi cõi trời Hữu đảnh.

Phật bảo:

–Đúng vậy! Vì sao? Vì tất cả các pháp đều là danh số. Bốn thiền cũng như vậy. Nếu người thấy Như Lai, tâm Như Lai tự tại, thường ở trong cõi diệt tận, không xuất cũng không nhập, trong ngoài bình đẳng. Này thiện nam! Như các thiền quán kia đều là tưởng không định, như ấy chẳng phải trở lại nơi kia. Vì sao? Vì dùng như quán xét như, thật chẳng thấy quán, tướng như nơi các tướng là tịch diệt, tịch diệt tức là nghĩa của như. Nếu tưởng về thiền định là động, chẳng phải là thiền. Vì sao? Vì tánh của thiền lìa các thứ động, chẳng phải là nhiễm chẳng phải là đối tượng bị nhiễm, chẳng phải là pháp, chẳng phải là hình, lìa các phân biệt. Này thiện nam! Định quán như vậy mới gọi là thiền.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Thật khó nghĩ bàn! Như Lai thường dùng nghĩa như thật mà giáo hóa chúng sinh, nghĩa thật như vậy thì văn nhiều nghĩa rộng, hạng chúng sinh lợi căn mới có thể tu tập được, hạng chúng sinh căn cơ thấp kém thì khó dùng tâm ý để thực hành. Dùng phương tiện thế nào để khiến cho hạng chúng sinh độn căn được nhập vào nghĩa chân thật này?

Đức Phật dạy:

–Khiến cho hạng chúng sinh độn căn kia thọ trì một bài kệ bốn câu thì hội nhập được nghĩa thật này. Tất cả pháp Phật đều thâu tóm trong một bài kệ bốn câu.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là một bài kệ bốn câu? Nguyện xin Phật nói cho!

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nghĩa do nhân duyên sinh
Là nghĩa diệt chẳng sinh
Diệt các nghĩa sinh diệt
Là nghĩa sinh không diệt.

Lúc ấy, đại chúng nghe Đức Phật nói kệ này rồi, đều rất hoan hỷ, cùng diệt được các pháp sinh diệt, phát sinh biển trí Bát-nhã tánh không.

-oOo-

Phẩm 7: Như Lai Tạng

Lúc ấy, trưởng giả Phạm Hạnh, từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nghĩa sinh chẳng diệt, nghĩa diệt chẳng sinh, nghĩa như như vậy tức là Bồ-đề của Phật. Tánh của Bồ-đề thì không phân biệt. Trí không phân biệt thì phân biệt vô cùng. Tướng của vô cùng chỉ diệt phân biệt. Tướng của nghĩa như vậy là không thể nghĩ bàn. Ở trong không thể nghĩ bàn mới là không phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp số là vô lượng, vô biên. Pháp tướng vô biên là một nghĩa tánh thật, chỉ trụ nơi một tánh, việc này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này trưởng giả! Các pháp ta giảng nói là không thể nghĩ bàn, vì người mê lầm nên tạo phương tiện dẫn dắt. Tất cả pháp tướng là trí của một nghĩa thật. Vì sao? Ví như một cái chợ có bốn cửa lớn, cả bốn cửa này đều quy về một chợ. Như các chúng sinh kia tùy ý hội nhập nơi vô số các pháp vị cũng lại như vậy.

Trưởng giả Phạm Hạnh thưa:

–Pháp nếu như vậy thì ta trụ nơi một vị nên thâu tóm hết các vị.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Vì sao? Thật nghĩa của một vị như một biển lớn, tất cả các dòng đều chảy về.

Này trưởng giả! Tất cả mọi pháp vị cũng như các dòng kia, tên gọi, số lượng tuy có khác nhau nhưng nước của chúng thì không khác. Nếu tụ nơi biển lớn thì có thể bao quát hết các dòng. Trụ nơi một vị thì thâu tóm các vị.

Trưởng giả Phạm Hạnh thưa:

–Các pháp là một vị, tại sao có đạo của ba thừa, trí nơi mỗi thừa lại có khác?

Đức Phật dạy:

–Này trưởng giả! Ví như sông Giang, sông Hà, sông Hoài và biển, lớn nhỏ không giống nhau, cạn sâu đều khác, tên gọi cũng khác nhau. Nước ở trong sông Giang thì gọi là nước sông Giang, nước trong sông Hoài thì gọi là nước sông Hoài, nước trong sông Hà thì gọi là nước của sông Hà, tất cả đều chảy về nơi biển thì gọi là nước biển. Các pháp cũng lại như vậy, đều ở nơi chân như nên gọi là Phật đạo. Này trưởng giả! Trụ nơi một Phật đạo tức đạt được ba hành.

Trưởng giả Phạm Hạnh hỏi:

–Thế nào là ba hành?

Đức Phật dạy:

–Một là Tùy sự thủ hành, hai là Tùy thức thủ hành, ba là Tùy như thủ hành. Này trưởng giả! Ba hành như thế là thâu tóm hết các pháp môn. Tất cả các pháp môn đều hội nhập vào đấy. Người vào được hành này chẳng sinh tướng không. Hội nhập như vậy có thể gọi là nhập Như Lai tạng. Người nhập Như Lai tạng là nhập mà chẳng nhập.

Trưởng giả Phạm Hạnh thưa:

–Thật khó nghĩ bàn! Nhập Như Lai tạng như hạt mầm thành quả, không có nơi chốn nhập. Căn, lực thông lợi, thành tựu lợi ích, đạt được trí tuệ chân thật. Trí ấy như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Trí ấy là vô cùng, nói tóm lược thì có bốn.

Những gì là bốn?

1. Trí định, nghĩa là tùy theo Như.

2. Trí bất định, nghĩa là phương tiện để dứt trừ bệnh.

3. Trí Niết-bàn, là trí tuệ dứt trừ cái biết chớp nhoáng về thật tế.

4. Trí cứu cánh, nghĩa là nhập vào Phật đạo đầy đủ sự chân thật.

Này trưởng giả! Diệu dụng của bốn việc lớn ấy, chư Phật ở quá khứ đã giảng nói, như chiếc cầu lớn, như bờ bến lớn, muốn hóa độ chúng sinh nên dùng trí này.

Này trưởng giả! Dùng là đạt được diệu dụng lớn. Lại có ba việc lớn:

1. Ở nơi ba Tam-muội trong ngoài không xâm đoạt nhau.

2. Đối với đại nghĩa khoa, tùy theo đạo pháp mà lựa chọn.

3. Đối với định tuệ này, dùng từ bi đều được lợi.

Ba việc như vậy sẽ thành tựu đạo Bồ-đề. Không thực hành theo việc này thì không thể nhập vào biển bốn trí, bị các loài ma sai khiến.

Này trưởng giả! Đại chúng các ông, từ này cho đến lúc thành Phật, thường nên tu tập, chớ khiến phải dừng nghỉ, quên mất.

Trưởng giả Phạm Hạnh hỏi:

–Thế nào là ba Tam-muội?

Đức Phật dạy:

–Ba Tam-muội đó là: Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác.

Trưởng giả Phạm Hạnh thưa:

–Thế nào là ở nơi đại nghĩa khoa?

Đức Phật bảo:

–Đại nghĩa là bốn đại. Nghĩa tức là ấm, giới, nhập. Khoa nghĩa là thức gốc, đó là ở nơi khoa nghĩa của đại.

Trưởng giả Phạm Hạnh thưa:

–Thật chẳng thể nghĩ bàn! Trí sư như vậy là đạt được lợi ích cho mình và lợi ích cho người khác, vượt khỏi ba cõi, không trụ vào Niết-bàn, nhập đạo Bồ-tát. Pháp tướng như vậy là pháp sinh diệt, vì còn phân biệt. Nếu lìa phân biệt tức là pháp chẳng diệt.

Bấy giờ, Đức Phật muốn nhắc lại ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Pháp từ phân biệt sinh
Lại từ phân biệt diệt

Diệt các pháp phân biệt
Là pháp chẳng sinh diệt.

Trưởng giả Phạm Hạnh nghe kệ này rồi, tâm rất vui mừng, muốn nhắc lại ý nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Các pháp vốn tịch diệt
Tịch diệt cũng không sinh
Các pháp sinh diệt ấy
Là pháp chẳng vô sinh.
Kia tức không cùng đây
Vì còn có đoạn, thường
Đây tức lìa cả hai
Cũng chẳng trụ một chỗ.
Nếu nói pháp có một
Tướng ấy như mao luân
Như lửa nước mê lộn
Là những điều hư vọng.
Nếu thấy nơi pháp không
Pháp ấy đồng với không
Như mù không ánh sáng
Thuyết pháp như lông rùa.
Con nay nghe Phật dạy
Biết pháp ngoài nhị kiến
Cũng không ở chặng giữa
Vì thế không trụ chấp.
Pháp của Như Lai thuyết
Đều từ nơi vô trụ
Con từ chốn vô trụ
Đến đảnh lễ Như Lai.
Kính lễ tướng Như Lai
Trí bất động như không
Không chấp, không xứ sở
Kính lễ thân vô trụ.
Con ở khắp mọi nơi
Thường thấy chư Như Lai
Xin nguyện các Như Lai
Vì con thuyết pháp thường.

Bấy giờ, Đức Phật bảo:

–Này các thiện nam! Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà giảng nói pháp thường. Này các thiện nam, pháp thường chẳng phải là pháp thường, chẳng phải là ngôn thuyết, cũng chẳng phải là văn tự, chẳng phải là sự thật, chẳng phải là giải thoát, chẳng phải là không, chẳng phải là cảnh giới, xa lìa các vọng tưởng, đoạn trừ mọi giới hạn. Pháp này chẳng phải là vô thường, xa lìa các kiến chấp về thường đoạn. Thấy rõ thức là thường, thức này thường vắng lặng, tịch diệt cũng tịch diệt. Này các thiện nam! Người biết pháp tịch diệt, tâm không tịch diệt, tâm thường tịch diệt. Người được tịch diệt, tâm thường quán xét đúng đắn biết rõ các danh sắc chỉ là do tâm si. Tâm si phân biệt, phân biệt về các pháp, lại không có việc khác ngoài danh sắc. Biết rõ pháp như vậy không theo văn tự, ngôn ngữ. Tâm tâm đối với nghĩa không phân biệt ngã, biết ngã là giả danh, tức đạt được vắng lặng. Nếu được vắng lặng liền chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Trưởng giả Phạm Hạnh nghe lời này rồi liền nói kệ:

Sự phân biệt danh, tướng
Và pháp gọi là ba
Trí chánh diệu chân như
Tất cả ấy là năm.
Nay con biết pháp này
Bị đoạn, thường ràng buộc
Vào nơi nẻo sinh diệt
Là đoạn chẳng phải thường.
Như Lai thuyết pháp không
Xa lìa cả thường đoạn
Nhân duyên không chẳng sinh
Không sinh nên không diệt.
Nhân duyên chấp là có
Như hoa giữa hư không
Giống như là Thạch nữ
Hoàn toàn không thể có.
Lìa các nhân duyên chấp
Không từ người khác diệt
Và nghĩa đại nơi mình
Nương Như nên đạt thật.
Vì vậy pháp chân như
Thường tự tại, như như
Tất cả nơi vạn pháp

Chẳng phải như thức hóa.
Lìa thức, pháp tức không
Nên từ chỗ không thuyết
Diệt các pháp sinh diệt
Mà trụ nơi Niết-bàn.
Đấng Đại Bi đạt được
Niết-bàn diệt không trụ
Chuyển năng thủ, sở thủ
Nhập vào Như Lai tạng.

Lúc ấy, đại chúng nghe nghĩa này rồi đều được chánh mạng, nhập vào biển Như Lai tạng của Như Lai.

-oOo-

Phẩm 8: Tổng Trì

Bấy giờ, Bồ-tát Địa Tạng, từ trong chúng hội đứng dậy đi đến trước Phật, quỳ gối chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con quán thấy tâm của đại chúng có điều nghi, còn chưa quyết định. Nay Như Lai muốn trừ nghi, con sẽ vì đại chúng mà thưa hỏi, xin Đức Phật từ bi thương xót chấp thuận.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát, ông có thể cứu độ chúng sinh như vậy, tâm đại Từ của ông là không thể nghĩ bàn, ông nên thưa hỏi, ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Địa Tạng hỏi:

–Vì sao tất cả các pháp là không duyên sinh?

Bấy giờ, Như Lai muốn nhắc lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

Nếu pháp do duyên sinh
Lìa duyên, không có pháp
Làm sao pháp tánh không
Mà duyên lại sinh pháp?

Bồ-tát Địa Tạng hỏi:

–Pháp nếu vô sinh thì sao lại nói các pháp là từ tâm sinh?

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Pháp do từ tâm sinh
Là pháp còn chấp thủ
Mắt loạn thấy hoa đốm
Pháp ấy cũng như vậy.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Nếu pháp như vậy thì pháp không đối đãi, pháp không đối đãi thì pháp phải tự thành.

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Pháp vốn không hữu, vô
Tự, tha cũng như vậy
Không đầu, cũng không cuối
Thành hoại mà chẳng trụ.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Tướng của tất cả các pháp tức là gốc nơi Niết-bàn. Niết-bàn và tướng không cũng như vậy. Các pháp là không, là pháp ứng hợp với như.

Đức Phật dạy:

–Không, Như là pháp, pháp ấy là Như.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật không thể nghĩ bàn. Tướng Như như vậy chẳng phải là cùng, không cùng với ý nghiệp chấp thủ, tức đều là không tịch, tâm pháp không tịch đều không thể chấp thủ thì tất cả ý và nghiệp lẽ ra cũng tịch diệt.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Tất cả pháp không tịch
Là pháp tịch, chẳng không
Khi tâm ấy chẳng không
Là được tâm chẳng có.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Pháp này chẳng phải ba đế; sắc, không và tâm đều diệt, là pháp vốn vắng lặng, pháp ấy nên là diệt.

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Pháp vốn không tự tánh
Do diệt mà có sinh
Chẳng phải không có sinh
Lại có diệt như vậy.

Bồ-tát Địa Tạng hỏi:

–Tất cả các pháp không sinh, không diệt, vì sao không là một?

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Pháp trụ nơi chỗ không

Tướng thường không, nên không
Gọi tên hai pháp ấy
Là chấp thủ năng, sở.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Tướng của tất cả các pháp không trụ ở hai bên bờ, cũng không dừng lại giữa dòng, tâm thức cũng lại như vậy. Vì sao các cảnh giới từ thức mà sinh? Nếu có thức sinh thì thức ấy cũng theo đó mà sinh. Vì sao thức không sinh lại có chủ thể sinh và đối tượng được sinh?

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Pháp năng sinh, sở sinh
Hai duyên năng, sở này
Tên gọi vốn tự không
Chấp có không như huyễn.
Khi thức còn chưa sinh
Thì cảnh cũng không sinh
Còn khi cảnh chưa sinh
Lúc ấy thức cũng diệt.
Cảnh, thức vốn đều không
Cũng không có hữu, vô
Thức vô sinh cũng không
Làm sao lại có cảnh.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Pháp tướng như vậy, trong ngoài đều không, hai thứ cảnh trí xưa nay vắng lặng. Như Lai đã giảng nói về thật tướng của pháp chân không như thế tức chẳng phải là tập?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Pháp chân thật không sắc, không trụ, chẳng phải là chủ thể tập, chẳng phải là đối tượng được tích tập, ngoài ý nghĩa văn tự, căn bản của một pháp, tích chứa công đức sâu xa.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Chẳng thể nghĩ bàn, tích tập là chẳng thể nghĩ bàn. Bảy mươi lăm pháp không sinh, tám mươi sáu pháp vắng lặng, chín tướng đều không, có không, không có, chẳng không, chẳng có. Như lời Phật dạy pháp, nghĩa đều không, nhập vào không hành, không mất các nghiệp, không có ngã và ngã sở, thân kiến nơi chủ thể và đối tượng phiền não bên trong bên ngoài đều

vắng lặng, các nguyện cũng dứt, như lý quan sát, định tuệ chân như. Thế Tôn thường nói pháp không, chân như tức là lương dược.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy! Vì sao? Vì pháp tánh là không. Tánh không không sinh nên tâm thường không sinh. Tánh Không không diệt, nên tâm thường không diệt. Tánh Không không trụ, nên tâm cũng không trụ. Tánh Không vô vi nên tâm cũng vô vi. Không ấy không có ra vào, xa lìa mọi nẻo được, mất; các ấm, giới, nhập cũng đều là không, tâm chân như không chấp trước cũng lại như vậy.

Này Bồ-tát! Ta nói các pháp không là để đoạn trừ các pháp có.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Biết có chẳng phải là thật, như sóng nắng. Biết thật chẳng phải là không như tánh của lửa sinh. Người quán được như vậy là người có trí tuệ.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Vì sao? Vì người ấy quán chân thật, nhất quán tịch diệt, tướng cùng vô tướng, bình đẳng, không chấp về không để tu pháp không, nên được thấy Phật. Do được thấy Phật mà không theo ba dòng, ở trong Đại thừa nơi ba đường giải thoát, một thể không tánh. Vì vô tánh nên không, vì không nên vô tướng, vô tướng nên vô tác, vô tác nên vô cầu, vô cầu nên vô nguyện, do đó tâm được thanh tịnh. Nhờ tâm thanh tịnh nên được thấy Phật, nhờ thấy Phật nên được sinh vào cõi tịnh. Bồ-tát nơi pháp thâm diệu này, siêng tu ba hóa, định tuệ thành tựu thì siêu việt khỏi ba cõi.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Như Phật dạy! Không sinh, không diệt tức là vô thường. Diệt là sinh diệt, sinh diệt diệt rồi thì tịch diệt là thường, vì thường không đoạn là pháp bất đoạn. Lìa cả ba cõi, pháp động và bất động. Đối với pháp hữu vi tránh xa như hầm lửa, thì nương nơi những pháp gì để xét lại mình, nhập vào một pháp môn?

Đức Phật dạy:

–Này Bồ-tát! Đối với ba việc lớn thì xét về tâm mình, đối với ba đế lớn thì nhập vào một hành.

Bồ-tát Địa Tạng hỏi:

–Thế nào là ba điều nên xét lại về tâm? Thế nào là ba đế nhập vào một hành?

Đức Phật dạy:

–Ba điều lớn: Một là Nhân, hai là quả, ba là thức. Ba điều như vậy vốn từ chỗ không, chẳng phải ngã hay chân ngã, vì sao đối với chúng lại sinh ái nhiễm? Quán xét ba pháp này là phiền não trói buộc khiến trôi lăn trong biển khổ. Do việc này mà phải tự xét lại tâm mình.

Ba đế:

1. Đạo Bồ-đề, là đế (sự thật) bình đẳng, chẳng phải là không bình đẳng.

2. Đại giác chánh trí đạt được sự thật (đế), chẳng phải là trí tà.

3. Định tuệ không khác hành hội nhập nơi sự thật (đế), chẳng phải hội nhập vào các hành xen tạp.

Dùng ba đế này mà tu tập Phật đạo thì người ấy ở nơi pháp này đều đạt được Chánh giác, được trí Chánh giác, tâm Từ hiện bày rất lớn, mình và người đều có lợi ích, được giác ngộ thành Phật.

Bồ-tát Địa Tạng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp này là không nhân duyên. Nếu pháp không duyên thì nhân không sinh khởi, vậy làm sao được nhập vào pháp Như Lai bất động?

Lúc ấy, Như Lai muốn nhắc lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Tướng tất cả các pháp
Tánh Không, không bất động
Pháp ấy lúc như thế
Không sinh khởi như vậy.
Khi không có pháp khác
Chẳng sinh khởi pháp khác
Pháp không động, bất động
Tánh không nên vắng lặng.
Khi tánh không vắng lặng
Pháp ấy hiện đúng lúc
Lìa tướng nên lặng dừng
Lặng dừng nên không duyên.
Các duyên sinh khởi pháp
Pháp ấy không duyên sinh
Không nhân duyên sinh diệt
Sinh diệt tánh vắng lặng.
Duyên tánh, năng sở duyên

Duyên này vốn duyên khởi
Pháp khởi chẳng do duyên.
Duyên chẳng sinh cũng vậy.
Pháp do nhân duyên sinh
Pháp ấy là nhân duyên
Tướng nhân duyên sinh diệt
Pháp thì chẳng sinh diệt.
Pháp như tướng chân thật
Vốn không hề sinh diệt
Đối với các pháp này
Tự nó có sinh diệt.
Vì thế rất thanh tịnh
Vốn chẳng do các lực
Liền ở nơi đời sau
Chứng được pháp đã chứng.

Lúc ấy, Bồ-tát Địa Tạng nghe Phật chỉ dạy, tâm rất vui mừng, biết tâm của đại chúng không còn điều nghi ngờ, nên nói kệ:

Con biết tâm chúng nghi
Vì thế nên cố hỏi
Như Lai, Đấng Đại Từ
Khéo phân biệt dứt hết.
Cả hai chúng ở đây
Tất cả được hiểu rõ
Nay con ở nơi này
Giáo hóa các chúng sinh.
Như Lai, Đấng Đại Bi
Không lìa bỏ bản nguyện
Nên ở cõi nhất tự
An trụ nơi phiền não.

Bấy giờ, Như Lai bảo đại chúng:

–Vị Bồ-tát này là không thể nghĩ bàn, thường đem lòng Từ lớn cứu khổ chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào thọ trì kinh pháp này, thọ trì danh hiệu của Bồ-tát ấy thì không bị rơi vào đường ác, tất cả các chướng nạn đều trừ diệt. Nếu có chúng sinh chuyên trì kinh này, như pháp tu hành thì không còn tạp niệm, được các Bồ-tát thường hóa thân thuyết pháp, luôn luôn ủng hộ người ấy khiến họ mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Bồ-tát các ông, nếu muốn giáo hóa chúng sinh thì phải nên tu tập pháp quyết

định thấu đạt nghĩa như vậy của Đại thừa.

Lúc này, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa Phật:

–Như Lai đã giảng nói về các phước của Đại thừa, quyết định đoạn trừ phiền não, giác lợi vô sinh là không thể nghĩ bàn. Như vậy pháp này gọi là kinh gì? Thọ trì kinh này thì đạt được công đức như thế nào? Xin Đức Phật từ bi giảng nói cho con.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tên gọi của kinh này là Bất Khả Tư Nghì, được các Đức Phật ở quá khứ hộ niệm, có thể nhập vào biển Nhất thiết trí của Như Lai. Nếu có chúng sinh thọ trì kinh này thì ở trong tất cả các kinh không còn mong cầu, vì kinh này bao gồm tất cả pháp, thâu tóm các kinh, là pháp cốt lõi của tất cả kinh. Tên của kinh này là "Nhiếp Đại Thừa", là "Kim Cang Tam-muội", lại gọi là "Vô Lượng Nghĩa Tông". Nếu có người thọ trì kinh này tức được công đức của trăm ngàn chư Phật như vậy, ví như hư không chẳng có biên vực, chẳng thể nghĩ bàn. Ta đã phó chúc về kinh điển này.

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế nào là tâm hành? Làm sao mọi người có thể thọ trì kinh này?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người thọ trì kinh này, tâm không còn được mất, thường tu phạm hạnh. Nếu ở chỗ hý luận tâm thường an lạc tịch tĩnh, vào thôn xóm tâm luôn ở trong định. Nếu ở tại gia, không đắm chấp nơi ba cõi. Người này trong đời hiện tại được năm thứ phước:

1. Được mọi người tôn kính.

2. Thân không bị chết yểu.

3. Giỏi biện đáp với các luận thuyết của ngoại đạo.

4. Thích hóa độ chúng sinh.

5. Được nhập vào Thánh đạo.

Như vậy là người thọ trì kinh này được năm thứ phước đức.

Tôn giả A-nan hỏi:

–Người như vậy, hóa độ các chúng sinh, xứng đáng nhận được sự cúng dường không?

Đức Phật dạy:

–Người ấy có thể làm ruộng phước lớn cho các chúng sinh, thường

hành đại trí, quyền thật đều hiển bày, là Tứ y tăng. Đối với các sự cúng dường cho đến cả đầu, mắt, tủy, não cũng đều được thọ nhận, huống gì là y phục, thức ăn mà chẳng được thọ nhận sao.

Này thiện nam! Người như vậy là bậc tri thức của các ông, là chiếc cầu của các ông, huống hồ là chẳng được hàng phàm phu cúng dường chăng.

Tôn giả A-nan thưa:

–Đối với người thọ trì kinh này mà cúng dường thì người ấy được phước đức ra sao?

Đức Phật dạy:

–Nếu có người đem nhiều vàng bạc đầy thành mà bố thí cũng không bằng người thọ trì kinh này chỉ mỗi một bài kệ bốn câu, cúng dường cho người ấy thì được phước không thể nghĩ bàn. Thiện nam! Người khiến cho các chúng sinh thọ trì kinh này, tâm thường ở trong định không quên mất. Nếu quên mất, tâm liền phải sám hối, pháp của sám hối này là thanh lương.

Tôn giả A-nan thưa:

–Sám hối tội trước, không trở lại quá khứ?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Như trong căn nhà tối, nếu gặp đèn sáng thì bóng tối liền mất. Thiện nam! Không nói ăn năn những tội lỗi trước mà nói là nhập vào quá khứ.

Tôn giả A-nan thưa:

–Thế nào gọi là sám hối?

Phật dạy:

–Nương vào kinh này chỉ dạy mà nhập vào pháp quán chân thật. Một khi nhất tâm nhập vào pháp quán thì các tội được tiêu diệt, lìa xa các đường ác, sẽ được sinh về cõi Tịnh, chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả A-nan và các Bồ-tát, bốn bộ chúng đều vui mừng, tâm được quyết định, đảnh lễ Đức Phật, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-